

GIẢI GONCOURT 2013
PIERRE
LEMAITRE

Nguyễn Duy Bình dịch

hẹn
gặp lại
trên
kia



 
nhà nam HỘI NHÀ VĂN

HẸN GẶP LẠI TRÊN KIA

---* ❖ *---

Tác giả: **Pierre Lemaitre**

Người dịch: **Nguyễn Duy Bình**

Giải **GonCourt** 2013

Phát hành: **Nhã Nam**

Nhà xuất bản **Hội Nhà Văn - 2016**

ebook@vctvegroup

- Tặng Pascaline

Tặng con trai Victor, với tất cả tình thương của bố

*“Anh hẹn em ở trên trời
nơi anh hy vọng Chúa sẽ tái hợp chúng ta.
Hẹn gặp lại trên kia, vợ yêu của anh...”*
Những câu cuối cùng Jean Blanchard đã viết.
Ngày 4 tháng 12 năm 1914

THÁNG MƯỜI MỘT NĂM 1918

1

Những ai nghĩ cuộc chiến này sắp kết thúc đều đã chết từ lâu. Chết vì chiến tranh, đúng thế. Thế nên vào tháng Mười, Albert đón nhận những lời đồn đoán về một hiệp định đình chiến với không ít hoài nghi. Anh cũng chẳng tin những lời đoán già đoán non đó hơn những gì người ta tuyên truyền hồi mới đầu, chẳng hạn như, đạn của bọn Đức mềm đến mức sẽ bét ra như lê nẫu khi chạm vào quân phục, khiến các trung đoàn Pháp cười rú lên. Trong bốn năm, Albert đã chứng kiến cả đồng người chết vì cười khi trúng đạn của Đức.

Anh biết rõ, việc anh không hề tin ngày đình chiến đang đến gần chủ yếu là do mê tín: càng hy vọng hòa bình, người ta càng ít tin tưởng vào những tin tức báo sắp hòa bình, kéo chuyện không may lại đến với mình. Chỉ có điều, ngày lại ngày, những thông tin đó cứ ào tới từng đợt, mỗi lúc một dày thêm, và khắp nơi, mọi người bắt đầu nhắc đi nhắc lại rằng chiến tranh thực sự sắp kết thúc. Người ta còn đọc cả những bài diễn văn, không mấy đáng tin, về sự cần thiết phải cho phục viên những người lính già nhất đã lăn lộn trên mặt trận từ nhiều năm nay. Khi cuối cùng đình chiến đã trở thành một viễn cảnh hợp lý thì niềm hy vọng sống sót trở về từ cuộc chiến bắt đầu gặm nhấm những người bi quan nhất. Chính vì thế, chẳng ai còn hồ hởi với chuyện tấn công nữa. Người ta bảo, Sư đoàn bộ binh 163 sắp sửa tiến công mạnh mẽ phía bên kia sông Meuse. Một số người vẫn nhắc chuyện đánh địch, nhưng nói chung, từ dưới nhìn lên, nghĩa là từ phía Albert và các đồng đội, từ sau chiến thắng của phe Liên minh ở vùng Flandres, giải phóng Lille, quân Áo tháo chạy và quân Thổ đầu hàng, lính tráng bớt nhiệt huyết đi rất nhiều so với đám sĩ quan. Quân Ý tấn công thắng lợi, người Anh ở Tournai, người Mỹ ở Châtillon... ai cũng thấy mình đang thắng thế. Phần lớn đơn vị bắt đầu câu giờ và có một ranh giới rất rõ giữa những

người, như Albert, sẵn sàng chờ đến khi chiến tranh kết thúc, điềm tĩnh ngồi đó với đồng quân trang, hết hút thuốc lại viết thư, và những người nóng lòng tận dụng những ngày cuối cùng để chiến đấu thêm chút nữa với bọn lính Đức.

Ranh giới này trùng khít với ranh giới ngăn cách giữa các sĩ quan và những người khác. Chẳng có gì mới sất, Albert tự nhủ. Các sếp muốn đánh chiếm được càng nhiều càng tốt, cốt để ở thể thượng phong khi ngồi vào bàn đàm phán. Họ sẵn sàng quả quyết rằng chiếm được ba mươi mét có thể thực sự thay đổi kết cục cuộc chiến, rằng chết hôm nay còn có ích hơn chết hôm qua.

Trung úy d'Aulnay-Pradelle thuộc hạng người này. Khi nói về y, mọi người đều bỏ luôn tên, tiểu từ “de”, bỏ “Aulnay”, cái gạch ngang và chỉ gọi là “Pradelle”, biết tổng là y sẽ nổi khùng. Họ tha hồ đùa bỡi để giữ thể diện, y không bao giờ bộc lộ thái độ của mình. Phản ứng đẳng cấp. Albert chẳng ưa gì y. Có thể vì y đẹp trai. Một gã cao ráo, dáng người mảnh khảnh, lịch lãm, mái tóc nâu sẫm dày xoăn, mũi thẳng, đôi môi mỏng tuyệt mỹ. Còn đôi mắt thì xanh sẫm. Với Albert, y là một tay mặt dày mày dạn. Vẻ mặt lại còn luôn tỏ ra giận dữ. Một tay tính tình nôn nóng, không biết đến tốc độ trung bình: hoặc nhấn ga hoặc đạp phanh; không có đoạn giữa. Y đi mà vai luôn chúi về phía trước như muốn đẩy đồ đạc đi, y sấn tới bạn nhanh như cắt rồi ngồi thịch xuống, đó là nhịp độ quen thuộc của y. Mà sự pha trộn này cũng lạ: bề ngoài quý tộc, y có vẻ vừa văn minh kinh khủng lại vừa thô lỗ về bản chất. Hao hao giống cuộc chiến này. Hẳn vì thế mà y rất hợp với nó. Cộng thêm với dáng vẻ đó, môn bơi xuồng, hẳn thế, và môn quần vợt nữa.

Một thứ nữa mà Albert không ưa, là lông lá của y. Lông gì mà đen, mọc khắp nơi, đến đốt ngón tay cũng có, từng túm chui cả ra ngoài cổ áo, đến tận dưới yết hầu. Thời bình, hẳn là mỗi ngày y phải cạo râu đến vài lần để khỏi có vẻ ám muội. Chắc là có nhiều đàn bà ấn tượng trước kiểu lông lá ấy, cái khía cạnh đàn ông, dữ tợn, nam tính hơi hướm Tây Ban Nha ấy. Chỉ riêng Cécile đã... Tóm lại, kể cả không nhắc tới Cécile, Albert cũng không

tài nào ưa được y, gã trung úy Pradelle đó. Mà chủ yếu là đề phòng. Bởi y thích đánh đấm. Y thật sự khoái xung kích, tấn công, đánh chiếm.

Đây là thời gian gần đây, y còn kém hoạt bát hơn thường lệ. Rõ ràng viễn cảnh về hiệp định đình chiến khiến y thối chí tụt cùng, khiến lòng nhiệt tình yêu nước của y khựng lại. Chỉ nghĩ đến chiến tranh kết thúc thôi là y phát ngấy.

Y tỏ ra nôn nóng một cách đáng lo ngại. Lính tráng thiếu tinh thần chiến đấu khiến y tức tối. Khi y đi dọc ngang khắp các giao thông hào và nói chuyện với lính, dù đã cố gắng dốc toàn bộ lòng nhiệt tình của y vào lời nói, gợi đến việc quân địch sẽ bị nghiền nát trong cuộc tấn công cuối cùng, cũng là đòn chí mạng đối với chúng, nhưng y cũng chỉ nhận được những tiếng càu nhàu khá mơ hồ, đám lính thận trọng gục gặc cái đầu, mặt cúi gằm nhìn xuống mũi giày đinh. Không chỉ là sợ chết, mà còn là ý nghĩ chết vào lúc này. Chết sau cùng, Albert nghĩ bụng, thì cũng như chết đầu tiên, chẳng có gì ngu ngốc hơn.

Thế mà đó chính là điều sắp xảy ra.

Cho đến tận lúc này, trong khi chờ đợi hiệp định đình chiến, người ta đang sống những ngày khá yên bình thì bỗng dưng mọi chuyện rối tung lên. Lệnh trên đưa xuống yêu cầu phải theo dõi sát sao những gì bọn Đức đang làm. Tuy nhiên, chẳng cần phải tưởng tá gì cũng hiểu bọn chúng, cũng như người Pháp thôi, đang chờ kết thúc. Dầu thế vẫn phải đi xem sao. Từ lúc đó, không ai còn có thể tái lập diễn biến các sự kiện một cách chính xác nữa.

Để thực hiện nhiệm vụ thám sát này, trung úy Pradelle chọn Louis Thérioux và Gaston Grisonnier, khó mà biết tại sao, một trẻ và một già, phải chăng đó là sự kết hợp giữa sức mạnh và kinh nghiệm. Dầu sao, những phẩm chất này cũng vô ích, bởi cả hai người đó đều chỉ sống chưa đầy nửa tiếng đồng hồ sau khi được giao nhiệm vụ. Thông thường, họ không phải tiến quá xa. Chỉ cần men theo đường Đông Bắc, được hai trăm mét thì cắt vài nhát kéo, sau đó trườn đến hàng rào thép gai thứ hai, ngó một cái rồi quay lại nói là mọi việc ổn thỏa, bởi chắc chắn chẳng có gì mà xem cả. Mà

hai người lính đó cũng không hề lo lắng khi đến gần quân địch như thế. Cứ theo hiện trạng mấy ngày qua mà xét thì dù có thấy họ, bọn Đức cũng để mặc họ nhìn rồi quay về, như một trò tiêu khiển, chỉ có điều, khi đang trườn tới, người cúi rạp, hai trinh sát đã bị bắn. Tiếng đạn rít, ba phát, rồi im lặng rất lâu; với bên địch thì vụ việc đã xong xuôi. Ngay lập tức, người ta đi tìm họ, nhưng bởi họ đi mé Bắc nên người ta không xác định được nơi họ đã ngã xuống.

Xung quanh Albert, mọi người đều sững sờ không nói nên lời. Rồi có những tiếng hét. Đều cáng. Bọn Đức vẫn thế, lũ xấu xa bản thiêu! Bọn đã man, v.v... Lại còn một trẻ một già nữa chứ! Chẳng thay đổi được gì, nhưng trong tâm trí mọi người, bọn Đức không chỉ giết hai lính Pháp, với họ, bọn chúng đã bắn hạ hai biểu tượng. Nói tóm lại, một cơn thịnh nộ đích thực.

Trong những phút tiếp theo, với sự mau lẹ hiếm thấy, từ hậu phương, lính pháo binh nã những loạt 75 ly về phía phòng tuyến Đức, chẳng hiểu họ đã được báo tin như thế nào.

Sau đó, rồi như tờ vò.

Quân Đức đáp trả. Về phía Pháp, không mất nhiều thời gian để tập hợp đủ quân số. Ta sẽ tính sổ với chúng, bọn chó má. Hôm đó là ngày 2 tháng Mười một năm 1918. Người ta vẫn chưa biết, chỉ còn chưa đầy mười ngày nữa là hết chiến tranh.

Mà lại tấn công đúng vào ngày Lễ các linh hồn nữa chứ. Mặc dù đã không quan tâm quá mức đến các biểu tượng...

Và chúng ta lại một lần nữa được thăng yên cương, Albert nghĩ bụng, sẵn sàng bước lên đoạn đầu đài (người ta thường gọi những bậc thang để lên khỏi giao thông hào như thế, không phải chuyện phối cảnh) và lao đầu vào phòng tuyến địch. Tất cả các gã trai xếp hàng dọc, căng như dây cung, khó nhọc nuốt nước bọt. Albert đứng thứ ba, sau Berry và Péricourt trẻ tuổi, anh chàng này quay người lại như để kiểm tra xem mọi người đã có mặt cả chưa. Ánh mắt họ gặp nhau, Péricourt cười với anh, nụ cười của một đứa trẻ sắp bùng một câu bông đùa thú vị. Albert cũng cố cười mà không

cười nổi. Péricourt về lại tư thế cũ. Họ chờ lệnh tấn công, ai cũng tỏ rõ sự bồn chồn lo lắng. Phần nộ trước thái độ của bọn Đức, giờ đây lính Pháp đang tập trung vào cơn cuồng nộ của chính mình. Trên đầu họ, đạn pháo rạch bầu trời theo hai hướng và làm rung chuyển mặt đất, cả trong những giao thông hào.

Albert nhìn qua vai Berry. Trung úy Pradelle, đã leo lên cái đồn tiền tiêu bé tí, chăm chăm nhìn về phòng tuyến địch qua ống nhòm. Albert về lại tư thế trong đội hình. Nếu không quá ồn ào đến thế, hẳn anh đã có thể nghĩ đến những điều đang làm anh lo phiền, nhưng những tiếng rít đinh tai nhức óc nối tiếp nhau, bị cắt ngang bởi những tiếng nổ long trời lở đất khiến ta không phải run rẩy từ đầu đến chân. Các bạn cứ thử tập trung tinh thần trong hoàn cảnh đó xem.

Lúc này, lính tráng đang chờ lệnh tấn công. Một dịp không tồi để quan sát Albert.

Albert Maillard. Đó là một chàng trai mảnh khảnh, tính tình hơi bạc nhược, kín đáo. Anh ít nói, hợp với các con số. Trước chiến tranh, anh làm thủ quỹ cho một chi nhánh của Ngân hàng Liên hiệp Paris. Anh không thích công việc này lắm nhưng vẫn làm vì mẹ. Bà Maillard chỉ có một con trai và bà ngưỡng mộ các ông chủ. Thế nên tất nhiên, Albert là ông chủ của một ngân hàng, chứ còn gì nữa, bà hồ hởi ngay, tin chắc rằng “với trí thông minh của thằng bé”, anh sẽ chẳng mấy chốc mà lên đến đỉnh cao. Thói ham hố quyền lực ấy bà được thừa hưởng từ người cha, vốn là trợ lý phó chánh văn phòng ở Bộ Bưu điện, người coi tôn ti trong cơ quan mình như một ẩn dụ về thế giới. Bà Maillard thích tất cả các ông chủ, không ngoại lệ. Bà không so đo về phẩm chất hay gốc gác của họ. Bà có những tấm hình chụp Clemenceau, Maurras, Poincaré, Jaurès, Joffre, Briand*... Từ ngày bà mất chồng, vốn là chỉ huy một đội bảo vệ mặc đồng phục tại Bảo tàng Louvre, những người nổi tiếng luôn mang lại cho bà những cảm giác chưa từng có. Albert không mấy hào hứng với ngành ngân hàng, nhưng anh cứ để mẹ nói gì thì nói, mà với mẹ anh, làm thế là tốt nhất. Dẫu sao, anh cũng đã bắt đầu lên kế hoạch cho mình. Anh muốn ra đi, anh từng muốn đến Bắc Kỳ,

những ước muốn đúng là khá mơ hồ. Dù gì cũng phải bỏ nghề kế toán và làm việc gì khác. Nhưng Albert không phải kiểu người nhanh nhẹn, việc gì với anh cũng cần có thời gian. Thế rồi rất nhanh, anh có Cécile, ngay lập tức là đam mê cháy bỏng, cái miệng của Cécile, nụ cười của Cécile, và tất nhiên sau đó là bầu vú của Cécile, bộ mông của Cécile, làm sao mà nghĩ đến chuyện khác được nữa.

Với chúng ta, ở thời nay, Albert Maillard có vẻ không cao cho lắm, một mét bảy mươi ba, nhưng vào thời đó, như thế đã là khá rồi. Đám con gái thời ấy thường ngắm nhìn anh. Nhất là Cécile... Đúng ra... Albert đã ngắm nhìn Cécile rất nhiều và một thời gian sau, vì cứ bị nhìn chăm chăm như vậy, gần như liên tục, tất nhiên, cô đã nhận ra là anh tồn tại và đến lượt mình, cô nhìn lại anh. Anh có gương mặt dễ làm người khác mỉm lòng. Một viên đạn đã sượt qua thái dương bên phải của anh trong trận Somme. Anh đã rất sợ, nhưng thoát chết, chỉ bị một vết sẹo hình dấu ngoặc đơn làm mắt anh hơi lệch về một bên, trông càng ra dáng. Vào lần nghỉ phép tiếp theo của anh, Cécile, mơ mộng và bị mê hoặc, đã vuốt ve vết sẹo bằng đầu ngón tay trở, nhưng điều đó cũng chẳng làm cho tinh thần anh tốt hơn là bao. Hồi bé, mặt Albert nhỏ, tái xanh, tròn tròn, mí mắt sùm sụp khiến anh có vẻ mặt của Pierrot*—buồn bã. Bà Maillard nhịn ăn để anh được ăn thịt đỏ, bà tin chắc da anh trắng là vì thiếu máu. Mặc dù Albert đã giải thích với mẹ hàng nghìn lần là không phải, nhưng mẹ anh không phải kiểu người dễ thay đổi quan điểm, bà luôn tìm ra hết thí dụ đến lý lẽ, bà vô cùng sợ mình sai, thậm chí trong những bức thư của mình, bà vẫn thường lật lại những điều đã xảy ra nhiều năm trước đó, quả là khó chịu. Không biết có phải vì thế mà Albert tòng quân ngay khi chiến tranh mới bắt đầu. Biết được tin đó, bà Maillard hét toáng lên, nhưng bà vốn là người phụ nữ có năng khiếu trình diễn tốt đến mức không thể nào phân biệt được ở bà đâu là khiếp sợ, đâu là diễn kịch. Bà gào lên, vò đầu bứt tóc rồi lại định thần rất nhanh. Vì có quan niệm khá cổ điển về chiến tranh, nên bà sớm tin tưởng rằng Albert, “với trí thông minh của thằng bé”, sẽ chẳng mấy chốc mà tỏa sáng, lên lon, bà hình dung anh ra trận, xung phong. Trong tâm trí bà, anh đang thực hiện một

hành động anh hùng, anh sẽ sớm thành sĩ quan, đại úy, thiếu tá, hoặc hơn nữa, được phong tướng, đó là những thứ người ta thường thấy ở chiến tranh. Albert kệ bà nói gì thì nói và sửa soạn va li.

Với Cécile thì lại rất khác. Cô không sợ chiến tranh. Thứ nhất, đó là một “nghĩa vụ yêu nước” (Albert ngạc nhiên lắm, chưa bao giờ anh nghe cô nói những từ đó), với lại, thực sự không có lý do gì để mà sợ cả, đó hầu như chỉ là một thủ tục. Ai cũng nói thế.

Bản thân Albert thì có chút nghi hoặc, nhưng rồi cuộc Cécile hơi giống bà Maillard, cô ít nhiều có những định kiến. Nghe cô nói thì chiến tranh sẽ không kéo dài. Albert cũng không phải không tin cô; Cécile có nói gì đi nữa thì với đôi bàn tay ấy, cái miệng ấy, tất cả những thứ ấy, cô có thể nói với anh bất cứ điều gì. Sẽ không thể hiểu nếu không biết con người cô, Albert nghĩ bụng. Với chúng ta thì cô Cécile này chỉ là một cô gái xinh đẹp, không hơn không kém. Nhưng với anh lại hoàn toàn khác. Từng lỗ chân lông trên làn da Cécile đều được hình thành từ một phân tử đặc biệt, hơi thở cô có mùi hương đặc biệt. Cô có đôi mắt màu lam, ừ thì với các bạn điều đó chẳng có nghĩa lý gì, nhưng với Albert thì đôi mắt đó là một hố sâu, một vực thẳm. Này, hãy thưởng thức khuôn miệng ấy, đặt mình vào vị trí của Albert chỉ trong giây lát mà xem. Từ khuôn miệng đó, anh đã đón nhận những nụ hôn sao mà nồng cháy, dịu dàng, khiến bụng anh quặn lên, muốn nổ tung, anh cảm nhận nước miếng cô chảy trong miệng mình, anh uống hết với niềm đam mê cháy bỏng, cô có thể thực hiện những điều kỳ diệu đến mức Cécile không chỉ là Cécile. Cô còn là... Thế nên cô mới có thể đoán chắc rằng chiến tranh ấy à, ta chỉ làm một ngụm là hết, Albert ước ao biết bao mình trở thành một ngụm của Cécile...

Bây giờ, dĩ nhiên, anh nhìn nhận mọi sự khác đi. Anh biết chiến tranh chẳng là gì khác ngoài một cuộc quay xổ số bất tận bằng đạn thật^{*}, và sống sót được sau bốn năm ở đó thì, về cơ bản, đã là điều kỳ diệu.

Và bị chôn sống khi chỉ còn cách hồi kết của chiến tranh có vài sai cấp thì, thẳng thắn mà nói, đúng là xui tận mạng.

Mặc dầu thế, đó đúng là điều sắp xảy ra.

Nhóc con Albert bị chôn sống.

Lỗi do “không may”, mẹ anh hẳn sẽ nói thế.

Trung úy Pradelle quay lại với đội quân của mình, mắt y dán chặt vào mắt những anh lính đứng đầu, cả bên phải và bên trái y, họ chăm chăm nhìn y như thể y là Chúa cứu thế. Y lắc đầu và hít thở.

Vài phút sau, Albert khom lưng chạy trong cảnh tượng của ngày tận thế, ngụp lặn dưới làn đạn pháo và đạn rít, tay siết chặt vũ khí, bước chân nặng nề, cổ rụt vào giữa hai vai. Đất cộm lên dưới đế giày vì mấy ngày vừa qua mưa nhiều. Bên cạnh anh, vài gã gào lên như điên, để thêm hăng say, để lấy can đảm. Những gã khác thì ngược lại, cũng tiến lên như anh, đầu óc tập trung, bụng hóp lại, cổ họng khô khốc. Tất cả cùng lao về phía kẻ thù, được vũ trang bằng cơn giận dữ tối hậu, bằng khát khao trả thù. Đúng ra, đó có thể là tác hại của việc thông báo hiệp định đình chiến. Họ đã phải chịu đựng biết bao và chừng nào còn thấy cuộc chiến này kết thúc như thế, với bao nhiêu đồng đội ngã xuống và bao nhiêu kẻ thù còn sống, họ gần như muốn tàn sát, kết thúc nó một lần cho xong. Họ sẵn sàng làm cho bất cứ ai đổ máu.

Ngay cả Albert, vốn khiếp sợ khi nghĩ đến cái chết, cũng sẽ moi ruột luôn thẳng đầu tiên xuất hiện. Thế nhưng, trở ngại không phải ít; trong lúc chạy, anh đã phải chệch dần về bên phải. Lúc đầu, anh theo đường đi mà viên trung úy đã xác định, nhưng dưới làn đạn và đạn pháo như thế, anh buộc phải chạy ngoằn ngoèo. Nhất là khi Péricourt, người chạy ngay trước mặt anh, vừa bị trúng đạn, đã gần như khụy xuống, Albert chỉ kịp nhảy qua. Anh mất thăng bằng, theo đà chạy thêm được vài mét rồi ngã xuống thi thể lão Grissonnier, cái chết bất ngờ của lão đã phát tín hiệu xuất phát cho cuộc tàn sát cuối cùng này.

Dù đạn đang rít khắp xung quanh, nhưng khi thấy lão nằm đó, Albert dừng phắt lại.

Anh nhận ra chiếc áo ca pốt của lão bởi lão luôn đeo thứ đó trên khuy áo, đỏ chói, “Bắc đầu bội kinh”^{*} của tôi đấy, lão thường bảo thế. Grissonnier không phải là một người tinh tế cho lắm. Không tế nhị nhưng trung hậu, ai

cũng quý lão. Chính là lão, không nghi ngờ gì nữa. Cái đầu to tướng của lão đã cắm sâu vào trong bùn và phần còn lại của thi thể lão trông như đồ vật xuống. Ngay bên cạnh lão, Albert nhận ra anh lính trẻ hơn, Louis Thérioux. Cơ thể anh ta cũng bết bùn, nằm co quắp như một bào thai. Thật là cảm động khi người ta chết ở tuổi đó, trong một tư thế như vậy...

Albert không biết mình bị làm sao, theo trực giác, anh nắm lấy vai lão già rồi đẩy. Xác chết nặng nề lắc lư rồi ngã sấp xuống. Với Albert, phải mất vài giây mới nhận ra. Rồi sự thật đập vào mắt anh: khi tiến về phía kẻ thù, ta không thể chết bởi hai viên đạn cắm vào lưng.

Anh bước qua xác chết, đi vài bước, người vẫn cúi thấp, không hiểu tại sao, bởi vì dù đứng thẳng hay cúi xuống thì cũng vẫn trúng đạn như chơi, nhưng đó là phản xạ để giảm khả năng trúng đạn, như thế người ta luôn chiến đấu trong nỗi sợ ông trời. Giờ anh đang ở trước thi thể của Louis trẻ tuổi. Anh nắm siết bàn tay đang đưa lên gần miệng, điên thật, trông cậu ta trẻ quá, gì chứ, hai mươi hai tuổi. Albert không nhìn thấy khuôn mặt vấy đầy bùn của cậu. Anh chỉ thấy cái lưng. Một viên đạn. Với hai viên đạn của ông lính già nữa là ba. Con số chính xác.

Khi đứng dậy, Albert vẫn còn ngỡ ngác trước phát hiện này. Về ý nghĩa của nó. Vài ngày nữa là đình chiến, lính tráng chẳng còn hào hứng đi trêu chọc bọn Đức, cách duy nhất để thúc họ xung trận, đó là chọc tức họ: thế thì Pradelle ở đâu khi hai người này bị bắn sau lưng?

Lạy Chúa.

Sửng sốt trước nhận định ấy, Albert quay lại và phát hiện lúc đó, cách vài mét, trung úy Pradelle đang lao vào anh với tốc độ nhanh nhất, trong bộ quần áo kỳ cục nặng nề.

Động tác của y rất cương quyết, đầu y thẳng băng. Thứ mà Albert thấy rõ nhất, chính là ánh mắt sáng và thẳng của y. Vô cùng cương quyết. Tất cả bỗng dưng bùng sáng, toàn bộ câu chuyện.

Đó chính là lúc Albert hiểu rằng mình sắp chết.

Anh cố bước vài bước, nhưng không thứ gì có thể cử động được nữa, cả đầu óc anh, cả đôi chân anh. Mọi thứ diễn ra quá nhanh. Tôi đã nói với bạn,

Albert không phải là người nhanh nhẹn. Chỉ sau ba bước, Pradelle đã lao vào anh. Ngay bên cạnh, một hố rộng toang hoác, một hố pháo. Albert bị vai của viên trung úy thúc ngay vào ngực, anh đứt cả hơi. Anh mất chân trụ, cố gượng dậy rồi ngã ngửa xuống hố, hai tay bắt tréo.

Như trong cảnh quay chậm, vừa ngã xuống hố anh vừa thấy gương mặt và ánh mắt Pradelle xa dần, giờ đây anh hiểu rằng trong ánh mắt đó có tất cả những gì là thách thức, quả quyết và khiêu khích.

Khi chạm đáy hố, Albert lăn một vòng, hơi bị vướng víu bởi quân trang. Anh móc chân vào khẩu súng, nhóm dậy được và ngay lập tức dựa mình vào vách dốc, như thể vội vàng dựa lưng vào cánh cửa vì sợ bị nghe thấy hay bắt quả tang. Dồn trọng lực vào hai gót chân (đất sét trơn như xà phòng), anh cố lấy hơi. Những ý nghĩ của anh, ngăn ngui và lộn xộn, không ngừng trở lại với ánh mắt lạnh lùng của trung úy Pradelle. Phía trên, trận đánh như chậm lại, bầu trời lốm đốm những chòm hoa. Vòm trời trắng như sữa rục sáng những quầng xanh lơ hoặc da cam. Đạn pháo hai bên rơi như ở trận Gravelotte, trong tiếng âm âm liên tục và dày đặc của những đạn rít và pháo nổ. Albert ngược mắt lên. Trên kia, sừng sững chìa ra bên miệng hố như thần chết, nổi bật lên vóc dáng cao lớn của trung úy Pradelle.

Albert có cảm giác đã ngã rất lâu. Thực ra, khoảng cách giữa họ cùng lắm cũng chỉ đến hai mét. Hẳn là ít hơn. Nhưng đó là cả sự khác biệt. Trung úy Pradelle ở phía trên, chân giạng ra, hai tay chắc chắn chống nạnh. Phía sau y, lửa đạn vẫn chói lòa liên tục. Y bình thản nhìn xuống đáy hố. Bất động. Y nhìn Albert chăm chăm, một nụ cười mơ hồ nở trên môi. Y sẽ không làm bất cứ động tác nào để kéo anh lên. Albert uất ức, choáng váng, anh tóm lấy khẩu súng, trượt tay, túm lại vừa kịp, tì súng lên vai, nhưng khi chĩa được súng lên miệng hố thì không còn ai nữa. Pradelle đã biến mất.

Albert còn lại một mình.

Anh buông súng, cố hít hơi thứ hai. Có lẽ anh không nên chờ và ngay lập tức trèo lên dốc hố, đuổi theo Pradelle, bắn vào lưng y, nhào tới bóp cổ y. Hoặc tìm gặp những đồng đội khác, nói với họ, hét toáng lên, làm cái gì đó, anh cũng không biết là gì. Nhưng anh cảm thấy rất mệt. Cơn kiệt sức xâm

chiếm anh. Bởi vì tất cả những chuyện này thật ngớ ngẩn. Như thể anh đã đặt va li xuống, như thể anh đã tới nơi. Anh muốn trèo lên trên kia mà không được. Chỉ tí chút nữa thôi là anh có thể đoạn tuyệt với cuộc chiến này, thế mà anh lại đang ở đây hốt. Không phải ngồi, mà là đổ sụp, hai tay ôm đầu. Anh cố phân tích tình hình một cách chính xác, nhưng tinh thần anh vừa tan chảy. Như món nước quả có đá vậy. Một trong những loại mà Cécile yêu thích, nước chanh, loại nước khiến cho cô nghiện rãng với điệu bộ của con mèo nhỏ, khiến cho Albert muốn ôm ghì cô vào lòng. À mà, bức thư cuối cùng Cécile gửi là khi nào nhỉ? Cả điều này cũng làm anh kiệt sức. Anh không nói với ai về chúng: những lá thư của Cécile ngày càng ngắn hơn. Bởi chiến tranh sắp sửa kết thúc, cô viết thư cho anh như thể chiến tranh đã kết thúc hoàn toàn, chẳng cần phải dông dài làm gì nữa. Đối với những người có gia đình đông đủ thì không phải vậy, họ luôn nhận được thư, nhưng Albert, anh chỉ có Cécile... Đúng là còn có mẹ anh, nhưng bà còn khiến anh mệt hơn những thứ khác. Những bức thư cũng giống như cách trò chuyện của bà, giá bà có thể thay anh quyết định mọi thứ... Chính tất cả những điều đó đã gặm nhấm anh, khiến anh mòn mỏi, thêm vào đó là tất cả những người bạn đã chết của anh và anh không muốn nghĩ quá nhiều về họ. Anh đã sống qua những khoảnh khắc nản lòng, nhưng chuyện này xảy ra không đúng lúc tí nào. Đúng vào thời điểm có thể anh cần đến toàn bộ sức lực của mình. Anh không thể nói vì sao, có gì đó trong anh bỗng buông lơi. Trong lòng anh cảm thấy thế. Giống như nổi mọt mối rã rời và nặng nề như đá. Một sự cự tuyệt, một cái gì đó vô cùng thụ động và thanh thản. Như sự kết thúc của một cái gì đó. Lúc đăng lính, khi cố tưởng tượng chiến tranh là gì, như nhiều người khác, anh thầm nghĩ khi gặp khó khăn thì chỉ cần giả chết. Anh sẽ khụy xuống, hoặc thậm chí, để cho thật giống, anh sẽ gào lên một tiếng và giả vờ bị trúng đạn vào tim. Sau đó, anh chỉ cần nằm dài và chờ cho mọi việc yên ắng trở lại. Đêm đến, anh sẽ trườn tới thi thể một đồng đội khác, người này thì chết thật, rồi sẽ lấy cặp giấy tờ của anh ta. Sau đó anh sẽ tiếp tục trườn, trườn hàng giờ như thế, dừng lại và nín thở khi nghe thấy tiếng người trong đêm. Cứ thế, anh sẽ vô cùng thận trọng tiến lên cho đến khi tìm được đường lên phía Bắc (hoặc xuống phía Nam,

tùy tình hình). Vừa đi, anh sẽ vừa đọc thuộc lòng tất cả các thông tin về nhân thân mới của mình. Rồi anh sẽ bắt gặp một đơn vị bị lạc mà viên hạ sĩ, một tay cao lớn có... Nói tóm lại, như ta đã thấy, với một thủ quỹ ngân hàng thì đầu óc Albert khá là lãng mạn. Chắc hẳn những ảo tưởng của bà Maillard đã ảnh hưởng đến con trai mình. Khi cuộc chiến mới bắt đầu, anh thổ lộ ảo tưởng đa cảm này với nhiều người. Anh thấy những đội quân nai nịt trong những bộ quân phục màu đỏ xanh dàn hàng sát cánh bên nhau tiến về phía kẻ thù đang hoảng sợ. Những anh lính giương lưỡi lê sáng loáng trong khi những đụn khói tản mát tỏa ra từ vài quả pháo khăng định thất bại của kẻ thù. Suy cho cùng, Albert đã lao vào một cuộc chiến theo phong cách Stendhal để rồi thấy mình ở trong cảnh giết chóc tầm thường và man rợ, cướp đi mạng sống của hàng nghìn người mỗi ngày trong vòng năm mươi tháng. Để hiểu được điều đó, chỉ cần đứng lên một chút, nhìn cảnh tượng xung quanh hố pháo: một vùng đất mà cây cỏ đã hoàn toàn biến mất, lỗ chỗ hàng nghìn hố đạn pháo, lác đác hàng trăm thi thể đang trong quá trình phân hủy, mùi hôi thối bốc lên khiến bạn muốn lộn mửa suốt ngày. Lần đầu tiên chiến trường tạm lắng, những con chuột to như thỏ rừng quấy nhiễu đã man từ xác chết này đến xác chết khác để tranh giành với lũ ruồi phần thi thể đã bị dòi bọ đục khoét. Albert biết tất cả những thứ đó bởi anh từng khiêng cáng ở Aisne và vì, khi không thấy những người bị thương đang rên rỉ hay gào thét nữa, anh thu lượm đủ loại xác chết, ở mọi cấp độ thối rữa. Về khoản này anh rất rành. Với anh, vốn là người rất nhạy cảm, đó là một công việc bạc bẽo.

Và quả là đỉnh điểm của vận rủi với một người lát nữa thôi sẽ bị chôn sống: anh có chút triệu chứng sợ chỗ kín.

Lúc còn bé, chỉ cần nghĩ đến việc mẹ có thể đóng cửa phòng mình trước khi ra ngoài là anh đã thấy cơn buồn nôn dâng lên. Anh không nói gì, vẫn nằm, anh không muốn làm cho mẹ buồn, bà luôn phân bua với con rằng bà đã khổ quá nhiều. Nhưng anh rất nhạy cảm với ban đêm và bóng tối. Ngay cả sau này, cách đây không lâu, bên cạnh Cécile, khi họ nghịch ngợm trong chăn. Khi thấy mình bị phủ kín mít, anh ngạt thở, nổi hoảng sợ xâm chiếm

anh. Đã thế, thỉnh thoảng Cécile lại còn dùng hai chân riết anh để giữ anh lại. Để xem nào, cô vừa nói vừa cười. Tóm lại, chết ngạt có lẽ là cái chết đáng sợ nhất đối với anh. May mà anh không nghĩ tới, nếu không, so với những gì đang chờ đợi anh, thì làm tù nhân cho cặp đùi mịn màng của Cécile, dù đầu có chui trong chăn, vẫn còn là thiên đường. Nếu nghĩ đến điều đó, có lẽ Albert chỉ muốn chết quách cho rồi.

Vả lại, điều này cũng không hẳn là tệ, bởi đó là chuyện sắp xảy ra. Nhưng không phải ngay bây giờ. Lát nữa, khi quả pháo quyết định nổ cách chỗ anh trú ẩn vài mét, tầng đất cao như một bức tường được bốc lên và đổ ụp xuống, phủ hết người anh, anh sẽ chẳng còn sống được bao lâu, dầu sao, như thế cũng quá đủ để thực sự nhận ra chuyện gì đang xảy đến với anh. Albert sẽ khát khao sống sót, một khát khao hoang dã như khát khao của những con chuột trong phòng thí nghiệm khi bị người ta túm lấy hai chân sau, hay khát khao của những con lợn người ta sắp chọc tiết, những con bò người ta sắp giết mổ, một kiểu khát cự mang tính nguyên thủy... Phải chờ một chút để có được khát khao đó. Chờ cho phổi trắng ra tìm kiếm không khí, chờ cho cơ thể kiệt sức trong nỗ lực tuyệt vọng để thoát ra, chờ cho đầu óc muốn nổ tung, cho trí não bị cơn điên xâm chiếm, chờ cho... thôi không nói trước nữa.

Albert quay lại, nhìn lên trên một lần cuối, thực ra cũng không đến nỗi xa lắm. Chỉ có điều quá xa với anh. Anh cố gom hết sức lực, không nghĩ gì khác ngoài chuyện trèo lên, ra khỏi hố pháo này. Anh nhặt quân trang và khẩu súng lên, búi tay vào, và dù rất mệt, anh bắt đầu leo lên dốc. Thật không dễ. Chân anh cứ trượt mãi, trượt mãi trên đất sét bùn lầy, không tìm được chỗ bấu, mặc dù anh đã thọc ngón tay vào đất, lấy hết sức bấm mũi chân thật chặt cốt để giữ lấy chỗ vừa bám được, nhưng chẳng ích gì, anh lại rơi xuống. Thế là anh thả cả súng và ba lô xuống. Giả sử có phải cởi bỏ hết quần áo thì anh cũng không ngần ngại. Anh áp người vào vách hố và tiếp tục trườn, động tác của anh chẳng khác gì một con sóc trong chuồng, anh cào vào khoảng không và lại rơi xuống vẫn chỗ đó. Anh hì hà hì hục, rên rỉ rồi gào lên. Nỗi kinh hoàng xâm chiếm anh. Anh cảm thấy nước mắt dâng

lên, đâm vào bức tường đất sét. Miệng hố có cao lắm đâu, mẹ kiếp, nếu giơ tay lên cũng có thể chạm gần đến đó, nhưng để giày anh cứ trượt, lên được một phân rồi lại tụt một phân. Phải thoát ra khỏi cái hố chết tiệt này! anh hét lên. Và anh sẽ làm được. Chết cũng được, một ngày nào đó, nhưng không phải bây giờ, không, như thế thì quá ngu xuẩn. Anh sẽ thoát ra khỏi cái hố này và sẽ tìm gã trung úy Pradelle, dẫu có phải đến tận chỗ bọn Đức, anh cũng sẽ tìm ra và giết chết y. Ý nghĩ về việc bắn chết thằng đêú ấy khiến anh can đảm hơn.

Anh dừng lại một lát trước phát hiện đáng buồn này: từ hơn bốn năm nay, bọn Đức dẫu cố cũng không thể giết được anh, thế mà một sĩ quan Pháp lại sắp làm được việc ấy.

Mẹ kiếp.

Albert quỳ gối và mở ba lô. Anh lôi hết ra, lấy cái ca đặt giữa hai chân, anh sẽ căng chiếc áo ca pốt lên thành hố trôn trượt, cắm vào đất tất cả những gì có trong tay để làm móc, anh quay người lại và đúng lúc đó tiếng đạn pháo nổ vang lên khoảng vài chục mét phía trên anh. Bỗng Albert lo lắng ngẩng đầu lên. Từ bốn năm nay, anh đã học cách phân biệt pháo bảy lăm ly với pháo chín lăm li, pháo trăm linh năm với pháo trăm hai mươi... Còn về quả đạn pháo này, anh lưỡng lự. Có thể vì chiều sâu của hố, hoặc do khoảng cách, nó báo trước bằng một âm thanh lạ, mới mẻ, vừa đục hơn, vừa êm hơn những loại đạn pháo khác, tiếng vù vù yếu dần, kết thúc bằng tiếng rít cực mạnh. Não bộ Albert chỉ kịp tự vấn. Một tiếng nổ kinh hoàng. Bị rung giật như sét đánh, mặt đất lay chuyển, gầm lên một tiếng khàn đặc và bi thảm, rồi cõn lên. Một núi lửa. Bị cơn rung chuyển làm mất thăng bằng, và cũng bị bất ngờ, Albert nhìn lên không trung vì bỗng dưng trời đất tối sầm. Và ở đó, thế chỗ cho bầu trời, phía trên chỗ anh đang đứng chừng mười mét, anh nhìn thấy, gần như đang quay chậm, một con sóng đất nâu khổng lồ với ngọn sóng chuyển động vụn vụn đang từ từ oằn xuống phía anh, và chục đăm bố xuống quần chặt lấy anh. Một cơn mưa nhỏ, gần như lười biếng, tạo bởi đá dăm, đất vụn và đủ loại mảnh vỡ đang sắp giội xuống. Albert co quắp và nín thở. Hoàn toàn không nên làm thế, mà trái lại,

phải duỗi thẳng người, tất cả những kẻ bị chết vì sẽ nói với bạn như vậy. Sau đó, là hai hoặc ba giây ngưng đọng, trong lúc ấy Albert chăm chăm nhìn tấm màn bằng đất bồng bênh trên trời và dường như đang lường lự về thời điểm và vị trí rơi.

Một chút nữa, lớp đất đó sẽ đổ xuống và phủ kín người anh.

Bình thường, nói một cách hình ảnh, Albert khá giống một bức chân dung của Tintoret^[5]. Nét mặt anh luôn khổ sở, khuôn miệng rất sắc nét, cằm hơi nhô ra, quầng mắt rộng được tô đậm nhờ cặp lông mày cong và đen sẫm. Nhưng vào khoảnh khắc đó, vì đang ngược lên trời và thấy cái chết đang đến gần, trông anh giống thánh Sébastien hơn. Các đường nét trên mặt anh đột nhiên co rút, cả gương mặt nhàu nát vì đau khổ, sợ hãi, trong nỗi thống khổ càng vô ích hơn bởi suốt đời mình, Albert chưa từng tin vào điều gì và cơn đen đui đang xảy đến không phải là lúc để anh bắt đầu tin tưởng. Ngay cả khi anh có thời gian.

Tiếng rãng rắc kinh khủng vang lên, lớp đất đổ ập xuống người anh. Những tưởng một cú va đập có khả năng giết anh chết tươi, Albert sẽ chết và thế là hết. Nhưng những gì đang diễn ra còn tệ hơn. Sỏi đá tiếp tục trút xuống người anh như mưa rồi đất ập xuống, lúc đầu phủ kín anh, và rồi mỗi lúc một nặng hơn. Cả người Albert bẹp gí dưới đất.

Dần dà, lớp đất phía trên người anh ụ lên chùng nào thì anh bị khóa cứng, nén chặt, bóp nghẹt chùng ấy.

Ánh sáng tắt ngúm.

Mọi thứ dừng lại.

Trật tự mới của thế giới được thiết lập, một thế giới nơi sẽ chẳng còn Cécile.

Điều đầu tiên làm anh bị sốc, ngay trước cơn hoảng loạn, đó là tiếng động của chiến tranh đã tắt. Như thế mọi thứ bỗng dưng câm lặng, và Chúa đã thối còi chấm dứt trận đấu. Dĩ nhiên, nếu chú ý một chút, anh sẽ hiểu rằng chưa có gì kết thúc cả, chỉ có điều tiếng động vọng đến tai anh đã bị lớp đất đang nén chặt, đang phủ kín người anh lọc bớt, làm yếu đi, gần như không nghe thấy. Nhưng vào lúc này, Albert còn nhiều nỗi lo khác hơn là

rình nghe những tiếng động để biết chiến tranh có tiếp tục hay không, bởi vì với anh, điều quan trọng là nó đang kết thúc.

Khi tiếng ầm ầm đã lắng lại, Albert hoảng sợ. Mình đang ở trong lòng đất, anh tự nhủ; dẫu sao đó cũng chỉ là một suy nghĩ khá trừu tượng. Chỉ khi anh tự nhủ, mình bị chôn sống, thì sự việc mới cụ thể một cách kinh hoàng.

Và khi ước lượng quy mô của tai họa, tự hỏi mình sẽ chết như thế nào, rồi lúc hiểu ra là mình sẽ chết ngột, Albert phát điên, ngay lập tức, điên hoàn toàn. Mọi thứ hỗn độn trong đầu anh, anh thét lên, và trong tiếng thét vô vọng đó, anh lãng phí chút ô xy còn lại. Mình bị chôn sống, anh nhắc đi nhắc lại, đầu óc anh chìm chìm trong điều hiển nhiên đáng sợ đến mức thậm chí anh còn không nghĩ đến việc mở mắt ra. Tất cả những gì anh làm, đó là ra sức vùng vẫy. Toàn bộ chút sức lực còn lại, toàn bộ những gì dâng lên trong cơn hoảng sợ chuyển thành nỗ lực của cơ bắp. Anh vùng vẫy và hao sức một cách khó tin. Mà uống công vô ích.

Rồi bỗng dừng anh dừng lại.

Bởi anh vừa hiểu ra rằng hai bàn tay anh đang cử động. Rất yếu, nhưng vẫn cử động. Anh nín thở. Khi ập xuống, đất sét sũng nước đã tạo ra một kiểu vỏ ốc bao bọc tay, vai và gáy anh. Thế giới nơi anh bị vùi lấp đã thương tình bố thí cho anh một vài xăng ti mét ở chỗ này chỗ kia. Thực ra, lớp đất phía trên anh không nhiều. Albert biết thế. Cùng lắm cũng chỉ khoảng bốn mươi phân chứ mấy. Nhưng anh đang nằm bên dưới và lớp đất đó cũng đủ để làm cho anh tê liệt, khiến anh không thể nào cựa quậy và dày dọ anh.

Xung quanh anh, đất vẫn còn rung. Trên cao, ở phía xa, chiến tranh vẫn tiếp diễn, những quả đạn pháo tiếp tục làm mặt đất rung chuyển.

Albert mở mắt, lúc đầu chỉ he hé. Đã vào đêm, nhưng bóng tối không dày đặc. Những tia sáng li ti, trắng trắng le lói xuyên xuống. Một thứ ánh sáng cực kỳ nhợt nhạt, mang chút hơi hướng cuộc sống.

Anh buộc mình phải thở từng hồi. Anh dang khuỷu tay ra khoảng vài phân, giạng được chân ra một chút khiến cho đất dồn về phía đầu kia. Thận

trọng từng li từng tí, liên tục chống lại nỗi hoảng sợ đang xâm chiếm, anh cố lách mặt lên để thở. Một tảng đất bỗng sụt xuống, như một bong nước vỡ ra. Anh phản xạ ngay tức thì, toàn bộ cơ bắp căng ra, thân thể anh co lại. Nhưng không xảy ra điều gì khác. Anh đã như vậy bao lâu, trong cái tư thế thăng bằng chông chênh đó, khi mà không khí mỗi lúc mỗi hiếm dần, tưởng tượng cái chết đang đến sẽ như thế nào, chuyện gì sẽ xảy ra khi không còn khí ô xy và anh nhận ra rằng các mạch máu lần lượt vỡ ra như bong bóng, gương mắt to đến hết cỡ như muốn tìm kiếm khí ô xy đang thiếu? Trong khi cố gắng thở càng ít càng tốt, không nghĩ ngợi, không hình dung ra tình cảnh hiện tại của mình, anh nhích bàn tay, từng mi li mét một, mò mẫm về phía trước. Anh chợt cảm giác có thứ gì đó dưới ngón tay, ánh sáng nhợt nhạt dù có chiếu dày đặc hơn một chút cũng không giúp anh nhìn rõ những thứ xung quanh. Ngón tay anh chạm vào cái gì đó mềm mềm, không phải đất, không phải bùn, mà gần như mịn màng, có nhám hạt.

Anh suy nghĩ xem đó là cái gì.

Anh cố xoay sở và nhận ra thứ đang ở trước mắt mình: một cặp môi to bự chảy ra thứ nước nhầy nhụa, những cái răng màu vàng to tướng, đôi mắt to, xanh nhạt đang tan ra...

Một cái đầu ngựa, to đùng, gớm ghiếc, quái dị.

Albert không thể kìm mình lùi phắt lại. Đầu anh va vào vỏ ốc, đất lại thụt xuống ngập đến cổ anh, anh vươn vai lên để tự vệ, không cử động, cũng không thở nữa. Để mặc cho nhiều giây trôi qua.

Quả đạn pháo, khi khoét sâu xuống lòng đất, đã bới lên một trong vô số những xác ngựa thối rữa trên chiến trường và quăng cho Albert một cái đầu. Giờ thì người và ngựa đang đối diện nhau, anh lính trẻ và con ngựa chết gần như đang hôn nhau. Đất sụt xuống giúp Albert rút được hai tay ra, nhưng khối lượng đất lại nặng, quá nặng, nên lồng ngực anh bị nén rất chặt. Anh tiếp tục thở thoi thóp, đứt quãng, phổi anh không thể chịu đựng được nữa. Nước mắt anh chực ứa ra nhưng anh kiềm lại. Anh tự nhủ rằng khóc là cam chịu cái chết.

Tốt hơn hết là buông xuôi mặc kệ, bởi từ giờ sẽ không lâu nữa đâu.

Không phải vào lúc chết, cả cuộc đời chúng ta diễn ra trong khoảnh khắc chớp nhoáng. Nhưng những hình ảnh thì đúng vậy. Lại còn là những ảnh xưa cũ. Cha anh, với gương mặt thật sắc nét, thật rõ ràng, anh chắc chắn ông đang ở trong lòng đất cùng anh. Hẳn là vì họ sắp được gặp nhau dưới đó. Anh thấy ông còn trẻ, cùng tuổi với anh. Ba mươi năm có lẽ, đương nhiên, quan trọng là phần có lẽ đó. Ông mặc đồng phục bảo tàng, ông đã đánh bóng bộ ria của mình, ông không cười, đúng như bức chân dung đặt trên chiếc tủ buýp phê. Albert thiếu không khí. Phổi anh đau đớn, anh bị co giật. Anh những muốn suy nghĩ, chẳng ích gì, sự hỗn loạn trong anh vẫn thẳng thế, nỗi sợ chết kinh khủng vẫn dâng lên trong lòng. Nước mắt anh ứa ra dù anh không muốn khóc. Bà Maillard chăm chăm nhìn anh bằng ánh mắt trách móc, chắc chắn Albert không thể nào xoay sở nổi, tôi hỏi các bạn, rơi vào một cái hố như thế, chết ngay trước khi chiến tranh kết thúc, dù ngu ngốc nhưng vẫn còn chấp nhận được, nhưng chết chôn thì khác gì chết trong tư thế của người đã chết! Albert là thế đó, chẳng giống ai, luôn luôn thua kém người ta một chút. Dù sao đi nữa, nếu như không chết trên chiến trường thì anh chàng này sẽ ra sao? Bà Maillard cuối cùng cũng cười với anh. Với một Albert đã chết thì ít nhất trong gia đình cũng có một người anh hùng, như thế thì không đến nỗi tệ.

Mặt Albert xanh mét, thái dương anh đập nhanh không tưởng tượng nổi, như thể các mạch máu sắp vỡ tung. Anh gọi Cécile, anh muốn trốn mình vào giữa hai chân cô, bị riết chặt đến ngạt thở, nhưng những nét mặt của Cécile không thể đến với anh, như thể cô ở quá xa, không tài nào đến với anh được và đó là điều khiến anh đau đớn nhất, không được nhìn thấy Cécile vào khoảnh khắc ấy, không được kề má kề vai Cécile. Chỉ có cái tên của cô, Cécile, bởi vì thế giới nơi anh đã chui vào không còn cơ thể nữa, chỉ còn ngôn từ. Anh những muốn van xin cô đến bên anh, anh sợ chết kinh khủng. Nhưng vô ích thôi, anh sẽ chết một mình, không có cô.

Vậy thì hẹn gặp lại, hẹn gặp lại trên kia nhé, Cécile của anh, hẹn lâu nữa gặp lại nhé.

Rồi cái tên Cécile cũng bị xóa nhòa, nhường chỗ cho khuôn mặt của trung úy Pradelle, với nụ cười không thể nào chịu nổi.

Albert khua khua hai tay. Ngực anh mỗi lúc một xẹp đi, kêu rít lên khi anh cố thở. Anh bắt đầu ho, bụng anh thắt lại. Không còn không khí.

Anh bấu vào đầu ngựa, túm được cặp môi nhầy mỡ mà thịt thối rữa ra trong tay anh, anh túm lấy những cái răng vàng khè to tướng, và, trong một nỗ lực phi thường, anh banh cái miệng ngựa từ đó phả ra một hơi thở hôi thối mà anh hít đến căng lồng ngực. Nhờ vậy, anh sống thêm được vài giây nữa, dạ dày anh lộn lên, anh nôn mửa, cả cơ thể anh lại co giật nhưng vẫn cố quay người để tìm thêm một chút dưỡng khí, nhưng vô vọng.

Đất quá nặng, gần như không còn ánh sáng, chỉ còn mặt đất giật rung dưới tác động của những quả pháo vẫn đang trút như mưa ở phía trên kia, sau đó không còn gì đi vào trong anh nữa. Không gì. Chỉ một tiếng thở ran.

Rồi sự yên bình vĩ đại xâm chiếm lấy anh. Anh nhắm mắt lại.

Anh cảm thấy khó ở, tim anh suy sụp, lý trí anh tắt lịm, anh chìm vào tăm tối.

Albert Maillard, lính chiến đấu, vừa mới lìa đời.

2

Trung úy d'Aulnay-Pradelle, con người quyết đoán, man rợ và nguyên thủy, chạy trên chiến trường về phía phòng tuyến địch với sự quyết tâm của con bò mộng. Thật là ấn tượng, cái kiểu không sợ gì đó. Thực ra, chẳng có gì can đảm lắm đâu, ít hơn ta tưởng. Không phải y anh dũng một cách rất đặc biệt mà là y đã nhanh chóng tin rằng mình sẽ không chết ở đây. Y chắc chắn như vậy, cuộc chiến này không phải để giết y, mà để mang đến cho y những cơ hội.

Trong cuộc tấn công bất ngờ vào cứ điểm 113, tinh thần quyết tâm của y dĩ nhiên nằm ở chỗ lòng căm thù bọn Đức trong y vượt qua mọi giới hạn, hầu như mang màu sắc siêu hình, nhưng đồng thời cũng nằm ở chỗ cuộc chiến đang đến hồi kết và y chỉ còn rất ít thời gian để tận dụng những cơ hội mà cuộc chiến như thế này có thể mang lại cho một người như y.

Albert và những người lính khác đã linh cảm được điều đó: gã này có đủ các đặc điểm của một kẻ cường hào, nhưng là một cường hào đã hoàn toàn khuynh gia bại sản. Trong ba thế hệ trước, dòng họ Aulnay-Pradelle đã bị trắng tay đúng nghĩa vì liên tục thua lỗ chứng khoán và vỡ nợ. Từ thời hoàng kim của tổ tiên, y chỉ còn giữ được mỗi một cơ ngơi đã hoang tàn là Sallevière, thanh thế của cái họ, một hai họ hàng rất xa, một vài quan hệ bấp bênh và sự ham hố lấy lại vị trí trong một thế giới sắp nổi cơn cuồng nộ. Y coi sự bấp bênh của số phận như một sự bất công và lấy lại vị trí của mình trong bậc thang quý tộc là tham vọng lớn nhất của y, nỗi ám ảnh thực sự mà y sẵn sàng hy sinh tất cả để đạt được, cha y đã tự bắn một phát đạn vào tim trong một khách sạn tình lẻ sau khi phung phí mọi thứ còn lại. Giai thoại vô căn cứ kể rằng mẹ y, chết một năm sau đó, đã suy sụp vì sầu muộn, chẳng có anh em hay chị em, viên trung úy này trở thành người mang họ Aulnay-Pradelle cuối cùng và bối cảnh “khánh tộc” này khiến y có cảm

giác gấp gáp. Sau lưng y không có gì hết. Việc cha y sa sút liên tục đã sớm khiến y quả quyết rằng việc khôi phục dòng họ đè nặng trên hai vai y và y tin tưởng mình có đủ ý chí và tài năng cần thiết để đạt được mục đích.

Thêm vào đó, y khá điển trai. Đó là với những người thích vẻ đẹp vô vị, tất nhiên là thế, nhưng dầu sao, đàn bà con gái thèm muốn y, cánh đàn ông ghen tị với y, đó là những dấu hiệu rõ ràng. Bất kỳ ai cũng sẽ nói với bạn rằng với bề ngoài như vậy và với cái tên như thế, y chỉ thiếu sự giàu có nữa thôi. Và đó đúng là quan điểm của y, thậm chí là trù liệu duy nhất của y.

Ta đã hiểu hơn vì sao y lại chịu khổ chịu nhục như chó để tổ chức đợt xung kích mà tướng Morieux rất mong muốn đó. Đối với bộ tham mưu, cứ điểm 113 là vị trí chướng tai gai mắt, một chấm nhỏ xíu trên bản đồ như muốn trêu người ta từ ngày này qua ngày khác, khiến ta cảm thấy khó chịu, và uy hiếp ta.

Trung úy Pradelle không dễ rơi vào trạng thái đó, nhưng y cũng rất thèm cứ điểm 113 này, bởi vì y đang ở cấp chỉ huy rất thấp, chiến tranh sắp kết thúc, và vài tuần nữa thì sẽ quá muộn để y lập công. Lên trung úy trong ba năm không phải là quá tồi. Lần này, chỉ cần tạo tiếng vang là mọi việc sẽ đầu vào đấy: cấp bậc đại úy khi phục viên.

Pradelle khá thỏa mãn về mình. Để khích lệ lính xông lên chiếm cứ điểm 113, thì thuyết phục họ rằng bọn Đức vừa tàn nhẫn sát hại hai đồng đội của họ là cách chắc chắn để khơi dậy trong họ cơn thịnh nộ và khao khát trả thù. Một chiêu tài tình.

Sau khi ra lệnh tấn công, y giao cho một thượng sĩ dẫn đầu cuộc xung kích đầu tiên. Y lui lại đằng sau một chút, có chút việc vặt vãnh cần giải quyết trước khi trở lại hàng ngũ. Sau đó, y có thể tiến về phía phòng tuyến địch, vượt qua tất cả mọi người bằng những sải chân nhẹ nhàng của một vận động viên, để trở thành một trong những người đầu tiên giết bọn Đức nếu trời cho y cơ hội.

Ngay khi y thổi tiếng còi đầu tiên, khi lính đã bắt đầu lao lên, y di chuyển ở khoảng cách hợp lý về phía bên phải để ngăn đám lính đi chệch sang hướng đó. Y ngao ngán vô cùng khi thấy gã đó, hấn tên gì nhỉ, cái gã

có gương mặt buồn và có đôi mắt như thể lúc nào cũng chực khóc, Maillard, đứng rồi, gã dừng lại ở đó, phía bên phải, tự hỏi làm sao khi ra khỏi giao thông hào, gã lại có thể đến chỗ này, gã ngốc đó.

Pradelle thấy gã đứng sững, lùi lại, quỳ xuống thắc mắc, rồi đẩy thi thể của lão Grissonnier ra.

Thế nhưng, cái xác người đó, Pradelle đã để mắt tới từ khi cuộc tấn công bắt đầu bởi vì y nhất thiết phải lo đến nó, giải quyết càng nhanh càng tốt, thủ tiêu nó, thậm chí chính vì thế mà y đứng tập hậu ở phía bên trái. Để được yên thân.

Thế mà gã lính chết tiệt ấy đang chạy thì dừng lại và nhìn hai thi thể đó, một già, một trẻ.

Pradelle lập tức lao đến, như một con bò mộng. Albert Maillard lúc ấy đã đứng dậy. Anh có vẻ rất sốc trước điều anh vừa phát hiện ra. Khi thấy Pradelle lao vào mình, anh hiểu ngay chuyện gì sắp đến với mình và định bỏ chạy, nhưng nỗi sợ hãi của anh không hiệu quả bằng cơn tức giận của viên trung úy. Anh vừa kịp định thần thì Pradelle đã nhảy xổ vào, dùng vai ấy bụng anh, và thế là anh lính rơi vào một hố pháo rồi ngã lăn quay xuống đáy hố. Ừ thì cùng lắm cũng chỉ sâu đến hai mét, nhưng để leo lên thì không phải dễ, sẽ phải bỏ ra nhiều sức lực, đến lúc đó thì Pradelle đã giải quyết xong vấn đề.

Sau đó, sẽ chẳng còn gì mà nói vì sẽ chẳng còn vấn đề nào nữa.

Pradelle đứng trên bờ hố nhìn anh lính ở đáy hố, y lường lự về giải pháp cần đưa ra rồi sau đó cảm thấy yên tâm bởi y biết mình có đủ thời gian cần thiết. Y sẽ quay lại sau. Y quay lưng, lùi lại vài mét.

Lão Grissonnier nằm ngửa, vẻ mặt bướng bỉnh. Hoàn cảnh mới thuận lợi ở chỗ, khi lật xác lên, Maillard đã nhích xác lão lại gần xác của tay lính trẻ, Louis Thérioux, thế thì càng dễ. Pradelle đảo mắt xung quanh để xem có ai nhìn mình không, vừa kịp để nhận định: cuộc tàn sát thật kinh khủng! Lúc ấy người ta mới nhận ra rằng cuộc tấn công này dẫu sao cũng sẽ trả giá rất đắt về nhân mạng. Nhưng chiến tranh là thế và y không phải ở đây để mà lý luận. Trung úy Pradelle rút chốt lựu đạn rồi ung dung đặt vào giữa hai cái

xác. Đủ thời gian để rời xa khoảng ba mươi mét và tìm nơi trú ẩn, hai tay bịt tai, y nghe thấy tiếng nổ xé tan thi thể hai người lính đã chết.

Bớt hai người hy sinh trong Đại chiến thế giới.

Và có thêm hai người mất tích.

Y còn phải đi lo liệu gã lính chết tiệt dưới hố. Pradelle rút quả lựu đạn thứ hai. Y thành thạo lắm, cách đây hai tháng, y tập hợp khoảng mười lăm tên Đức vừa mới đầu hàng, cho chúng đứng thành vòng tròn, đám tù binh đưa mắt nhìn nhau dò hỏi, chẳng ai hiểu gì hết. Bằng một động tác, y ném quả lựu đạn vào giữa vòng tròn, đúng hai giây trước khi nổ. Phải là chuyên gia mới làm được chuyện ấy. Bốn năm kinh nghiệm ném phạt môn bóng rổ. Chính xác hết chỗ nói. Đến khi bọn Đức nhận ra thứ gì rơi dưới chân thì chúng đã sắp tới thánh điện Walhalla *rồi. Sắp sửa được sờ soạng các tiểu nữ thần Valkyrie rồi, bọn chết tiệt ấy.

Đó là quả lựu đạn cuối cùng của y. Sau đó, y chẳng còn gì để ném xuống hầm hào quân Đức nữa. Tiếc quá, nhưng thôi kệ.

Đúng lúc ấy, một quả đạn pháo nổ, một tảng đất khổng lồ bốc lên và đổ ụp xuống. Pradelle rướn người lên để nhìn cho rõ. Cái hố đã hoàn toàn bị phủ kín!

Thật là đúng lúc. Gã kia đang ở dưới đó. Gã khốn!

Lợi cho Pradelle là y đã tiết kiệm được một quả lựu đạn để chiến đấu.

Lại sốt ruột, y tiếp tục chạy về phía chiến tuyến đầu tiên. Nào, gấp lắm rồi, đã đến lúc phải cắt nghĩa cho bọn Đức hiểu. Ta sẽ tặng chúng một món quà vĩnh biệt đẹp đẽ.

Péricourt đang chạy thì trúng đạn. Viên đạn làm chân anh vỡ nát. Anh gào lên như một con thú, khuyu xuống bùn, đau đớn không thể chịu nổi. Anh vừa quăn quại vừa tiếp tục thét lên, và vì không nhìn thấy phần bắp của bên chân mà anh đang ôm chặt ở đoạn đùi, anh tự hỏi phải chăng mảnh pháo đã cắt mất nó rồi. Trong một nỗ lực vô vọng, anh hơi nhồm được người dậy, và mặc dù đau đớn kinh khủng, anh cũng thở phào nhẹ nhõm: chân của anh vẫn còn, nguyên vẹn. Anh nhìn thấy bàn chân ở đằng đầu, chỉ có phần dưới gối bị nát bấy. Máu chảy ròng ròng; anh có thể hơi nhúc nhích ngón chân, đau khủng khiếp, nhưng chân anh vẫn cử động được. Dù lúc đó rất ồn ào, đạn rít, pháo nổ, anh nghĩ: “mình vẫn còn chân”. Anh yên tâm bởi anh không thích ý nghĩ trở thành một kẻ cụt chân.

Người ta thường gọi anh là “nhóc Péricourt” là để nói ngược, bởi vì, đối với một anh chàng sinh năm 1895, Péricourt rất cao, một mét tám mươi ba, các bạn thử nghĩ mà xem, như thế đã ghê gớm lắm. Hơn nữa với chiều cao như vậy, ta trông có vẻ rất gầy. Từ hồi mười lăm tuổi anh đã thế rồi. Ở trường, bạn bè gọi anh là “chàng khổng lồ” và không phải lúc nào cũng là do thiện ý bởi anh không được ưa cho lắm.

Édouard Péricourt, một tí người gặp may.

Tại các trường anh từng học, tất cả đều như anh, bọn con nhà giàu không bao giờ phải gặp chuyện gì, vào đời với những niềm tin chắc chắn và sự tự tin được tích lũy qua nhiều thế hệ cha ông giàu có trước đây. Ở Édouard thì chuyện không được hay cho lắm bởi vì ngoài tất cả những thứ kể trên, anh còn là một người may mắn. Mà người ta có thể tha thứ tất cả cho ai đó giàu có, tài năng nhưng may mắn thì không, nhất định không, như thế thì quá bất công.

Thực ra, may mắn của anh trước hết là do anh có khả năng giữ mình tuyệt vời. Khi đang ở thế nguy nan cùng cực, khi diễn biến các sự việc trở nên đáng lo ngại, sẽ có gì đó báo trước cho anh biết, như thể anh có ăng ten, và anh sẽ làm những việc cần thiết để tiếp tục cuộc đua mà không quá sút đầu mẻ trán. Dĩ nhiên, thấy Édouard Péricourt nằm bẹp trên vũng bùn vào ngày 2 tháng Mười một năm 1918 với một chân bị vỡ nát, có thể ta sẽ tự hỏi phải chăng vận may đã thay đổi, và theo chiều hướng xấu. Thực ra không hẳn thế bởi vì anh vẫn giữ được cái chân của mình. Anh sẽ đi khắp khiêng suốt chặng đời còn lại, nhưng bằng hai chân.

Anh nhanh chóng rút thắt lưng ra rồi thắt ga rô thật chặt để cầm máu. Rồi, kiệt sức sau nỗ lực này, anh buông tay và nằm dài ra. Anh thấy đỡ đau hơn. Anh sẽ phải ở lại đây một lúc và anh không thích vị trí này. Anh có nguy cơ bị pháo nổ tan xác, hoặc còn tệ hơn thế... Đó là điều mà người ta thường nghĩ tới vào thời ấy: đêm xuống, lính Đức ra khỏi hầm hào để kết liễu thương binh bằng dao.

Để thả lỏng cơ bắp, Édouard ngả đầu xuống bùn. Anh cảm thấy mát hơn đôi chút. Tất cả những gì ở đằng sau, bây giờ anh lại nhìn ngược. Như thể anh đang ở vùng nông thôn, nằm dài dưới những tán cây. Với một cô gái. Ở cùng một cô gái là điều anh chưa từng biết đến. Những cô anh đã gặp chủ yếu là gái nhà thổ ở gần trường Mỹ thuật.

Anh không có hứng thú lục tìm thêm trong ký ức, bởi bỗng nhiên anh thấy cái dáng cao ngều lổ bịch của Pradelle. Lúc trước, khi ngã xuống, lăn lộn trên mặt đất vì đau đớn rồi băng bó vết thương, Édouard đã để mọi người chạy về phía phòng tuyến Đức, thế mà trung úy Pradelle lại ở sau anh mười mét, đứng sững, bất động, như thể chiến tranh đã ngừng lại.

Édouard thấy y từ xa, nhìn nghiêng và từ dưới lên. Tay chống nạnh, y nhìn xuống chân mình. Cứ như thể một nhà côn trùng học đang nhìn tổ kiến. Điềm tĩnh giữa cảnh hỗn độn. Oai vệ. Rồi, như thể công việc đã xong xuôi hoặc không còn liên quan đến y nữa, có lẽ đã quan sát xong, y biến mất. Một sĩ quan dừng lại khi đang xung kích để nhìn xuống dưới chân mình, chuyện này khiến Édouard ngạc nhiên đến mức, trong một lúc, anh

không thấy đau nữa. Có gì đó bất thường. Một chân Édouard bị nát bấy là đã bất ngờ lắm rồi; anh đã trải qua cuộc chiến mà không hề bị xây xước, bây giờ nằm bẹp dưới đất với cái chân be bét thì đúng là có gì đó không ổn, nhưng xét cho cùng, vì là lính và đang ở trong một cuộc chiến khá đẫm máu, bị thương âu cũng là chuyện hợp lẽ. Đằng này, một sĩ quan lại dừng ngay dưới mưa bom bão đạn để ngắm chân mình thì...

Édouard thả lỏng cơ bắp, lại nằm ngửa ra, cố gắng hít thở, hai tay ôm lấy đầu gối, ngay phía trên ga rô tự băng. Vài phút sau, mặc dù không hề muốn, anh ưỡn người, nhìn lại nơi mà trung úy Pradelle vừa đứng... Không thấy gì. Viên sĩ quan đã biến mất. Tuyến tấn công tiếp tục được đẩy lên, những tiếng nổ đã xa đến mấy chục mét. Édouard có thể ở lại, tập trung vào vết thương của mình. Chẳng hạn, anh có thể suy nghĩ xem nên chờ cấp cứu hay lê về hậu tuyến, thay vì thế, anh ưỡn người ra, như con cá mắc cạn, bụng thót lại, ánh mắt chăm chăm vào chỗ đó.

Cuối cùng, anh quyết định. Và đó là một quyết định rất khó khăn. Anh chống hai khuỷu tay lên để trườn lùi. Chân phải của anh không làm ăn gì được nữa, tất cả dựa vào đôi cánh tay và chân trái; chân kia lê trong bùn như một chi đã chết. Anh nỗ lực từng mét. Và không biết tại sao mình lại hành động như thế. Anh không thể nói ra được. Có điều thằng cha Pradelle này là một kẻ đáng sợ thực sự, không ai có thể lường nổi y. Y chứng thực cho câu ngạn ngữ nói rằng mỗi nguy thực sự đối với một quân nhân không phải là kẻ thù mà là cấp trên. Tuy Édouard còn chưa giác ngộ chính trị đầy đủ để biết rằng đó là bản chất của hệ thống quân đội, nhưng đầu óc anh đã suy nghĩ theo hướng đó.

Bỗng anh dừng phắt lại. Anh vừa trườn được bảy hay tám mét gì đó, không hơn, thì một tiếng nổ kinh hoàng, một quả pháo không rõ là cỡ nào, khiến anh phải nằm bẹp gí xuống đất. Cũng có thể do nằm dưới đất nên tiếng nổ nghe to hơn. Anh cứng người, đơ ra như một cây sào, ngay cả chân phải của anh cũng đơ ra theo. Y như một kẻ bị động kinh đang trong cơn hoảng loạn. Mắt anh vẫn đang dán vào nơi Pradelle đứng mấy phút trước thì một tảng đất lớn bốc lên như một con sóng giận dữ và điên cuồng rồi

tung lên không trung. Édouard có cảm tưởng mình sẽ bị chôn vùi vì thấy tảng đất rơi rất gần, bao bọc lấy anh, rồi đất rơi xuống với một âm thanh khủng khiếp, nghiền nghệt như tiếng thở dài yêu ma. Tiếng súng rít, tiếng pháo nổ âm âm, cảnh pháo sáng rực bung khắp cả bầu trời cũng chẳng là gì so với bức tường đất đang đổ ụp bên anh. Đờ người ra, anh nhắm mắt lại, đất rung dưới người anh. Anh co người, nín thở. Khi định thần lại, thấy mình vẫn còn sống, anh có cảm giác vừa được ban phép lạ.

Đất đã rơi hết xuống. Ngay lập tức, như một con chuột cống, với một nỗ lực khó có thể giải thích, anh tiếp tục trườn, vẫn trong tư thế nằm ngửa, cổ ngoi lên đến chỗ trái tim anh đang kêu gọi, rồi hiểu ra: anh đã đến nơi mà con sóng đất ập xuống, và ở chỗ này, có một mũi sắt chọc qua lớp đất gần như đã bị nghiền thành bụi. Vài xăng ti mét. Đó là mũi lưỡi lê. Thông điệp đã rõ. Có một người lính bị chôn ở dưới.

Cú chôn người này là một cú vô cùng kinh điển, một trong những cú anh từng nghe nói nhưng chưa bao giờ gặp phải. Trong những đơn vị mà anh từng chiến đấu, thường có những anh lính công binh được trang bị nào xẻng, nào cuốc để đào những gã lính bị lâm vào cảnh bất tiện đó lên. Thường là công binh đến quá muộn, khi được lôi lên thì mặt họ đã xanh tím, mắt như đã nổ ra. Bóng Pradelle thoáng lướt qua tâm trí Édouard, anh không muốn dừng lại đó.

Hành động, nhanh lên.

Anh lật sấp người và ngay lập tức hét lên vì vết thương ở chân lại toác ra ồng ộc và đang áp xuống mặt đất. Tiếng hét khản đặc còn chưa dứt, anh đã cuống cuống cào bới, ngón tay co lại thành móng vuốt. Dụng cụ quá thô sơ nếu như gã ở dưới đất đã bắt đầu thiếu không khí... Édouard không mất nhiều thời gian để nhận ra điều đó. Anh ta đang ở độ sâu bao nhiêu? Giá như có cái gì đó để cào. Édouard quay sang phải. Mắt anh bắt gặp những xác chết, ngoài ra không có gì khác, không một dụng cụ, không một mảy may. Cách duy nhất là rút lưỡi lê này ra mà đào, nhưng làm được cũng phải mất hàng giờ. Anh có cảm tưởng gã dưới kia đang gọi. Tất nhiên, ngay cả khi không bị chôn sâu, trong tiếng âm âm như thế này thì chẳng có cơ may

nghe thấy anh ta, dù anh ta có hét, đó chỉ là do tưởng tượng mà ra, đầu óc Édouard sục sôi, anh cảm thấy việc này gấp gáp đến mức nào. Những người bị vùi lấp phải được lôi lên ngay, chậm là chết chắc. Trong khi dùng tay cào hai bên mồm lưỡi lê đang nhô lên, anh tự hỏi liệu mình có biết anh ta không; tên và khuôn mặt các chiến sĩ trong đơn vị lướt qua đầu anh. Trong tình huống lúc ấy, như thế quả không thích hợp: anh muốn cứu sống người đồng đội này, cậu ta phải là người mà anh đã từng trò chuyện, một người nào đó mà anh thích. Suy nghĩ như vậy giúp anh làm nhanh hơn. Anh hết quay trái lại quay phải, đưa mắt tìm kiếm sự giúp đỡ nào đó nhưng vô vọng, ngón tay anh đau đớn. Anh đã bôi được khoảng mười xăng ti mét đất hai bên, nhưng khi anh thử lay lưỡi lê thì nó không hề nhúc nhích, cứ trơ ra như một cái răng chắc khỏe, nản quá. Anh hùng hục đào được bao lâu rồi, hai hay ba phút? Gã này chắc đã chết. Vì tư thế không thoải mái, Édouard bắt đầu cảm thấy đau vai. Anh sẽ không thể chịu đựng được lâu, một nỗi nghi ngờ xâm chiếm lấy anh, cảm giác kiệt sức, động tác của anh trở nên mệt mỏi, anh hụt hơi, cơ bắp của anh trở nên cứng đờ, bị chuột rút, anh dấm tay xuống đất. Bỗng nhiên, anh chắc chắn: lưỡi lê lúc lắc! Nước mắt anh giàn giụa, giờ anh đang khóc, hai tay anh nắm lấy đầu thanh sắt, lấy hết sức bình sinh vừa đẩy vừa rút liên tục, anh đưa tay gạt nước mắt giàn giụa mặt mũi, công việc bỗng trở nên dễ dàng, anh thôi lắc, tiếp tục cào và thọc tay xuống để kéo nó lên. Anh reo lên khi lưỡi lê cuối cùng cũng chịu thua. Anh rút lên và ngăm một lúc như không tin vào mắt mình, như thể đó là lần đầu tiên nhìn thấy lưỡi lê, rồi lại cắm nó xuống đất bằng một cử chỉ giận dữ, anh gào, anh hét và tiếp tục chọc vào lớp đất. Bằng chiếc lưỡi lê cùn đó, anh vẽ một vòng tròn rõ to rồi đặt nó nằm ngang, ấn nó xuống đất, nhấc lên rồi lấy tay gạt đất ra. Anh làm thế trong bao lâu? Chên anh mỗi lúc mỗi đau. Cuối cùng, anh cũng nhìn thấy thứ gì đó, anh mò mẫm, một miếng vải, một cái cúc, anh cào như một gã điên, một con chó săn thực sự, rồi lại sờ nắn, đó là một chiếc áo va rơi, anh liền đặt cả hai bàn tay, cả hai cánh tay lên đó, đất như sụt xuống một cái hố, anh cảm thấy có gì đó, nhưng không biết đó là gì. Rồi anh bắt gặp cái mũ sắt nhẵn bóng, anh lần xung quanh mũ và, ở đầu ngón tay anh là một anh lính. “Này!” Édouard

vẫn đang khóc, và anh hét lên, trong khi đôi cánh tay anh điên cuồng đào bới như có một sức mạnh nào đó thúc đẩy, sức mạnh mà bản thân anh không làm chủ được. Đầu của anh lính cuối cùng cũng lộ ra khoảng chừng ba mươi phân, trông như đang ngủ; anh nhận ra anh ta, tên gì nhỉ? Anh ta chết rồi. Ý nghĩ này đốn đau đến mức Édouard dừng tay và nhìn đồng đội, ngay bên dưới anh, và, trong một khoảnh khắc, anh cảm thấy mình cũng chết giống như anh ta, anh đang ngẫm cái chết của bản thân mình và điều đó khiến anh đau đớn vô cùng, đau đớn vô hạn...

Vừa khóc, anh vừa tiếp tục moi phần còn lại của cơ thể lên, nhanh thôi, hết vai đến ngực rồi hông. Trước mặt anh lính, có cái đầu của một con ngựa chết! Lạ thật, người và ngựa lại được chôn với nhau, mặt đối mặt, Édouard nghĩ bụng. Qua làn nước mắt, chẳng hiểu sao anh thấy rõ bức tranh có thể vẽ ra từ cảnh tượng đó. Giá như anh có thể đứng lên, lựa một tư thế khác thì mọi việc chắc sẽ nhanh hơn, nhưng như thế này anh cũng làm được, anh nói to những điều rất ngớ ngẩn, anh nói: “Cậu chớ lo”, vừa nói vừa khóc rống lên như một con bê, như thế anh lính kia có thể nghe thấy, anh muốn ôm ghì lấy cậu ta, anh nói những câu mà hẳn anh sẽ rất xấu hổ nếu ai đó nghe thấy, bởi vì, suy cho cùng, anh đang khóc cho cái chết của chính mình. Anh khóc trong nỗi sợ quá vắng của mình, lúc này anh có thể tự thú nhận như vậy, từ hai năm nay, anh chết khiếp khi một ngày nào đó trở thành một anh lính chết dưới tay một anh lính khác có lẽ chỉ bị thương. Chiến tranh kết thúc, những giọt nước mắt anh rỏ xuống đồng đội chính là nước mắt khóc cho thời trai trẻ của anh, cho cuộc đời anh. Cho sự may mắn của chính anh. Bị thương tật, phải kéo lê một chân cho đến hết đời. Hay ho đấy. Anh vẫn còn sống. Anh hì hục kéo cái xác lên.

Anh nhớ họ của cậu ta: Maillard. Tên thì anh chưa bao giờ biết, mọi người chỉ gọi là Maillard.

Thoáng nghi hoặc. Anh cúi xuống nhìn mặt Albert, anh những muốn bắt cả cái thế giới đang nổ khắp nơi xung quanh anh phải câm lặng, để lắng nghe, bởi vì dẫu sao anh cũng tự hỏi, cậu ta đã chết chưa? Dù nằm bên cạnh cậu ta và tư thế đó không lấy gì làm thoải mái, anh ra sức tát vào má

cậu ta, và đầu Maillard bất giác lắc theo; điều này chẳng có ý nghĩa gì, và đột nhiên Édouard nảy ra một ý không mấy hay ho, anh tưởng tượng có thể anh lính đó chưa chết hẳn, ý nghĩ này khiến anh khổ sở hơn nữa, nhưng thế đó, bây giờ, khi đã nghi ngờ, đã tự hỏi mình như vậy, anh nhất thiết phải kiểm tra, và đối với chúng ta, thật là kinh khủng khi nhìn thấy điều đó. Ta muốn hét lên với anh, đừng, cậu đã làm hết sức mình, ta muốn nhẹ nhàng nắm lấy tay anh, ôm siết lấy anh, để anh thôi đừng hành động như thế, tức tối như thế, ta muốn nói với anh những điều mà người ta thường nói với bọn trẻ khi chúng đang phát khùng, ta muốn ôm chặt anh cho đến khi anh khô nước mắt. Vỗ về anh, nói gọn lại là như thế. Chỉ có điều, cả bạn cả tôi, không có ai bên cạnh Édouard, để đưa đường dẫn lối cho anh, và, trong đầu óc anh, đã trỗi dậy ý nghĩ rằng có thể Maillard chưa chết hẳn. Édouard đã từng chứng kiến điều đó một lần, hay là ai đó đã kể cho anh nghe, một huyền thoại chiến trường, một trong những câu chuyện không có ai làm chứng, một người lính mà người ta tưởng đã chết và đã được cấp cứu, tìm anh đã đập lại.

Trong lúc nghĩ vậy, dù đau đớn không thể tưởng tượng nổi, Édouard vẫn cố đứng lên bằng chân trái lạnh lặn của mình. Và khi nhắc người lên, anh nhìn thấy chân phải lê lét đằng sau, qua màn sương nơi sợ hãi, kiệt sức, đau đớn và tuyệt vọng hòa lẫn vào nhau.

Anh lấy đà, một chốc.

Trong một giây, anh đứng bằng một chân, như một con diệc, không biết dựa vào đâu để giữ thăng bằng, anh đưa mắt nhìn xuống dưới, rồi, sau khi hít một hơi nhanh nhưng sâu, anh đột ngột ngã lên ngực Albert, bằng toàn bộ trọng lượng cơ thể.

Tiếng rảng rặc nghe thật tai hại, đó là tiếng xương sườn bị đè, bị gãy.

Édouard nghe thấy một tiếng rên. Bên dưới anh, đất sụt xuống khiến anh trượt theo, như thể bị ngã ghế, nhưng không phải đất dâng lên mà là Albert đã lật người lại, nôn thốc nôn tháo và bắt đầu ho. Édouard không tin vào mắt mình, nước mắt anh lại trào ra, cái gã Édouard này đúng là may mắn, hẳn các bạn cũng phải thừa nhận. Albert tiếp tục nôn, Édouard vui mừng vô

vỗ vào lưng cậu ta, vừa cười vừa khóc. Anh ngồi đó, trên bãi chiến trường tan hoang, bên cạnh cái đầu ngựa chết, một chân gấp ngược, bê bết máu, sắp xỉu vì kiệt sức, cùng với anh lính từ cõi chết trở về đang nôn mửa...

Để kết thúc một cuộc chiến, thì như thế này cũng đáng. Một hình ảnh đẹp. Nhưng không phải là hình ảnh cuối. Trong khi Albert Maillard mơ hồ tỉnh lại, lăn sang một bên rồi gào thét, Édouard ngồi thẳng như một chữ “I” mà chữ ông trời, như thể anh đang hút một thổi thuốc nổ.

Đúng lúc đó, một mảnh đạn pháo to như đĩa xúp bay đến gặp anh. Nó khá dày, và bay với tốc độ chóng mặt.

Chắc hẳn là câu trả lời của các vị thần linh.

Hai người trở lên mặt đất theo hai cách khác nhau.

Albert từ cõi chết trở về và nôn thốc nôn tháo, mơ hồ tỉnh lại dưới bầu trời bị bom đạn cày xới, dấu hiệu cho thấy đúng là anh đã trở lại cuộc sống đích thực. Anh chưa hoàn toàn nhận ra điều đó, nhưng cuộc xung kích do trung úy Pradelle phát động và chỉ huy đã gần như kết thúc. Rốt cuộc, cứ điểm 113 này đã được chiếm khá dễ dàng. Sau khi kháng cự quyết liệt nhưng chóng vánh, quân địch đã đầu hàng, bị bắt làm tù binh. Tất cả, từ đầu chí cuối, chỉ là một thủ tục với cái giá ba mươi tám người chết, hai mươi bảy người bị thương và hai người mất tích (không tính bọn Đức), phải nói là cực kỳ năng suất.

Khi những người khiêng cáng nhặt được anh trên chiến trường thì Albert vẫn đang đặt đầu Édouard Péricourt trên đầu gối, lầm rầm hát bài gì đó để vỗ về Édouard, trong tình trạng mà những người cứu nạn gọi là “bị ảo giác”. Cả hai bên sườn của anh bị rạn, gãy hoặc vỡ, nhưng phổi anh lại nguyên vẹn. Anh đau đớn vô cùng, và suy cho cùng, đây là một dấu hiệu tốt, chứng tỏ anh còn sống. Dầu sao, anh không được tươi tỉnh lắm, và, dù có muốn, anh cũng sẽ buộc phải trì hoãn việc suy nghĩ về những vấn đề mà tình cảnh của anh đang đặt ra.

Chẳng hạn, bởi điều kỳ diệu nào, nhờ ơn huệ nào của ý chí tối thượng, bằng sự tình cờ không tưởng nào, trái tim anh chỉ ngừng đập một vài tích tắc trước khi anh lính Péricourt thực hiện thủ thuật hồi sức bằng kỹ thuật của riêng mình. Tất cả những gì anh có thể ghi nhận, đó là bộ máy đã khởi động trở lại với những cú giật nảy, co thắt, chấn động, nhưng điều căn bản đã được giữ lại.

Sau khi băng bó cho anh thật chặt, các bác sĩ quân y đã tuyên bố rằng khoa học cũng chỉ làm đến thế thôi, rồi chuyển anh đến một phòng tập thể

rộng rãi, nơi những anh lính đang hấp hối, vài người bị thương nặng, rất nhiều người què quặt đủ kiểu đang ở chung, cũng là nơi những người khỏe mạnh nhất, dù bị nẹp, vẫn chơi bài bằng cách nhòm qua lớp băng.

Nhờ chiếm được cứ điểm 113, bệnh viện tiền phương, vốn đã lắng lại vài tuần gần đây trong khi chờ đợi hiệp ước đình chiến, lại hoạt động trở lại, nhưng, vì cuộc tấn công này không gây nhiều tổn thất cho lắm, người ta duy trì ở đó một nhịp độ bình thường, chưa từng thấy từ khoảng bốn năm nay. Thời các xơ y tá có thể tập trung đôi chút vào việc chăm sóc những anh lính bị thương đang chết khát. Khi mà các bác sĩ không buộc phải từ chối chữa trị cho những người lính khá sớm trước khi họ chết thật. Khi mà các bác sĩ phẫu thuật chưa được ngủ chút nào sau bảy mươi hai tiếng đồng hồ không còn phải oằn người vì chuột rút, do phải luôn tay cưa xương đùi, xương chày và xương cánh tay.

Vừa đến nơi, Édouard đã phải chịu hai lần phẫu thuật tạm. Chân phải của anh bị gãy nhiều chỗ, dây chằng và gân bị đứt hết, anh sẽ phải khập khiễng cả đời. Cuộc phẫu thuật quan trọng nhất là để dò các vết thương trên mặt nhằm lấy các dị vật ra (trong chùng mực cơ sở thiết bị của một bệnh viện tiền phương cho phép). Người ta tiêm vắc xin cho anh, làm những thủ thuật cần thiết để khôi phục đường hô hấp, ngăn chặn nguy cơ hoại thư, những vết thương đã được rạch rộng ra để khỏi bị nhiễm trùng; phần còn lại, tức những gì trọng yếu, phải giao lại cho bệnh viện hậu phương được trang bị tốt hơn trước khi nghĩ đến việc gửi anh thương binh này đến một bệnh viện chuyên khoa nếu anh không chết.

Lệnh trên đưa xuống là phải chuyển gấp Édouard tới bệnh viện khác và, trong khi chờ đợi, người ta cho phép Albert ở lại chăm sóc anh. Chuyện về anh, được kể và biến thể rất nhiều lần, giờ đã lan truyền khắp bệnh viện. May thay, người ta có thể cho anh lính bị thương nằm phòng riêng, trong một khu chuyên biệt nằm ở tòa nhà cuối cùng phía Nam, nơi họ sẽ không phải thường xuyên nghe thấy tiếng rên rỉ của những kẻ sắp chết.

Gần như bất lực, Albert chứng kiến cảnh Édouard hồi lại từng chút một, khó nhọc, lộn xộn, và trong lĩnh vực này anh không biết nhiều. Đôi lúc, anh

bắt gặp ở anh lính trẻ ấy những biểu hiện, nét mặt khác thường mà anh tưởng có thể diễn giải chính xác, nhưng chóng vánh đến nỗi chúng biến mất trước khi anh có thể tìm ra một từ nào đó để gọi tên. Tôi đã bảo rồi, Albert chưa bao giờ là người lạnh lợi, sự cố nhỏ mà anh vừa gặp chẳng thay đổi được gì.

Những vết thương khiến Édouard đau đớn kinh khủng, anh gào thét và vật vã điên cuồng, thành thử người ta phải trói anh vào giường. Lúc đó, Albert mới hiểu ra rằng căn phòng ở tận cuối tòa nhà được dành cho anh thương binh không phải để tốt cho anh, mà là để tránh cho những người khác phải suốt ngày chịu đựng tiếng rên rỉ của anh. Bốn năm chiến tranh chưa đủ, sự ngây thơ của anh vẫn gần như không đáy.

Albert vịn vẹo hai bàn tay nhiều giờ liền khi nghe đồng đội của mình hết rên rỉ lại nức nở rồi gào thét, chỉ trong vài giờ, những âm thanh đó chất chứa mọi sắc thái của những gì mà con người có thể thể hiện khi liên tục nằm ở giới hạn đau đớn và điên rồ.

Dù không đủ khả năng để bảo vệ chính mình trước tay phó phòng ở ngân hàng nơi anh làm việc, Albert vẫn sắm vai một luật sư nhiệt huyết, biện hộ rằng mảnh đạn pháo mà đồng đội của anh đã nhận không phải là một hạt bụi trong mắt, v.v... Với khả năng của mình, anh xoay sở rất tốt, anh nghĩ mình đã có ích. Thực ra, anh chỉ tỏ vẻ thống thiết, mà như vậy dầu sao cũng đủ rồi. Vì người ta đã làm gần như tất cả những gì có thể trong khi chờ chuyển viện, anh bác sĩ phẫu thuật trẻ tuổi chấp nhận kê moóc phin giảm đau cho Édouard, với điều kiện phải dùng liều lượng thấp nhất và phải giảm dần. Édouard không thể ở lại lâu hơn, tình trạng của anh cần được chữa ngay và ở một cơ sở chuyên khoa. Anh cần phải chuyển viện gấp.

Nhờ có moóc phin, Édouard hồi phục vẫn chậm nhưng bớt vật vã. Những cảm nhận có ý thức đầu tiên của anh khá mơ hồ, lạnh, nóng, một vài âm vọng khó nghe thấy, những giọng nói mà anh không nhận ra, khó chịu nhất là những cơn đau nhói khắp thân trên, xuất phát từ vùng ngực, hòa

cùng với nhịp tim, những đợt sóng liên tục khiến anh đau đớn vô cùng khi moóc phin giảm tác dụng. Đầu óc anh giống như một chiếc hộp cộng hưởng, mỗi đợt sóng lại kết thúc bằng một tiếng va đập trầm đục, giống như tiếng những phao tiêu va vào bờ khi tàu cập bến.

Anh cũng có cảm giác ở chân. Chân phải của anh bị một viên đạn tai ác bắn nát và anh đã góp phần làm cho vết thương nặng hơn khi đi cứu Albert Maillard. Nhưng nỗi đau đớn cũng dịu đi dưới tác động của thuốc phiện. Anh mơ hồ nhận ra mình vẫn còn chân, và đúng là như vậy. Cái chân gãy nát, nhưng nó vẫn có thể có ích (ít nhất là một phần) trong những công việc mà ta có quyền chờ đợi ở một cái chân trở về từ Chiến tranh thế giới thứ nhất. Nhận thức của anh về các sự kiện vẫn mờ mịt rất lâu, đắm chìm dưới những hình ảnh. Édouard sống trong một giấc mơ hỗn độn và triền miên, trong đó những gì anh đã thấy, đã biết, đã nghe, đã cảm được đến lúc này tiếp nối nhau một cách lộn xộn.

Đầu óc anh trộn lẫn thực tế với các hình vẽ, các bức tranh, như thể cuộc sống chẳng là gì khác một tác phẩm bố sung, đa hình dạng trong viện bảo tàng tưởng tượng của anh. Vẻ đẹp sắp tàn trong tranh Botticelli*, nỗi sợ hãi bất chợt của cậu bé bị thằn lằn cắn trong tranh của Caravaggio*—tiếp sau gương mặt của bà bán dâu tây bốn mùa ở phố Martyrs, vẻ mặt nghiêm trang của bà luôn làm cho anh xao động, hoặc là, rồi các bạn sẽ biết tại sao, cái cổ áo giả của bố anh, người có nước da phớt hồng.

Ngay giữa bức vẽ đơn sắc tạo bởi những câu chuyện vật vãnh thường nhật, những nhân vật trong tranh của Bosch*, những người khóa thân và những chiến binh cuồng nộ, bức “Cội nguồn thế giới”*—thường đều đặn hiện ra. Thế nhưng anh mới xem bức tranh này một lần, xem trộm ở nhà một người bạn. Để tôi kể với các bạn, chuyện xảy ra lâu rồi, trước chiến tranh, hồi ấy anh mười một, mười hai tuổi gì đó. Anh vẫn đang học ở trường Sainte-Clotilde. Thánh Clotilde, con gái của Chilpéric và Carétène, đúng là một con đĩ chết tiệt, Édouard đã vẽ ả trong mọi tư thế, bị ông cậu Godégisil chọc lò, bị Clovis phịch từ phía sau, và, vào khoảng năm 493, ả thổi kèn cho vua Burgondes cùng với Rémi, giám mục thành Reims, từ

phía sau. Vì thế anh đã bị đuổi học lần thứ ba, lần này là đuổi hẳn. Ai cũng cho rằng như thế là cực kỳ moi móc, thậm chí phải tự hỏi là ở tuổi ấy, anh lấy đâu ra mẫu, nhìn đâu ra những chi tiết như vậy... Bố anh bậm miệng lại, ông luôn xem nghệ thuật là sự đòi bại của những kẻ mắc bệnh giang mai. Thực ra, ngay trước thánh Clotilde, mọi việc với Édouard đã không ổn lắm rồi. Nhất là với bố anh. Édouard luôn tự thể hiện bằng các bức vẽ. Ở trường nào cũng vậy, không bữa nay thì bữa mai, thầy giáo, cô giáo nào của anh cũng được tặng một bức biếm họa cao một mét trên bảng đen. Lại còn ký tên Péricourt rành rành. Theo năm tháng, cảm hứng của anh, vốn tập trung vào đời sống học đường, ở những ngôi trường mà bố anh nhờ có quan hệ mới xin cho anh vào học được, dần dà mở rộng ra những chủ đề mới, có thể gọi đó là “thời kỳ thánh thiện” mà đỉnh điểm là cảnh mà cô Juste, giáo viên dạy nhạc, hóa thân thành Judith, vẻ mặt tham lam, giơ cao thủ cấp của Holopherne nhưng lại giống hệt ông Lapurce, giáo viên toán. Ai cũng biết là hai người này có quan hệ mờ ám với nhau, cho đến khi hai người chia tay, được biểu trưng bằng cảnh chặt đầu tuyệt hảo đó, người ta mới biết vô khối tình tiết bậy bạ nhờ những bức vẽ thời luận của Édouard, trên bảng, trên tường, trên những tờ giấy mà chính các giáo viên, sau khi tịch thu, cũng chuyền tay nhau xem trước khi giao lại cho hiệu trưởng. Không ai có thể nhìn ông thầy dạy toán tẻ nhạt trong sân trường mà không liên tưởng ngay đến một kẻ dâm bôn cợt nhả được phú cho vẻ nam tính đáng kinh ngạc. Khi đó Édouard tám tuổi. Vì cảnh trong Kinh Thánh này mà anh bị ban giám hiệu gọi lên. Cuộc trao đổi chẳng giải quyết được gì. Khi hiệu trưởng giơ hình vẽ lên và bức tức nhắc tên Judith, Édouard liền lưu ý ông rằng quả là người phụ nữ trẻ đang túm tóc kẻ bị chặt đầu, nhưng vì thủ cấp được đặt trên một cái khay, nên nếu sáng suốt hơn thì sẽ nhìn ra đó là Salomé chứ không phải Judith, và do vậy thánh Jean-Baptiste thì đúng hơn là Holopherne. Édouard cũng có phần thông thái rờm, có những phản ứng của một con chó thông thái gây không ít khó chịu.

Không phải bàn cãi, giai đoạn anh giàu cảm hứng, giai đoạn có thể gọi là “nở rộ” bắt đầu từ thời thủ dâm, khi mà các chủ đề của anh tràn trề trí

tưởng tượng và khả năng sáng tạo. Những bức tranh anh vẽ tái hiện toàn thể cán bộ nhân viên, kể cả những người giúp việc, trong đó họ đức hạnh đến độ khiến cho lãnh đạo trường bị tổn thương, trong những tác phẩm đồ sộ nơi sự phong phú về nhân vật cho phép những tư thế quan hệ cực kỳ độc đáo. Người ta cười, dù khi phát hiện ra tác phẩm khiêu dâm tưởng tượng ấy, mỗi người lại tự hỏi ít nhiều về cuộc sống của chính mình, dĩ nhiên rồi, và những người tinh đời nhất lại nhận ra ở đó một khuynh hướng đáng lo ngại cho những mối quan hệ, nói thế nào nhỉ, những mối quan hệ đáng ngờ.

Édouard vẽ suốt. Người ta bảo anh là đứa hư hỏng vì anh thích gây sốc, không chừa một ai, nhưng vụ giám mục Reims kê giao thánh Clotilde đã khiến toàn trường tức giận thực sự. Cả bố mẹ anh nữa. Rất phẫn nộ. Bố anh, như thường lệ, đã chi trả những khoản cần thiết để tránh tai tiếng. Không gì khiến nhà trường nhượng bộ. Về khoản kê giao thì nhà trường vô cùng cố chấp. Ai cũng phản đối Édouard, trừ một vài người bạn, nhất là những đứa thích thú với các bức vẽ, và chị Madeleine của anh. Cô rất khoái chí, vả lại việc linh mục làm tình với Clotilde chỉ là chuyện cũ rích mà thôi, cô sượng nhất khi hình dung ra vẻ mặt ông hiệu trưởng, cha Hubert... Cô cũng đã từng đến nhà thờ Sainte-Clotilde, nơi dành cho các nữ tu, cô biết rõ rành rành. Madeleine cười rất nhiều về sự cả gan của Édouard, sự hỗn láo bất trị của anh, cô thích vò tóc anh; nhưng anh phải sẵn sàng để cho cô vò đầu bởi vì, dù ít tuổi hơn nhưng anh rất cao... Anh cúi xuống và cô thọc tay vào mái tóc dày, cô xoa mạnh da đầu anh, mạnh đến mức cuối cùng anh phải vừa cười vừa xin tha. Rồi không được để bố trông thấy cảnh đó.

Trở lại với Édouard, việc học hành của anh đã xong bởi vì bố mẹ anh rất giàu, nhưng chưa có gì suôn sẻ cả. Ông Péricourt đã kiếm được một khoản kếch xù trước chiến tranh, ông thuộc những người đã giàu lên nhờ khủng hoảng, tưởng như khủng hoảng sinh ra để phục vụ họ. Về mẹ anh, mọi người không bao giờ nói về tài sản của bà, nói cũng bằng thừa, khác gì đi hỏi nước biển mặn từ khi nào. Nhưng mẹ anh chết sớm, vì bệnh tim, nên bố anh một mình cầm chịch. Vì quá bận rộn, ông giao hẳn việc dạy dỗ con cái cho trường học, các thầy cô và gia sư. Toàn người hầu kẻ hạ. Édouard có trí

thông minh mà ai cũng công nhận là cao hơn mức trung bình, có tài vẽ tranh đến khó tin, bẩm sinh, cả các ông thầy ở trường Mỹ thuật cũng phải sửng sốt, ngoài ra, anh còn may mắn đến ngạo đời. Anh còn hy vọng gì hơn nữa? Hẳn vì tất cả những lý do đó mà anh luôn tỏ ra khiêu khích đến thế. Biết mình sẽ chẳng sao cả, biết mọi chuyện rồi sẽ ổn thỏa, ta sẽ không còn rụt rè nữa. Ta sẽ muốn nói gì thì nói, tùy ý. Hơn nữa, ta còn thấy yên tâm: càng gặp nguy, người ta càng đánh giá được vỏ bọc che chắn của mình. Trên thực tế, ông Péricourt cứu con trai thoát khỏi mọi tình huống, nhưng ông làm thế cũng vì mình, bởi ông không chấp nhận tên tuổi mình bị vấy bẩn. Và điều này không phải dễ bởi Édouard là một thách thức thường trực, anh thích những vụ bê bối. Rốt cuộc bố anh không còn quan tâm đến số phận và tương lai của anh nữa, và Édouard đã lợi dụng để vào trường Mỹ thuật. Một người chị dễ thương và luôn che chở, một người bố cực kỳ bảo thủ, giây phút nào cũng phủ nhận con trai mình, một tài năng không thể phủ nhận, Édouard gần như có đủ mọi thứ để thành công. Được, hiểu rồi, chuyện sẽ không diễn ra đúng như thế, nhưng vào thời điểm chiến tranh kết thúc thì khách quan mà nói, tình thế phải như vậy. Ngoài cái chân của anh ra. Thương tật một cách tệ hại.

Đương nhiên, trong khi chăm sóc và thay quần áo cho Édouard, Albert không hề biết gì về tất cả những chuyện đó. Điều duy nhất mà anh chắc chắn, đó là, dù gì đi nữa, quỹ đạo của Édouard Péricourt đã bất ngờ thay chiều đổi hướng vào ngày 2 tháng Mười một năm 1918.

Và rằng chân phải sẽ nhanh chóng trở thành mối lo âu nhỏ nhất của anh.

Vậy là Albert dành toàn bộ thời gian để ở bên đồng đội và tình nguyện giúp đỡ các xơ y tá. Việc của họ là ngăn chặn nguy cơ viêm nhiễm, truyền thức ăn bằng ống thông (họ cho anh ăn một thứ hỗn hợp gồm sữa, trứng loãng hoặc nước ép thịt), trong khi Albert làm tất cả những việc còn lại. Khi không lau trán bằng khăn ướt hoặc không cho Édouard uống nước với sự cẩn thận của một thợ kim hoàn thì anh thay khăn lót giường. Anh bặm

môi, quay mặt, bịt mũi, nhìn nơi khác, tin chắc rằng có thể tương lai của đồng đội phụ thuộc vào công việc tỉ mỉ tần mẫn này.

Sự chăm chú của anh chủ yếu tập trung vào hai công việc: tìm kiếm một cách vô ích cách nào đó để giúp đồng đội thở mà không phải nhấc sườn lên, và ở bên đồng đội trông ngóng xe cứu thương đến.

Lúc làm những công việc đó, anh luôn thấy Édouard Péricourt gần như nằm lên người anh khi anh từ cõi chết trở về. Nhưng, ở hậu cảnh, điều khiến anh bị ám ảnh là hình ảnh của trung úy Pradelle chó chết. Anh dành không biết bao nhiêu giờ đồng hồ vào việc tưởng tượng xem y sẽ làm gì mình khi bắt gặp anh trên đường đi của y. Anh lại thấy cảnh Pradelle nhảy bổ lên người mình trên chiến trường và cảm nhận rất rõ cách mà hố pháo đã, có thể nói là, hút anh xuống. Tuy nhiên, anh khó mà tập trung lâu, khó mà suy nghĩ, như thể đầu óc anh chưa lấy lại được vận tốc ổn định.

Dẫu sao, ít lâu sau khi anh chết đi sống lại, mấy chữ cứ lớn vờn: “Người ta đã cố giết anh.”

Câu nói đó nghe lạ hoắc nhưng dường như không hề phi lý; tóm lại, chiến tranh thế giới luôn chỉ là âm mưu giết người được phổ biến trên toàn châu lục. Chỉ có điều âm mưu đó đã được dành riêng cho anh. Khi nhìn Édouard Péricourt, đôi lúc Albert sống lại khoảnh khắc không khí đã hiểm dần, và cơn giận dữ lại sôi lên. Hai ngày sau, anh cũng đã sẵn sàng trở thành một kẻ sát nhân. Sau bốn năm chiến tranh, giờ đã đến lúc.

Khi ở một mình, anh nghĩ đến Cécile. Cô như đã xa xôi, anh nhớ cô kinh khủng. Các sự kiện diễn ra dồn dập đã xô đẩy Albert vào một cuộc sống khác, nhưng vì chẳng có cuộc sống nào khả dĩ nếu như Cécile không ở đó, anh ru mình trong hoài niệm, ngắm ảnh cô, chăm chú nhìn vô số những điều hoàn hảo nơi cô, lông mày, mũi, đôi môi cho đến cái cằm, làm sao có thể tồn tại một thứ phi thường như cái miệng của Cécile chứ? Người ta sẽ cướp đi của anh mất thôi. Một ngày nào đó, ai đó sẽ lấy mất cô. Hoặc cô sẽ ra đi. Phải công nhận là suy cho cùng, Albert chả là gì cả, trong khi cô, đôi vai của cô, chỉ riêng đôi vai thôi đã... Chỉ nghĩ đến điều đó cũng đủ giết anh, anh sống qua những giờ phút buồn kinh khủng. Tất cả cũng chỉ đến

thế thôi, anh tự nhủ. Thế là anh lấy ra một tờ giấy và định viết cho cô một bức thư. Có nên kể hết cho cô không nhỉ, trong khi cô chỉ trông chờ đúng một điều duy nhất, đó là không nói đến chuyện đó nữa, là cuối cùng cũng phải dứt điểm với chiến tranh?

Khi không nghĩ đến những điều mà anh sẽ viết cho Cécile, hoặc cho mẹ mình (cho Cécile trước, cho mẹ sau, nếu anh có thời gian), khi không chăm chú vào vai trò y tá của mình, Albert lại nghĩ tới nghĩ lui.

Chẳng hạn, cái đầu ngựa đã bị chôn vùi cùng anh thường tái hiện trong tâm trí anh. Lạ thật, theo thời gian, nó mất đi vẻ ghê tởm. Ngay cả luồng khí hôi thối bốc ra từ nó, thứ anh đã hít vào để cố sống sót, dường như cũng không còn ghê tởm, gớm ghiếc đến thế. Trái lại, hình ảnh của Pradelle đứng trên mép hố xuất hiện trong anh càng rõ mồn một bao nhiêu thì cái đầu ngựa mà anh vẫn muốn ghi nhớ đến từng tiểu tiết lại tan biến, mất đi màu sắc và đường nét bấy nhiêu. Dù có cố gắng tập trung, hình ảnh đó lại tan biến, khiến cho Albert có cảm giác thiếu vắng, và thật lạ lùng, cảm giác đó làm anh lo lắng. Chiến tranh đang kết thúc. Chưa đến lúc tổng kết nhưng đã đến cái giờ khùng khiếp ở thì hiện tại, khi mà người ta nhận ra quy mô thiệt hại. Theo cách của những người đàn ông đã khom lưng cúi cổ suốt bốn năm dưới mưa bom bão đạn, những người mà, theo nghĩa đen của từ này, không bao giờ đứng thẳng được nữa, suốt đời bước đi với sức nặng vô hình trên vai, Albert cảm thấy có điều gì đó, anh chắc chắn thế, sẽ không bao giờ trở lại: sự thanh thản. Từ nhiều tháng nay, từ vết thương đầu tiên trong trận Somme, từ những đêm dài dằng dặc mà, với vai trò của người khiêng cáng, thắt lòng sợ bị dính đạn lạc, anh đi tìm những người lính bị thương trên chiến trường và nhất là từ khi trở về từ cõi chết, anh biết rằng một nỗi sợ hãi vô định, run rẩy, gần như có thể nắm bắt, đang dần xâm chiếm anh. Thêm vào đó là hậu quả tai hại của việc anh bị chôn sống. Điều gì đó trong anh vẫn nằm lại dưới đất, cơ thể anh đã lên trên nhưng một phần trí não anh, bị cầm tù và khiếp đảm, vẫn bị vây kín ở phía dưới. Trải nghiệm này khắc ghi trong da thịt anh, trong những cử chỉ của anh, trong ánh mắt anh. Lo sợ ngay khi rời phòng ngủ, anh rình rập từng bước chân,

thận trọng thò đầu qua khe cửa trước khi mở rộng thêm, men theo tường mà đi, thường tưởng tượng có ai đó sau lưng, dò xét nét mặt của những người đối thoại và luôn đứng gần lối thoát hiểm, phòng khi... Trong mọi tình huống, ánh mắt, cảnh giác của anh luôn nhìn ngược nhìn xuôi. Bên giường bệnh của Édouard, anh cần nhìn qua cửa sổ vì không khí trong phòng làm anh ngột ngạt. Anh luôn cảnh giác, tất cả với anh đều đáng ngờ. Anh biết rằng cả đời anh rồi sẽ phải như vậy. Giờ đây anh sẽ phải sống với nỗi lo lắng bản năng này, theo cách của một người đàn ông bất giác nhận ra mình đang ghen tuông và hiểu ra rằng, từ giờ trở đi, anh ta phải thỏa hiệp với căn bệnh mới. Phát hiện này khiến anh buồn vô kể.

Moócphin đã có tác dụng. Cho dù liều lượng sẽ giảm dần, nhưng lúc này, cứ năm hay sáu giờ gì đó Édouard lại được tiêm một mũi, anh không còn phải co quắp vì đau đớn và phòng anh không còn thường xuyên vang lên những tiếng rên rỉ đầy ám ảnh, thỉnh thoảng được điểm xuyết bằng những tiếng thét gào khiến người nghe lạnh cả sống lưng. Khi không ngủ gà ngủ gật thì dường như anh đang bồng bênh trôi, nhưng vẫn bị trói vì người ta sợ anh gãi vào những vết thương hở.

Trước đây, Albert và Édouard chưa bao giờ qua lại với nhau, họ đã từng gặp nhau, chào nhau, có thể cười với nhau từ xa chỗ này chỗ khác, chỉ thế thôi. Édouard Péricourt, một đồng đội như bao đồng đội khác, gần gũi nhưng cũng vô cùng xa lạ. Giờ đây, với Albert, anh vẫn còn là một ẩn số, một bí mật.

Sau ngày họ đến, anh nhận ra rằng đồ đạc quân trang của Édouard được để dưới chân tủ gỗ, cửa tủ mở toang và chỉ cần một làn gió thoảng qua đã kêu ken két. Ai cũng có thể vào, ai cũng có thể lấy trộm - ai mà biết được? Albert quyết định cất đi. Và khi cầm lấy cái túi xách bằng vải toan, chắc là đựng đồ dùng cá nhân, Albert mới thăm thú nhận rằng anh không muốn đụng đến chiếc túi này sớm hơn bởi như thế, anh khó có thể cưỡng được cảm dỗ lục lọi. Anh đã không làm thế vì tôn trọng Édouard, đó là một lý do. Nhưng còn có lý do khác. Việc này khiến anh nhớ đến mẹ. Bà Maillard

là một trong những bà mẹ thích lỵ lợi. Suốt tuổi thơ, Albert đã phải vận dụng hết cả kho tài khéo léo của mình để giấu mẹ những bí mật vốn chẳng có ý nghĩa gì, những bí mật mà bà Maillard cuối cùng cũng phát hiện rồi vừa vung ra trước mặt vừa mắng anh té tát. Dù đó là bức ảnh của một tay đua xe đạp được cắt ra từ tờ Minh họa, ba câu thơ anh đã chép lại từ một tuyển tập hay bốn viên bi và một chiếc mũ ca lô anh thắng được của Soubise vào giờ ra chơi thì bà Maillard vẫn xem mỗi bí mật như một sự phản bội. Những ngày cao hứng, vừa huơ huơ một tấm bưu thiếp có in hình cây bách tán ở Bắc Kỳ mà một ông láng giềng đã tặng Albert, bà vừa có thể lao vào một cuộc độc thoại bốc lửa, lần lượt xướng ra nào là sự vô ơn của con cái, sự ích kỷ riêng của con bà và khát khao cháy bỏng là sớm được đi gặp người chồng xấu số để trút bỏ gánh nặng, những gì tiếp theo thì các bạn có thể đoán được.

Những kỷ niệm kinh khủng đó tan biến khi Albert bắt gặp, gần như ngay khi mở chiếc túi bằng vải toan của Édouard, một cuốn sổ bìa cứng được buộc lại bằng dây cao su, cuốn sổ rõ ràng đã trải qua nhiều mưa nắng và chỉ có những hình vẽ bằng bút chì xanh. Albert ngồi đó, ngẩn người ra, chân xếp bằng, trước cái tủ đang kêu ken két, lập tức bị thôi miên bởi những cảnh đó, một số bức được phác họa rất nhanh, số khác được vẽ rất công phu với những cái bóng sâu tạo bởi những nét chải sạt sạt như cơn mưa nặng hạt. Tất cả những hình vẽ này, khoảng chừng một trăm, đã được thực hiện ở đây, trên mặt trận, trong hầm hào, và thể hiện mọi khoảnh khắc thường nhật, những anh lính đang biên thư, hút thuốc, cười đùa, sẵn sàng chiến đấu, ăn, uống, đại loại thế. Một nét phác vội cũng trở thành chân dung của một anh lính trẻ mệp mội, ba nét là thành một gương mặt bơ phờ với đôi mắt lơ lảo, khiến lòng bạn cũng quặn thắt. Gần như chả là gì, một nét phác họa, như lướt qua, một nét bút chì thôi cũng đủ nắm bắt được điều cốt yếu, nỗi sợ hãi, sự khốn nạn, sự chờ đợi, nỗi thất vọng, sự kiệt sức, cuốn sổ này như thể một tuyên ngôn về định mệnh.

Albert lật giở cuốn sổ, lòng thắt lại. Bởi vì, trong ấy, chẳng bao giờ có người chết. Chẳng bao giờ có người bị thương. Không một xác chết. Chỉ có

người sống. Như thế lại càng kinh khủng hơn bởi vì tất cả những hình ảnh này đều gào thét: những người này sẽ chết.

Anh xếp đồ của Édouard lại, bùi ngùi.

Về việc hỗ trợ bằng moócphin chàng bác sĩ trẻ vẫn kiên quyết, không thể tiếp tục như thế được, người ta thường quen với loại thuốc phiện này và như thế ảnh hưởng lắm, không phải khi nào cũng được dùng, các anh ạ, phải dùng thôi. Sau hôm phẫu thuật một ngày, anh ta đã giảm liều lượng xuống.

Édouard đang dần phục hồi, và khi tỉnh táo trở lại, anh lại cảm thấy đau đớn kinh khủng, vì thế Albert rất lo cho việc chuyển anh đi Paris, mặc dù điều này vẫn chưa thực hiện được.

Khi được hỏi, anh chàng bác sĩ giơ tay lên ra vẻ bất lực rồi hạ giọng:

— Ba mươi sáu giờ ở đây... Lẽ ra anh ấy phải được chuyển rồi chứ, tôi không hiểu. Anh thấy đấy, luôn có những vấn đề ùn tắc. Nhưng anh ấy ở lại đây thì thực sự không tốt đâu, anh biết đấy...

Nét mặt anh ta tỏ ra hết sức lo lắng. Từ lúc đó, Albert mới hoảng lên và chỉ chăm chăm mỗi một mục đích: xin cho đồng đội mình được chuyển viện càng sớm càng tốt.

Anh tất tả, chạy ngược chạy xuôi, đi hỏi những bà xơ đang hốt hơ hốt hải chạy trong hành lang như những con chuột nhắt, mặc dù bây giờ bệnh viện đã yên ắng hơn. Anh vất vả thế cũng chẳng ăn thua gì, đây là bệnh viện quân y, tức là nơi người ta gần như không thể hỏi han bất cứ điều gì, mà trước hết là tên tuổi của những người đang thực sự chỉ huy ở đây.

Mỗi tiếng một lần, anh trở lại giường bệnh của Édouard và chờ cho đến khi anh chàng này ngủ lại. Thời gian còn lại, anh tất tả trong các phòng, các lối đi dẫn đến các tòa nhà chính. Thậm chí anh còn đến cả tòa thị chính.

Khi trở về sau một trong những lần chạy vạy đó, anh gặp hai anh lính đứng như trời trồng ngoài hành lang. Quân phục sạch sẽ, mày râu nhẵn

nhụi, vàng hào quang tự tin bao quanh, tất cả tỏ rõ họ là lính đương nhiệm ở Tổng hành dinh. Người đầu tiên giao cho anh một tài liệu được niêm phong, còn người thứ hai, có lẽ là để vững vàng hơn, thì đặt tay lên khẩu súng lục. Albert nghĩ phản xạ nghi hoặc của anh không phải không có cơ sở.

— Chúng tôi vào rồi, - người lính đầu tiên nói với vẻ hối lỗi. Anh ta chỉ căn phòng bằng ngón tay cái. - Nhưng sau đó, chúng tôi muốn chờ ở ngoài hơn. Mùi...

Albert vào phòng và thả ngay bức thư mà anh đang xé nhãn niêm phong để lao về phía Édouard. Lần đầu tiên kể từ khi vào bệnh viện, anh lính trẻ gần như mở mắt, hai gối kê dưới lưng, chắc là một bà xơ ghé qua đã giúp anh, đôi tay bị trói của anh giấu dưới tấm chăn, anh lắc lắc cái đầu và phát ra những tiếng càu nhàu khàn khàn kết thúc bằng tiếng òng ọc. Miêu tả như vậy, ta không thể nói là có sự cải thiện thực sự tích cực, nhưng cho đến lúc đó, Albert mới chỉ chứng kiến một cơ thể gào thét và bị co giật dữ dội hoặc mơ mơ màng màng trong tình trạng gần giống với hôn mê. Những gì anh đang thấy tốt hơn nhiều.

Khó mà biết được có luồng điện bí ẩn nào đã truyền từ người này sang người kia trong những ngày Albert ngồi ngủ gà trên ghế, nhưng ngay khi Albert đặt tay lên mép giường, Édouard bất ngờ giật mạnh dây trói và túm được cổ tay anh, rồi siết chặt bằng sức lực của một kẻ đang bị dọa dẫm. Tất cả những gì chứa đựng trong cử chỉ này, chẳng ai có thể nói ra. Nó chất chứa tất cả nỗi sợ hãi và niềm an ủi, những yêu cầu và những câu hỏi của một thanh niên hai mươi ba tuổi bị thương ở chiến trường, còn mơ hồ về tình trạng của mình và đau đớn đến nỗi không thể xác định được cơn đau nằm ở chỗ nào.

— Chà, ông anh đã tỉnh rồi đấy, - Albert nói, cố gắng để lời lẽ của anh nghe thật phấn khởi.

Một giọng nói phía sau anh khiến anh giật mình:

— Phải đi thôi...

Albert quay lại.

Anh lính chìa cho anh bức thư nhặt dưới đất lên.

Anh ngồi trên một chiếc ghế, chờ ngót bốn tiếng đồng hồ. Đủ thời giờ để lục tung tất cả các lý do khiến một anh lính vô danh tiểu tốt như anh lại được tướng Morieux triệu tập. Từ việc phong tặng huy chương chiến công đến tình trạng của Édouard, chúng ta hãy bỏ qua công việc liệt kê, tùy mỗi người tưởng tượng.

Kết quả của mấy giờ liên động não đó tan biến ngay khi anh nhìn thấy, ở đầu hành lang, bóng dáng cao lớn của trung úy Pradelle. Viên sĩ quan nhìn xoáy vào mắt anh, vừa đi về phía anh vừa húc hắc hai vai. Albert cảm giác có một cục gì đó chạy từ cổ họng xuống dạ dày, cảm giác buồn nôn xâm chiếm anh, khó nhọc lắm anh mới kiềm chế được. Với tốc độ tương đương, đó chính là động tác đã đẩy anh xuống hố pháo. Viên trung úy thôi nhìn anh khi đi ngang qua và quay ngoắt người để gõ cửa phòng chỉ huy của viên tướng rồi mất hút sau cánh cửa.

Để nghiên ngẫm điều này, Albert cần có thời gian nhưng anh lại không có. Cánh cửa lại mở ra, tên anh được réo lên, anh lao đảo tiến vào chốn linh thiêng nồng nặc mùi rượu cô nhắc và xì gà, có lẽ người ta đang ăn mừng chiến thắng sắp tới.

Tướng Morieux có vẻ rất già và giống như bất kỳ ông lão nào đã đẩy vào cõi chết toàn bộ những thế hệ con trai và cháu trai của mình. Hãy thử kết hợp chân dung của Joffre* và Pétain* với chân dung của Nivelle*, Gallieni* và Ludendorff*, các bạn sẽ có Morieux, bộ ria hải cẩu dưới đôi mắt đầy nhử chìm chìm trong sắc da ngăm đỏ, những nếp nhăn sâu và ý thức bầm sinh về tầm quan trọng của mình.

Albert đờ người ra. Khó mà biết được viên tướng đó đang tập trung hay đang bị cơn buồn ngủ hành hạ. Tựa tựa Koutouzov*. Ngồi phía sau bàn, ông ta chìm trong đồng giấy tờ. Phía trước, đối diện với Albert, quay lưng về phía viên tướng, trung úy Pradelle đang đứng im phăng phắc và chậm rãi nhìn anh từ đầu xuống chân một cách cố ý. Chân giạng ra, tay chắp sau lưng, như để dò xét, y có vẻ như đang lắc lư. Albert hiểu ý và chỉnh lại tư

thế. Anh đứng nghiêm, ưỡn người, thấy đau ở vùng thắt lưng. Im lặng nặng nề. Con hải cẩu cuối cùng cũng ngẩng đầu lên. Albert cảm thấy mình nên ưỡn thêm chút nữa. Nếu tiếp tục, anh sẽ lộn ngược như làm xiếc. Thông thường, viên tướng phải miễn cho anh cái tư thế bất tiện đó, nhưng không, lão nhìn Albert chăm chăm, đằng hắng rồi cúi xuống nhìn một tập tài liệu.

— Quân nhân Maillard, - lão dẫn giọng.

Nhẽ ra Albert phải trả lời: “Có, thưa đại tướng” hoặc cái gì đó tương tự, nhưng mặc dù viên tướng nói rất chậm rãi, đối với Albert vẫn là quá nhanh. Viên tướng nhìn anh.

— Tôi đang có đây một bản báo cáo... - lão tiếp tục. - Ngày 2 tháng Mười một, trong khi đơn vị anh đang chiến đấu thì anh lại cố tình tìm cách thoái thác nhiệm vụ.

Điều này, Albert không lường trước được. Anh đã tưởng tượng đủ chuyện, nhưng chuyện này thì không. Viên tướng đọc:

— Anh đã “núp trong một hố pháo để trốn tránh nghĩa vụ”... Ba mươi tám đồng đội của anh đã hy sinh trong trận này. Vì Tổ quốc. Anh là một tên khốn, quân nhân Maillard ạ. Và thậm chí tôi sẽ nói thẳng suy nghĩ của mình: anh là một thằng đểu!

Lòng Albert nặng trĩu, anh chực bật khóc. Từ nhiều tuần nay, anh hy vọng giã từ cuộc chiến này, thế mà lại kết thúc như vậy đó...

Tướng Morieux vẫn tiếp tục nhìn Albert chăm chăm. Lão thấy sự hèn nhát đó thật là thảm hại. Ngao ngán trước hiện thân của nỗi điếm nhục mà tên lính thảm hại này là một đại diện, lão kết luận:

— Nhưng tội đào ngũ không thuộc thẩm quyền của tôi. Thẩm quyền của tôi là chiến đấu, anh hiểu chứ? Anh thuộc thẩm quyền của tòa án binh, của hội đồng chiến tranh, Maillard ạ.

Albert thả lỏng tư thế. Buông dọc theo chiếc quần, hai tay anh bắt đầu run lên. Chết thật rồi. Những câu chuyện đào ngũ hay những kẻ tự làm mình bị thương để không phải ra chiến trường luôn hiển hiện trong tâm trí mọi người, chẳng có gì mới. Người ta đã nghe nói nhiều về hội đồng chiến tranh, nhất là vào năm 17, khi Pétain trở lại ổn định tình hình lộn xộn lúc

đó. Người ta đã chuyển không biết bao nhiêu vụ sang cho bên quân đội; về tội đào ngũ thì tòa án không bao giờ nhân nhượng. Không có nhiều người bị bắn nhưng tất cả đều không thoát khỏi cái chết. Và chết rất nhanh. Tốc độ hành quyết là một phần của việc hành quyết. Trường hợp Albert, anh còn ba ngày nữa để sống. Khả năng tốt nhất.

Anh phải phân bua, đó là một sự nhầm lẫn. Nhưng cái mặt Pradelle đang nhìn anh chăm chăm lại không nhường chỗ cho bất cứ nhầm lẫn nào.

Đó là lần thứ hai y đưa anh tới cái chết. Người ta có thể sống sót sau khi bị chôn sống, nếu rất may mắn, nhưng ở tòa án binh...

Mồ hôi ròng ròng giữa hai bả vai, trên trán và làm nhòa cả hai mắt anh. Toàn thân anh run bắn lên và, vẫn đứng đó, anh bắt đầu vãi tè, rất chậm. Viên tướng và viên trung úy nhìn vệt nước đang lan dần nơi cửa quần rồi chảy xuống chân.

Nói gì đó đi chứ. Albert cố mà chẳng tìm ra lời.

Viên tướng tiếp tục tấn công, lão rành việc này mà, với cương vị một viên tướng:

— Trung úy Aulnay-Pradelle chắc chắn như thế, anh ấy đã nhìn thấy rõ rành rành anh nhảy xuống hố. Phải thế không, Pradelle?

— Thấy rõ rành rành, thưa đại tướng, chính xác là vậy.

— Thế nào, quân nhân Maillard?

Chẳng phải vì không tìm ra ngôn từ mà Albert không thể nói nửa lời. Anh ấp úng:

— Không phải thế...

Viên tướng nhíu mày:

— Thế nào, không đúng vậy sao? Anh đã chiến đấu đến cùng ư?

— Dạ không...

Nhẽ ra anh nên nói: “Không, thưa đại tướng” nhưng không thể nghĩ hết được trong tình huống ấy.

— Anh đã không tham gia trận đánh, - viên tướng vừa gào lên vừa đấm tay xuống bàn, - bởi vì anh ở trong một hố pháo! Đúng thế hay không?

Phần sau sẽ khó mà phân bua. Hơn nữa viên tướng lại dấm tay xuống bàn:

— Đúng hay không, quân nhân Maillard?

Đèn, lọ mực, tấm lót tay, tất cả đồng loạt nảy lên. Mắt Pradelle vẫn dán vào đôi chân của Albert nơi vệt nước đá đã loang ra tấm thảm đã sờn trong phòng.

— Đúng, nhưng mà...

— Tất nhiên là đúng rồi! Trung úy Pradelle đã thấy rõ như thế, phải không anh Pradelle?

— Dạ thấy rõ như thế, thưa đại tướng.

— Nhưng sự hèn nhát của anh đâu có được tưởng thưởng, quân nhân Maillard... - Viên tướng giơ ngón tay trở lên tỏ ý báo thù. - Thậm chí anh đã suýt chết vì sự hèn nhát của mình! Chờ đợi thì anh có mất gì đâu!

Trong cuộc sống, luôn có những khoảnh khắc mà sự thật lóe sáng. Tất nhiên rất hiếm hoi. Trong đời anh lính Albert Maillard, cái giây tiếp theo là một trong những khoảnh khắc ấy. Nó gói gọn trong ba từ, cả niềm tin của anh được cô đọng trong đó:

— Không đúng thế.

Nếu là một câu nói dài dòng, một ý đồ giải thích thì hãn tướng Morieux đã bực bội phẩy tay gạt phẳng, nhưng ba từ đó... Lão cúi đầu. Có vẻ suy nghĩ. Giờ Pradelle đang nhìn giọt nước mắt đọng trên mũi Albert nhưng anh không thể lau vì đang trong tư thế đứng nghiêm. Giọt nước mắt treo đó, trông thảm thương, nó đung đưa, kéo dài ra, không đành lòng rơi xuống. Albert khịt mũi âm ỉ. Giọt nước mắt run rẩy nhưng không chịu rớt xuống. Chỉ làm cho viên tướng hết chờ đợi.

— Mặc dầu thế, lý lịch công tác của anh không đến nỗi tệ. Không hiểu! - lão kết luận, nhún vai vẻ bất lực.

Điều gì đó vừa diễn ra, nhưng đó là gì?

— Trại Mailly, - viên tướng đọc. - La Marne... Ờ...

Lão cúi xuống đồng giấy tờ, Albert chỉ thấy mái tóc bạc lưa thưa của lão, có thể thấy thấp thoáng lớp da đầu màu hồng.

— Bị thương ở trận Somme... Ở... À, cả ở Aisne nữa! Lính khiêng cáng, ở, à... - Lão lắc lắc cái đầu như một con vẹt ướt nhoẹt.

Giọt nước mắt trên mũi Albert cuối cùng cũng quyết định rơi xuống, tan ra dưới nền nhà và làm lóa lên trong tâm trí anh một phát hiện: đó là chuyện tầm phào.

Viên tướng đó đang cả gan gây chuyện với anh.

Trí não Albert bao quát cả một vùng lãnh thổ, cả lịch sử, thời sự, và thế cuộc. Khi viên tướng ngược mắt nhìn anh, anh biết, anh đã hiểu, câu trả lời của cấp trên không có gì đáng ngạc nhiên:

— Tôi sẽ xem xét lý lịch công tác của anh, Maillard ạ.

Albert sục sục. Pradelle chịu đựng. Y đã mượn tay viên tướng để giở trò, ai mà biết được. Nếu trót lọt, y sẽ thoát khỏi Albert, một nhân chứng phiền hà. Nhưng đó là một con bài tệ hại, vào thời điểm này người ta không xử bắn. Pradelle là một tay chơi cừ. Y cúi đầu và cố chịu đựng.

— Vào năm 17, anh khá đấy chứ, anh bạn trẻ! - viên tướng nói tiếp. - Nhưng ở chỗ này...

Lão so vai vẻ đau khổ. Người ta cảm nhận được rằng, trong tâm trí lão, tất tật tiêu ma cả rồi. Đối với một quân nhân, cuộc chiến đang kết thúc là cái gì đó tệ hại nhất. Lão đã phải lục lọi, động não, tướng Morieux ấy, nhưng lão vẫn phải thừa nhận sự thật hiển nhiên, dù đây là một trường hợp đào ngũ tuyệt hảo, chỉ cách hiệp định đình chiến có vài ngày, là không thể nào biện minh cho việc tập hợp cả một trung đội hành hình. Không còn mang tính thời sự nữa. Sẽ chẳng ai chấp nhận. Thậm chí còn phản tác dụng.

Mạng sống của Albert phụ thuộc vào một chi tiết chẳng đâu vào đâu: anh sẽ không bị xử bắn bởi vì, tháng này, hình phạt đó không thịnh hành.

— Cảm ơn đại tướng, - anh nói rõ ràng.

Morieux cực chẳng đã đón nhận câu nói đó. Cảm ơn một viên tướng, vào những thời điểm khác thì chẳng khác chửi ông ta, nhưng trong trường hợp

này...

Vụ việc đã giải quyết xong. Morieux uể oải xoa tay, vẻ suy sụp, một thất bại nặng nề! Anh có thể về.

Albert bị làm sao vậy? Các bạn sẽ biết ngay. Anh vừa cách đội thi hành án tử hình có tí tẹo, nhưng dường như thế vẫn chưa đủ.

— Tôi có một thỉnh cầu, thưa đại tướng, - anh nói.

— Thế à? Cái gì? Cái gì thế?

Thật lạ là cái vụ thỉnh cầu này lại làm cho viên tướng hài lòng. Người ta còn xin xỏ lão, nghĩa là lão vẫn còn có ích. Lão rướn một bên lông mày về dò xét và khích lệ. Lão chờ. Bên cạnh Albert, dường như Pradelle đang căng ra, cứng lại. Như thế y đã biến thành hợp kim.

— Tôi muốn xin đại tướng cho mở một cuộc điều tra, - Albert nói tiếp.

— Sao, điều tra hả! Điều tra về cái gì, chết tiệt?

Bởi vì, viên tướng này thích được thỉnh cầu bao nhiêu thì lại ghét điều tra bấy nhiêu. Lão là quân nhân mà.

— Liên quan đến hai người lính, thưa đại tướng.

— Những người lính này bị làm sao?

— Họ đã chết, thưa đại tướng. Và tốt hơn hết là tìm hiểu họ chết như thế nào.

Morieux nhú mày. Lão không thích những cái chết đáng ngờ. Trong chiến tranh, người ta cần những cái chết rõ ràng, anh dũng và nhanh gọn, chính vì lý do này mà người ta không ưa gì người bị thương, người ta chỉ chịu đựng họ thôi.

— Chờ đã, chờ đã... - Morieux nói, giọng run run. - Trước hết hai người đó là ai đã?

— Quân nhân Gaston Grisonnier và Louis Thérieux, thưa đại tướng. Chúng tôi muốn biết họ đã chết như thế nào.

Hai chữ “chúng tôi” cực kỳ xác xược, chúng đến với anh một cách tự nhiên. Cuối cùng, anh đã có cách.

Morieux đưa mắt dò hỏi Pradelle.

— Đó là hai người mất tích ở cứ điểm 113, thừa đại tướng, - viên trung úy trả lời.

Albert sững sờ.

Anh đã thấy họ trên chiến trường, đúng là đã chết thật, nhưng không hề suy suyễn, thậm chí anh đã đẩy người lính già, anh còn nhớ rất rõ điểm chạm đích của hai viên đạn.

— Không thể nào...

— Chết tiệt, bởi vì người ta bảo với anh là họ bị mất tích! Phải không, Pradelle?

— Bị mất tích, thừa đại tướng. Hoàn toàn đúng như thế.

— Và rồi, - viên tướng già ợ một cái, - anh sẽ không làm phiền chúng tôi với những người mất tích này chứ!

Đó không phải là một câu hỏi, đó là mệnh lệnh. Lão điên tiết.

— Quái quỷ gì thế này? - lão càu nhàu một mình.

Nhưng mà lão cần có người hỗ trợ đôi chút.

— Thế nào? Pradelle? - lão đột nhiên hỏi.

Lão bắt y đứng ra làm chứng.

— Hoàn toàn đúng như vậy, thừa đại tướng. Ta không nên vì lính mất tích mà chuốc lấy phiền hà.

— Chà! - viên tướng vừa nói vừa nhìn Albert.

Pradelle cũng nhìn Albert. Thằng ngốc này không phải đang cười cười đấy chứ?

Albert bỏ cuộc. Tất cả những gì anh muốn lúc này, đó là chiến tranh kết thúc và anh mau chóng được trở về Paris. Nguyên vẹn, nếu được. Suy nghĩ này khiến anh nhớ tới Édouard. Vừa chào lão già hủ lậu (thậm chí anh không rập gót, thì cũng đúng thôi nếu như anh không hờ hững đặt ngón trở lên thái dương như một anh công nhân vừa xong một công việc mệt nhọc và trở về nhà), vừa tránh ánh mắt của viên trung úy, Pradelle đã chạy ra hành lang, bỗng anh có một linh cảm mà chỉ những ông bố bà mẹ mới có. Anh mệt đứt hơi khi mở toang cánh cửa.

Édouard vẫn chưa thay đổi tư thế, nhưng anh tỉnh dậy khi nghe tiếng Albert lại gần. Anh giơ ngón tay chỉ cánh cửa sổ gần giường. Đúng là trong phòng hôi thối đến hoa cả mắt. Albert hé mở cửa sổ. Édouard đưa mắt dõi theo. Anh thương binh trẻ van nài: “rộng hơn”, anh lấy tay ra hiệu, “không, bớt đi”, “thêm tí nữa”, Albert làm theo, anh mở rộng cánh cửa hơn, và khi hiểu ra thì đã quá muộn. Édouard cố sức tìm kiếm ngôn từ, cố sức lắng nghe mình tuôn ra những tiếng òng ọc là vì anh muốn biết; giờ anh đang nhìn mình trong cửa kính.

Mảnh pháo đã cướp đi của anh toàn bộ hàm dưới; bên dưới mũi rỗng hoác, có thể nhìn thấy cổ họng, vòm họng, vòm miệng và duy nhất hàm răng trên, còn bên dưới là một khối thịt nhão đỏ lòm với thứ gì đó bên trong cùng, hẳn là thanh môn, không còn lưỡi nữa, khí quản đã tạo nên một lỗ màu đỏ ướm nhoẹt...

Édouard hai mươi tư tuổi.

Anh ngất đi.

6

Ngày hôm sau, vào khoảng bốn giờ sáng, khi Albert vừa cởi trói cho anh để thay tấm lót giường, Édouard định nhảy qua cửa sổ. Nhưng trong lúc xuống giường, anh mất thăng bằng vì chân phải không còn đi nổi và anh ngã khụy xuống đất. Nhờ vào một nỗ lực và ý chí tuyệt vời, anh đứng dậy được, trông hết như một con ma. Anh khập khiễng bước nặng nhọc đến sát cửa sổ, hai mắt lồi ra, anh chìa tay, gào lên vì buồn rầu và vì đau đớn, Albert cũng nức nở ôm anh vào lòng, xoa lên gáy anh. Với Édouard, Albert cảm thấy mình dịu dàng như một người mẹ. Phần lớn thời gian, anh trò chuyện với Édouard để lấp đầy thời gian chờ đợi.

— Tướng Morieux, - anh kể với Édouard, - đó là hạng người đều cáng, cậu biết không? Tướng cơ đấy. Lão ta muốn lôi mình ra trước hội đồng chiến tranh! Còn Pradelle, thằng khốn đó...

Albert nói, nói, nhưng ánh mắt Édouard đã tắt ngấm, không thể biết anh có hiểu điều người khác nói với mình hay không. Việc giảm liều lượng moóc phin khiến anh phải thức giấc khá lâu, vì thế Albert không có dịp đi hỏi thăm về chiếc xe chết tiệt đưa Édouard chuyển viện đến giờ vẫn chưa thấy đâu. Édouard mà rên là rên liên tục không dứt; tiếng rên của anh mỗi lúc một to thêm cho tới khi y tá đến tiêm mũi khác.

Đầu buổi chiều ngày hôm sau, khi anh quay lại bệnh viện mà chẳng được tích sự gì - không thể biết người ta có lên kế hoạch chuyển viện hay không - Édouard đang hét lên đòi chết, anh đau khủng khiếp, cổ họng anh há ra trông đỏ ngầu, và ở một số chỗ, người ta có thể thấy xuất hiện mủ đọng, mùi hôi càng ngày càng không thể ngửi được.

Albert lập tức rời phòng và chạy một mạch đến phòng làm việc của các y tá. Không có ai. Anh rống lên trong hành lang “có ai không?” Không ai cả. Anh đã chạy ra nhưng đột nhiên dừng chân. Anh quay lại. Không,

anh sẽ không dám. Có dám? Anh ngó ngược ngó xuôi trong hành lang, tiếng gào thét của đồng đội vẫn còn vang lên trong tai anh, tiếp sức cho anh, anh vào phòng, anh biết thứ đó nằm ở đâu, từ lâu rồi. Anh chụp lấy chìa khóa trong ngăn kéo phía bên phải, mở tủ kính. Một bơm tiêm, cồn, những ống moóc phin. Nếu bị tóm thì anh sẽ tiêu luôn, tội ăn cắp thiết bị quân sự, anh thấy rõ cái mặt đỏ bừng của viên tướng đang tiến tới, theo sau là cái bóng hung ác của viên trung úy Pradelle... Rồi ai sẽ lo cho Édouard? anh kinh hoàng tự hỏi. Nhưng chẳng có ai xuất hiện, Albert ôm chặt chiến lợi phẩm, khẽ nhại mồ hôi rời khỏi phòng. Anh không biết làm thế có đúng hay không, nhưng những cơn đau đó đúng là không thể chịu nổi.

Mũi tiêm đầu tiên quả thật rất mạo hiểm. Anh đã thường xuyên giúp đỡ các xơ, nhưng khi phải tự mình làm lấy... Tắm lót giường, mùi hôi thối như chuột chết và bây giờ là tiêm... Ngăn cản một gã lao qua cửa sổ đã không dễ gì rồi, anh vừa nghĩ vừa chuẩn bị bơm tiêm; lau dít cho cậu ta, giúp cậu ta thở, tiêm cho cậu ta, anh đang lún sâu vào cái quái gì thế này?

Anh đã chèn một chiếc ghế dựa phía dưới tay nắm cửa để khỏi có ai đó vào không đúng lúc. Anh làm không đến nỗi tệ. Albert đã tính đúng liều lượng; hẳn là phù hợp với mũi tiêm tiếp theo của xơ y tá.

— Được rồi, cậu sẽ thấy, sẽ đỡ hơn nhiều.

Đúng là có đỡ. Édouard thoải mái hơn và ngủ thiếp đi. Ngay cả khi cậu ta ngủ rồi, Albert vẫn tiếp tục chuyện trò. Và suy nghĩ về vấn đề chuyển viện quý quái đó. Anh đi tới kết luận rằng phải dò lại nguồn cơn: đến phòng nhân sự.

— Cậu biết đấy, khi cậu bình tĩnh yên lặng thì việc này làm mình áy náy lắm, - anh phân trần. - Nhưng vì mình không chắc là cậu sẽ biết điều...

Anh miễn cưỡng trói Édouard vào giường rồi đi ra.

Ngay khi ra khỏi phòng, anh đã trông chừng phía sau và men sát tường, vừa đi vừa chạy để chỉ vắng mặt trong thời gian ngắn nhất.

— Cái này à, tốt nhất trong năm đấy! - gã kia nói.

Anh ta tên là Grosjean. Phòng nhân sự là một gian phòng nhỏ có cửa sổ bé xíu, các giá kệ oằn xuống dưới sức nặng của những đồng hồ sơ buộc đai. Phía sau một trong hai cái bàn chất đầy giấy tờ, danh sách, báo cáo, hạ sĩ Grosjean có vẻ đang bận ngập đầu.

Anh ta mở một quyển sổ lớn, vừa dò các cột bằng ngón trở màu nâu vì ám khói thuốc vừa càu nhàu:

— Cậu không biết chứ ở đây có nhiều thương binh...

— Có chứ.

— Có chứ cái gì?

— Có chứ, tớ biết chứ.

Grosjean thôi xem sổ, ngẩng đầu lên nhìn anh chăm chăm. Albert cân nhắc sai lầm của mình, tính cách gỡ lại, nhưng Grosjean đã lại cặm cụi, mãi miết với công việc tìm kiếm.

— Mẹ kiếp, tớ thấy cái tên này rất quen...

— Nhất định thế, - Albert nói.

— Ờ đúng thế mà, nhất định rồi, nhưng mà nó ở đâu nhỉ, chết tiệt...? - Bỗng anh ta kêu lên. - Đây rồi!

Anh ta vừa giành chiến thắng, người ta thấy ngay.

— Péricourt, Édouard! Tớ biết mà! Đây này! Tớ biết mà!

Anh ta quay ngược cuốn sổ về phía Albert, ngón trở to bự chỉ vào phía dưới trang. Anh ta muốn chứng tỏ mình đã đúng đến mức nào.

— Thế thì sao? - Albert hỏi.

— Thế thì bạn của cậu đã được đăng ký.

Anh ta nhấn mạnh hai chữ “đăng ký”. Trong miệng anh ta, hai chữ đó có giá trị như một bản án.

— Tớ đã bảo cậu mà! Tớ nhớ mà, cuối cùng thì tớ chưa đến nỗi lẫn cấn, mẹ kiếp!

— Thế thì sao?

Anh ta nhắm mắt lại sung sướng. Rồi mở mắt ra:

— Hẳn được đăng ký ở đây (anh ta gõ ngón tay cái xuống quyển sổ), rồi ta viết phiếu chuyển viện.

— Thế phiếu chuyển viện này đi đâu?

— Đến phòng hậu cần. Xe cộ là do họ quyết định...

Albert sẽ phải trở lại phòng hậu cần. Anh đã đến đó hai lần rồi, chẳng có thông báo hay phiếu phịch gì cả, cũng không có giấy tờ nào mang tên Édouard, điên mất. Anh nhìn đồng hồ. Công việc tiếp theo để sau giải quyết, giờ phải quay lại chỗ Édouard, cho cậu ta uống nước, cậu ta phải uống nước nhiều, bác sĩ đã khuyên như vậy. Anh quay lại, rồi đổi ý. Mẹ kiếp, anh tự nhủ. Nếu như...

— Cậu là người mang những tờ phiếu đến phòng hậu cần à?

— Ừ, - Grosjean khẳng định. - Hoặc có người đến lấy, tùy lúc.

— Thế phiếu mang tên Péricourt, cậu có nhớ ai lấy đi không?

Nhưng anh đã biết câu trả lời.

— Có. Một trung úy, mình không biết tên.

— Một gã cao gầy...

— Chính xác.

—... mắt xanh?

— Đúng thế!

— Khốn kiếp...

— Điều đó thì mình không thể nói với cậu...

— Làm lại phiếu có lâu không?

— Làm bản sao, cách gọi là thế.

— Đồng ý, bản sao, làm có lâu không?

Grosjean quả là thạo việc. Anh ta lấy lọ mực ra, chụp lấy một cái bút rồi giờ lên.

— Coi như xong.

Căn phòng sặc mùi thịt thối. Đúng là Édouard phải được chuyển viện thật nhanh. Âm mưu của Pradelle đang trót lọt. Tẩy sạch, rửa sạch. Với

Albert, hội đồng chiến tranh chỉ vừa mới rời xa, nhưng với Édouard, nghĩa trang đang xích lại gần một cách nguy hiểm. Thêm vài tiếng nữa, anh sẽ chết thối ra. Trung úy Pradelle không muốn có nhiều người làm chứng cho tinh thần anh dũng của y.

Albert đích thân nộp bản sao đó cho phòng hậu cần.

Ít nhất là ngày mai, người ta bảo anh.

Anh thấy thời hạn đó dài vô tận.

Anh bác sĩ trẻ vừa rời bệnh viện. Người ta vẫn chưa biết ai sẽ thay anh. Có nhiều bác sĩ phẫu thuật, nhiều thầy thuốc khác mà Albert không biết, một người ghé vào phòng, chỉ ở lại một lúc, như thế làm thế là không bỏ công.

— Khi nào thì cho anh ấy chuyển viện? - anh ta hỏi.

— Đang làm thủ tục, vì cái phiếu chuyển viện ấy. Thực ra, cậu ta đã được đăng ký vào sổ, nhưng mà...

Tay bác sĩ ngắt lời ngay:

— Khi nào? Nếu cứ để như thế...

— Người ta bảo ngày mai...

Anh ta ngược mắt nhìn trần nhà, vẻ nghi hoặc. Thuộc loại thầy thuốc đã chứng kiến nhiều chuyện như thế. Anh ta lắc đầu, anh ta hiểu. Được, điều đó không quan trọng, anh ta quay lại và vỗ vai Albert.

— Mở cửa ra cho thoáng, - anh ta vừa đi ra vừa nói, - phòng thối như chuột chết ấy!

Ngày hôm sau, từ sớm tinh mơ, Albert đến phòng hậu cần. Anh sợ nhất là gặp phải Pradelle trên đường. Hẳn đã thành công trong việc ngăn cản Édouard chuyển viện, việc gì hẳn cũng có thể làm. Đối với Albert, không lộ diện là điều duy nhất quan trọng. Và miễn sao Édouard được chuyển đi càng nhanh càng tốt.

— Hôm nay à? - anh hỏi.

Grosjean thấy anh là người tốt. Anh ta thấy việc chăm sóc đồng đội như vậy quả là tuyệt vời. Biết bao người sẽ mặc kệ, chỉ quan tâm đến cái mồm

của mình thôi.

— Há? Không, hôm nay thì chưa, - anh ta tiếc nuối. - Mà là ngày mai.

— Cậu biết mấy giờ không?

Grosjean tra cứu rất lâu đồng danh sách của mình.

— Tớ, - anh ta trả lời mà không ngược mắt lên, - căn cứ vào các điểm thu gom - xin lỗi nhé, anh bạn, ở đây chúng tớ thường nói thế - xe cứu thương hẳn sẽ đến đây lúc đầu giờ chiều.

— Chắc chắn chứ?

Albert những muốn bám vào đó, đồng ý, ngày mai, nhưng anh lại tự trách mình thật chậm chạp, không hiểu ra sớm hơn. Lẽ mề như thế. Nhẽ ra Édouard đã phải được chuyển viện rồi nếu anh gặp một đồng đội đỡ ngốc hơn.

Ngày mai.

Édouard không ngủ được. Ngồi trên giường, được chèn những chiếc gối mà Albert đã nhặt nhạnh ở các phòng bệnh khác, anh lắng lư nhiều giờ liền, miệng thốt ra những tiếng rên đau đớn.

— Cậu đau hử? - Albert hỏi.

Nhưng Édouard không bao giờ trả lời. Dĩ nhiên.

Cửa sổ luôn được hé mở. Albert luôn ngủ trên ghế, phía trước, hai chân kê lên một chiếc ghế khác. Anh hút thuốc khá nhiều để thức và trông nom Édouard, và cũng để át mùi hôi thối nữa.

— Cậu không còn khứu giác nữa, may đấy...

Mẹ kiếp, nếu muốn cười thì cậu ta sẽ làm như thế nào nhỉ? Một gã không còn hàm thì hẳn là không hay nghĩ đến chuyện cười cợt, nhưng mà dẫu sao, câu hỏi vẫn làm cho Albert day dứt mãi.

— Bác sĩ... - anh đánh liêu nói.

Lúc ấy khoảng hai, ba giờ sáng gì đó. Ngày hôm sau mới chuyển viện.

— Bác sĩ bảo ở đó, người ta lấp hàm giả cho cậu...

Anh không biết lắp hàm giả rồi sẽ ra sao, cũng không chắc giờ có phải là thời điểm thích hợp để nói chuyện ấy không.

Nhưng lời đề nghị này có vẻ như đã đánh thức Édouard. Anh lắc lư cái đầu, phát ra những tiếng kêu òng ọc, ùng ục như nước sôi. Anh ra hiệu, Albert chưa bao giờ nhận ra Édouard thuận tay trái. Khi nhớ lại cuốn sổ vẽ, anh ngây thơ tự hỏi làm thế nào cậu ta có thể vẽ những bức vẽ như thế bằng tay trái.

Đó là việc mà nhẽ ra anh phải đề nghị sớm hơn: vẽ.

— Cậu muốn lấy cuốn sổ à?

Édouard nhìn anh, đúng thế, anh muốn lấy cuốn sổ, nhưng không phải để vẽ.

Cảnh tượng giữa lúc đêm hôm đó thật lạ. Ánh mắt của Édouard tràn trề đến thế, biểu cảm đến thế, trên khuôn mặt bị đục khoét, sưng vù, trơ thịt, mãnh liệt đến điên cuồng. Khiến người ta sợ. Albert rất xúc động.

Giữ cho quyển sổ thẳng bằng trên giường, Édouard vụng về vẽ những chữ cái to tướng, anh rất yếu, như thế không còn biết viết, cái bút chì dường như tự mình đưa đây. Albert nhìn những chữ cái được vẽ tràn ra khỏi trang giấy. Anh buồn ngủ rũ ra, thế mà việc đó kéo dài rất lâu. Édouard viết một hay hai chữ gì đó, với một nỗ lực vô song, Albert cố đoán đó là từ gì, anh dồn toàn lực vào đó, thêm một chữ cái nữa, rồi thêm một chữ khác, và khi có được một từ, còn lâu ta mới biết được thông điệp, ta còn phải đoán nghĩa, việc đó mất rất nhiều thì giờ, và Édouard nhanh chóng mệt lử, anh gục xuống. Non một giờ sau, anh lại gượng dậy, cầm lấy cuốn sổ, như thể một sự gấp gáp nào đó đang thôi thúc anh. Albert thờ phì phò, anh lập tức rời ghế, châm một điếu thuốc cốt để thức và tiếp tục trò chơi đoán chữ. Từng chữ, từng từ.

Rồi khoảng bốn giờ sáng, Albert mới hiểu ra:

— Vậy là cậu không muốn về Paris à? Thế cậu muốn đi đâu?

Lại tiếp tục. Édouard phát sốt, anh bực bội với cuốn sổ. Những chữ cái hiện ra trên giấy, lớn đến nỗi không thể nhận ra.

— Cậu bình tĩnh, - Albert nói, - đừng lo, ta sẽ làm được.

Nhưng anh không hề chắc chắn, bởi vì có vẻ như cực kỳ phức tạp. Anh cố bám trụ. Sáng sớm tinh mơ, anh biết chắc rằng Édouard không muốn về nhà nữa. Đúng thế không? Édouard viết “đúng” vào cuốn sổ.

— Nhưng bình thường thôi mà! - Albert giải thích. - Lúc đầu, chẳng ai muốn người ta thấy mình trong tình trạng này cả. Ai cũng cảm thấy hơi xấu hổ, bao giờ chả thế. Nay, chỉ riêng mình, không phải để nói về mình đâu, khi nhận một viên đạn trong trận Somme, có lúc mình nghĩ Cécile của mình sẽ quay lưng ngoảnh mặt, mình thề với cậu đấy! Nhưng bố mẹ cậu yêu cậu, không vì cậu bị thương ở chiến trường mà họ thôi yêu cậu, cậu đừng lo!

Những lời lẽ nhai đó chẳng làm cho Édouard yên tâm hơn, mà ngược lại, khiến anh điên tiết, cổ họng anh lại sôi lên những tiếng òng ọc, anh quấy đảo đến mức Albert phải dọa trời lại. Édouard cố chịu đựng, nhưng anh vẫn bị kích động, thậm chí giận dữ. Anh giật mạnh cuốn sổ từ tay Albert, như giật tung khăn trải bàn khi đang tranh cãi. Anh tiếp tục ý định vẽ chữ, Albert châm một điếu thuốc khác, và, trong thời gian đó, anh nghĩ về lời yêu cầu.

Nếu như Édouard không muốn người thân thấy mình trong tình trạng này thì có lẽ đằng sau đó có một Cécile. Từ bỏ là chuyện không thể làm được, Albert hiểu điều này. Anh nói ra lập luận đó, một cách thận trọng.

Édouard tập trung vào tờ giấy, anh hất đầu gạt phăng. Không có Cécile ở đây.

Nhưng có chị của anh. Phải mất rất nhiều thời gian để nắm bắt câu chuyện về người chị. Không thể đọc nổi cái tên. Thôi bỏ qua, suy cho cùng thì điều đó không quan trọng lắm.

Nhưng vấn đề ở đây cũng không phải người chị.

Vả lại, có quan trọng gì đâu, lý do của Édouard là gì đi nữa thì cũng phải khuyên giải anh.

— Mình hiểu cậu, - Albert nói tiếp. - Nhưng rồi cậu sẽ thấy, có hàm giả sẽ khác...

Édouard rất bực, những cơn đau lại tái phát, anh bỏ ý định giao tiếp để tiếp tục gào thét như một thằng điên. Albert đối phó, bản thân anh cũng đã kiệt sức. Anh chịu thua và lại tiêm cho Édouard một mũi moóc phin nữa. Édouard bắt đầu thiu ngủ, chỉ trong vài ngày, Édouard đã chích khá nhiều. Nếu thoát khỏi thì anh quả là da sắt mình đồng.

Trong sáng hôm đó, lúc thay quần áo và ăn uống (người ta chỉ sao Albert làm theo vậy, luôn ống cao su vào khí quản và dùng một chiếc phễu nhỏ đổ thức ăn vào thật chậm để dạ dày không phản đối), Édouard lại bực bội, anh muốn dậy, không chịu nằm yên, Albert không biết xoay xử thế nào. Người lính trẻ lại chộp lấy cuốn sổ, phác họa đôi ba chữ cái khó đọc như hôm trước đó rồi lấy bút chì đập lên trang viết. Albert cố đánh vần mà không được. Anh nhíu mày, “E” rồi “B”, có nghĩa là gì? Rồi bỗng nhiên, anh không thể chịu nổi nữa. Anh nổi đóa:

— Nghe này, mình không làm được gì đâu, ông bạn! Cậu không muốn về nhà, mình không hiểu tại sao, nhưng dù gì đi nữa, điều đó không thuộc quyền hạn của mình. Thật đáng tiếc, nhưng mà mình, mình không thể làm gì được, thế đó!

Thế là Édouard chụp cánh tay Albert và bóp rất mạnh.

— Đây, cậu làm mình đau đấy! - Albert kêu lên.

Édouard cấu tay Albert. Đau khủng khiếp. Nhưng rồi Édouard từ từ buông tay rồi quàng qua cổ Albert, riết anh vào lòng và khóc nức nở, vừa khóc vừa kêu gào. Albert đã từng nghe những tiếng kêu như thế. Tiếng kêu của những con khỉ nhỏ trong rạp xiếc, một ngày nọ, chúng vừa đi xe đạp trong bộ đồng phục thủy thủ vừa rên rĩ khiến ai nghe thấy cũng chảy nước mắt. Nỗi buồn da diết đó khiến người ta đau lòng. Những gì Édouard đang phải gánh chịu là vĩnh viễn, hàm giả hay không cũng chẳng thể vãn hồi...

Albert nói những điều đơn giản, khóc đi anh bạn. Chỉ còn mỗi việc ấy thôi, là nói ra những điều ngớ ngẩn. Nỗi buồn của Édouard là không thể kiểm soát, không thể nào kiềm chế nổi.

— Cậu không muốn về nhà nữa, tớ hiểu rồi, - Albert bảo.

Anh có cảm giác đầu Édouard đang cúi xuống, rúc vào cổ anh, không, anh không muốn về nhà nữa. Anh nhắc đi nhắc lại, không, không, anh không muốn.

Vừa ôm Édouard, Albert vừa tự nhủ rằng, trong suốt cuộc chiến, như tất cả mọi người, Édouard chỉ nghĩ đến việc sống sót, và giờ đây, khi chiến tranh đã kết thúc và anh còn sống, anh chỉ nghĩ đến việc biến mất. Nếu như ngay cả những người sống sót cũng chẳng còn tham vọng nào khác là tham vọng chết thì hỏng bét rồi...

Thực ra, giờ Albert đã hiểu Édouard: cậu ta không còn đủ sức để tự sát. Đã hết. Nếu cậu ta có thể nhảy qua cửa sổ vào ngày đầu tiên, có lẽ mọi chuyện đã được giải quyết, buồn phiền và nước mắt, thời gian, đợi chờ lâu lắc, tất cả có lẽ đã kết thúc ở đó, trong sân bệnh viện quân y, nhưng cơ hội đó qua rồi, cậu ta sẽ không bao giờ có đủ dũng khí nữa; giờ cậu ta bị kết án phải sống.

Và đó là lỗi của Albert, tất cả là do anh, ngay từ đầu. Tất cả. Anh cũng đã chịu nhiều cơ cực, động tí là khóc. Thật là cô đơn. Trong cuộc đời Édouard, bây giờ Albert chiếm hết vị trí. Anh là vị cứu tinh duy nhất. Anh lính trẻ đã ủy thác cuộc đời của chính mình cho anh, trao số phận của mình cho anh bởi vì anh không thể một mình đeo mang, cũng không thể một mình thoát thân.

Albert rùng rờ tay chân, hoảng hốt.

— Được, - anh ấp úng, - để mình xem đã...

Anh nói mà chẳng suy nghĩ gì nhưng Édouard tức thì ngẩng đầu lên như vừa bị điện giật. Đó là một khuôn mặt gần như trống rỗng, không mũi, không miệng, không má, chỉ có ánh mắt cháy bỏng như muốn xuyên thấu người đối diện. Albert bị mắc bẫy.

— Để mình xem đã, - anh nói lại một cách ngớ ngẩn. - Mình sẽ xoay xở.

Édouard siết lấy tay anh rồi nhắm mắt lại. Sau đó anh nhẹ nhàng ngã đầu lên gối. Đã bình tĩnh nhưng vẫn còn đau, anh càu nhàu, bọt máu lại phình ra phía trên khí quản anh.

Mình sẽ xoay xở.

Từ “thừa” là một hằng số trong cuộc đời Albert. Đã bao lần, do quá nhiệt tình, anh phạm phải những hành động tai hại? Có gì khó đâu: cũng đã ngàn ấy lần anh hối hận vì đã không dành thời gian suy nghĩ. Thông thường, Albert là nạn nhân của sự độ lượng của chính mình, của điều kỳ diệu trong khoảnh khắc, và những lời hứa không đúng lúc của anh bao giờ cũng chỉ liên quan đến những điều nhỏ nòi, tiểu tiết. Hôm nay lại khác, nó liên quan đến số mệnh một con người.

Albert vuốt ve đôi bàn tay Édouard, nhìn và cố gắng vỗ về anh.

Thật kinh khủng, anh không tài nào nhớ nổi gương mặt của người mà anh từng gọi đơn giản là Péricourt, chàng trai luôn cười đùa, lúc nào cũng vẽ vờ; anh chỉ nhớ lại gương mặt nhìn nghiêng và tấm lưng của cậu ta, ngay trước trận tấn công vào cứ điểm 113, nhưng gương mặt thì tuyệt đối không. Mặc dù Péricourt đã quay về phía anh vào khoảnh khắc đó, nhưng hình ảnh vẫn không trở lại, kỷ niệm hoàn toàn bị cái nhìn thực tại ngẫu nhiên, cái hổ toang hoác, đẫm máu đó khiến anh thất vọng vô cùng.

Ánh mắt anh bắt gặp tấm ga trải giường, quyển sổ đang nằm trên đó. Từ mà ban nãy anh không đọc được, giờ anh đã hiểu rõ.

“Bố.”

Chữ đó nhấn anh xuống vực sâu. Bố anh từ lâu cũng chỉ còn là bức chân dung ố vàng treo phía trên tủ buýp phê, nhưng anh gắn bó với nó chỉ vì nỗi hận bố vì đã chết quá sớm, anh đồ rằng, ông mà còn sống thì sẽ phức tạp hơn nhiều. Anh muốn biết, muốn hiểu nhưng đã quá muộn: anh đã hứa với Édouard là anh sẽ “xoay xở”. Albert không biết anh muốn nói gì qua từ này. Trong khi trông nom người đồng đội của mình, giờ đã thiu thiu ngủ, anh suy nghĩ.

Édouard muốn biến mất, cũng được, nhưng làm thế nào để khiến một anh lính còn sống biến mất? Albert không phải trung úy, anh chẳng biết gì. Anh không có chút ý tưởng nào về cách thức phải làm. Phải tạo cho cậu ta một danh tính mới chẳng?

Albert không phải là một người nhanh nhẹn nhưng đã từng là kế toán, nên anh có tư duy logic. Nếu Édouard muốn biến mất, anh tự nhủ, phải cho

cậu ta mang danh tính của một người lính đã chết. Đánh tráo.

Và chỉ có một cách.

Phòng nhân sự. Bàn làm việc của hạ sĩ Grosjean.

Albert cố tưởng tượng hậu quả của hành vi đó. Vừa mới thoát khỏi tòa án binh trong gang tấc, giờ anh lại sẵn sàng - giả dụ như anh làm được... - giả chữ viết, hy sinh những người còn sống và hồi sinh những người đã chết.

Lần này, án tử cầm chắc. Khởi cần suy nghĩ.

Édouard kiệt sức cuối cùng cũng vừa ngủ thiếp đi. Albert đưa mắt nhìn đồng hồ treo tường, đứng dậy, mở cửa tủ.

Anh thọc tay vào túi của Édouard và lấy ra quyển sổ quân nhân.

Sắp đến mười hai giờ trưa, bốn, ba, hai phút nữa thôi... Albert lao ra, men theo bờ tường đi ngược hành lang, gõ cửa phòng rồi mở cửa ra mà không chờ đợi. Phía trên cái bàn chõng chất giấy tờ của Grosjean: mười hai giờ kém một phút.

— Chào, - Albert nói.

Anh cố tỏ ra vui vẻ. Nhưng, đã gần giữa trưa, chiến lược vui vẻ có cơ may thành công trước một dạ dày trống không. Grosjean càu nhàu. Anh ta còn muốn gì và lại vào giờ này nữa? Nói lời cảm ơn. Grosjean rất đổi kinh ngạc. Anh ta đã nhắc mông khởi ghế, chuẩn bị gấp sổ lại, nhưng “cảm ơn” đúng là thứ mà anh ta chưa từng nghe thấy kể từ khi chiến tranh bắt đầu. Anh ta không biết phản ứng ra sao.

— Úi dào, có gì đâu...

Albert tấn công, đổ thêm dầu vào lửa:

— Ý tưởng của cậu về bản sao ấy mà... Mình xin cảm ơn, thật đấy, bạn mình chiều nay sẽ được chuyển viện.

Grosjean định thần, đứng dậy, hai tay chùi vào chiếc quần vấy mực. Mặc dù rất khoái những lời cảm ơn đó, nhưng cũng đã giữa trưa rồi. Albert chuyển sang tấn công:

— Mình tìm thêm hai người bạn nữa...

— À...

Grosjean khoác áo vest vào.

— Mình không biết bọn nó đã làm sao. Chỗ thì người ta bảo bọn nó mất tích, chỗ thì người ta bảo bọn nó bị thương, đã được chuyển...

— Tớ làm sao mà biết được!

Grosjean đi qua trước mặt Albert và tiến về phía cửa.

— Trong số ấy... - Albert rụt rè gợi ý.

Grosjean mở cửa.

— Ăn uống xong cậu quay lại nhé, - anh ta nói, - sau đó ta cùng tìm.

Albert giương mắt với vẻ mặt của một người vừa nảy ra một sáng kiến cực hay.

— Nếu cậu muốn, mình sẽ tìm trong khi cậu đi ăn!

— À không. Tớ phải chấp hành mệnh lệnh chứ, không được đâu!

Anh ta đẩy Albert, khóa cửa lại rồi đứng yên. Albert trở thành người thừa. Anh nói cảm ơn, lát nữa gặp lại, rồi đi dọc hành lang. Édouard một vài giờ nữa sẽ được chuyển đi, Albert nắm tay lại, chết tiệt, chết tiệt, chết tiệt, anh lẩm bẫm, chìm trong nỗi tuyệt vọng.

Đi được vài mét, thấy tiếc thế nào, anh quay lại. Grosjean vẫn ở trong hành lang và nhìn anh ra về.

Albert đi về phía sân, anh bắt đầu nảy ra một ý. Anh nhớ lại Grosjean đứng trước cửa phòng mình, đứng đó mà chờ... Chờ gì mới được? Trong khi tìm câu trả lời, Albert đã quay lại và đi với bước chân mà anh hy vọng là rất quả quyết, phải đi thật nhanh. Anh đến cửa nhưng lại có một người lính ở đó, Albert đờ người, trung úy Pradelle đang đi qua, may mà y không quay lại, rồi mất dạng. Albert định thần, có tiếng bước chân, dồn dập, tiếng cười đùa, tiếng hét, tiếng nói hướng về phía nhà ăn tập thể. Albert dừng lại trước văn phòng của Grosjean, luồn tay phía trên khung cửa, lấy chìa khóa, tra vào ổ, xoay một vòng, mở, bước vào rồi khóa lại ngay. Anh tựa lưng vào cánh cửa, như trong một hố pháo. Trước mặt anh là những chồng số. Hàng tấn số. Từ sàn lên đến trần nhà.

Ở ngân hàng, anh thường phải làm việc với loại tài liệu lưu trữ này, với những cái nhãn được tẩy xóa và những dòng chữ viết tay bằng thứ mực xanh phai đi theo thời gian. Dù vậy, anh cũng mất gần hai mươi phút để tìm những quyển sổ mình cần. Anh rất lo, không tài nào cưỡng lại được, anh không ngừng nhìn về phía cửa, như thể nó có nguy cơ mở ra bất cứ lúc nào. Anh không hề biết sẽ phải ăn nói ra sao.

Đến mười hai giờ rưỡi anh mới lấy được thêm ba quyển sổ. Trong mỗi quyển, các kiểu chữ nối tiếp nhau, khác biệt, hành chính, cũ kỹ, diên thật, một cái họ sao mà tiêu nhanh thế. Còn gần hai mươi phút nữa để tìm ra cuốn sổ, và theo bản tính, Albert bắt đầu lưỡng lự. Như thế sự lựa chọn là quan trọng lắm... Lấy cuốn đầu tiên đi, anh tự nhủ. Anh hết nhìn đồng hồ lại nhìn ra cửa và có cảm tưởng chúng đã thay đổi kích thước và choán hết cả gian phòng. Anh nghĩ đến Édouard giờ đang ở một mình, bị trói...

Mười hai giờ bốn mươi hai.

Trước mắt anh là quyển sổ ghi chép danh sách những người lính chết tại bệnh viện mà gia đình chưa được thông báo. Danh sách kết thúc vào ngày 30 tháng Mười.

Boulivet, Victor. Sinh ngày 12 tháng Hai năm 1891. Hy sinh ngày 24 tháng Mười năm 1918. Những người cần thông báo, bố mẹ: Dijon.

Vào khoảnh khắc đó, không phải anh bị giày vò vì đắn đo, do dự, mà anh day dứt vì phải hết sức thận trọng. Albert hiểu rằng, giờ đây, với đồng đội của mình, anh có trách nhiệm tinh thần và không được làm bừa, như làm cho chính anh. Anh phải làm mọi việc một cách hợp lý, hiệu quả. Thế nên, nếu anh cho Édouard danh tính của một anh lính đã chết thì anh lính này sẽ sống lại. Bố mẹ anh ta sẽ chờ đợi. Hỏi tin tức về anh ta. Người ta sẽ điều tra, lần lại từ đầu sự việc không phải khó. Albert vừa lắc đầu vừa tưởng tượng hậu quả sau này mà anh cũng như Édouard phải gánh chịu, nếu hai người bị người ta vạch mặt vì tội giả mạo (và hẳn là còn nhiều tội danh khác mà anh không biết).

Albert bắt đầu run. Trước chiến tranh, anh thường có phản ứng như vậy, khi sợ hãi, cứ như thể anh bị rùng mình. Anh nhìn đồng hồ, thời gian trôi

qua rất nhanh, anh vắn vẹo hai bàn tay phía trên quyển sổ. Lần giờ các trang.

Dubois, Alfred. Sinh ngày 24 tháng Chín năm 1890. Hy sinh ngày 25 tháng Mười năm 1918 - đã kết hôn, có hai con, gia đình sống ở Pourçain.

Trời ơi, làm thế nào bây giờ? Thực ra, anh có hứa gì với Édouard đâu, anh chỉ nói “mình sẽ xem” thôi, câu nói đó đâu phải là lời cam kết chắc chắn. Đó là... Albert tìm từ nhưng vẫn tiếp tục lần giờ quyển sổ.

Évrard, Louis. Sinh ngày 13 tháng Sáu năm 1892. Hy sinh ngày 30 tháng Mười năm 1918. Những người cần báo, bố mẹ: Toulouse.

Thế đó, anh đã không suy nghĩ cẩn thận, không tính toán trước, anh lao vào như một thằng điên, đầy thiện ý, rồi sau đó... Mẹ anh nói đúng...

Goujou, Constant. Sinh ngày 11 tháng Giêng năm 1891. Hy sinh ngày 26 tháng Mười năm 1918 - đã kết hôn. Nơi ở: Mornant.

Albert ngược mắt lên. Ngay cả đồng hồ cũng chống lại anh, nó đã tăng tốc, không thể nào khác, đã một giờ rồi, hai giọt mồ hôi to tướng rơi trên quyển sổ, anh tìm giấy thấm, nhìn ra cửa, không có giấy thấm, anh giờ trang khác. Cửa sắp mở, anh sẽ nói sao đây?

Và bỗng nhiên, đây rồi.

Eugène Larivière. Sinh ngày 1 tháng Mười một năm 1893. Hy sinh ngày 30 tháng Mười năm 1918, trước sinh nhật một ngày. Eugène hai mươi lăm tuổi, hoặc gần hai mươi lăm tuổi. Cần báo: Cứu tế xã hội.

Với Albert, đây là một điều kỳ diệu. Không bố mẹ, chỉ có cơ quan quản lý, tức là không ai cả.

Lúc trước, Albert đã thấy những cái hộp đựng sổ quân nhân, anh phải mất vài phút để lấy được sổ của Larivière, được sắp xếp khá quy củ. Lúc ấy là mười ba giờ năm phút. Grosjean to béo và nặng nề, bụng phệ, kiểu người ăn khá nhiều. Đừng hốt hoảng, hãn anh ta sẽ không rời phòng ăn trước mười ba giờ ba mươi. Nhưng dẫu sao cũng phải nhanh lên.

Albert thấy nửa thẻ căn cước của Larivière được gắn trên quyển sổ, nửa kia đã nằm lại với thi thể. Hoặc đã được đóng đinh trên cây thánh giá.

Không quan trọng. Bức ảnh của Eugène Larivière cho thấy một thanh niên bình thường, đúng là gương mặt mà người ta sẽ không thể nhận ra nếu mất đi hàm dưới. Albert đút quyển sổ vào túi. Anh cầm thêm hai quyển nữa, một cách ngẫu nhiên, rồi bỏ vào túi kia. Mất một quyển thì có thể là do tai nạn, thất lạc nhiều quyển thì đúng là loạn, đậm chất nhà binh, như thế sẽ tốt hơn. Albert mở quyển sổ ghi chép thứ hai, lấy bút mực ra, hít thật sâu cho khỏi run rồi viết: “Édouard Péricourt” (anh nhìn ngày sinh và điền vào, điền thêm cả số đăng ký) rồi viết: “Hy sinh ngày 2 tháng Mười một năm 1918”. Anh bỏ quyển sổ quân nhân của Édouard vào hộp đựng giấy tờ của các tử sĩ. Để phía trên. Cùng với nửa thẻ căn cước trong đó có ghi danh tính và số đăng ký của Édouard. Một hai tuần nữa, gia đình cậu ta sẽ được báo rằng người con, người em đã anh dũng hy sinh trên chiến trường. Tờ phiếu in là chìa khóa vạn năng. Chỉ cần thêm tên của người đã chết, rất dễ, rất tiện dụng. Ngay cả trong những cuộc chiến lộn xộn, sớm muộn thì công tác hành chính vẫn luôn theo kịp.

Mười ba giờ mười lăm.

Công việc còn lại thì nhanh hơn. Albert đã thấy Grosjean làm nên biết số gốc nằm ở đâu. Anh kiểm tra lại: trên quyển sổ hiện tại, bản sao liên quan đến việc chuyển viện của Édouard là bản vừa được thảo. Albert rút ra từ phía dưới cùng một quyển sổ trắng. Chẳng ai kiểm tra số đâu mà sợ. Trước khi người ta nhận ra là thiếu một tờ phiếu trong quyển sổ nằm phía dưới thì chiến tranh đã kết thúc, thậm chí còn có thời gian bắt đầu một cuộc chiến tiếp theo. Nhanh như trở bàn tay, anh lập một bản sao phiếu chuyển viện mang tên Eugène Larivière. Khi đóng cái dấu cuối cùng, anh nhận ra mình nhể nhại mồ hôi.

Anh nhanh tay xếp lại toàn bộ sổ sách, liếc mắt nhìn khắp gian phòng xem có để quên gì không rồi áp tai vào cánh cửa. Không tiếng động nào, nếu có thì rất xa. Anh đi ra, khóa cửa lại, để chìa khóa trên khung cửa rồi men theo tường ra về.

Édouard Péricourt vừa hy sinh vì nước Pháp.

Và kể từ bây giờ, Eugène Larivière, người hồi sinh từ cõi chết, đang có một cuộc sống dài lâu trước mắt để sau này còn nhớ lại.

Édouard thở khó nhọc, cậu ta quay tứ phía, và nếu không có những sợi dây trói ở cổ chân và cổ tay, có lẽ anh đã lăn từ bên này sang bên kia giường. Albert nắm lấy vai, cầm tay và nói với cậu ta không nghĩ. Anh chuyện trò với cậu ta. Cậu tên là Eugène, mình hy vọng là cậu thích, bởi vì trong kho chỉ còn lại mỗi cái tên đó thôi... Nhưng để cậu ta cười thì... Sau này, khi muốn cười cậu ta sẽ làm thế nào, điều này vẫn khiến Albert phải suy nghĩ.

Cuối cùng xe cũng đến.

Albert hiểu ngay ra, một chiếc xe tải nhỏ nhả khói đen sì và đỗ lại trong sân. Không kịp trói Édouard, Albert chạy ra cửa, lao xuống cầu thang bốn bậc một rồi gọi anh y tá, anh này đang cầm một tờ giấy và tìm xung quanh xem cần nói chuyện với ai.

— Chuyển viện phải không anh? - Albert hỏi.

Anh chàng có vẻ thờ phào nhẹ nhõm. Tài xế cũng vừa đến. Họ ì ạch lên gác, khiêng theo chiếc cáng với tấm vải được cuốn quanh những thanh chống bằng gỗ, và đi theo Albert trong hành lang.

— Nói trước với các anh nhé, - Albert bảo, - trong này thối lắm.

Người khiêng cáng, anh chàng to béo, nhún vai, chúng tôi quen rồi. Anh ta mở cửa:

— Đúng thế thật... - anh ta bảo.

Đúng là, ngay cả với Albert, bất cứ khi nào anh ra khỏi phòng, thì đến lúc quay trở lại, mùi thối cũng xộc lên tận cổ.

Họ đặt cáng xuống đất. Anh chàng to béo, người chỉ huy, đặt tờ giấy ở đầu giường rồi vòng sang bên kia. Rất nhanh. Một người túm hai chân, một người đỡ lấy đầu, rồi hô “một, hai, ba”...

“Một”, lấy đà.

“Hai”, họ nhắc Édouard lên.

“Ba”, vào lúc hai y tá nhắc người thương binh lên để đặt anh nằm vào cáng, Albert nhật bản sao ở đầu giường và thay thế bằng phiếu của Larivière.

— Các anh có moóc phin để tiêm cho cậu ấy không?

— Chúng tôi có những gì cần thiết, đừng lo, - tay y tá nhỏ con nói.

— Này, - Albert nói thêm, - số quân nhân của cậu ấy đây. Tôi đưa riêng cho anh, phòng khi cậu ấy bị mất đồ, anh hiểu chứ?

— Đừng lo, - người kia vừa nhắc lại vừa cầm lấy quyển sổ.

Họ xuống đến chân cầu thang rồi đi ra sân. Édouard lắc lư đầu, mắt nhìn vào khoảng không vô định. Albert lên xe cứu thương rồi cúi xuống nhìn anh.

— Nào, Eugène, chịu khó nhé, rồi cậu sẽ thấy là ổn cả thôi.

Albert chực khóc. Sau lưng anh, người khiêng cáng nói:

— Chúng tôi phải đi rồi, anh bạn.

— Vâng, vâng, - Albert trả lời.

Anh nắm lấy tay Édouard. Anh nhớ mãi, ánh mắt cậu ta lúc ấy, chăm chú, đẫm nước mắt, cậu ta đang nhìn anh.

Albert hôn lên trán Édouard.

— Hẹn gặp lại nhé!

Anh xuống xe và trước khi cửa xe đóng lại, anh nói với theo:

— Mình sẽ đi thăm cậu.

Albert tìm khăn mùi soa, ngẩng đầu lên. Trên tầng ba, trong khung cửa sổ đang mở, trung úy Pradelle vừa nhìn vừa điềm tĩnh rút bao thuốc lá ra.

Trong lúc đó, chiếc xe tải nổ máy.

Khi rời sân bệnh viện, chiếc xe thổi một làn khói đen ngòm lơ lửng trong không khí như khói nhà máy, đuôi xe cứu thương mất dạng. Albert trở lại tòa nhà. Pradelle đã biến mất. Cánh cửa sổ ở tầng ba đã được đóng lại.

Một luồng gió xua khói bay đi. Khoảnh sân vắng vẻ. Albert cảm thấy trống rỗng, bản thân anh cũng rất tuyệt vọng. Anh khịt mũi, quờ tay trong túi để lấy khăn mùi soa.

— Chết thật, - anh nói.

Anh đã quên trả cuốn sổ vẽ cho Édouard.

Những ngày tiếp theo, thêm một mối lo nẩy sinh trong đầu Albert và không để cho anh yên. Nếu anh chết thật, anh ấy mà, anh có muốn Cécile nhận được giấy báo tử, tức là một tờ khai in sẵn cụt ngùn, báo với cô là anh đã chết và như thế là hết chuyện không? Mẹ anh thì chẳng nói làm gì. Giấy gì đi nữa thì, trong trường hợp đó, bà cũng sẽ thấm ướt nó bằng những giọt nước mắt tràn trề rồi treo trong phòng khách.

Vấn đề không biết có nên báo cho gia đình hay không hành hạ anh từ khi anh tìm thấy, dưới đáy túi xách của mình, quyển sổ quân nhân lấy trộm được trong lúc tìm kiếm một danh tính mới cho Édouard.

Đó là quyển sổ mang tên Évrard, Louis. Sinh ngày 13 tháng Sáu năm 1892.

Albert không nhớ anh lính này hy sinh vào ngày nào, trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến thì đúng rồi, nhưng mà khi nào? Dẫu sao, anh vẫn nhớ là bố mẹ cần báo sống ở Toulouse. Hẳn là anh chàng này nói giọng ở đó. Vài tuần nữa, vài tháng nữa, bởi vì chẳng ai tìm thấy dấu vết của anh ta còn sổ quân nhân thì bị mất, anh ta sẽ được coi là mất tích và như thế là xong đời Évrard, Louis, như thế anh ta chưa bao giờ tồn tại. Khi đến lượt bố mẹ anh ta cũng qua đời thì sẽ còn lại gì để nhớ về Évrard, Louis? Tất cả những người đã hy sinh, tất cả những người đã mất tích đó chẳng phải đã quá nhiều hay sao, cần gì Albert phải để ra một nạn nhân mới? Rồi tất cả những ông bố bà mẹ tội nghiệp buộc phải khóc chay...

Thế thì các bạn hãy lấy một bên là Eugène Larivière, bên kia là Louis Évrard, rồi đặt Édouard Péricourt ở giữa, đem tất cả cho một người lính như Albert Maillard, để rồi nhấn chìm anh ta trong nỗi buồn tột độ.

Anh không biết gì về gia đình Édouard Péricourt. Địa chỉ trên giấy tờ thì nằm trong một khu phố rất giàu có, thế thôi. Nhưng đối diện với cái chết của con trai, giàu có hay không cũng chẳng thay đổi gì nhiều. Thư đồng đội

thường là bức thư đầu tiên mà gia đình nhận được bởi vì chính quyền, càng vội vàng đẩy các bạn vào chỗ chết bao nhiêu thì khi báo tử, họ lại càng...

Albert đã có thể viết bức thư đó, anh nghĩ mình sẽ biết lựa lời ăn nói, nhưng anh không thể dứt khỏi ý nghĩ rằng như thế là dối trá.

Nói với người ta rằng con họ đã hy sinh, khiến họ vô cùng đau khổ trong khi con họ còn sống? Làm sao bây giờ? Một bên là dối, một bên là hối. Cái thế tiến thoái lưỡng nan đó khiến anh bận tâm trong nhiều tuần liền.

Cuối cùng, trong khi lần giở cuốn sổ, anh cũng đi đến quyết định. Anh đặt nó lên bàn đầu giường và thường xuyên ngắm nghía. Những bức vẽ này đã trở thành một phần cuộc đời anh nhưng cuốn sổ lại không thuộc về anh. Phải trả lại. Anh cẩn thận xé đi những trang cuối, những trang mà vài ngày trước đó được dùng làm sổ giao tiếp giữa hai người.

Anh biết mình viết không được hay. Nhưng rồi một buổi sáng, anh đánh liều.

Chào hai bác,

Cháu là Albert Maillard, đồng đội của Édouard, con trai hai bác, cháu vô cùng đau buồn khi báo cho hai bác được biết rằng con trai hai bác đã hy sinh trên chiến trường vào ngày 2 tháng Mười một vừa rồi. Cơ quan chức năng sẽ gửi thông báo chính thức cho hai bác, nhưng cháu có thể nói với hai bác rằng con trai hai bác đã hy sinh như một người anh hùng trong khi chiến đấu chống lại kẻ thù để bảo vệ Tổ quốc.

Édouard đã để lại cho cháu một cuốn sổ vẽ để gửi lại cho hai bác phòng khi anh ấy có làm sao. Cuốn sổ đó đây ạ.

Hai bác yên tâm, con trai hai bác đang yên nghỉ trong một nghĩa trang nhỏ cùng với những đồng đội khác và cháu xin đảm bảo với hai bác rằng con trai hai bác được chăm nom, săn sóc cẩn thận.

Cháu...

Bạn Eugène thân mến...

Không biết người ta có còn kiểm duyệt nữa không, thư từ bị mở, bị đọc, bị kiểm soát. Albert sinh nghi, thậm trọng gọi Édouard bằng tên mới. Và lại, Édouard cũng đã quen cái tên đó rồi. Câu chuyện quay ngoắt như vậy dẫu sao cũng rất lạ. Mặc dù anh không muốn nghĩ đến những điều ấy lắm, nhưng ký ức lại cứ thế ùa về.

Anh từng biết hai người tên là Eugène. Người thứ nhất anh quen hồi học tiểu học, người gầy nhom, mặt có những nốt tàn nhang, chẳng ai nghe cậu ta nói bao giờ, nhưng thực sự mà nói, cậu ta không đáng kể, quan trọng là người kia. Édouard trốn bố mẹ đi học vẽ và đã gặp cậu Eugène này ở đó, anh thường chơi cùng cậu ta. Nói cho cùng, việc gì Édouard cũng phải làm trộm. May còn có Madeleine, chị gái của anh, kiểu gì chị cũng thu xếp được, ít nhất là những thứ có thể thu xếp. Eugène và Édouard, bởi họ từng là tình nhân của nhau, đã cùng chuẩn bị thi vào trường Mỹ thuật. Eugène không có năng khiếu lắm và thi không đậu. Sau đó, hai người không gặp lại nhau nữa, Édouard được tin cậu ta chết vào năm 1916.

Bạn Eugène thân mến,

Cậu hãy tin rằng mình đánh giá rất cao những thông tin mà cậu cho mình biết, nhưng mà, cậu thấy đó, từ bốn tháng nay, chỉ có hình vẽ với hình vẽ, chẳng có một từ, một câu nào... Có thể là cậu không thích viết, mình có thể hiểu. Nhưng...

Vẽ thì đơn giản hơn vì ngôn từ tìm mãi không ra. điều đó có lẽ chỉ phụ thuộc vào anh, thậm chí anh có thể không viết gì hết, nhưng anh chàng Albert này là một người đầy thiện ý, đã làm hết khả năng của mình. Édouard không trách cậu ta bất cứ điều gì... Tuy rằng... Dẫu sao cũng một chút thôi. Tóm lại, chính vì cứu mạng cậu ta mà giờ anh đã đến nông nỗi

này. Anh đã tự ý làm chuyện đó, nhưng nói thế nào nhỉ, anh không sao diễn đạt được những gì anh cảm thấy, sự bất công này... Đó không phải lỗi của ai cả và cũng là lỗi của tất cả mọi người. Nhưng cần phải nói rõ điều này, nếu không có anh lính Maillard bị chôn sống ấy, có lẽ anh đã ở nhà mình, nguyên vẹn. Khi ý nghĩ này xâm chiếm anh, anh bật khóc, không kìm được, dù sao thì ở đây người ta khóc cũng không ít, bệnh viện này chính là điểm hẹn của nước mắt.

Khi những nỗi khổ đau, lo âu, buồn rầu âm nín trong chốc lát, chúng liền nhường chỗ cho việc nghiền ngẫm, trong đó hình ảnh của Albert Maillard phai nhạt dần trước hình ảnh của trung úy Pradelle. Édouard chẳng hiểu gì câu chuyện về cuộc gặp mặt đại tướng, về việc suýt nữa thì phải ra hội đồng chiến tranh... Lớp cảnh đó hiện lên vào hôm trước khi anh được chuyển viện, khi anh bị thuốc giảm đau làm cho mù mịt, những gì còn lại đều mơ hồ, lổ chỗ. Trái lại, hình ảnh rõ nét nhất là chân dung nhìn nghiêng của trung úy Pradelle, bất động giữa làn đạn, nhìn xuống chân mình, đi xa dần, rồi bức tường đất đỏ đổ sụp xuống... Cho dù anh không hiểu nguyên do, Édouard vẫn không hề nghi ngờ rằng Pradelle đóng vai trò nào đó trong những gì đã xảy ra. Bất kỳ ai cũng sẽ giận sôi lên ngay lập tức. Nhưng, càng thu hết can đảm trên chiến trường để đi tìm một người bạn chiến đấu bao nhiêu thì giờ đây, anh càng cạn kiệt năng lượng bấy nhiêu. Anh xem những suy nghĩ của mình như những hình ảnh nhạt nhẽo, xa vời, dường như chỉ có một mối quan hệ gián tiếp với anh, không có chỗ cho sự tức giận, cũng chẳng có chỗ cho niềm hy vọng.

Édouard suy sụp kinh khủng.

... và mình cam đoan với cậu rằng hiểu cuộc đời cậu không phải khi nào cũng dễ dàng. Mình chỉ không biết liệu cậu có được ăn no không, liệu các bác sĩ có trò chuyện với cậu đôi chút không, và, như mình vẫn hy vọng, rốt cuộc thì người ta có phẫu thuật ghép cho cậu không, như mình đã được nghe, và cũng từng nói với cậu về chuyện này rồi đấy.

Việc cấy ghép đó... Còn lâu mới thực hiện được. Albert nhăm to, cách tiếp cận tình hình của anh là hoàn toàn trên lý thuyết. Tất cả những tuần lễ

ở bệnh viện đó chỉ để ngăn ngừa viêm nhiễm và tiến hành việc “bó bột lại”, đó là câu nói của bác sĩ phẫu thuật, giáo sư Maudret, trưởng khoa ở Bệnh viện Rollin, đại lộ Trudaine, một người rất to khỏe, tóc hung, tràn trề nhiệt huyết. Ông đã phẫu thuật cho Édouard sáu lần.

— Có thể nói các bạn và tôi, tất cả chúng ta đều là nạn nhân.

Mỗi lần giải thích một cách chi tiết lý do phẫu thuật và những hạn chế của nó, ông “đặt lại công việc của mình trong chiến lược chung”. Không phải bỗng dưng ông là bác sĩ quân y, đó là một người có niềm tin sắt đá, kết quả của hàng trăm lần phẫu thuật cắt bỏ, được thực hiện ngày cũng như đêm trong những trạm cấp cứu, thậm chí cả trong chiến hào.

Cách đây không lâu lắm, cuối cùng người ta cũng cho phép Édouard nhìn mình trong gương. Dĩ nhiên, đối với những y tá và bác sĩ đã từng tiếp nhận một anh thương binh có cái mặt chỉ còn là một vết thương lớn với đồng thít bê bết máu, còn mỗi lưỡi gà, cửa khí quản và phía trước là một hàm răng nguyên vẹn một cách kỳ diệu, đối với họ, hình ảnh hiện tại của Édouard trông đỡ hơn nhiều. Họ nói những điều rất lạc quan, nhưng sự hài lòng của họ bị quét sạch bởi cơn tuyệt vọng vô tận thường xâm chiếm những người lần đầu tiên đối diện với nông nỗi của mình.

Cho nên mới ra đời bài diễn văn về tương lai. Chủ yếu là vì tinh thần của các nạn nhân. Nhiều tuần trước khi cho Édouard đứng trước gương, bác sĩ Maudret đã ngân nga:

— Anh cứ tự nói với mình thế này: anh bây giờ chẳng có gì liên quan đến anh ngày mai cả.

Ông nhấn mạnh ba chữ “chẳng có gì”, đó là sự “chẳng có gì” to tát.

Ông càng thêm cố gắng khi cảm thấy lời nói của mình tác động lên Édouard chẳng được bao nhiêu. Quả là chiến tranh đã gây ra nhiều tang tóc, vượt qua cả những gì người ta có thể tưởng tượng, nhưng nếu nhìn vào mặt tích cực của sự việc thì chiến tranh cũng đã giúp cho lĩnh vực phẫu thuật hàm-mặt có những bước tiến rất lớn.

— Thậm chí là những bước tiến vượt bậc!

Người ta đã chỉ cho Édouard thấy bộ niềng răng trong liệu pháp vận động, những cái đầu bằng thạch cao được trang bị ống thép; đủ loại thiết bị mang dáng dấp Trung cổ, là một mới nhất trong khoa chỉnh hình. Những thứ đúng là rất hấp dẫn, bởi vì Maudret, nhà chiến thuật khôn khéo, đã tiến hành một dạng bao vây con người Édouard, để dẫn dắt anh một cách hiệu quả hơn đến với thứ tạo nên dấu giãn nhịp trong những đề xuất chữa trị của ông:

— Ghép Dufourmentel!

Người ta sẽ lấy những mảnh da sọ của anh để rồi đắp vào phía dưới mặt.

Maudret chỉ cho Édouard một số tấm hình chụp những người bị thương đã được chỉnh hình.

Thế đấy, Édouard nghĩ bụng, các người giao cho bác sĩ quân y một kẻ mà mặt đã bị những quân nhân khác nghiền nát, và ông ta trả lại các người một thẳng lùn dị dạng hoàn toàn có thể nhìn được.

Édouard trả lời rất đằm đạm: Không, - anh chỉ viết có thể bằng những nét chữ to tướng vào quyển vở giao tiếp.

Lúc ấy, bất đắc dĩ - thật lạ là ông không thích lắm - Maudret nhắc đến các bộ phận giả. Vulcanit, kim loại nhẹ, nhôm, họ có tất cả những thứ cần thiết để lắp cho anh một cái hàm mới. Còn hai bên má... Édouard không chờ thêm, anh chộp ngay cuốn vở lớn và lại viết:

— Không.

— Cái gì, không...? - bác sĩ phẫu thuật hỏi. - Không cái gì?

— Không tất cả. Tôi sẽ vẫn như thế này.

Maudret nhắm mắt lại, vẻ đồng tình, tỏ ra đã hiểu; những tháng đầu tiên, ta thường vấp phải thái độ đó, sự khước từ, hậu quả của sự trầm uất hậu chấn thương. Cách cư xử rồi sẽ thay đổi theo thời gian. Cho dù mặt bị biến dạng, sớm hay muộn thì người ta cũng sẽ biết điều trở lại, đời là thế.

Nhưng bốn tháng sau, sau hàng nghìn lần năn nỉ, vào lúc tất cả những người khác, không loại trừ ai, đã chấp nhận nhờ đến các bác sĩ phẫu thuật

để hạn chế tổn thất, anh lính Larivière vẫn tiếp tục khăng khăng từ chối: tôi sẽ vẫn như thế này.

Khi nói câu ấy, mắt anh chăm chăm, lơ lơ, ương bướng.

Người ta lại gọi bác sĩ tâm thần đến.

Ừ, đồng thời, với những hình vẽ của cậu, dẫu sao mình nghĩ mình cũng hiểu được điều cơ bản. Phòng cậu đang ở hình như rộng hơn phòng trước kia phải không? Thấy trong sân hình như có cây cối? Tất nhiên, mình không dám chắc là ở đó cậu cảm thấy vui vẻ, nhưng, cậu thấy đó, mình không thể làm gì cho cậu trong hoàn cảnh hiện nay. Mình cảm thấy vô cùng bất lực.

Cảm ơn cậu về bức ký họa xơ Marie-Camille trẻ tuổi.

Cho đến giờ, cậu vẫn tìm cách chỉ cho mình thấy Marie-Camille từ góc nhìn nghiêng hoặc từ sau lưng, và mình hiểu tại sao cậu muốn giữ xơ ấy cho riêng cậu, ngốc ạ, bởi vì xơ rất đáng yêu. Mình thú nhận là nếu mình chưa có Cécile...

Thực ra, chẳng có xơ nào ở bệnh viện cả, chỉ có những người dân thường, những phụ nữ đôn hậu, đầy lòng thương cảm. Nhưng phải phịa ra chuyện để kể cho Albert, người viết thư cho anh những hai lần mỗi tuần. Những hình vẽ đầu tiên của Édouard còn vụng về lắm, tay anh rất run, mắt anh không nhìn rõ. Đó là chưa kể, vì phải trải qua các cuộc phẫu thuật hết lần này đến lần khác, anh vẫn còn rất đau. Qua bức chân dung nhìn nghiêng mới phác họa sơ sơ, Albert cứ tưởng đó là một “xơ trẻ tuổi”. Thì cứ cho là xơ đi, Édouard tự nhủ, quan trọng gì đâu. Anh đặt tên cho cô ta là Marie-Camille. Qua những bức thư Albert gửi, Édouard bịa ra một hình ảnh nào đó về cậu ta và anh đã cố mang lại cho nữ tu sĩ tưởng tượng này một dạng gương mặt mà người như cậu ta có thể đem lòng yêu mến.

Cho dù đã được gắn kết vào nhau bằng một câu chuyện chung trong đó mỗi người giỡn chơi với số phận của riêng mình, hai người vẫn chưa biết nhau và quan hệ của họ rất phức tạp bởi sự pha trộn khó hiểu giữa cảm giác tội lỗi và sự đùm bọc yêu thương, giữa oán hận, chia lìa và tình bằng hữu.

Édouard áp ủ trong lòng một nỗi oán trách mơ hồ với Albert, nhưng nỗi oán trách đó giảm đi rất nhiều vì đồng đội của anh đã cho anh một danh tính mới để anh khỏi phải về nhà. Giờ đây, khi không còn là Édouard Péricourt nữa, anh không hề biết rồi mình sẽ ra sao, nhưng cuộc đời anh có ra sao thì ra, anh thà sống bất cứ cuộc đời nào còn hơn phải đối diện với ánh mắt của bố mình, trong tình trạng như bây giờ.

Về phần Cécile, cô ấy đã viết thư cho mình. Đối với cô ấy cũng thế, cuộc chiến này kết thúc quá lâu rồi. Bọn mình hứa hẹn với nhau là sẽ có thời gian tốt đẹp khi mình trở về, nhưng nghe giọng điệu của cô ấy, mình có cảm giác là cô đã mệt mỏi lắm. Ban đầu, cô đến thăm mẹ mình thường xuyên hơn bây giờ. Mình không thể trách cô vì cô ít ghé thăm mẹ mình hơn, mình đã nói với cậu về mẹ mình rồi: bà bất trị lắm.

Cảm ơn cậu nghìn lần về cái đầu ngựa. Mình đã làm phiền cậu quá nhiều... Giờ mình thấy thực sự rất được, rất biểu cảm, đôi mắt lồi đúng như cậu vẽ, cái mõm thì hé mở. Cậu biết đó, thật ngớ ngẩn, nhưng mình thường tự hỏi người ta gọi con vật này là gì. Như thế mình cần đặt cho nó một cái tên vậy.

Anh đã vẽ bao nhiêu đầu ngựa cho Albert rồi? Khi nào cũng quá nhỏ, quay về bên này, không, đúng ra phải quay sang bên kia, với đôi mắt... nói thế nào nhỉ, không, không thực sự như vậy. Thêm một con ngựa mà Édouard những muốn vứt đi cho rồi, nhưng anh cảm thấy, đối với đồng đội của anh, việc tìm lại, lưu giữ cái đầu của con vật có lẽ đã cứu sống cậu ta là rất quan trọng. Đòi hỏi đó che đậy một thách thức mù mờ, sâu kín khác liên quan đến bản thân anh, Édouard, nhưng anh lại không biết gọi tên. Anh hăng hái bắt tay vào việc, phác họa hàng chục bức, cố gắng làm theo những chỉ dẫn vụng về mà Albert, vừa xin lỗi vừa cảm ơn rồi rút, đã cung cấp cho anh qua hết thư này đến thư khác. Anh đang định từ bỏ thì nhớ đến cái đầu ngựa mà Vinci đã phác họa, một bức vẽ bằng chì nâu gạch, hình như anh còn nhớ, để làm mẫu đúc tượng người cười ngựa, và anh dùng luôn nó làm mẫu. Nhận được, Albert nháy mắt lên vì vui sướng.

Khi đọc được những dòng này, cuối cùng Édouard cũng hiểu vấn đề đang đặt ra.

Giờ đây, đưa cho đồng đội của mình bức tranh đầu ngựa xong, anh đặt bút xuống và quyết định không bao giờ nhấc nó lên nữa.

Anh sẽ không bao giờ vẽ nữa.

Ở đây, thời gian cứ dài đằng đằng. Cậu biết không, hiệp định đình chiến đã được ký vào tháng Mười một vừa rồi, giờ đã là tháng Hai vậy mà bọn mình vẫn chưa được phục viên? Đã từ nhiều tuần nay bọn mình không còn được tích sự gì nữa... Người ta đã nói với bọn mình đủ thứ để giải thích tình trạng này, nhưng phải biết cái gì đúng cái gì sai, cậu ạ. Ở đây, cũng như trên chiến trường, tin đồn lan nhanh hơn tin chính thức. Có vẻ như chẳng mấy chốc nữa dân Paris sẽ cầm tờ Petit Journal tới dạo chơi trên chiến trường Reims, tuy nhiên, bọn mình vẫn đang chết gí trong những điều kiện ngày càng tệ hại, cũng giống như bản thân bọn mình vậy. Đôi khi, mình nói thật đấy, bọn mình tự hỏi liệu trong bom đạn thì có tốt hơn không, ít nhất bọn mình còn có cảm giác phục vụ cho điều gì đó, cảm giác đang chiến thắng. Mình thật xấu hổ khi phàn nàn với cậu về những chuyện không đâu vào đâu, Eugène đáng thương ạ, hắn cậu tự nhủ rằng mình không biết mình đang hạnh phúc, chỉ biết ngồi đây than thân trách phận. Có lẽ cậu có lý, dẫu sao, bọn mình thật ích kỷ.

Thấy thư của mình lung tung quá (mình không bao giờ biết viết liền mạch, hồi còn đi học cũng vậy), mình tự hỏi liệu chuyển sang vẽ mình có khá hơn không...

Édouard viết cho bác sĩ Maudret rằng anh từ chối mọi hình thức can thiệp thẩm mỹ và xin được phục viên càng sớm càng tốt.

— Với bộ mặt như vậy sao?

Ông bác sĩ tức điên lên. Tay phải ông cầm thư của Édouard, tay trái ông nắm chặt vai anh trước gương.

Édouard nhìn hồi lâu khối nhão sưng vù trong đó anh tìm lại những nét mặt trước đây của anh giờ đã không còn, như thể anh đang đeo mạng vậy. Thịt da anh gập lại, như được tạo nên từ những chiếc gối lớn màu trắng

sữa. Ngay giữa mặt, lỗ thủng, một phần bị lấp đi bởi thủ thuật kéo căng và lật ngược lớp tế bào, trông giống như một miệng núi lửa, trông có vẻ xa xôi hơn trước nhưng vẫn đỏ lôm như thế. Tưởng như một diễn viên kỳ tài có khả năng nuốt chửng hai má và hàm dưới của mình, nhưng không biết làm ngược lại.

— Vâng, - Édouard khẳng định, - với bộ mặt như thế này.

Cảnh huyên náo không dứt. Hàng nghìn người lính qua đây, quay lại, lưu lại, vừa tới nơi, chen chúc nhau trong cảnh hỗn độn không thể tả. Trung tâm giải ngũ chật ních người, người ta phải giải phóng thành từng đợt, mỗi đợt mấy trăm lính, nhưng chẳng ai biết xoay xử thế nào cả, mệnh lệnh tiếp nối mệnh lệnh, công tác tổ chức thay đổi liên tục. Những anh lính bất bình, mệt mỏi, hỏi han từng chút thông tin, lập tức biến thành một làn sóng, thốt lên một tiếng kêu, gần như lời dọa dẫm. Các hạ sĩ quan lỗi thời rảo bước qua đám đông, nói đồng bằng giọng bức tức: “Tôi chả biết gì hơn các anh đâu, các anh muốn tôi nói quái gì!” Đúng lúc đó, có tiếng tuýt còi, mọi người ngoái đầu nhìn, sóng người tức tối dịch chuyển, ở đằng kia, tận trong cùng, có một gã đang la hét, người ta chỉ nghe thấy: “Giấy tờ à? Nhưng mẹ kiếp, giấy tờ nào chứ?” và một giọng khác: “Hả, sao lại thế, số quân nhân gì chứ?” Theo phản xạ, người nào cũng vỗ tay vào túi ngực hoặc sau quần rồi nhìn nhau dò hỏi “Tao chờ đây bốn tiếng rồi, mẹ kiếp, thật khốn kiếp!” “Mày đừng phàn nàn làm gì, tao chờ đã ba ngày!” Một người khác hỏi: “Mày bảo, giày xăng đá ở đâu?” Nhưng có vẻ như chỉ còn giày cỡ lớn. “Thế thì ta phải làm sao?” một tay lính quá khích. Mặc dầu vậy, anh ta chỉ là một binh nhất, mà lại nói với một đại úy như nói với nhân viên vậy. Anh ta cực kỳ tức giận, nhắc đi nhắc lại: “Thế nào hả? Bọn tôi làm gì đây?” Viên sĩ quan chăm chú dò danh sách, đánh dấu những cái tên. Tay binh nhất điên tiết lên, vừa quay gót vừa cảm rằm những gì rất khó nghe, chỉ thấy mỗi từ: “Đồ dòi bọ...” Viên đại úy làm như không nghe thấy gì, anh ta đỏ mặt tía tai, tay run run, nhưng vì đông người quá nên tiếng chửi thề đó cũng hòa trong đám đông rồi tan như bọt nước, đã có hai gã vừa dẫm vào vai nhau vừa cãi vã. “Tao bảo đây là áo của tao”, một người thét lên. “Mẹ kiếp, người kia nói, chỉ còn thiếu mỗi nước này nữa thôi!” nhưng anh ta buông

ngay tay ra rồi bỏ đi, anh ta đã cố một lần, rồi anh ta sẽ tiếp tục; trộm cắp ở đây khá nhiều, ngày nào cũng có, chắc phải mở một phòng chuyên giải quyết chuyện ấy, một phòng cho mỗi nội dung khiếu nại là không thể, các bạn hiểu chứ? Đó là điều mà người ta nói với nhau khi xếp hàng chờ món xúp. Ấm. Ngay từ đầu. Thật không hiểu nổi, cà phê thì nóng còn xúp thì nguội lạnh. Ngay từ đầu. Thời gian còn lại, khi không phải xếp hàng, hoặc người ta tiếp tục hỏi thêm thông tin (“Nhưng mà tàu đi Mâcon đầu sao vẫn được ghi rõ đấy chứ!” một người nói. “Ờ thì đúng thế, có ghi rõ, chỉ có điều không có tàu, mà muốn tao nói gì đây!”)

Hôm qua, cuối cùng tàu đi Paris cũng đã khởi hành, bốn mươi bảy toa, chở được khoảng một nghìn năm trăm người nhưng người ta đã chất lên hơn hai nghìn người, phải nói là lèn như cá hộp vậy, nhưng trông ai cũng vui. Cửa kính bị đập vỡ, các sĩ quan đến và nói về “tình trạng phá phách”, có những gã đã phải xuống tàu, tàu đã chậm mười tiếng giờ lại chậm thêm một tiếng nữa, cuối cùng, tàu bắt đầu rung chuyển, tiếng la hét vang lên tứ phía, người đi, kẻ ở. Và khi chỉ còn những cuộn khói trên miền quê bằng phẳng, người ta tiếp tục tiến lên theo hàng của mình, cố tìm một ánh mắt quen thuộc để dò la tin tức, đặt lại cũng những câu hỏi ấy, đơn vị nào được phục viên, trình tự thủ tục như thế nào, lạy Chúa, ở đây không có ai chỉ huy hay sao? Có chứ, nhưng chỉ huy cái gì? chẳng ai hiểu gì hết. Người ta chờ. Phân nửa quân lính ngủ dưới đất trong chiếc áo ca pô của mình, dưới chiến hào còn nhiều chỗ hơn. Ừ thì không thể so sánh như vậy được, ở đây không có chuột cống nhưng lại có chấy rận vì ta mang theo những con vật đó trên người. “Thậm chí bọn tôi không thể viết thư cho gia đình báo là khi nào bọn tôi sẽ về đến nhà”, một người lính càu nhàu, đó là một ông già, da nhăn nheo, ánh mắt ủ ê, lão phàn nàn, cảm giác như đó là định mệnh. Cứ nghĩ là một chuyến tàu bổ sung sẽ đến, và nó đến thật, nhưng thay vì chở đi ba trăm hai mươi gã đang chờ thì tàu lại mang tới hai trăm người nữa, những người mới đến, không biết nhét họ vào đâu.

Cha tuyên úy cố lách qua những hàng lính, họ giãn ra, cha bị chen lấn, ly cà phê của cha bị đổ một nửa, một tay lính nhỏ thó nháy mắt với cha: “Này

cha, Chúa nhân từ chẳng tử tế với cha chút nào!” gã cười thích thú. Cha tuyên úy mím môi lại rồi loay hoay tìm một chỗ trên ghế dài, có vẻ như người ta sắp mang đến nhiều ghế nữa, nhưng khi nào thì chẳng ai biết. Trong khi chờ đợi, những người đang ở đây cố mà chịu trận, cha tuyên úy tìm được một chỗ nhờ lính tráng ngồi sát lại, nếu là sĩ quan thì ông đã cho họ biết tay rồi, nhưng một cha xứ thì...

Đám đông đúng là không tốt cho nỗi lo âu của Albert. Anh rúm ró hai tư trên hai tư giờ. Không thể nằm đâu mà không bị người này hay người kia chen lấn. Rồi sự ồn ào, những tiếng kêu thét làm anh cực kỳ khó chịu, ong cả đầu, anh không ngừng giật mình và cứ phải xoay trở phân nửa thời gian. Đôi khi, như thể cửa boong tàu khép lại, tiếng ồn ào của đám đông quanh anh bỗng dừng tắt ngúm và thay vào đó là những tiếng vọng trầm đục, nghèn nghẹt như tiếng đạn pháo nổ trong lòng đất.

Tình trạng đó trở nên thường xuyên hơn từ khi anh thoáng thấy đại úy Pradelle ở cuối đại sảnh. Đứng giạng hai chân, tư thế ưa thích của y, tay chắp sau lưng, y quan sát cảnh tượng thê thảm đó với vẻ nghiêm nghị của một người ngao ngán nhưng lại bình yên vô sự trước sự tầm thường của những kẻ khác. Khi nhớ tới y, Albert lại lo sợ, giương mắt nhìn chăm chăm vào đám lính đứng quanh mình. Anh không muốn nói về đại úy Pradelle cho Édouard nghe nhưng anh có cảm giác y có mặt khắp nơi, như một hồn ma xảo trá, lượn đi lượn lại đâu đó, rất gần, chỉ chực nhảy xổ vào anh.

Có lẽ cậu nói đúng, dẫu sao, con người ta cũng ích kỷ thật.

Cậu xem xem, thư mình thật là rời rạc...

— Albert!

Chính là bởi vì, cậu thấy đấy, đầu óc chúng ta cũng rối lắm.

Khi chúng ta có...

— Albert, chết tiệt!

Tay hạ sĩ điên tiết nắm lấy vai Albert, vừa lắc vừa chỉ tăm biển. Albert vội vàng gấp lại mớ giấy tờ lộn xộn của mình rồi vừa chạy vừa gom đồ đạc

được chằng hay chớ, ôm chặt giấy tờ, lách qua đám lính đang xếp hàng chờ mỗi cỗ.

— Trông cậu không giống ảnh lắm...

Viên cảnh sát trạc tuổi tứ tuần viên mãn (bụng phệ, béo núc, không hiểu anh ta đã làm cách nào để ăn uống được như vậy trong vòng bốn năm) và hay ngờ vực. Kiểu người có tinh thần trách nhiệm. Tinh thần trách nhiệm là một thứ theo mùa thôi. Chẳng hạn, từ khi đình chiến đến giờ thì cái món ấy mới phổ biến hơn. Và lại, Albert là một con mồi dễ dãi. Chẳng còn muốn gây gổ nữa. Đang khao khát về nhà. Đang thèm ngủ.

— Albert Maillard... - viên cảnh sát nói tiếp, vừa nói vừa soi mói quyển sổ quân nhân.

Thiếu điều anh ta nhìn xuyên thấu con người anh. Rõ ràng anh ta nghi ngờ, càng nhìn mặt Albert càng tin hơn vào phán đoán của mình: “Không giống ảnh.” Đồng thời, bức ảnh đã được chụp từ bốn năm trước, đã phai màu, cũ kỹ... Đúng thật, Albert tự nhủ, đối với một người tàn tạ và cũ kỹ như mình đây thì như thế không phải không phù hợp. Nhưng viên cảnh sát không nhìn anh bằng con mắt đó. Đạo này có quá nhiều kẻ gian lận, bịp bợm, lừa đảo. Anh ta lắc đầu, hết nhìn giấy tờ lại nhìn mặt Albert.

— Đó là bức ảnh chụp trước đây, - Albert đánh liều nói.

Gương mặt của người lính có vẻ đáng ngờ với tay viên chức bao nhiêu thì dường như hai chữ “trước đây” lại là một khái niệm rõ ràng với anh ta bấy nhiêu. Đối với tất cả mọi người, “trước đây” là một suy nghĩ hoàn toàn tinh khiết, như pha lê vậy. Chẳng sao cả.

— Mà đúng rồi, tôi cũng muốn “Albert Maillard” lắm chứ, nhưng giờ lại có đến hai Maillard đây.

— Anh có hai “Albert” Maillard ư?

— Không. “A. Maillard”, mà “A” có thể là Albert.

Viên cảnh sát khá hãnh diện về cách suy luận làm nổi bật óc tinh tế của mình.

— Vâng, - Albert nói, - cũng có thể là Alfred. Hay là André. Hay Alcide.

Viên cảnh sát nhìn trộm Albert rồi nheo mắt như một con mèo bự.

— Thế tại sao không phải là Albert được?

Dĩ nhiên rồi. Trước giả thiết chắc chắn đó, Albert không có gì để phản đối.

— Thế tay Maillard kia đâu? - anh hỏi.

— Ừ thì vấn đề là ở chỗ đó: hắn đi hôm kia rồi.

— Anh đã để cho anh ta đi mà không biết tên riêng của anh ta sao?

Viên cảnh sát nhắm mắt lại, thật khó chịu khi phải giải thích những điều đơn giản như vậy.

— Lúc đó có tên hắn, nhưng giờ thì không, hồ sơ đã được chuyển lên Paris hôm qua. Với những ai đã đi thì tôi chỉ có quyển sổ này - (anh ta quyết đoán chỉ tay vào cột ghi họ), - và ở đây ghi “A. Maillard”.

— Nếu không tìm được giấy tờ thì tôi sẽ tiếp tục chiến đấu một mình à?

— Nếu chỉ liên quan đến mỗi mình tôi thì tôi sẽ để cậu đi, - viên cảnh sát nói tiếp. - Đàng này nếu làm thế tôi sẽ bị chửi, cậu hiểu không... Nếu tôi ghi sai tên một người thì ai là người phải gánh chịu, tôi chứ còn ai! Cậu không tưởng tượng được có nhiều kẻ gian lận đến thế nào đâu! Vào thời điểm này, chúng ăn cắp giấy tờ như điên! Nếu tính tất cả những kẻ mất sổ phụ cấp giải ngũ để nhận tiền hai lần thì...

— Nghiêm trọng đến thế cơ à? - Albert hỏi.

Viên cảnh sát nhú mày, như thể anh ta đột nhiên hiểu ra trước mặt mình là một gã bôn sê vích.

— Từ sau khi chụp ảnh này, tôi đã bị thương trong trận Somme, - Albert giải thích để xoa dịu tình hình. - Có thể vì nguyên nhân đó, nên bức ảnh...

Khoái chí vì được phát huy sự minh mẫn, viên cảnh sát lần lượt sẫm soi bức ảnh và mặt Albert, lướt từ thứ này sang thứ khác càng lúc càng nhanh, cuối cùng anh ta phán: “Có thể lắm.” Mặc dầu vậy, có cảm giác việc này chưa kết thúc. Phía sau, đám lính bắt đầu nôn nóng. Vài tiếng nói cất lên, vẫn còn dè dặt, nhưng kiểu gì cũng sắp ồ ào rồi...

— Có vấn đề à?

Giọng nói đó khiến Albert chôn chân tại chỗ, bởi nó tỏa ra những làn sóng xấu xa, như một luồng khí độc. Lúc đầu, trong tầm mắt anh chỉ thấy cái thắt lưng. Anh cảm thấy mình bắt đầu run. Đừng có đá ra quần đấy.

— Dạ, là bởi... - viên cảnh sát vừa nói vừa chìa quyển sổ quân nhân ra.

Cuối cùng, Albert ngẩng đầu lên và bắt gặp ánh mắt sáng quắc và cay độc như một lưỡi dao của đại úy Aulnay-Pradelle. Vẫn mái tóc nâu đỏ, vẫn đám lông lá đỏ, vẫn dáng vẻ điên rồ đó. Pradelle cầm quyển sổ, không rời mắt khỏi Albert.

— Ở đây có hai “A. Maillard”, - viên cảnh sát nói tiếp. - Và tôi thấy phân vân với tấm ảnh...

Pradelle vẫn không nhìn quyển sổ. Albert cúi mặt nhìn xuống đôi giày. Anh không cưỡng lại được, không thể chịu nổi ánh mắt kia. Thêm năm phút nữa thì nước mũi sẽ nhỏ ra.

— Người này thì tôi biết... - Pradelle buông thông. - Tôi biết anh ta rất rõ.

— Thế à, - viên cảnh sát nói.

— Đúng là Albert Maillard...

Pradelle nói cực kỳ chậm, như thể y dồn cả trọng lượng cơ thể lên từng âm vị.

— ... Chắc chắn là như vậy.

Viên đại úy xuất hiện khiến tất cả mọi người yên lặng trong chốc lát. Lính tráng bỗng cảm bật như thể bất ngờ nhìn thấy thiên thực. Từ gã Pradelle này toát ra một cái gì đó khiến bạn lạnh thấu xương, cái gì đó rất giống Javert^{*}. Dưới địa ngục, chắc gã này phải có quỷ sứ canh giữ.

Mình đã rất phân vân trước khi cho cậu hay, nhưng rồi mình đã quyết định: mình có tin về A.P. Mình đổ cậu đoán được đấy: hắn đã được thăng đại úy! Như vậy, trong chiến tranh, làm một kẻ bất lương bản thủ còn tốt hơn làm một người lính. Và hắn đang ở đây, là trưởng phòng ở Trung tâm giải ngũ. Cậu biết khi gặp lại hắn mình bị làm sao không... Cậu không thể tưởng tượng được mình đã mơ thấy gì từ khi gặp lại hắn đâu.

— Chúng ta biết nhau, phải không quân nhân Albert Maillard?

Cuối cùng Albert cũng ngẩng mặt lên:

— Vâng thưa trung... thưa đại úy. Chúng ta biết nhau...

Viên cảnh sát không nói gì nữa, chăm chú nhìn những con dấu, quyển sổ của mình. Bầu không khí đầy những tiếng rung nguy hại.

— Đặc biệt, tôi biết rất rõ tinh thần anh dũng của anh, Albert Maillard ạ, - Pradelle dẫn từng tiếng, khoe miệng nhếch lên thành một nụ cười ban ơn.

Y nhìn anh từ chân đến đầu rồi lại nhìn lên mặt. Thật thông thả. Albert có cảm giác đất như đang chầm chậm thụt xuống dưới chân, như thể mình đang đứng trên lớp cát lún, và điều đó khiến anh phản ứng, phản ứng của một người hoảng sợ.

— Đó là cái lợi của... Chiến tranh, - anh ấp úng.

Bầu không khí im phăng phắc bao trùm hai người. Pradelle nghiêng đầu ra ý hỏi.

— Mỗi người... thể hiện bản chất thực của mình, - Albert khó nhọc nói thêm.

Pradelle nhếch mép cười. Trong một số tình huống, môi y chỉ còn là một đường ngang, kéo ra một cách máy móc. Albert hiểu nỗi khó chịu của y: đại úy Pradelle không chớp mắt, không bao giờ, vì thế nên ánh mắt y cứ chăm chăm, cay độc. Những tên súc vật đó làm gì có nước mắt, anh nghĩ bụng. Anh nuốt nước bọt và nhìn xuống.

Đôi khi mình mơ thấy giết hăn, lấy lưỡi lê đâm hăn. Đôi khi, mình mơ mình và cậu đang ở với nhau, còn hăn thì đứng đó mà chịu trận, mình xin cậu hãy tin như thế. Cũng thỉnh thoảng, mình mơ thấy mình đang đứng trước hội đồng chiến tranh, kết cục mình bị tuyên án xử bắn, thường thì mình sẽ không chịu để người ta bịt mắt, mình phải tỏ ra dũng cảm. Trái lại, mình đồng ý, bởi vì tay súng duy nhất, chính là hăn, hăn vừa ngắm bắn vừa cười với mình, vẻ mặt rất tự mãn... Khi mình tỉnh giấc, mình vẫn còn mơ đang giết hăn. Nhưng chính cậu là người mà mình nghĩ đến nhiều nhất, anh bạn đáng thương ạ, khi tên của thằng đểu đó tái hiện trong đầu. Lẽ ra mình không nên nói với cậu những điều này, mình biết...

Viên cảnh sát hăng giọng.

— Vậy thì... Nếu như đại úy biết cậu ta...

Đám đông lại ồn ào trở lại, lúc đầu còn rụt rè, sau đó nhao nhao cả lên.

Cuối cùng Albert ngược mắt lên, Pradelle đã biến mất, viên cảnh sát đã cúi xuống quyền sở của mình.

Từ sáng, mọi người đã gào thét trong tiếng huyền não không ngớt. Trung tâm giải ngũ không ngừng vang lên những tiếng hét, tiếng gào, rồi bỗng nhiên, vào cuối ngày, sự tuyệt vọng dường như xâm chiếm lấy cơ thể to đùng đang hấp hối ấy. Các ghi sê đóng cửa, sĩ quan đi ăn tối, hạ sĩ quan kiệt sức ngồi bệt lên ba lô, thối ly cà phê nguội theo thói quen. Bàn làm việc đã được thu dọn. Cho đến ngày hôm sau.

Những chuyến tàu nào còn chưa đến thì sẽ không đến nữa.

Hôm nay còn chưa thấy đến.

Có thể là ngày mai.

Với lại, chờ đợi chính là việc chúng ta đã làm suốt từ khi chiến tranh kết thúc. Ở đây rất cuộc cũng gần giống ở trong chiến hào. Bọn mình có kẻ thù mà bọn mình chẳng bao giờ nhìn thấy, nhưng nó lại đè lên bọn mình bằng tất cả sức nặng của nó. Bọn mình phụ thuộc vào nó. Kẻ thù, chiến tranh, hành chính, quân đội, tất cả những thứ ấy, đều như thế cả, những thứ chẳng ai hiểu gì và cũng chẳng ai có thể chặn lại.

Chẳng mấy chốc đêm đến. Những người đã ăn xong bắt đầu vừa tiêu hóa vừa mơ mơ màng màng, họ châm thuốc cho nhau. Một vì cả ngày chật vật tất tả ngược xuôi mà chẳng được gì nhiều, họ cảm thấy vừa kiên nhẫn vừa độ lượng; giờ đây, khi tất cả đã yên ắng trở lại, họ chung chăn ngủ bên nhau, chia cho nhau từng mẩu bánh mì thừa. Họ tháo giày ra, và có thể vì ánh sáng, gương mặt họ dường như hốc hác hơn, ai cũng già đi, sự chán nản, từng ấy tháng mệt mỏi với những thủ tục lê thê, họ tự nhủ sẽ không bao giờ có thể dứt khỏi cuộc chiến này. Một số lính bắt đầu chơi bài, ai thua sẽ mất giày xăng đá, những đôi quá nhỏ trước đây còn chưa mang đổi được, họ cười đùa, nói chuyện phiếm. Trong lòng họ nặng trĩu.

... Chiến tranh kết thúc như thế đó, Eugène đáng thương ạ, cả một khu phòng ngủ mênh mông chật kín những người lính kiệt sức mà người ta còn chẳng buồn tìm cách đưa về nhà một cách tử tế. Chẳng có ai nói với bọn mình một lời hay chỉ đơn giản là bắt tay. Báo chí đã hứa với chúng ta những khái hoàn môn thế mà họ lại nhét chúng ta vào những căn phòng tông hốc gió. “Nước Pháp tri ân” (mình đã đọc được dòng này trên báo *Le Matin*, nguyên văn là thế đó, mình thề với cậu) đã biến thành những điều phiến nhiễu thường trực, người ta tần tiện bố thí cho chúng ta 52 quan phụ cấp giải ngũ, đến quần áo, xúp và cà phê người ta cũng dè sẻn với chúng ta. Họ đối xử với chúng ta như với phường trộm cắp.

— Ở quê mình, - một người vừa nói vừa châm lại thuốc, - lính về là người ta tổ chức một buổi lễ cực vui...

Chẳng ai đáp lại. Sự nghi hoặc lớn vờn trong tâm trí tất cả mọi người.

— Cậu quê đâu? - một người hỏi.

— Quê ở Saint-Viguiet-de-Soulaye.

Chẳng ai biết địa danh đó ở đâu, nhưng nghe thì rất hay.

Hôm nay mình viết như vậy thôi nhé. Mình nhớ cậu, bạn thân ạ, mình nóng lòng được gặp cậu, đó là việc đầu tiên mình làm khi trở về Paris, ngay sau khi tìm gặp Cécile của mình, cậu hiểu đó. Cậu cố giữ gìn sức khỏe nhé, nếu được thì biên thư cho mình, nếu không thì vẽ tranh cũng rất tốt, mình luôn giữ lại tất cả, ai mà biết được? Khi cậu trở thành một nghệ sĩ lớn, mình muốn nói là nổi tiếng ấy, mình sẽ giàu có cho mà xem.

Mình siết chặt tay cậu.

Albert của cậu.

Sau một đêm dài nhẩn nhục cam chịu, buổi sáng, mọi người đều vờn vai. Ngày vừa rạng, đám hạ sĩ quan đã lấy búa nện ầm ầm vào những tờ niêm yết. Ai nấy đều vội vã. Thứ Sáu, tức hai ngày nữa, chắc chắn sẽ có tàu. Hai tàu đi Paris. Từng người tìm tên của mình, tên của đồng đội. Albert kiên nhẫn chờ đợi, bị khuỷu tay người ta thúc vào mạng sườn, bị người ta giẫm lên chân. Rồi anh cũng lách được vào, lấy ngón tay trở dò danh sách,

rồi đến danh sách thứ hai, anh nghiêng người chèn tới, danh sách thứ ba, cuối cùng anh cũng thấy tên mình, Albert Maillard là tôi, đi tàu đêm.

Thứ Sáu, xuất phát lúc hai mươi hai giờ.

Để có thời gian xin đóng dấu phiếu lên tàu, cùng với đồng đội đi ra ga thì phải lên đường sớm hơn chừng một tiếng. Anh định viết thư cho Cécile nhưng nhanh chóng đổi ý, chẳng được tích sự gì. Mọi người đã chán những tin vịt thế này rồi.

Giống như những người lính khác, anh cảm thấy nhẹ cả người. Cho dù thông tin có nguy cơ bị cải chính, thậm chí sai lệch, nhưng vẫn khiến mọi người thấy thoải mái.

Albert gửi hành lý của mình cho một người lính quê Paris, cậu ta đang tận dụng lúc nhàn rỗi để viết thư. Mưa đã tạnh trong đêm, mọi người tự hỏi liệu thời tiết có chuyển biến tốt hay không, mỗi người vừa nhìn mây vừa dự đoán theo cách của mình. Và buổi sáng là như thế, ngay cả khi đã có nhiều việc để mà bận tâm, ai cũng cảm thấy là dầu sao, còn sống vẫn là điều tốt. Dọc theo những barie mà người ta dựng lên để xác định ranh giới của trại, đã bầu đầy hàng chục người lính, như mọi ngày, để nói chuyện tầm phào với dân làng, họ tò mò đến xem sao, những đứa trẻ hy vọng được chạm tay vào súng và những vị khách không biết từ đâu chui ra và cũng không biết đến bằng cách nào. Nói chung là có nhiều người. Thật buồn cười khi bị vây hốt như vậy mà nói chuyện với dân thường thực thụ qua những barie. Albert vẫn còn thuốc lá, thứ anh không bao giờ rời bỏ. May thay, vì có không ít lính rất mệt mỏi đang nằm bệt phía sau trong chiếc áo choàng trước khi quyết định đứng dậy, có thể dễ dàng kiếm được đồ uống nóng sốt hơn so với trong ngày. Anh tiến tới barie và đứng lại đó một lúc khá lâu để hút thuốc và nhâm nhi cà phê. Phía trên anh, mây trắng bay qua rất nhanh. Anh đi đến cổng trại, trao đổi dăm câu ba điều với vài người. Nhưng anh tránh hỏi tin, quyết tâm bình tĩnh chờ cho đến khi người ta gọi tên mình, không còn muốn chạy nữa, sớm muộn thì người ta cũng sẽ cho anh về nhà. Trong bức thư mới nhất, Cécile đã cho anh một số điện thoại mà anh có thể để lại tin nhắn khi biết ngày trở về. Từ khi cô cho anh số điện thoại đó, anh

cứ sốt sắng, những muốn bấm số ngay, nói chuyện với Cécile, nói với cô là anh mòn mỏi chờ ngày trở về thế nào, chờ đến ngày cuối cùng cũng được ở bên cô, và bao điều nữa, nhưng đó chỉ là một nơi gọi nhờ, ở nhà ông Mauléon, chủ cửa hàng ngũ kim ở góc phố Amandiers. Trước tiên phải tìm ra chỗ gọi điện thoại đã. Về thẳng nhà có lẽ còn nhanh hơn.

Đứng trước barie có khá nhiều người. Albert chiêm điếu thuốc thứ hai, anh nhẩn nha. Những người dân địa phương vẫn ở đó, đang nói chuyện với đám lính. Nét mặt họ buồn bã. Có những người phụ nữ ra tìm con, tìm chồng, với tay chìa những bức ảnh, thật khó tin, khác nào mò kim đáy bể. Những ông bố, nếu có đến, đứng lùi về phía sau. Phụ nữ vẫn luôn là những người vất vả nhất, họ hỏi han, họ tiếp tục cuộc chiến thầm lặng, sáng nào cũng vậy, họ thức dậy với chút hy vọng mòn mỏi còn lại. Đã từ lâu, đàn ông không còn tin vào điều đó nữa. Những người lính được hỏi trả lời băng quơ, lắc đầu, ảnh nào cũng giống như ảnh nào.

Có người đặt tay lên vai anh. Albert quay lại và ngay lập tức cảm thấy buồn nôn, tim đập ở mức báo động tối đa.

— À! Quân nhân Maillard, tôi đang tìm anh!

Pradelle nắm lấy tay anh và bắt anh đi.

— Đi theo tôi!

Albert không còn là cấp dưới của Pradelle, nhưng anh cũng vội vội vàng vàng ôm ba lô đi theo y, tác dụng của quyền lực mà.

Họ đi dọc theo barie.

Cô gái trẻ trông thấp bé hơn họ. Hai bảy, hai tám tuổi gì đó, không xinh lắm, Albert nghĩ bụng, nhưng khá duyên. Mà thật ra, cũng chẳng biết nữa. Chiếc áo khoác của cô chắc là bằng lông chồn ecmin, Albert không chắc lắm; có lần, Cécile đã chỉ cho anh những áo khoác kiểu đó trong tủ kính của các cửa hàng xa xỉ, anh rất buồn vì không thể vào mua cho cô một chiếc. Cô gái trẻ đeo bao tay lông đồng bộ và đội một chiếc mũ không vành hình chuông, loe ra phía trước. Kiểu người có điều kiện ăn mặc giản dị nhưng không tỏ ra nghèo khổ. Cô có gương mặt cởi mở, đôi mắt to sẫm

màu, kéo sang hai bên thành những nếp nhăn li ti, hàng mi rất đen, dài và miệng nhỏ. Không, không xinh lắm nhưng nhìn tổng thể rất được. Hơn nữa, ta biết ngay đó là một người phụ nữ có cá tính.

Cô đang xúc động. Bàn tay đeo găng cầm một tờ giấy, cô mở ra rồi đưa cho Albert.

Để tỏ ra tự tin, vững vàng, Albert cầm lấy tờ giấy và giả vờ đọc, mà cần gì phải đọc đâu, anh biết rõ tờ giấy đó ghi những gì. Một tờ khai in sẵn. Một số từ đập vào mắt anh: “Hy sinh vì nước Pháp... Lý do: bị thương trên chiến trường... được mai táng gần đó”.

— Chị này quan tâm đến một trong những đồng đội của anh, hy sinh trên chiến trường, - viên đại úy lạnh lùng nói.

Cô gái trẻ trao cho anh tờ giấy thứ hai, anh lóng ngóng suýt đánh rơi, may mà bắt kịp, cổ thốt lên một tiếng: “Ôi!”

Đó là nét chữ của anh.

Chào hai bác,

Cháu là Albert Maillard, đồng đội của Édouard, con trai hai bác, cháu vô cùng đau buồn khi báo cho hai bác được biết rằng con trai hai bác đã hy sinh trên chiến trường vào ngày 2 tháng Mười một vừa rồi. Cơ quan chức năng sẽ gửi thông báo chính thức cho hai bác, nhưng cháu có thể nói với hai bác rằng con trai hai bác đã hy sinh...

Anh trả lại hai tờ giấy cho cô gái trẻ, cô chìa tay cho anh, một bàn tay mát lạnh, mềm mại và rắn chắc.

— Chị là Madeleine Péricourt. Chị là chị gái của Édouard...

Albert gật đầu. Édouard và cô giống nhau, ở đôi mắt. Không ai biết tiếp tục câu chuyện như thế nào.

— Em rất tiếc, - Albert nói.

— Chị đây đã đến tìm tôi, - Pradelle phân trần, - theo giới thiệu của tướng Morieux... (y quay về phía Madeleine), - ông ấy là bạn thân của bố cô, có đúng vậy không?

Madeleine gật đầu xác nhận, mắt vẫn nhìn Albert, cái tên Morieux khiến lòng dạ anh như quặn lên, anh lo lắng tự hỏi kết cục rồi sẽ ra sao, anh bất giác co mông, tập trung vào bóng đá. Pradelle, Morieux... Vụ này sẽ chẳng mấy mà khép lại thôi.

— Thực ra, - viên đại úy tiếp tục, - quý cô Péricourt rất mong được viếng mộ người em xấu số của mình. Nhưng cô lại không biết anh ấy được chôn ở đâu...

Đại úy Aulnay-Pradelle nặng nề đặt tay lên vai anh lính Maillard để buộc anh phải nhìn y. Trông như một cử chỉ thân thiện, chắc hẳn Madeleine thấy viên đại úy nhân ái lạ lùng, đồ rác rưởi đó đang chăm chăm nhìn Albert với một nụ cười vừa kín đáo vừa hăm dọa. Albert thầm kết nối cái tên Morieux với cái tên Péricourt, rồi với “người bạn thân của bố cô”... Chẳng khó khăn gì để nhận ra rằng viên đại úy đang chăm lo tạo quan hệ và giúp Madeleine sẽ có lợi cho y hơn là nói ra sự thật mà y biết rất rõ. Y giam hãm Albert trong lời nói dối về cái chết của Édouard Péricourt và chỉ cần quan sát thái độ của y là đoán biết được chừng nào còn tìm thấy cái có lợi chừng đó y còn mạnh tay.

Không phải quý cô Péricourt đang nhìn Albert, mà cô đang soi mói anh với một niềm hy vọng cháy bỏng, cô nhú mày như để giúp anh cất tiếng. Còn anh lại lắc đầu không nói một lời nào.

— Có xa đây không? - cô hỏi.

Giọng rất hay. Và vì Albert không trả lời gì.

— Cô đây muốn hỏi anh, - đại úy Pradelle kiên nhẫn dẫn từng tiếng, - là nghĩa trang nơi anh chôn cất Édouard, em trai của cô ấy, có xa đây không?

Madeleine đưa mắt dò hỏi viên sĩ quan. Lính của anh gốc à? Anh ta có hiểu những gì người ta nói không? Cô khẽ vò bức thư. Mắt cô hết nhìn viên đại úy lại nhìn sang Albert, rồi từ Albert lại nhìn sang viên đại úy.

— Khá xa... - Albert nói liều.

Madeleine tỏ vẻ nhẹ nhõm. Khá xa có nghĩa là không quá xa. Và dù sao cũng là: tôi nhớ vị trí. Cô hít sâu. Có người biết. Có thể đoán được là cô đã

phải cất công chạy chọt không ít để đạt được điều này. Cô không cho phép mình cười, dĩ nhiên rồi, không phải lúc, nhưng cô rất điềm tĩnh.

— Cậu có thể nói rõ cho tôi biết là làm thế nào để đi đến đó không?

— Việc này... - Albert vội vàng trả lời, - không dễ đâu... Chị biết đấy, đây là vùng nông thôn, để tìm được cột mốc thì...

— Thế cậu có thể đưa chúng tôi đi đến đó chứ?

— Bây giờ ư? - Albert lo lắng hỏi. - Là vì...

— A không, không phải bây giờ đâu!

Madeleine buột miệng trả lời, cô lập tức hối hận, cắn môi, cầu cứu đại úy Pradelle.

Và lúc ấy, một điều kỳ cục xảy ra: ai cũng hiểu vấn đề chính xác là gì.

Một lời nói ngắn ngủi phát ra quá nhanh và thế là xong. Tình thế bỗng chốc thay đổi hoàn toàn.

Pradelle là kẻ phản ứng nhanh nhất, như thường lệ:

— Cô Péricourt muốn viếng mộ em trai, cậu biết đấy...

Y nhấn từng âm tiết một, như thể từng âm tiết chứa đựng một nghĩa cụ thể và độc lập.

Viếng. Để xem nào. Thế tại sao không làm ngay?

Sao lại phải chờ?

Là bởi vì, để làm điều cô muốn, phải có chút thời gian và nhất là rất kín đáo.

Đã nhiều tháng nay, các gia đình đồng loạt đòi hỏi cốt của những người lính đã được mai táng ở chiến trường. Hãy trả lại con cho chúng tôi. Nhưng chẳng làm được gì. Là bởi khắp nơi ở đâu cũng có. Năm rải rác khắp miền Bắc và miền Đông đất nước là những ngôi mộ tạm bợ được đào vội bởi vì người chết nào có thể chờ, xác chết thối rữa rất nhanh, đó là chưa kể đến lũ chuột. Từ ngày đình chiến, các gia đình bắt đầu kêu gào nhưng Nhà nước vẫn một mực từ chối. Đồng thời, khi nghĩ đến chuyện đó, Albert thấy như vậy cũng hợp logic thôi. Nếu chính phủ cho phép người dân tự khai quật mộ lính, rồi mà xem, chỉ trong vài ngày, hàng trăm nghìn gia đình sẽ dùng

xéng và cuốc để xới tung một nửa đất nước lên, các bạn cứ thử hình dung công trường đó cảnh họ vận chuyển hàng nghìn xác chết thối rữa, để quan tài lưu lại nhiều ngày liền ở các nhà ga, chất lên những con tàu đi cả tuần mới từ Orleans đến được Paris, không thể như vậy được, chính vì thế nên câu trả lời là không, ngay từ đầu. Chỉ có điều, đối với các gia đình, thì chuyện này khó mà chấp nhận nổi. Chiến tranh kết thúc rồi còn gì, người ta không hiểu, người ta khẩn khoản van nài. Còn chính phủ thì ngay cả việc cho lính giải ngũ cũng không làm được chứ chưa nói gì đến việc tổ chức khai quật và vận chuyển hai trăm, ba trăm, thậm chí bốn trăm nghìn xác chết, nhiều quá đếm không xuể... Vấn đề quả thật cực kỳ hóc búa.

Thế nên người ta trốn trong phiên muộn, những ông bố bà mẹ đi xuyên đất nước để viếng những ngôi mộ được dựng lên ngay giữa chốn đồng không mông quạnh, không thể dời đi được.

Với những người cam chịu nhất thì như vậy.

Bởi vì còn có những người khác, những gia đình nổi loạn, những gia đình đòi hỏi cao, cứng đầu cứng cổ không muốn để chính phủ của những kẻ bất tài lừa phỉnh. Những gia đình đó xoay sở kiểu khác. Và đó là trường hợp nhà Édouard. Cô Péricourt không đến để viếng mộ em trai mình.

Cô đến tìm cậu ta.

Cô đến để đào mộ lên và đưa em trai mình về.

Những câu chuyện như thế người ta đã nghe nói rồi. Có cả một đường dây, có những người chuyên làm việc ấy, chỉ cần một chiếc xe tải, một cái xéng, một cái cuốc và một tấm lòng bền bỉ. Họ tìm ra chỗ, và ban đêm, họ làm rất nhanh.

— Thế khi nào, - đại úy Pradelle tiếp tục, - thì cô đây có thể đi viếng mộ em trai, quân nhân Maillard?

— Ngày mai, nếu chị muốn... - Albert đề xuất, giọng không âm sắc.

— Được, - cô gái trẻ đáp, - mai thì tốt quá. Tôi sẽ đi ô tô. Theo cậu thì đến đó mất bao nhiêu thời gian?

— Khó nói lắm. Một hai tiếng gì đó... Có thể hơn... Mấy giờ thì hợp với chị? - Albert hỏi.

Madeleine do dự. Và vì cả viên đại úy lẫn Albert đều không có phản ứng gì, cô nói:

— Tôi sẽ đến đón cậu vào lúc sáu giờ chiều, cậu thấy sao?

Albert thấy sao ư?

— Chị muốn viếng ban đêm à? - anh hỏi.

Anh buột miệng hỏi vậy. Không thể cưỡng lại được. Thật hèn.

Anh hối hận ngay, bởi vì Madeleine sụp mắt xuống. Cô không hề cảm thấy khó chịu trước câu hỏi của anh, không phải, cô đang tính toán. Cô còn trẻ, nhưng là người thực tế. Và vì cô là người giàu có, người ta thấy ngay điều đó, áo lông chồn ecmin, chiếc mũ nhỏ, hàm răng đẹp, cô xem xét tình hình một cách cụ thể và tự hỏi nên đề xuất giá nào để gã lính này chịu hợp tác.

Albert ngao ngán cho mình, vì đã để người ta tưởng mình sẽ nhận tiền để làm việc đó... Trước khi Madeleine mở miệng, anh nói:

— Đồng ý, mai gặp lại.

Anh quay lưng và lên đường về trại.

*V*à mình khẳng định với cậu, mình rất tiếc khi phải nói lại chuyện đó thêm một lần nữa... Dẫu sao cậu cũng phải thực sự chắc chắn. Đôi khi người ta đưa ra một quyết định chỉ vì giận dữ, thất vọng hay buồn bã nhất thời, có khi chúng ta quá câu nệ vào cảm xúc, tóm lại, cậu hiểu mình muốn nói gì rồi đấy. Mình không biết chúng ta nên làm thế nào bây giờ, nhưng ít ra chúng ta cũng sẽ tìm được cách... Những gì chúng ta đang làm hướng này giờ chắc vẫn có thể làm lại theo hướng khác. Mình không muốn ép cậu, nhưng mình xin cậu: hãy nghĩ đến bố mẹ cậu. Mình chắc chắn, nếu gặp lại cậu trong tình trạng như bây giờ, bố mẹ cậu cũng vẫn yêu thương cậu giống như trước đây, thậm chí còn hơn. Bố cậu chắc hẳn là một người quả cảm và tận tâm tận tụy, cậu hãy tưởng tượng ông ấy sẽ vui đến nhường nào khi biết cậu còn sống. Mình không muốn ép cậu đâu. Dù sao chẳng nữa, cậu thích thế nào thì sẽ như thế đó, tuy vậy đó cũng là những điều mà theo mình cậu nên cân nhắc thật kỹ. Cậu đã vẽ Madeleine, chị gái cậu, gửi cho mình, một cô gái thật dễ thương, cậu hãy nghĩ đến nỗi buồn của chị ấy khi biết tin cậu đã hy sinh và, với chị ấy, thật kỳ diệu nếu như hôm nay...

Viết thế cũng chẳng để làm gì. Thậm chí không biết khi nào thư đến nơi, có khi mất hai, thậm chí bốn tuần. Và việc đã được quyết rồi. Albert chỉ viết những điều đó cho chính mình. Anh không hối hận vì đã giúp đỡ Édouard thay đổi danh tính, nhưng nếu không làm đến cùng, anh không thể tưởng tượng một cách cụ thể những hậu quả mà anh cho là rất mù mịt. Anh nằm xuống đất, co ro trong chiếc áo va rơi.

Anh trần trọc gần như suốt đêm, căng thẳng, lo lắng.

Trong mơ, người ta đào lên một cái xác và Madeleine Péricourt thấy ngay rằng đó không phải là thi hài của em trai mình, người đó quá lớn hoặc quá nhỏ, đôi khi, mặt của cái xác bị người ta nhận ra ngay, là mặt của một

người lính rất già, thậm chí lại có khi họ đào lên một người với cái đầu ngựa chết. Cô gái trẻ nắm lấy tay anh và hỏi: “Cậu đã làm gì em trai tôi?” Đại úy d'Aulnay-Pradelle bồi thêm, dĩ nhiên rồi, mắt y xanh lè đến mức soi sáng gương mặt Albert như một ngọn đuốc. Giọng y chính là giọng của tướng Morieux. “Đúng vậy, giọng y vang như sấm. Cậu đã làm gì người anh em này, quân nhân Maillard?”

Sau một cơn ác mộng như trên, anh bừng tỉnh lúc rạng sáng.

Trong khi cả doanh trại hoặc gần như thế còn đang ngủ, Albert suy nghĩ rất lung, trong bóng tối của gian phòng lớn, trong hơi thở nặng nề của đồng đội và trong tiếng mưa rơi trên mái nhà, những suy nghĩ đó mỗi phút lại càng trở nên đen tối, u sầu, đáng sợ hơn. Những gì anh đã làm cho đến lúc này thì anh không hối hận, nhưng anh không thể tiến xa hơn. Hình ảnh cô gái trẻ vò nhàu trong bàn tay bé bỏng bức thư được thêu dệt từ những lời dối trá cứ trở đi trở lại trong đầu anh. Những gì anh đang làm đây liệu có giống một con người? Nhưng còn có thể hủy bỏ mọi sự được không? Những lý do để tiếp tục cũng ngang bằng những lý do để thoái lui. Bởi vì rất cuộc, anh tự nhủ, giờ mình không đi khai quật xác chết để che đậy sự dối trá mà mình đã trót phạm phải vì lòng tốt! Hoặc vì yếu đuối, cũng thế cả thôi. Nhưng nếu mình không đào mộ cậu ta, nếu mình tiết lộ toàn bộ vụ việc thì mình sẽ bị kết tội. Anh không biết mình sẽ bị làm sao, chỉ biết việc này rất hệ trọng và sẽ gây những hậu quả đáng sợ.

Cuối cùng, khi trời sáng, anh vẫn chưa quyết định gì, không ngừng trì hoãn thời điểm phá vỡ tình trạng khó xử kinh khủng đó.

Một cú đá vào mạng sườn khiến anh tỉnh giấc. Anh hoảng hốt, vội vàng ngồi dậy. Cả gian phòng đã rộn lên những tiếng hét và những âm thanh rậm rịch, Albert nhìn quanh nhìn quất, hoàn toàn lạc lõng, chưa thể định thần thì bỗng thấy từ trên trời rơi xuống và sừng sững cách mặt anh chỉ vài xăng ti mét bộ mặt nghiêm trọng và sắc lạnh của đại úy Pradelle.

Viên sĩ quan nhìn anh chằm chằm rất lâu, sau đó y thở dài thất vọng rồi giáng cho anh một cái tát. Theo bản năng, Albert chống đỡ. Pradelle mỉm cười. Một nụ cười sáng khoái, chẳng nói lên điều gì.

— Thế nào, quân nhân Maillard, chúng ta có nhiều thông tin mới gồm nhi! Người đồng đội Édouard Péricourt của cậu đã chết ư? Cậu biết đó là một tin gây sốc chứ! Bởi vì lần cuối cùng tôi thấy cậu ta... - Y nhú mày, như thể đang lục tìm trí nhớ. - ... Quả như vậy thật, khi ở bệnh viện quân y, nơi cậu ta vừa được đưa về. Lúc đó cậu ta còn sống sờ sờ đấy chứ. Ở thì cậu ta không có vẻ khỏe mạnh như ngày thường... Thành thực mà nói, tôi thấy nét mặt cậu ta hơi mệt mỏi. Cậu ta đã muốn lấy răng bịt pháo, như thế là bất cần, lẽ ra cậu ta nên hỏi ý kiến tôi... Nhưng từ đó mà nghĩ rằng cậu ta sắp chết thì không, Maillard ạ, tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc ấy. Mặc dầu thế, không nghi ngờ gì nữa, cậu ta đã chết thật, thậm chí cậu còn viết thư riêng cho gia đình cậu ta để báo tin nữa, văn phong tuyệt đấy, Maillard ạ, hay như cổ văn vậy!

Khi phát âm cái họ Maillard, y giữ nguyên cách nhấn âm tiết cuối gây khó chịu đó, khiến giọng y nghe thật nực cười và nhất là khinh khỉnh, như thể Maillard là từ đồng nghĩa của “cứt chó” hay cái gì đó tương tự.

Y bắt đầu nói nhỏ, gần như thì thào, như một kẻ điên tiết đang cố kiềm chế:

— Tôi không biết chiến sĩ Péricourt đã ra sao và tôi không muốn biết, nhưng tướng Morieux ủy thác cho tôi giúp đỡ gia đình cậu ấy, vì vậy, tôi tự hỏi...

Câu nói đó giống như một câu hỏi. Cho đến lúc này, Albert chưa có quyền được nói, và rõ ràng là đại úy Pradelle không có ý định cho anh nói.

— Chỉ có hai cách, quân nhân Maillard ạ. Hoặc là nói thật, hoặc là khép lại vụ này. Nếu nói ra sự thật, cậu sẽ gay go đấy: chiếm đoạt danh tính, tôi không biết cậu đã làm thế nào, nhưng chắc chắn cậu sẽ phải ngồi bóc lịch, tôi đảm bảo ít nhất là mười lăm năm. Mặt khác, cậu sẽ tiếp tục với câu chuyện ủy ban điều tra về cứ điểm 113... Tóm lại, đối với cậu cũng như đối với tôi, đó là giải pháp tệ nhất. Chỉ còn cách khác: người ta đòi một người lính đã chết thì ta trao một người lính đã chết, chấm hết, bây giờ cậu nói đi.

Albert vẫn còn đang nghiền ngẫm những câu đầu tiên.

— Tôi không biết... - anh nói.

Trong tình huống kiểu này, bà Maillard nổ liên: “Đây rồi, đây đích thị là Albert rồi! Khi cần quyết định gì đó, chúng tôi mình là đàn ông thì chẳng ra làm sao cả! Tôi không biết... Để xem đã... Có thể có... Để tôi hỏi đã... Nào Albert! Quyết định đi con! Nếu con tin rằng trong cuộc sống, vân vân và vân vân...”

Đại úy Pradelle về phe bà Maillard. Nhưng y quyết đoán hơn bà:

— Để tôi nói với cậu những việc cậu phải làm. Phải tích cực lên mà làm, và tối nay cố gắng giao cho cô Péricourt một thi hài đẹp để có đóng dấu: “Édouard Péricourt”, cậu hiểu không? Hôm nay chịu khó lao động rồi ngày mai yên tâm mà đi. Mà suy nghĩ nhanh lên. Còn nếu cậu thích bóc lịch hơn thì tôi sẽ giúp...

Albert hỏi thăm các đồng đội, họ chỉ cho anh nhiều nghĩa trang ở vùng quê. Nhờ vậy anh xác minh được những gì anh đã biết: nghĩa trang lớn nhất nằm ở Pierreval, cách đây sáu cây số. Đó hẳn là nơi có nhiều lựa chọn nhất. Anh đi bộ đến đó.

Khu nghĩa trang nằm ở ven rừng, góc nào cũng có hàng chục ngôi mộ. Lúc đầu, người ta cố đóng cho thẳng hàng, nhưng sau đó, chiến tranh đã cung cấp thêm cho nghĩa trang quá nhiều xác chết, thành thử cứ có người chết là người ta chôn vội chôn vàng, chẳng theo thể thống nào cả. Mộ mọc lên khắp nơi, cực kỳ lộn xộn, mộ thì có thánh giá, mộ lại không, hoặc có thánh giá nhưng đã sụp. Mộ này thì có tên. Mộ kia thì chỉ được lấy dao khắc hai chữ “chiến sĩ” lên một tấm gỗ. Có hàng chục ngôi mộ chỉ đề “chiến sĩ”. Số khác thì được người ta lấy những cái chai cắm ngược xuống đất, trong những cái chai đó, người ta cho vào một tờ giấy ghi tên người lính, để sau này nhờ có ai muốn biết danh tính người đang nằm bên dưới.

Trong nghĩa trang Pierreval, Albert có lẽ đã mất hàng giờ đi giữa những ngôi mộ tạm trước khi chọn lấy mộ, thói do dự muôn thuở của anh, nhưng cuối cùng lý trí đã chiến thắng. Để rồi xem, anh nghĩ bụng, trời đã muôn và còn phải đi một chặng đường dài để về Trung tâm giải ngũ, mình phải

quyết nhanh thôi. Anh quay đầu, thấy một ngôi mộ có cây thánh giá chẳng đề gì rồi nói: “Mộ này.”

Anh rút vài cái đinh nhỏ ra khỏi tấm ván vốn dùng để đóng barie, anh tìm một hòn đá, đóng đinh nửa tấm thẻ căn cước của Édouard Péricourt lên đó, xác định vị trí, lùi vài bước để xem kết quả tổng thể như một ông thợ ảnh đi chụp ảnh cưới.

Rồi anh quay đi, lòng quặn thắt vì sợ hãi, vì cảm giác tội lỗi, bởi ngay cả khi với một mục đích tốt đẹp, thì dối trá cũng không phải là bản chất của anh. Anh nghĩ tới cô gái trẻ, nghĩ đến Édouard và nghĩ tới cả người lính vô danh mà sự tình cờ đã chỉ định để sắm vai Édouard, và giờ đây, không ai còn có thể tìm lại được một người lính cho đến lúc này vẫn chưa xác định được danh tính và được coi là mất tích.

Càng rời xa nghĩa trang và tới gần Trung tâm giải ngũ, những rui ro trước mắt càng xuất hiện dồn dập trong tâm trí anh như những quân đô-mi-nô, quân đầu tiên bị đổ sẽ xô ngã tất cả những quân còn lại. Mọi việc chắc hẳn sẽ tốt đẹp thôi, anh nghĩ bụng, nếu người ta chỉ đến viếng mộ. Cô chị cần ngôi mộ của em trai, mình cho cô ta một ngôi mộ, mộ của em trai hay mộ của ai khác nào có quan trọng gì, quan trọng là tấm lòng. Nhưng bây giờ mà đào mộ lên thì vụ việc sẽ phức tạp hơn nhiều. Khi tìm dưới đáy hố, ai mà biết họ sẽ tìm ra cái gì. Chẳng có danh tính, mà chuyện ấy là thường tình, một người lính chết là một người lính chết. Khi đào mộ anh ta lên thì người ta thấy gì? Một đồ vật cá nhân ư? Một dấu hiệu riêng? Thậm chí, đơn giản hơn, một thi thể quá cao hay quá thấp?

Chỉ có điều quyết định rồi, anh đã nói: “Mộ này” và vụ việc đã dẫu vào đây. Xấu hay tốt. Từ khá lâu rồi, Albert không còn tin vào sự may mắn.

Anh về đến Trung tâm, mệt lử. Để lên tàu đi Paris, và không có chuyện lỡ chuyến đi đó (nếu như có tàu...), anh phải về muộn nhất là hai mươi một giờ. Ở đây không khí đã bắt đầu sôi sục, hàng trăm người đang cực kỳ phấn khích, họ hò hét, ca hát, gào thét, vỗ vai nhau, họ đã chuẩn bị hành lý hàng giờ trước đó. Sĩ quan thì lo lắng tự hỏi là họ sẽ làm gì nếu tàu không đến như thông báo, giống một phần ba các trường hợp...

Albert rời lán trại. Ra đến cửa, anh ngược nhìn bầu trời. Liệu đêm có đủ tối đen?

Đại úy Pradelle thật hoạt bát. Một con gà trống đích thực. Bộ quân phục mới là lượt cẩn thận, đôi giày bóng loáng, chỉ thiếu những tấm huy chương được đánh bóng nữa mà thôi. Chỉ vài bước y đã đứng cách mười mét. Albert không nhúc nhích.

— Thế nào, đi thôi chứ, anh bạn?

Quá mười tám giờ. Phía sau chiếc xe hòm, một chiếc limousine đang từ từ chậm lại, người ta nghe thấy âm thanh êm ru của những chiếc van xả, nhìn thấy khói bay ra từ ống xả, gần như dịu dàng. Chỉ riêng tiền mua một chiếc lốp xe này có lẽ cũng đủ cho Albert sống cả năm. Anh cảm thấy mình vừa nghèo khổ vừa buồn rầu.

Khi đã đến bên chiếc xe tải, viên đại úy không dừng lại, y chạy tới tận chiếc xe hơi mà người ta nghe tiếng đóng cửa nhẹ nhàng. Cô gái trẻ không xuất hiện.

Tài xế, mặt râu ria và nhể nhại mồ hôi, đang ngồi cầm lái một chiếc xe hòm mới toanh, nhãn hiệu Berliet CBA trị giá ba mươi nghìn quan. Việc giao dịch của anh ta kiếm rất khá. Người ta thấy ngay là anh ta đã quen việc và chỉ tin vào nhận định của riêng mình. Qua cửa kính đã hạ xuống, anh ta nhìn Albert chăm chăm, đánh giá anh từ chân đến đầu rồi mở cửa, nhảy xuống xe và kéo anh ra một chỗ. Anh ta siết mạnh cánh tay anh, cái nắm tay thật khủng khiếp.

— Cậu đi tức là cậu tiếp tục tham gia vụ này, hiểu chưa?

Albert gật đầu đồng ý. Anh quay về phía chiếc limousine, ống xả tiếp tục tỏa ra làn khói trắng êm dịu, lạy Chúa, sau chừng ấy năm cơ cực, làn khói dịu êm này mới tàn nhẫn làm sao.

— Này... - tay lái xe thăm thì, - cậu lấy họ bao nhiêu?

Albert cảm thấy rằng với loại người này, hành động vô tư sẽ không có lợi. Anh tính nhanh:

— Ba trăm quan.

— Cậu ngốc thật!

Nhưng trong câu nói của tay lái xe lại bộc lộ sự thỏa mãn, vì đã thỏa thuận được những khoản hời hơn. Vì đầu óc ti tiện, anh ta cảm thấy hả dạ khi bản thân thắng cuộc cũng như khi thấy những kẻ khác thất bại. Anh ta quay người về phía chiếc limousine.

— Cậu không thấy à? Họ ăn sung mặc sướng thế cơ mà! Cậu có thể đẩy giá lên bốn trăm, dễ ợt. Thậm chí năm trăm.

Cảm giác như anh ta sắp sửa báo cái giá mà chính anh ta đã thương lượng. Sự cẩn thận đã thắng thế, gã lái xe thả tay anh ra:

— Này, đi nào, đừng lè mề nữa.

Albert quay về phía chiếc xe hơi, cô gái trẻ vẫn chưa ra, biết đâu đấy, ra để chào hay cảm ơn một câu, mà làm gì có chuyện, anh là nhân viên, là cấp dưới.

Anh lên xe, mọi người lên đường. Đến lượt chiếc limousine cũng khởi động phía sau khá xa, để ngỏ khả năng vượt chiếc xe tải rồi biến mất mà không ai thấy ai hay, trong trường hợp cảnh sát xuất hiện và tra hỏi.

Trời đã tối hẳn.

Ánh đèn vàng của xe tải soi đường, nhưng ở bên trong xe, ta còn không nhìn thấy chân mình. Albert đặt tay ra đằng trước, trên bảng đồng hồ và chăm chú nhìn cảnh vật qua cửa kính. Anh nói “bên phải” hoặc “lối này”, anh sợ lạc đường và càng đến gần nghĩa trang anh càng sợ. Thế là anh quyết định. Nếu việc bất thành, mình sẽ chạy trốn qua rừng. Tay lái xe sẽ không chạy theo mình. Anh ta sẽ nổ máy và về Paris nơi hẳn có nhiều khách khác đang chờ.

Đại úy Pradelle thì có đủ khả năng để truy đuổi anh, y đã có những phản xạ rất tốt, gã khốn đó. Làm sao bây giờ? Albert tự hỏi. Anh buồn tiếu, và ra sức nhịn.

Chiếc xe tải leo lên sườn dốc cuối cùng.

Nghĩa trang gần như bắt đầu từ ven đường. Lái xe làm vài thao tác để đậu xe trên dốc. Lúc về, thậm chí không cần dùng đến tay quay, anh ta chỉ

cần nhả phanh trên dốc để khởi động xe.

Khi dừng lại, động cơ tạo ra không khí im lặng rất kỳ quặc, như thể một chiếc áo khoác bông dàu rơi lên người bạn vậy. Viên đại úy xuất hiện ngay ở cửa xe. Tay lái xe sẽ ra canh ở cổng nghĩa trang. Trong lúc đó, người ta sẽ đào, sẽ khai quật, sẽ lấy chiếc quan tài trong xe tải xuống, cho thi thể vào và mọi việc thế là xong.

Chiếc limousine của cô Péricourt giống như một con dã thú núp trong bóng tối, sẵn sàng nhảy xổ ra. Cô gái trẻ mở cửa xe và xuất hiện. Rất nhỏ nhắn. Albert thấy cô còn trẻ hơn hôm trước. Viên đại úy phác một cử chỉ để giữ cô lại, y không kịp nói lời nào, cô cương quyết đi tới. Sự có mặt của cô ở nơi này, vào giờ này quả là kỳ cục, đến nỗi ba người đàn ông im bật. Cô hát đầu rất gọn, ra hiệu xuất phát.

Họ bắt đầu đi.

Tay lái xe vác hai cái xéng. Albert khệ nệ ôm theo một tấm vải bạt lớn để đựng đất, như vậy sau đó đắp lại mộ sẽ nhanh hơn.

Đêm tối nhập nhoạng, họ nhìn thấy những ụ đất của hàng chục ngôi mộ hai bên, như tiến bước trong một cánh đồng bị những con chuột chũi khổng lồ ủi lên. Viên đại úy rào bước. Với người chết, y luôn là một tay rất tự phụ. Sau y, giữa Albert và tay lái xe, cô gái trẻ đang chạy lon ton. Madeleine. Albert thích cái tên này. Tên của bà anh.

— Ở đâu?

Họ đi đã lâu, qua lối này, rồi lối kia... Viên đại úy là người vừa hỏi. Y quay lại, bực tức. Y thì thầm, nhưng giọng nói để lộ sự phẫn nộ. Y muốn nhanh chóng kết thúc chuyện này. Albert tìm kiếm, giơ tay lên, nhâm lẫn, cố gắng xác định lại vị trí. Người ta thấy rõ anh đang suy nghĩ, không, không phải hướng đó.

— Ở kia, - cuối cùng anh nói.

— Chắc chắn chứ? - tay lái xe hỏi, anh ta bắt đầu nghi ngờ.

— Vâng, - Albert nói, - qua lối này.

Họ tiếp tục nói nhỏ như trong một buổi lễ.

— Nhanh lên một tí, anh bạn! - viên đại úy nổi cáu.

Cuối cùng, họ cũng đến nơi.

Trên cây thánh giá, một tấm thẻ nhỏ, Édouard Péricourt.

Những người đàn ông lánh ra, cô Péricourt tiến tới. Cô lặng lẽ khóc. Tay lái xe đã bỏ xẻng xuống và đi canh chừng. Đêm tối, khó lắm người ta mới đoán biết mặt nhau, chỉ có dáng hình mảnh dẻ của cô gái trẻ đó. Sau cô, mọi người kính cẩn cúi đầu, nhưng viên đại úy thì nhìn quanh nhìn quất, lo lắng. Tình thế này không được tiện cho lắm. Albert chủ động vào việc. Anh đưa tay ra, nhẹ nhàng đặt lên vai Madeleine Péricourt, cô quay lại nhìn anh, hiểu ý, và lùi lại. Viên sĩ quan đưa một cái xẻng cho Albert và cầm lấy cái xẻng còn lại, cô gái trẻ lui ra. Họ đào.

Đất nặng nên xúc không nhanh. Gần mặt trận, nơi người ta hầu như không có thời gian, xác lính không bao giờ được chôn sâu, thậm chí đôi khi nông đến nỗi, ngay ngày hôm sau, lũ chuột đã đánh hơi được. Họ sẽ không phải đào sâu để tìm thấy thứ gì đó. Albert lo lắng cùng cực, thường xuyên dừng tay để nghe ngóng, anh nhận ra bóng dáng của cô Péricourt, bên cạnh một thân cây lớn gần như đã chết, cô cũng đơ cả người vì căng thẳng. Cô hút một điếu thuốc, vể bòn chôn. Albert kinh ngạc, một phụ nữ như cô mà lại hút thuốc. Pradelle cũng liếc mắt nhìn, rồi, nào anh bạn, đừng có lẽ mề nữa. Tiếp tục làm đi.

Việc tốn nhiều thời gian nhất là đào làm sao để không vấp phải xác người nằm dưới. Những xẻng đất tấp thành đống trên tấm bạt. Nhà Péricourt sẽ làm gì với cái xác này nhỉ? Albert tự hỏi. Chôn trong vườn ư? Vào ban đêm như lúc này?

Anh dừng tay.

— Đây rồi! - viên đại úy vừa rít lên vừa cúi xuống.

Y nói rất nhỏ, không muốn để cô gái trẻ nghe thấy. Cái gì đó của thi thể đã xuất hiện, khó mà đoán được. Những xẻng cuối cùng rất khó, phải hót phía trên để không làm hư hại gì hết.

Albert hót rất cẩn thận. Pradelle sốt ruột.

— Nhanh lên, - y thì thầm. - Sợ gì nữa, làm đi.

Lưỡi xẻng mắc vào một mẩu áo va rơi đã được dùng làm vải liệm, và ngay tức thì, mùi bốc lên, kinh khủng. Viên sĩ quan quay mặt đi ngay.

Albert cũng lùi lại một bước mặc dù anh đã từng hít thứ khí này trong suốt cuộc chiến, những xác người đang phân hủy, nhất là khi anh làm lính khiêng cáng. Chưa kể thời gian ở bệnh viện cùng Édouard! Anh bỗng nghĩ tới cậu ta... Albert ngẩng đầu lên nhìn cô gái trẻ, dù đứng khá xa nhưng cô vẫn lấy khăn mùi soa che mũi. Cô ấy cũng phải thương lấy em mình chứ! anh tự nhủ. Pradelle tàn nhẫn đẩy anh rồi rời huyết.

Chỉ bằng một bước dài, y đã ở bên cô gái, hai tay nắm lấy vai cô, buộc cô quay lưng lại ngôi mộ. Albert một mình phía dưới, trong mùi thối của xác chết. Cô gái chống cự, lắc đầu không chịu, cô muốn lại gần. Albert lưỡng lự, không biết nên ứng xử thế nào, anh sửng sờ, cảnh này khiến anh nhớ lại bao nhiêu chuyện, hình bóng lêu nghêu của Pradelle ngạo nghễ phía trên anh. Lại ở trong một cái hố như thế này, cho dù là hố cạn, anh sợ đến toát cả mồ hôi mặc dù khí lạnh đã buông xuống, bởi vì anh đang ở dưới hố còn viên đại úy thì đứng giạng chân trên đó, toàn bộ câu chuyện chọt dâng lên cổ anh, anh có cảm giác họ sẽ phủ đất lên anh, chôn vùi anh lần nữa, anh bắt đầu run, nhưng lại nhớ đến người đồng đội của mình, nhớ đến Édouard của mình, anh ép mình cúi xuống tiếp tục công việc.

Những việc như thế khiến ta xót xa quá chứ. Anh cẩn thận dùng mũi xẻng cào cào phía trên. Đất sét không mấy thuận lợi cho việc phân hủy, xác chết lại còn được cuộn rất cẩn thận trong tấm áo va rơi nên phân hủy chậm. Vải áo vẫn còn dính những cục đất sét, sườn lòi ra, màu vàng vàng với những miếng thịt thối đen đen lúc nhúc đòi bọ bởi vì còn có khá nhiều thứ để ăn.

Có tiếng người khóc phía trên. Albert ngẩng đầu. Cô gái trẻ đang nức nở. Viên đại úy an ủi cô, nhưng qua vai cô, y bực tức ra hiệu cho Albert, làm nhanh lên, còn chờ gì nữa?

Albert thả xẻng xuống, ra khỏi huyết rồi co chân chạy. Lòng anh tan nát, tất cả những chuyện này làm anh dao động, anh lính tử trận đáng thương, tay lái xe buôn bán nỗi đau của những kẻ khác, viên đại úy rõ ràng dám

tổng bất cứ xác chết nào vào quan tài miễn nhanh là được... Còn Édouard thực sự thì mặt bị biến dạng và cũng thối như một xác chết, bị trói trong phòng bệnh viện. Thật nản lòng khi nghĩ ta đã chiến đấu để được kết quả như vậy.

Khi thấy anh quay lại, tay lái xe thở phào nhẹ nhõm. Trong nháy mắt, anh ta nhắc tấm bạt trên xe tải lên, chộp lấy một thanh treo bằng sắt, móc tay nắm quan tài ở trong cùng rồi ra sức kéo về phía mình. Tay lái xe đi trước, Albert theo sau, cả hai đi về phía ngôi mộ.

Albert dứt cả hơi bởi gã kia đi khá nhanh, lẽ dĩ nhiên, vì gã đã quen, trong khi anh lon ton theo sau, nhiều lần suýt thả cả hai tay mà ngã xuống. Cuối cùng họ cũng tới nơi. Thối khủng khiếp.

Đó là một cỗ quan tài bằng gỗ sồi rất đẹp với những tay nắm mạ vàng và một cây thánh giá bằng sắt rèn ép trên nắp. Thật lạ lùng, nghĩa trang là nơi dành cho quan tài, nhưng cỗ quan tài này thì quá đổi xa hoa so với khung cảnh. Trong chiến tranh, đây không phải kiểu quan tài người ta thường thấy, nó thường được dùng cho các nhà tư sản chết trên giường hơn là cho những thanh niên bắn thủng bụng nhau một cách vô danh. Albert không thể kết thúc dòng suy tư triết học hay ho của mình. Xung quanh anh, người ta đang sốt ruột muốn xong ngay cho rồi.

Họ nhắc nắp quan tài ra và để sang một bên.

Chỉ một bước dài, tay lái xe đã xuống dưới hố nơi di hài đang yên nghỉ, gã cúi xuống, tay trần nhắc hai đầu áo va rơi lên rồi đưa mắt tìm sự giúp đỡ. Đến tay Albert chứ còn ai khác? Albert tiến lên một bước rồi đến lượt mình xuống hố, ngay lập tức, nỗi lo sợ dâng lên trong đầu anh; nhìn anh cũng đoán được là anh đang khiếp sợ bởi vì tay lái xe hỏi:

— Ổn chứ?

Họ cùng cúi xuống, mùi hôi thối bốc lên mặt, họ nắm lấy tấm vải rồi hây! Một lần, hai lần và bằng một động tác, họ đã đặt được thi thể lên trên miệng huyệt. Nghe bụp một tiếng đầy tang tóc. Xác chết mà họ vừa bốc lên không nặng. Những gì còn lại chưa bằng trọng lượng của một đứa trẻ.

Tay lái xe lên ngay, Albert quá vui vì được lên theo anh ta. Hai người lại nắm lấy các góc áo va rơi và quăng tất cả vào trong quan tài, lần này, tiếng bộp nghe đục hơn; còn chưa kịp nhận ra việc mình đang làm, tay lái xe đã đẩy quan tài lại. Có thể vẫn còn vài chiếc xương rơi rớt xuống huyết trong quá trình đưa lên, nhưng mà thôi. Dù sao chẳng nữa, tay lái xe và viên đại úy rõ ràng đang nghĩ bụng, với cách họ sắp sử dụng xác chết này, như thế đã là quá đủ. Albert đưa mắt tìm cô Péricourt, cô đã ra xe, những việc cô vừa trải qua thật là khó khăn, trách cô thế nào được? Em trai cô chỉ còn là những chùm dòi.

Không thể chôn chân mãi ở đây, lát nữa đường sá sẽ quá ồn ào. Hiện giờ, tay lái xe chỉ luồn hai cái đai bằng vải quanh quan tài để buộc chặt nắp cho mùi hôi thối đỡ bốc lên trong xe tải. Họ vội vàng quay lại đường cũ. Albert một mình khiêng sau, hai người kia khiêng trước. Giữa lúc đó, viên đại úy châm một điếu thuốc rồi điềm tĩnh hút. Albert kiệt sức, đau nhất là ở vùng thắt lưng.

Để đưa quan tài lên phía sau xe tải, tay lái xe khiêng phía trước cùng với viên đại úy, Albert vẫn phải khiêng sau, đương nhiên, đó là chỗ của anh, họ nhắc lên, rồi hây! Lần nữa, sau đó họ đẩy quan tài vào phía trong, quan tài cọ vào sàn tôn ken két, nhưng xong rồi, không nên chậm trễ. Phía sau, chiếc limousine đang kêu ro ro.

Bóng cô gái trẻ đang lơ mơ quay lại với anh.

— Cảm ơn cậu, - cô nói.

Albert muốn nói gì đó. Không kịp rồi, cô đã nắm lấy cánh tay, cổ tay rồi bàn tay anh, cô mở bàn tay anh ra, dúi vào đó những tờ bạc giấy, khép tay anh lại trong hai bàn tay mình, cử chỉ giản dị đó tạo cho Albert một cảm giác thật là...

Cô đã cất bước trở lại xe của mình.

Tay lái xe lấy dây buộc quan tài lên lá chắn thành xe để nó khỏi lắc lư còn đại úy Pradelle thì ra hiệu cho Albert. Y chỉ nghĩa trang. Phải nhanh chóng lấp huyết lại, nếu để cái hố mở toang hoác đó, sẽ là cảnh sát, là điều tra, như thế người ta cần đến thứ đó.

Albert cầm một cái xẻng, chạy trên lối đi. Bỗng anh nghi ngờ và quay lại.

Chỉ còn mình anh.

Đằng kia, cách chừng ba mươi mét, về phía đường cái, anh nghe tiếng động cơ limousine xa dần, rồi tiếng xe tải nổ máy ngang dốc.

THÁNG MƯỜI MỘT NĂM 1919

Henri d’Aulnay-Pradelle ngồi trên một chiếc ghế bành rộng rãi bằng da thuộc, hững hờ vắt chân phải qua tay ghế, cầm một ly lớn rượu mạnh thượng hạng và nhẹ nhàng xoay xoay trong ánh điện. Y nghe người này người khác nói với một thái độ dửng dưng giả tạo, để ra vẻ mình là “một tay khôn ngoan”. Y thích những cách nói hơi suông sã như thế. Nếu chỉ phụ thuộc vào y, y còn có thể đi đến chỗ dung tục và cảm thấy khoan khoái thực sự khi bình thân tuôn ra những câu nói tục tĩu trước những cử tọa không có điều kiện để cảm thấy tức tối.

Để làm được việc đó, y thiếu năm triệu quan.

Với năm triệu, y có thể sung sướng vô tội vạ.

Pradelle đến Jockey Club mỗi tuần ba lần. Không phải vì y thích chỗ này - y thấy đẳng cấp này khá đáng thất vọng so với mong đợi của y - nhưng đó là biểu tượng của sự tiến thân trong xã hội mà y thán phục không biết chán. Những ô cửa kính, những màn trướng, những thảm trải sàn, những lớp vàng mạ, sự trang nghiêm giả tạo của đám nhân viên và khoản lệ phí thường niên khủng khiếp khiến y rất thỏa mãn, sự thỏa mãn này càng tăng lên gấp bội với biết bao cơ hội gặp gỡ. Y vào câu lạc bộ này chính xác là bốn tháng trước đó, những người quản lý Jockey ngờ vực y. Nhưng, nếu phải loại bỏ tất cả những kẻ giàu xổi, với cuộc tàn sát trong những năm vừa rồi, có lẽ câu lạc bộ này đã trở thành sảnh chờ của những bước chân lạc lối. Với lại Pradelle có một số sự hậu thuẫn khó mà tránh né được, bắt đầu bằng ông bố vợ, người không ai có thể từ chối bất cứ điều gì, và tình bạn của y với Ferdinand, cháu trai tướng Morieux, một thanh niên đã bị giáng loại và khá suy đồi nhưng lại hội tụ được cả loạt mối quan hệ. Loại bỏ một mắt xích tức là loại bỏ cả dây chuyền, không được, thiếu người nên bạn buộc phải làm những việc đôi khi... ít nhất Aulnay-Pradelle cũng có tên tuổi.

Tâm địa của kẻ cướp nhưng lại thuộc hàng quý tộc. Cho nên cuối cùng, y đã được chấp nhận. Còn lại thì, ông de La Rochefoucault, chủ tịch đương nhiệm, cho rằng y không đến nổi tệ so với toàn cục, chàng thanh niên cao to nên gót giày đi qua các gian phòng như một cơn gió thổi mãi không dứt đó. Với sự kiêu ngạo minh chứng cho một câu ngạn ngữ nói rằng người chiến thắng luôn là thứ gì đó xấu xa. Cho nên đó là một người hùng, dẫu rằng khá dung tục. Trong một xã hội tốt đẹp, người ta luôn cần có vài người hùng, cũng giống như cần những phụ nữ xinh đẹp. Và vào cái thời khó lòng tìm ra những người trẻ tuổi y mà lại không thiếu khuyết ít nhất là một bàn tay hoặc một cẳng chân, thậm chí là cả hai thứ đó, thì con người này khá là nổi đình nổi đám.

Cho đến lúc này, Aulnay-Pradelle chỉ có thể khoe khoang về cuộc Đại chiến. Vừa được giải ngũ, y đã lao vào thu mua và bán lại hàng dự trữ quân sự. Hàng trăm phương tiện vận tải của Pháp hoặc của Mỹ, động cơ, rơ moóc, hàng nghìn tấn gỗ, vải, cả bạt, dụng cụ, sắt, linh kiện rời rạc mà Nhà nước không dùng nữa và cần tống khứ đi. Pradelle mua trọn gói rồi bán lại cho các công ty đường sắt, công ty vận tải, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp. Lợi nhuận rất cao, và càng cao hơn khi việc canh giữ các khu vực trữ hàng hóa có nhiều lỗ hổng, rất tiện cho các khoản thưởng, tiền phong bao hay tiền trà thuốc khác, thành thử, ngay tại đó, bạn có thể dễ dàng lấy ba xe tải thay vì một, năm tấn thay vì hai.

Sự bao che của tướng Morieux và vị thế người hùng dân tộc của chính Aulnay-Pradelle đã mở cho y nhiều cánh cửa, và vai trò của y ở Hội chiến binh quốc gia - cái hội đã chứng tỏ sự hữu ích của mình khi giúp chính phủ đập tan những cuộc đình công mới đây của công nhân - đã mang lại cho y thêm nhiều chỗ dựa hơn nữa. Nhờ đó, y giành được nhiều thị trường lớn thanh lý hàng dự trữ, mua nguyên cả lô hàng với giá vài nghìn quan bằng tiền vay mượn rồi bán lại để kiếm được hàng trăm nghìn quan tiền lãi.

— Chào anh bạn!

Léon Jardin-Beaulieu. Một người danh giá nhưng bẫm sinh thấp bé, luôn thấp hơn mọi người mười phân, mười phân thì vừa ít vừa nhiều, nhưng đối

với anh ta thì kinh khủng, anh ta luôn muốn người ta ghi nhận mình.

— Chào anh Henri, - anh ta vừa trả lời vừa khẽ ưỡn hai vai, anh ta tưởng làm thế mình sẽ cao hơn.

Với Jardin-Beaulieu, được gọi Aulnay-Pradelle bằng tên chứ không phải bằng họ mang lại cho anh ta một niềm khoái trá mà anh ta sẵn sàng bán cha bán mẹ để mua lấy, vả lại anh ta cũng đã bán thân sinh của mình rồi. Anh ta giả giọng người khác để tưởng rằng mình cũng như họ, Henri vừa nghĩ bụng vừa chìa bàn tay mềm mại, gần như lơ đễnh, rồi y hỏi nhỏ, vẻ căng thẳng:

— Thế nào?

— Vẫn chưa có gì, - Jardin-Beaulieu trả lời. - Chẳng có gì lọt ra cả.

Pradelle bực tức rướn một bên lông mày, y cực kỳ xuất sắc trong việc chuyển những thông điệp không lời cho đám nhân viên quèn.

— Em biết, - Jardin-Beaulieu xin lỗi, - em biết ạ...

Pradelle rất nôn nóng.

Vài tháng trước đó, Nhà nước quyết định giao cho các công ty tư nhân khai quật hài cốt của những người lính được chôn ngoài mặt trận. Dự án này nhằm quy tập tất cả vào những nghĩa trang liệt sĩ lớn, nghị định của Bộ trưởng nêu rõ việc “xây dựng với số lượng ít nhất những nghĩa trang lớn nhất”. Vấn đề là xác lính nằm rải rác khắp nơi. Trong những nghĩa trang tạm bợ cách chiến tuyến vài cây số, thậm chí vài trăm mét. Trên những vùng đất giờ phải trả lại cho nông dân. Đã từ nhiều năm nay, đúng ra là từ khi chiến tranh nổ ra, các gia đình đấu tranh đòi được viếng mộ con em mình. Việc quy tập các phần mộ không loại trừ việc một ngày nào đó phải trả lại cho các gia đình có nguyện vọng hài cốt con em họ, nhưng chính phủ hy vọng một khi được xây xong, những nghĩa trang mệnh mông, nơi những người anh hùng “yên nghỉ bên cạnh những đồng đội đã hy sinh ở chiến trường”, sẽ xoa dịu sự sốt sắng từ phía các gia đình. Và tránh cho Nhà nước phải chịu thêm lần nữa các khoản chi phí vận chuyển cá nhân, chưa kể vấn đề vệ sinh y tế, một vấn đề nan giải thực sự, cực kỳ đắt đỏ, trong khi đó, chùng nào Đức chưa trả nợ, chùng ấy ngân sách vẫn còn cạn kiệt.

Dự án quy tập phần mộ quy mô lớn, có ý nghĩa đạo đức và ái quốc đó kéo theo một chuỗi các hoạt động kiếm tiền vô tội vạ, còn phải đóng hàng trăm nghìn quan tài bởi vì phần lớn tử sĩ được chôn thẳng xuống đất, đôi khi chỉ được bọc bằng áo va rơi. Hàng trăm nghìn vụ khai quật bằng xẻng (văn bản cũng quy định rõ ràng là phải làm thật cẩn thận), cũng ngần ấy chuyến vận chuyển bằng xe tải những thi thể đã được khâm liệm trong quan tài đến các nhà ga xuất phát và cũng ngần ấy lần mai táng trong các nghĩa trang lớn kia....

Nếu Pradelle giành được một phần của thị trường này, với giá mỗi thi thể vài xu, những người Trung Quốc làm việc cho y sẽ khai quật hàng nghìn xác chết, xe cộ của y sẽ chở hàng nghìn thi thể thối rữa, những người Senegal làm việc cho y sẽ chôn cất tất cả trong những ngôi mộ được xếp hàng thẳng tắp với một cây thánh giá đẹp để được bán với giá đắt, đủ để xây trong vòng chưa đầy ba năm cả một cơ ngơi tại Sallevière, cho dù cơ ngơi này hao tiền tốn của khủng khiếp.

Với giá tám mươi quan một xác chết trong khi giá thành thực sự chỉ khoảng hai mươi lăm, Pradelle hy vọng lãi được hai triệu rưỡi quan.

Thêm vào đó, nếu như Bộ nhận tiền đứt lót để rồi đặt hàng y vài lần theo thỏa thuận, y sẽ kiếm được gần năm triệu quan.

Thị trường thế kỷ. Đối với công việc kinh doanh, chiến tranh mang lại nhiều lợi ích, ngay cả khi nó đã kết thúc.

Năm được thông tin do Jardin-Beaulieu có bố là nghị sĩ cung cấp, Pradelle đã biết đường dự liệu. Ngay sau khi giải ngũ, y đã thành lập Công ty Pradelle & Cie. Jardin-Beaulieu và cháu của tướng Morieux góp mỗi người năm mươi nghìn quan và những mối quan hệ quý báu của mình, riêng Pradelle góp bốn trăm nghìn quan. Để làm ông chủ. Và để lấy tám mươi phần trăm lợi nhuận.

Ủy ban đấu giá thị trường công được triệu tập vào ngày hôm đó và đã ngồi họp kín với nhau được mười bốn tiếng đồng hồ. Nhờ các tác động và một trăm năm mươi nghìn quan tiền đứt lót, Pradelle đã nắm chắc ủy ban này: ba thành viên, trong đó hai người phải theo lệnh y, phải xem xét cẩn

thận những đề xuất khác nhau và quyết định một cách công bằng, không thiên vị, rằng Công ty Pradelle & Cie đưa ra bản dự toán tốt nhất, rằng mẫu quan tài mà công ty đã nộp cho Phòng mai táng là phù hợp nhất, cả với danh dự của những người Pháp đã hy sinh vì Tổ quốc lẫn điều kiện tài chính của quốc gia. Nhờ vào đó, Pradelle có thể được giao cung cấp nhiều lô hàng, khoảng mười lô nếu mọi việc tốt đẹp. Có thể hơn thế nữa.

— Thế còn ở Bộ?

Một nụ cười toe nở trên khuôn mặt bé xíu của Jardin-Beaulieu, anh ta đã có câu trả lời:

— Phi vụ đã nắm chắc trong tay rồi!

— Ừ, cái đó tao biết, - Pradelle khạc nhổ, vẻ bức tức. - Vấn đề là khi nào?

Y không chỉ lo lắng về các quyết định của Ủy ban đấu giá. Phòng hộ tịch, thừa kế và mai táng quân đội trực thuộc Bộ Trợ cấp được phép thỏa thuận phân bổ thị phần trong trường hợp khẩn cấp hoặc khi thấy cần thiết. Không cần tổ chức mời thầu cạnh tranh. Trong trường hợp ấy, thế độc quyền đúng nghĩa sẽ được mở ra cho Pradelle & Cie, công ty này có thể ra giá gần như tùy ý, lên đến một trăm ba mươi quan mỗi thi hài...

Pradelle tỏ thái độ dửng dưng thường thấy ở những người đầu óc cao siêu trong những tình huống căng thẳng nhất, nhưng thực ra y đang căng thẳng đến phát điên. Khi được hỏi, rất tiếc Jardin-Beaulieu vẫn chưa có câu trả lời. Nụ cười biến mất trên khuôn mặt anh ta.

— Không biết được...

Anh ta tái mét. Pradelle quay mặt nhìn chỗ khác, ý là đuổi anh ta về. Jardin-Beaulieu rút lui, giả vờ nhận ra một thành viên của Jockey rồi vội vàng chạy về phía bên kia phòng khách rộng lớn, trông thật đáng thương. Pradelle nhìn anh ta rời xa, anh ta mang miếng lót giày. Nếu không bị suy mòn bởi mặc cảm của một người nhỏ thó, nỗi mặc cảm khiến anh ta mất hết bình tĩnh, có lẽ anh ta sẽ trở thành một người thông minh, thật đáng tiếc. Pradelle tuyên anh ta vào dự án của mình không phải vì phẩm chất này. Jardin-Beaulieu có hai lợi thế vô giá: một người cha là nghị sĩ và một

cô vợ chưa cưới không xu dính túi (nếu không ai lại muốn lấy một kẻ lùn tịt như vậy!) nhưng lại rất xinh đẹp, một cô gái tóc nâu sẫm với cái miệng xinh xắn mà chắc hẳn Jardin-Beaulieu sẽ cưới trong vòng vài tháng nữa. Lần đầu tiên gặp mặt, Pradelle có linh cảm rằng cô gái này đang âm thầm đau khổ về cuộc hôn nhân có lợi nhưng lại làm cho sắc đẹp của cô mất giá. Kiểu phụ nữ này cần gỡ gạc, và nhìn cô đi lại trong phòng khách nhà Jardin-Beaulieu - về chuyện này Pradelle không bao giờ nhìn nhầm, cả chuyện ngựa cũng vậy, y thường nói thế - y đoán chắc rằng nếu biết cách, thậm chí cô ta sẽ không chờ cho đến khi cưới.

Pradelle lại quay ra vừa ngắm nghía ly rượu thượng hạng của mình vừa cân nhắc không biết lần thứ bao nhiêu chiến lược sắp tới.

Để sản xuất từng ấy quan tài, cần phải mời thầu phụ khá nhiều công ty chuyên môn, điều này bị nghiêm cấm theo hợp đồng với Nhà nước. Nhưng nếu mọi việc diễn ra bình thường, chẳng ai giám sát cẩn thận làm gì. Bởi vì mọi người đều có lợi khi nhắm mắt làm ngơ. Điều quan trọng - ai ai cũng nhất trí - là trong khoảng thời gian thích hợp, đất nước có những nghĩa trang đẹp đẽ, không nhiều nhưng rất lớn, để cho mỗi người cuối cùng cũng có thể xếp cuộc chiến này vào những ký ức tệ hại.

Còn Pradelle sẽ có thêm quyền được gờ cao ly rượu thượng hạng và ợ ra ngay trong phòng Jockey mà chẳng ai dám nói lại điều gì.

Mãi nghĩ, y không thấy ông bố vợ đi vào. Chính nhờ đặc tính của sự im lặng đó mà y cảm thấy mình đã phạm một sai lầm, sự im lặng bất chợt và êm ru, run rẩy như khi linh mục bước vào nhà thờ. Khi y hiểu ra thì đã quá muộn. Giữ nguyên tư thế uể oải đó trước mặt ông già là thiếu tôn kính, và y sẽ không được tha thứ. Còn thay đổi tư thế quá nhanh là thừa nhận tình trạng lệ thuộc trước mặt tất cả mọi người. Phải lựa chọn giữa hai giải pháp tồi. So với khiêu khích, Pradelle thích làm phật lòng hơn, vì y nghĩ như thế ít gây hậu quả tai hại. Y lùi ra sau, vẻ lơ đãng nhất có thể, lấy tay phủi trên vai một hạt bụi vô hình. Chân phải của y duỗi xuống đất, y bật dậy khỏi chiếc ghế bành để ra vẻ tươi tỉnh và ghi nhớ tình huống này vào danh mục những điều cần trả thù của y.

Ông Péricourt vào phòng Jockey với bước chân chậm rãi và nhu nhược. Ông vờ như không nhận ra cái mẹo của thằng con rể và xếp dịp này vào danh sách những khoản nợ phải đòi. Ông đi từ bàn này qua bàn khác, chìa ra chỗ này chỗ kia bàn tay mềm mại của một quốc vương độ lượng, gọi tên những người có mặt với tinh thần cao thượng của một thống lĩnh cộng hòa, chào anh bạn, Ballanger, ồ, Frappier anh ở đây à, chào Godard, vừa chào vừa đánh bạo chêm vào những nét hóm hình một cách chừng mực, nhưng... nếu tôi không nhầm thì đây là Palamède de Chavigne! và khi đi ngang qua Henri, ông chỉ cụp hai mi mắt xuống vẻ đã biết tổng sự tình, đúng là một kẻ thâm hiểm, và tiếp tục đi qua gian phòng, đến tận chỗ lò sưởi, chìa ra hai bàn tay xò rộng với vẻ thỏa mãn thái quá.

Khi quay lại, ông nhìn thấy mảng lưng của thằng con rể. Tư thế rõ ràng là mang tính chiến lược. Hẳn phải khó chịu lắm khi cảm thấy bị người ta nhìn từ phía sau như vậy. Thấy hai người dùng thủ đoạn với nhau như thế, người ta đoán ngay là ván cờ mà hai người đang chơi mới chỉ bắt đầu và dự báo có nhiều pha gay cấn.

Hai người họ ghét nhau, ghét cay ghét đắng một cách tự phát và lặng lẽ, gần như bình thản. Hứa hẹn một sự căm thù dai dẳng. Ở Pradelle, Péricourt đã đánh hơi ra ngay đó là một kẻ vô lại, nhưng ông không thể kháng cự nổi sự ngưỡng mộ của Madeleine. Chẳng ai tìm ra ngôn từ để diễn đạt điều đó, nhưng chỉ cần nhìn họ bên nhau một giây thôi cũng đủ hiểu rằng Henri đang làm cho Madeleine vui sướng và rằng cô sẽ không dừng lại ở đó, rằng cô đang cần người đàn ông ấy, khao khát người đàn ông ấy kinh khủng.

Ông Péricourt rất thương con gái, tất nhiên là theo cách của mình, tình thương chưa bao giờ thực sự bộc lộ ra, có lẽ ông sẽ rất vui khi thấy con gái mình sung sướng nếu như nó không có ý định ngu ngốc là si mê một gã như Henri d'Aulnay-Pradelle. Cực kỳ giàu có, Madeleine Péricourt bị rất nhiều kẻ nhòm ngó, và mặc dù chỉ dừng ở mức dễ thương, cô vẫn được nhiều người tán tỉnh. Cô đâu có ngốc, đâu có cáu bẳn như người mẹ quá cố của mình, mà là một người có cá tính, thuộc kiểu không dễ nổi xung, không dễ bị cám dỗ. Trước chiến tranh, cô đã lột mặt nạ từ xa những kẻ tham lam

nhỏ nhen luôn thấy cô tầm thường khi nhìn mặt nhưng lại sắc nước hương trời nếu nhìn vào món hồi môn. Cô có cách khước từ vừa hiệu quả vừa kín đáo. Được người ta hỏi cưới nhiều lần, cô trở nên rất tự tin, tự tin quá mức, bởi vì khi chiến tranh nổ ra cô mới hai mươi lăm tuổi, và tròn ba mươi khi chiến tranh kết thúc với cái chết của em trai cô, một cái tang khủng khiếp, và trong thời gian đó, cô đã già đi. Có thể điều này lý giải cho điều kia. Cô đã gặp Henri d'Aulnay-Pradelle vào tháng Ba và lấy y vào tháng Bảy.

Bọn đàn ông thì chẳng thấy cái gã Henri này có gì thần kỳ đến mức có thể biện minh cho sự hấp tấp kia, y không đến nổi tệ, công nhận là thế, nhưng... Đó là đàn ông. Bởi vì phụ nữ lại hiểu rất rõ. Họ nhìn dáng vóc, mái tóc lượn sóng, đôi mắt sáng, bờ vai rộng, ròi làn da, lạy Chúa tôi, và họ hiểu ngay rằng Madeleine Péricourt đã khao khát được nếm thử và quả thật cô đã rất si mê.

Ông Péricourt chẳng cố nài làm gì, cuộc chiến đã cầm chắc thua trước. Ông thận trọng, đành bằng lòng với việc áp đặt những giới hạn. Các nhà tư sản gọi đó là một kế ước hôn nhân. Madeleine chẳng có gì để nói lại cả. Ngược lại, thằng rể đẹp trai thì bất bình khi phát hiện ra bản dự thảo của công chứng viên gia đình. Hai người đàn ông nhìn nhau không nói lời nào, một biện pháp khôn ngoan. Madeleine vẫn là người duy nhất sở hữu gia tài và trở thành đồng sở hữu tất cả những gì kiếm được sau khi cưới. Cô hiểu bố cô e dè, nghi ngại đối với Henri, kế ước đó là một bằng chứng xác thực. Với khối tài sản như vậy, sự thận trọng trở thành bản tính thứ hai. Cô mỉm cười giải thích với chồng rằng điều đó chẳng thay đổi gì hết. Còn Pradelle, y biết rằng điều đó sẽ thay đổi tất cả.

Trước tiên, y thấy mình bị lừa, thấy những cố gắng của mình thật uổng phí. Trong cuộc đời nhiều người bạn của y, hôn nhân đã giải quyết mọi việc. Điều đó đôi khi khó mà đạt được, phải thao túng một cách tinh vi, nhưng khi đạt được rồi thì có của để dành, sau đó thì muốn gì được nấy. Thế mà với y, hôn nhân chẳng thay đổi điều gì. Về mặt đẳng cấp thì chẳng có gì để nói, y tận dụng được, tận dụng tối đa. Henri là một kẻ nghèo khó có lối sống vô độ (trong quỹ riêng của mình, hẳn đã nhanh chóng trích ra

gần hai nghìn quan để đầu tư vào việc tu bổ cơ ngơi gia đình, nhưng có quá nhiều việc phải làm, mọi thứ đều đổ sụp, đúng là một cái vực).

Henri đã không có được gia tài. Nhưng y không hề thất bát. Trước hết là bởi vì cuộc hôn nhân này đặt dấu chấm hết cho cái vụ cứ điếm 113 trước đây vốn làm y hơi bức tức. Cho dù chuyện này có trở dậy (như đôi khi vẫn xảy ra đối với những vụ việc xưa cũ mà người ta cứ ngỡ đã quên), nó cũng không còn là mối nguy với y bởi vì bây giờ y giàu có, dù là giàu theo kiểu ăn bám, và có quan hệ với một gia đình vừa thế lực vừa uy tín. Việc y lấy Madeleine Péricourt đã biến y thành gần như bất khả xâm phạm.

Sau đó, y đã tiếp cận được một nguồn lợi khổng lồ: số địa chỉ gia đình. (Y là con rể của Marcel Péricourt, bạn thân của ông Deschanel, bạn của ông Poincaré, của ông Daudet và của nhiều vị khác). Và y rất khoái chí vì đầu tư bắt đầu có lãi. Vài tháng nữa, y sẽ có thể nhìn thẳng vào mặt bố vợ tương lai: y ngủ với con gái lão, y lợi dụng các mối quan hệ của lão, và ba năm nữa, nếu mọi việc diễn ra như y kỳ vọng, ở Jockey, y sẽ tha hồ làm vương làm tướng khi lão già vào phòng hút thuốc.

Ông Péricourt nắm được cách làm giàu của thằng con rể. Không nghi ngờ gì nữa, gã tỏ ra nhanh nhẹn và có năng lực; đứng đầu ba công ty, gã đã kiếm được gần một triệu lợi nhuận sau thuế. Về mặt này thì đó là một người bắt kịp thời đại, nhưng theo bản năng, ông Péricourt vẫn nghi ngờ thành công ấy. Quá nhanh chóng, không đáng tin.

Nhiều người đã tụ tập quanh con người thế lực đó, khách hàng của ông: có tiền mua tiên cũng được mà.

Henri nhìn bố vợ mình làm việc. Y thán phục, học hỏi. Không nghi ngờ gì, lão già ương ngạnh biết cách xử lý công việc. Thật là tự tin. Với một sự độ lượng có chọn lọc, ông nhận xét, cho phép, khuyên bảo. Những người xung quanh đã học cách hiểu lời khuyên của ông như những mệnh lệnh, sự dè dặt của ông như những cấm đoán. Ông là kiểu người không ai có thể giận khi bị ông từ chối gì đó bởi vì những gì bạn còn lại, ông cũng có thể tước đi.

Đúng lúc đó, cuối cùng Labourdin cũng vào phòng hút thuốc, nhể nhại mồ hôi, tay cầm một chiếc khăn mùi soa to tướng. Henri nén một hơi thở dài nhẹ nhõm, uống một hơi cạn ly rượu thượng hạng, đứng dậy, rồi nắm lấy vai anh ta, kéo anh ta vào phòng khách bên cạnh. Labourdin lon ton chạy bên cạnh Pradelle với đôi chân vừa ngắn vừa bự, như thể anh ta chưa vãi đủ mồ hôi...

Labourdin là một thằng ngốc lớn lên bằng sự ngu dốt. Sự ngu dốt này được thể hiện dưới dạng một sự bèn bỉ đặc biệt, một phẩm chất chính trị không thể chối cãi, tuy rằng sự bèn bỉ đó bắt nguồn từ việc anh ta không có khả năng thay đổi ý kiến và hoàn toàn không có trí tưởng tượng. Sự ngu dốt này nổi tiếng tiện dụng. Tầm thường về mọi mặt, gần như khi nào cũng lỗ bịch, Labourdin là kiểu người mà người ta có thể đặt ở bất cứ nơi đâu, anh ta luôn tỏ ra tận tình, sẵn sàng làm thân trâu ngựa, người ta có thể sai bảo anh ta mọi thứ. Trừ việc phải thông minh, chứ còn có lợi vô cùng. Trên mặt anh ta phờ phạc đủ thứ: nét ngây ngô, thói ham ăn tục uống, sự hèn nhát, sự vô vị và đặc biệt là thói dâm dục. Không thể cưỡng lại được ý muốn văng tục, anh ta nhìn chăm chăm tất cả đám đàn bà con gái bằng ánh mắt trĩu nặng thèm muốn, nhất là thích ngắm những con sen, chị nụ và sờ soạng mông họ ngay khi họ vừa quay đi, và trước đây, anh ta đi nhà thổ đến ba lần mỗi tuần. Tôi nói “trước đây” là bởi tiếng tăm của anh ta đã dần dà vượt qua giới hạn của quận anh ta làm quận trưởng, nhiều chị em chen nhau đến phòng làm việc của anh ta để xin xỏ gì đó, anh ta đã tăng gấp đôi số ngày mình trực, và trong số đó luôn có một vài chị em sẵn lòng giúp anh ta khỏi mất công đi đến nhà thổ để đổi lại một tờ giấy phép, một quyền ngoại lệ, một chữ ký, một con dấu. Labourdin sướng lắm, nhìn là biết. Bụng căng tròn, dái căng tròn, luôn sẵn sàng đánh chén một châu mới, những cặp mông mới. Anh ta được bầu lên là nhờ một số ít người có thể lực mà ông Péricourt thống trị như một ông chủ.

— Cậu sẽ được bổ nhiệm vào Ủy ban đấu giá, - một hôm Pradelle thông báo với anh ta.

Labourdin nghiệm tham gia các ban, bộ, phái đoàn, anh ta thấy đó là bằng chứng về tầm quan trọng của mình. Và định ninh rằng việc bổ nhiệm mới này là quyết định của đích thân ông Péricourt, chính con rể ông ta áp đặt chứ ai. Anh ta đã ghi chép cẩn thận bằng nét chữ to tướng những chỉ dẫn cụ thể mà anh ta phải làm theo. Sau khi ra lệnh xong, Pradelle chỉ vào tờ giấy:

— Giờ thì cậu vứt mẹ cái này đi... - y nói. - Cậu không muốn người ta trưng nó vào tủ kính ở Bon Marché chứ!

Đối với Labourdin, đó là khởi đầu của một cơn ác mộng. Khiếp sợ với ý nghĩ không hoàn thành nhiệm vụ, anh ta đã dành nhiều đêm để ghi nhớ từng chi tiết một, nhưng càng đọc, anh ta càng lẫn lộn, sự bổ nhiệm này đã trở thành nỗi thống khổ, ủy ban này đã trở thành thứ đáng ghét trong mắt anh ta.

Hôm đó, trong cuộc họp, anh ta đã cố hết sức, anh ta đã phải suy nghĩ, nói năng, vất kiệt sức sau cuộc họp. Kiệt sức nhưng sung sướng, bởi anh ta về nhà mà lòng thỏa mãn vì đã hoàn thành nghĩa vụ. Trên taxi, anh ta nhai đi nhai lại vài câu mà theo anh ta là rất mùi mẫn, trong đó câu anh ta ưng nhất là: “Anh bạn thân mến, không hề có ý khoe khoang đâu nhé, tôi nghĩ mình có thể nói là...”

— Ở Compiègne thì bao nhiêu? - Pradelle ngắt lời ngay.

Cửa phòng khách vừa đóng lại, gã thanh niên cao lớn có ánh mắt trừng trừng đó đã nhìn như muốn xuyên thấu anh ta, không để anh ta nói. Labourdin đã tưởng tượng hết mọi chuyện trừ điều đó, tức là anh ta đã không nghĩ đến bất cứ điều gì, như thường lệ.

— Dạ, là... là...

— Bao nhiêu? - Pradelle gầm lên.

Labourdin không nhớ nữa. Compiègne... Anh ta buông chiếc khăn mùi soa, vội vàng lục trong túi, tìm thấy những tờ giấy gấp tư trong đó anh ta đã ghi chép kết quả hội ý.

— Compiègne... - anh ta ấp úng. - Để xem nào, Compiègne...

Đối với Pradelle, chẳng có gì là quá nhanh, y giật lấy tờ giấy từ tay anh ta rồi đứng ra xa vài bước, mắt dán chặt vào những con số. Mười tám nghìn

quan tài cho Compiègne, năm nghìn cho hạt Laon, hơn sáu nghìn cho quảng trường Colmar, tám nghìn cho hạt Nancy và Lunéville... Vẫn còn những lô hàng sắp tới cho Verdun, Amiens, Épinal, Reims... Kết quả vượt kỳ vọng của y. Pradelle không thể nén nụ cười thỏa mãn, và nụ cười đó không qua được mắt Labourdin.

— Sáng mai chúng tôi họp tiếp, - tay quận trưởng nói thêm. - Cả thứ Bảy nữa.

Và anh ta nghĩ đã đến lúc nói:

— Cậu thấy đấy, anh bạn thân mến...

Nhưng cánh cửa bật mở, có người gọi “Henri!” bên cạnh có tiếng ồn ào, huyên náo.

Pradelle bước tới.

Dưới chân lò sưởi, tận phía bên kia phòng khách, có một nhóm người đang nhốn nháo, từ khắp nơi người ta đang chạy tới, từ phòng bi-a, phòng hút thuốc...

Pradelle nghe những tiếng hô hoán, y tiến thêm vài bước nữa, cau mày, tò mò nhiều hơn là lo lắng.

Bố vợ y đang ngồi xếp trên sàn, lưng dựa vào thành lò sưởi, chân duỗi thẳng phía trước, mắt nhắm lại, mặt vàng như nghệ, tay phải bấu vào áo gi lê, ngang ngực, như thể ông ta muốn giật ra hoặc giữ lại một bộ phận cơ thể. Lấy muối amoni! một người kêu lên, tránh ra cho thoáng! người khác lên tiếng, tay quản lý vội vàng xô tới, yêu cầu mọi người giãn ra.

Từ phòng đọc sách, bác sĩ vội vàng chạy tới, có chuyện gì vậy, ông ta bình tĩnh đến mức ai cũng thấy rất ấn tượng, người ta nhường chỗ cho ông, rướn cổ xem. Blanche bắt mạch rồi nói:

— Thế nào, ông Péricourt, có chuyện gì thế này?

Rồi kín đáo quay về phía Pradelle:

— Gọi xe ngay, anh bạn, nghiêm trọng đấy.

Pradelle nhanh chân ra ngoài.

Lạy Chúa, một ngày thật tuyệt!

Ngày y trở thành triệu phú, ông bố vợ sắp từ già cõi đời.
May mắn đến khó tin.

Đầu óc Albert hoàn toàn trống rỗng, không thể nào kết nối hai ý nghĩ, không thể nào tưởng tượng sự việc rồi sẽ ra sao; anh cố chĩnh đốn lại những cảm giác của mình nhưng chẳng có gì chịu vào quy củ cả. Vừa rảo bước, anh vừa máy móc vượt vượt lưỡi dao nhét trong túi. Thời gian có thể trôi đi, những bến tàu điện ngầm đi qua rồi phố xá cũng thế, nhưng vẫn chẳng có ý tưởng nào sáng láng cả. Bản thân anh cũng không tin vào việc mình đang làm nhưng anh vẫn làm. Anh bất chấp tất cả.

Cái câu chuyện moóc phin đó... Ngay từ đầu đã rồi như gà mắc tóc. Édouard không thể nhìn được nữa. Cho đến bây giờ, Albert vẫn có thể chu cấp đủ cho cậu ta. Nhưng lần này, anh có vét sạch tiền trong ngăn kéo cũng vô ích, không còn đủ nữa. Cũng thế, khi đồng đội của anh, sau những ngày tháng đau đớn liên miên, đã van xin anh kết liễu đời mình vì không chịu nổi đớn đau, Albert, bản thân cũng đã kiệt sức, bèn không suy nghĩ gì nữa: anh chộp lấy con dao làm bếp đầu tiên trong tầm tay, rồi chạy xuống như một người máy, đi tàu điện ngầm đến tận Bastille rồi lao vào khu phố của người Hy Lạp, phía đường Sedaine. Anh phải tìm được moóc phin cho Édouard, sẵn sàng giết người nếu cần thiết.

Suy nghĩ đầu tiên rất cuộc cũng xuất hiện trong đầu anh khi anh phát hiện tay người Hy Lạp đó, trạc tuổi ba mươi, to như voi, bước đi mà hai chân giạng ra khuỳnh khoàng, vừa đi vừa thở, mồ hôi nhễ nhại bất chấp nhiệt độ tháng Mười một. Albert hoảng hốt nhìn cái bụng bự, cặp vú to nặng nề đu đưa sau lớp áo len, cái cổ bò mọng, cặp má phệ của gã và nghĩ bụng con dao của anh có lẽ chẳng giúp ích gì, chắc hẳn phải cần một lưỡi dao dài ít nhất là mười lăm phân. Hoặc hai mươi. Tình hình không khả quan là mấy, chỉ có trong tay thứ vũ khí chẳng ra hồn kia khiến anh nhụt hết cả nhuệ khí. “Lúc nào cũng vậy, - mẹ anh thường nói, - không biết tổ

chức là gì! Con thật không biết nhìn xa trông rộng, thằng con đáng thương của mẹ ạ...” Rồi bà ngược mắt lên trần nhà đưa Chúa ra làm chứng. Trước mặt người chồng mới của mình (đó là một cách nói, họ chưa kết hôn, nhưng bà Maillard xem tất cả là chuyện thường), bà càng phàn nàn nhiều hơn về thằng con trai. Ông bố dượng - trưởng quỳ ở cửa hàng Samaritaine - thì chỉ nhìn chăm chăm vào dây giày của mình, nhưng bực mình vẫn là bực mình. Đối diện với họ, ngay cả khi thấy mình mạnh mẽ, Albert vẫn thấy khó mà chống chế bởi càng ngày anh càng khiến họ có lý hơn.

Tất cả dường như liên kết lại để chống lại anh, đúng là một thời điểm khó khăn.

Cuộc hẹn được ấn định ở gần nhà vệ sinh công cộng ở góc phố Saint-Sabin. Albert không hề biết mọi chuyện diễn ra theo cách nào. Anh đã liên hệ với tên Hy Lạp đó bằng cách gọi điện thoại trong một quán cà phê, với tư cách một người nào đó có quen ai đó; tên Hy Lạp không hỏi gì, vì gã chẳng nói nổi hai chục từ tiếng Pháp. Antonapoulos. Ai cũng gọi là Poulos. Cả gã.

— Poulos, - gã vừa đi tới vừa nói.

So với một người to béo quá mức thì gã di chuyển nhanh đến đáng ngạc nhiên, với những bước đi ngắn, lú lú, nhanh nhẹn như ai. Dao quá ngắn, gã lại quá nhanh... Kế hoạch của Albert thực sự lúng túng. Sau khi nhìn quanh quất, tên Hy Lạp nắm lấy tay Albert và kéo anh vào nhà vệ sinh. Ở đó không còn nước từ lâu lắm rồi, không khí ngột ngạt nhưng có vẻ như điều đó chẳng hề làm Poulos khó chịu. Chỗ hôi thối này cũng gần giống như phòng chờ của gã. Với Albert, vốn hay sợ những không gian tù túng, sự tra tấn được nhân đôi.

— Tiền? - Tên Hy Lạp hỏi.

Gã muốn thấy tiền và đưa mắt chỉ túi quần của Albert, không biết rằng trong đó có con dao mà kích cỡ càng tỏ ra vô nghĩa hơn khi hai người đứng sát nhau trong nhà vệ sinh. Albert hơi quay sang một bên để chỉ cái túi khác, cố tình để lộ ra nhiều tờ hai mươi quan. Poulos đáp lại bằng một cử chỉ ửng thuận.

— Năm, - gã nói.

Đó là khoản đã thỏa thuận qua điện thoại. Tên Hy Lạp quay lưng định ra về.

— Chờ đã! - Albert vừa chụp lấy tay áo hắn vừa kêu lên.

Poulos dừng lại, nhìn anh, vẻ lo lắng.

— Tôi cần nhiều hơn... - Albert thì thầm.

Anh dẫn từng tiếng một cách thái quá, vừa nói vừa huơ tay (khi giao tiếp với người lạ, anh thường nói như họ bị điếc vậy), Poulos nhú đôi lông mày sâu róm của mình.

— Mời hai, - Albert nói.

Rồi anh phô ra cả xấp tiền, nhưng anh không thể tiêu hết vì đó là những gì anh còn lại để chống chọi trong gần ba tuần tới. Mắt Poulos sáng lên. Gã giơ tay về phía Albert và gật đầu đồng ý.

— Mời hai. Ở đây nhé!

Gã đi ra.

— Không! - Albert ngăn lại.

Mùi hôi thối của nhà vệ sinh và viễn cảnh được rời khỏi cái góc chật chội này, nơi anh cảm thấy nỗi lo sợ dâng lên trong lòng từng phút, từng giây, giúp cho giọng điệu anh trở nên thuyết phục. Mẹo duy nhất của anh là tìm cách đi cùng tên Hy Lạp.

Poulos lắc đầu từ chối.

— Được thôi, - Albert vừa nói vừa kiên quyết chặn ngang trước mặt hắn.

Tên Hy Lạp chụp lấy tay áo anh, dẫn đi trong chốc lát. Albert khiến người ta thương hại. Đôi khi, đó là sức mạnh của anh. Anh không cần phải ép nét mặt để ra vẻ thảm hại. Sau tám tháng sống cuộc sống thường dân, anh vẫn luôn mặc quần áo của những anh lính giải ngũ. Lúc giải ngũ, anh được chọn quần áo hoặc 52 quan. Anh chọn quần áo vì lúc ấy anh thấy lạnh. Thực ra, Nhà nước bán lại cho cựu chiến binh những bộ quân phục cũ được nhuộm lại một cách vội vàng. Buổi tối hôm đó, dưới trời mưa, thuốc nhuộm đã bắt đầu chảy xuống. Những vệt dài của một kẻ hay sầu bi! Albert

quay lại, nói rằng, đúng ra là anh muốn 52 quan hơn, nhưng đã quá muộn, lẽ ra anh phải suy nghĩ từ trước.

Anh cũng giữ lại đôi giày xăng đá, đã mòn một nửa, và hai tấm chăn quân đội. Tất cả những thứ đó đã để lại dấu vết trên người anh, mà không chỉ những vết màu nhuộm; mặt anh vẫn luôn có vẻ chán nản, mệt mỏi thường thấy ở nhiều lính phục viên, một nét gì đó rệu rã và cam chịu.

Tên Hy Lạp nhìn gương mặt võ vàng của Albert và quyết định.

— Nào, nhanh lên! - gã thì thầm.

Từ khoảnh khắc đó, Albert lại rơi vào cảnh ngơ ngác, anh không hề biết mình nên xử trí ra sao.

Hai người ngược lên phố Sedaine cho đến cầu vượt Salarnier. Đến đó, Poulos chỉ vĩa hè rồi lại nói:

— Ở đây nhé!

Albert nhìn xung quanh, không một bóng người. Đã quá bảy giờ tối, ánh sáng duy nhất tỏa ra từ một quán cà phê, cách đó chừng trăm mét.

— Ở đây!

Một mệnh lệnh dứt khoát.

Và lại, tên Hy Lạp không chờ Albert trả lời đã bỏ đi.

Gã quay lại nhiều lần để kiểm tra xem khách của mình có ngoan ngoãn ở lại đúng chỗ hay không. Albert nhìn gã đi, bất lực, nhưng khi tên Hy Lạp bất ngờ rẽ phải, anh co chân chạy, cũng vượt qua cầu Salarnier nhanh nhất có thể, mắt không rời nơi Poulos đã biến mất, một tòa nhà chung cư đổ nát nong nạc mùi dầu mỡ bấp bực. Albert đẩy cửa, bước vào một hành lang. Tại đó, vài bậc thang dẫn đến một tầng lửng, anh đi xuống. Một khung cửa sổ với những ô kính bẩn thỉu để lọt vào chút ít ánh đèn đường. Anh thoáng thấy tên Hy Lạp đang ngồi xổm, tay trái lục lọi một hốc tường. Gã đã đặt ngay bên cạnh một cánh cửa bằng gỗ dùng để che lối vào. Albert không dừng lại giây nào, băng qua tầng hầm, nhặt lấy cánh cửa rõ ràng nặng hơn anh nghĩ và dùng cả hai tay nện vào đầu tên Hy Lạp. Tiếng đập vang lên

như tiếng cồng, Poulos khuyu xuống. Chỉ khi đó Albert mới hiểu mình vừa làm gì, anh kinh hoàng đến mức chỉ muốn chạy trốn...

Anh định thần lại. Tên Hy Lạp đó đã chết chưa nhỉ?

Albert cúi xuống, nghe ngóng. Poulos thở nặng nề. Khó mà biết được hẳn có bị nặng hay không, nhưng một tia máu đang rỉ ra từ trán hẳn. Albert ở trong trạng thái sững sờ, gần như muốn ngất xỉu, anh vừa nắm chặt hai tay vừa thầm nhắc: “Nào, nào...” Anh cúi xuống, thọc tay vào hốc tường và lấy ra một hộp đựng giày. Quả là một điều kỳ diệu: đây những ống thuốc hai mươi và ba mươi mg. Riêng về liều lượng, Albert đã thông thạo từ lâu lắm rồi.

Anh đóng hộp lại, đứng dậy và bỗng thấy cánh tay Poulos vẽ thành một vòng cung lớn... ít ra hẳn cũng biết cách tự vũ trang, đó là một con dao nhíp chính hiệu, lưỡi dao rất sắc. Con dao chém vào bàn tay trái của Albert, nhanh đến mức anh chỉ cảm thấy một tia nóng bỏng. Anh quay người, giơ một chân lên và đạp cho tên Hy Lạp một phát vào thái dương. Đầu hẳn đập vào tường, nảy ra và tạo thành một âm thanh giống như tiếng cồng. Albert vẫn không thả hộp giày, chiếc giày xăng đá của anh giẫm lia lịa vào bàn tay đang cầm dao của Poulos, rồi anh đặt hộp giày xuống, hai tay nhặt cánh cửa gỗ lên và nện vào đầu hẳn. Anh dừng lại. Nghẹt thở vì gắng sức và sợ hãi. Anh chảy máu rất nhiều, vết thương ở tay rất sâu, áo va rơi của anh bê bết máu. Anh luôn kinh sợ mỗi khi nhìn thấy máu. Lúc đó, anh bắt đầu cảm thấy đau và anh nhớ là phải có những biện pháp khẩn cấp. Anh lục tìm trong hăm, thấy một miếng vải đầy bụi bặm rồi cuốn chặt bàn tay trái. Sợ sệt, như khi phải lại gần một con dã thú đang ngủ, anh lại cúi xuống cơ thể tên Hy Lạp. Anh nghe thấy hơi thở nặng nề, đều đặn của hẳn, không còn nghi ngờ gì nữa, đầu hẳn rất cứng. Sau đó, Albert run rẩy rời tòa nhà, tay ôm hộp các tông.

Với vết thương như vậy, không nên đi tàu điện hay tàu điện ngầm. Anh che kín được chỗ băng tạm ở tay trái, những vết máu trên áo va rơi rồi bắt taxi đi đến Bastille.

Tài xế taxi cũng trạc tuổi anh. Vừa lái, anh ta vừa quan sát rất lâu, về nghi hoặc, vị khách mặt mũi trắng bệch đang ngồi ghé ở mép ghế và vừa lắc lư vừa riết cánh tay vào bụng. Anh ta càng lo lắng hơn khi Albert tự ý mở cửa kính xe bởi cái chỗ khấp kín đó tạo cho anh một nỗi lo khó lòng kiểm chế. Thậm chí người lái xe còn nghĩ là vị khách sắp nôn mửa trong xe.

— Ít nhất anh cũng không bị ốm đấy chứ?

— Không, không, - Albert gắng hết sức trả lời.

— Bởi vì, nếu anh ốm, tôi cho anh xuống ở đây!

— Không, không, - Albert chống chế, tôi chỉ mệt thôi.

Mặc dầu vậy, nỗi nghi ngờ càng dâng lên trong tâm trí tay tài xế.

— Anh chắc chắn là mình có tiền đấy chứ?

Albert rút ra khỏi túi một tờ hai mươi quan rồi cho anh ta xem. Tay tài xế yên tâm, nhưng chỉ được một lúc. Anh ta quen rồi, có kinh nghiệm rồi, và chiếc taxi này là của anh ta. Tuy nhiên, anh ta vốn có bản tính con buôn, bản tính của kẻ ti tiện:

— Xin lỗi nhé! Tôi nói thế bởi vì những người như anh thường...

— Người như tôi là ai vậy? - Albert hỏi.

— À, tôi muốn nói đến lính phục viên ấy, anh thấy đó...

— Thế anh không phải là lính phục viên à?

— Ồ không, tôi đã chiến đấu ở đây, tôi bị hen suyễn và có một chân ngắn hơn chân kia.

— Không ít người như anh cũng đi chiến đấu. Thậm chí một số người còn trở về với một chân rõ ràng là ngắn hơn chân kia cơ.

Tay tài xế khó chấp nhận được điều đó, lúc nào cũng thế, những gã lính phục viên không ngừng ra vẻ ta đây với cuộc chiến của họ, luôn lên lớp tất cả mọi người, người ta bắt đầu chán ngấy những người anh hùng! Những người anh hùng thực sự đã chết cả rồi! Xin lỗi nhé, những người đó mới là những người hùng thực sự! Và rồi, mặt khác, khi một tay nào đó kể với bạn

quá nhiều điều đã kinh qua trong chiến hào thì tốt nhất là đừng có tin, phần lớn toàn trải qua cuộc chiến trong văn phòng.

— Bởi vì chúng tôi, chẳng lẽ chúng tôi đã không hoàn thành nghĩa vụ của mình? - anh ta hỏi.

Lính giải ngũ thì biết gì về cuộc sống mà người ta đã trải qua, với bao nhiêu thiếu thốn? Albert đã nghe những câu nói như thế, anh thuộc lòng, với giá than và giá bánh mì, đó là loại thông tin mà anh nhớ dễ nhất. Từ khi giải ngũ, anh nhận ra điều đó: để sống yên ổn, tốt nhất là cất quân hàm của kẻ thắng cuộc vào ngăn kéo.

Tài xế taxi cho anh xuống ở góc phố Simart, yêu cầu trả mười hai quan và chờ đến tận khi Albert thêm tiền boia mới đi.

Có rất nhiều người Nga sống ở đây, nhưng bác sĩ lại là người Pháp, bác sĩ Martineau.

Albert làm quen với ông hồi tháng Sáu, vào những đợt khủng hoảng đầu tiên. Không biết Édouard đã làm cách nào để có thể kiếm ra moóc phin trong thời gian lưu lại các cơ sở y tế, nhưng cậu ta nghiện kinh khủng. Albert cố thuyết phục cậu ta: bố đang bị trượt dốc đấy, bố ạ, không thể tiếp tục như vậy, bố phải tự chăm sóc mình chứ. Édouard không muốn nghe, cậu ta cũng tỏ ra cứng đầu cứng cổ hết như khi từ chối cái vụ ghép hàm. Albert không hiểu. Mình biết một người bị cụt chân, anh nói, anh ta bán vé số ở phố Faubourg-Saint-Martin, đã từng nằm viện ở doanh trại Tháng Hai tại Châlons, anh ta đã nói với mình về việc ghép mặt mà người ta đang làm, ờ thì những người được ghép không trở nên đẹp trai hơn, nhưng dẫu sao họ còn có mặt người, nhưng Édouard không thèm nghe, chỉ có không, không và không, cậu ta tiếp tục xếp thẳng những lá bài trên bàn ăn và hút thuốc lá bằng lỗ mũi. Người cậu ta vẫn luôn hôi khủng khiếp, tất nhiên là như thế, cả cái họng hở hoác đó... Cậu ta uống nước bằng phễu. Albert tìm cho cậu ta một cái máy nghiền thức ăn cũ (thằng cha đó đã chết sau một ca ghép bất thành, thật là may!), cái máy làm cho cuộc sống đơn giản hơn chút ít, nhưng mọi việc hãy còn phức tạp lắm.

Édouard rời khỏi Bệnh viện Rollin vào đầu tháng Sáu, vài ngày sau, anh bắt đầu có những biểu hiện trầm uất đáng lo ngại: người run từ đầu đến chân, toát mồ hôi đầm đìa, hễ ăn vào một tí là nôn... Albert cảm thấy bất lực. Những cơn cấp phát đầu tiên do thiếu moócphin dữ dội đến mức phải trói cậu ta vào giường - như tháng Mười một vừa rồi, ở bệnh viện, đó đúng là nỗi buồn khi chiến tranh kết thúc - và phải bít khe cửa kéo chủ nhà đến giết cậu ta để xoa dịu cơn đau cho cậu ta (và cơn đau của chính họ).

Nhìn Édouard ai cũng khiếp sợ, một bộ xương người bị quỳ ám.

Bác sĩ Martineau sống ở gần đó đã nhận lời đến tiêm cho cậu ta, đó là một người lạnh lùng, khó gần, ông bảo đã cắt chân, cắt tay cho lính đến mười ba lần trong chiến hào vào năm 1916. Nhờ vậy, Édouard mới tìm lại được chút bình tâm. Qua Martineau, Albert đã liên hệ với Basile, sau này trở thành người cung ứng cho anh; hẳn phải ăn trộm trong các hiệu thuốc, trong các bệnh viện, trạm xá, hẳn chuyên về thuốc thang, hẳn có thể tìm cho bạn bất cứ thứ gì bạn muốn. Ít lâu sau, may cho Albert, Basile đã đề nghị bán cho anh một lô thuốc ống mà hẳn muốn tống khứ đi, một kiểu khuyến mại, xuất hàng tồn kho.

Albert ghi chép cẩn thận số lần và liều lượng tiêm trong một tờ giấy: ngày, giờ và liều lượng để giúp Édouard kiểm soát được việc sử dụng moócphin, rồi anh cố gắng khuyên giải cậu ta theo cách của mình nhưng không có tác dụng. Nhưng ít nhất, khi ấy, Édouard trông đỡ hơn. Cậu ta ít khóc đi, ngay cả khi không vẽ nữa, mặc dù Albert đã mang đến cho cậu ta nào số, nào bút. Tưởng chừng như cậu ta suốt ngày nằm trên đi văng mà nhìn trời nhìn mây vớ vẩn. Sau đó, cuối tháng Chín, thuốc dự trữ hết còn Édouard vẫn chưa cai được. Vào tháng Sáu, mỗi ngày cậu ta dùng 60 mg, còn ba tháng sau là 90 mg. Albert thấy tình trạng đó vẫn chưa kết thúc. Édouard luôn sống xa lánh và ít nói. Albert không ngừng phải chạy vạy kiếm tiền mua moócphin, rồi lo tiền thuê nhà, lo việc ăn uống, than củi; quần áo thì miễn bàn, quá đắt. Những đồng tiền cứ thế ra đi với tốc độ chóng mặt. Albert đã cầm đồ tất cả những gì có thể, thậm chí anh còn ngủ với bà Monestier, chủ tiệm đồng hồ treo tường, anh làm bao bì cho tiệm này, đổi

lại, bà tăng lương cho anh (đó là điều mà Albert tự nhủ; trong chuyện này, anh sẵn sàng sắm vai những người tử vì đạo. Thực ra, anh không đến nỗi bất bình như thế về cơ hội đó đâu, gần sáu tháng không có phụ nữ... Bà Monestier có đôi vú rất to, anh không biết làm gì với đôi vú đó, nhưng bà ta là người tử tế, và không tỏ ra hà tiện khi cảm sừng chồng mình, một kẻ vô lại bản thủ sống ở hậu phương, kẻ thường nói rằng tất cả những người chưa có huân huy chương đều là những kẻ trốn tránh).

Dĩ nhiên, phần lớn tiền nông đều đổ vào moóc phin. Giá cả tăng nhanh bởi vì tất cả đều tăng nhanh. Ma túy và những thứ khác cũng thế, giá tăng theo giá sinh hoạt. Albert tiếc rằng chính phủ, nhằm giảm lạm phát, đã tung ra một “bộ đồng phục quốc gia” với giá một trăm mười lăm quan nhưng lại không đồng thời quy định một “ống thuốc quốc gia” giá năm quan cho moóc phin. Đáng lẽ chính phủ cũng nên đưa ra “bánh quốc gia”, hay “than quốc gia”, thậm chí “việc làm quốc gia”, Albert tự hỏi phải chăng với kiểu tư duy này người ta trở thành dân Bôn sê vích.

Ngân hàng chưa cho anh trở lại làm việc. Đã xa rồi cái thời các nghị sĩ đặt tay lên ngực mà tuyên bố rằng đất nước “tôn vinh và mang ơn những người lính thân yêu đã tham gia Đại chiến”. Albert đã nhận được một bức thư trong đó người ta giải thích với anh rằng tình hình kinh tế đất nước không cho phép người ta nhận anh vào làm trở lại, rằng, để làm được điều đó, có lẽ phải sa thải những người mà “trong năm mươi hai tháng chiến tranh khốc liệt, đã góp công rất lớn cho ngôi nhà của chúng ta...”, v.v..

Đối với Albert, kiếm tiền đã trở thành công việc chính.

Tình hình trở nên đặc biệt phức tạp khi Basile bị bắt trong một vụ làm ăn bản thủ, trong túi đầy ma túy còn máu của dượng sĩ thì dính đến tận khuỷu tay.

Không có người cung cấp trong ngày một ngày hai, Albert đành lai vãng những quán bar mờ ám, hỏi han địa chỉ chỗ này chỗ khác. Rốt cuộc, tìm moóc phin không phải là việc khó đến mức ấy; vì giá sinh hoạt không ngừng tăng lên, Paris đã trở thành điểm giao thương dưới mọi hình thức, người ta muốn mua gì cũng được; Albert đã tìm được tên Hy Lạp.

Bác sĩ Martineau tẩy trùng vết thương, khâu vết thương lại. Albert nghiêng rặng chịu đựng cơn đau.

— Dao này ngon đấy, - ông thầy thuốc buông thông mà không bình luận gì thêm.

Ông ta mở cửa cho anh, không tranh luận hay hỏi han gì. Ông ta sống ở tầng bốn, trong một căn hộ gần như trống rỗng với những tấm rèm luôn mở toang, những thùng sách mở toang khắp nơi, những bức tranh úp ngược vào tường, chỉ có một chiếc ghế bành đặt ở góc phòng, hành lang dùng làm phòng chờ với hai chiếc ghế dựa tời tàn kê đối diện với nhau. Người ta sẽ nghĩ ông bác sĩ này là một công chứng viên nếu như ở trong cùng không có căn phòng nhỏ kê một giường bệnh và dụng cụ phẫu thuật. Ông ta đòi Albert trả một khoản rẻ hơn cước taxi.

Khi đi ra, Albert nhớ đến Cécile, anh không hiểu tại sao.

Chặng đường còn lại, anh quyết định đi bộ. Anh phải vận động. Cécile, cuộc sống trước đây, những hy vọng trước đây... Thật là ngu ngốc khi không thể cưỡng lại nỗi nhớ nhung hơi ngớ ngẩn đó, nhưng, khi cuộc bộ trong phố, tay phải ôm hộp đựng giày, tay trái chít khăn, gặm nhấm tất cả những thứ đã nhanh chóng trở thành kỷ niệm, anh có cảm giác mình là kẻ lạc loài, không có quê hương. Và từ tối nay, anh là một tên du đãng, thậm chí có thể là một kẻ giết người. Anh không hề hay biết vòng xoắn ốc đó rồi sẽ dừng lại như thế nào. Trừ phi có một điều kỳ diệu. Lại nữa. Bởi vì những điều kỳ diệu đã đến với anh một đôi lần từ ngày giải ngũ, rồi chúng chuyển thành cơn ác mộng. Này, Cécile, bởi vì Albert đang nhớ tới cô... Cái khó nhất, với cô, xuất phát từ một điều kỳ diệu mà sứ giả của nó chính là bố dượng mới của Albert. Lẽ ra anh nên nghi ngờ. Sau khi bị ngân hàng từ chối tuyển dụng lại, anh đã tìm, tìm, đã cố mọi cách, thậm chí anh đã tham gia chiến dịch diệt chuột. Hai mươi lăm xu một con chuột chết, mẹ anh từng bảo rằng còn lâu anh mới làm giàu được. Và lại, tất cả những gì anh làm được là bị cắn, chẳng có gì phải ngạc nhiên cả, anh vẫn luôn vụng về mà. Như thế để nói rằng ba tháng sau ngày trở về, anh vẫn nghèo kiệt xác, con mà nói đến chuyện tặng quà cho Cécile à, bà Maillard rất hiểu cô.

Đúng vậy, anh có thể mang lại tương lai nào cho một cô gái xinh đẹp, tinh tế như cô; ở vào địa vị của Cécile, rõ ràng bà Maillard cũng sẽ làm như vậy. Cho nên, sau ba tháng làm những công việc vất vả, trong khi chờ khoản trợ cấp giải ngũ mà người ta nói đến suốt nhưng chính phủ lại không có khả năng chi trả, điều kỳ diệu là bố dượng của anh đã xin cho anh vào trông coi thang máy ở Samaritaine.

Ban giám đốc thích một cựu chiến binh có nhiều huy chương hơn, “liên quan đến khách hàng” mà, nhưng thôi được, có ai lấy người đó, họ tuyển Albert.

Anh điều khiển một thang máy đẹp có chấn song và thông báo các tầng cho người sử dụng. Lẽ ra anh không nên nói cho ai biết (anh chỉ viết thư kể cho đồng đội của mình là Édouard thôi), anh không thích công việc này lắm. Anh không biết cụ thể vì sao. Anh chỉ hiểu ra vào một buổi chiều tháng Sáu, khi những cánh cửa mở ra và trước mặt anh là Cécile đang đi theo một người đàn ông trẻ trung có đôi vai vuông vắn. Họ đã không gặp lại nhau sau bức thư cô viết cho anh, mà anh đã hồi âm cụt ngủn: “Đồng ý.”

Giây đầu tiên là sai lầm đầu tiên, Albert giả vờ không nhận ra cô và chăm chú điều khiển thang máy. Cécile và bạn trai đi mãi lên trên, một hành trình bất tận, dừng lại ở mỗi tầng. Giọng nói của Albert trở nên khàn khàn khi thông báo số tầng, đúng là một khổ hình; anh bất giác hít hà mùi nước hoa mới của Cécile, duyên dáng, lịch sự, phảng phất mùi tiền. Chàng trai đó cũng nghe mùi tiền. Anh ta trẻ, còn trẻ hơn cô, điều đó làm Albert choáng.

Với anh, điều nhục nhã không phải là gặp Cécile mà là bị bắt gặp trong bộ đồng phục khác thường đó. Như một người lính trong nhạc kịch. Với đôi ngù vai có túp len.

Cécile nhìn xuống. Cô thực sự cảm thấy xấu hổ cho anh, rõ ràng là thế, cô xoa tay rồi cúi gằm mặt. Anh thanh niên có đôi vai vuông vắn thì chăm chú nhìn thang máy, vẻ thán phục, rõ ràng là choáng ngợp trước kỳ quan của công nghệ hiện đại đó.

Với Albert, chưa bao giờ phút giây lại có vẻ dài lâu như vậy, trừ những giây phút anh bị chôn sống dưới hố pháo, và lại, anh thấy giữa hai sự kiện có một sự tương đồng mơ hồ nào đó.

Cô cùng bạn trai đi ra tầng bán đồ lót, thậm chí hai người không nhìn nhau. Albert rời thang máy ở tầng trệt, cởi bộ đồng phục rồi bỏ về mà không đòi tiền công. Một tuần làm việc không công.

Vài ngày sau, vì thấy anh chấp nhận làm một công việc nhỏ mọn như vậy, Cécile như cảm thấy mũi lòng, cô trả lại nhẵn dính hôn cho anh. Qua bưu điện. Anh muốn gửi trả lại cho cô, anh có xin bố thí đâu, và chẳng anh có vẻ nghèo khổ đến mức ấy ư, ngay cả trong bộ chế phục của một tên đầy tớ? Nhưng thời buổi thực sự khó khăn, điều thuốc lá Caporal mà đến một quan rưỡi, cần phải tiết kiệm, giá than leo thang như điên. Anh mang chiếc nhẵn ra tiệm cầm đồ. Từ ngày đình chiến, người ta gọi tiệm cầm đồ là Quỹ tín dụng thành phố, nghe có vẻ cộng hòa hơn.

Hẳn là anh có rất nhiều thứ để chuộc lại ở đó, nếu anh không vĩnh viễn từ bỏ chúng.

Sau tình tiết đó, Albert chẳng kiếm được công việc nào khá khấm hơn ngoài việc làm quảng cáo, anh mang những tấm biển quảng cáo và đi trong các đường phố, trước ngực một tấm và sau lưng một tấm, nặng như con lừa chết! Với những tấm áp phích quảng cáo giá cả ở Samaritaine hay chất lượng xe đạp De Dion- Bouton. Nỗi ám ảnh của anh là gặp lại Cécile. Mặc một bộ đồ lơ lửng, như thế là quá cực rồi, nhưng lại còn đeo thêm những tấm áp phích quảng cáo nước giải khát Campari nữa thì quả là anh không thể kham nổi.

Chỉ đáng nhảy xuống sông Seine.

Ông Péricourt mở mắt ra khi chắc chắn chỉ còn lại một mình.

Náo loạn cả lên... Cả đám người kích động ở Jockey Club, như thể ngất xỉu trước đông người vẫn chưa đủ nhục...

Rồi sau đó, Madeleine, thằng con rể, bà quản gia vịn vẹo tay phía cuối giường, điện thoại reo liên tục trong sảnh, và bác sĩ Blanche với những thuốc giọt, thuốc vỉ, với giọng nói của cha xứ, với những lời khuyên dông dài. Vì lẽ không tìm ra bệnh gì, ông ta nói nào là tim, mệt mỏi, lo âu, nào là không khí ở Paris, ông ta nói tầm bậy tầm bạ, chỗ của ông ta là ở trường đại học chứ đâu phải ở đây.

Gia đình Péricourt có một dinh thự riêng rộng lớn với cửa sổ hướng về công viên Monceau. Ông Péricourt đã nhượng cho con gái phần lớn tòa nhà. Sau khi lấy chồng, Madeleine đã trang trí lại tầng ba, nơi cô sống cùng chồng, theo sở thích của mình. Ông Péricourt thì sống ở tận tầng trên cùng, tất cả có sáu phòng trong đó thực ra ông chỉ sống trong một phòng ngủ rộng lớn - vừa là phòng làm việc và phòng đọc sách - và một phòng tắm, nhỏ nhắn nhưng đủ cho một người độc thân. Với ông, ngôi nhà có thể gói gọn vào căn hộ này. Từ khi vợ chết, hầu như ông không đặt chân vào các phòng khác nữa, ngoài phòng ăn đồ sộ ở tầng một. Nếu chỉ có ông thì việc tiếp khách sẽ diễn ra ở nhà hàng Voisin và chẳng có gì phải bàn nữa. Giường ngủ của ông kê ở một góc phòng và được che bằng một tấm màn nhung xanh đậm, ông không bao giờ tiếp phụ nữ ở đây, để làm chuyện đó ông đi chỗ khác, còn đây là chỗ của ông.

Khi người ta đưa ông về tới nơi, Madeleine kiên nhẫn ngồi lại bên cạnh ông hồi lâu. Cuối cùng, khi cô nắm lấy tay ông, ông không chịu nổi nữa.

— Như trông coi người chết vậy, - ông nói.

Nếu không phải là Madeleine mà là ai đó khác thì hẳn đã cãi lại rồi, nhưng cô chỉ mỉm cười. Hiếm khi chỉ có hai bố con ở bên nhau lâu như thế. Nó không xinh lắm, Péricourt tự nhủ. Bố già rồi, cô gái thâm nghĩ.

— Con đi đây, - cô vừa nói vừa đứng dậy.

Cô chỉ sợi dây, ông đưa mắt đồng tình, ừ được thôi, con đừng lo, cô kiểm tra cái cốc, chai nước, khăn mùi soa, thuốc uống.

— Con tắt đèn giúp bố, - ông bảo.

Nhưng chẳng bao lâu ông đã thấy tiếc vì đưa con gái ra về.

Khi đỡ hơn - sự cố ở Jockey chỉ còn là kỷ niệm - ông nhận ra cơn đau đã quật ngã ông mà không báo trước. Cơn đau đó bắt đầu ngang bụng, lan lên ngực, lên vai rồi lên đầu. Tim ông đập loạn lên, như thể nó bị chật chội, Péricourt tìm sợi dây nhưng lại thôi, có gì đó mách bảo ông rằng ông chưa chết, thời khắc của ông chưa đến.

Gian phòng chìm trong cảnh tranh tối tranh sáng, ông nhìn những tầng giá sách, những bức tranh, những họa tiết trên tấm thảm như lần đầu tiên nhìn thấy. Ông càng cảm thấy mình già nua hơn khi mà bỗng dưng, xung quanh, tất cả với ông dường như hoàn toàn mới, mới đến từng chi tiết. Ông ngạt thở đến mức chiếc mỏ cặp đang thắt quanh cổ ông bỗng siết lại dữ dội, nước mắt ông trào ra. Ông bật khóc. Những giọt nước mắt đơn thuần, giàn giụa, một nỗi buồn ông không nhớ đã từng trải qua chưa, có thể đã biết đến khi ông còn nhỏ, và khiến ông nhẹ nhõm một cách lạ kỳ. Ông phò mặc, để cho nước mắt giàn giụa mà không cảm thấy xấu hổ, những giọt nước mắt dịu vợi, khóa khuây. Ông lấy một góc khăn lau mặt, cố gắng thở đều lại nhưng vô ích, nước mắt tiếp tục tuôn trào, nỗi buồn tiếp tục xâm chiếm. Đó là tình trạng lão suy, ông nghĩ đến điều đó nhưng không muốn tin. Ông ngồi dậy tựa người vào gối, lấy khăn mùi soa trên bàn đầu giường, vừa xì mũi vừa vùi đầu trong khăn, ông không muốn người ta nghe tiếng ông, không muốn người ta lo lắng mà chạy tới. Để người ta thấy ông khóc ư? Không, không phải thế. Dĩ nhiên ông không muốn thế, một người ở tuổi ông mà khóc òa lên như trẻ con thì thật là hèn, nhưng chủ yếu ông muốn ở một mình.

Chiếc mỏ cặp nối lỏng đôi chút, hơi thở của ông vẫn bị nghẽn. Rồi nước mắt ngouï dần, nhường chỗ cho sự trống trải mênh mông; ông kiệt sức nhưng không tài nào ngủ được. Cả đời, ông đã luôn ngủ rất ngon giấc, kể cả trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, chẳng hạn như khi vợ ông chết, ông không chịu ăn nhưng lại ngủ rất say, ông là như thế. Cho dù, ông đã rất yêu vợ, một phụ nữ tuyệt vời, đầy đủ mọi phẩm chất. Thế mà lại chết quá trẻ, thật là bất công! Không, quả thật, không ngủ được là một điều bất thường và thậm chí đáng lo với một người như ông. Không phải tim mạch, ông Péricourt tự nhủ, Blanche là một thằng ngốc. Do lo lắng đấy mà. Một thứ gì đó lơ lửng phía trên ông, nặng nề, đe dọa. Ông lại nghĩ tới công việc, tới những cuộc hẹn buổi chiều, ông tìm kiếm. Cả ngày, ông đã mệt lả rồi, mới buổi sáng mà đã nhếch nhác. Dẫu sao, đó không phải là cuộc trao đổi với người môi giới chứng khoán, chẳng có gì phải tức giận cả, chẳng có gì khác thường, nghề nghiệp là thế, còn những nhân viên môi giới chứng khoán, trong ba mươi năm làm ăn, ông đã nổi giận với hàng chục người. Hội nghị tổng kết thường diễn ra vào ngày thứ Sáu cuối cùng của tháng, những ông chủ ngân hàng, những người môi giới, ai ai cũng phải đứng nghiêm trước mặt ông Péricourt.

Đứng nghiêm.

Cách nói này làm ông ngán ngấm.

Nước mắt ông bỗng dừng lại chảy khi ông nhận ra tại sao ông đớn đau đến mức đó. Ông cắn cả hai hàm răng vào vỏ chăn, bật lên một tiếng rống dài, ghen ngào, giận dữ, tuyệt vọng, ông đang trải qua một nỗi buồn quá đỗi khủng khiếp, ông không biết hiện mình có thể chịu đựng tiếp. Nỗi buồn đó càng dữ dội hơn khi... ông... Ông không biết nói thế nào, suy nghĩ của ông như bị hóa lỏng, bị một nỗi khổ đau bất tận làm cho tan biến.

Ông khóc cho cái chết của đứa con trai.

Édouard đã chết. Édouard vừa mới chết đúng vào khoảnh khắc đó. Thằng con trai bé bỏng của ông. Nó đã chết.

Vào ngày sinh nhật của nó, thậm chí ông còn không nghĩ đến điều ấy, hình ảnh trôi qua như gió thổi, và tất cả tụ lại để nổ tung vào ngày hôm đó.

Nó chết cách đây tròn một năm.

Nỗi đau càng tăng lên gấp bội khi mà, suy cho cùng, với ông, đó là lần đầu tiên Édouard tồn tại. Bỗng ông hiểu ra mình thương đứa con trai ấy nhường nào, thương một cách mơ hồ, thương một cách miễn cưỡng: ông ngộ ra điều đó vào cái ngày mà ông nhận thức ra thực tế phũ phàng là ông sẽ không bao giờ gặp lại nó nữa.

Không, chưa đến mức đó, những giọt nước mắt, mỏ cặp trong ngực và lưỡi kiếm trong họng nói với ông.

Tệ hơn nữa, ông cảm thấy tội lỗi vì đã xem cái tin con trai mình hy sinh như một sự giải thoát.

Trọn đêm ông không tài nào chợp mắt, ông lại thấy Édouard lúc còn nhỏ, mỉm cười với những kỷ niệm đã bị vùi sâu đến mức khi nhớ lại, ông cứ ngỡ như hãy còn mới mẻ. Không theo một thứ tự nào, ông hẳn không thể nói là việc Édouard hóa trang thành một thiên thần nhỏ (nhưng lại tự gắn thêm đôi tai của quỷ Lucifer, nó không coi chuyện gì là nghiêm túc cả, hẳn là khi ấy nó mới tám tuổi) xảy ra trước cuộc tiếp xúc với ông hiệu trưởng trường cấp hai có lâu không, cuộc gặp vì những bức tranh mà nó đã vẽ, trời ơi, những tranh vẽ đó, thật là xấu hổ. Thật là tài năng.

Ông Péricourt không giữ lại bất cứ thứ gì, không đồ chơi trẻ em, không ký họa, không tranh màu nước, chẳng gì cả. Có thể Madeleine có giữ chẳng? Không, không đời nào ông dám hỏi con gái.

Và đêm đã qua như thế, những kỷ niệm, những tiệc nuôi, đâu đâu cũng là Édouard, thời còn bé, thời thanh niên, thời đã lớn, và điệu cười của nó, một điệu cười tuyệt vời, niềm vui sống đó, giá như không có cách cư xử đó, sở thích khiêu khích không biết chán đó... Có nó, ông Péricourt không thể vui được bởi ông vốn kinh sợ sự phóng đãng. Ông giống vợ ở điểm này. Khi cưới gia tài của bà (bà xuất thân từ dòng họ Margis, chuyên sản xuất sợi), ông đã thừa hưởng từ bà một vốn văn hóa trong đó một số thứ được xem như là những tai ương. Ví dụ đám nghệ sĩ. Nhưng ở chừng mực nào đó, vào thời ấy, ông cũng đã tập quen với cái phương diện nghệ sĩ của con trai mình, nói cho cùng, có khối người cũng đạt được thứ gì đó trong cuộc sống

nhờ vẽ tranh cho các tòa thị chính hay chính phủ. Không, điều mà ông Péricourt chưa bao giờ tha thứ cho con trai không phải những gì nó làm mà là con người của nó: giọng nói của Édouard the thé quá, người nó gầy quá, nó quan tâm đến cách ăn mặc quá, nó có những cử chỉ quá... Không khó để nhận ra, nó thực sự ủy mị. Tận trong đáy lòng, ông Péricourt chưa bao giờ dám nói những điều này với chính mình. Ông xấu hổ về thằng con trai ngay cả trước mặt bạn bè, bởi vì những từ ngữ đê tiện đó, nhìn miêng họ là ông đọc ra. Ông không phải là một người xấu xa mà một người bị tổn thương ghê gớm, bị sỉ nhục. Thằng con trai đó là một sự lãng nhục sống động đối với những hy vọng mà ông nghĩ là hợp tình hợp lý. Ông chưa bao giờ thổ lộ với ai: đứa con gái ra đời đã là một thất vọng quá lớn. Ông nghĩ đàn ông thêm có một đứa con trai là điều bình thường. Giữa người bố và đứa con trai, ông nghĩ, có một mối liên hệ thầm kín và thiết thân bởi vì đứa con là sự tiếp nối của người bố, người bố bỏ công gây dựng và truyền lại đời sau, đứa con thừa hưởng và làm cho đơm hoa kết trái, cuộc sống là vậy, từ xưa từ xưa.

Madeleine là một đứa trẻ rất dễ thương, ông nhanh chóng yêu thương con bé, nhưng vẫn sốt ruột.

Thế mà thằng con trai đó vẫn chưa ra đời. Nhiều lần sẩy thai, nhiều sự cố đau buồn, thời gian trôi qua, ông Péricourt thậm chí vì thế mà trở nên hay cáu bẳn. Rồi cuối cùng Édouard cũng chào đời. Ông xem sự ra đời này như một sản phẩm thuần túy theo ý muốn của ông. Và lại, ít lâu sau thì vợ ông qua đời, ông thấy trong đó một tín hiệu mới. Những năm đầu, ông đầu tư vào việc giáo dục thằng con trai này thật nhiều! Ông đã nuôi biết bao hy vọng và sự xuất hiện của thằng con trai đã làm cho ông ngất ngây biết nhường nào! Rồi thất vọng ập đến. Khi Édouard lên tám hay mười tuổi gì đó, ông phải chấp nhận thực tế. Đó là một thất bại. Ông Péricourt chưa quá già để làm lại cuộc đời, nhưng vì tự ái nên ông đã không làm vậy. Ông không chịu hạ mình chấp nhận thua cuộc. Ông tự giam mình trong đắng cay, hằn học.

Thế mà bây giờ, khi thằng con trai của ông đã chết (mà ông lại không biết nó chết như thế nào, ông chẳng màng hỏi), càng ngày ông càng tự trách mình, những lời lẽ nặng nề, dứt khoát, những cánh cửa khép lại, những gương mặt khép lại, những bàn tay khép lại, ông Péricourt đã khép lại tất cả trước đứa con trai, ông chỉ chừa lại cho nó cánh cửa chiến tranh, để mà chết.

Ngay cả khi nhận được báo tử, ông cũng không nói một lời nào. Ông nhớ lại cảnh tượng đó. Madeleine khuyu xuống. Ông nắm vai cô, làm gương. Kiềm chế đi con, Madeleine, kiềm chế đi, ông không thể nói với cô, bản thân ông cũng không biết, rằng sự ra đi này trả lời cho câu hỏi mà ông luôn tự đặt cho mình: làm thế nào một người như mình có thể chịu đựng nổi một thằng con trai như nó? Và bây giờ, thế là hết, dấu ngoặc đơn mang tên Édouard vừa khép lại, như thế cũng công bằng. Thế giới đã tìm lại được sự cân bằng vững chắc của nó. Ông đã trải qua cái chết của vợ như một sự bất công, bà ấy quá trẻ, sao lại chết, nhưng suy nghĩ này đã không đến với ông về thằng con trai còn chết trẻ hơn cả mẹ nó.

Nước mắt lại dâng trào.

Mình khóc khô hết nước mắt, ông tự nhủ, mình là một người khô khan. Ông những muốn ông cũng biến mất cho rồi. Lần đầu tiên trong đời, ông thích là một ai đó khác chứ không phải mình.

Vì cả đêm không thể chợp mắt nên khi sáng ra, ông trở nên kiệt sức. Mặt ông lộ nét sâu muộn, nhưng vì ông chưa từng để lộ vẻ mặt đó nên Madeleine không hiểu được và cô hoảng sợ. Cô cúi xuống mặt ông. Ông hôn lên trán cô. Cảm giác của ông không thể nào thổ lộ.

— Bố dậy đây, - ông bảo.

Madeleine định phản đối. Nhưng trước gương mặt bơ phờ, quả quyết đó, cô không nói lời nào và lui ra.

Một giờ sau, ông Péricourt ra khỏi căn hộ, đã cạo râu, thay quần áo, chưa ăn gì, Madeleine thấy ông chưa uống thuốc, trông rất yếu, đôi vai sụp lờ, nước da trắng bệch. Ông mặc áo choàng. Trước sự ngỡ ngàng của đám gia

nhân, ông ngồi trên một chiếc ghế dựa trong sảnh, nơi người ta thường cất quần áo của khách khi họ không ở lại lâu, và giơ tay vẫy Madeleine.

— Con cho xe đến đây, ta ra ngoài.

Có biết bao điều chất chứa trong ngăn ấy từ... Madeleine sai bảo gia nhân, chạy nhanh về phòng, thay quần áo rồi quay lại. Bên trong áo choàng cô mặc một chiếc áo cánh bằng vải đen xếp nếp quanh eo và đội một chiếc mũ hình chuông cũng màu đen. Khi thấy con gái xuất hiện, ông Péricourt nghĩ, nó thương mình, ông muốn nói, nó hiểu mình.

— Đi thôi... - ông nói.

Ra đến via hè, ông bảo tài xế là mình không cần anh ta. Chẳng mấy khi ông tự lái xe, ông không thích thế, trừ phi ông muốn ở một mình.

Ông chỉ đến nghĩa địa một lần. Khi vợ ông chết.

Ngay cả khi Madeleine đi tìm hài cốt của em trai để đưa về hầm mộ của dòng họ, ông Péricourt cũng không đi. Madeleine là người muốn đưa em trai “về”. Ông chẳng cần. Con trai ông đã chết cho Tổ quốc, đã được chôn cùng những người yêu nước, đó là quy luật tự nhiên. Nhưng Madeleine muốn thế. Ông quả quyết giải thích rằng, “ở vị thế của ông”, để cho con gái làm một việc bị cấm tuyệt đối là một hành động hoàn toàn vô lý, và khi ông dùng nhiều trạng từ như vậy thì đó không phải là dấu hiệu tốt. Madeleine không vì thế mà tỏ ra e sợ, cô trả lời rằng mặc kệ, cô sẽ tự mình lo lấy, nếu có chuyện gì ông chỉ cần nói là ông không biết, cô sẽ xác nhận thêm, cô sẽ chịu trách nhiệm tất cả. Hai ngày sau, cô nhận được trong một phong bì, số tiền mà cô cần và một bức thư ngắn bí mật giới thiệu cô với tướng Morieux.

Ban đêm, người ta phân phát ngân phiếu cho tất cả mọi người, những người canh gác, nhân viên phòng đôn, tài xế, một công nhân đã mở cửa lãng, rồi hai người cho quan tài xuống và đóng cửa lại. Madeleine tưởng niệm một lúc rồi có ai đó nắm chặt khuỷu tay cô, bởi vì giờ là ban đêm, không phải lúc, giờ em trai cô đã nằm lại đây, cô có thể đến thăm lúc nào tùy thích, nhưng ngay lúc này, tốt hơn hết là không gây chú ý.

Ông Péricourt chẳng biết gì về chuyện đó, ông chưa bao giờ hỏi han. Trong chiếc xe ô tô đưa họ đến nghĩa trang, bên cạnh cô con gái đang ngồi lặng lẽ, ông nghĩ đến tất cả những gì mình đã nghiền ngẫm đêm qua. Vốn là một người không muốn biết gì hết, giờ đây ông lại tỏ ra tham lam, ông muốn biết tường tận từng chi tiết... Mỗi khi nghĩ đến đứa con trai là ông lại muốn khóc. May mà lòng tự trọng đã nhanh chóng chiến thắng.

Để mai táng Édouard trong hầm mộ dòng họ thì phải đào mộ nó lên, ông Péricourt tự nhủ. Khi nghĩ đến điều đó, lòng ông quặn thắt. Ông cố mường tượng cảnh Édouard nằm dài, đã chết, nhưng đó luôn là cái chết của dân thường, nó mặc com lê và đeo cà vạt, đi đôi giày bóng loáng và có nến thắp xung quanh. Thật là ngớ ngẩn. Ông lắc đầu, bất bình với bản thân. Ông trở về thực tại. Một xác chết thì trông như thế nào sau bấy nhiêu tháng nhỉ? Người ta đã làm thế nào? Những hình ảnh hiện ra, những điều sáo rỗng, từ đó nổi lên một câu hỏi mà đêm dài đã không đủ dập tắt, câu hỏi mà ông rất đổi ngạc nhiên là mình chưa bao giờ đặt ra: tại sao ông chưa từng ngạc nhiên khi con trai lại chết trước mình? Dẫu sao, điều đó không hợp với quy luật tự nhiên. Ông Péricourt năm mươi bảy tuổi. Ông giàu có. Được tôn trọng. Ông chưa từng chiến đấu trong bất cứ cuộc chiến nào. Ông thành công ở mọi phương diện, kể cả trong hôn nhân. Và ông vẫn còn sống. Ông xấu hổ về mình.

Lạ thay, đó chính là khoảnh khắc mà Madeleine đã chọn khi ngồi trong ô tô. Qua cửa kính, cô ngắm nhìn những đường phố đang băng qua và chỉ đặt tay mình lên tay ông, như thể cô đang hiểu. Nó hiểu mình, ông Péricourt tự nhủ. Điều đó làm ông hài lòng.

Rồi còn thằng con rể đó nữa. Madeleine đi tìm em trai ở vùng quê nơi thằng bé đã ngã xuống (đúng ra nó chết như thế nào nhỉ? Ông cũng không hề biết gì...), cô trở về cùng tay Pradelle đó và mùa hè sau, cô lấy y. Hôm nay, ông Péricourt mới nhận ra điều ông đã không hề thấy vào thời điểm xảy ra sự việc, đó là có một sự tương ứng kỳ lạ. Cái chết của con trai ông gắn liền với sự xuất hiện của gã trai mà ông buộc phải chấp nhận coi như con rể. Điều đó không thể giải thích nổi, như thế ông đã bắt y phải chịu

trách nhiệm về cái chết của con trai mình, ngỡ ngẩn thật, nhưng ông không thể nào cưỡng lại được: người này xuất hiện vào thời điểm người kia biến mất, quan hệ nhân quả được thiết lập một cách máy móc, có nghĩa là, một cách tự nhiên trong mắt ông.

Madeleine đã cố giải thích cho bố hiểu cô gặp đại úy Aulnay-Pradelle như thế nào, anh ta tỏ ra ân cần, tử tế, ý nhị ra sao, ông Péricourt không chịu nghe, ông giả điếc, giả mù trước tất cả mọi thứ. Tại sao con gái ông lại đi lấy người này chứ không phải một ai khác? Với ông, bí ẩn vẫn còn nguyên. Ông chẳng hiểu gì về cuộc sống của đứa con trai, chẳng hiểu gì về cái chết của nó, và suy cho cùng, cũng chẳng hiểu gì về cuộc sống của đứa con gái và cuộc hôn nhân của nó. Về con người mà nói, ông chẳng hiểu gì sất. Người bảo vệ nghĩa trang đã mất cánh tay phải. Khi gặp anh ta, ông Péricourt thầm nghĩ: mình là một kẻ tàn phế con tim.

Nghĩa trang đã huyên náo tiếng người. Những người bán hàng rong, ông Péricourt nhận định với tư cách một doanh nhân giàu có khôn ngoan, tha hồ mà vui sướng. Hàng trăm bó hoa cúc được bán ra, buôn bán theo vụ thế này lời lắm. Bởi năm đó, chính phủ có quy định tất cả các lễ tưởng niệm đều được tổ chức vào Lễ các linh hồn, ngày mùng 2 tháng Mười một, vào cùng một giờ và khắp nơi trên nước Pháp. Cả đất nước sẽ đồng loạt tưởng niệm. Ngồi trong chiếc limousine, ông Péricourt thấy người ta chuẩn bị, họ căng dây, đặt các barie, đội kèn đồng mặc thường phục đang tập luyện, nhưng còn có những người lạng lẽ lau dọn vỉa hè, cho xe ngựa và xe hơi đậu chỗ khác. Ông Péricourt nhìn cảnh tượng đó một cách vô cảm, nỗi buồn của ông hoàn toàn là nỗi buồn cá nhân.

Ông đậu xe trước cổng. Bố và con gái khoác tay nhau lạng lẽ đi về phía hầm mộ của dòng họ. Trời rất đẹp, một vầng dương lạnh lẽo, vàng và trong vắt tôn lên vẻ đẹp của những đóa hoa đã ngập tràn những ngôi mộ ở hai bên lối đi. Ông Péricourt và Madeleine đến tay không. Chẳng ai nghĩ đến việc mua hoa, mặc dầu vậy, ở cổng nghĩa trang, chẳng thiếu gì hoa.

Hầm mộ dòng họ là một ngôi nhà nhỏ bằng đá, trên trán tường có một cây thánh giá, cánh cửa bằng sắt rập đĩnh nổi, trên cửa có dòng chữ: “Dòng

họ Péricourt”. Mỗi bên có khắc tên những người đã khuất, bắt đầu bằng bố mẹ của ông Péricourt, mới đây thôi, non một thế kỷ.

Ông Péricourt vẫn thọc tay vào túi áo rơđanhgôt, không rời mũ. Ông không nghĩ đến chuyện đó. Mọi suy nghĩ của ông đều dành cho con trai, xoay quanh con trai. Ông lại khóc, ông không nghĩ là mình vẫn còn nước mắt, ông lại nhớ điên cuồng những hình ảnh của Édouard từ nhỏ đến lớn và ông từng cảm thù tiếng cười, tiếng khóc của nó. Đêm trước, ông thấy hiện về những cảnh tượng ngỡ đã quên lãng bấy lâu, những chuyện từ thời thơ ấu của Édouard, thời ông chưa nghi ngờ về tính cách thực sự của đứa con trai, thời kỳ ông còn phó mặc cho cảm giác thỏa mãn vừa phải, đúng độ trước những bức vẽ của nó, những bức vẽ đúng là có độ chín hiem thấy. Ông đã xem lại vài bức. Édouard là đứa trẻ của thời đại mình, trí tưởng tượng của nó đầy những hình ảnh ngoại lai, toàn đầu máy xe lửa và máy bay. Có hôm, ông Péricourt rất bất ngờ trước bức ký họa một chiếc xe đua đang tăng tốc, bức họa thực đến mức khó tin, bản thân ông chưa bao giờ nhìn một chiếc xe ở góc độ đó. Trong bức ký họa rõ ràng là tỉnh đó, cái gì đã đem lại cho ta cảm giác chiếc ô tô đang chạy nhanh đến mức như sắp bay lên thế nhỉ? Bí ẫn. Lúc ấy, Édouard mới chín tuổi. Trong những bức tranh của nó luôn có nhiều chuyển động. Ngay cả hoa cũng gọi làn gió nhẹ. Ông nhớ một bức tranh màu nước, cũng vẽ hoa, mà ông thì chẳng biết gì về hoa, những cánh hoa rất tinh tế, đó là tất cả những gì ông có thể nói. Và được phối cảnh rất đặc biệt. Dù ít biết về nghệ thuật này, ông Péricourt vẫn hiểu rằng có gì đó rất độc đáo. Mà những bức vẽ ấy đang ở đâu nhỉ? Ông tự hỏi. Madeleine còn giữ không? Nhưng ông không muốn xem lại, ông muốn giữ chúng trong lòng, ông không muốn những hình ảnh đó thoát ra khỏi mình nữa. Trong tất cả những gì đã được chôn cất nơi ký ức, một gương mặt thường xuyên hiện về. Édouard đã vẽ gương mặt đó rất nhiều, theo đủ các thể loại, với sự yêu thích đặc biệt với một số đường nét mà người ta thường xuyên bắt gặp, ông Péricourt tự hỏi liệu đó có phải là cái mà người ta gọi là “có phong cách” hay không. Đó là một gương mặt thanh niên rất thuần khiết, môi dày, mũi hơi dài và mạnh mẽ, cằm chẻ rất nét, nhưng nhất

là ánh mắt rất lạ, hơi lác và không cười. Đó là tất cả những gì ông có thể nói, giờ đây, khi đã tìm ra ngôn từ... Nhưng nói với ai đây?

Madeleine làm ra vẻ quan tâm tới một nấm mộ cách đó một chút, cô rời xa vài bước để ông ở lại một mình. Ông rút khăn mùi soa lau nước mắt. Ông đọc tên vợ, Léopoldine Péricourt, sinh ở Margis.

Tên của Édouard chưa có ở đó.

Phát hiện này khiến ông sửng sờ.

Tất nhiên rồi, bởi vì con trai ông lẽ ra không phải ở đó, không được khắc tên vào, thôi được, coi như một điều đương nhiên, nhưng đối với ông Péricourt, điều này như thể số phận không cho ông xác nhận lần cuối về một cái chết chính thức. Đúng là đã có giấy, một bản in sẵn thông báo con trai ông đã hy sinh vì nước Pháp, nhưng ngôi mộ này là cái gì nếu ngay cả quyền được đọc tên thằng bé ta cũng không có? Ông lật đi lật lại vấn đề, cố thuyết phục mình rằng điều này không quan trọng, nhưng những gì ông cảm thấy thật khó có thể vượt qua.

Việc đọc tên đứa con trai đã chết, đọc “Édouard Péricourt”, không hiểu tại sao bỗng dưng có một tầm quan trọng cực kỳ lớn lao với ông.

Ông lắc lư đầu từ phải sang trái.

Madeleine lại chỗ ông, nắm lấy tay ông và cả hai cùng về.

Ngày thứ Bảy, ông nhận được nhiều cuộc gọi từ những người mà số phận phụ thuộc vào tình trạng sức khỏe của ông. Thế nào, thưa ông, ông đỡ hơn chưa? Người ta hỏi ông, hoặc: Ông đã làm cho bọn tôi phát sợ, ông bạn ạ! Ông trả lời khô khốc. Đối với tất cả bọn họ, đó là tín hiệu cho thấy mọi chuyện đã trở lại đâu vào đấy.

Ông Péricourt dành cả ngày Chủ nhật để nghỉ ngơi, uống thuốc sắc, và vài viên thuốc mà bác sĩ Blanche đã kê. Ông cũng sắp xếp lại tài liệu, giấy tờ và tìm thấy, trên chiếc khay bạc, gần đồng thư từ, một cái gói bọc bằng thứ giấy nữ tính mà Madeleine để lại cho ông, bên trong có một quyển sổ và một bức thư viết tay đã mở và đã cũ.

Ông nhận ra nó ngay lập tức, ông uống trà, cầm lá thư lên rồi đọc đi đọc lại. Ông dừng lại rất lâu trước đoạn mà đồng đội của Édouard kể về cái chết của nó:

(...) xuất hiện khi đơn vị bọn cháu tấn công một cứ điểm bọn Đức, một cứ điểm mang tính quyết định cho chiến thắng. Con trai bác, người thường đi tiên phong, đã bị đạn bắn trúng tim và hy sinh ngay. Cháu có thể khẳng định với bác rằng cậu ấy đã không đau đớn. Con trai bác, người luôn nói rằng bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ tối cao, đã rất hài lòng được hy sinh như một người anh hùng.

Ông Péricourt là một doanh nhân, ông quản lý các ngân hàng, các chi nhánh ngân hàng thuộc địa, các công ty sản xuất công nghiệp, vì thế ông rất đổi hoài nghi. Ông không tin bất cứ điều gì từ thứ huyền thoại dưng sẵn này, huyền thoại được dàn xếp cho đúng với tình thế, chẳng khác gì một bản in màu đặc biệt dành để an ủi các gia đình. Đồng đội của Édouard có nét chữ đẹp nhưng lại viết bằng bút chì, giấy lại mau cũ, nên chữ nghĩa sắp bị xóa nhòa, như một lời nói dối vụng về có lẽ chẳng ai tin. Ông gấp bức thư lại, bỏ vào phong bì rồi xếp vào ngăn kéo.

Sau đó, ông mở cuốn sổ ra, một cuốn sổ cũ kỹ, dây chun buộc bìa các tông đã rão, tưởng chừng nó đã ba lần đi vòng quanh địa cầu, giống như sổ hành trình của một nhà thám hiểm. Ông Péricourt hiểu ngay đó là những bức vẽ của con trai. Những người lính ngoài mặt trận. Ông biết rằng mình sẽ không thể giờ hết cuốn sổ vẽ đó, rằng để đối diện với thực tế và cảm giác tội lỗi nặng nề này, ông cần có thời gian. Ông dừng lại trước hình ảnh một người lính được trang bị đầy đủ, đội mũ, đang ngồi, hai chân giạng ra và duỗi dài trước mặt, vai thấp, đầu hơi nghiêng, vẻ mặt nhòa. Nếu không có ria mép, anh ta có thể là Édouard, ông tự nhủ. Những năm tháng chiến tranh mà ông không gặp nó, nó có già đi nhiều không nhỉ? Nó có để ria mép như bao người lính khác? Mình đã viết thư cho nó bao nhiêu lần? Ông tự hỏi. Tất cả những bức hình này đều được vẽ bằng bút chì xanh, vậy là nó chỉ có loại bút đó để vẽ? Có lẽ Madeleine đã gửi bưu kiện cho nó? Khi nhớ đến điều đó, ông kinh tởm chính mình, ông nhớ mình đã dặn một trong

mấy cô thư ký: “Nhớ gửi cho con trai tôi một bưu kiện nhé...” cô ta có một thằng con trai ngoài mặt trận, mất tích năm 1914, vào mùa hè, ông Péricourt lại thấy người phụ nữ ấy quay lại văn phòng, hoàn toàn thay hình đổi dạng. Trong suốt cuộc chiến, cô đã gửi bưu kiện cho Édouard như gửi cho chính con trai mình, cô chỉ nói, tôi đã chuẩn bị bưu kiện, ông Péricourt cảm ơn, ông lấy một tờ giấy và viết: “Chúc con bình an, Édouard thân yêu của bố”, rồi ông do dự về cách ký tên, “Bố” dường như không đúng chỗ, “Ông Péricourt” thì có vẻ kỳ cục. Ông viết tắt tên mình.

Ông tiếp tục nhìn anh lính mệt mỏi, suy sụp đó. Có lẽ ông sẽ không bao giờ thực sự biết được con trai mình đã trải qua những gì, sẽ phải bằng lòng với những câu chuyện của kẻ khác, những câu chuyện mà thằng con rể kể ra chẳng hạn, lại là những câu chuyện anh hùng, cũng đối trá như bức thư của đồng đội Édouard, có lẽ ông sẽ chỉ còn những thứ ấy, những lời đối trá, có lẽ ông sẽ không bao giờ biết gì về Édouard nữa. Tất cả đã chết. Ông gấp quyển sổ lại và bỏ vào túi trong áo vest.

Lẽ ra Madeleine không bao giờ cho ông xem quyển sổ đó, nhưng phản ứng của bố làm cô rất ngạc nhiên. Cuộc viếng mộ đột ngột, những giọt nước mắt bất ngờ... Cái khe rãnh ngăn cách Édouard và người bố đối với cô lúc nào cũng như một dữ liệu địa chất, được thiết lập từ thuở xa xưa, như thể hai người đó là hai lục địa nằm trên những mảng địa chất khác nhau, không thể gặp nhau mà không gây ra sóng thần. Cô đã trải qua, đã chứng kiến tất cả. Édouard lớn dần, cô chứng kiến những gì lúc đầu chỉ là hoài nghi rồi ngờ vực ở người bố đã trở thành ruồng bỏ, ác tâm, chối từ, giận dữ, phủ nhận. Édouard vận động theo chiều ngược lại, thứ ban đầu chỉ là nhu cầu được yêu thương, đùm bọc dần dà biến thành khiêu khích, bùng nổ.

Thành lời tuyên chiến.

Bởi vì, tóm lại, cuộc chiến nơi Édouard hy sinh đã nổ ra rất sớm, ngay trong gia đình, giữa một người bố cứng nhắc như người Đức và thằng con trai quyển rũ, hời hợt, hiếu động và có duyên. Cuộc chiến đó đã bắt đầu

bằng những cuộc di chuyển bí mật của các đội quân - thời ấy Édouard tám hay chín tuổi gì đó - những cuộc di chuyển để lộ sự lo lắng từ hai phía. Người bố lúc đầu tỏ ra bận tâm rồi lo lắng. Hai năm sau, khi thằng con trai lớn lên thì không còn chút nghi ngờ gì nữa. Thế là ông trở nên lạnh nhạt, xa cách, khinh bỉ. Édouard thì trở thành một kẻ quậy phá, phản loạn.

Rồi khoảng cách ngày càng được đào sâu, cho đến khi chỉ còn câm lặng, sự câm lặng mà Madeleine không nhớ rõ ngày tháng, trong đó, rốt cuộc, hai bố con không còn nói chuyện với nhau, tránh đánh nhau, tránh đối đầu, thích sự ác ý vô thanh, chuộng sự giả vờ lãnh đạm. Cô phải ngược về rất xa để cố nhớ thời điểm bập bênh trong cuộc xung đột vẫn còn ở tình trạng nội chiến ẩn tàng, liên tục xảy ra những cuộc đụng độ nhỏ lẻ, nhưng không tìm thấy. Hẳn là đã xảy ra một sự kiện gì đó làm ngòi nổ, nhưng cô không xác định được. Một hôm, khi Édouard khoảng mười hai, mười ba tuổi, cô nhận ra rằng hai bố con chỉ còn giao tiếp với nhau qua người thứ ba.

Cô đã trải qua tuổi thiếu niên trong vai trò nhà ngoại giao, phải đứng giữa những kẻ thù không khoan nhượng, phải sẵn sàng tiếp nhận mọi thỏa hiệp, nghe ngóng những lời ca thán từ bên này rồi từ bên kia, xoa dịu những ác ý, vô hiệu hóa liên tiếp những ý đồ ấu đả mới chớm hình thành. Cứ mãi lo cho hai người đàn ông đó, cô không nhận ra mình đã trở nên xấu xí. Không thực sự xấu, chỉ bình thường, nhưng ở cái tuổi mà bình thường có nghĩa là kém xinh hơn nhiều cô gái khác. Xung quanh có quá nhiều người con gái trẻ trung hấp dẫn - đàn ông giàu thì lấy vợ xinh sinh con đẹp - một hôm, Madeleine có thái độ dứt khoát, rõ ràng với vẻ bề ngoài tầm thường của mình. Bấy giờ cô mười sáu, mười bảy tuổi. Bố cô hôn lên trán cô, nhìn cô nhưng không thấy cô. Trong nhà chẳng có người phụ nữ nào để nói với cô nên làm gì, phải xoay xử ra sao, cô phải suy đoán, quan sát, bắt chước những người khác, luôn luôn thua kém một chút. Vốn dĩ cô đã chẳng có nhiều năng khiếu về những chuyện ấy. Cô thấy tuổi thanh xuân của mình, lẽ ra phải là sắc đẹp hay ít nhất là tính cách, lại phai tàn, tươi tắn, bởi vì chẳng có ai quan tâm đến chuyện đó. Cô có tiền, tiền thì nhà Péricourt không thiếu, thậm chí tiền thay cho tất cả, nên cô trả công hậu hĩnh cho

người trang điểm, thợ sửa móng tay, chuyên gia làm đẹp, nhà thiết kế thời trang, nhiều hơn cả mức cần thiết. Madeleine không phải là một phụ nữ xấu, cô là một cô gái không có tình yêu. Người đàn ông mà cô mong chờ một ánh mắt khát khao, người duy nhất có thể mang lại cho cô chút tự tin cần thiết để trở thành một người phụ nữ trẻ hạnh phúc lại là một người bạn rạn, như người ta nói, bạn chuyện lãnh thổ đã bị kẻ thù xâm chiếm, bạn việc kinh doanh, bạn đấu với các đối thủ, bạn chơi chứng khoán, bạn tìm kiếm uy thế chính trị, thứ yếu là bạn cố quên đi thằng con trai (công việc tiêu tốn nhiều thời gian), tất cả những việc khiến ông nói: “À, Madeleine đây à, bố không trông thấy con, vào phòng khách đi con gái yêu của bố, bố đang có việc!” trong khi cô đã thay đổi kiểu tóc hay mặc một bộ váy mới.

Bên cạnh người bố giàu tình thương nhưng không thể hiện ấy, còn có Édouard, Édouard ướm át, mười tuổi, mười hai tuổi, mười lăm tuổi, tràn trề nhựa sống, Édouard kẻ hủy diệt, ngụy trang, diễn viên, điên khùng, quá khích, cháy bỏng, sáng tạo, chính những bức vẽ trên những bức tường cao một mét đã làm cho đám gia nhân hét lên, những con ở thì đỏ mặt phá lên cười, vừa đi vào hành lang vừa cắn nắm tay trước khuôn mặt ông Péricourt trông như mặt quỷ đang cương máu, hai tay chụp lấy cửa quý, đúng và thật không thể tưởng. Madeleine lau nước mắt, gọi ngay thợ sơn đến. Ông Péricourt về, ngạc nhiên vì có thợ ở đó, Madeleine giải thích, một tai nạn trong công việc nội trợ, chẳng có gì nghiêm trọng, bố ạ, ngày đó cô mười sáu tuổi, ông nói, cảm ơn con gái, ông nhẹ nhõm cả người khi có ai đó chăm lo việc gia đình, những công việc thường nhật, không phải việc nào cũng có thể quán xuyến. Bởi vì ông đã cố mọi cách nhưng đều thất bại, người hầu chăm sóc bọn trẻ, quản gia, quản lý, người giúp việc, ai ai cũng bỏ đi hết, cuộc sống thật tồi tệ! Cái thằng Édouard này có gì đó rất là quý quái, nó không bình thường, tôi khẳng định với các vị như vậy. “Bình thường”, hai từ to tát mà ông Péricourt đã bám vào bởi vì chúng có nghĩa để chỉ một dòng họ không hề bình thường.

Thái độ thù địch của ông Péricourt đối với Édouard đã trở nên sâu sắc, và vì những lý do mà Madeleine biết rất rõ: dẫu sao Édouard cũng có dáng

vẻ bề ngoài của một đứa con gái, đã bao lần cô luyện cho nó cười “một cách bình thường”, những buổi tập luyện kết thúc trong nước mắt - như vậy, thái độ của ông Péricourt trở nên thù địch đến nỗi rất cuộc, Madeleine đã rất vui sướng vì hai châu lục đó không bao giờ gặp nhau, như vậy tốt hơn nhiều.

Khi người ta báo cho gia đình biết Édouard hy sinh, cô chấp nhận sự im lặng nhẹ nhõm của ông Péricourt, trước hết bởi vì bố cô là những gì còn lại của cô (như chúng ta thấy, cô cũng có gì đó giống nữ công tước Maria Bolkonsky*, sau là bởi vì chiến tranh đã kết thúc; một cách tồi tệ nhưng dấu sao cũng đã kết thúc. Cô cân nhắc rất kỹ mong muốn đưa hài cốt Édouard về. Cô rất nhớ em trai, khi biết nó ở xa, như trong một xứ sở xa lạ, cô ngao ngán vô cùng. Không được, chính phủ nghiêm cấm. Cô suy nghĩ rất kỹ (lần này cô lại hành động giống như bố mình), rồi khi đã quyết tâm thì không gì có thể ngăn cản cô. Cô dò la tin tức, bí mật tiến hành các thủ tục cần thiết, tìm người, tổ chức chuyển đi, và sau đó, chống lại, rồi không được sự đồng ý của ông Péricourt, cô đi tìm hài cốt của người em trai ở nơi nó đã hy sinh, chôn cất em trai ở nơi một ngày nào đó cô sẽ được chôn cất. Sau đó, cô lấy đại úy Aulnay-Pradelle đẹp trai mà cô đã gặp vào dịp ấy. Mỗi người theo đuổi mục đích của riêng mình.

Nhưng khi kết nối sự bất ổn của bố cô tại Jockey Club rồi tình trạng suy sụp ít thấy ở ông, quyết định đột ngột và bất ngờ đi đến nghĩa trang, nơi không bao giờ ông lai vãng, và cuối cùng, những giọt nước mắt của ông, Madeleine cảm thấy phiền muộn thay cho ông. Cô đau lòng. Cuộc chiến đã kết thúc, hai kẻ thù của nhau đã có thể hòa giải, chỉ có điều một trong hai người đã chết. Ngay cả hòa bình cũng trở thành vô ích. Vào tháng Mười một năm 1919, ngôi nhà thật buồn bã.

Cuối buổi sáng, Madeleine lên gõ cửa phòng làm việc của bố và thấy ông đang đứng suy tư trước cửa sổ. Những người qua đường mang theo hoa cúc, người ta nhiều lần nghe thấy âm vang tiếng nhạc quân hành, Thấy bố mình đắm chìm trong suy tư, để ông thay đổi tư tưởng, cô mời ông cùng ăn

trưa, ông nhận lời mặc dù rõ ràng là ông không đói, vả lại, ông không đựng đến thứ gì, chỉ uống nửa cốc nước, về lo âu.

— Con này...

Madeleine lau miệng và đưa mắt dò hỏi bố.

— Bạn chiến đấu của em con ấy...

— Albert Maillard.

— Ừ, có thể... - Péricourt nói, giả vờ lơ đãng, - cậu ta đã được...?

Madeleine vừa cười vừa tỏ vẻ đồng tình, gật đầu như để khích lệ ông.

— Đã được cảm ơn, dạ, tất nhiên rồi.

Ông im lặng. Đối với ông, đó luôn là nguyên nhân khiến ông bực tức, cái cách hiểu trước ông những gì ông cảm thấy, những gì ông muốn bộc lộ, điều đó khiến ông muốn trở thành một công tước Nicolas Bolkonsky*.

— Không, - ông nói tiếp, - ý bố là, chúng ta sẽ có thể...

— Mời cậu ta, - Madeleine nói, - vâng, tất nhiên rồi, ý hay đấy bố ạ.

Hai người im lặng một lúc lâu.

— Dĩ nhiên, không cần...

Madeleine nhếch một bên lông mày, gần như khoái chí, lần này cô chờ đoạn kết nhưng đoạn kết lại không đến. Trước các hội đồng quản trị, chỉ trong chớp mắt, ông Péricourt có thể ngắt lời bất cứ ai. Trước mặt con gái, ông không thể nói cho hết câu.

— Mà tất nhiên rồi, bố ạ, - cô vừa nói tiếp vừa cười, - không cần phải rêu rao làm gì.

— Chẳng liên quan đến ai cả, - ông Péricourt khẳng định.

Khi nói đến “ai”, ông muốn nói “chồng con”. Madeleine hiểu, cô chẳng mấy may bận tâm.

Ông đứng dậy, đặt khăn xuống, khẽ mỉm cười với cô con gái rồi toan rời phòng.

— À mà này... - ông nói rồi lại dừng một lát, như chợt nhớ ra chi tiết nào đó, - con gọi cho Labourdin được không? Bảo hẳn đến gặp bố.

Khi ông nói kiểu ấy, tức là gấp lăm rồi.

Hai tiếng sau, ông Péricourt tiếp Labourdin trong phòng khách sang trọng, nặng nề, choáng ngợp. Khi gã quận trưởng đi vào, ông không ra đón, cũng không bắt tay anh ta. Họ cứ đứng như vậy. Mặt Labourdin rạng ngời. Như mọi khi, anh ta sốt sắng lao đến, sẵn sàng giúp đỡ, tỏ ra có ích, cống hiến, ban phát, ôi hãn muốn trở thành một gái làng chơi biết bao.

— Anh bạn thân mến...

Câu chuyện luôn bắt đầu theo cách đó. Labourdin rồi rít hết cả lên. Người ta cần, anh ta sẽ giúp. Ông Péricourt biết thằng con rể lợi dụng một số quan hệ của ông và Labourdin mới đây đã bị đẩy vào ủy ban đấu giá có nhiệm vụ quản lý cái vụ nghĩa trang liệt sĩ đó, ông đã không theo dõi sát sao, chỉ bằng lòng với việc ghi nhận thông tin nhưng vẫn nắm được những điều cơ bản. Dầu sao, ngày nào ông cần biết thì Labourdin sẽ nói cho ông biết hết. Và lại, gã quận trưởng đã chuẩn bị sẵn sàng, vì tin chắc rằng mình được mời đến để đề cập về chủ đề đó.

— Dự án công trình tưởng niệm của các anh đến đâu rồi? - ông Péricourt hỏi.

Bị bất ngờ, Labourdin chặc lưỡi, mở to con mắt gà gô.

— Thưa chủ tịch...

Ai anh ta cũng gọi là “chủ tịch” bởi vì, bây giờ, ai cũng là chủ tịch của cái gì đó, giống như “dottore” ở Ý còn Labourdin thì thích những phương án đơn giản và tiện dụng.

— Thưa chủ tịch, nói thật là... - Anh ta bối rối.

— Đúng vậy, - Péricourt khích lệ, - cho tôi biết hết đi, như thế là tốt nhất.

— Thì là...

Labourdin không có đủ trí tưởng tượng để nói dối, dù là nói dối dở ẹc. Vì thế anh ta nói:

— Dự án... chưa đâu vào đâu cả!

Một sự đã rồi hay ho.

Đã một năm nay, anh ta không thể giữ được dự án đó. Bởi vì một người lính vô danh ở Khải hoàn môn vào năm tới, ai cũng thấy như vậy thì rất tốt nhưng mà chưa đủ; cư dân quận và các hội cựu chiến binh muốn có một đài tưởng niệm riêng. Mọi người đều đòi hỏi, người ta đã biểu quyết tại Hội đồng.

— Thậm chí người ta đã bổ nhiệm các vị trí!

Như thế để nói rằng Labourdin coi chuyện này nghiêm túc đến mức nào.

— Nhưng có những trở ngại, thưa chủ tịch, nhiều trở ngại lắm! Ông không thể hình dung được đâu!

Anh ta mệt đứt cả hơi, có quá nhiều khó khăn. Trước hết là kỹ thuật. Phải tổ chức quyên góp, mở một cuộc thi, nghĩa là phải mời hội đồng đánh giá, tìm một vị trí, nhưng chẳng còn chỗ nào cả, đó là chưa kể người ta đã định giá dự án.

— Những thứ ấy mắc lắm!

Người ta tranh luận liên miên và luôn có gì đó khiến dự án phải trì hoãn, một số người muốn một công trình bề thế hơn công trình của quận bên, người ta nói về bia tưởng niệm, về tranh tưởng niệm, mỗi người theo đuổi bình luận của mình, lấy kinh nghiệm của mình ra để mà kết luận... Ngán ngấm trước những tranh luận và cãi cọ không hồi kết, Labourdin đập tay lên bàn sau đó đội mũ và đi xả hơi ở nhà thổ.

— Bởi vì vấn đề là tiền, chủ tịch thấy đấy... Ông cũng biết là chẳng còn xu nào. Cho nên tất cả đều dựa vào tiền quyên góp của nhân dân. Nhưng sẽ thu được bao nhiêu? Giả dụ ta chỉ huy động được nửa số tiền xây công trình thì số tiền còn lại kiếm đâu ra? Như thế chúng ta sẽ bị vương ngay!

Anh ta để trôi qua một giây đầy ý nghĩa để ông Péricourt lường được hậu quả bi đát ấy.

— Ta không thể nói với họ, “Lấy tiền về đi, vụ này kết thúc rồi”, chủ tịch hiểu chứ ạ? Mặt khác, nếu không gom đủ tiền rồi đi dựng lên một công trình kỳ cục thì trước cử tri chẳng biết ăn nói ra sao, đó là điều tệ hơn cả, chủ tịch hiểu chứ ạ?

Ông Péricourt hiểu cả.

— Em thề với chủ tịch đấy, - Labourdin kết luận, bối rối trước một nhiệm vụ quá nặng nề, - chuyện có vẻ đơn giản nhưng trên thực tế thì khó-vô-cùng.

Anh ta đã giải thích hết. Anh ta kéo xéch quần lên, ý nói: giờ tôi muốn uống cái gì đó. Péricourt cân nhắc xem ông khinh bỉ con người này đến nhường nào, mặc dù đôi khi anh ta có những phản xạ đáng ngạc nhiên. Chẳng hạn như câu hỏi này:

— Nhưng, thưa chủ tịch... tại sao chủ tịch lại hỏi em thế?

Những kẻ ngu dốt đôi khi cũng khiến người ta ngạc nhiên. Câu hỏi đó không ngờ ngẩn bởi vì ông Péricourt đâu có sống trong quận do anh ta quản lý. Thế tại sao ông ta lại xía vào vụ công trình tưởng niệm ấy? Trực giác ấy rất đúng, rất sáng suốt, mà lại của Labourdin nữa chứ, bằng chứng cho thấy đây là một tai nạn tư duy. Với một người thông minh, nhất là với một người thông minh, ông Péricourt không bao giờ hạ cố đi đến sự thành thật, vả lại, có lẽ ông không có khả năng làm như vậy, nên trước một kẻ đần độn như thế này... Và rồi, ngay cả khi ông muốn thế thì vẫn là một chuyện quá dài dòng.

— Tôi muốn giúp, - ông nói xẵng. - Công trình của các anh, tôi sẽ chi tiền. Toàn bộ.

Labourdin há hốc miệng, nháy mắt, tốt, tốt, tốt...

— Hãy tìm địa điểm đi, - Péricourt nói tiếp, - cần thiết thì cho san bằng. Phải làm cho đẹp, đúng không nào? Tốn bao nhiêu thì tốn. Hãy tổ chức một cuộc thi, hãy thành lập hội đồng đánh giá cho có lệ, nhưng tôi là người quyết định vì tôi là người chi trả toàn bộ. Còn về việc công khai vụ này...

Ông Péricourt có kinh nghiệm làm nghề quản lý ngân hàng, một nửa tài sản của ông kiếm được từ sànp chứng khoán, nửa kia kiếm được từ việc khai thác các ngành sản xuất công nghiệp khác nhau. Nếu ông theo con đường chính trị có lẽ cũng sẽ rất dễ; nhiều bạn làm ăn của ông đã bị cuốn vào đó nhưng chẳng làm ăn gì được cả. Sự thành công của ông là dựa vào kiến thức, ông rất ghét kiểu thành công phụ thuộc vào những tình huống bấp bênh, đôi khi còn ngờ ngẩn, như là bầu cử. Vả lại, ông không có máu làm

chính trị. Để làm chính trị thì trước hết phải có cái tôi; không, mảnh khóc của ông chính là tiền. Mà tiền thì ưa bóng tối. Ông Péricourt coi sự kín đáo như một phẩm cách vậy.

— Còn về việc công khai thì dĩ nhiên tôi không muốn. Hãy thành lập một tổ chức từ thiện, một hiệp hội gì đó tùy ý anh, tôi sẽ cấp đầy đủ những gì cần thiết. Tôi cho anh một năm. Ngày 11 tháng Mười một sang năm, tôi muốn công trình được khánh thành. Trên công trình phải khắc tên của tất cả những tử sĩ sinh ra ở quận. Anh hiểu chứ? Tất cả.

Quá nhiều thông tin trong một lúc: Labourdin phải mất một thời gian mới nắm bắt được. Khi anh ta kết nối được các thông tin, hiểu được những gì còn phải làm, hiểu được ông chủ tịch đang sốt ruột muốn được vâng lời đến mức độ nào thì ông Péricourt đã chìa tay về phía anh ta. Labourdin trong lúc bối rối đã tưởng bờ bèn chìa tay ra, để rồi bị hẫng, bởi vì ông Péricourt chỉ vỗ vai anh ta rồi quay về căn hộ của mình.

Đắm chìm trong suy tưởng, ông Péricourt đứng trước cửa sổ, hững hờ nhìn đường phố. Édouard không có tên trong lăng mộ của dòng họ, được thôi.

Thế thì ông sẽ xây một công trình tưởng niệm. Thật thích hợp. Sẽ có tên nó, cùng tất cả các bạn chiến đấu của nó.

Ông tưởng tượng công trình tưởng niệm đó trong một khuôn viên nhỏ.

Ngay ở trung tâm quận nơi nó đã sinh ra.

Dưới trời mưa tầm tã, hộp đựng giày kẹp rách, bàn tay trái băng bó, Albert đẩy rào chắn bước vào một khoảnh sân nhỏ nơi chất đống những rầm cửa, bánh xe, mui xe ngựa đã bục, ghế dựa gãy, những thứ vô bổ, không biết chúng được mang đến đây bằng cách nào và để làm gì. Bùn ngập khắp nơi, và Albert thậm chí còn không tìm cách bước trên những viên gạch lát được xếp theo hình bàn cờ, bởi vì mưa lụt mới đây đã đẩy gạch rời xa nhau quá, cho nên có lẽ phải nhảy như làm xiếc thì mới không bị ướt chân. Anh không còn giày cao su từ khi đôi sau cùng bị hỏng, dù sao đi nữa, tay ôm hộp các tông đầy ống thủy tinh mà nhảy như vũ công thì... Anh nhón chân đi qua sân, đến một ngôi nhà nhỏ, có một tầng đã được quy hoạch lại để cho thuê với giá hai trăm quan, chẳng là gì so với giá tiền thuê nhà trung bình ở Paris.

Họ đã chuyển đến đây sống vào tháng Sáu, ít lâu sau khi Édouard trở lại làm dân thường.

Hôm đó, Albert đến đón Édouard ở bệnh viện. Dù ít tiền nhưng anh cũng bấm bụng đi taxi. Từ khi cuộc chiến kết thúc, người ta đã thấy nhiều người cụt tay cụt chân đủ loại - trong lĩnh vực này, chiến tranh cũng có một trí tưởng tượng không thể ngờ - nhưng sự xuất hiện của quái vật Golem*—khập khiễng trên cái chân cứng đờ với một lỗ thủng ngay giữa mặt vẫn làm cho tay tài xế người Nga khiếp đảm. Bản thân Albert, mặc dù tuần nào cũng đến bệnh viện thăm bạn, mà còn thấy ngạc nhiên. Ở bên ngoài, ấn tượng mà lỗ thủng ấy tạo nên không hề giống như khi ở trong phòng. Như thể người ta dắt một động vật vườn thú đi dạo ngay trên phố. Suốt chặng đường, họ chẳng nói một câu.

Édouard không có nơi nào để đi. Khi đó Albert đang ở trong một gian phòng chật chội trên tầng bảy áp mái, gió thông thốc thổi, trong hành lang

có chuồng tiêu và vòi nước lạnh, anh rửa ráy trong chậu thau và đi nhà tắm công cộng khi cần. Édouard vào phòng, vẻ như không nhìn nó, ngồi lên một chiếc ghế dựa đặt gần cửa sổ và ngắm đường phố, bầu trời; rồi châm một điếu thuốc qua lỗ mũi phải. Albert hiểu ngay rằng cậu ta sẽ không bao giờ rời xa nơi này nữa và gánh nặng này sẽ nhanh chóng trở thành nguồn sống thường nhật đích thực.

Cuộc sống chung trở nên khó khăn ngay lập tức. Chỉ riêng thân hình của Édouard, lêu nghêu, gầy còm - chỉ những con mèo xám chạy qua trên mái nhà mới gầy hơn - đã choán hết cả chỗ. Gian phòng vốn đã chật hẹp cho một người; hai người thì chẳng khác gì sự chung lộn trong chiến hào. Rất dễ nản. Édouard ngủ dưới sàn, trên một tấm chăn, hút thuốc cả ngày, cái chân cứng đờ duỗi ra phía trước, mắt nhìn cửa sổ. Trước khi đi, Albert chuẩn bị cho Édouard món gì đó, nguyên liệu, ống dẫn, cao su, phễu, Édouard có thể đụng vào hoặc không đụng vào. Suốt ngày, anh ở nguyên một chỗ, một bức tượng muối. Dường như anh để cuộc sống trôi qua như máu chảy ra từ một vết thương. Việc ở bên nỗi khổ đau khủng khiếp đến mức Albert nhanh chóng bịa đủ cớ để ra ngoài. Thực ra, anh chỉ đi ăn tối ở quán Duval, nhưng một mình trò chuyện với một kẻ sần bi như thế khiến tinh thần anh suy sụp kinh khủng.

Anh phát sợ.

Anh hỏi Édouard về tương lai của cậu ta, cậu ta định tìm chỗ nương náu ở đâu? Nhưng cuộc tranh luận, đã được khơi gợi nhiều lần, kết thúc ngay khi Albert thấy bạn chiến đấu của mình ủ rũ, đôi mắt đăm lẹ, đôi mắt là thứ duy nhất còn sống trong bức tranh tẻ nhạt đó, ánh mắt điên loạn bộc lộ sự bất lực tuyệt đối.

Thế nên Albert chấp nhận rằng, giờ đây, anh phải chăm lo toàn bộ cho Édouard và trong một quãng thời gian dài dằng dặc, cho đến khi cậu ta đỡ hơn, cho đến khi cậu ta hứng thú trở lại với cuộc sống và có những dự định cho tương lai. Albert ước tính độ dài của thời kỳ lại sức này bằng tháng, không chịu nghĩ rằng tháng không phải là một đơn vị đúng.

Anh mang giấy và màu vẽ, Édouard phác một cử chỉ cảm ơn nhưng không bao giờ mở hộp ra. Cậu ta đâu phải là kẻ ăn chực hay một kẻ thực dụng, cậu ta chỉ là một cơ thể trống rỗng, không khát khao, không ham muốn, dường như không cả tư tưởng; giả như Albert có buộc cậu ta vào chân cầu như một con vật mà người ta không muốn nuôi nữa rồi ba chân bốn cẳng chạy trốn thì có lẽ Édouard cũng chẳng hề oán thán.

Albert biết khái niệm “suy nhược thần kinh”, anh tìm hiểu, hỏi han đó đây, biết thêm cả những “ưu tư”, “trầm uất”, “trầm cảm”, tất cả những thứ đó chẳng mấy có ích cho anh, điều quan trọng nhất đang ở ngay trước mắt anh: Édouard đang chờ chết, và cho dù thời gian chờ đợi là bao lâu, đó vẫn là lối thoát duy nhất, không bằng một sự thay đổi, sự chuyển tiếp giản đơn từ trạng thái này sang trạng thái khác, được chấp nhận bằng thái độ nhẫn nại, như những ông già bại liệt lặng lẽ mà rốt cuộc người ta không còn nhìn thấy nữa, chỉ làm cho người ta ngạc nhiên vào ngày mà họ qua đời.

Albert nói với cậu ta không ngừng nghỉ, tức là anh nói một mình, như một người già trong căn nhà tồi tàn.

— Này, cậu xem, mình có may mắn không này, - anh vừa nói với Édouard vừa làm món trứng rán thịt. - Về chuyện trò ấy mà, có lẽ mình đã gặp phải một thằng đã khó tính lại còn hay chống đối.

Anh thử mọi cách để làm cho thằng bạn chiến đấu của mình vui tươi lên, bởi vì anh muốn cải thiện tình trạng của cậu ta, và để thấu hiểu điều vẫn còn là một bí ẩn đối với anh, kể từ ngày đầu tiên: Édouard sẽ làm thế nào khi cậu ta muốn cười sáng khoái? Có lẽ khả dĩ nhất là cậu ta phát ra những tiếng the thé trong cổ họng, giống như những tiếng tỉ tê khiến bạn cảm thấy khó chịu và làm cho bạn có ý muốn giúp đỡ, như khi ta nói từ nào đó để chữa cháy cho một người nói lắp đang bị ngắc ngứ một âm tiết, khá là bực. May mà Édouard ít khi phát ra những âm thanh đó, có vẻ đó là việc làm cậu ta mệt nhất. Nhưng vấn đề cười thì Albert không thể nào giải quyết được. Và lại, từ khi bị chôn vùi dưới đất, đó không phải là suy nghĩ duy nhất gần giống với một nỗi ám ảnh. Ngoài căng thẳng, lo lắng thường trực và sợ hãi tất cả những gì có thể xảy đến, anh bị những ám ảnh giày vò đến

kiệt sức, như mới đây, anh chăm chăm nghĩ đến việc tái tạo cái đầu ngựa chết. Anh đã cho đóng khung bức tranh của Édouard, dù tốn tiền. Đó là vật trang trí duy nhất trong phòng. Để khích lệ bạn tiếp tục vẽ, hoặc chỉ đơn giản là làm gì đó cho hết ngày, thỉnh thoảng anh đứng trước mặt cậu ta, tay cho vào túi quần, vừa ngắm nghía bức tranh một cách phô trương vừa bảo rằng anh chàng Édouard này thực sự, thực sự có tài, và nếu anh ta muốn... Nhưng chẳng được tích sự gì, Édouard châm một điếu thuốc khác, bằng lỗ mũi trái hay phải gì đó, và mãi miết ngắm nhìn những mái nhà bằng kẽm và những ống khói, những thứ tạo nên phần cơ bản nhất của cảnh quan. Anh chẳng thích thú gì, chẳng có dự định nào trong suốt từng ấy tháng năm viện, nơi anh dành phần lớn sức lực để phản đối mệnh lệnh của các thầy thuốc, bác sĩ phẫu thuật, không chỉ vì anh không chấp nhận tình trạng mới của mình mà còn bởi anh không thể nào hình dung được ngày tiếp theo, tương lai anh sẽ ra sao. Thời gian đã đột ngột dừng lại khi quả pháo nổ. Édouard còn tệ hại hơn một cái đồng hồ treo tường hỏng, chỉ ít thì đồng hồ hỏng cũng còn cho ta biết thời giờ chính xác hai lần mỗi ngày. Anh hai mươi tư tuổi, và một năm sau ngày bị thương, anh vẫn không thể trở lại thành thứ gì đó giống với con người trước đây của mình. Không thể khôi phục bất cứ điều gì.

Édouard đã thần thờ rất lâu, căng mình trong thái độ kháng cự mù quáng, giống như những người lính khác, theo cách người ta vẫn nói, bất động trong tư thế khi người ta tìm ra họ, co quắp, rúm ró, quăn queo, những gì cuộc chiến này đã tạo ra thật điên rồ. Sự khước từ của anh được thể hiện trên gương mặt của giáo sư Maudret, một kẻ đều cáng theo ý anh, quan tâm đến y học và những tiến bộ của ngành phẫu thuật hơn là quan tâm đến bệnh nhân; nhận định này có lẽ vừa đúng vừa sai, nhưng Édouard là kiểu người quyết đoán, mặt anh có một lỗ thủng ngay chính giữa và anh không phải kiểu người hay cân nhắc. Anh bấu víu vào moóc phin, dùng toàn bộ sức lực để tìm cách được kê moóc phin, hạ mình dùng đến những mưu hèn kế bẩn không hề xứng với anh, van xin, gian lận, yêu sách, giả bộ, ăn cắp, có lẽ anh nghĩ rằng moóc phin có thể giết chết mình, tội mặc kệ, luôn luôn phải

dùng nhiều hơn, và vì anh khăng khăng từ chối tất cả, ghép mặt, dùng bộ phận giả, thiết bị hỗ trợ, rốt cuộc giáo sư Maudret đã tống anh ra ngoài; quá mệt với loại người này, đề xuất với họ những đột phá mới nhất trong ngành phẫu thuật thì họ lại thích giữ nguyên hiện trạng, họ nhìn chúng tôi như thể chính chúng tôi là những người đã nã pháo vào họ. Đồng nghiệp của họ là các bác sĩ tâm thần (anh lính Larivière đã gặp nhiều, nhưng vốn là một người khép kín, ương bướng, anh không bao giờ trả lời họ), và các bác sĩ tâm thần thì có những lý thuyết về sự cự tuyệt bướng bỉnh của loại thương binh đó; giáo sư Maudret phớt lờ những cách lý giải này, ông ta nhún vai, muốn dành thời gian và khoa học cho những người xứng đáng để ông làm việc với cường độ đó. Ông ta ký giấy xuất viện mà chẳng thèm nhìn mặt Édouard.

Édouard ra viện cùng với các đơn thuốc, một liều moócphin cực nhỏ và cả đồng giấy tờ mang tên Eugène Larivière. Vài giờ sau, anh ngồi trên một chiếc ghế dựa trước cửa sổ, trong căn hộ bé xíu của đồng đội; sức nặng của cả thế giới đè lên vai anh, như thể anh vừa bước vào xà lim sau khi bị kết án chung thân.

Cho dù không thể kết nối các ý với nhau, Édouard vẫn nghe Albert nói về cuộc sống thường nhật, cố gắng tập trung, ừ tất nhiên rồi, phải nghĩ đến chuyện tiền nong, đúng như vậy, anh sẽ làm gì bây giờ, làm gì với tấm thân to lớn của mình, không thể vượt qua nhận định đơn giản đó, trí lực anh chuội đi như nước đổ lá khoai; khi anh tỉnh lại thì trời đã tối, Albert đi làm về, hoặc ngay giữa trưa và cơ thể anh đòi được tiêm moócphin. Dù sao anh cũng cố gắng, thực sự cố tưởng tượng những gì sắp xảy ra, nắm tay anh siết lại, chẳng được gì cả, suy nghĩ của anh lỏng toẹt, kẽ hở nhỏ nhất cũng lọt qua, bị xóa nhòa ngay, nhường chỗ cho những nghiên ngẫm triền miên. Quá khứ của anh như một dòng sông, lộn xộn, chẳng trước chẳng sau. Hình ảnh trở đi trở lại thường xuyên là mẹ anh. Anh chỉ còn nhớ rất ít về mẹ, và với những gì ít ỏi còn sót lại, anh bám riết vào đó; những hồi ức mơ hồ, tập trung vào những cảm giác, mùi hương xạ mà anh cố tìm lại, bàn trang điểm màu hồng của mẹ với chiếc ghế tròn có túp len, những lọ kem, những cái

bàn chải, lớp vải xa tanh mượt mà anh đã níu lấy vào buổi tối khi mẹ cúi xuống người anh, hoặc tấm lặc bằng vàng mà bà cúi xuống mở ra cho anh xem như một điều bí mật. Trái lại, anh chẳng nhớ gì về giọng nói của bà, về những gì bà nói, về ánh mắt của bà. Mẹ anh đã tan biến trong ký ức anh, chịu chung số phận với tất cả những người còn sống mà anh từng quen biết. Phát hiện này khiến anh sửng sốt. Từ ngày anh không còn mặt, tất cả những gương mặt khác cũng bị xóa nhòa. Những gương mặt của mẹ anh, bố anh, bạn bè anh, của những người anh yêu, của các thầy cô giáo, của chị Madeleine... Chị Madeleine cũng trở về nhiều lần. Không có gương mặt chị, những gì còn lại chỉ là tiếng cười. Anh không biết có tiếng cười nào lạnh lốt hơn thế. Édouard đã làm những điều kỳ quặc để nghe tiếng cười đó và việc đó cũng không đến nỗi khó lắm, một bức vẽ, hai điệu bộ nhăn nhó, bức biếm họa về một người ở - bọn người ở cũng cười bởi vì Édouard không hề ác ý, rõ ràng là thế - nhưng đặc biệt là màn hóa trang, anh vô cùng thích hóa trang và cực kỳ tài giỏi về khoản này, hóa trang mà chẳng mấy đã biến thành giả trang. Với màn trang điểm, tiếng cười của Madeleine có phần gượng gạo, không phải vì chị, không đâu, mà “vì bố, chị bảo, bố mà thấy thế này”. Chị cố gắng để mắt đến mọi thứ, đến từng chi tiết. Đôi khi, tình huống trở nên vượt quá tầm kiểm soát của chị, và sẽ là những bữa ăn tối lạnh nhạt, nặng nề, bởi vì Édouard đã xuống, giả vờ quên lau chùi mascara. Ngay khi nhận ra, ông Péricourt đứng dậy, đặt khăn ăn xuống và yêu cầu con trai bước ra khỏi bàn ăn, này, gì thế, Édouard hét toáng lên, về bực bội một cách giả tạo, con có làm gì nữa đâu, nhưng khi ấy chẳng ai cười cả.

Những gương mặt đó, kể cả gương mặt của anh, đã biến mất, chẳng còn gương mặt nào. Trong một thế giới không có mặt, người ta còn biết bầu vú vào cái gì, đánh nhau với ai? Với anh, đó chỉ còn là một thế giới gồm những hình người bị chặt đầu, trong đó, do quy luật bù trừ, tỷ lệ giữa các phần cơ thể tăng lên gấp bội, chẳng hạn như những bộ phận nặng nề trên cơ thể của bố anh. Những cảm giác về thời ấu thơ nổi lên như bọt nước, khi là cơn rùng mình thú vị bởi run sợ xen lẫn khâm phục khi tiếp xúc với ông,

khi là cách ông vừa nói vừa mỉm cười: “Phải không, con trai?” và bắt anh làm chứng trong những cuộc tranh luận của người lớn và về những chuyện mà anh không hiểu. Tưởng chừng như trí tưởng tượng của anh đã trở nên nghèo nàn, chỉ còn là những hình ảnh sẵn có. Thế nên, đôi khi anh thấy dường như ngay trước bố anh là một cái bóng mênh mông, đặc sệt như con yêu tinh trong những bộ ảnh. Và cả tấm lưng của bố anh nữa! Tấm lưng rộng và kinh khủng, đến mức anh thấy lưng bố cũng lớn bằng cả người anh, lấn át anh, chỉ riêng tấm lưng thôi cũng biết cách thể hiện sự lãnh đạm, xem thường, chán ghét.

Trước đây Édouard từng căm thù bố mình, giờ thì đã hết: hai người đã gặp nhau trong sự khinh bỉ có đi có lại. Đời Édouard đã tàn bởi đến lòng hận thù cũng không còn để mà chống đỡ. Cả trong cuộc chiến này, anh cũng đã thua.

Thế nên, ngày tháng trôi qua, trở đi trở lại là những hình ảnh, những buồn đau, Albert đi đi về về. Khi phải tranh luận (Albert luôn muốn tranh luận), Édouard ngoi lên từ giấc mơ của mình, đã tám giờ tối, thậm chí anh còn không bật đèn. Albert hăng say như một con kiến, nói năng rất hào hứng, điều quan trọng nhất, đó là những khó khăn liên quan đến tiền bạc. Ngày nào Albert cũng xông vào những cửa hàng Vilgrain mà chính phủ đã mở cho những người nghèo khổ nhất, và bảo rằng cái gì cũng thế, vèo cái là hết. Anh không bao giờ nhắc đến giá moóc phin, đó là cách anh thể hiện mình là người tế nhị. Thường thì anh nói về chuyện tiền nong, nhưng với giọng điệu hầu như vui vẻ, như thể đó chỉ là sự túng thiếu tạm thời, sau này nhớ lại chắc vui lắm, giống như ngoài mặt trận, để thêm vững tin, đôi khi người ta xem chiến tranh đơn giản chỉ là một biến thể của nghĩa vụ quân sự, một công việc cực nhọc nhưng rồi sẽ để lại những kỷ niệm tốt đẹp.

Với Albert, vấn đề kinh tế sẽ được giải quyết ổn thỏa, chỉ có điều chưa biết khi nào mà thôi, phụ cấp thương binh của Édouard sẽ làm giảm gánh nặng về tài chính, sẽ giúp trang trải những nhu cầu của bạn anh. Một người lính đã hy sinh cuộc đời mình cho Tổ quốc mà mãi mãi không bao giờ có thể tiếp tục cuộc sống bình thường, một trong những người lính đã chiến

thắng, đã bắt nước Đức phải quỳ gối... đó là một chủ đề mà Albert nói không biết chán, anh cộng phụ cấp phục viên, phụ cấp giải ngũ, phụ cấp thương binh, phụ cấp tàn tật...

Édouard lắc đầu từ chối.

— Sao lại không? - Albert hỏi.

Hóa ra là, anh nghĩ, Édouard chưa làm các thủ tục, chưa điền và gửi các loại giấy tờ.

— Mình sẽ làm, ông bạn ạ, - Albert nói, - đừng lo.

Édouard lại lắc đầu. Và vì Albert vẫn không hiểu, anh lại gần bảng giao tiếp rồi lấy phấn viết: “Eugène Larivière”.

Albert nhú mày. Édouard liền đứng dậy, moi từ ba lô ra một tờ giấy nhàu nát có tên: “Thủ tục làm hồ sơ xin tiền thưởng hoặc phụ cấp”, với danh sách các giấy tờ cần cung cấp để được xét duyệt. Albert dừng mắt trước những loại giấy tờ mà chính Édouard đã gạch chân bằng bút đỏ: Chứng thực nguồn gốc vết thương hay bệnh tật - Phiếu kê những số y bạ đầu tiên liên quan đến phiên chế và bệnh xá - Phiếu sơ tán - Giấy nhập viện đầu tiên...

Cú sốc quá lớn.

Dẫu sao như vậy là đương nhiên. Chẳng có Eugène Larivière nào trong danh sách những người bị thương ở cứ điểm 113 và đã nhập viện. Người ta có thể tìm ra một Édouard Péricourt, đã được sơ tán và sau đó chết vì vết thương quá nặng, rồi sau đó là một Eugène Larivière được chuyển đi Paris, nhưng chỉ cần kiểm tra sơ qua giấy tờ hành chính thôi cũng đủ biết chuyện này không thể ổn thỏa, anh thương binh đã được nhập viện Édouard Péricourt và Eugène Larivière không phải là một vì hai ngày sau Larivière đã xuất viện để được chuyển đến Bệnh viện Rollin ở đại lộ Trudaine. Không thể nào cung cấp những giấy tờ cần thiết.

Édouard đã thay đổi danh tính, anh không còn có thể chứng minh được điều gì, anh sẽ không hưởng bất cứ thứ gì.

Nếu người ta điều tra ngược về trước, kiểm tra sổ sách, giấy tờ, lần ra cái mẹo ấy, việc giả mạo giấy tờ ấy thì thậm chí còn ngòi tù chứ mong gì được

hưởng phụ cấp.

Chiến tranh đã tôi luyện tâm hồn Albert để hứng chịu khổ sở, nhưng lần này, kiệt sức, anh thấy tình thế này như một điều bất công. Tệ hơn nữa, như một sự phủ nhận. Mình đã làm gì? Anh hoảng hốt, dẫn vật. Cơn giận sục sôi trong lòng anh từ ngày giải ngũ bỗng bùng ra, anh đập đầu thật mạnh vào vách ngăn, cái khung lồng bức tranh vẽ con ngựa rơi xuống, mặt kính nứt đôi, Albert ngồi bệt xuống đất, ngơ ngẩn, trán anh sưng một cục gần hai tuần.

Mắt Édouard vẫn còn đăm lẹ. Thế nhưng không nên khóc nhiều trước mặt Albert vì thời gian đó, hoàn cảnh riêng cũng đã khiến cậu ta rất dễ rớt nước mắt... Édouard hiểu điều đó, anh chỉ đặt tay lên vai Albert. Anh cảm thấy hối hận kinh khủng.

Phải nhanh chóng tìm một chỗ ở cho hai người, một bị mắc chứng cuồng ám, một bị tàn tật. Albert chỉ có một khoản tiền không đáng kể. Báo chí tiếp tục rêu rao là Đức sẽ bồi thường toàn bộ những gì họ đã phá hoại trong chiến tranh, gần nửa đất nước. Trong khi chờ đợi, giá sinh hoạt không ngừng tăng cao, tiền trợ cấp chưa được thanh toán, tiền thưởng chưa được trả, giao thông thì lộn xộn, hàng cung ứng thì thất thường, thế nên người ta mới buôn lậu, nhiều người phải xoay xở để mà sống, trao đổi cho nhau những vụ làm ăn có lãi, người này quen người khác, người khác lại quen người khác nữa, người ta chuyển cho nhau những mẹo làm ăn, những địa chỉ quan trọng, và cứ thế, Albert đến số 9 ngõ Pers, trước một ngôi nhà tư sản, nơi đã có đến ba người thuê nhà sống chen chúc với nhau. Trong sân có một nhà kho nhỏ, giờ dùng để chất đồ lặt vặt, còn tầng hai chưa có người ở. Tạm bợ, nhưng rộng rãi, có lò sưởi than, rất ấm, hơn nữa trần nhà không cao lắm, có nước ngay ở dưới, hai cửa sổ rộng và một tấm màn có hình những người chẵn cừ, lũ cừ và những cây cọc sợi, bị rách ở ngay giữa và được vá lại bằng chỉ lớn.

Albert và Édouard chuyển nhà bằng xe kéo, xe tải thì quá đắt. Lúc ấy là đầu tháng Chín.

Chị chủ nhà mới, chị Belmont, đã mất chồng vào năm 1916 và mất anh trai một năm sau. Chị còn trẻ, có lẽ xinh đẹp, nhưng đã chịu nhiều đau khổ đến mức người ta không còn biết chị có xinh đẹp không nữa. Chị sống với cô con gái tên là Louise, chị bảo mình rất yên tâm khi có “hai người đàn ông trẻ tuổi” đến ở, bởi vì, chỉ có một mình trong ngôi nhà lớn này, trong ngõ hẻm này, chị không thể trông cậy vào ba người hiện đang thuê nhà nếu có vấn đề, vì họ đều đã già. Chị sống qua ngày đoạn tháng một cách tùng tiệm bằng tiền cho thuê nhà và giúp việc cho nhà này nhà khác. Thời gian còn lại, chị đứng bất động sau cửa sổ, nhìn đồng hồ linh tinh mà trước đây chồng chị tấp một chỗ, giờ đã thành vô ích và han gỉ trong sân. Albert chỉ cần nghiêng người qua cửa sổ là nhìn thấy chị.

Con gái của chị, Louise, là một cô bé rất tháo vát. Mười một tuổi, mắt như mắt mèo, những nốt tàn nhang chẳng biết để làm gì. Và là một bé gái rất lạ. Đôi khi hiếu động như nước từ khe đá chảy ra, nhưng lúc sau lại trầm tư, bất động như một bức tranh chạm trổ.

Nó ít nói, Albert chưa từng nghe giọng nó nói đến ba lần, và nó không cười bao giờ. Dù thế, nó xinh lắm, nếu đà này mà lớn lên, nó sẽ khiến bọn con trai suốt ngày ầu ả tranh giành. Albert chưa bao giờ hiểu làm thế nào nó có thể chinh phục được Édouard. Thường thì cậu ta chẳng muốn gặp ai, nhưng con bé này, chẳng ai có thể ngăn cản nó. Ngay những ngày đầu tiên, nó đã ở đó, rình dưới chân cầu thang. Trẻ con thường tò mò, nhất là con gái, ai chả biết thế. Mẹ nó hẳn đã nói cho nó biết về người thuê nhà mới đến.

— Có vẻ không ưa nhìn. Đến mức không bao giờ dám ra ngoài, người bạn chăm sóc chú ấy đã nói với mẹ như vậy.

Thế là, tất nhiên rồi, chẳng có cách nói nào hay hơn để kích thích trí tò mò của một bé gái mười một tuổi. Nó sẽ chán thôi... Albert nghĩ. Nhưng không hề. Cứ thấy nó ngồi trên một bậc thang ở phía trên, gần cửa ra vào, cứ thế nó chờ và hễ có dịp là ngó mắt vào trong, Édouard bèn mở toang cánh cửa. Cô bé đứng ở ngưỡng cửa, miệng hé mở “ô” lên một tiếng tròn trịa, dễ thương, mắt giương to, không nói một từ nào. Phải nói rằng gương

mặt Édouard thực sự dễ sợ với cái lỗ hờ hoác đó, răng hàm trên có vẻ như lớn gấp đôi thực tế, chẳng có gì giống với những thứ ta từng biết cả. Và lại, Albert đã không úp mở, nói với Édouard: “Ông bạn ạ, nhìn cậu ai cũng phát khiếp, chưa ai thấy một bộ mặt như thế cả, ít nhất cậu cũng nên quan tâm đến những người khác.” Anh nói thế để cậu ta quyết tâm ghé mắt, chẳng phải thế. Để đưa ra bằng chứng, Albert chỉ cửa ra vào nơi cô bé đã hoảng hốt chạy trốn khi thấy cậu ta. Édouard, chẳng hề nao núng, chỉ rít thêm một hơi thuốc lá qua một lỗ mũi bằng cách bịt lỗ kia, anh nhả khói ra cũng bằng đường đó bởi vì, qua cổ họng thì thực sự không được, Édouard, Albert nói, mình không thể chịu nổi, nói thật với cậu là mình sợ lắm, chẳng khác một miệng núi lửa đang phun trào, mình thề với cậu đấy, cậu thử nhìn mình trong gương mà xem, rồi cậu sẽ thấy, v.v... Albert mới đón Édouard về vào trung tuần tháng Sáu, giờ họ đối xử với nhau như một đôi bạn lâu năm. Cuộc sống thường nhật thì khó khăn, tiền vẫn luôn thiếu, nhưng như vẫn thường xảy ra, những khó khăn đó đã khiến hai người xích lại gần nhau, gắn bó keo sơn. Albert rất nhạy cảm với bi kịch của bạn mình và anh không bao giờ quên rằng, nếu cậu ta không đến cứu anh... hơn nữa lại vào lúc chỉ còn vài ngày nữa là kết thúc cuộc chiến. Còn Édouard thì cảm nhận được Albert đơn độc đến mức nào khi một mình phải gánh vác đến hai cuộc đời, anh nỗ lực hết mình để giảm nhẹ gánh nặng đó, nên kể cả việc nội trợ cũng không từ, tôi nói là một cặp đôi đích thực mà.

Cô nhóc Louise lại xuất hiện vài ngày sau vụ bỏ chạy đầu tiên. Albert nghĩ rằng khi nhìn thấy Édouard, cô bé đã bị mê hoặc. Nó đứng một lúc như trời trồng ở cửa gian phòng lớn. Không báo trước, nó tiến về phía Édouard rồi chìa ngón tay trở về phía mặt anh. Édouard đã quỳ xuống - dĩ nhiên rồi, Albert rồi sẽ thấy nhiều điều kỳ quặc như thế với cậu ta - rồi để cho con bé lấy ngón tay vuốt lên vệt thắm mênh mêng đó. Con bé có vẻ suy tư, chăm chú, tưởng như nó đang làm bài tập, đang tỉ mỉ lấy bút chì tô lên đường viền bản đồ nước Pháp để nhớ hình dạng.

Quan hệ giữa họ bắt đầu từ đó. Đi học về là con bé lên chỗ Édouard. Nó nhặt nhanh cho Édouard những tờ báo cũ ngày hôm trước hoặc tuần trước.

Đó là hoạt động duy nhất của Édouard, đọc báo, cắt các bài báo. Albert đã liếc qua hồ sơ của cậu ta, cậu ta lưu giữ những bài báo mà mình cắt ra, những bài nói về những người đã chết trong chiến tranh, các hoạt động tưởng niệm, danh sách những người mất tích, khá buồn. Édouard không đọc báo Paris, chỉ đọc báo địa phương. Louise luôn tìm được báo cho anh, không biết bằng cách nào. Hằng ngày, hoặc gần như thế, Édouard có một tập báo cũ, có *Ouest-Éclair*, *Rouen*, hay *Miền Đông Cộng hòa*. Con bé làm bài tập trên bàn ăn trong khi cậu ta hút thuốc Capora và cắt báo. Mẹ Louise không có phản ứng gì.

Một buổi tối, vào khoảng trung tuần tháng Chín, Albert về nhà, mệt lử sau một ngày quảng cáo rong; suốt buổi chiều, anh đã đi hết những đại lộ lớn từ Bastille đến đại lộ Cộng hòa, đeo trên người những tấm biển quảng cáo (một bên là thuốc viên Pink: chỉ cần ít thời gian để thay đổi mọi thứ, bên kia là áo nịt Juvenil: Hai trăm kho hàng tại Pháp). Khi vào phòng, anh thấy Édouard đang nằm dài trên chiếc đôn cũ rách nhặt được vài tuần trước đó và anh đã chở về bằng chiếc xe ba gác của một người bạn quen trước đây trong trận Somme, anh bạn này dùng chút sức tàn để kéo xe bằng cánh tay còn lại, đó là cách mưu sinh duy nhất của anh ta.

Édouard đang hút thuốc bằng lỗ mũi và đeo một mặt nạ, màu xanh thẫm, bắt đầu từ phía dưới mũi, trùm hết phần dưới khuôn mặt, xuống đến tận cổ, như chòm râu của một diễn viên bi kịch Hy Lạp. Màu xanh đậm nhưng sáng sủa, điểm những chấm vàng li ti, như thể người ta đã rải vảy vàng lên đó trước khi sấy khô.

Albert tỏ vẻ bất ngờ. Tay Édouard phác một động tác đầy kịch tính, vẻ như muốn hỏi: “Thế nào, cậu thấy mình sao?” Rất là lạ. Lần đầu tiên kể từ ngày quen biết, Albert thấy ở cậu ta một biểu hiện đúng là của con người. Thực ra, không thể nói khác đi được, trông rất đẹp.

Khi đó, Albert nghe một tiếng bước chân êm êm phía bên trái, anh quay đầu và chỉ kịp thấy Louise chạy xuống cầu thang rồi biến mất. Anh vẫn chưa bao giờ nghe tiếng con bé cười.

Những chiếc mặt nạ đã ở lại, cũng như Louise.

Vai ngày sau, Édouard mang một chiếc mặt nạ khác trắng tinh, trên đó có vẽ một cái miệng lớn đang tươi cười. Phía trên là đôi mắt long lanh rạng ngời niềm vui, cậu ta giống một diễn viên kịch người Ý, Sganarelle* hay Pagliaccio*—gì đó. Từ hôm đó, báo đọc xong, Édouard nhồi thành bột giấy để làm những chiếc mặt nạ trắng như phấn, sau đó cả Louise và anh cùng vẽ hoặc tô. Lúc đầu chỉ là một trò chơi, giờ đã nhanh chóng trở thành một công việc đúng nghĩa. Louise đúng là một đạo cô vĩ đại, cứ thấy thủy tinh giả ngọc, ngọc trai, vải, dạ phớt màu, lông đà điểu, da rắn giả là mang về. Ngoài báo ra, chạy khắp nơi để mang những thứ lặt vặt đó về hẳn là một công việc thực sự chứ chẳng chơi, bản thân Albert có lẽ cũng chẳng biết kiếm đâu ra.

Édouard và Louise dành hết thời gian làm mặt nạ. Không bao giờ Édouard mang một mặt nạ hai lần, có cái mới thì anh bỏ cái cũ, anh treo nó lên tường như những chiến lợi phẩm săn bắn, hoặc như cách trưng bày trong một cửa hàng bán đồ giả trang.

Tám giờ rưỡi tối, Albert về đến phía dưới cầu thang, tay ôm chiếc hộp các tông.

Dù đã được bác sĩ Martineau băng bó nhưng bàn tay trái của anh, bàn tay bị tên Hy Lạp chém, vẫn đau khủng khiếp, cảm xúc trong anh lẫn lộn. Món hàng này, nhờ lao tâm khổ tứ mới có, mang lại cho anh một chút thư thái; việc tìm kiếm moóc phin quá mất thời gian và công sức đối với một người như anh, vốn rất nhạy bén với đủ loại cảm xúc, vốn rất mẫn cảm... Đồng thời, anh không thể không nghĩ rằng thứ anh mang về có thể giết bạn anh hai mươi lần, một trăm lần.

Anh tiến ba bước, nhắc tấm vải bạt bụi bặm phủ trên những mảnh vỡ còn sót lại của chiếc xe ba bánh, gạt mớ lộn xộn vẫn đang chất đầy trong thùng ra rồi cho chiếc hộp các tông quý báu của mình vào.

Vừa đi, anh vừa tính nhẩm. Nếu Édouard cứ dùng liều lượng như bây giờ, cũng khá cao chứ chẳng phải không, thì họ có thể yên tâm trong vòng gần sáu tháng tới.

Henri d’Aulnay-Pradelle máy móc liên hệ con cò gắn trên lưới tản nhiệt xe, ở đằng xa phía trước y, với sự phì nộn của Dupré đang ngồi bên cạnh. Không phải vì có nét giống nhau nào đó, trái lại, hoàn toàn trái ngược nhau, thậm chí vì thế mà Henri làm phép so sánh để tạo nên sự đối lập. Nếu không có đôi cánh dài, đuôi cánh thon thon chạm đến đất, hoặc cái cổ dong dỏng cao cực kỳ duyên dáng, kết thúc bằng một cái mỏ cứng cáp thì con cò đang bay có lẽ giống một con vịt trời, nhưng lại to béo hơn... (Henri tìm từ) “tối hậu” hơn, chỉ có Chúa mới hiểu y muốn nói gì. Và những vân sọc trên cánh, y ngưỡng mộ tự nhủ... Như xếp nếp vậy... Cho đến tận đôi chân của nó, cong cong... Dám chắc là cò rẽ không khí trước ô tô mà thậm chí không cần chạm vào, nó mở đường chẳng khác lính trinh sát. Pradelle không khỏi kinh ngạc và thán phục con cò của mình.

So với con cò, Dupré thực sự là một kẻ phì nộn, to béo. Không phải lính trinh sát. Lính bộ binh. Với nét đặc trưng của bộ binh mà bọn này tự nhận là sự trung thực, lòng trung thành, bốn phần, tất cả những thứ ngu xuẩn đó.

Với Henri, thế giới được phân ra hai loại: những kẻ trâu ngựa, bị kết án làm việc nặng nhọc, làm việc một cách mù quáng, làm đến cùng, sống qua ngày đoạn tháng và những con người tinh hoa, cái gì cũng nhờ họ mà có. Vì “chỉ số cá nhân” của họ. Henri thích cách nói này, một hôm y đã đọc được trong một bản báo cáo quân sự và y đã áp dụng.

Dupré, chánh đội Dupré, minh họa một cách tuyệt vời cho loại người thứ nhất: chăm chỉ, vô vị, bướng bỉnh mà lại bất tài, biết nghe lời.

Con cò mà hãng Hispano-Suiza* đã chọn cho H-6-B (động cơ 6 xi lanh, 135 mã lực, 137 km/h!) tượng trưng cho phi đội nổi tiếng do Georges Guynemer*, một phi công xuất sắc, chỉ huy. Cũng tầm cỡ như y, chỉ có

điều Guynemer đã chết còn Henri vẫn sống nhăn, cho nên đảm bảo rằng, không thể chối cãi, y vẫn vượt trội người anh hùng không quân đó.

Một bên là Dupré, quần thì quá ngắn, hồ sơ để trên đầu gối, đang lặng lẽ ngắm bảng điều khiển bằng gỗ hồ đào suốt từ khi rời khỏi Paris, điều vi phạm duy nhất của Henri từ khi quyết định tập trung phần lớn lợi nhuận cho việc sửa chữa cơ ngơi Sallevière. Một bên là Henri d’Aulnay-Pradelle, con rể của Marcel Péricourt, anh hùng Đại chiến thứ nhất, triệu phú lúc ba mươi tuổi, hứa hẹn đỉnh cao danh vọng, đang lái xe với tốc độ hơn một trăm mười ki lô mét giờ trên đường Orléanais và đã cán chết một con chó cùng hai con gà mái. Gà cũng chỉ là thân trâu ngựa, trở đi trở lại cũng chỉ thế thôi. Có những người bay lên và có những kẻ khuytu xuống.

Dupré đã từng dưới quyền đại úy Pradelle, khi giải ngũ, anh ta được Pradelle nhận vào làm việc với đồng lương ít ỏi, mức lương tạm thời ngay ngày hôm sau đã trở thành lương chính thức. Gốc gác nông dân, luôn quy phục trước các hiện tượng thiên nhiên, anh ta đã chấp nhận sự phục tùng dân sự này như một tiếp nối logic của mọi sự tình.

Họ đến nơi vào cuối buổi sáng.

Henri đậu chiếc limousine đồ sộ của mình trước ánh mắt ngưỡng mộ của khoảng ba mươi thợ. Ngay giữa sân. Để chứng minh ai là chủ ở đây. Ông chủ chính là y, y là người chỉ huy, người ta cũng gọi y là khách hàng. Hoặc thượng đế, cũng vậy thôi.

Xưởng mộc Lavallée hoạt động lay lắt suốt ba thế hệ liên tiếp cho đến khi may mắn chiến tranh xảy ra, chiến tranh đã tạo điều kiện để xưởng cung cấp cho quân đội Pháp hàng trăm cây số tà vẹt, vòm chống, cột đỡ để xây dựng, kiên cố hóa và sửa chữa hầm hào, số thợ tăng từ mười ba lên bốn mươi. Gaston Lavallée cũng có xe ô tô rất đẹp, nhưng chỉ lái vào những dịp trọng đại, đây đâu phải Paris.

Henri và Lavallée chào nhau trong sân; Henri không giới thiệu Dupré. Một lúc sau, y chỉ nói: “Anh cùng Dupré xử lý đi nhé”, Lavallée quay lại và khẽ hất đầu về phía tay quản lý đi sau, thay lời giới thiệu.

Trước khi thăm, Lavallée muốn mời khách ăn nhẹ, anh ta chỉ thêm nhà, nằm bên phải những nhà xưởng rộng mênh mông, Henri khoát tay từ chối, rồi y thoáng thấy đằng kia có cô gái trẻ đang khoác tạp dề vừa chờ khách vừa chải tóc. Lavallée nói thêm rằng con gái của anh ta, Émilienne, đã chuẩn bị bữa ăn giữa buổi. Cuối cùng Henri cũng chấp thuận:

— Thế thì nhanh lên.

Xưởng này là nơi sản xuất mẫu quan tài tuyệt đẹp gửi cho Ban mai táng, một quan tài bằng gỗ sồi tốt nhất, trị giá sáu mươi quan. Khi đã hoàn thành nhiệm vụ hấp dẫn của mình với ủy ban chứng khoán, người ta có thể chuyển sang những việc nghiêm túc, quan tài sẽ được giao đi trên thực tế.

Pradelle và Lavallée đang ở trong xưởng chính, theo sau có Dupré và một đốc công, anh ta đã nhân dịp này để diện bộ áo màu xanh da trời ngày Chủ nhật. Họ đi qua một dãy quan tài được xếp thành hàng san sát, thẳng đơ như những người lính chết và rõ ràng là theo thứ tự chất lượng giảm dần.

— Những người anh hùng của chúng ta... - Lavallée bắt đầu nói, vẻ ta đây thông thái, vừa nói vừa đặt một tay lên chiếc quan tài bằng gỗ dẻ, một mẫu quan tài nằm giữa gian nhà.

— Đừng làm phiền tôi với thứ ấy, - Pradelle ngắt lời. - Anh có gì dưới ba mươi quan?

Rốt cuộc, lại gần mới thấy con gái ông chủ khá xấu (có chải tóc cũng bằng thừa, cô ta quê mùa một cục), rượu trắng thì quá nhẹ và nguội, còn đồ nhắm thì không thể ngửi nổi, Lavallée đã tổ chức đón tiếp Pradelle như đón tiếp một ông vua da đen, mấy người thợ không ngừng liếc nhau, huých nhau, tất cả những thứ đó làm Henri điên tiết, y muốn người ta khẩn trương lên, đó là chưa kể y muốn có mặt ở Paris để ăn tối, một người bạn đã hứa sẽ giới thiệu y với Leome Flanchet, một diễn viên nhà hát kịch Vaudeville mà y đã gặp tuần trước, con gái của thần sấm, ai cũng nói vậy, còn y thì đang nóng lòng muốn tự mình tìm hiểu lấy.

— Nhưng mà, ờ, ba mươi quan, không như đã thỏa thuận...

— Điều đã được thỏa thuận và điều sẽ làm là hai việc khác nhau, - Pradelle nói. - Thế thì ta lại bàn bạc lại từ đầu, nhưng nhanh lên, tôi còn nhiều việc khác phải làm.

— Nhưng thưa ông Pradelle...

— D'Aulnay-Pradelle.

— Vâng, nếu ông muốn...

Henri nhìn anh ta chăm chăm.

— Thế thì, thưa ông Aulnay-Pradelle, - Lavallée nói tiếp, rất nhẹ nhàng, gần như mô phạm, - dĩ nhiên chúng tôi có những quan tài khoảng giá ấy...

— Thế thì tôi sẽ mua.

—... nhưng không được.

Pradelle giả vờ rất đổi kinh ngạc.

— Vì vấn đề vận chuyển, thưa ông! - Tay thợ mộc tuyên bố, ra vẻ ta đây hiểu biết. - Vấn đề là nếu đến nghĩa trang bên cạnh, tất cả sẽ ổn thôi, nhưng những quan tài của ông phải chuyển đi xa. Phải chuyển quan tài từ đây đi Compiègne, đi Laon. Sau đó, phải đặt xuống, đưa lên, tiếp tục chuyển đến nơi mai táng, rồi lại tiếp tục chuyển đến các nghĩa trang quân đội, đường dài lắm, toàn bộ chuyện này...

— Tôi thấy có gì khó khăn đâu.

— Bán được với giá ấy, ba mươi quan, thì chỉ có gỗ dương thôi. Đóng để chuyển đi, ít nhất phải dùng gỗ sồi rừng. Bốn mươi quan. Còn hơn thế nữa! Tôi nói giá ấy là đã căn cứ theo số lượng, nếu không ít nhất cũng bốn mươi lăm quan...

Henri ngoảnh mặt sang phía trái.

— Thế đây là gì?

Họ tiến tới. Lavallée cười ha hả, một điệu cười giả tạo, quá to.

— Gỗ bu lô đấy!

— Giá bao nhiêu?

— Ba mươi sáu...

— Còn cái này?

Henri chỉ quan tài hạng bét, ngay trước những mẫu quan tài bằng gỗ vút đi.

— Gỗ thông đấy!

— Bao nhiêu?

— Ờ... ba mươi ba...

Tuyệt. Henri đặt tay lên quan tài, vỗ vỗ như vỗ lưng ngựa đua, có vẻ khâm phục, nhưng người ta không biết y khâm phục cái gì, chất lượng mộc, giá cả thấp hay tài năng của y.

Lavallée nghĩ mình nên tỏ ra chuyên nghiệp.

— Xin lỗi ông, kiểu này không đạt yêu cầu lắm. Ông thấy đấy...

— Yêu cầu? - Henri ngắt lời. - Yêu cầu nào?

— Vận chuyển, thưa ông! Tôi xin nhắc lại lần nữa, quan trọng nhất là ở khâu vận chuyển!

— Để nằm xuống mà chở. Khi đi thì chẳng vấn đề gì!

— Đúng thế, khi đi...

— Khi đến thì các ông đóng lại, chẳng vấn đề gì!

— Không, tất nhiên là không được. Ông thấy đấy, cho phép tôi nhấn mạnh, khó là từ lúc bắt đầu thao tác: đưa từ xe tải xuống, di chuyển, đóng quan tài...

— Tôi hiểu, nhưng từ lúc đó không còn là vấn đề của các ông nữa. Các ông giao hàng, thế thôi. Phải không, Dupré?

Henri có lý khi quay sang viên quản lý của mình bởi vì đó sẽ là vấn đề của anh ta. Và lại, y cũng chẳng chờ câu trả lời. Lavallée những muốn lập luận, muốn nhắc đến uy tín của xưởng, nhấn mạnh... Henri ngắt lời ngay:

— Anh vừa bảo ba mươi ba quan phải không?

Gã thợ mộc vội vàng lôi sổ ghi chép ra.

— Vì tôi đặt hàng số lượng nhiều nên lấy ba mươi quan thôi nhé?

Lavallée tìm bút, thời gian tìm ra bút thì anh ta vừa mất ba quan cho mỗi quan tài.

— Không, không, không! - anh ta kêu lên. - Ba mươi ba đã tính số lượng!

Có cảm giác rằng, lần này, riêng về điểm đó, Lavallée sẽ tỏ ra khó lòng lay chuyển. Người ta đọc thấy điều ấy trong dáng người cong cong của anh ta.

— Ba mươi quan thì không, không thể được!

Có cảm giác như anh ta bỗng cao thêm mười phân, mặt đỏ gay, tay cầm bút chì run run, bất tri, loại người sẵn sàng liều chết ngay tại chỗ chỉ vì ba quan.

Henri không ngớt gật đầu, tôi biết, tôi biết, tôi biết...

— Được, - cuối cùng y nói, về hòa giải. - Thế thì ba mươi ba quan.

Người ta không khỏi ngạc nhiên về sự nhượng bộ bất thành linh đó. Lavallée ghi con số vào sổ, thắng lợi bất ngờ đó khiến anh ta run rẩy, kiệt sức, đầy lo sợ.

— Dupré này... - Henri nói tiếp về lo lắng.

Lavallée, Dupré, đốc công, ai cũng cứng người lại.

— Cho Compiègne và Laon là một mét bảy mươi phải không?

Gói thầu thay đổi theo kích thước quan tài, từ một mét chín mươi (khá ít) đến một mét tám mươi (vài trăm), rồi thấp hơn nữa, phần lớn là một mét bảy mươi, kích thước trung bình. Cuối cùng, một số lô hàng liên quan đến quan tài nhỏ hơn, một mét sáu mươi và thậm chí một mét năm mươi.

Dupré xác nhận. Đúng là một mét bảy mươi.

— Ta đã nói là ba mươi ba quan cho một mét bảy mươi, - Pradelle tiếp tục nói với Lavallée. - Thế một mét năm mươi?

Bất ngờ trước cách tiếp cận mới này, chẳng ai hình dung cụ thể những quan tài ngắn hơn dự kiến thì sẽ ra sao. Gã thợ mộc không lường trước giả thiết này, phải tính mới được, anh ta lại mở sổ ra, cặm cụi với một quy tắc tam suất mất quá nhiều thời gian. Mọi người chờ. Henri vẫn đứng trước quan tài bằng gỗ thông, tay y không vuốt vuốt phía sau nữa, y chỉ nhìn quan tài như đang tự hứa sẽ vui thú ra trò với một cô gái mới đến.

Cuối cùng, Lavallée cũng nhìn lên, cuối cùng anh ta cũng đã tính ra.

— Ba mươi quan... - anh ta tuyên bố, giọng không ngữ điệu.

— Hả, hả, - Pradelle nói, miệng hé mở, vẻ suy tư.

Mỗi người bắt đầu mừng tượng những hậu quả thực tế: cho một tử sĩ cao một mét sáu mươi vào trong một quan tài dài một mét năm mươi. Theo suy nghĩ của tay đốc công, phải gập đầu người chết, áp cằm vào ngực. Dupré thì nghĩ rằng sẽ cho xác chết nằm nghiêng, chân hơi co lại. Gaston Lavallée chẳng thấy gì cả, anh ta đã mất hai đứa cháu trong trận Somme vào cùng một ngày, gia đình đã đòi hài cốt, anh ta đã tự tay đóng quan tài, bằng gỗ sồi khối, có cây thánh giá lớn và tay cầm mạ vàng, và anh ta không chịu tưởng tượng xem bằng cách nào người ta cho những thi thể quá lớn vào những quan tài quá nhỏ.

Khi đó, Pradelle làm ra vẻ như đang hỏi hù họa vậy thôi, hỏi được chẳng hay chớ, chỉ hỏi cho biết:

— Lavallée này, quan tài một mét ba mươi thì khoảng bao nhiêu tiền?

Một giờ sau, thỏa thuận nguyên tắc đã được ký. Hàng ngày, hai trăm quan tài sẽ được chuyển đến ga Orleans. Giá bình quân mỗi quan tài đã giảm xuống hai mươi tám quan. Pradelle rất thỏa mãn về cuộc thương lượng đó. Y vừa bù đắp xong khoản tiền mua chiếc Hispano-Suiza.

Lái xe một lần nữa đến báo cho phu nhân rằng xe của phu nhân đang chờ, và rằng, nếu phu nhân chịu khó, bấy giờ Madeleine ra hiệu, cảm ơn Ernest, tôi ra ngay, và nói giọng sặc mùi tiệc nuôi:

— Mình phải tạm biệt cậu, Yvonne ạ, mình rất tiếc...

Yvonne de Jardin-Beaulieu vẫy tay, được, được, được, nhưng chẳng có động tác nào để đứng dậy, đang dễ chịu thế này cơ mà, đi làm sao được.

— Chồng cậu thật là tuyệt vời, bạn thân ạ! - cô ả nói tiếp, vẻ khâm phục.
- Cậu thật có diễm phúc!

Madeleine Péricourt điềm tỉnh mỉm cười, nhún nhường nhìn móng tay mình, nghĩ bụng “đồ đĩ” rồi trả lời đơn giản:

— Thôi nào, cậu thiếu gì người đeo đuôi...

— Ồ, mình ấy à... - người phụ nữ trẻ trả lời, vẻ cam chịu giả tạo.

Anh trai cô ta, Léon, thì quá thấp bé để làm một người đàn ông, nhưng Yvonne lại khá xinh. Đối với những người thích gái đĩ, tất nhiên, Madeleine thêm bổ sung. Cái miệng rộng, dung tục, sốt sắng khiến người ta tưởng tượng ngay những điều tục tĩu, cánh đàn ông đâu có nhầm, ở tuổi hai lăm, Yvonne đã quyến rũ nửa câu lạc bộ Rotary. Madeleine hơi phóng đại: nửa câu lạc bộ Rotary thì hơi quá. Của đáng tội, ta có thể hiểu rằng cô cũng nghiêm khắc: Yvonne ngủ với Henri mới được hai tuần nay và cái cách lao nhanh như thế đến nhà vợ y để thưởng thức xem sự thể thế nào là quá sức sỗ sàng. Còn hơn cả việc để cho chồng cô đề ra, bởi vì việc này tự nó có gì khó đâu. Những cô bồ nhí khác của Henri thì tỏ ra kiên nhẫn hơn. Để thưởng thức chiến tích của mình, ít nhất các cô này cũng biết chờ cho đến khi có dịp, giả vờ tình cờ gặp chẳng hạn. Sau đó thì cũng thế cả thôi, mấy ả thao thao bất tuyệt, vừa cười vừa làm duyên: “Ôi, chồng cậu tuyệt vời làm

sao, mình ghen tị với cậu đấy!” Tháng trước, có cô còn bạo dạn thốt lên: “Chăm sóc chồng cho tốt nhé, bạn thân, người ta đánh cắp mất chồng của cậu đấy...!”

Cả mấy tuần nay Madeleine gần như chẳng thấy mặt mũi Henri đâu, đi rất nhiều, gặp gỡ rất nhiều, chỉ có thời gian để ăn nằm với các bạn gái của vợ, đơn đặt hàng của chính phủ khiến y bận túi bụi.

Khi y về nhà thì đã muộn, cô nằm trên người y.

Buổi sáng, y dậy sớm. Ngay trước đó, vợ y lại nằm trên người y.

Thời gian còn lại, y nằm trên những người khác, đi đây đi đó, gọi điện thoại, để lại những lời nhắn, những lời dối trá. Ai cũng biết y là kẻ bạc tình (người ta bắt đầu đồn đoán từ cuối tháng Năm, khi thấy y đi cùng Lucienne d’Haurecourt).

Ông Péricourt rất khổ tâm trước tình cảnh này. “Con rồi sẽ khổ thôi”, ông cảnh báo, khi Madeleine nói đến chuyện lấy Pradelle, nhưng chẳng ích gì, cô chỉ đặt tay lên tay bố, thế thôi. Ông nói đồng ý, làm thế nào khác được?

— Nào, - Yvonne cười rúc rích, - lần này mình tạm biệt cậu thật đấy.

Cô ta đã xong việc, chỉ cần nhìn nụ cười bất động trên gương mặt Madeleine là rõ, thông điệp đã được truyền đạt, Yvonne hớn hờ.

— Cậu thật tử tế khi đến chơi, - Madeleine vừa nói vừa đứng dậy.

Yvonne phẩy tay, không có gì, không có gì.

Hai người ôm hôn nhau, má kề má, môi kề khoảng không, - mình đi đây, hẹn gặp lại nhé. - Không phải bàn cãi, cô ả này dĩ nhất trong tất cả các con đi.

Vị khách không mời mà đến này làm cô chậm trễ rất nhiều. Madeleine nhìn đồng hồ treo tường. Rốt cuộc, thế lại tốt hơn, bảy giờ rưỡi, cô càng có cơ hội gặp cậu ấy tại nhà.

Hơn tám giờ tối, chiếc xe hơi cho cô xuống ở đầu ngõ Pers. Từ công viên Monceau đến phố Marcadet, không một quận nào ngăn cách mà là cả một thế giới, người ta đi từ những khu phố đẹp đến những khu phố bình dân, từ

cuộc sống xa hoa đến cảnh đời bươn chải. Trước dinh thự nhà Péricourt, thường đậu một xe hiệu Packard Twin Six và một chiếc Cadillac 51 động cơ V8. Còn đằng kia, Madeleine nhìn thấy, qua những thanh hàng rào gỗ mọt, một cuộc trưng bày những chiếc xe ba gác càng thì gãy, lốp thì hết đất. Cô không vì thế mà sợ hãi. Cô thừa kế chiếc limousine từ mẹ và chiếc xe ba gác từ cha, tổ tiên của cha cô vốn là những người có cuộc sống khiêm tốn. Cho dù sự nghèo khó bên nội cũng như bên ngoại đã có từ đời đầu tiên, trong câu chuyện đời mình Madeleine vẫn có những thứ ấy, thiếu thốn, túng quẫn, như chủ nghĩa Thanh giáo hay thời kỳ phong kiến, chúng không bao giờ mất hẳn, vết tích vẫn đi theo các thế hệ. Tài xế - ở nhà Péricourt, kể từ khi tài xế đầu tiên tên là Ernest, tài xế nào cũng được gọi là Ernest - vậy là Ernest, khi thấy phu nhân đi ra xa, bèn nhìn mảnh sân vẻ kính tởm, nhà anh ta mới chỉ làm tài xế từ hai thế hệ nay.

Madeleine đi dọc hàng rào, bấm chuông trên cửa, chờ một lúc lâu và cuối cùng thấy xuất hiện một người phụ nữ không tuổi, cô xin gặp anh Albert Maillard. Người phụ nữ chờ cho đến khi hiểu yêu cầu và gắp yêu cầu đó với cô gái xa hoa có bước đi nhẹ nhàng và gương mặt được trang điểm đang đứng trước mặt mình, mùi nước hoa tỏa ra như một kỷ niệm rất xưa cũ. Madeleine đã phải nhắc lại: anh Maillard. Không nói lời nào, người phụ nữ chỉ ra sân, đằng kia, phía bên trái. Madeleine gật đầu và, dưới ánh mắt của chị chủ nhà và Ernest, cô đẩy mạnh hàng rào đã mục; không ngần ngại rảo bước trong bùn lầy cho đến cửa nhà kho chật chội, nơi cô mất dạng, và cũng là nơi cô đột ngột dừng chân bởi phía trên, cầu thang đang rung lên dưới bước chân của ai đó đang xuống, cô giương mắt lên và nhận ra quân nhân Maillard, tay xách một xô đựng than rỗng, anh cũng dừng phắt lại giữa hai bậc thang và nói: “Hả? Gì thế? Anh có vẻ thất thần, như lúc ở nghĩa trang, ngày mà người ta đào thi thể của “Édouard” đáng thương lên.

Albert đứng im không nhúc nhích, miệng hé mở.

— Chào cậu Maillard, - Madeleine nói.

Cô quan sát một lúc cái vẻ mặt như người cung trăng đó, vẻ bề ngoài bồn chồn đó. Trước đây, bạn gái của cô có một con chó con, nó run liên tục, đó không phải là bệnh, bản chất của nó là thế, nó run từ đầu đến chân hai tư trên hai tư giờ, rồi một ngày nó chết vì tim ngừng đập. Albert làm cho cô nghĩ ngay đến con chó đó.

Cô nói với Albert rất nhẹ nhàng, như thể cô sợ rằng, trước bất ngờ này, anh sẽ khóc rức hoặc chạy trốn vào tầng hầm. Anh câm lặng, lóng nga lóng ngóng, nuốt nước bọt. Anh bước lên cầu thang vẻ lo lắng, thậm chí sợ hãi... Madeleine đã nhận thấy nét mặt đó ở thanh niên này, luôn sợ có gì xảy đến sau lưng, một nỗi lo lắng thường trực; ở nghĩa trang, vào năm ngoái, cậu ta đã tỏ ra nhón nhác, bối rối như vậy rồi. Với cái vẻ dịu dàng, ngây thơ ở những người đàn ông có thể giới riêng của mình.

Về phần mình, Albert những muốn đánh đổi mười năm cuộc đời để không phải ở trong tình thế đó, bị kẹt giữa Madeleine Péricourt đang đứng dưới cầu thang và em trai cô ấy, người được cho là đã hy sinh, người đang ở trên tầng, đang hút thuốc qua lỗ mũi, đeo mặt nạ màu lục gắn lông màu xanh da trời, giống một con vẹt mái. Tất nhiên, Albert thực sự sinh ra để làm người bị kẹt giữa. Anh đứng đưa xô than như khăn lau bếp, bỗng anh nhận ra là mình chưa chào người phụ nữ trẻ; anh chìa bàn tay đen đúa, vội xin lỗi rồi giấu nó ra sau lưng và đi xuống những bậc thang cuối cùng.

— Cậu đã để lại địa chỉ trong thư, - Madeleine nói, giọng nhỏ nhẹ. - Tôi đã đến đó. Mẹ cậu chỉ cho tôi đến đây.

Cô chỉ cảnh vật, nhà kho, cái sân, cầu thang như thể đang nhắc đến một căn hộ cao sang, trong lúc mỉm cười. Albert gật đầu, không thể phát ra một âm tiết nào. Cô có thể đến vào lúc anh mở hộp đựng giày và bắt gặp anh đang lấy moóc phin ra. Tệ hơn nữa, anh tưởng tượng chuyện gì sẽ xảy ra nếu tình cờ Édouard tự xuống lấy than... Với những chi tiết như vậy, người ta thấy số phận là thứ vớ vẩn.

— Vâng... - Albert đánh bạo nói, không biết mình đang trả lời câu hỏi nào.

Anh muốn nói không, không, tôi không thể mời chị lên nhà uống nước, không được. Madeleine không thấy Albert bất lịch sự, cô cho rằng anh có thái độ như vậy là vì bất ngờ, bối rối.

— Thực ra, - cô bắt đầu nói, - bố tôi mong được làm quen với cậu.

— Sao lại là tôi?

Câu nói phát ra như tiếng hét từ cõi lòng, giọng căng thẳng. Madeleine nhún vai, ý muốn nói tất nhiên.

— Bởi vì cậu đã chứng kiến những khoảnh khắc cuối cùng của em trai tôi.

Cô vừa nói vừa cười hiền, như đang nhắc đến đòi hỏi của một người đã có tuổi mà ta nên bỏ qua cho những lúc thất thường.

— Vâng, tất nhiên rồi...

Khi đã định thần, Albert chỉ muốn một điều, đó là cô ra về trước khi Édouard lo lắng chạy xuống. Hoặc, từ trên đó, Édouard nghe thấy giọng nói của chị mình, biết được ai đang ở đó, chỉ cách cậu ta vài mét.

— Đồng ý... - Albert nói thêm.

— Mai có được không?

— À không, mai không được!

Madeleine Péricourt ngạc nhiên trước câu trả lời gay gắt đó.

— Tôi muốn nói là, - Albert nói tiếp để xin lỗi, - nếu chị muốn hôm khác cũng được, bởi vì ngày mai...

Có lẽ anh không thể giải thích vì lý do nào ngày mai không phải là ngày lành tháng tốt cho lời mời này, anh chỉ cần làm chủ được mình. Trong khoảnh khắc, anh hình dung ra cuộc nói chuyện giữa mẹ anh và Madeleine Péricourt, anh tái xanh mặt. Anh xấu hổ.

— Thế thì ngày nào cậu sẽ rảnh? - người phụ nữ trẻ hỏi.

Albert lại quay nhìn lên cầu thang. Madeleine nghĩ trên ấy có cô gái nào đó và sự có mặt của cô làm phiền Albert, cô không muốn làm ảnh hưởng đến anh.

— Thế thứ Bảy nhé? - Cô đề xuất. - Mời cậu đến ăn tối.

Cô nói với giọng vui vẻ, gần như tỏ ra thích thú, như thể cô mới nảy ra ý đó và họ sẽ có một buổi tối tuyệt vời.

— Thế thì...

— Tuyệt, - cô kết luận. - Bảy giờ tối có được không?

— Thì...

Cô mỉm cười với anh.

— Bố tôi sẽ rất vui.

Nghi thức thượng lưu kết thúc, đã có một chút do dự, giống như tưởng niệm, và điều đó đưa họ về với cuộc gặp đầu tiên, họ nhớ rằng, hai người dẫu không quen biết nhau nhưng lại có chung cái gì đó kinh khủng, cảm đoán: bí mật đó, đào xác một tử sĩ lên rồi lén lút đưa về... Mà ông bố đó đã để hài cốt đó ở đâu nhỉ? Albert cắn môi, tự hỏi.

— Chúng tôi ở đại lộ Courcelles, - Madeleine vừa nói vừa đeo găng tay. - Ở góc phố Prony, dễ tìm lắm.

Albert gật đầu, bảy giờ tối, đồng ý, phố Prony, dễ tìm. Thứ Bảy. Im lặng.

— Thôi tạm biệt cậu Maillard nhé. Cảm ơn cậu nhiều.

Cô quay người rồi lại quay lại, nhìn vào mắt anh. Vẻ nghiêm nghị rất hợp với anh, nhưng tuổi anh chưa đến mức như vậy.

— Bố tôi chưa bao giờ biết chi tiết về... Cậu hiểu đấy... Tôi muốn...

— Tất nhiên rồi, - Albert vội đáp.

Cô mỉm cười, vẻ biết ơn.

Anh sợ một lần nữa cô dúm tiền vào tay anh. Để anh im lặng. Cảm thấy tủi nhục khi nghĩ đến điều đó, anh quay lưng và bước lên cầu thang.

Chỉ khi lên đến tầng anh mới nhớ mình chưa lấy than, cũng chưa lấy moóc phin.

Anh quay trở xuống, vẻ sầu não. Anh không thể nào nghĩ cho ra nhẽ, không thể nào hiểu gia đình Édouard mời anh đến nhà là có ý gì.

Lòng ngực anh thắt lại vì lo sợ, khi bắt đầu cầm chiếc xẻng dài để xúc đầy xô than, anh nghe thấy, trong phố, tiếng chiếc xe limousine êm ru ra về.

Édouard nhắm mắt lại, thở ra một hơi dài nhẹ nhõm, cơ bắp anh từ từ thả lỏng trở lại. Anh chớp lấy bươm tiêm suýt rơi rồi đặt bên cạnh, tay anh vẫn còn run, nhưng bộ ngực tức thở bắt đầu thoát ra khỏi gọng kìm. Tiêm xong, anh nằm dài hồi lâu, kiệt sức, hiếm khi tìm được giấc ngủ. Đó là trạng thái bông bênh, sự bồn chồn dần lùi ra, như con tàu xa dần. Anh chưa bao giờ tò mò về những thứ liên quan đến biển, những con tàu chở khách chẳng khiến anh mơ ước, nhưng những ống thuốc hạnh phúc chắc hẳn chứa đựng những thứ đó, những hình ảnh mà chúng mang lại thường có một giai điệu biển khơi mà anh không thể cắt nghĩa. Có thể nó giống như những ngọn đèn dầu hay những lọ cồn hút con người ta vào thế giới của chúng. Ống tiêm, kim tiêm với anh chỉ là những dụng cụ phẫu thuật, một tội lỗi cần thiết bao nhiêu thì ống thuốc lại sống động bấy nhiêu. Anh cầm những ống thuốc trong suốt, giơ về phía ánh sáng mà nhìn, những gì ta nhìn thấy trong đó thật điên rồ, không thua gì đặc tính của những viên pha lê, mà thế giới tưởng tượng lại phong phú hơn. Anh tìm được nhiều thứ trong đó, sự thanh thoi, yên tĩnh, niềm an ủi. Phần lớn thời gian trong ngày của anh diễn ra trong trạng thái bấp bênh, mờ ảo đó, nơi thời gian không còn bề dày. Nếu chỉ có một mình, anh sẽ tiêm liên tục để được như vậy, bông bênh như đang lướt ván trên biển dầu (vẫn luôn là những hình ảnh biển khơi, hẳn là xuất phát từ xa, nhất định là từ chất lỏng tiền sinh), nhưng Albert tinh lắm, mỗi ngày cậu ta chỉ cho anh dùng một liều cần thiết được kiểm soát nghiêm ngặt và ghi lại hết, rồi buổi tối, khi về nhà, cậu ta đọc lịch, liều lượng, giở sổ ra như một ông thầy dạy học. Édouard để mặc cậu ta. Cũng như để mặc Louise với những chiếc mặt nạ. Tóm lại là người ta đang lo cho anh.

Édouard ít nghĩ về gia đình, nhưng lại nghĩ đến Madeleine nhiều hơn những người khác. Anh giữ nhiều kỷ niệm về chị mình, những tiếng cười

cổ nén, những nụ cười lấp ló, những đốt tay gập lại xoa lên trán anh, sự hòa hợp giữa hai người. Anh rất thương Madeleine. Được tin anh chết, có lẽ chị ấy buồn lắm, giống như tất cả những phụ nữ mất người thân. Sau đó, thời gian, vị bác sĩ tài ba... Một cái tang, dần dà rồi người ta cũng quen.

Chẳng có gì so sánh nổi với cái mặt của Édouard trong gương.

Với anh, cái chết luôn ở đó, luôn khơi lại những vết thương của anh.

Và ngoài Madeleine ra thì còn ai? Một vài đồng đội, và trong số đó, bao nhiêu người còn sống? Ngay cả anh, Édouard kẻ may mắn, cũng đã chết trong cuộc chiến đó, thế thì nói xem, những người khác... Cũng còn bố anh, nhưng chẳng có gì để nói về bố anh cả, hẳn bố anh đang lo cho công việc, vất vả và buồn bã, việc được tin con trai hy sinh hẳn đã không khiến ông dừng bước quá lâu, ông chỉ lên xe và nói với Ernest: “Đến Trung tâm chứng khoán!” bởi vì ông phải đưa ra những quyết định, hoặc “Đến Jockey!” bởi vì người ta đang chuẩn bị bầu cử.

Édouard không bao giờ ra ngoài, toàn bộ thời gian anh ở trong căn hộ, trong sự nghèo khổ. À mà không, không thực sự như vậy, sự nghèo khổ chắc lẽ còn tệ hơn, không phải, điều khiến anh mất tinh thần, đó là sự tầm thường, sự thiếu thốn, là không có điều kiện sống. Gì rồi ta cũng quen thôi, có người nói vậy, nhưng mà không đâu, đúng là Édouard không quen được. Khi có đủ nghị lực, anh đứng trước gương, nhìn mặt mình, không, không có gì thuyên giảm, không bao giờ anh còn có thể tìm ra một nét giống người trong cái họng hở hoác không hàm, không lưỡi đó. Những cái răng to tướng đó. Thịt da đã săn lại, những vết thương đã được đốt, nhưng sự hở hoác đó vẫn còn nguyên vẻ dữ dội, hẳn mục đích của việc ghép mặt chính là như thế, không phải để giảm bớt sự xấu xí của bạn mà để đưa bạn đến chỗ cam chịu. Về sự nghèo khổ thì cũng thế thôi. Anh sinh ra trong một thế giới cao sang, nơi người ta không đếm tiền vì nó không quan trọng. Chưa bao giờ anh là một đứa trẻ tiêu hoang, cho dù ở trường, trong số bạn bè cùng lớp, anh đã thấy những đứa vung tiền qua cửa sổ, những đứa đam mê cờ bạc... Nhưng cho dù không tiêu hoang thì thế giới quanh anh vẫn luôn rộng rãi, dễ dàng, khá giả, phòng ngủ rộng lớn, ghế ngồi xa hoa, ăn uống

thịnh soạn, quần áo đắt tiền, thế mà bây giờ phòng ở thì sàn ván xộc xệch, cửa sổ thì xám xịt, than thì phải dè sẻn, rượu thì dở tệ... Trong cuộc sống này, cái gì cũng xấu xí. Toàn bộ các khoản chi tiêu đều dựa vào Albert, không thể trách gì cậu ta, cậu ta đã ra sức xoay xở để mua moóc phin cho anh, không biết cậu ta làm thế nào, hẳn là phải tốn rất nhiều tiền, quả là một người bạn rất tốt. Đôi khi, sự tận tình đó làm lòng bạn hết sức xót xa, mà lại còn chưa bao giờ phàn nàn, trách móc, luôn tỏ ra vui vẻ, nhưng tất nhiên trong lòng rất lo lắng. Không thể tưởng tượng được hai người họ rồi sẽ ra sao. Tuy nhiên, nếu cứ tiếp tục như thế này, tương lai chẳng có gì sáng sủa cả.

Édouard là một trọng lượng chết, nhưng anh không sợ tương lai. Cuộc đời anh đùng một cái đã sụp đổ, chỉ trong một nước cờ, sự sụp đổ đó đã mang đi mọi thứ, kể cả sợ hãi. Điều duy nhất thực sự nặng nề, đó là nỗi buồn.

Cho dù thời gian gần đây có đỡ hơn.

Con nhóc Louise, với những chiếc mặt nạ, đã mang lại niềm vui cho anh, cũng giống Albert, con bé như một con kiến hăng ngày mang về cho anh những tờ báo địa phương. Niềm vui lớn nhất, niềm vui mà anh không muốn để lộ ra vì quá mong manh, nằm ở những tờ báo, nằm trong những ý tưởng mà nó mang lại cho anh. Theo ngày tháng, anh đã cảm nhận một niềm phấn khích dâng trào từ một nơi sâu thẳm, và càng nghĩ đến, anh càng tìm lại những cảm giác khoan khoái thời trẻ khi chuẩn bị chơi một vở nào đó rất đau, một bức biếm họa, một trò hóa trang, một sự khiêu khích. Giờ đây, không còn chút nào sự vui vẻ, bùng nổ của thuở thiếu niên, nhưng anh vẫn cảm nhận được điều đó từ tận trong lòng, một cái gì đó đang trở lại. Anh gần như dám nói lên từ đó trong đầu: niềm vui. Một niềm vui thoáng qua, thận trọng, gián đoạn. Khi anh có thể suy nghĩ thông suốt, kết nối các ý gần như đúng trình tự, thật khó tin, có lúc anh còn quên Édouard của bây giờ, có lúc anh lại trở thành Édouard của thời trước chiến tranh...

Cuối cùng anh đứng dậy, tiếp tục hít thở và lấy lại thăng bằng.

Khử trùng chiếc kim to dùng xong, anh cẩn thận xếp bơm tiêm vào trong cái hộp nhỏ bằng sắt tây, đóng hộp lại và cất lên giá. Anh với một chiếc ghế dựa, kéo lại, nhìn lên tìm chỗ, trèo lên ghế một cách hơi khó khăn vì một chân anh bị cứng đờ, rồi, cánh tay chìa ra, anh khéo léo đẩy cánh cửa trap bố trí trong trần để vào một không gian dưới mái nơi anh có lẽ sẽ không thể đứng vững, ở đó có đến năm thế hệ mạng nhện và bụi than tụ lại. Anh thận trọng rút ra một cái túi trong đó anh có bọc một kho báu, một quyển vở vẽ khổ lớn mà Louise đã đổi được, nó bảo thế, nhưng đổi gì thì vẫn còn là bí mật.

Anh lại ngồi vào tràng kỷ, gọt một cái bút chì, chú ý để vụn gỗ rơi vào tờ giấy sau đó gói lại rồi cất vào túi xách, bí mật là bí mật. Như mọi khi, anh bắt đầu bằng việc giở những trang đầu tiên, hài lòng đánh giá công việc mình đã làm, cảm thấy được khích lệ. Đã mười hai bức vẽ, những người lính, vài phụ nữ, một đứa trẻ, nhưng chủ yếu là lính, những người bị thương, những người chiến thắng, những kẻ hấp hối, đang quỳ gối hoặc đang nằm, đây là một cánh tay chìa ra, anh rất hãnh diện với cánh tay chìa ra này, rất thành công, giá như anh có thể mỉm cười...

Anh bắt tay vào vẽ.

Lần này là một phụ nữ, đang đứng, một bầu vú để trần. Có cần để trần một bầu vú không nhỉ? Không. Anh tiếp tục vẽ. Anh che bầu vú đi. Anh lại gọt bút chì, nhẽ ra anh phải có một cái bút nhọn hơn, một loại giấy khác ít nhám hơn, anh phải vẽ trên đầu gối vì bàn không ngang tầm, nhẽ ra anh phải có một mặt phẳng nghiêng, tất cả những nỗi phiền lòng đó lại là chừng ấy tin tốt đẹp bởi chúng muốn nói rằng anh đang khát khao vẽ. Anh ngẩng đầu lên, giơ tờ giấy ra xa để nhìn cho rõ. Khởi đầu như thế là tốt, một người phụ nữ đang đứng, lối xếp nếp cũng khá đạt, vẽ xếp nếp là khó nhất, cả ý nghĩa của bức vẽ tập trung tại đó, lối xếp nếp và ánh mắt, bí mật là ở đó. Trong những lúc như vậy, Édouard gần như đang trở lại.

Nếu anh không nhầm thì anh sẽ phát tài. Trước cuối năm. Albert sẽ rất bất ngờ.

Và cậu ta không phải là người duy nhất.

"Nghi lễ ở điện Invalides chẳng ra gì ư, em cứ nói thế nào ấy chứ!

— Thế mà thống chế Foch*—cũng có mặt...

Lần này Henri quay lại, điên tiết, bực bội.

— Foch à? Thế thì sao?

Y mặc quần đùi và đang thắt cà vạt. Madeleine cười phá lên. Mặc quần đùi mà lại phẩn nộ như thế... Dù y có cặp giò đẹp, cơ bắp. Y quay lại đứng trước gương để thắt nút cà vạt, bên dưới quần đùi hiện ra cặp mông tròn trĩnh, khỏe mạnh. Madeleine tự hỏi y có bị muộn không. Rồi cô quả quyết rằng điều đó không hề quan trọng, cô có thời gian, thậm chí cô có thời gian cho cả hai người, cũng như kiên nhẫn và bướng bỉnh, những thứ cô được phú cho rất hào phóng. Và lại, y dành khá nhiều thời gian cho những cô bồ nhí của mình... Cô tiến tới đứng sau lưng chồng, y không có cảm giác cô đến, chỉ có bàn tay cô thò vào trong quần đùi y, cực kỳ đúng chỗ, mơn trớn, uể oải, mạnh bạo, đầu cô áp vào lưng chồng, giọng đầy si mê, trụy lạc, cô nói:

— Anh yêu, anh quá lời rồi! Dù sao thống chế Foch cũng là...

Henri thắt nơ cà vạt cho xong để dành thời gian suy nghĩ. Thực ra, tất cả đã được tính toán rất kỹ, thật không đúng lúc. Tối hôm qua rồi mà... Thế mà bây giờ, sáng nay, thật là... Y vẫn còn nguồn dự trữ cần thiết, đó chẳng phải là vấn đề, nhưng đôi lúc, như lúc này, dường như cô ham muốn tột độ, y phải làm tình với vợ bất cứ lúc nào. Như vậy y mới được yên thân. Đôi lấy nghĩa vụ, y còn có nhiều vui thú khác, ở những chỗ khác. Tính toán như vậy không tồi. Chỉ có điều cực nhọc mà thôi. Chưa bao giờ y quen với mùi chỗ kín của vợ, đó là những chuyện không thể bàn cãi, những chuyện lẽ ra cô vợ phải hiểu, thế mà cô ta đôi khi cư xử như một nữ hoàng, còn y là một

người ở đang thiết tha muốn giữ lấy chỗ làm của mình, ừ thì thật ra mà nói, như thế cũng chẳng khó chịu, và so với thời gian mà y bỏ ra, không, nhưng mà... y muốn tự mình quyết lấy còn Madeleine thì ngược lại, khi nào cô cũng là người chủ động. Madeleine nhắc lại lần nữa “thống chế Foch”, cô biết Henri chẳng ham hố gì mấy nhưng cô vẫn tiếp tục, tay cô ấm lên, cô thấy cái đó vươn ra như một con rắn to tướng chây lười nhưng mạnh mẽ, y không bao giờ từ chối; và khi không từ chối, y cực kỳ mãnh liệt, y quay lại, nhắc bóng cô lên, đặt cô nằm ở góc giường, không tháo cà vạt cũng chẳng cởi giày. Cô bầu vào người y, bắt y ở lại thêm vài giây nữa. Y ở lại rồi đứng dậy, tất cả chỉ có thế.

— À mà ngày 14 tháng Bảy thì long trọng lắm!

Y trở lại trước gương. Thế đấy, giờ phải thắt lại nơ. Y nói tiếp:

— Ngày 14 tháng Bảy cách mạng để chào mừng chiến thắng Đại chiến! Không, có gì lạ nữa đâu... Còn để kỷ niệm ngày đình chiến, người ta tổ chức tiệc tối ở điện Invalides! Gần như họp kín ấy!

Y rất thỏa mãn với cách nói đó. Y tìm cách diễn đạt chính xác, làm cho ngôn từ xoay vòng như một ngậm rượu mà ta ném thử. Một lễ tưởng niệm khép kín! Tốt lắm. Y muốn thử cách nói này, quay lại, giọng giận dữ:

— Một cuộc tưởng niệm khép kín cho cuộc Đại chiến!

Không đến nỗi tồi. Cuối cùng Madeleine đứng dậy, cô đã mặc lại một bộ quần áo ngủ. Đợi cho Henri đi cô sẽ tắm rửa sau, không việc gì phải vội vàng. Trong khi chờ, cô sẽ xếp quần áo.

Cô đi đôi giày trong nhà. Henri cao hứng:

— Bây giờ, việc tổ chức các ngày lễ kỷ niệm lại nằm trong tay những người *Bôn sê vích*, em phải thừa nhận như thế!

— Anh Henri, thôi đi, - Madeleine vừa lơ đãng nói vừa mở cửa tủ, - anh làm em phát mệt.

— Còn những thẳng cụt tay cụt chân sẵn sàng nhập cuộc nữa chứ! Anh thì anh cho rằng chỉ có một ngày để tưởng niệm những người anh hùng, đó là ngày 11 tháng Mười một! Mà thậm chí anh còn đi xa hơn thế...

Madeleine bực bội ngắt lời chồng.

— Anh Henri, thôi nói chuyện đó đi! Ngày 14 tháng Bảy hay ngày 1 tháng Mười một, Noel hay đến khi bò trắng răng đi nữa, anh cũng cóc cần mà!

Y quay lại, nhìn cô vẻ khinh bỉ. Vẫn mặc quần đùi. Nhưng lần này thứ đó không khiến cô cười. Cô nhìn y chăm chăm.

— Em hiểu, - cô nói tiếp, - rằng anh đang tập kịch để biểu diễn trước công chúng của anh, trong những hội cựu chiến binh của anh, những câu lạc bộ của anh, em chẳng biết nữa... Nhưng em không phải là cô giáo phụ đạo của anh! Thế thì, anh giận hay khùng thì đi mà giận mà khùng với những ai quan tâm ấy. Hãy để em yên thân!

Cô tiếp tục làm, tay cô không run, giọng cô cũng không run. Cô thường nói như thế, cụt ngủn, khô khốc, sau đó cô không nghĩ đến nữa. Như bố cô vậy, hai người họ đúng là cặp bài trùng. Henri không phật ý, y mặc quần dài vào, suy cho cùng, cô đâu có sai, ngày 1 tháng Mười một hay ngày 11 tháng Mười một... Ngày 14 tháng Bảy thì lại khác. Không che đậy, y hết sức căm phẫn ngày quốc lễ đó, ghét cay ghét đắng Phong trào Khai sáng, Cách mạng, tất cả những thứ đó, không phải vì y có những suy nghĩ hết sức chín chắn về vấn đề, mà bởi vì, theo y, đó là cách ứng xử xứng đáng và tự nhiên của một quý tộc.

Và bởi y đang sống trong nhà Péricourt, những người giàu mới nổi. Ông già đã lấy một cô vợ thuộc dòng họ Margis, chẳng là gì khác, chỉ là hậu duệ của những tay buôn len bán sợi và một phần tử được mua rẻ như bèo, may mà chỉ lưu truyền cho nam, trong khi Péricourt mãi mãi là Péricourt. Họ phải mất thêm năm thế kỷ nữa để xứng với một Aulnay-Pradelle, còn hơn thế! Năm thế kỷ nữa, chắc hẳn gia tài của họ đã mất tiêu từ lâu trong khi nhà Aulnay-Pradelle, mà Henri là người có công tái thiết dòng họ, sẽ tiếp tục đón khách tại phòng khách rộng lớn nằm trong cơ ngơi Sallevière. Nghĩ đến đây, đúng là phải khẩn trương lên, đã chín giờ rồi. Cuối ngày y sẽ tới nơi và ngày hôm sau, y sẽ có cả buổi sáng để sai bảo các đốc công, để kiểm tra công việc, lúc nào cũng phải đứng sau đám người đó, tranh cãi về các

bản dự toán, bắt hạ giá xuống, người ta vừa làm mái nhà xong, bảy trăm mét vuông đá đen, cả một gia tài, người ta đang tấn công chái phía Tây đã bị tàn phá, phải dựng lại hết, chạy đôn chạy đáo tìm đá ở những nơi xa xôi hẻo lánh trong một đất nước không còn tàu hỏa tàu thủy gì nữa hết, rồi phải đi đào mộ những người anh hùng lên để mà trả tiền cho việc này!

Khi y đến hôn tạm biệt cô (y hôn lên trán cô, y không thích hôn môi vợ mình lắm), Madeleine lại nắm lấy cái nơ cà vạt của y, cho có lệ, cho qua chuyện. Cô lùi lại, ngắm nghía chồng. Những con đĩ đó có lý, chồng cô thực sự đẹp trai, sẽ đúc ra những đứa con khô ngô tuần tú.

Việc được mời đến nhà Péricourt không khỏi ám ảnh Albert. Anh chưa bao giờ thực sự yên tâm với cái vụ thay đổi danh tính đó, anh thường mơ thấy cảnh sát tìm ra anh, bắt anh, tống anh vào tù. Khi người ta giam anh, điều khiến anh rất buồn là chẳng còn ai chăm sóc Édouard nữa. Và đồng thời, anh cũng nhẹ nhõm cả người. Cũng như Édouard có lúc nuôi một nỗi căm hận sâu kín với anh, Albert thầm trách Édouard làm cho cuộc đời anh trở nên kẹt cứng. Từ ngày bạn anh đòi xuất viện và khi đã vượt qua những thông tin tệ hại về việc không được lĩnh một đồng trợ cấp nào, ít nhất Albert cũng có cảm giác rằng mọi việc đã trở nên bình thường, bền vững, cảm giác đó bất ngờ bị cải chính bởi sự xuất hiện đột ngột của cô Péricourt và viễn cảnh về một lời mời đang ngày đêm ám ảnh anh. Bởi vì, cuối cùng, anh sẽ ăn tối với bố của Édouard, đóng kịch về cái chết của con trai ông ấy, chịu đựng ánh mắt của người chị gái có vẻ rất tử tế khi không đút vào tay anh những tờ bạc như đưa tiền cho một người giao hàng.

Albert không ngừng cân đong đo đếm hậu quả của lời mời đó. Nếu anh thú nhận với nhà Péricourt rằng Édouard vẫn còn sống (và làm thế nào khác được?), thì sẽ phải ép Édouard về với gia đình, nơi cậu ta không muốn đặt chân vào nữa. Như vậy khác nào phản bội cậu ta. Và, mặt khác, sao Édouard lại không muốn quay về chứ, mẹ kiếp! Một gia đình như thế, Albert chắc hẳn sẽ rất vui lòng. Anh chưa từng có chị hay em gái, cô chị này có lẽ hợp với anh. Anh tự thuyết phục rằng năm ngoái, ở bệnh viện, anh đã sai khi nghe theo lời Édouard; cậu ta đã sống những khoảnh khắc tuyệt vọng, nhẽ ra Albert không nên nhượng bộ... nhưng chuyện đã rồi.

Mặt khác, nếu anh thú thật, người ta sẽ nói sao về người lính vô danh đó, người mà giờ đây đang yên nghỉ ở đâu cũng không biết nữa, hẳn là trong

hầm mộ nhà Péricourt, một vị khách không mời mà có lẽ họ sẽ không chịu đựng lâu. Rồi họ sẽ làm gì?

Họ sẽ đưa ra tòa, rồi tất cả sẽ lại đổ hết lên đầu Albert! Hoặc thậm chí, họ sẽ bắt anh một lần nữa đào mộ người lính vô danh đáng thương đó để cho nhà Péricourt khỏi phải vướng mắc gì, rồi anh sẽ làm gì với bộ hài cốt đó? Họ sẽ truy đến hành động giả chữ viết vào sổ quân nhân!

Và rồi, đến nhà Péricourt, gặp bố và chị gái của Édouard, có thể gặp những thành viên khác trong gia đình, mà không kể gì với anh bạn đồng hành, như thế là gian dối. Nếu Édouard biết được, cậu ta sẽ phản ứng ra sao?

Nhưng nói cho cậu ta biết lại không phải là sự phản bội hay sao? Nếu vậy, Édouard sẽ ở đó, một mình mòn mỏi chờ đợi khi biết rằng cả buổi tối anh bạn Albert đang ở cùng những người mà cậu ta đã từ bỏ! Bởi vì suy cho cùng, đúng như vậy thật, không muốn gặp lại họ thì khác gì từ bỏ họ, chẳng phải sao?

Có lẽ anh sẽ viết một lá thư, lấy cớ là bận đột xuất. Nhưng rồi người ta sẽ đề nghị một ngày khác. Anh sẽ bịa ra là mình không thể. Nhưng người ta sẽ cho người đến tìm anh và sẽ tìm ra Édouard...

Anh không tài nào thoát ra được. Tất cả trở nên mông lung, Albert luôn bị ác mộng. Ngay giữa đêm khuya, Édouard, gần như không ngủ bao giờ, nhồm dậy, lắc vai bạn để đánh thức cậu ta, chìa cho cậu ta quyển sổ giao tiếp về dò hỏi, Albert ra hiệu rằng không sao, nhưng những cơn ác mộng vẫn còn trở đi trở lại không dứt mà anh thì, khác với Édouard, đang cần ngủ.

Cuối cùng, sau rất nhiều suy nghĩ mâu thuẫn, anh đi đến quyết định. Anh sẽ đến nhà Péricourt (nếu không, họ sẽ bám riết lấy anh tới tận đây) và anh sẽ giấu sự thật, giải pháp ít rủi ro nhất. Anh sẽ cho họ những gì họ đòi hỏi và sẽ kể cho họ nghe Édouard của họ đã chết như thế nào, đó là điều anh định làm. Và sau đó không bao giờ gặp lại họ nữa.

Thế mà anh không còn nhớ những gì mình đã viết trong thư!

Anh lục tìm. Anh đã phịa ra gì vậy? Một cái chết anh hùng, một viên đạn trúng ngay tim, như tiểu thuyết, trong tình huống nào? Đó là chưa kể việc cô Péricourt đã tìm đến được chỗ anh nhờ thằng cha Pradelle ngu ngốc ấy. Hẳn đã kể gì cho cô ấy nghe? Có lẽ hẳn đã nói những gì có lợi cho hẳn. Nếu những gì Albert thuật lại trái ngược với những gì Pradelle nói ra, người ta sẽ tin ai? Anh có bị xem là tên bịp bợm hay không?

Càng tự hỏi, đầu óc và trí nhớ anh càng rối tung, những cơn ác mộng lại tìm đến, chông chất trong đêm dài như những chiếc đĩa trong một ngăn tủ tường rung lên trước những bóng ma.

Còn có vấn đề tế nhị khác, đó là quần áo. Anh không thể cứ ăn mặc như thế này mà đến nhà Péricourt được, bộ quần áo khá khâm nhất của anh cách ba mươi bước cũng tỏa mùi chấy rận.

Trong trường hợp cuối cùng anh cũng quyết định đến đại lộ Courcelles, anh sẽ tìm một bộ quần áo hàng hoàng. Bộ duy nhất mà anh tìm được là của một người đồng nghiệp, người đeo biển quảng cáo dưới đại lộ Champs-Élysées, thấp bé hơn anh một tí. Anh phải giữ cho cặp quần thấp tận xuống dưới eo, nếu không trông anh sẽ chẳng khác một thằng hề. Suýt nữa anh đã lấy của Édouard một trong hai chiếc áo sơ mi mà cậu ta có. Anh từ bỏ ý định. Nhỡ gia đình nhận ra áo cậu ta thì sao? Anh liền mượn của người đồng nghiệp một chiếc áo sơ mi rõ ràng là quá chật, hàng khuy không được khít. Chỉ còn vấn đề tế nhị, đó là giày. Anh không thấy đôi nào vừa. Phải đi giày của chính mình, đôi xăng đá đã mòn gót mà anh cố đánh xi để tận dụng cho bằng hết, nhưng chẳng bao giờ có thể trở thành một đôi trẻ trung hay lịch sự. Anh nghĩ hết cách, cuối cùng quyết định đi mua một đôi giày mới, nhờ tiền mua moóc phin vừa mới giảm bớt và do vậy anh dễ thở hơn một tí. Đó là một đôi giày đẹp. Ba mươi hai quan ở tiệm Bata. Khi ra khỏi tiệm, ôm chặt hộp giày vào lòng, anh thú nhận là thực ra, từ ngày giải ngũ, anh đã muốn tự mua cho mình một đôi giày mới, bởi trước giờ anh luôn đánh giá giày đẹp là biểu trưng cho sự lịch thiệp. Một bộ quần áo hay áo khoác cũ, cũng còn được, nhưng một người đàn ông được đánh giá qua đôi

giày mình mang dưới chân, về khoản này thì không có ngoại lệ. Đó là một đôi da màu nâu sáng, đi đôi giày này là niềm vui duy nhất nhân sự kiện đó.

Édouard và Louise ngẩng đầu lên khi Albert từ sau bức bình phong bước ra. Họ vừa làm xong một mặt nạ mới, màu ngà, có một cái miệng xinh xinh hồng hào đang bĩu môi có vẻ hơi hạ cố; hai chiếc lá mùa thu đã phai màu, xanh nhạt, ép phía trên hai má, trông như nước mắt vậy. Dù thế, nhìn tổng thể, chiếc mặt nạ không có vẻ gì buồn bã, dường như đó là một người đang tập trung tư tưởng vào chính mình, tách khỏi thế giới này.

Tuy nhiên cảnh tượng đáng chú ý thực sự không phải là cái mặt nạ này, mà là bóng Albert từ bình phong đi ra. Một anh hàng thịt đi dự lễ cưới.

Édouard hiểu rằng bạn mình đi gặp ý trung nhân, anh cảm thấy mùi lòng.

Yêu đương là một chủ đề đùa cợt giữa hai người, tất nhiên rồi, hai người đàn ông trẻ tuổi... Nhưng là một chủ đề xót xa bởi họ là hai người đàn ông trẻ tuổi không có đàn bà. Thịnh thoảng mới làm tình với bà Monestier một lần, lén lén lút lút, rốt cuộc, điều đó khiến Albert khổ sở hơn là sung sướng bởi như vậy anh càng cảm thấy mình thiếu tình yêu biết bao nhiêu. Anh thôi không ngủ với bà nữa, bà ta năn nỉ đôi chút, rồi ngừng van nài. Anh thường gặp những cô gái trẻ đẹp chỗ này chỗ khác, trong các cửa hàng, xe buýt, nhiều cô chưa đính hôn bởi có nhiều đàn ông đã chết, các cô chờ đợi, rình rập, hy vọng, nhưng một kẻ rách rưới như Albert, ừ đúng là người chiến thắng, nhưng trần trọc liên miên, lo lắng chẳng khác con mèo cái, giày thì cũ rích cũ rơ, áo lông toàn vệt thuốc nhuộm, thì không thể nào là một mối hấp dẫn.

Và ngay cả khi anh tìm được một cô gái không cảm thấy quá kinh tởm trước cách ăn mặc rách rưới của mình, thì anh định trao tặng tương lai nào cho cô? Anh có thể nào nói với cô ấy: “Thế thì đến ở với anh, anh đang ở cùng một người lính tật nguyền, mặt không còn hàm, không bao giờ ra khỏi nhà, tiêm chích moóc phin và đeo mặt nạ hóa trang, nhưng em đừng sợ, ta có ba quan mỗi ngày để mà sống và có một bức bình phong rách bươm để che chắn chốn riêng tư?”

Chưa kể Albert vốn là một người nhút nhát, nếu như mọi thứ không tự đến với anh thì...

Chính vì thế, anh đã quay lại gặp bà Monestier, nhưng bà cũng có lòng tự ái, không phải vì đã lấy một ông chồng bị cấm sừng mà người ta phải từ bỏ hết thầy sự hãnh diện của mình. Đó là một sự kiêu ngạo muôn hình vạn trạng bởi vì, trên thực tế, sở dĩ bà ta không cần Albert nữa, đó là bởi bà được làm tình với một thầy ký mới, một gã giống một cách lạ lùng người thanh niên đi cùng Cécile trên thang máy Samaritaine, theo những gì anh còn nhớ, vào cái hôm mà anh đã từ bỏ nhiều ngày lương, sai lầm cần phải sửa ngay...

Một buổi tối, anh kể hết cho Édouard. Anh nghĩ bạn mình sẽ vui khi anh bảo cậu ta rằng rốt cuộc anh cũng phải từ bỏ những mối quan hệ bình thường với phụ nữ, nhưng tình thế trái cựa lăm: Albert có thể sống lại, Édouard thì không. Albert còn có thể gặp một cô gái trẻ, mà này, đàn bà góa bụa thì có cả đống, với điều kiện ả ta không quá so đo, phải tìm kiếm, phải mở mắt ra mà nhìn, nhưng cô nào lại thích Édouard nếu cậu ta có yêu phụ nữ chứ? Cuộc trò chuyện khiến cả hai người đau lòng.

Thế mà giờ lại bất ngờ thấy Albert mặc lễ phục!

Louise thốt lên một tiếng trầm trồ, tiến tới và chờ Albert cúi xuống để chỉnh lại nút thắt cà vạt. Họ trêu Albert, Édouard vỗ đùi và giơ ngón tay trở lên trời với một sự phẫn khích không giấu giếm và những tiếng gầm gừ chối tai thoát ra từ cổ họng. Louise cũng không chịu thua, nó vừa cười vừa lấy tay che miệng và nói: “Chú Albert, chú mặc quần áo như vậy đẹp lắm...” gần như là những lời nói của đàn bà, vậy mà, con bé này mấy tuổi rồi nhỉ? Nhận được quá nhiều lời khen, anh cảm thấy hơi bị tổn thương, ngay cả một sự giễu cợt không ác ý cũng làm anh đau lòng, nhất là trong tình huống này.

Anh thấy nên đi thì hơn. Vả lại, anh tự nhủ, anh còn phải suy nghĩ, sau đó, chẳng chút bận tâm về giá trị của lập luận, trong tích tắc, anh sẽ đưa ra lựa chọn, hoặc là đến nhà Péricourt, hoặc không.

Anh đi tàu điện ngầm rồi đi bộ nốt quãng đường còn lại. Càng đến gần, anh càng bồn chồn khó chịu trong người. Rồi quận nơi anh ở, đầy người Nga và người Ba Lan, anh thấy những tòa nhà nguy nga to lớn, một đại lộ rộng bằng ba đường phố bình thường. Và đối diện với công viên Monceau, anh bắt gặp, quả là không thể nhầm được, dinh thự bề thế của ông Péricourt, trước mặt có một chiếc ô tô đẹp đẽ đang đậu; một tài xế đội mũ cát kết và mặc bộ đồng phục tuyệt đẹp đang đánh bóng chiếc xe một cách cẩn trọng, không khác gì một con ngựa đua. Albert thấy quá ấn tượng, lòng anh chộn rộn vô cùng. Anh giả bộ vội vàng, đi qua tòa nhà, vòng vèo hồi lâu qua những con phố lân cận rồi quay trở lại qua khu vườn, thấy một chiếc ghế đá, từ đó nhìn xéo sang thì thấy mặt trước của dinh cơ, rồi anh ngồi xuống. Anh cảm thấy kiệt sức. Thậm chí anh không thể tưởng tượng được là Édouard sinh ra ở đó, được nuôi dạy trong ngôi nhà này. Một thế giới khác. Còn anh, Albert, hôm nay anh lại đến đây, mang theo một sự đối trá khó có thể tưởng tượng. Anh là một kẻ bất lương.

Trên đại lộ, những người phụ nữ ra về bận rộn đang từ xe ngựa bước xuống, đám gia nhân theo sau, khệ nệ ôm những hộp đồ. Những chiếc xe giao hàng dừng trước cửa kho, mấy tay tài xế nói chuyện với những tên người hầu cứng nhắc, đắm chìm trong công việc được giao, có cảm giác như họ thay mặt cho ông chủ, trông nom những sọt rau, những giỏ bánh mì với ánh nhìn nghiêm khắc, trong khi cách đó một quãng, trên vỉa hè, dọc theo những bờ rào bao quanh khu vườn, hai cô gái trẻ thanh lịch, cao gầy như những que diêm, khoác tay nhau, vừa cười rôm rả vừa đi qua phố. Ở góc đại lộ, hai người đàn ông chào nhau, người cắp một tờ báo, người cầm một chiếc mũ cao thành, chào bạn thân, hẹn gặp lại sau nhé, có vẻ như họ là thẩm phán. Một trong hai người bước sang một bên để nhường chỗ cho một chú bé mặc quần áo thủy thủ đang vừa chạy vừa đẩy một chiếc vòng, một cô vú em vừa vội vàng đuổi theo vừa khẽ kêu lên, xin lỗi hai người đàn ông; một chiếc xe chở hoa đi tới và người ta dỡ hoa xuống, đủ cho một lễ cưới, nhưng chẳng có lễ cưới nào, chỉ là nhập hoa hằng tuần thôi, có quá nhiều phòng, khi có khách khứa thì phải dự tính trước, tôi chắc chắn với

bạn là đất đỏ lắm đấy, cả một gia tài, nhưng người ta vừa nói vừa cười, mua nhiều hoa như vậy vui lắm, bọn tôi thích tiếp khách lắm. Albert nhìn đám người đó như đã có dịp ngắm những con cá ngoại lai trong bể kính, những con cá chỉ gần giống cá mà thôi.

Và còn phải giết thời gian gần hai tiếng đồng hồ nữa.

Anh do dự, không biết nên ngồi trên ghế đá như vậy hay tiếp tục đi tàu điện ngầm, nhưng mà đi đâu? Trước đây, anh rất thích các đại lộ. Nhưng từ ngày phải lang thang, đeo biển quảng cáo hai bên người thì không còn như vậy nữa. Anh đi loăng quăng trong công viên. Dù đến sớm, anh đã để quá giờ mà không hay.

Khi nhận ra, nỗi lo lắng trong anh bắt đầu tăng lên, bảy giờ mười lăm, anh khẽ nhại mồ hôi, anh rảo bước rời xa, rồi đi vòng, rẽ sang hướng khác, mắt nhìn xuống đất, bảy giờ hai mươi, anh vẫn chưa quyết được. Khoảng bảy giờ rưỡi, anh lại đi qua trước tòa nhà, trên vỉa hè đối diện, quyết định về nhà, nhưng người ta sẽ đi tìm anh, sẽ sai tay tài xế đến, mà tay tài xế thì không thể tế nhị bằng cô chủ, một nghìn lẻ một lý do mà anh lật đi lật lại đang va đập trong đầu anh, anh không biết sự thế sẽ ra sao, anh bước lên sáu bậc thềm, bấm chuông, lén lút lau giày bên này sau bấp chân bên kia, cánh cửa mở ra. Con tim hoảng hốt trong lồng ngực, giờ anh đã ở trong sảnh, cao như một nhà thờ, đâu cũng có gương, cái gì cũng đẹp, kể cả cô người hầu, một cô gái tóc nâu cắt ngắn, rạng rỡ, trời ơi, cặp môi ấy, đôi mắt ấy, ở nhà người giàu cái gì cũng đẹp, Albert tự nhủ, người nghèo cũng đẹp.

Ở mỗi bên tiền sảnh rộng lớn có lát gạch đen trắng theo hình bàn cờ, hai cột đèn năm bóng viền theo lối đi lên cầu thang hoành tráng bằng đá Saint-Rémy. Hai hàng lan can bằng đá cẩm thạch trắng vươn lên theo hình cuộn đối xứng về phía thềm nghỉ trên tầng. Một ngọn đèn chùm đồ sộ theo kiểu Art déco đang tỏa ánh sáng màu vàng tưởng như từ trên trời hắt xuống. Cô người hầu xinh đẹp nhìn Albert chăm chăm rồi hỏi tên anh. Albert Maillard. Anh nhìn quanh nhìn quất, không hề cảm thấy hối hận. Dù anh cố gắng hết mình, dù có mặc com lê đặt may, giày xịn, mũ hàng hiệu, áo đuôi tôm, bất cứ thứ gì cũng vẫn mang lại cho anh dáng vẻ nhà quê vốn có

này. Sự chênh lệch quá lớn đó, nỗi lo âu trong những ngày vừa qua, sự căng thẳng sau khi phải đợi chờ lâu lắc... Albert bật cười, chất phác. Người ta thấy anh cười vì mình, cười chính mình, lấy tay che miệng, anh cười tự nhiên, thành thực đến nỗi cô người hầu xinh xắn cũng cười phá lên, hàm răng đó, trời ơi, điệu cười đó, kể cả cái lưỡi hồng và nhọn cũng là một kiệt tác. Anh đã thấy mắt cô ta khi đi vào hay chỉ bây giờ mới thấy? Đen láy, long lanh. Cả hai không biết mình đang cười về cái gì. Cô đỏ mặt nhìn đi chỗ khác, vẫn cười, nhưng cô có việc phải làm, cô mở cánh cửa bên trái, phòng chờ rộng lớn, với đàn piano cánh, những cái lọ lục bình Trung Hoa, tủ sách bằng gỗ anh đào xếp đầy sách cũ, những chiếc ghế bành bằng da thuộc, cô chỉ phòng cho anh, anh có thể ngồi đâu tùy thích, cô chỉ đến nói lời “xin lỗi” vì ban nãy cười không nín nhịn được, anh giơ tay, không, không sao, trái lại cô cứ cười đi.

Giờ thì chỉ còn một mình anh trong gian phòng ấy, cửa ra vào đã khép lại, người ta sắp báo là ông Maillard đang ở đây, trận cười ngặt nghèo đã lắng dịu, dấu sao sự yên tĩnh đó, vẻ uy nghi đó, sự sang trọng đó cũng buộc bạn làm thế. Anh mân mê những chiếc lá xanh, nghĩ đến cô người hầu nhỏ nhắn, nếu như anh dám... Anh cố đọc những nhan đề sách, lướt ngón trỏ trên lớp gỗ dát, lưỡng lự không biết có nên nhấn phím đàn piano. Anh có thể chờ cô người hầu đến khi cô xong việc, cô đã có bạn trai chưa nhỉ? Anh thử ngồi xuống một chiếc ghế bành, lùi sâu vào, lại đứng dậy, ngồi thử chiếc ghế tràng kỷ được bọc da mượt như nhung rất đẹp, anh nhìn ngó và lơ đãng đẩy những tờ nhật báo tiếng Anh đặt trên một chiếc bàn thấp sang một bên, làm thế nào tiếp cận cô người hầu xinh đẹp bé nhỏ nhỉ? Nói thầm vào tai cô bé khi đi ra? Hay tốt hơn là giả vờ quên gì đó, lại bấm chuông, đưa cho cô một lá thư có ghi... gì nhỉ? Địa chỉ của anh? Và lại dù sao chẳng nữa, quên thứ gì chứ, anh thậm chí còn chẳng có ô. Anh vẫn đứng giở vài trang *Harper's Bazaar*, *Báo Mỹ thuật*, *Tạp chí Thời trang*. Anh ngồi trên tràng kỷ, hay là chờ khi cô bé hết ca, tốt nhất là thế, rồi làm cho cô cười như lúc nãy. Ở góc bàn, một cuốn album khổ lớn bọc da màu sáng đẹp mịn màng, êm ái. Nếu mời cô bé đi ăn tối thì sẽ hết bao nhiêu nhỉ, mà trước hết

đi đâu mới được, thêm một thế tiến thoái lưỡng nan nữa, anh cầm album lên, mở ra, quán Duval thì hợp với anh, nhưng mời một cô gái trẻ đến đó thì không được, nhất là một người như cô ấy vốn giúp việc cho các đại gia, ngay cả làm việc bếp núc thì cũng tiếp xúc với những bộ đồ ăn bằng bạc, bỗng bụng anh thóp lại, tay anh bỗng nhiên xâm xấp mồ hôi, trơn chuôi chuội, anh nuốt nước bọt để khỏi nôn, miệng anh tràn trề vị mật đắng. Trước mắt anh, một bức ảnh cưới, Madeleine Péricourt và đại úy Aulnay-Pradelle bên nhau.

Chính là y, không nghi ngờ gì nữa, Albert không thể nhầm.

Dù sao cũng phải kiểm tra lại. Anh hấp tấp giở album. Gần như bức ảnh nào cũng có mặt Pradelle, những bức ảnh khổ lớn bằng cả trang tạp chí, có rất nhiều người, toàn hoa là hoa, Pradelle mỉm cười khiêm nhường, như một người trúng số độc đắc không muốn người ta nhìn nhưng cứ để mặc người ta thán phục, cô Péricourt trong tay y, rạng rỡ, một bộ váy mà trong đời thực người ta không mặc bao giờ, người ta mua để mặc đúng một ngày, những bộ áo vest quần Âu, những chiếc áo đuôi tôm, những bộ trang phục hiếm thấy, hở sau lưng, những trâm cài áo, những vòng cổ, những găng tay màu bơ, cô dâu chú rể nắm tay nhau, đúng là y, Pradelle, những mâm cao cỗ đầy, còn đây, ở bên cô dâu trẻ, hẳn là bố cô, ông Péricourt, mặc dù tươi cười nhưng có vẻ không được thoải mái, và đâu đâu cũng thấy những đôi giày bóng loáng, những chiếc áo sơ mi thắt khăn lụa, và tí trong cùng, trong phòng gửi đồ, là những chiếc mũ lụa bóng cao thành được xếp thẳng hàng trên những thanh treo bằng đồng, và ở phía trước, những ly rượu sâm banh được xếp thành nhiều kim tự tháp, những người hầu bàn mặc đồng phục đeo găng trắng, những điệu valse, một ban nhạc, lại thấy cô dâu chú rể dưới hàng danh dự... Albert cuống cuồng lật giở album.

Một bài báo đăng trên tờ *Le Gaulois*:

Một đám cưới tuyệt vời!

Người ta mong đợi rất nhiều từ sự kiện rất đặc trưng Paris này và người ta có lý bởi hôm đó, sự duyên dáng đã hòa hợp với lòng quả cảm. Xin nói rõ cho rất ít độc giả còn chưa biết, đây là đám cưới của quý cô Madeleine

Péricourt, con gái của Marcel Péricourt, nhà công nghiệp nổi tiếng, và Henri d'Aulnay-Pradelle, người anh hùng yêu nước.

Lễ cưới đúng nghĩa được cử hành với ý muốn đơn giản và kín đáo tại nhà thờ Auteuil, chỉ có vài chục khách, gia đình và người thân may mắn được nghe bài diễn văn tuyệt vời của đức ông Coindet. Nhưng lễ hội thực sự diễn ra ở bìa rừng Boulogne, xung quanh chòi săn cổ Armenonville, một công trình có sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc tuyệt đẹp thời Belle Epoque với những trang thiết bị hiện đại. Suốt ngày, không lúc nào sân thượng, các khu vườn và phòng khách lại không nườm nượp những vị khách sang trọng nhất, ưu tú nhất. Được biết, hơn sáu trăm khách mời đã có thể chiêm ngưỡng cô dâu trẻ kiều diễm trong bộ váy cưới (vải tuyen và xa tanh) do Jeanne Lanvin, một người bạn thân của gia đình, tặng. Cũng cần phải nhắc lại rằng chàng rể may mắn, Henri d'Aulnay-Pradelle lịch thiệp, hậu duệ của một trong những dòng họ lâu đời nhất, không phải ai khác mà chính là “đại úy Pradelle”, là người đã giành lại cứ điểm 113 (trong số rất nhiều chiến công đáng khâm phục khác) từ tay bọn Đức trước khi đình chiến, anh từng bốn lần được thưởng huy chương vì đã có vô số hành động dũng cảm.

Tổng thống Cộng hòa, ông Raymond Poincaré, bạn thân của ông Péricourt, đã đích thân đến dự lễ cưới một cách kín đáo, để cho những vị khách nổi tiếng có thể kể đến như M.M.Millerand, Daudet cũng như một số nghệ sĩ tên tuổi, Jean Dagnan-Bouveret hay Georges Rochegrosse, tận hưởng niềm vui trong lễ cưới đặc biệt này, lễ cưới chắc chắn sẽ được ghi vào sử biên niên.

Albert gập album lại.

Lòng căm thù của anh đối với tên Pradelle này đã trở thành lòng căm thù chính mình, anh hận mình vì vẫn còn sợ y. Chỉ cái tên Pradelle thôi cũng đủ khiến anh phập phồng trống ngực, thấp thỏm lo âu. Cứ hoảng sợ như thế cho đến bao giờ? Đã gần một năm nay anh không nhắc đến tên y, nhưng anh luôn nghĩ đến y. Không thể nào quên được y. Chỉ cần nhìn xung quanh thôi cũng đủ thấy dấu ấn của con người đó hiển hiện khắp nơi trong cuộc đời Albert. Và không chỉ cuộc đời anh. Gương mặt, tất cả những cử chỉ,

hành động của cậu ta từ sáng chí tối, tất cả xuất phát từ khoảnh khắc đầu tiên ấy: gã đó chạy trong quang cảnh ngày tận thế, ánh mắt chăm chăm, dữ tợn, kể cho rằng cái chết của những người khác chẳng có gì quan trọng, mà cuộc đời họ cũng chẳng hơn, kể dùng hết sức xô ngã một Albert đang bối rối, và sau đó là cuộc cứu nạn kỳ diệu mà hậu quả ra sao người ta biết cả rồi, và bây giờ là cái gương mặt bị thủng ngay chính giữa ấy. Như thế một cuộc chiến còn chưa gây đủ nỗi khổ đau.

Albert nhìn phía trước mà chẳng thấy gì. Vậy ra đây là kết cục của câu chuyện. Cuộc hôn nhân này.

Anh nghĩ đến cuộc sống của mình, mặc dù anh không phải là một người hay triết lý lắm. Và nghĩ đến Édouard, người có cô chị vì không biết nên đã lấy phải một kẻ giết người, giết cậu ta và giết cả chị cậu ta.

Anh mừng tượng lại những hình ảnh của nghĩa trang, vào ban đêm. Hoặ những hình ảnh khác, hôm trước đó, khi xuất hiện người phụ nữ trẻ đeo bao tay bằng lông chồn ecmin, đại úy Pradelle xuất sắc ở bên, như một vị cứu tinh. Và rồi trên đường đi tìm mộ, Albert ngồi bên cạnh tay tài xế nong nặc mùi mồ hôi đó, anh ta dùng lưỡi đẩy đọt thuốc lá từ khóe miệng bên này sang khóe miệng bên kia, trong khi cả cô Péricourt và đại úy Pradelle cùng ngồi trong chiếc limousine; nhẽ ra anh phải nghi ngờ mới phải. “Nhưng Albert có bao giờ thấy gì đâu, khi nào cũng ngỡ người ra. Thử hỏi có ngày nào đó thằng bé này lớn lên không, ngay đến chiến tranh cũng chẳng dạy được cho nó điều gì, quá thất vọng!”

Lúc trước, khi phát hiện ra cuộc hôn nhân này, tim anh đập loạn xạ, nhưng bây giờ, anh cảm thấy nó đang tan ra trong lồng ngực, sẵn sàng ngừng đập.

Vị mật đắng trong cổ họng... Anh lại buồn nôn nhưng kiềm chế được bằng cách đứng dậy và đọt ngọt rời phòng.

Anh vừa nhận ra. Đại úy Pradelle đang ở đây.

Cùng cô Péricourt.

Đó là một cái bẫy mà y giăng ra cho anh. Một bữa ăn gia đình.

Albert sắp phải ăn tối trước mặt y, chịu đựng ánh mắt sắc nhọn của y giống như ở chỗ tướng Morieux khi anh đang có nguy cơ bị xử án tử hình, anh sẽ không thể vượt qua chuyện này. Chẳng lẽ cuộc chiến này không bao giờ kết thúc sao?

Phải đi ngay, phải đầu hàng thôi, nếu không anh sẽ chết, sẽ bị giết một lần nữa.

Chạy trốn.

Albert đứng bật dậy, chạy băng qua phòng, anh vừa đến cửa ra vào thì cánh cửa mở ra.

Trước mặt anh là Madeleine Péricourt đang tươi cười.

— Cậu đây rồi! - Cô nói.

Như thể cô khâm phục anh lắm, không biết khâm phục cái gì, có lẽ vì anh đã tìm ra đường, đã đủ dũng khí đến đây.

Cô không thể không nhìn anh từ đầu đến chân, Albert, đến lượt mình, cũng cúi nhìn. Giờ thì anh thấy rõ, đôi giày mới đó, sáng choang, với bộ quần áo quá ngắn, đã sờn, tệ hết chỗ nói. Anh đã hãnh diện biết bao, đã khao khát có nó biết bao... Đôi giày mới này nói toẹt ra cảnh khốn cùng của anh.

Toàn bộ sự kỳ cục của anh tập trung vào đó, anh ghét đôi giày đó, anh ghét chính mình.

— Nào, cậu lại đây, - Madeleine nói.

Cô cầm cánh tay anh, như một người bạn vậy.

— Bố tôi sắp xuống, ông ấy đang nóng lòng được gặp cậu, cậu biết đấy...

"Chào cậu!

Ông Péricourt thấp bé hơn Albert hình dung. Ta thường tưởng tượng những người có thể lực là cao to, và ngạc nhiên khi thấy họ bình thường. Và lại, họ cũng chẳng bình thường đâu, Albert thấy rõ điều đó, ông Péricourt có một cách nhìn xuyên thấu, một cách giữ tay bạn trong tay mình thêm một tích tắc và thậm chí điệu cười cũng thế... Chẳng có gì là thông thường cả, hẳn là ông mình đồng da sắt, có sự tự tin khác thường, những người chịu trách nhiệm về vận mệnh của cả thế giới thường được tuyển chọn từ những con người đó, và chiến tranh cũng từ họ mà xảy ra. Albert phát sợ, anh không thể tưởng tượng làm thế nào có thể nói dối một người như ông. Anh cũng nhìn ra cửa phòng khách, chờ đợi từng giây khoảnh khắc thấy đại úy Pradelle xuất hiện...

Rất lịch sự, ông Péricourt chỉ một chiếc ghế bành và cả hai ngồi xuống. Bởi vì chỉ cần nháy mắt một cái, nhân viên sẽ đến ngay tức thì, người ta đẩy cả một quán bar đến chỗ họ, với những món ăn này khác. Trong số những người phục vụ, có cô người hầu nhỏ nhắn xinh đẹp, Albert cố không nhìn cô, ông Péricourt tò mò nhìn anh chăm chú.

Albert vẫn chưa biết tại sao Édouard không muốn trở về chốn này, hẳn cậu ta có những lý do ràng buộc nào đó; khi thấy ông Péricourt, anh mơ hồ hiểu ra rằng người ta có thể có nhu cầu thoát khỏi sự hiện diện của một người như vậy. Đó là một người nghiêm khắc, cứng rắn, chẳng thể hy vọng điều gì ở ông ta, được sản xuất từ một hợp kim rất đặc biệt, giống như những quả lựu đạn, pháo, bom, chỉ nổ một phát là đủ để bạn tiêu đời mà thậm chí không kịp nhận ra. Đôi chân Albert nói thay cho anh, chúng muốn đứng dậy.

— Cậu dùng gì, cậu Maillard? - Bấy giờ Madeleine vừa hỏi anh vừa cười rất tươi.

Anh như bị đóng đinh. Dùng gì ư? Anh không biết. Vào những dịp trọng đại và khi có điều kiện, anh uống rượu táo trắng, một thứ rượu tầm thường mà ở nhà giàu chẳng ai người ta yêu cầu. Thay bằng gì trong tình huống này đây, anh chẳng hề biết.

— Rượu sâm banh nhé! - Madeleine hỏi đỡ cho anh.

— Thành thật mà nói... - Albert đánh bạo nói, anh vốn ghét những thứ sủi bọt.

Một cử chỉ ra hiệu, im lặng kéo dài, rồi bếp trưởng đi ra với xô đá, họ nhìn nghi lễ mở chai, cái nút được giữ lại rất nghệ thuật. Ông Péricourt ra hiệu, vẻ nôn nóng, nào, nào, uống đi, ta có qua đêm ở đây đâu.

— Vậy là cậu biết rõ con trai tôi...? - Cuối cùng, ông nghiêng người về phía Albert và hỏi.

Vào lúc đó, Albert hiểu rằng cả buổi tối chỉ có thế, chẳng gì khác. Ông Péricourt hỏi anh, trước mặt cô con gái, về cái chết của đứa con trai. Pradelle sẽ không có mặt. Chuyện riêng của gia đình. Anh nhẹ nhõm cả người. Anh nhìn bàn ăn, nhìn ly sâm banh đang sủi bọt. Bắt đầu thế nào nhỉ? Nói gì bây giờ? Anh đã suy nghĩ về vấn đề đó, nhưng vẫn không biết nên nói gì đầu tiên.

Ông Péricourt có vẻ thắc mắc và thấy nên nói thêm:

— Con trai tôi... Édouard...

Bấy giờ ông tự hỏi chàng trai này có đúng là đã từng quen biết con trai mình không. Có đúng anh ta đã tự mình viết bức thư, ta chẳng biết ở đó mọi việc diễn ra như thế nào, biết đâu người ta hú họa chỉ định một người nào đó viết thư cho các gia đình đồng đội, mỗi người một ngày làm công tác phục vụ, lần nào cũng lặp lại từng ấy điều, hoặc gần như thế. Thế nhưng câu trả lời bật ra, rất thành thực:

—Ồ đúng, thưa bác, cháu có thể nói rằng cháu đã từng chơi với con trai bác!

Điều mà ông Péricourt muốn biết về cái chết của đứa con trai chẳng mấy chốc sẽ không còn quan trọng nữa. Điều người cựu chiến binh này nói ra là quan trọng hơn bởi cậu ta nói về Édouard lúc còn sống. Édouard trong bùn lầy, đang ăn xúp, đang chờ được phát thuốc lá, đang chơi bài vào buổi tối, Édouard đang ngồi, đằng xa kia, cúi xuống quyển sổ ngồi vẽ trong bóng tối... Albert miêu tả anh chàng Édouard mà anh tưởng tượng ra thì đúng hơn là người đã kề vai sát cánh với anh trong hầm hào, nhưng chưa từng chơi cùng.

Với ông Péricourt, cũng không đến nỗi xót xa như ông từng nghĩ, thậm chí những hình ảnh đó còn gần như tốt đẹp nữa là khác. Ông buộc phải mỉm cười, đã lâu Madeleine không thấy ông cười thực lòng như thế.

— Xin phép bác, - Albert nói, - cậu ấy thực sự thích bông đùa...

Đã trở nên mạnh dạn hơn, anh liền kể. Và cái ngày mà, hôm mà, và cháu còn nhớ... Có gì khó đâu, tất cả những gì anh nhớ về những người này người kia, những đồng đội của mình, anh đều gán cho Édouard, miễn sao có lợi cho cậu ta là được.

Ông Péricourt lại thêm lần nữa khám phá về con trai mình, người ta kể với ông những điều thật đáng ngạc nhiên (Đúng là nó đã nói vậy à? Đúng như cháu đã nói với bác, thưa bác!), không có gì làm ông ngạc nhiên bởi ông đã quen với ý nghĩ rằng, suy cho cùng, ông chưa bao giờ hiểu về con trai mình, người ta có thể kể cho ông bất cứ điều gì cũng được. Những câu chuyện vớ vẩn, chuyện ở nhà ăn, chuyện xà phòng cạo râu, những câu bông đùa thời học sinh, chuyện trạng của lính, nhưng Albert, sau khi đã biết cách nói chuyện, lại say sưa thao thao bất tuyệt, vẻ quả quyết, thậm chí còn thích thú. Anh làm người ta bật cười với những giai thoại về Édouard, ông Péricourt lau mắt. Mạnh dạn hơn nhờ rượu sâm banh, Albert nói, không nhận ra rằng câu chuyện của mình cứ trượt dài, trượt dài mãi, anh chuyển từ những câu chuyện bông đùa về thi thể của lính gác với đôi bàn chân đóng băng, từ những ván bài đến những con chuột cống to như thỏ, đến mùi hôi thối của những xác lính mà lính khiêng cáng không thể đi thu gom,

người ta lấy chuyện ấy ra làm trò đùa. Đây là lần đầu tiên Albert kể về cuộc chiến của anh.

— Này nhé, Édouard con bác có hôm nói thế này...

Albert có nguy cơ sa đà, quá nhiệt tình, quá xác thực, nói quá những gì cần thiết, làm hỏng chân dung của người đồng đội hỗn hợp mà anh gọi là Édouard đó, nhưng anh may mắn vì ông Péricourt đang ở trước mặt, và người đàn ông này ngay cả khi cười, vẫn có dáng vẻ của một con ác thú với đôi mắt xám, đủ để làm cho sự bốc đồng của bạn dịu lại.

— Thế nó đã bị giết như thế nào?

Câu hỏi vang lên như âm thanh của lưỡi dao trên máy chém. Miệng Albert vẫn mở, Madeleine quay sang nhìn anh, sắc đẹp bình thường nhưng rất có duyên.

— Một viên đạn, thưa bác, vào đợt tấn công cứ điểm 113...

Anh đột ngột dừng lại, cảm thấy rằng chỉ riêng chi tiết “cứ điểm 113” cũng đủ. Đối với mỗi người, trận đó có một âm vang rất đặc biệt. Madeleine nhớ lại những lời giải thích của đại úy Pradelle khi họ làm quen với nhau tại Trung tâm giải ngũ, bấy giờ cô đang cầm trong tay bức thư báo tin Édouard hy sinh. Một lần nữa, ông Péricourt không thể không nghĩ rằng chính cứ điểm 113 đã gây ra cái chết của con trai ông và đã mang lại huân chương chiến tranh cho thằng con rể tương lai của ông. Với Albert, đó là cả một chuỗi hình ảnh, hố pháo, viên trung úy đang lao vào anh...

— Một viên đạn, thưa bác, - anh nói lại với tất cả vẻ tự tin mà anh có thể có được. - Bọn cháu đang chạy lên tấn công vào cứ điểm 113, con trai bác là một trong những người can đảm nhất, bác biết không? Và...

Ông Péricourt nghiêng người về phía anh một cách vô cảm. Albert ngừng nói. Madeleine cũng nghiêng người, vẻ tò mò, sẵn sàng giúp đỡ, như muốn giúp anh tìm ra một từ khó nào đó. Chính là bởi cho đến khi đó, Albert chưa nhìn thực sự, và bỗng, với một độ chính xác không tưởng, anh vừa tìm lại, nguyên vẹn, ánh mắt của Édouard trong ánh mắt của người bố.

Anh cố nín một lúc rồi nước mắt tuôn rơi.

Anh vừa ôm mặt khóc vừa ấp úng nói lời xin lỗi, đó là một nỗi đau đớn xót xa, ngay cả khi Cécile bỏ đi anh cũng không cảm thấy đau khổ như thế. Nỗi buồn đau đó là nơi gặp gỡ của toàn bộ kết cục cuộc chiến và tất cả sức nặng của nỗi cô đơn trong anh.

Madeleine đưa khăn mùi soa của cô cho anh, anh tiếp tục xin lỗi và khóc, mọi người im lặng, mỗi người chìm trong một nỗi buồn riêng.

Cuối cùng, Albert hỉ mũi sụt sịt.

— Xin lỗi...

Bữa tối mới bắt đầu mà đã vừa kết thúc bằng khoảnh khắc lóe sáng của sự thật đó. Còn hy vọng gì cho một cuộc gặp giản đơn, một bữa ăn tối? Lúc này, làm gì thì làm, điều quan trọng nhất đã được nói ra, từ miệng Albert, nhân danh tất cả. Sự ngắt quãng đó làm ông Péricourt hơi khó chịu, bởi câu hỏi đang nóng bỏng trên môi ông, ông vẫn chưa đặt ra, và ông biết mình sẽ không hỏi câu đó nữa: Édouard có thường nói về gia đình mình hay không? Quan trọng gì, ông đã biết câu trả lời.

Mệt nhưng vẫn đứng mực, ông đứng dậy.

— Cậu lại đây, - ông vừa nói vừa chìa tay để đỡ anh từ tràng kỷ đứng dậy. - Đi ăn đi, rồi cậu sẽ thấy thoải mái hơn.

Ông Péricourt nhìn Albert ăn ngấu nghiến. Gương mặt anh ngơ ngác, đôi mắt anh hồn nhiên ngây thơ... Làm thế nào lại thắng cuộc chiến đó với những con người như vậy? Trong tất cả những câu chuyện về Édouard, những chuyện nào là có thật? Tùy ông chọn thôi. Điều quan trọng là những gì Maillard kể lại phản ánh cuộc sống của Édouard thì ít mà không khí nơi nó đã sống trong suốt cuộc chiến thì nhiều. Những thanh niên hăng ngày thì vào sinh ra tử, đêm thì đùa nghịch trong khi hai chân lạnh cóng.

Albert ăn chậm, và ăn nhiều. Anh đã kiếm được một bữa. Khó có thể gọi tên những món người ta phục vụ anh, anh những muốn có cái thực đơn trước mắt để theo dõi điệu vũ của những món ăn; đây là món mà có lẽ người ta gọi là chả tôm cua, và đây là món thịt đông, thạch quả và kia có lẽ là món bánh phồng, anh chú ý để không bị mang ra phán xét, để không có vẻ nghèo đói như thực tế. Nếu ở vào vị trí của Édouard, ngay cả với gương

mặt bị thủng ở chính giữa, anh cũng sẽ về để thưởng thức những món kem này, khung cảnh này, sự sang trọng này mà không một giây ngần ngại. Đó là chưa kể cô người hầu nhỏ nhắn có đôi mắt đen. Điều khiến anh khó chịu, điều ngăn cản anh thực sự thưởng thức các món ăn, đó là vị trí cánh cửa mà nhân viên phục vụ ra vào lại nằm ngay sau lưng anh, và mỗi lần cửa mở ra là anh lại cứng người, quay lại, những cử chỉ đó lại càng khiến anh giống một người bị bỏ đói đang chăm chăm dõi theo các món ăn được mang lên.

Ông Péricourt sẽ không bao giờ biết được những gì vừa nghe có bao nhiêu phần sự thật, kể cả một ít điều ông nghe kể về cái chết của đứa con trai. Giờ đây, điều đó không quan trọng nữa. Chính là bởi kiểu từ bỏ như thế mà bắt đầu những cảnh tang tóc, ông tự nhủ. Trong bữa ăn, ông cố nhớ lễ tang của vợ mình đã diễn ra như thế nào nhưng lâu quá rồi.

Đến lúc Albert, sau khi thôi nói cũng đã ngừng ăn; im lặng kéo dài, trong phòng lớn, người ta nghe rõ tiếng bát đĩa va vào nhau lách cách như tiếng nhạc ngựa. Đó là thời điểm khó khăn, khi mà ai cũng tự trách mình đã không biết cách tận dụng cơ hội. Ông Péricourt đắm chiêu suy nghĩ. Madeleine làm phần việc khó nhất:

— Nhân tiện, cậu Maillard ạ, không biết tôi hỏi thế này có đường đột không... cậu đang làm việc trong ngành nào vậy?

Albert nuốt miếng thịt gà, cầm ly rượu Bordeaux lên, thốt lên một tiếng tấm tắc khen ngon để câu giờ.

— Quảng cáo, - cuối cùng anh trả lời. - Tôi làm trong ngành quảng cáo.

— Công việc thú vị đấy, - Madeleine nói. - Thế... cụ thể cậu làm gì?

Albert đặt ly xuống, hăng giọng:

— Tôi không làm việc trong lĩnh vực quảng cáo đúng nghĩa. Tôi làm cho một công ty quảng cáo. Làm kế toán, chị thấy đấy.

Như thế không thú vị bằng, anh thấy rõ điều đó trên các gương mặt, không hiện đại bằng, không hấp dẫn bằng, và như thế là mất đi một chủ đề trò chuyện thú vị.

— Nhưng tôi theo rất sát công việc, - Albert nói thêm, anh cảm thấy người nghe đang tỏ ra thất vọng. - Đó là một lĩnh vực... rất... rất thú vị.

Anh chỉ nói được có thế. Anh thận trọng từ chối món tráng miệng, cà phê, rượu. Ông Péricourt nhìn anh chăm chăm, đầu ông hơi cúi xuống, trong khi đó Madeleine vẫn tiếp tục duy trì một cuộc nói chuyện hoàn toàn vô vị, không để chút thời gian chết nào với một sự tự nhiên chứng tỏ cô rất dày dặn kinh nghiệm trong những tình huống tương tự.

Khi Albert đã vào sảnh, người ta hỏi áo khoác cho anh, cô hầu trẻ tuổi sắp đến.

— Cảm ơn cậu Maillard rất nhiều, - Madeleine nói, - vì đã đến nhà chúng tôi chơi.

Tuy nhiên, cô hầu xinh đẹp không đến mà là một cô rất xấu, trẻ nhưng mà xấu, lại nghe mùi đồng ruộng. Cô hầu xinh đẹp kia có lẽ đã hết ca.

Ông Péricourt chợt nhớ đôi giày mà ông thấy lúc nãy. Ông cúi xuống nhìn trong khi khách đang khoác chiếc áo va rơi nhuộm lại của mình. Madeleine thì không nhìn, cô đã thấy trước đó, thấy ngay, một đôi giày mới, sáng choang, rẻ tiền. Ông Péricourt ra chiều suy nghĩ.

— Cậu Maillard này, cậu nói cậu là kế toán...

— Vâng.

Đó là điểm lẽ ra ông nên quan sát ở chàng trai này: khi cậu ta nói thật, gương mặt cậu ta thể hiện ra ngay... Quá muộn rồi, thôi kệ.

— Thế thì, - ông nói tiếp, - chúng tôi đang cần một kế toán. Tín dụng đang rất phát triển, cậu thấy đấy, Nhà nước phải đầu tư. Bây giờ cơ hội rất nhiều.

Với Albert, rất tiếc đây không phải là câu nói của giám đốc Ngân hàng liên hiệp Paris, người đã đuổi việc anh vài tháng trước đó.

— Tôi không biết lương bổng hiện tại của cậu như thế nào, - ông Péricourt nói tiếp, - nhưng điều đó không quan trọng. Cậu nên biết rằng nếu chấp nhận làm việc cho chúng tôi, cậu sẽ được hưởng những điều kiện tốt nhất, cá nhân tôi đảm bảo điều đó.

Albert mím môi. Thông tin đến với anh dồn dập và giờ anh đang ngạt thở vì lời đề nghị đó. Ông Péricourt nhìn anh về độ lượng. Bên cạnh ông,

Madeleine cười hiền lành, như một người mẹ nhìn con chơi trên cát.

— Là vì... - Albert ấp úng.

— Chúng tôi cần những người trẻ năng động và có năng lực.

Những từ chỉ phẩm chất đó làm Albert chết khiếp. Ông Péricourt nói với anh như thể anh đã học Trường Cao đẳng Thương mại Paris. Ngoài việc rõ ràng có sự nhầm lẫn về con người, Albert cảm thấy rằng ra khỏi dinh thự Péricourt đã là kỳ diệu lắm rồi. Lại một lần nữa giáp mặt với gia đình Péricourt, cho dù vì công việc, với bóng của đại úy Pradelle đi ngang dọc khắp các hành lang...

— Cảm ơn bác nhiều, - Albert nói, - nhưng cháu đã có một chỗ rất tốt rồi.

Ông Péricourt giơ tay lên, tôi hiểu, không thành vấn đề. Khi cánh cửa khép lại, ông vẫn đứng lại một lát, bất động, trầm tư.

— Chào con yêu nhé, - cuối cùng ông nói.

— Chào bố.

Ông hôn lên trán con gái. Đàn ông ai cũng làm thế với cô.

Édouard thấy ngay là Albert thất vọng. Đi chơi về mà mặt mũi rầu rĩ; sự việc đã không diễn ra đúng như dự kiến với cô bạn mà cậu ta đang đeo đuổi, cho dù có đi một đôi giày mới và đẹp. Hoặc có thể chính vì đôi giày đó, Édouard nghĩ bụng, anh biết sự lịch thiệp đích thực là gì và không tin tưởng vào những cơ hội của Albert khi nhìn thấy đôi giày của cậu ta.

Về nhà, Albert nhìn đi nơi khác, như một người nhút nhát, thật bất thường. Thường ngày thì ngược lại, cậu ta nhìn anh chăm chăm - ổn chứ? Đó là một ánh mắt cơ hồ cực đoan, ánh mắt đó nói lên rằng cậu ta không sợ nhìn vào mặt anh khi anh không đeo mặt nạ, như buổi tối hôm đó. Thay vì thế, Albert bỏ giày vào hộp như giấu một kho báu, nhưng không lấy gì làm vui vẻ, một kho báu đáng thất vọng, anh tự trách mình sao lại nghe theo ý muốn đó, thật là lãng phí, với tất cả những gì mà hai người còn phải mua, tiêu từng ấy chỉ để ăn diện ở nhà Péricourt thôi mà. Kể cả cô hầu bé nhỏ cũng cười anh. Anh không cử động, Édouard chỉ thấy lưng anh, bất động, mệt mỏi.

Đó là điều khiến anh quyết định vào cuộc. Dù anh đã tự hứa với bản thân sẽ không tiết lộ bất cứ điều gì chừng nào kế hoạch chưa chốt hẳn, mà kế hoạch thì còn lâu mới chốt xong. Hơn nữa, anh vẫn chưa hoàn toàn hài lòng về những gì mình đã làm được còn Albert thì chưa đủ tinh thần để bàn đến những chuyện nghiêm túc... rất nhiều lý do để giữ nguyên quyết định ban đầu, là thổ lộ muện chừng nào hay chừng ấy.

Sở dĩ anh quyết tâm bất chấp tất cả mà thú thực mọi chuyện, thì chính là bởi đồng đội của anh buồn. Trên thực tế, lý lẽ này chỉ che đậy lý do thật của anh: anh đang vội; kể từ buổi chiều khi anh vẽ xong bức chân dung nhìn nghiêng của một đứa trẻ, anh đã vô cùng nóng ruột.

Thế nên quyết định đúng đắn dẫn đến đâu thì cũng mặc kệ.

— Ít nhất mình đã ăn tối rất ngon, - Albert nói, không đứng dậy.

Anh hỉ mũi, không muốn quay lại, không muốn làm trò cười cho mọi người.

Khi đó, Édouard trải qua một khoảnh khắc sống động, khoảnh khắc của sự chiến thắng. Không phải chiến thắng Albert, không phải, mà là lần đầu tiên kể từ khi đời anh suy sụp, anh có niềm vui chiến thắng vì cảm thấy mình mạnh mẽ, hân hoan mừng rỡ tưởng rằng tương lai sẽ phụ thuộc vào anh.

Albert cố đứng dậy, mắt nhìn xuống, mình đi lấy than đây, cũng bằng thừa, Édouard những muốn siết chặt Albert vào lòng, ôm hôn cậu ta nếu anh có môi.

Albert vẫn đi xuống bằng đôi giày vải kẻ ô vuông quá khổ, mình quay lại sau, anh nói thêm, như thể nói thêm câu ấy là cần thiết lắm; những đôi bạn lâu năm thường như vậy, họ nói với nhau theo thói quen và không nhận thấy tầm quan trọng của những câu mình nói ra nếu người kia lắng nghe thực sự.

Khi Albert đã xuống cầu thang, Édouard nhảy lên ghế, nhắc cửa sập lên, lôi cái túi ra, đặt lại chiếc ghế vào chỗ cũ, phủ bụi rồi ngồi trên chiếc đôn, cúi xuống, lấy từ gầm ghế ra cái mặt nạ mới, đeo vào và chờ đợi, cuốn vở vẽ đặt sẵn trên đầu gối.

Anh chuẩn bị xong quá sớm và thấy thời gian sao mà dài, anh ngóng tiếng Albert đi trên cầu thang, tiếng chân rất nặng vì xô than đầy, đó là loại xô cỡ đại, nặng kinh khủng. Cuối cùng Albert đẩy cửa. Khi ngược mắt lên, anh chờ người, kính ngạc, buồng rơi cái xô khiến nó rơi đánh xoảng rất to. Anh cố gắng định thần, chìa tay ra nhưng không thấy gì, anh há hốc miệng, chực khụy xuống, chân anh không thể đứng vững được nữa, cuối cùng anh quỵ xuống sàn nhà, hoảng hốt.

Chiếc mặt nạ mà Édouard đang đeo to như thật, đó là cái đầu ngựa.

Édouard đã lấy giấy bồi cứng tạo nên chiếc mặt nạ này. Tất cả đều hiển hiện trong đó, sắc nâu với những vết lằn tối, bộ lông ngả màu đen được làm từ nhung lông màu hạt dẻ rất mềm, đôi má hốc hác trề xuống, cái mặt dài,

rất góc cạnh tiếp nối với hai lỗ mũi mở to như hai cái hố... Với đôi môi to tướng có nhiều lông tơ và đang hé mở, chiếc mặt nạ giống một cách kỳ lạ.

Khi Édouard nhắm mắt lại, là chính con ngựa đó đang nhắm mắt. Albert chưa bao giờ so sánh Édouard với con ngựa.

Anh xúc động, nước mắt ứa ra, như thể vừa tìm lại được một người bạn tuổi thơ hay một người em trai.

— Ôi chà!

Anh vừa cười vừa khóc, ối chà, anh nói lại, vẫn không đứng dậy, vẫn quỳ như thế, anh nhìn con ngựa của mình, ái chà chà... Thật ngớ ngẩn, chính anh nhận ra điều đó, anh muốn hôn lên cái miệng to tướng mượt như nhung kia. Nhưng anh chỉ sán lại, giơ ngón trỏ ra và sờ lên cặp môi. Édouard nhận ra cử chỉ đó cũng giống cử chỉ của Louise mới đây, sự xúc động xâm chiếm lấy anh. Tất cả những gì anh có thể nói. Hai người đàn ông im lặng, mỗi người trong thế giới của riêng mình, Albert xoa xoa cái đầu ngựa, Édouard đón nhận sự vuốt ve.

— Mình sẽ không bao giờ biết được tên nó là gì... - Albert nói.

Ngay cả những niềm vui lớn cũng để lại cho bạn chút tiếc nuối, trong tất cả những gì mà chúng ta trải qua luôn có một chút lờ làng.

Và rồi, Albert phát hiện ra quyển sổ vẽ như thể nó chỉ vừa mới xuất hiện trên đầu gối Édouard.

— Ồ, cậu lại vẽ à?

Tiếng gọi của con tim.

— Mình rất vui, cậu không biết đâu...!

Albert cười một mình, như thể anh rất vui vì cuối cùng cũng thấy những cố gắng của mình được đền đáp. Anh chỉ chiếc mặt nạ.

— Cái này cũng thế, cậu thấy đấy! Buổi tối thật tuyệt!

Vẽ thêm muốn, anh chỉ vào quyển sổ.

— Và... mình có thể xem chứ?

Anh ngồi bên cạnh Édouard, cậu ta từ từ mở sổ vẽ, một nghi thức đích thực.

Ngay những trang tranh đầu tiên, Albert đã thấy thất vọng. Không thể giấu giếm. Anh ấp úng, thế à... rất tốt... rất tốt... cho có lệ bởi vì, thực ra, anh không biết nói sao để khỏi có vẻ giả dối. Bởi vì rốt cuộc, đó là gì mới được chứ? Trên tờ giấy lớn, có một người lính và rất xấu. Albert gập quyển sổ vẽ lại và chỉ vào cái bìa.

— Này, - anh nói, vẽ kinh ngạc, - cậu đã tìm đâu ra thứ này?

Đó chỉ là một cách đánh lạc hướng mà thôi. Đó là Louise. Dĩ nhiên rồi. Tìm sổ hay vở với cô bé có lẽ chỉ là trò trẻ con. Sau đó, lại phải xem tranh một lần nữa, biết nói gì bây giờ? Lần này Albert gật gù ưng thuận...

Anh dừng lại trước bức vẽ thứ hai, đó là một bức tượng đá liền bệ bia được vẽ bằng bút chì rất tinh tế. Phía bên trái trang ta thấy bức tượng nhìn thẳng, còn phía bên phải trang bức tượng nhìn nghiêng. Đó là bức tượng một người lính đang đứng, được trang bị đầu ra đấy, đầu đội mũ cát, súng đeo chéo vai, đang ở tư thế tiến lên, đầu ngẩng cao, mắt nhìn về phía xa xăm, bàn tay hơi vơi, ở những đầu ngón tay vẫn đang chìa ra là bàn tay của một phụ nữ. Người phụ nữ ở phía sau người lính, mặc áo cánh hoặc đeo tạp dề, tay bế một em nhỏ, chị đang khóc, cả hai đều rất trẻ, bên trên bức tranh có đề: *Lên đường chiến đấu.*

— Vẽ đẹp quá!

Đó là tất cả những gì anh có thể nói.

Édouard không lấy thế làm bực, cậu ta lùi lại, cời mặt nạ và để xuống đất, phía trước hai người. Như vậy, dường như con ngựa đang ngoi đầu lên khỏi sàn nhà và chìa ra cho Albert cái miệng to đầy lông lá và có viền sắc nét.

Édouard gọi lại sự chú ý của Albert bằng cách nhẹ nhàng giở sang trang sau: *Tấn công!*, bức vẽ có tên như vậy. Bức này vẽ ba người lính, họ đang tuân theo mệnh lệnh được nêu trong tiêu đề. Họ tiến công theo nhóm, một người cầm súng có gắn lưỡi lê, người lính thứ hai, ngay cạnh, đang chìa tay ra chuẩn bị ném một quả lựu đạn, người thứ ba hơi lùi lại phía sau vừa bị trúng một viên đạn hay mảnh pháo, anh cong người lại, hai đầu gối khuỵu xuống, sắp ngã ngựa...

Albert lần giở quyển sổ: *Đứng lên hỡi các tử sĩ! Rồi Người lính hy sinh bảo vệ cờ Tổ quốc và Đồng đội...*

— Đây là những bức tượng...

Đó là một câu hỏi, giọng lưỡng lự. Chính là bởi Albert đã nghĩ đến tất cả, ngoại trừ điều này.

Édouard đồng tình, mắt vẫn dán lên những bức tranh, đúng thế, là những bức tượng, vẽ hài lòng. Tốt, tốt, tốt, Albert có vẻ như nói, không gì khác, những gì còn lại bị mắc cứng trong lồng ngực.

Anh nhớ rõ quyển sổ ký họa của Édouard mà anh đã tìm thấy trong đồ đạc của cậu ta, đầy những cảnh vẽ vội bằng bút chì xanh, anh đã gửi quyển sổ đó cho gia đình kèm theo bức thư báo tử. Tóm lại, tình cảnh thì cũng giống như bây giờ, những người lính đang chiến đấu, nhưng những bức vẽ trước đây rất thật, rất hiện thực...

Albert không biết gì về nghệ thuật, chỉ có những thứ làm anh động lòng và những thứ không khiến anh động lòng. Những bức anh đang xem thì vẽ rất đạt, rất công phu, tỉ mỉ, nhưng mà... anh tìm tòi, nhưng mà... bất động quá. Và cuối cùng, anh thấy: chẳng có gì là thực! Thế đấy. Anh, một người đã biết qua những chuyện ấy, một người từng là lính, anh biết rằng những hình ảnh đó được đúc kết bởi những kẻ chưa bao giờ ra trận. Thật hào hiệp, thật đáng tin cậy, nhằm khiến người xem phải mỉm lòng, nhưng lại hơi phô diễn quá. Anh là một người khiêm tốn. Còn ở đây, nét vẽ luôn thái quá, trông như vẽ bằng các tính từ. Anh tiếp tục lần giở quyển sổ, và đây là bức *Nước Pháp khóc thương những người Anh hùng*, một cô gái trẻ đang khóc sướt mướt, tay ôm một người lính đã hy sinh, rồi bức *Kẻ mồ côi nghĩ suy về sự hy sinh*, một cậu bé đang ngồi, tay ôm má, bên cạnh nó, có thể nó đang mơ, hoặc đang nghĩ, có một người lính đang nằm dài, hấp hối, anh giơ tay về phía đứa trẻ... Đơn giản quá, ngay cả với người mù tịt về hội họa, thì cũng xấu toàn diện, phải xem thì mới tin được. Kia là *Chú gà trống giẫm mũ lính Đức*, lạ Chúa, chú gà sừng sộ, mỏ chìa lên trời, với đầy những lông là lông...

Albert không thích chút nào. Đến nỗi anh ghen lời. Anh liếc trộm Édouard, cậu ta đang trù mẫm nhìn những bức vẽ của mình với ánh mắt bao bọc, chở che như người ta nhìn những đứa con mà mình rất đổi hãnh diện, cho dù chúng có xấu xí, người ta cũng chẳng nhận ra. Nỗi buồn của Albert, cho dù lúc ấy anh không hiểu, đó là thấy Édouard đáng thương đã đánh mất tất cả trong cuộc chiến, thậm chí cả tài năng của anh.

— Còn... - anh bắt đầu nói.

Bởi vì cuối cùng, cũng phải nói gì đó.

— Sao lại là những bức tượng?

Édouard tìm ở cuối quyển sổ, anh rút ra những bài báo đã được cắt riêng, đưa ra một bài trong đó anh đã khoanh tròn những dòng chữ bằng bút chì đậm: “Ở đây cũng như ở mọi nơi, thành phố, làng mạc, thậm chí các nhà ga, ai ai cũng muốn có đài tưởng niệm liệt sĩ riêng...”

Bài báo được cắt ra từ tờ *Miền Đông Cộng hòa*. Còn có nhiều bài khác, Albert đã phát hiện ra tập hồ sơ này, nhưng không nắm bắt được logic của nó, những danh sách tử sĩ cùng làng, cùng nghiệp đoàn, một buổi lễ đang được cử hành chỗ này, một cuộc duyệt binh, một cuộc quyên góp chỗ khác, tất cả đều trở lại một ý, đó là công trình tưởng niệm.

— Đồng ý! - Anh trả lời, cho dù không thực sự hiểu đó là gì.

Édouard liền chỉ một phép toán mà anh đã làm ở góc trang: “30.000 công trình x 10.000 quan — 300 triệu quan.”

Lần này, Albert nắm được rõ hơn bởi số tiền rất lớn. Thậm chí đó là cả một gia tài.

Anh không thể tưởng tượng nổi với số tiền đó người ta có thể mua được cái gì. Trí tưởng tượng của anh vấp phải con số như một con ong va vào cửa kính.

Édouard lấy quyển sổ từ tay Albert và chỉ cho anh trang cuối.

KÝ ỨC YÊU NƯỚC

Bia, công trình và tượng

tôn vinh những người anh hùng của chúng ta

và nước Pháp chiến thắng

—*—

Catalogue

— Cậu muốn bán các công trình tưởng niệm à?

Ừ, đúng thế. Édouard hài lòng vì Albert đã hiểu, cậu ta vỗ đùi đen đét kèm theo tiếng kêu bằng cổ họng ấy, tiếng gù gù mà người ta không biết từ đâu phát ra và phát ra như thế nào, chẳng giống gì hết, chỉ là rất khó nghe.

Albert không hiểu nổi là người ta có thể nảy sinh niềm khát khao xây dựng công trình tưởng niệm, trái lại, con số ba trăm triệu quan bắt đầu rã ra một con đường trong trí tưởng tượng của anh: điều đó có nghĩa là nhà “như nhà của ông Péricourt chẳng hạn, xe limousine”, và thậm chí “khách sạn hạng sang”... Anh đỏ mặt, anh vừa nghĩ đến hai chữ “đàn bà”, cô bé người hầu nhỏ nhắn có nụ cười hủy diệt thoáng lướt qua trước mắt anh, bản năng thô, khi có tiền, người ta luôn muốn có đàn bà cho xứng tầm.

Anh đọc những dòng tiếp theo, đó là những lời quảng cáo bằng chữ hoa nhỏ, được viết cẩn thận như in: “... VÀ BẠN XÓT XA CẢM THẤY CÓ NHU CẦU ĐƯỢC LƯU TRUYỀN KÝ ỨC VỀ NHỮNG NGƯỜI CON CỦA THÀNH PHỐ, LÀNG MẠC NƠI BẠN SINH SỐNG, NHỮNG NGƯỜI ĐÃ LẤY NGỰC MÌNH LÀM THÀNH LŨY SỐNG CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC.”

— Tất cả những cái này hay thật đấy, - Albert nói, - thậm chí mình thấy đây là một ý tưởng tuyệt vời...

Anh hiểu rõ hơn tại sao những bức vẽ đó lại làm anh thất vọng đến nhường ấy, chúng sinh ra không phải để bộc lộ cảm xúc, mà để biểu hiện tình cảm tập thể, để làm đẹp lòng số đông công chúng đang có nhu cầu xúc cảm, đang cần chủ nghĩa anh hùng.

Ở chỗ khác: “... XÂY DỰNG MỘT TƯỢNG ĐÀI XỨNG ĐÁNG VỚI ĐỊA PHƯƠNG, XỨNG ĐÁNG VỚI NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG MÀ BẠN MUỐN NÊU GƯƠNG CHO THẾ HỆ MAI SAU, MẪU TƯỢNG ĐÀI ĐƯỢC GIỚI THIỆU CÓ THỂ ĐƯỢC GIAO TẶNG NƠI, TÙY THEO ĐIỀU KIỆN TÀI CHÍNH CỦA BẠN, TƯỢNG ĐÀI CÓ THỂ ĐƯỢC

LÀM BẰNG ĐÁ HOA CƯƠNG, BẰNG ĐỒNG, BẰNG ĐÁ VÀ GRANIT SILICAT HÓA HOẶC MẠ ĐỒNG...”

— Vụ làm ăn của cậu dù sao cũng phức tạp đấy... - Albert nói tiếp. - Trước hết là bởi không phải chỉ vẽ tượng đài ra là bán được đâu. Với lại, khi đã bán được rồi thì còn phải dựng! Phải có tiền, phải có nhân sự, phải có một nhà máy, nguyên liệu...

Anh sững sốt khi nhận thức được việc mở một xưởng đúc thì sẽ như thế nào.

— ... sau đó, phải vận chuyển tượng đài, phải dựng tại chỗ... Phải cần rất nhiều tiền!

Trở đi trở lại cũng chỉ có vấn đề đó. Tiền. Ngay cả những người khéo léo nhất cũng không thể bằng lòng với năng lực của bản thân. Albert cười hiền, vỗ lên đầu gối bạn.

— Được, cậu nghe đây, ta sẽ suy nghĩ. Mình thì mình thấy cậu muốn tiếp tục làm việc là một ý rất hay. Có thể cậu không phải xoay theo hướng này; tượng đài phức tạp lắm! Nhưng không sao, quan trọng là cậu đã lại hứng thú với mọi thứ, phải không nào?

Không. Édouard siết nắm đấm và cào vào không khí, như đang đánh giày vậy. Thông điệp đã rõ: Không, phải làm nhanh!

—Ồ hay, làm nhanh, làm nhanh... - Albert nói, - cậu lạ thật đấy!

Trên một trang khác của quyển sổ lớn, Édouard viết vội một con số: “300” tượng đài! Cậu ta gạch ”300” đi rồi viết “400”! Thật nhiệt tình quá! Cậu ta viết thêm: “400 x 7.000 quan = 3 triệu!”

Cậu ta điên thật rồi, không nghi ngờ gì nữa. Muốn lập một dự án bất khả thi là chưa đủ, cậu ta còn muốn thực hiện ngay, khẩn cấp. Ừ, ba triệu, trên nguyên tắc, dĩ nhiên Albert chẳng có gì phải phản đối. Thậm chí có thể anh sẽ đồng tình. Nhưng rõ ràng, Édouard chẳng còn tí gì gọi là thực tế. Cậu ta vẽ ba bức tranh và thế là trong đầu cậu ta, người ta đã đến giai đoạn thi công! Albert hít một hơi, như để lấy đà. Rồi cố nói một cách bình tĩnh:

— Nghe đây ông bạn, mình nghĩ rằng như thế không hợp lý. Muốn dựng bốn trăm tượng đài, mình không biết cậu có tưởng tượng được như thế là

thế nào không...

Hây! Hây! Khi Édouard phát ra âm thanh đó, có nghĩa là quan trọng lắm, cậu ta đã phát ra những âm thanh đó một hay hai lần gì đó từ khi hai người biết nhau, cấp bách lắm, cậu ta không nổi giận nhưng muốn được hiểu. Cậu ta cầm bút:

— Ta không sản xuất! - Cậu ta viết. - Ta bán!

— Thì đúng rồi! - Albert nổi xung, - nhưng mà mẹ kiếp! Muốn bán thì phải làm ra đã chứ?

Édouard ghé sát mặt vào mặt Albert; hai tay cậu ta ôm lấy đầu Albert như muốn hôn lên môi anh. Cậu ta trả lời không, mắt cậu ta tươi cười, cậu ta lại cầm bút chì.

— Ta chỉ bán thôi...!

Những điều được mong đợi nhất thường đến một cách bất ngờ. Đó là những gì đang diễn ra với Albert. Édouard, vui mừng quá đỗi, bỗng nhiên trả lời câu hỏi đầy ám ảnh mà đồng đội của anh tự đặt ra cho mình từ ngày đầu tiên. Anh cười phá lên! Đúng thế, cười phá lên, lần đầu tiên.

Và đó là điệu cười gần như bình thường, một tiếng cười hòng, khá nữ tính, the thé, một tiếng cười thực sự, có độ rung, độ ngân.

Albert hụt hơi, miệng há hốc.

Anh cúi xuống nhìn tờ giấy, đọc những chữ cuối cùng Édouard đã viết:

— Ta chỉ bán thôi! Ta không làm! Ta chỉ lấy tiền thôi.

— Rốt cuộc... - Albert hỏi.

Anh rất bực vì Édouard không trả lời câu hỏi của mình.

— Và rồi sau đó? - Anh khẩn khoản. - Sau đó ta làm gì?

— Sau đó ư?

Édouard lại cười phá lên lần thứ hai. Cười to hơn.

— Ta ôm két tiền và chuồn!

Chưa đến bảy giờ sáng mà rét ghê gớm. Từ cuối tháng Giêng, tiết trời không còn băng giá - may là thế: nếu không đã phải vừa đi vừa cào tuyết, bị cấm tiệt theo quy định - nhưng gió thổi rất lạnh, ẩm ướt, không ngừng, kết thúc chiến tranh để có những mùa đông như thế thì thật là cơ cực.

Henri không muốn đứng chờ lâu, y thích ở lại trong xe hơn. Và lại, cũng không thực sự tốt hơn khi ngồi trong chiếc xe này, bạn được sưởi ấm phía trên hoặc phía dưới chứ không bao giờ cả hai. Và rồi, dẫu sao, trong lúc này, điều gì cũng khiến Henri bực tức, chẳng có cái gì ra hồn cả. Với những nỗ lực mà y bỏ ra cho công việc, đáng lẽ y phải được yên ổn, không đúng sao? Nhảm to, lúc nào cũng phải có trở ngại, bất trắc, y phải có mặt khắp nơi cùng một lúc. Đơn giản thôi, cái gì y cũng làm một mình. Nếu như y không thường xuyên đứng sau Dupré thì...

Dĩ nhiên, điều ấy không hoàn toàn chính xác, Henri cũng thừa nhận như vậy, Dupré vất vả ngược xuôi, rất chăm chỉ và hăng say trong công việc. Phải tính toán xem anh ta đã làm được gì cho mình, rồi mình sẽ bình tĩnh trở lại, Henri nghĩ bụng, nhưng mà thế đấy, y nổi nóng với tất cả mọi người.

Đó cũng là hậu quả của sự mệt mỏi, nửa đêm nửa hôm đã phải đi và con bé người Do Thái đó đã rút cạn sức lực của y... Dù thế, chỉ có Chúa mới biết là y không thích người Do Thái - những người trong dòng họ Aulnay-Pradelle chống lại Dreyfus từ thời Trung cổ - nhưng con gái của bọn đó đúng là những con đĩ thần tiên khi làm chuyện ấy!

Y bực mình siết chặt áo khoác và nhìn Dupré gõ cửa văn phòng tỉnh.

Lão gác cổng vừa mặc lại quần áo. Dupré giải thích, chỉ xe ô tô, lão gác cổng cúi xuống, khum tay che mắt như thể trời đang có nắng. Lão biết. Thông tin đi từ nghĩa trang liệt sĩ đến văn phòng tỉnh làm gì mất đến một

tiếng đồng hồ. Đèn điện từ các phòng lần lượt được bật lên, cửa lại mở; cuối cùng Pradelle cũng ra khỏi chiếc Hispano, qua cổng rất nhanh, vượt trước lão gác cổng đang định chỉ đường cho y, y khoát tay về kiên quyết, tôi biết, tôi quen rồi, đây khác gì ở nhà tôi.

Ông tỉnh trưởng không chấp nhận thế. Gaston Plerzec. Đã bốn mươi năm nay ông ta trả lời với mọi người rằng không, ông ta không phải là người Bretagne. Đêm qua ông ta không ngủ. Trong suy nghĩ của ông ta, từng giờ trôi qua, xác lính đã lẫn vào người Trung Quốc, những chiếc quan tài tự di chuyển, một số còn trưng ra nụ cười cay độc. Ông ta chọn một tư thế kiêu hãnh, với ý nghĩ rằng tư thế này phản ánh chức vụ quan trọng của mình: trước lò sưởi, một tay đặt lên bệ, tay kia thọc vào túi áo vest mặc bên trong, cầm vênh lên, làm tỉnh trưởng thì cầm quan trọng lắm.

Pradelle khinh hết, cả ông tỉnh trưởng, cả cái cầm ông tỉnh trưởng, cả cái lò sưởi, y vào mà không để ý đến tư thế của ông ta, thậm chí chẳng chào hỏi gì, ngồi phịch xuống ghế bành dành cho khách, và, ngay tức thì:

— Này, cái trò ngu ngốc này là gì thế?

Nhận xét đó hạ gục Plerzec.

Hai người đã gặp nhau hai lần, trong cuộc họp kỹ thuật lúc chương trình chính phủ mới bắt đầu rồi trong lễ khánh thành công trình, diễn văn của thị trưởng, nghi lễ tưởng niệm... Henri giậm giậm chân, như thể chỉ phải làm mỗi việc ấy! Ông tỉnh trưởng biết - nhưng ai mà chả biết? - rằng ông Aulnay-Pradelle là con rể của Marcel Péricourt, bạn đồng môn đồng thời là bạn thân của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Tổng thống Cộng hòa cũng đã đích thân đến dự lễ cưới con gái ông. Plerzec không dám tưởng tượng đến những mối quan hệ bằng hữu, những tình cảm xung quanh câu chuyện này. Đó là những thứ đã khiến ông ta mất ngủ, tất cả những người có quyền có thể đứng sau những phiền phức đó và áp lực mà bọn họ gây ra, sự nghiệp của ông ta như rơm trước lửa. Chỉ vài tuần trước đó, quan tài từ khắp vùng đã bắt đầu được tập trung tại nghĩa trang Dampierre tương lai, nhưng mà, cứ xem cái cách người ta chôn cất hài cốt, tỉnh trưởng Plerzec lo lắng ngay. Khi những vấn đề đầu tiên xuất hiện, ông ta muốn tự bảo vệ mình, theo

phản xạ bản năng; giờ thì có gì đó đang thì thầm với ông ta rằng, có lẽ ông đã hoảng sợ quá mức.

Họ im lặng chạy xe.

Pradelle, về phần mình, đang thắc mắc liệu mình có hơi quá tham lam không. Quá phiền nhiễu.

Ông tỉnh trưởng họ, xe ô tô gặp phải ổ gà, ông ta bị cộc đầu, chẳng ai nói một lời thương cảm. Phía sau, Dupré cũng bị cộc đầu nhiều lần, giờ thì anh ta đã biết cách ngồi thế nào, hai đầu gối bành ra, một tay ở đây, một tay ở kia. Ông chủ lái xe quá nhanh.

Ông thị trưởng, được bảo vệ cơ quan tỉnh gọi điện báo trước, đang chờ họ trước công nghĩa trang liệt sĩ Dampierre sắp xây, tay cầm một quyển sổ. Nghĩa trang này sẽ không lớn lắm, chín trăm ngôi mộ. Người ta không bao giờ hiểu được Bộ quyết định địa điểm ra sao.

Từ xa, Pradelle nhìn ông thị trưởng, ông ta giống một công chứng viên đã về hưu, hoặc một ông giáo, tức là những nghề tẻ nhất. Họ rất chú trọng chức vụ, đặc quyền của họ, những người rất chi li, tỉ mỉ. Pradelle nghiêng về khả năng công chứng viên, giáo viên phải gầy hơn.

Y đậu xe, bước xuống, ông tỉnh trưởng bên cạnh, họ bắt tay nhau mà không nói lời nào, thời điểm rất nghiêm trọng.

Họ đẩy cánh cổng dựng tạm. Phía trước họ trải rộng một cánh đồng bao la đã san phẳng, đầy đá cuội và trơ trụi, trên đó người ta vẽ những đường thẳng đều tăm tắp, vuông góc. Rất quân đội. Chỉ có những lối đi xa nhất là đã làm xong, nghĩa trang dần được phủ kín mộ và thánh giá như một tấm ga được kéo lên. Gần lối vào, những căn lán dựng tạm được dùng làm trụ sở của ban quản trị, hàng chục cây thánh giá màu trắng đang được chôn đóng trên những tấm phản. Xa hơn, dưới nhà kho, được che kín bằng những tấm bạt, quân cụ thừa và quan tài được xếp chồng lên nhau, cỡ một trăm. Thông thường, quan tài được chuyển đến theo tốc độ chôn cất, và nếu có quá nhiều quan tài được chuyển đến trước thì có nghĩa là tiến độ đang chậm. Pradelle quay lại liếc nhìn Dupré, anh ta đã khẳng định rằng, quá

thực, công việc không hoàn thành sớm hơn dự kiến. Thêm một lý do nữa để đẩy nhanh tiến độ, Henri tự nhủ và sải bước dài hơn.

Trời sắp sáng. Hàng mấy cây số vuông mà chẳng có lấy một bóng cây. Nghĩa trang gợi nhớ đến một bãi chiến trường. Cả đoàn người bước đi theo hướng dẫn của ông thị trưởng, ông ta vừa đi vừa lẩm bẩm: “E13, ta xem E13...” Ông ta biết rất rõ vị trí của ngôi mộ E13 chết tiệt, hôm trước ông ta đã ở đó gần một tiếng đồng hồ, nhưng đi thẳng đến đó mà không phải tìm kiếm thì chẳng khác nào xúc phạm đầu óc chu đáo của ông.

Cuối cùng, họ dừng chân trước một ngôi mộ mới bốc. Một chiếc quan tài xuất hiện bên dưới lớp đất mỏng, phần chân được dọn khá sạch và kê hơi nhô lên để người ta có thể đọc dòng chữ: “Ernest Blachet - hạ sĩ 133e RI - Hy sinh vì nước Pháp ngày 4 tháng Chín năm 1917”.

— Thế thì sao? - Pradelle hỏi.

Ông tỉnh trưởng chỉ vào quyển sổ mà ông thị trưởng mở ra trước mặt như sách phù thủy hay kinh thánh và đọc một cách trang trọng:

— “Địa điểm E13: Simon Perlatte - binh nhì - Quân đoàn 6 - Hy sinh vì nước Pháp ngày 16 tháng Sáu năm 1917.”

Ông thị trưởng đóng quyển sổ cái bộp. Pradelle nhú mày. Y muốn nhắc lại câu hỏi: Thế thì sao? Nhưng y cứ để người ta tự hiểu. Ông tỉnh trưởng tiếp tục nói, trong sự phân chia quyền lực giữa cấp thành phố và cấp tỉnh, ông chính là người có quyền sinh quyền sát:

— Quân của anh đã lẫn lộn quan tài và vị trí chôn.

Pradelle quay về phía ông ta, vẻ dò hỏi.

— Công việc do những người Trung Quốc của anh làm cả, - ông tỉnh trưởng nói thêm. - Nhưng họ không tìm đúng vị trí... Thấy cái hố nào đầu tiên là bọn họ cho quan tài xuống.

Lần này, Henri quay sang Dupré.

— Sao bọn Trung Quốc ngu ngốc đó lại làm thế?

Ông tỉnh trưởng trả lời:

— Họ không biết đọc, thưa ông Aulnay-Pradelle... Làm việc này mà ông lại sử dụng những người không biết đọc.

Trong chốc lát, Henri mất bình tĩnh. Rồi câu trả lời bật ra:

— Như vậy thì có làm sao chứ, mẹ kiếp! Khi đến viếng mộ, người ta đâu có đào mộ lên để kiểm tra xem đó có phải con họ không?

Ai cũng sững sờ. Trừ Dupré vốn đã biết Pradelle là người thế nào: suốt bốn tháng nay, kể từ ngày bắt đầu, anh ta đã thấy y tìm cách bịt những lỗ hổng, mà còn là những lỗ hổng lớn nhất! Cái nghề này có cả đồng trường hợp đặc biệt; để kiểm tra giám sát mọi thứ, nhẽ ra phải tuyển người, nhưng tuyển người thì ông chủ không chịu; sẽ như thế này nhé, Pradelle nói, có đông người rồi, vả lại có anh ở đây, phải không Dupré? Tôi có thể dựa vào anh hay không đây? Thế nên bây giờ, xác chết này ở vào chỗ của xác chết khác chẳng có gì làm anh ta ấn tượng.

Trái lại cả thị trường và tỉnh trường đều rất bức tức.

— Khoan đã, khoan đã, khoan đã...!

Là thị trường.

— Chúng ta phải có trách nhiệm chứ. Đây là nhiệm vụ thiêng liêng!

Ngay lập tức là những tiếng chửi thề. Người ta đã hiểu mình đang dính tới ai.

— Vâng, tất nhiên rồi, - Pradelle nói, giọng hòa giải hơn. - Một nhiệm vụ thiêng liêng thì đúng rồi. Nhưng thôi, các ông biết đó là gì mà...

— Đúng thế! Đúng như vậy, tôi biết đó là gì, anh cứ tưởng tượng đi! Một sự lãng nhục đối với các liệt sĩ của chúng ta, chính là vậy đó! Vì thế, tôi sẽ cho dừng các công trình lại.

Ông tỉnh trường hài lòng vì đã đánh điện báo cho Bộ biết trước. Ông ta đã an toàn. Thế là thoát!

Pradelle suy nghĩ một lúc lâu.

— Thôi được, - cuối cùng y buột miệng.

Ông thị trường thở dài, ông không nghĩ là dễ dàng thắng cuộc như vậy.

— Tôi sẽ cho đào mộ lên, - ông ta nói to, kiên quyết. - Để kiểm tra.

— Đồng ý thôi, - Pradelle nói.

Tỉnh trưởng Plerzec để ông thị trưởng nói bởi vì khi Aulnay-Pradelle để tính thì ông bối rối lắm. Vào hai lần gặp đầu tiên, ông đã thấy Pradelle là một người nhanh nhẹn, cao ngạo, hoàn toàn không dễ dãi như hôm nay.

— Được, - Pradelle vừa nhắc lại vừa siết chặt chiếc áo khoác vào người. Rõ ràng, y xuống nước, y hiểu vị thế của ông thị trưởng.

— Đồng ý, hãy đào mộ lên.

Y lùi lại, định đi, rồi có vẻ như muốn giải quyết một chi tiết cuối cùng:

— Tất nhiên, khi nào chúng tôi có thể tiếp tục làm thì các ông báo trước cho chúng tôi biết nhé? Còn anh, Dupré, anh chuyển bọn người Trung Quốc đến Chazieres-Malmont cho tôi, ở đó chúng ta đang chậm tiến độ. Cuối cùng thì chuyện này cũng không đến nỗi tệ.

— Này, khoan đã! - Ông thị trưởng kêu lên. - Người của anh phải đào mộ lên chứ!

— À không, - Pradelle đáp lại. - Bọn người Trung Quốc làm cho tôi thì chỉ chôn cất thôi. Họ được trả tiền để làm việc đó. Tôi thì tôi rất muốn bọn họ đào mộ, các ông lưu ý nhé: tôi lập hóa đơn cho chính phủ theo đơn vị. Nhưng thế này thì tôi sẽ phải kê hóa đơn đến ba lần. Một lần chôn, lần thứ hai đào mộ lên, và khi các ông đã lựa lại sao cho các quan tài được chôn đúng chỗ, thì lần thứ ba để được chôn lại.

— Không được! - Ông tỉnh trưởng kêu lên.

Ông chính là người ký biên bản, ghi nhận các khoản chi tiêu, là người nắm giữ ngân sách mà Nhà nước phân bổ, và trong trường hợp chi quá mức thì ông lại là người bị khiển trách. Ông đã bị thuyên chuyển đến đây vì một lỗi liên quan đến công tác quản lý - một chuyện lôi thôi với bồ của một ông Bộ trưởng, ông này phản ứng một cách cao ngạo, chuyện bé đã bị xé ra to, bài học đạo đức là bị thuyên chuyển tới Dampierre một tuần sau - cho nên lần này, không, cảm ơn, ông không hề muốn kết thúc sự nghiệp ở các nước thuộc địa đâu, ông bị hen suyễn.

— Không thể lập hóa đơn đến ba lần, không được!

— Hai ông chịu khó xoay xử đi nhé, - Pradelle nói. - Tôi thì biết phải làm gì với bọn người Trung Quốc bây giờ! Bọn họ tiếp tục làm hay cuốn xéo!

Mặt ông thị trưởng biến sắc.

— Tóm lại, thưa các anh!

Ông giơ tay chỉ nghĩa trang mênh mông ngập ánh nắng vừa lên. Thật thê lương, cái sự mênh mông không có cây, không giới hạn, dưới bầu trời trắng như sữa, trong cái lạnh giá băng, những ụ đất mà mưa sẽ dồn lại, những chiếc xẻng chổng chơ đây đó, những chiếc xe cút kít... Cảnh tượng đó thật buồn khôn tả.

Ông thị trưởng lại giở quyển sổ ra.

— Tóm lại, thưa các anh... - ông ta nói lại, - chúng ta đã chôn cất một trăm mười lăm người lính...

Ông ta ngẩng đầu lên, ngao ngán trước ghi nhận đó.

— Và trong chuyện này, chúng tôi hoàn toàn không biết ai là ai!

Ông tỉnh trưởng tự hỏi phải chăng ông thị trưởng sắp khóc, như thế người ta cần ông khóc lắm.

— Những thanh niên này đã hy sinh vì nước Pháp, - ông thị trưởng nói thêm, - chúng ta phải tôn trọng họ.

— Thế à? - Henri hỏi. - Các ông phải tôn trọng họ ư?

— Đúng như thế, và...

— Thế thì giải thích cho tôi tại sao, từ gần hai tháng nay, trong nghĩa trang này, các ông lại để những thủng mù chữ muốn chôn họ ra sao thì chôn?

— Dù sao thì tôi cũng không phải là người chôn họ một cách lộn xộn! Đó là người Trung... Người của anh!

— Nhưng mà các ông được quân đội ủy quyền quản lý sổ sách, phải không nào?

— Nhân viên tòa thị chính đến đây ngày hai lần! Nhưng anh ta không thể cả ngày ở đây được!

Ông nhìn sang ông tỉnh trưởng với ánh mắt của kẻ chết đuối.

Im lặng.

Người ta bỏ rơi nhau cả mà. Ông thị trưởng, ông tỉnh trưởng, quân đội, viên chức hộ tịch, Bộ Trợ cấp, chính là bởi trong chuyện này có những người làm trung gian...

Người ta hiểu ra là, khi cần phải truy cứu trách nhiệm thì mỗi người mỗi phận. Chỉ trừ đám người Trung Quốc ra. Bởi bọn họ không biết đọc.

— Nghe đây, - Pradelle đề xuất, - từ giờ trở đi, ta sẽ cẩn thận hơn, phải không Dupré?

Dupré gật đầu. Ông thị trưởng suy sụp. Ông sắp phải nhắm mắt làm ngơ, cố tình để gán lên mộ những cái tên không khớp với những người lính đã được khâm liệm, và phải đơn độc nắm giữ bí mật đó. Nghĩa địa này sẽ trở thành cơn ác mộng của riêng ông. Pradelle hết nhìn ông thị trưởng lại nhìn ông tỉnh trưởng.

— Tôi đề nghị, - y nói, giọng có vẻ tâm tình, - chúng ta không nên tiết lộ những sự cố nhỏ này ra...

Ông tỉnh trưởng nuốt nước bọt. Bức điện của ông có lẽ vừa đến Bộ, như một lá đơn xin chuyển chuyên sang các nước thuộc địa.

Pradelle giơ tay ra ôm vai ông thị trưởng, ông ta bối rối vô cùng.

— Điều quan trọng đối với các gia đình, - y nói thêm, - là có một nơi lui tới, phải không nào? Dù sao thì con của họ vẫn đang ở đây phải không? Đó là điều quan trọng nhất, hãy tin tôi đi.

Vụ việc đã được giải quyết, Pradelle lên xe ô tô, đóng sập cửa lại, y không nổi giận như thường lệ. Thậm chí, y còn nở má một cách điềm tĩnh.

Y và Dupré lặng lẽ ngắm cảnh vật chạy qua trước mắt một lúc lâu.

Lần này họ lại thoát, nhưng nỗi ngờ vực xâm chiếm họ, mỗi người ở một mức độ khác nhau, những sự cố liên tục xảy ra đây đó.

Cuối cùng Pradelle nói:

— Ta sẽ ổn định tình hình, phải không Dupré? Tôi trông cậy vào anh, phải không nào?

Không. Cùng với động tác của ngón trỏ, như cần gạt nước, nhưng nhanh hơn. Một câu “không” rất kiên quyết, không thể lay chuyển. Édouard nhắm mắt lại, câu trả lời của Albert hoàn toàn có thể dự đoán được. Anh là một người nhút nhát, sợ sệt. Ngay cả khi chẳng có rủi ro gì, chỉ một quyết định còn con anh cũng mất nhiều ngày liền chứ nói gì đến việc bán các công trình tưởng niệm rồi ôm tiền bỏ trốn!

Theo Édouard, vấn đề là phải biết rồi Albert có chấp nhận trong thời hạn hợp lý nào đó không bởi vì những ý tưởng hay thường là những thực phẩm dễ hỏng. Những tờ báo anh ngẫu nhiên cứ khiến anh có linh cảm: sắp tới đây, khi thị trường trở nên bão hòa với những lời mời thầu các công trình tưởng niệm, khi tất cả các nghệ sĩ, tất cả các xưởng đúc lao vào cung ứng cho nhu cầu này thì đã quá muộn.

Bây giờ hoặc không bao giờ.

Và đối với Albert, đó là không bao giờ. Cử chỉ bằng ngón trỏ. Không.

Tuy nhiên Édouard vẫn khăng khăng theo đuổi công việc của mình.

Catalogue các công trình tưởng niệm đang được hoàn thành, từng bản vẽ một. Anh vừa cho ra một “Chiến thắng” rất thành công, lấy cảm hứng từ bức tượng Samothrace^{*}, nhưng có đội mũ cát của lính thể chiến thứ nhất; mẫu này sẽ làm mưa làm gió cho mà xem. Và vì cuối buổi chiều, anh ở một mình cho đến khi Louise tới, nên anh có thời gian suy nghĩ, cố gắng trả lời tất cả các câu hỏi được đặt ra, đánh bóng dự án mà bản thân anh cũng phải thừa nhận là không đơn giản. Ít hơn rất nhiều so với anh đã nghĩ, anh cố gắng giải quyết từng khó khăn một, lúc nào cũng có những khó khăn mới nảy sinh. Cho dù có trở ngại, anh vẫn tin như đinh đóng cột. Theo anh, không thể nào thất bại được.

Đúng là một tin mừng: anh đang làm việc với một sự hào hứng bất ngờ, hầu như mãnh liệt.

Anh khoái trá suy tính về viễn cảnh đó, anh bị ám ảnh, bị vây hãm trong đó, toàn bộ cuộc sống của anh phụ thuộc vào đó. Bằng cách kết nối lại với những thú vui của kẻ gây rối và bản chất của kẻ hay gây gổ, anh trở lại là mình.

Albert vui mừng vì điều này. Anh chàng Édouard đó, anh chưa từng quen biết, trừ phi từ xa, trong hầm hào; thấy cậu ta trở lại với cuộc sống đối với anh là một phần thưởng thực sự. Còn về dự định của cậu ta, anh thấy khó có thể thực hiện được, đến mức hầu như anh không còn cảm thấy lo lắng nữa. Trong mắt anh, về cơ bản, điều đó hoàn toàn bất khả thi.

Giữa hai người bắt đầu có một cuộc thử sức trong đó một người thì đẩy một người thì chống lại.

Như thường lệ, chiến thắng không được hứa hẹn cho sự mạnh mẽ mà cho sức ì. Albert chỉ cần phản đối đủ lâu để giành chiến thắng chung cuộc. Ác nghiệt nhất, với anh, không phải là từ chối lao vào câu chuyện điên rồ này mà là làm cho Édouard thất vọng, là bóp nghẹt từ trong trứng nghị lực tuyệt vời mà cậu ta vừa tìm lại được, là trả cậu ta về với sự trống rỗng của cuộc sống, về với một tương lai không dự định.

Nhẽ ra phải đề xuất với cậu ta việc khác... Việc gì bây giờ?

Thế nên, tối nào cũng vậy, anh chiêm ngưỡng với một sự tử tế lịch sự, dù không dạt dào cho lắm, những bức vẽ mới mà Édouard đưa cho anh xem, những tấm bia mới, những tác phẩm điêu khắc mới.

— Cậu hãy hiểu ý tưởng, - Édouard viết vào vở giao tiếp. - Ta có thể tự mình làm tượng đài. Ta lấy một lá cờ và một người lính là có tượng đài ngay. Chỉ cần cất lá cờ đi và thay vào đó bằng một “Chiến thắng” là ta có một tượng đài khác! Ta sáng tạo mà chẳng phải vất vả gì, chẳng cần tài cán gì, chắc chắn người ta sẽ thích cho mà xem!

Ôi, bởi vậy, Albert nghĩ bụng, người ta có thể trách cứ Édouard khá nhiều điều, nhưng cậu ta quả có tài trong việc tìm kiếm ý tưởng. Nhất là gây ra thảm họa: thay đổi thân phận, không nhận được tiền trợ cấp của

chính phủ, không chịu về ngôi nhà đầy tiện nghi của mình, nổi loạn chống lại việc ghép mặt, nghiện moóc phin, và bây giờ là lừa đảo trong việc xây các công trình tưởng niệm... Những ý tưởng của Édouard quả thật là những cái xéng xúc phân.

— Cậu có thực sự biết cậu đề xuất với mình cái gì không? - Albert hỏi.
Anh đứng như trời trồng trước bạn mình.

— Là phạm... thượng! Ăn cắp tiền từ những công trình tưởng niệm, đó là làm ô uế nghĩa trang, là xúc phạm tới lòng yêu nước! Bởi vì, dù chính phủ có bỏ ra một phần ngân sách, nhưng phần lớn khoản tiền đó từ đâu mà có? Từ các gia đình nạn nhân! Những người vợ góa bụa, những ông bố bà mẹ, những đứa con mồ côi, rồi những người bạn chiến đấu! So với cậu, Landru* còn thánh thiện hơn. Cả đất nước sẽ theo dõi cậu, tất cả mọi người đều chống lại cậu! Và khi người ta tóm được cậu, cậu sẽ được quyền chịu xử án cho có lệ bởi vì máy chém đã được chuẩn bị cho cậu ngay ngày đầu tiên! Cho nên mình biết cậu đã tức giận với cái đầu của cậu lắm rồi. Chỉ có điều đầu mình còn khá hợp với mình!

Albert vừa tiếp tục làm vừa càu nhàu, thật là một dự định ngớ ngẩn. Nhưng rồi anh quay lại, khăn lau cầm trên tay. Gương mặt của đại úy Pradelle vốn luôn ám ảnh anh từ ngày anh đến nhà ông Péricourt vừa mới xuất hiện trong đầu anh một lần nữa. Bỗng dưng anh hiểu ra rằng đầu óc anh đã từ lâu nuôi dưỡng những ý định trả thù dữ dội.

Và thời điểm đã đến.

Sự hiển nhiên đó đập vào mắt anh.

— Mình thì mình sẽ nói với cậu thế này, điều đúng với luân thường đạo lý, đó là chọc tiết thẳng cha đại úy Pradelle khốn nạn kia! Đó là việc ta nên làm! Bởi vì cuộc sống này, những gì chúng ta đang phải hứng chịu hôm nay đều do hấn cả!

Édouard có vẻ không bị thuyết phục bởi cách tiếp cận mới này. Tay vẫn lơ lửng phía trên tờ giấy, anh có vẻ nghi hoặc.

— Mà đúng thế, - Albert nói quá lên, - hình như cậu đã quên tay Pradelle đó rồi! Nhưng hấn không phải như chúng ta đâu, hấn đã trở về như một

người hùng, với những tấm huân chương, huy chương và được ăn lương sĩ quan! Mình chắc chắn rằng chiến tranh đã đem lại cho hẳn nhiều cái lợi...

Anh có thể đi xa hơn một cách hợp tình hợp lý không? Anh tự hỏi. Đặt câu hỏi là một cách trả lời. Lấy mạng của Pradelle với anh giờ như một việc hiển nhiên...

Anh nói:

— Với những tấm huy chương và những công trạng như thế, mình nghĩ hẳn đang có một cuộc hôn nhân tuyệt vời... Thật khó tin, nhưng một người hùng như hẳn thì đám đàn bà con gái sẽ tranh giành nhau cho mà xem! Trong khi chúng ta đang chết dần chết mòn thì có lẽ hẳn đã lao vào việc kinh doanh buôn bán... Cậu thấy như thế là đúng với đạo lý ư?

Thật ngạc nhiên là Albert không được Édouard tán thành như anh mong đợi. Bạn anh nhướn mày, cúi xuống nhìn tờ giấy.

— Tất cả những việc đó, - anh viết, - trước hết là do lỗi của chiến tranh. Không có chiến tranh thì không có Pradelle.

Albert suýt ngạt thở. Anh thất vọng, dĩ nhiên, nhưng trên hết, anh buồn khùng khiếp. Phải công nhận một điều rằng anh chàng Édouard tội nghiệp đó không còn gì gọi là thực tế nữa...

Hai người đàn ông tiếp tục câu chuyện nhiều lần nữa nhưng kết quả vẫn không đâu vào đâu. Albert, nhân danh luân thường đạo lý, đang nuôi ý chí trả thù.

— Cậu biến chuyện đó thành chuyện riêng rồi, - Édouard viết.

— Ừ thì thế, chuyện xảy ra với mình, mình thấy khá là riêng tư, cậu không thấy thế à?

Không, cậu ta thì không. Sự trả thù không thỏa mãn lý tưởng công lý của cậu ta. Bắt một người phải chịu trách nhiệm theo cậu ta là chưa đủ. Mặc dù giờ đây họ đang yên ổn, Édouard đã dùng chiến tranh đáp trả chiến tranh và muốn làm việc này theo cách của mình, nói cách khác: theo phong cách của mình. Đạo lý không phải giọng điệu của anh.

Người ta thấy rõ là mỗi người đều muốn đeo đuổi cuốn tiểu thuyết của mình, và có lẽ chúng không cùng nội dung. Họ tự hỏi liệu mỗi người có nên viết một cuốn tiểu thuyết. Mỗi người theo cách của riêng mình. Tách biệt.

Khi nhận thấy điều đó, Albert muốn nghĩ đến việc khác hơn. Kìa, cô bé người hầu ở nhà Péricourt vẫn còn lớn vớn trong đầu anh, lạ Chúa, cô nàng có một cái lưỡi nhỏ nhắn và xinh xắn làm sao, hoặc nghĩ đến đôi giày mới tinh mà anh không còn dám đi nữa. Anh chuẩn bị nước ép rau và thịt cho Édouard, còn Édouard thì tối nào cũng nhắc lại dự định của mình, đúng là một người quá ư bướng bỉnh. Albert không hề nhượng bộ. Vì luân lý không ăn thua gì, anh chuyển sang kêu gọi lý trí:

— Để điều hành việc kinh doanh, cậu nên nhớ là phải thành lập công ty, cung cấp giấy tờ cần thiết, cậu đã nghĩ đến điều đó chưa? Người ta sẽ rút catalogue của cậu đi và chẳng làm gì hơn đâu, tớ có thể nói với cậu thế, sau đó người ta sẽ nhanh chóng bắt giữ chúng ta. Và từ khi bắt đến khi bị hành hình, cậu sẽ chẳng kịp thở đâu!

Édouard dường như không nao núng trước bất cứ lập luận nào.

— Phải có trụ sở, - Albert nói oang oang, - phải có văn phòng! Còn cậu, cậu sẽ tiếp khách hàng với những cái mặt nạ mọi đen đó ư?

Édouard nằm dài trên tràng kỷ, tiếp tục giở những bức vẽ tượng đài và những bản thiết kế điêu khắc của mình. Luyện phong cách. Không phải ai cũng thành công với cái gì đó xấu xí.

— Và phải có điện thoại nữa! Và phải có nhân viên để trực điện thoại, soạn thảo công văn... Và phải có tài khoản ngân hàng nếu cậu muốn lĩnh tiền...

Édouard không khỏi cười thầm. Bạn anh nói mà giọng run lên vì khiếp sợ, như đang nói tới việc tháo dỡ tháp Eiffel rồi dựng lại cách đó một trăm mét. Khiếp.

— Với cậu thì việc gì cũng đơn giản, - Albert nói thêm. - Dĩ nhiên rồi, khi không lộ mặt ra khỏi nhà...!

Anh căn môi, đã quá muộn.

Như thế là công bằng, dĩ nhiên, nhưng Édouard cảm thấy bị tổn thương. Bà Maillard thường bảo: “Nến hiếu biết của thằng Albert con tôi không đến nỗi nào. Chỉ có điều nó không phải là nhà ngoại giao. Chính vì thế nó chẳng làm được tích sự gì trong cuộc sống.”

Điều duy nhất có thể lung lay đôi chút thái độ cự tuyệt của Albert, đó là tiền. Gia tài mà Édouard hứa hẹn. Đúng là cậu ta sẽ kiếm được bộn tiền. Cả đất nước đang chìm trong cơn cuồng tưởng niệm những người đã hy sinh, tương ứng với nỗi ghê tởm dành cho những kẻ sống sót. Cái lý lẽ về tiền có trọng lượng bởi Albert là người đang cầm chịch các khoản chi tiêu và anh thấy tiền khó kiếm biết bao nhiêu và cũng hết nhanh biết bao nhiêu; gì cũng phải tính, thuốc lá, vé tàu điện ngầm, thức ăn. Vậy nên, những gì mà Édouard hứa hẹn một cách tham lam, bạc triệu, xe hơi, những khách sạn rộng lớn...

Và đàn bà nữa chứ...

Albert bắt đầu cảm thấy căng thẳng về chủ đề này, người ta có thể tự sướng một lúc, nhưng đó nào phải là tình yêu, cuối cùng thì người ta cũng đâm ra sâu não vì không gặp được ai.

Tuy nhiên, nỗi sợ hãi của anh khi dẫn thân vào một phi vụ kinh doanh điên rồ như vậy vẫn mạnh hơn nỗi khát khao đàn bà, mặc dù đây là một khát khao mãnh liệt. Sống sót sau chiến tranh để kết thúc cuộc đời trong nhà tù, người phụ nữ nào xứng đáng để ta đương đầu với rủi ro đó mới được chứ? Cho dù anh công nhận, khi ngắm nhìn những cô gái trên các tờ tạp chí, rằng nhiều người trong số họ có lẽ xứng đáng để ta chấp nhận rủi ro đó.

— Cậu cứ suy nghĩ cho kỹ, - một buổi tối, anh nói với Édouard, - cửa chỉ cần sập lại thôi cũng đủ làm mình giật mình, thế mà cậu nghĩ là mình có thể đâm đầu vào làm một việc như vậy ư?

Ban đầu, Édouard im lặng, tiếp tục vẽ, để dự định tiếp tục tiến triển, nhưng anh nhận ra rằng thời gian không giúp gì cho việc thu xếp mọi sự. Ngược lại, họ càng bàn thì Albert càng có lý do để chống lại.

— Còn nữa, cho dù bán được những tượng đài tưởng tượng của cậu, cho dù thành phố có cho cậu ứng tiền trước thì chúng ta sẽ kiếm được bao nhiêu cơ chứ, bữa thì hai trăm quan, bữa sau lại hai trăm quan, thế mà cậu nói đến lợi với chả lộc! Rủi ro thế mà chỉ kiếm được ba quan sáu xu, cảm ơn nhá! Để ôm tiền bỏ trốn thì tất cả các khoản phải đến cùng một lúc, mà làm gì có chuyện ấy, vụ làm ăn của cậu như vậy là không xong đâu!

Albert có lý. Sớm hay muộn, khách hàng rồi cũng sẽ nhận ra rằng đằng sau tất cả những thứ ấy là một công ty ma, rồi họ sẽ phải ra đi với số tiền mà họ kiếm được, tức là chẳng nhiều nhận gì. Suy tính mãi, Édouard cũng tìm ra một chiêu. Tuyệt hảo trong mắt anh.

Ngày 11 tháng Mười một tới, tại Paris, nước Pháp...

Tối hôm đó, đi từ các đại lộ lớn về, Albert thấy trên vỉa hè một sọt trái cây; anh loại những chỗ bị hỏng và làm nước quả nguyên bã; ngày nào cũng nước dùng thịt thì cũng chán, trong khi trí tưởng tượng của anh chẳng phong phú là mấy. Édouard thì ai đưa gì cũng nuốt, về khoản này cậu ta không khó tính lắm.

Albert chùi tay vào tạp dề, cúi xuống tờ giấy - từ ngày phục viên, thị lực của anh đã giảm, có tiền chắc anh đã mua kính - anh phải cúi xuống rất gần:

Ngày 11 tháng Mười một tới, tại Paris, nước Pháp sẽ dựng mộ “Người lính vô danh”. Hãy cùng tham gia sự kiện này, hãy biến nghĩa cử cao thượng đó thành chí hướng lớn của cả dân tộc bằng việc xây dựng một tượng đài trong thành phố của các bạn đúng vào ngày hôm đó!

— Hàng đặt có thể đến vào cuối năm nay... - Édouard kết luận.

Albert lắc đầu ngao ngán. Cậu điên thật rồi. Rồi anh quay lại làm nước ép quả.

Trong những cuộc tranh luận liên miên về chủ đề đó, Édouard nhấn mạnh với Albert là với thành quả của việc kinh doanh này, cả hai có thể đến các nước thuộc địa. Đầu tư vào những vụ làm ăn béo bở. Mãi mãi trốn tránh khỏi nhu cầu. Édouard chỉ cho Albert xem những hình ảnh cắt ra từ

những tờ tạp chí hoặc những bưu thiếp mà Louise đưa về, những cảnh đẹp vùng Nam Kỳ, những cơ sở khai thác rừng, đứng trước những súc gỗ dân bản xứ đang nâng lên là đám thực dân đội mũ cát, vẻ tự cao tự đại, béo trực béo tròn, mỉm cười hợm hĩnh. Những chiếc xe hơi sản xuất tại châu Âu với những người phụ nữ trùm khăn trắng bay trong gió đi qua những thung lũng rực ánh mặt trời ở Guinée. Và những dòng sông ở Cameroun, những khu vườn ở Bắc Kỳ nơi sen đá mọc lan khỏi chậu sứ, và những công ty vận tải đường sông Sài Gòn nơi rực sáng biển hiệu của thực dân Pháp, và dinh thự tuyệt đẹp của viên thống đốc, quảng trường nhà hát được chụp ảnh lúc hoàng hôn với những người đàn ông mặc lễ phục, những người phụ nữ mặc váy dạ hội, miệng ngậm đót hút thuốc điếu, những ly cocktail mát lạnh, tưởng chừng như nghe thấy tiếng nhạc đập đều, ở đó có vẻ dễ sống, dễ làm ăn, nhanh làm giàu, trong khí hậu nhiệt đới cơ hồ ảo não. Albert giả vờ chỉ quan tâm đến khía cạnh du lịch, nhưng anh dừng lại lâu hơn mức cần thiết ở những bức ảnh chụp chợ Conakry nơi những cô gái da đen cao lớn, ngực để trần, đẹp như tượng đang tản bộ với một sự uể oải cực kỳ gợi cảm, anh lại lau tay vào tạp dề và quay lại với việc bếp núc.

Bỗng anh dừng tay.

— Còn nữa, để in catalogue của cậu rồi gửi đi hàng trăm thành phố và làng mạc, cậu có bao nhiêu tiền, nói mình biết đi...?

Với nhiều câu hỏi thì Édouard đã nghĩ ra một chiêu gì đó, nhưng riêng với câu này thì không bao giờ.

Để thêm độ thuyết phục, Albert chạy đi lấy ví, bày tiền ra một tấm vải dầu rồi đếm.

— Mình có thể cho cậu ứng trước mười một quan bảy mươi ba xu. Thế cậu có bao nhiêu?

Thật là hèn hạ, tàn nhẫn, vô bổ, xúc phạm, Édouard làm gì có cắc nào. Albert không tận dụng lợi thế đó, anh cất tiền và quay lại nấu ăn. Tối hôm đó, họ không nói với nhau lời nào nữa.

Đã đến cái ngày Édouard cạn lý mà chẳng thuyết phục được bạn mình.

Vẫn là không. Albert không quay lại chuyện đó nữa.

Thời gian trôi qua, cuốn catalogue đã gần xong, chỉ cần chỉnh sửa vài chỗ nữa để in và gửi đi khắp nơi. Nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm: khâu tổ chức, một công việc cực kỳ vất vả rồi trong tay không có lấy một đồng...

Tất cả những gì Édouard còn lại chỉ là một loạt bức vẽ vô bổ. Anh hoàn toàn suy sụp. Lần này không có nước mắt, khó chịu hay giận dữ, anh cảm thấy bị sỉ nhục. Anh bị từ chối bởi một thằng kẻ toán tép riu nhân danh óc thực tế chí thánh. Cuộc đấu tranh muôn thuở giữa người nghệ sĩ và nhà tư sản đang lặp lại ở đây; trên những tiêu chí không khác nhau là mấy, đây là cuộc chiến mà anh đã thua trước bố mình. Người nghệ sĩ là kẻ mộng mơ, nghĩa là kẻ vô tích sự. Édouard tưởng như nghe thấy những câu này sau những câu nói của Albert. Trước mặt người này cũng như người kia, anh cảm thấy mình bị hạ xuống thành một kẻ đờ đẫn vớ vẩn, một gã phù phiếm đang dành hết thời gian và công sức cho những việc vô bổ. Anh tỏ ra kiên nhẫn, mô phạm, thuyết phục nhưng đã thất bại; điều ngăn cách anh với Albert không phải là sự bất đồng chính kiến, mà là cả một nền tảng văn hóa; anh thấy cậu ta chi li, tỉ mỉ, không có tâm, không tham vọng, không ham mê.

Albert Maillard chỉ là một dị bản của Marcel Péricourt. Giống y sì đúc, nhưng ít tiền hơn. Hai con người có niềm tin vững vàng đó làm lung lay những gì giàu sức sống nhất ở Édouard, họ đang giết chết anh.

Édouard gào lên, Albert cự lại. Họ cãi nhau.

Édouard đập tay lên bàn, nhìn xoáy vào mặt Albert và phát ra những tiếng gầm gừ khàn khàn đầy hăm dọa.

Albert rống lên là anh đã từng chiến đấu và sẽ không chịu ngồi tù.

Édouard lật nhào chiếc đôn làm nó gãy tan tành, Albert lao tới, anh rất thích cái ghế này, đó là đồ vật duy nhất trông còn tử tế trong khung cảnh căn phòng! Édouard hét lên điên tiết, hét to chưa từng thấy, nước miếng bắn tung tóe từ cổ họng hờ hoác của anh, đó là một tiếng hét từ đáy lòng, như từ một núi lửa đang trào phun.

Albert nhặt những mảnh vỡ của chiếc đôn, bảo Édouard muốn phá cả nhà thì cứ phá, chẳng thay đổi được gì đâu, trong hai người chẳng có ai

sinh ra để làm kiểu việc đó.

Édouard tiếp tục thét gào và khập khiễng đi những bước dài trong gian phòng, dùng khuỷu tay đập vỡ cửa kính, dọa ném hết một ít bát đĩa còn lại, Albert nhảy xổ vào, ôm lấy người cậu ta, cả hai ngã lăn xuống đất.

Họ bắt đầu thù ghét nhau.

Albert phát khùng, dấn mạnh vào thái dương Édouard.

Édouard bất ngờ dấn vào ngực Albert, khiến anh ngã vào tường suýt chết. Vào lúc đó, cả hai đứng đối diện với nhau, Édouard tát vào mặt Albert, Albert dấn lại. Đứng vào giữa mặt.

Khi đó Édouard đang đối diện với Albert.

Cú dấn mạnh của Albert thọc sâu vào chỗ há hốc trên mặt Édouard.

Gần như đến tận cổ tay.

Và cứng đờ trong đó.

Albert hoảng quá, nhìn năm dấm của mình lọt thỏm trong mặt bạn. Như thể anh đã dấm xuyên qua đầu vậy. Và phía trên cổ tay anh là ánh mắt kinh ngạc của Édouard.

Hai người cứ như vậy trong vài giây, tê liệt.

Họ nghe một tiếng thét, cả hai ngoảnh ra phía cửa. Louise, tay che miệng, đang nhìn họ, nước mắt giàn giụa; nó chạy ngay ra ngoài.

Họ đứng tách ra, chẳng biết nói gì. Họ vụng về vụng vầy tay chân. Cả hai đều cảm thấy mình có lỗi nên ngượng nghịu hồi lâu.

Họ hiểu rằng tất cả đã chấm dứt.

Câu chuyện chung của hai người không bao giờ có thể vượt qua cú dấm thọc sâu vào mặt đó, như thể đó là cú dấm vỡ mặt. Hành động đó, cảm giác đó, mối quan hệ mật thiết quái dị đó, tất cả đều quá đáng quá thế.

Cơ thịnh nộ của hai người hoàn toàn không giống nhau.

Hoặc nó không được thể hiện theo cùng một cách.

Sáng hôm sau, Édouard xếp hành lý. Vồn vện chiếc ba lô. Anh chỉ lấy quần áo, ngoài ra chẳng mang theo gì khác. Albert đi làm mà chẳng biết nói

gì. Hình ảnh cuối cùng anh còn nhớ về Édouard là cái lưng, khi cậu ta xếp ba lô, rất chậm rãi, như ai đó dùng dằng dặc muốn đi.

Suốt ngày, mang tấm bảng quảng cáo trên lưng, Albert vừa đi dọc đại lộ vừa buồn rầu suy nghĩ.

Buổi tối, chỉ mỗi một câu để lại: “Cảm ơn vì tất cả.”

Anh thấy căn hộ sao mà trống trải, chẳng khác cuộc đời của anh khi Cécile bỏ đi. Anh biết mọi chuyện rồi cũng sẽ nguôi ngoai, nhưng kể từ ngày thắng cuộc chiến tranh đó, anh có cảm giác đang mỗi ngày một thua thêm.

Labourdin đặt ngửa hai tay lên bàn, cũng với vẻ mặt hả hê như khi ngồi vào bàn ăn, khi món trứng tráng Na Uy được mang đến. Cô Raymond chẳng có gì giống ly kem mát lạnh. Vì thế cho nên có giống món bánh lòng trắng trứng rán vàng thì cũng chẳng phải hoàn toàn vô nghĩa. Đó là một cô gái tóc nhuộm vàng đang ngả sang hung, nước da xanh nhợt còn mặt thì hơi nhợt. Khi bước vào và thấy ông chủ trong tư thế đó, cô Raymond nhìn mặt vẻ ghê tởm và cam tâm chịu đựng. Bởi vì, ngay khi cô đứng trước mặt anh ta, anh ta liền luồn tay phải vào dưới váy cô, với một sự mau lẹ khó tin ở một người to béo như anh ta, và một sự khéo léo mà người ta không bao giờ thấy ở anh ta trong những phương diện khác. Cô liền đánh hông một cái, nhưng về khoản này, Labourdin có một trực giác nhạy bén như tiên đoán. Tránh né kiểu gì anh ta cũng luôn đạt được mục đích. Cô ta đành chiều theo, uốn éo trong chốc lát, đặt số trình ký xuống rồi vừa đi ra vừa thở dài chán ngán. Cô cố ngăn cản hành động này một cách yếu ớt và thống thiết (mặc váy ngắn hay váy dài càng ngày càng bó sát hơn) và chính điều đó lại càng làm Labourdin thêm bội phần thích thú. Nếu như cô ta tỏ ra là một thư ký khá xoàng về khoản ghi tốc ký và trình độ chính tả thì sự kiên nhẫn của cô ta thừa để bù lại những khiếm khuyết đó.

Labourdin mở hồ sơ, chặc lưỡi: ông Péricourt chắc sẽ rất hài lòng.

Đó là thể lệ tuyệt hay được thảo ra cho “Cuộc thi lập dự án xây dựng công trình tưởng niệm những người lính hy sinh trong cuộc chiến 1914-1918 dành cho các nghệ sĩ quốc tịch Pháp”.

Trong tài liệu viết rất dài đó, Labourdin chỉ viết đúng một câu. Câu thứ hai của điều 1. Anh ta muốn tự mình viết lấy mà không cần ai giúp đỡ. Anh ta tự tay viết từng từ, mỗi từ được cân nhắc kỹ lưỡng, kể cả chữ viết hoa. Anh ta hãnh diện đến mức bắt người ta phải tô đậm câu đó: “Công trình

này phải thể hiện được Ký ức đau thương nhưng vẻ vang đối với những người lính đã Hy sinh trong Chiến thắng.” Rất nhịch nhàng. Lại chặc lưỡi. Anh ta tự đắc lần nữa rồi xem qua phần còn lại của thể lệ.

Người ta đã tìm ra một địa điểm rất đẹp, trước đây là garage thành phố: bốn mươi mét mặt tiền, dài ba mươi mét, có thể làm một khu vườn xung quanh. Theo quy định, kích thước tượng đài phải “hài hòa với địa điểm được chọn”. Để viết hết tên tuổi của tử sĩ thì phải có chỗ. Kế hoạch đã gần như được chốt lại: một hội đồng mười bốn người gồm các dân biểu, văn nghệ sĩ địa phương, quân nhân, đại diện cựu chiến binh, đại diện các gia đình, v.v... tất cả được lựa chọn kỹ lưỡng trong số những người mang ơn Labourdin hoặc đang chờ được anh ta ban cho một ân huệ gì đó (anh ta là chủ tịch ủy ban, có tiếng nói quyết định). Sáng kiến giàu tính nghệ thuật và lòng yêu Tổ quốc đó sẽ đi đầu trong những hoạt động được nêu ra trong bản tổng kết nhiệm kỳ. Anh ta gần như chắc chắn sẽ được bầu lại. Lịch đã lên, cuộc thi sắp được tổ chức, việc thi công san lấp mặt bằng đã được bắt đầu. Thông báo sẽ được in trong các tờ nhật báo Paris và địa phương, một phi vụ làm ăn hay ho, thực sự đấy, và đang được điều hành rất tốt...

Chẳng thiếu gì.

Chỉ có một chỗ để trống ở điều 4: “Số tiền chi cho tượng đài là...” điều này khiến ông Péricourt suy nghĩ rất lung. Ông muốn cái gì đó thật đẹp, nhưng không quá hoành tráng, và, theo những thông tin mà người ta báo cho ông, đối với một tượng đài kiểu này thì giá thành dao động từ sáu mươi đến một trăm nghìn quan, một số nghệ sĩ nổi tiếng thậm chí còn đòi một trăm năm mươi, một trăm tám mươi nghìn quan, với bảng giá như vậy thì nên định mức thế nào? Đây không phải là chuyện tiền nong mà là việc đưa ra một giới hạn đúng đắn. Suy nghĩ. Ánh mắt ông nhìn về đứa con trai. Trước đó một tháng, Madeleine đã đặt cho ông bức ảnh đóng khung của Édouard trên lò sưởi. Cô có nhiều bức khác nhưng chỉ chọn bức này, cô thấy nó “trung bình”, không quá ngoan ngoãn, cũng không quá khiêu khích. Có thể chấp nhận được. Những gì đang diễn ra trong cuộc đời bố cô

làm cô ngao ngán vô cùng, và vì lo lắng về mức độ nghiêm trọng của những điều đó, cô hành động một cách khéo léo, quan tâm từng li từng tí, hôm thì cuốn sổ ký họa, hôm thì một bức ảnh.

Ông Péricourt đã chờ hai ngày rồi mới lại gần, cầm bức ảnh đặt lên góc bàn làm việc. Ông không muốn hỏi Madeleine là bức ảnh chụp khi nào, cũng như đã được chụp ở đâu, một người bố thì phải biết những điều đó chứ. Theo ông nghĩ, khi đó Édouard mười bốn tuổi, như vậy có thể bức ảnh đã được chụp vào năm 1909. Nó đứng trước một lan can bằng gỗ. Người ta không thấy hậu cảnh, có lẽ đã được chụp ở ngoài thềm một căn nhà gỗ, mùa đông nào nó cũng được đi trượt tuyết. Ông Péricourt không nhớ chính xác nơi nào, trừ phi luôn là trạm nghỉ đó, có thể ở Bắc Alpes, hoặc ở Nam Alpes. Nói chung là ở dãy Alpes. Con trai ông khi ấy mặc áo len chui đầu và nheo mắt lại vì nắng, cười tươi rói, như thể có ai đó nhăn nhó làm trò hề phía sau người chụp ảnh. Ông Péricourt thấy vui lây, đó là một đứa trẻ khôi ngô, tinh nghịch. Sau bao nhiêu năm tháng, nụ cười ngày hôm đó gợi cho ông nhớ rằng ông và con trai chưa bao giờ cười với nhau. Lòng ông tan nát. Khi đó, ông mới nảy ra ý lật bức ảnh lại.

Phía dưới, Madeleine đã viết: “1906, Buttes-chaumont^{*}”.

Ông Péricourt xoay bút và viết: *hai trăm nghìn quan*.

Bởi chẳng ai biết Joseph Merlin trông như thế nào, lúc đầu, bốn người được giao nhiệm vụ đón tiếp anh ta định nhờ trưởng ga thông báo khi tàu đến, rồi sau đó định cầm một cái bảng có đề tên anh ta... Nhưng không phương án nào có vẻ tương xứng với sự trang trọng, ý tứ thích hợp với việc đón tiếp một chuyên viên Bộ.

Vậy nên họ quyết định tập trung một chỗ trên ke, gần lối ra vào rồi trông ngóng, bởi vì, thực ra mà nói, không có quá nhiều người xuống ga Chazieres-Malmont, khoảng ba mươi người thôi và một quan chức người Paris thì thấy ngay mà.

Nhưng đâu có thấy.

Trước hết, chẳng có đến ba mươi người xuống tàu mà chỉ có chưa đầy mười người, và trong số này chẳng có chuyên viên Bộ nào cả. Khi hành khách cuối cùng đi qua cửa và trong ga không còn một bóng người thì họ nhìn nhau; thượng sĩ Tournier giậm chân, Paul Chabard, viên chức hộ tịch ở tòa thị chính Chazieres-Malmont hỉ mũi âm ỉ, Roland Schneider, thuộc Hội chiến binh quốc gia, đại diện cho những gia đình có con em hy sinh thì hít thật sâu để bày tỏ rằng mình rất kiềm chế để không nổi xung. Rồi mọi người đi ra.

Dupré thì bằng lòng với việc ghi nhận thông tin; anh ta đã mất nhiều thời gian để chuẩn bị chuyến thăm tốt cuộc có lẽ sẽ không diễn ra này hơn là để tổ chức công việc ở sáu công trường khác của công ty, những nơi mà anh ta phải chạy đôn chạy đáo liên tục, thật ngao ngán. Ra khỏi nhà ga, cả bốn người đi về phía chiếc ô tô.

Tâm trạng của họ khá giống nhau. Khi biết chuyên viên Bộ không đến, họ đều cảm thấy thất vọng... và nhẹ nhõm. Họ có sợ gì đâu, tất nhiên như

vậy rồi, họ đã chuẩn bị đón khách rất chu đáo, nhưng thanh tra vẫn luôn thể, những gã đó cứ như gió đổi chiều ấy, họ từng biết rất nhiều trường hợp.

Từ hôm xảy ra chuyện ở nghĩa trang Dampierre, với những người Trung Quốc, Henri d'Aulnay-Pradelle cứ lo ngay ngáy. Và khó tính như khi Dupré thường xuyên phải gánh chịu những mệnh lệnh không ngừng mâu thuẫn nhau. Phải nhanh lên, phải dùng ít nhân công hơn, luôn lách luật miễn không bị lộ là được. Từ ngày tuyển Dupré vào làm, y hứa sẽ tăng lương cho anh ta mà chẳng thấy tăng. Nhưng: “Tôi trông cậy cả vào anh, Dupré ạ.”

— Dẫu sao, - Paul Chabord phàn nàn, - Bộ cũng phải gửi điện chứ nhỉ!

Anh ta lắc đầu: người ta nghĩ họ là ai chứ, họ là những người tận tụy với nền Cộng hòa, nên ít nhất cũng phải báo trước, v.v...

Họ ra khỏi nhà ga. Và khi họ chuẩn bị bước lên ô tô, một giọng nói ồ ồ khàn khàn cất lên khiến họ quay lại:

— Các anh là người của nghĩa trang à?

Đó là một người khá già, đầu rất nhỏ, người thì cao và có vẻ trống rỗng, như bộ xương gà sau bữa ăn. Tay chân quá dài, mặt đỏ, trán hẹp, tóc ngắn mọc lan xuống rất thấp, gần như lẫn vào lông mày. Và ánh mắt trông rất khổ sở. Thêm vào đó, ông ta lại ăn mặc lôi thôi lếch thếch, một chiếc áo sơđanhgôt đã mòn kiểu thời tiền chiến, mở cúc dù trời lạnh, phía trong có một chiếc áo vest nhưng màu hạt dẻ bị vấy mực, thiếu một nửa số cúc áo. Một chiếc quần dài màu xám nhàu nhĩ và đặc biệt, đặc biệt đôi giày to tướng, quá cỡ, như đôi giày trong Kinh Thánh vậy.

Bốn người đàn ông lặng đi.

Lucien Dupré là người đầu tiên phản ứng. Anh ta tiến lên một bước, chìa tay ra và hỏi:

— Ông Merlin phải không?

Chuyên viên Bộ chặt lưỡi một cái như người ta thường vẫn làm để lấy ra một miếng thức ăn, *chip*. Phải mất một lúc khá lâu để hiểu rằng, thật ra, đó là một động tác bằng răng giả, một thói quen khá khó chịu: ông cứ làm thế trong suốt hành trình trên xe ô tô, họ những muốn tìm cho ông một que

tăm. Quần áo đã sờn, đôi giày quá cỡ bẩn thỉu, cả diện mạo của ông khiến người ta đoán trước được điều ấy, rồi sau đó tin chắc khi đã rời khỏi nhà ga: hơn thế, người này còn hôi nữa.

Trên đường đi, Roland Schneider thấy bây giờ mà bình luận dông dài về chiến lược địa quân sự liên quan đến những vùng đi qua là hợp nhất. Joseph Merlin dường như chẳng thèm nghe, mà ngắt lời ông để hỏi:

— Ăn trưa... ta có thể ăn thịt gà không?

Ông có một giọng mũi khá khó chịu.

Vào năm 1916, bắt đầu trận Verdun - mười tháng đánh nhau, ba trăm nghìn người chết - vùng đất Chazieres-Malmont, không xa chiến tuyến là mấy, vẫn còn có thể tiếp cận qua đường cái và khá gần bệnh viện, nơi cung ứng xác người rất lớn, trong một thời gian, nơi này tỏ ra thích hợp để chôn xác lính. Sự biến động của các vị trí chiến đấu và những thay đổi chiến thuật đã nhiều lần đẩy lùi một số vị trí của khu bốn công sự này, nơi đây giờ đang chôn hơn hai nghìn thi thể, không ai nắm rõ con số thực sự, người ta còn nói đến năm nghìn, không thể được, cuộc chiến này đã làm nổ tung mọi kỷ lục. Những nghĩa trang tạm bợ này đã được người ta lập sổ theo dõi, vẽ sơ đồ và đo đạc, nhưng mà, trong mười tháng, mười lăm hay hai mươi triệu quả pháo đã được bắn xuống - có ngày thậm chí cứ ba giây là một quả pháo được bắn - và phải chôn hơn hai trăm lần số người chết so với dự kiến trong những điều kiện khủng khiếp thì sổ sách, sơ đồ hay tài liệu cũng chỉ có một giá trị tương đối.

Nhà nước đã quyết định xây dựng một nghĩa trang lớn ở Darneville, nơi tập trung hài cốt từ các nghĩa trang xung quanh, đặc biệt là nghĩa trang Chazieres-Malmont. Vì người ta không nắm được có bao nhiêu thi thể cần đào lên, vận chuyển và mai táng lại trong nghĩa trang mới nên rất khó định giá. Chính phủ thanh toán theo đơn vị.

Đó là một thị trường đã được thỏa thuận, không chào thầu cạnh tranh mà Pradelle đã chiếm được. Y tính toán rằng nếu tìm được hai nghìn thi thể, y có thể làm lại, ở Sallevière, một nửa khu chuồng ngựa.

Với ba nghìn năm trăm thì cả khu chuồng ngựa.

Trên bốn nghìn, y thêm việc cải tạo lại cái chuồng bồ câu.

Dupré đã đưa đến Chazieres-Malmont khoảng hai mươi người Senegal, và để cho các nhà chức trách thỏa mãn, đại úy Pradelle (Dupré tiếp tục gọi y như vậy, theo thói quen) đã chấp nhận tuyển thêm tại chỗ một nhóm nhân công.

Công trình được bắt đầu bằng việc khai quật những ngôi mộ theo yêu cầu của người thân, những ngôi mộ mà người ta chắc chắn sẽ tìm ra hài cốt.

Nhiều gia đình đã đến Chazieres-Malmont, cuộc diễu hành không ngừng của nước mắt và những tiếng rên rỉ, những đứa con nhón nhác, những ông bố bà mẹ già nua hoàn toàn suy sụp giữ thẳng bằng khi bước trên những tấm ván xếp thẳng hàng để không phải lội bùn; như cố tình, vào thời gian này trong năm, trời cứ mưa liên miên. Có cái lợi là dưới trời mưa xối xả thì người ta đào mộ nhanh hơn, và chẳng có ai kiên nhẫn thực sự. Vì thế nhị, người ta đã giao công việc này cho các công nhân Pháp, người Senegal mà lại đi đào mộ lính ư, rồi bạn sẽ biết tại sao, một số gia đình đã cảm thấy sốc: phải chẳng người ta xem việc đào mộ con cái họ như là một công việc hạ cấp nên mới giao cho người da đen? Đến nghĩa trang, khi từ xa thoáng thấy những người da đen cao lớn, ướt đầm nước mưa đang đào mộ hoặc di chuyển quan tài, bọn trẻ không rời mắt khỏi những người này nữa.

Cuộc diễu hành của các gia đình kéo dài cực lâu.

Đại úy Pradelle ngày nào cũng hỏi qua điện thoại:

— Thế nào Dupré, mấy cái việc vớ vẩn này sắp xong chưa? Khi nào thì bắt đầu?

Việc quan trọng nhất sau đó đã bắt đầu bằng việc đào mộ của tất cả các tử sĩ khác để đưa đến nghĩa trang liệt sĩ Dampierre.

Nhiệm vụ không đơn giản. Có những hài cốt đã được thống kê hợp lệ và không có vấn đề gì bởi cây thánh giá có ghi rõ ràng tên binh sĩ vẫn còn nguyên chỗ, nhưng cũng còn một số lượng hài cốt khác cần được nhận dạng.

Nhiều binh sĩ đã được chôn cất cùng với nửa tấm biển nhận dạng, nhưng không phải ai cũng có; đôi khi, phải mở một cuộc điều tra thật sự từ những

đồ vật tìm được trên người hoặc trong túi họ; người ta phải cho hài cốt sang một bên, liệt kê danh sách trong khi chờ kết quả tìm kiếm, người ta tìm thấy mọi thứ và đôi khi rất ít thứ dù đất đã bị xới lên quá nhiều... Khi đó, người ta đề: “Liệt sĩ vô danh”.

Công việc tiến triển rất tốt. Người ta đã đào lên gần bốn trăm hài cốt. Quan tài được chở tới từng xe tải, một đội bốn người làm nhiệm vụ lắp ráp, đóng đinh, một đội khác đưa quan tài tới huyệt rồi sau đó di quan tới những chiếc xe tang để chuyển tới nghĩa trang Darneville nơi người của Pradelle & Cie lại một lần nữa tiến hành chôn cất. Hai người trong số họ phụ trách việc thống kê, vào sổ, lập phiếu.

Joseph Merlin, chuyên viên Bộ, tiến vào nghĩa trang như một ông thánh dẫn đầu một đám rước. Đôi giày quá cỡ của ông giẫm xuống những vũng nước, nước bắn tung tóe cả lên. Khi đó người ta mới nhận ra ông mang một cái túi đeo bằng da thuộc. Dù có vẻ đựng rất nhiều tài liệu, chiếc túi vẫn đứng đưa ở đầu cánh tay dài ngoẵng của ông như một tờ giấy.

Ông dừng lại. Phía sau, đoàn người đứng bất động, lo lắng. Ông nhìn cảnh tượng đó rất lâu.

Ở nghĩa trang, mùi thối rữa hăng hắc thường bốc lên, đôi khi thốc cả vào mặt người ta như một đám mây bị thổi bay trước gió, mùi thối đó hòa lẫn với mùi khói từ những quan tài được đưa từ dưới đất lên, đã hư hỏng hoặc lỗi thời mà theo quy định phải đốt ngay tại chỗ. Bầu trời sầm sập, độc một màu xám bẩn thỉu, đây đó, người ta thấy có những người khiêng quan tài hoặc cúi xuống huyệt; hai chiếc xe tải đang nổ máy trong khi người ta ra sức kéo quan tài lên xe. Merlin động đậy hàm răng giả, chíp, chíp, bĩu đôi môi to tướng.

Ông đã đến nước này đây.

Gần bốn mươi năm làm công chức và trước khi nghỉ hưu, ông được giao nhiệm vụ đi thanh tra nghĩa trang.

Merlin đã từng làm ở Bộ Thuộc địa, Bộ Tiếp tế tổng hợp, Tổng cục Thương mại, Bộ Công nghiệp, Bộ Bưu điện và Điện báo, Bộ Nông nghiệp và Tiếp tế, ba mươi bảy năm trong nghề, ba mươi bảy năm đi làm mà ở đâu

ông cũng bị tống đi chỗ khác, ba mươi bảy năm thất bại thảm hại, bị đánh cho tơi tả ở tất cả những vị trí mà ông đã ngồi. Merlin không phải là người được lòng người khác. Ít nói, hơi tỏ ra thông thái rởm, cao ngạo và khó tính từ đầu năm đến cuối năm, để nói đùa với ông... Con người xấu xí, đáng ghét này, bằng thái độ kiêu ngạo và hay kéo bè kéo cánh, luôn khích lệ đồng nghiệp ác tâm ác ý với mình còn lãnh đạo thì thù ghét, trù dập. Ông đến, người ta giao cho ông một nhiệm vụ nào đó, rồi người ta mệt mỏi vì ông, bởi chẳng bao lâu, người ta thấy ông kỳ cục, đáng ghét, què kệch, người ta bắt đầu cười cợt sau lưng, gán cho ông những biệt danh và bắt đầu trêu chọc ông, không còn thiếu gì hết. Dù vậy, ông chưa bao giờ làm gì đáng chê trách. Thậm chí ông còn có thể liệt kê thành tích quản lý của mình, một bảng thành tích cực kỳ cập nhật mà ông nhắc đi nhắc lại để che đậy một sự nghiệp buồn chán, sự trung thực vô thưởng vô phạt, chỉ để người ta khinh ghét mà thôi. Đôi khi, việc ông đến một số bộ phận chẳng khác gì lễ thu nạp sinh viên mới với đủ trò bắt nạt; nhiều lần, ông đã phải giơ cao cái gậy, vừa huơ huơ trong tay vừa nói oang oang, giận sôi người, sẵn sàng đánh nhau với cả thế giới, lúc đó ông trông đáng sợ lắm, nhất là với đám đàn bà con gái, bạn hiểu đấy, giờ thì họ không dám bén mảng tới chỗ ông nữa, họ muốn có người đi kèm, không thể giữ lại một người như thế, hơn nữa, thực lòng mà nói, nói thế nào nhỉ, người ông không được thơm tho, như thế khá bất tiện, chẳng ở đâu người ta muốn giữ ông lại. Trong cuộc đời, ông chỉ có một giai đoạn sáng sủa nhưng ngắn ngủi từ khi gặp Francine vào một ngày 14 tháng Bảy cho đến khi Francine bỏ đi cùng một đại úy pháo binh, vào ngày Lễ các thánh sau đó. Đó là toàn bộ ba mươi tư năm trước đó. Kết thúc sự nghiệp bằng việc đi thanh tra các nghĩa trang thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên.

Đã một năm, kể từ ngày Merlin chuyển đến Bộ Trợ cấp chiến tranh. Người ta chuyển ông từ vụ này sang cục khác, rồi một hôm, người ta nhận được thông tin không hay về các nghĩa trang liệt sĩ. Mọi việc diễn ra không được bình thường. Một ông tình trưởng báo là có nhiều bất thường ở Dampierre. Ngay hôm sau ông này đã rút lời nhưng chừng ấy cũng đủ

khiến cơ quan quản lý chú ý. Bộ phải bảo đảm rằng Nhà nước tiêu tiền thuế của dân một cách hợp tình hợp lý, để chôn cất những người con của Tổ quốc cho đường hoàng, đúng quy định.

— Mẹ kiếp! - Merlin vừa nói vừa nhìn cảnh tượng rầu rĩ đó.

Bởi vì ông chính là người đã được chỉ định. Người ta thấy ông là một người hoàn hảo để làm một công việc không ai muốn làm. Chỉ đạo vụ nghĩa trang.

Thượng sĩ Tournier nghe thấy câu nói của ông.

— Xin lỗi ạ?

Merlin quay người lại, nhìn anh ta, chíp, chíp. Từ vụ Francine và viên đại úy của cô ta, ông rất ghét quân nhân. Ông lại quay nhìn cảnh nghĩa trang với vẻ bỗng nhiên nhận ra nơi mình đang đứng và việc mình phải làm. Những thành viên khác trong đoàn rất bối rối. Cuối cùng, Dupré đánh bạo nói:

— Tôi đề nghị chúng ta nên bắt đầu bằng...

Nhưng Merlin vẫn đứng đó, sững ra như một thân cây trước cảnh tượng sầu não gợi nhớ một cách lạ lùng khuynh hướng truy hại đã thành thói quen của ông.

Ông liền quyết định đẩy nhanh mọi việc để thoát khỏi công việc lao dịch đó.

— Phiền ghê.

Lần này, mọi người đều nghe rõ mồn một nhưng chẳng ai biết nên kết luận thế nào.

Số hộ tịch được lập theo đúng luật ngày 29 tháng Mười hai năm 1915, việc lập phiếu được nêu trong thông tư ngày 16 tháng Hai năm 1916, sự tôn trọng những người có quyền dự kiến trong điều 106 luật tài chính ngày 31 tháng Bảy năm 1920, hừm, Merlin nói, đánh dấu chỗ này, đánh dấu chỗ kia, không khí chẳng thoải mái tí nào nhưng mọi việc đều diễn ra bình thường. Có điều thằng cha đó hôi như chuột chù; ở trong lán trại, nơi xử lý các vấn

đề liên quan đến hộ tịch, ngời đối mặt với ông ta đúng là không thể nào chịu đựng nổi. Dù gió lạnh ùa vào phòng nhưng người ta vẫn để mở cửa sổ.

Merlin bắt đầu cuộc thanh tra bằng việc đi một vòng về phía các huyết đạo. Paul Chabord vội vàng lấy ô che đầu cho ông nhưng chuyên viên Bộ tỏ ra rất khó lường trong các hành động và cử chỉ, ông đổi hướng bất ngờ, Chabord dẫu có thiện ý cũng cảm thấy cụt hứng nên đành tự che cho mình. Merlin không nhận ra điều đó; nước mưa chảy ròn ròn trên đầu, ông nhìn xuống huyết, có vẻ không hiểu cần thanh tra những gì dưới đó. Chập, chập.

Rồi họ chuyển sang vấn đề quan tài, mô tả rõ quy trình cho Merlin, ông đeo cặp kính mắt xám xước chẳng chịt trông lôi thôi lếch thếch; ông đối chiếu phiếu, danh sách và những tấm thẻ đã được áp vào quan tài, rồi, được, như thế là được đấy, ông càu nhàu, ta không ở đây cả ngày đâu nhé. Ông lôi từ trong túi ra một chiếc đồng hồ to tướng rồi chẳng nói chẳng rằng rảo bước về phía lán quản trị, vẻ kiên quyết lắm.

Đến trưa, ông vừa ghi xong biên bản thanh tra. Thấy ông làm việc như thế mới hiểu tại sao chiếc áo vest của ông lại lấm tẩm vết mực.

Và bây giờ, mọi người phải ký vào.

— Ai ở đây cũng làm đúng nhiệm vụ của mình! - Thượng sĩ Tournier thông báo, có vẻ rất nghiêm nghị và thỏa mãn.

— Đúng như vậy, - Merlin trả lời.

Thủ tục thôi mà. Họ đứng trong lều, chuyền bút cho nhau như chuyền que rảy nước phép trong lễ tang. Merlin đặt ngón trỏ to tướng của mình lên quyển sổ.

— Chỗ này, đại diện các gia đình...

Hội chiến binh quốc gia giúp đỡ chính phủ đủ nhiều để có quyền hiện diện gần như khắp nơi. Merlin sa sầm nét mặt nhìn Roland Schneider đang ký tắt.

— Schneider, - cuối cùng ông nói (phát âm “sờ-nai-đa” để nhấn mạnh), - như thế có vẻ giống tiếng Đức, phải không nào?

Schneider lập tức sùng sộ lên.

— Quan trọng gì đâu, - Merlin vừa ngắt lời vừa chỉ quyền số. - Chỗ này, nhân viên hộ tịch...

Câu nói khiến ai nấy đều khó chịu. Mọi người im lặng ký cho xong.

— Thưa ông, - Schneider nói, sau khi đã định thần, - nhận xét của ông...

Nhưng Merlin đã đứng dậy, cao hơn anh ta hai cái đầu, cúi xuống nhìn anh ta chăm chăm bằng đôi mắt xám to tướng và hỏi:

— Ở nhà hàng ta có thể ăn thịt gà không?

Thịt gà là niềm vui duy nhất trong cuộc đời ông. Ông ăn uống khá bản thủ, bồi thêm những vết mỡ vào những vết mực vì có bao giờ chịu cởi áo vest ra đâu.

Trong bữa ăn, và trừ Schneider là người vẫn luôn tìm cách bẻ lại, ai cũng cố gắng gọi chuyện. Merlin cắm đầu vào đĩa ăn, chỉ làu nhàu đôi lời và chịch răng giả vài lần khiến mọi người nhanh chóng nhụt chí. Dầu sao, cuộc thanh tra cũng đã xong, cho dù tay chuyên viên Bộ cực kỳ khó chịu, nên không khí thoải mái, thậm chí hoan hỉ đã sớm bao trùm mọi người. Công trình khởi đầu hơi chật vật, một vài vấn đề nhỏ đã nảy sinh. Trong những công việc như thế này, không có gì diễn ra theo đúng dự kiến cả, và các văn bản dù có chính xác cũng không bao giờ dự báo được thực tế sờ sờ trước mắt khi bắt tay vào việc. Dù đã cố gắng làm cẩn thận, vẫn luôn đột ngột xuất hiện những yếu tố bất ngờ, người ta phải dứt khoát, phải đưa ra các quyết định rồi sau đó, đúng như lúc bắt đầu, người ta lùi lại phía sau...

Nghĩa trang này, giờ đây, người ta chỉ nôn nóng mong cho không có bóng người nào, mong sao kết thúc cho xong chuyện. Cuộc thanh tra kết thúc với kết quả tích cực, ai cũng yên tâm. Nhìn lại thì mỗi người đều có phần lo sợ. Họ đã uống rượu khá nhiều, tiền do Nhà nước trả. Ngay cả Schneider rốt cuộc cũng quên mình vừa bị sỉ nhục, thấy tốt hơn hết nên khinh bỉ tay viên chức thô lỗ đó và tiếp tục uống rượu Côtes-du-Rhone. Merlin tự tiếp thêm thịt gà đến ba lần, ăn ngấu nghiến như kẻ bị bỏ đói. Những ngón tay to tướng của ông nhem nhuốc mỡ. Ăn xong, chẳng để ý đến các vị khách khác, ông ném lên bàn chiếc khăn không hề dùng đến, đứng dậy và rời khỏi nhà hàng. Tất cả mọi người bị bất ngờ, người ta xô

đây, chen lấn nhau, phải vội vội vàng vàng nuốt miếng cuối cùng, uống cạn ly rượu, yêu cầu tính tiền, kiểm tra hóa đơn, thanh toán, lật nhào cả ghế, chạy ra cửa. Khi họ ra ngoài thì Merlin đang đứng đái vào bánh xe ô tô.

Trước khi ra ga, phải trở lại nghĩa trang lấy túi đeo và sổ sách cho Merlin. Tàu của ông khởi hành bốn mươi phút sau, không có chuyện ông ở lại nơi này quá lâu, hơn nữa, cơn mưa chỉ ngừng vào lúc ăn trưa giờ lại rơi nặng hạt. Trong xe, ông chẳng nói với ai lời nào, không một lời cảm ơn vì sự đón tiếp, vì đã được mời đi ăn, đúng là một kẻ khốn nạn.

Khi đến nghĩa trang, Merlin đi rất nhanh. Đôi giày to tướng của ông có nguy cơ làm oằn những tấm ván bắc qua những vũng nước. Ông bắt gặp một con chó lông màu hung gầy lố lẹo đang chạy lon ton. Không báo trước, thậm chí cũng không đi chậm lại, Merlin lấy chân trái làm trụ còn chân phải đá một cú thật mạnh vào sườn con vật; con chó tru lên, bay cao đến cả mét và ngã vật xuống. Trước khi nó kịp đứng dậy, Merlin nháy xuống vũng nước, nước ngập đến mắt cá, và, để bắt con vật nằm yên tại chỗ, ông đè chiếc giày to tướng lên ức nó. Con vật vì sợ chết đuối nên sủa toáng lên, oằn oẹo dưới nước để tìm cách cắn; tất cả mọi người đều sững sờ.

Merlin cúi xuống, tay phải ông bấu lấy hàm dưới của con chó, tay trái nắm lấy mõm, con vật kêu the thé, giãy giụa quyết liệt hơn. Merlin, khi đã giữ chặt con vật, đá thêm một cú nữa vào bụng, banh mõm nó như banh mõm cá sấu rồi bất ngờ buông tay, con vật lăn tròn trong vũng nước, đứng dậy rồi lết đi.

Vũng nước thì sâu, giày của Merlin chìm nghiêm nhưng ông vẫn chẳng để ý. Ông quay về phía đoàn đại biểu đang ngơ ngác xếp hàng dài cố đứng thẳng bằng trên chiếc cầu nhỏ bằng gỗ. Rồi ông giơ ra một cái xương dài khoảng hai mươi phân.

— Cái này thì tôi biết, không phải xương gà!

Mặc dù Joseph Merlin bộc lộ mình là một viên chức khá bản, đáng ghét, một kẻ bất đắc chí trong công việc, nhưng ông vẫn là một người cần mẫn, cẩn thận và tóm lại là trung thực.

Ông không để lộ ra chút nào, nhưng những nghĩa trang này làm ông hết sức đau lòng. Đây là nghĩa trang thứ ba mà ông thanh tra từ khi được bổ nhiệm vào chức vụ chẳng ai thèm này. Đối với ông, vốn chỉ thấy chiến tranh qua những biện pháp hạn chế thực phẩm và những công hàm của Bộ Thuộc địa, chuyển tham quan đầu tiên đã làm ông choáng váng. Thói khinh người của ông, dẫu từ lâu tránh được bom đạn, giờ đã bị lung lay. Không phải bởi cuộc tàn sát đúng nghĩa, thứ này thì người ta đã quen, từ bao đời nay thế giới đã bị tàn phá bởi tai ương và dịch bệnh, chiến tranh chỉ là sự kết hợp của cả hai. Không, điều khiến ông đau lòng, chính là tuổi của những người đã chết. Tai ương thì giết chết tất cả mọi người, dịch bệnh thì tàn sát trẻ em và người già, nhưng chỉ có chiến tranh mới tàn sát thanh niên với số lượng nhiều như thế. Merlin không nghĩ mình lại xúc động trước nhận định đó. Thực ra, một phần nào đó trong con người ông vẫn lưu lại từ thời còn Francine, cái cơ thể trống rỗng và thiếu cân đối đó vẫn còn che đậy một mảng tâm hồn của một người thanh niên, bằng tuổi những thanh niên đã chết.

Ít ngu ngốc hơn rất nhiều so với phần lớn đồng nghiệp của mình, ngay từ chuyển thanh tra nghĩa trang liệt sĩ đầu tiên với tư cách một viên chức cần mẫn, ông đã phát hiện ra những điều bất thường. Ông đã thấy biết bao điều còn phải bàn cãi trong sổ sách, những mâu thuẫn được che đậy một cách vụng về, nhưng biết làm sao được, khi chứng kiến cái công việc quá lớn đó, khi thấy những người Senegal dầm mình trong nước, khi nghĩ đến cuộc tàn sát không thể tưởng tượng nổi đó, khi ước lượng số hài cốt phải đào lên rồi vận chuyển... người ta có thể bắt bẻ, cố chấp được chẳng? Người ta nhắm mắt và thế là xong. Bối cảnh bi thương đòi hỏi phải thực tế một chút và Merlin thấy nên bỏ qua một số chỗ bất thường, trái phép, nên chấm dứt, lạy Chúa, nên chấm dứt cuộc chiến này cho xong.

Nhưng ở Chazieres-Malmont, nỗi lo lắng khiến bạn ngạt thở. Khi bạn lại bắt gặp đôi ba dấu hiệu, những tấm ván quan cũ bị ném xuống hố rồi được chôn luôn thay vì được đốt đi, sổ quan tài được chuyển đi so với số mộ được đào, những bản báo cáo áng chừng trong một số ngày... Tất cả những

điều đó khiến bạn phải bối rối, khó xử. Và suy nghĩ của bạn về việc phân định cái đúng và cái sai lập tức bị lung lay. Thế nên khi bạn gặp một con chó nhảy nhót như một vũ nữ và ngâm trong mồm một khúc xương trụ của lính, bạn chỉ có thể điên tiết lên mà thôi. Bạn muốn tìm hiểu.

Joseph Merlin không chịu lên tàu và ở lại cả ngày để kiểm tra, để yêu cầu giải thích. Schneider bắt đầu vã mồ hôi như vào mùa hè, Paul Chabard hỉ mũi liên tục, chỉ có thượng sĩ Tournier vẫn tiếp tục rập gót mỗi khi chuyên viên Bộ nói chuyện với mình, hành động đó đã ăn sâu vào gen của anh ta và chẳng có nghĩa gì nữa.

Mọi người thường xuyên nhìn Lucien Dupré, người thấy viễn cảnh được tăng đồng lương ít ỏi đang xa dần.

Về các bản kê khai, biên bản, danh mục thống kê, Merlin chẳng cần ai giúp cả. Ông đi đi lại lại rất nhiều lần đến tận nơi tập kết quan tài, kho chứa, thậm chí cả các hố chôn.

Rồi ông quay lại nơi tập kết quan tài.

Từ xa, người ta thấy ông lại gằn, bỏ đi, quay lại, gãi đầu gãi tai, mắt đảo ngược đảo xuôi như đang tìm cách giải một bài toán số học; thái độ dọa dẫm đó khiến họ rất khó chịu, cái gã này không nói một lời.

Cuối cùng, ông mới nói, một từ:

— Dupré!

Ai cũng cảm thấy giờ phán quyết sắp tới. Dupré nhắm mắt lại. Đại úy Pradelle đã nói rõ: “Hãy nhìn người ta làm, kiểm tra, nhận xét thế nào mặc kệ, hiểu chưa? Ngược lại, quan tài là phải để chỗ yên ổn... Tôi tin ở anh, phải không Dupré?”

Dupré đã làm đúng như thế: quan tài được chuyển đến kho của thành phố, mất hai ngày làm, chỉ có điều tay chuyên viên Bộ, bề ngoài trông chẳng đáng tin là thế mà lại biết đếm đi đếm lại, so sánh đối chiếu các thông tin, và trong khoảng thời gian rất ngắn.

— Tôi thấy thiếu quan tài, - Merlin nói, - thậm chí tôi thấy thiếu rất nhiều và tôi muốn biết các anh đã tống đi đâu.

Toàn bộ chuyện này là do con chó ngu ngốc thỉnh thoảng đến đây đánh chén, mà lại đến đúng ngày hôm đó. Cho đến bữa đó người ta đã lấy đá ném con vật, nhẽ ra nên giết chết nó mới phải; này con người, hãy xem mình đang bị xô đẩy đến đâu.

Cuối ngày, đúng lúc công nhân dần rời khỏi công trường vốn rất yên tĩnh và căng thẳng, Merlin từ kho chứa của thành phố về, chỉ nói rằng ông còn có việc phải làm, rằng ông sẽ ngủ trong lán hộ tịch và rằng chẳng có gì quan trọng đâu. Rồi ông lại rảo bước qua những lối đi tạm bợ, bước chân của một người già nua quyết đoán.

Trước khi chạy đi gọi điện cho đại úy Pradelle, Dupré quay lại lần cuối.

Xa xa đằng kia, quyển sổ trên tay, Merlin vừa dừng chân trước một vị trí ở phía Bắc nghĩa trang. Cuối cùng, ông cởi áo vest ra, gấp quyển sổ lại, cuộn chặt trong chiếc áo vest để dưới đất rồi nắm lấy một cái xẻng, dưới cú đập bằng chiếc giày lấm bùn to tướng, cái xẻng lún sâu xuống đất.

Cậu ta đã đi đâu? Cậu ta có người quen nào mà cậu ta chưa bao giờ nhắc đến và có thể nương náu ở đó không? Và không có moóc phin thì cậu ta sẽ ra sao? Cậu ta có tìm được moóc phin không? Có thể cuối cùng cậu ta đã quyết định trở về nhà, giải pháp hợp tình hợp lý nhất... Trừ phi Édouard chẳng có gì gọi là hợp tình hợp lý. Vả lại, trước cuộc chiến cậu ta như thế nào nhỉ? Albert tự hỏi. Thuộc loại người nào? Và tại sao anh, Albert, đã không đặt cho ông Péricourt nhiều câu hỏi hơn, trong bữa ăn đáng nhớ đó, vì anh cũng có quyền hỏi lại ông ta, tìm hiểu xem người bạn chiến đấu của anh đã từng thế nào trước khi anh quen cậu ta.

Nhưng mà cậu ta đi đâu mới được chứ?

Đó là những gì từ sáng chí tối chiếm lĩnh tâm trí Albert từ khi Édouard bỏ đi, bốn ngày trước đó. Anh nghiền ngẫm những hình ảnh trong cuộc đời họ, ôn đi ôn lại không khác một người già.

Đúng ra, anh không nhớ Édouard. Việc cậu ta biến mất thậm chí còn khiến anh đột nhiên nhẹ cả người, mớ nghĩa vụ gắn liền với sự hiện diện của người đồng đội bỗng nhiên được gỡ bỏ, anh đã hít sâu, đã cảm thấy được giải thoát, chỉ có điều, anh không yên tâm. Dù sao cậu ta đâu phải con mình! anh nghĩ, mặc dù, cứ nhìn kỹ cảnh cậu ta phải sống phụ thuộc, cứ xem tình trạng thiếu chín chắn, tính tình ương bướng của cậu ta, tất cả những điều đó khiến người ta phải có sự so sánh. Một ý tưởng thật ngu ngốc, sao cậu ta lại đắm đầu vào cái vụ công trình tưởng niệm này chứ! Albert thấy đây là do bệnh tật cả. đành chấp nhận rằng cậu ta đã nảy ra ý đó, nói cho cùng ta có thể hiểu mà, cậu ta muốn trả thù, mọi người ai cũng thế cả thôi. Nhưng việc cậu ta hoàn toàn dừng dừng với những lý lẽ mà Albert đưa ra, dù gì cũng rất hợp lý, là một việc rất bí ẩn. Cậu ta chả hiểu gì về sự khác biệt giữa một dự án và một giấc mơ! Suy cho cùng, cậu ta hoàn

toàn hảo huyền, điều gì đó ta thường thấy ở những người giàu, như thể thực tế chẳng hề liên quan đến họ.

Cả Paris chìm trong không khí rét buốt và ẩm ướt. Albert đã yêu cầu người ta thay bảng quảng cáo, những tấm mà anh đang mang nở ra và trở nên nặng trĩu khiếp vào cuối ngày, nhưng yêu cầu thể thôi chứ chẳng cách nào được đáp ứng.

Sáng ra, họ lấy những tấm panô bằng gỗ gắn bên tàu điện ngầm rồi đổi biển khác vào giờ ăn nhẹ. Trong cùng một quận có khoảng mười nhân viên, phần lớn là lính phục viên chưa tìm được một công việc bình thường, cộng thêm một thanh tra, một tay cực kỳ tai ác, khi nào cũng trốn ở đâu đó, đúng lúc ta dừng chân để xoa bóp hai vai thì hắn xuất hiện và dọa tổng cổ ta nếu ta không tiếp tục đi ngay.

Hôm đó là thứ Ba, ngày quảng cáo ở đại lộ Haussmann, giữa La Fayette và Saint-Augustin (một bên: Raviba - Để nhuộm và làm mới tất dài, một bên khác: Lip... Lip... Lip... Hoan hô - Đồng hồ chiến thắng). Mưa đã ngớt trong đêm, đến khoảng mười giờ trời lại mưa tiếp. Albert vừa đến góc phố Pasquier. Nghi chân một tí để tìm mũ trong túi cũng bị cấm, phải vừa đi vừa tìm.

— Có từng ấy việc thôi, đi bộ và đi bộ, - gã thanh tra nói. - Mà từ từ là lính bộ binh phải không? Thế thì cũng vậy cả thôi.

Thế nhưng mưa nặng hạt và lạnh, tẻ quá, Albert nhìn sang phải, nhìn sang trái rồi lùi ra sau bức tường một tòa nhà, chùng gối, hai tấm panô được đặt xuống đất; anh đang cúi thấp người, chuẩn bị chui qua dây đai bằng da thì tòa nhà sập xuống. Cả mặt tiền của tòa nhà đổ ập lên đầu anh.

Cú va chạm mạnh đến nỗi đầu anh lật ngửa phía sau, kéo theo phần còn lại của cơ thể. Đầu anh đập mạnh vào bức tường đá từ phía sau, hai tấm panô sập xuống, dây đai xoắn lại khiến Albert ngạt thở. Anh giãy giụa như người chết đuối, hơi thở đứt quãng, những tấm panô đã nặng lại còn rơi xuống kẹp cứng người anh, không thể nào cựa quậy; khi anh cố đứng dậy thì dây đai siết lại quanh cổ.

Khi đó, một ý nghĩ đột ngột xuất hiện, khiến anh sửng sốt: cảnh này giống hệt khi anh ở trong hố pháo. Vương vú, ngột ngạt, khóa cứng, nghẹt thở, anh tự nhủ anh sẽ chết như thế.

Anh hoảng hốt, luống cuống, muốn gào lên mà không được, tất cả diễn ra nhanh chóng, rất nhanh, quá nhanh; anh cảm thấy có người túm lấy hai mắt cá chân mình rồi kéo ra khỏi đồng đồ nát, những sợi dây đai càng thít chặt quanh cổ anh; anh cố luồn ngón tay vào bên dưới để thở, một cú đập rất mạnh lên một trong hai tấm panô, cú đập âm vang trong đầu anh rồi bỗng ánh sáng lộ ra, những sợi dây đai được tháo, Albert hít lấy hít để không khí, quá nhiều, anh bắt đầu ho, suýt nôn mửa. Anh tìm cách tự vệ, nhưng tự vệ trước cái gì mới được chứ? Anh tìm cách giãy giụa, giống như một con mèo mù đang gặp nguy; cuối cùng, khi mở mắt ra anh mới hiểu: cái tòa nhà vừa sụp xuống mang hình dáng con người, một gương mặt hung dữ cúi xuống người anh, hai mắt lồi ra to tướng.

Antonapoulos hét lên:

— Thăng đều!

Bộ mặt có đôi má bánh đúc, to và xệ xuống đang bưng bưng tức giận, ánh mắt của hắn như muốn xuyên thủng mặt Albert. Tên Hy Lạp, kẻ vừa đánh gục Albert, lao tới và ngồi phịch xuống những tấm panô đã vỡ, bộ móng to tướng của hắn nghiêng xuống tấm ván trên ngực Albert, hắn túm lấy tóc anh. Giữ chắc con mồi của mình, hắn bắt đầu đâm như thụi vào đầu Albert.

Cú đâm đầu tiên làm vỡ cung lông mày, cú đâm thứ hai chẻ đôi cái miệng, Albert ngay lập tức cảm nhận được vị máu trong miệng, anh không thể nào cựa quậy, ngạt thở bên dưới tên Hy Lạp, hắn tiếp tục gào lên, gào một tiếng hắn lại đâm vào mặt anh một cú. Một, hai, ba, bốn, rồi trong tình trạng ngừng thở, Albert nghe thấy những tiếng kêu thét, anh cố quay lại, đầu anh nổ tung sau một cú đánh vào thái dương, anh ngất xỉu.

Những tiếng ồn ào, những giọng nói, xung quanh náo động cả lên...

Những người qua đường đã xông vào can ngăn, đẩy được tên Hy Lạp đang gào thét ra một bên - họ gồm có ba người - cuối cùng, họ lôi được

Albert ra, cho anh nằm trên vỉa hè. Có ai đó nói ngay là phải gọi cảnh sát, tên Hy Lạp chồm lên, hẳn không muốn dây dưa với cảnh sát, điều hẳn muốn, không nghi ngờ gì, đó là lấy mạng người đang bất tỉnh nằm trong vũng máu mà hẳn vừa giơ tay chỉ vừa hét lên: “Thằng đểu!” Có nhiều người lên tiếng bảo hẳn bình tĩnh, đám đàn bà con gái thì vừa lùi lại vừa nhìn chăm chăm người đàn ông máu me đầy mình đang nằm dài bất tỉnh. Hai người đàn ông, hai chàng hiệp sĩ đường phố giữ chặt tên Hy Lạp nằm ngửa như một con rùa không thể lật lại. Người ta hét lên hỏi nên làm thế nào, chẳng ai biết ai nên làm gì, mỗi người bình luận một kiểu. Có người nói chuyện này có lẽ liên quan đến gái gú, anh có tin không? Giữ lấy anh ta! Anh tốt bụng thật đấy, giữ lấy anh ta, tốt hơn là lại giúp tôi đi! Gã Hy Lạp ngu xuẩn này khỏe quá, khi hẳn cố xoay người thì chẳng khác gì một con cá nhà táng, nhưng hẳn to béo quá nên không nguy hiểm mấy. Dù sao, ai đó nói, vẫn phải gọi cảnh sát!

— Cảnh sát, không cảnh sát! - tên Hy Lạp vừa huơ tay vừa thét lên.

Hai chữ “cảnh sát” khiến hẳn càng giận dữ và cầu nhàu nhiều hơn. Bằng một cánh tay, hẳn đẩy ngã ngửa một trong những hiệp sĩ đường phố; đám đàn bà con gái đồng thanh kêu lên một tiếng, vui thích nhưng vẫn lùi lại một bước. Chẳng hề quan tâm đến kết cục của cuộc tranh cãi, xa hơn một tí, có tiếng một số người hỏi: Người Thổ Nhĩ Kỳ à? - Không đâu, đó là tiếng Rumani! - Làm gì có! - một người đàn ông có vẻ thông thạo đáp lại, - tiếng Rumani thì cũng giống tiếng Pháp, không, đó là tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. - À, - người đầu tiên hờn hờ, - tôi đã bảo là tiếng Thổ Nhĩ Kỳ mà!

Cuối cùng thì cảnh sát cũng tới, hai người, chuyện gì xảy ra ở đây vậy, một câu hỏi ngớ ngẩn bởi vì người ta thấy rõ ràng là mọi người đang can ngăn một người đòi kết liễu một người khác đang ngất xỉu cách đó bốn mét. Được rồi, được rồi, được rồi, để chúng tôi xem thế nào. Thực ra, họ chẳng xem được gì hết bởi vì các sự kiện xảy ra dồn dập. Cho đến lúc đó, những người qua đường vẫn đang giữ tên Hy Lạp, khi thấy cảnh sát đến họ bèn thả hẳn ra. Hẳn chỉ chờ có thể để lật người lại, quỳ gối, đứng dậy, và khi đó, không ai có thể ngăn hẳn lại, hẳn chẳng khác nào một đoàn tàu tăng

tốc, bạn có thể bị nghiền nát như chơi, chẳng ai đại gì mà xông vào, nhất là cảnh sát. Tên Hy Lạp nhảy xổ vào Albert, chắc hẳn trong cơn vô thức anh đã thấy nguy hiểm trở lại. Khi Antonapoulos lao đến gần, Albert - thực ra chỉ là cơ thể của anh, chứ anh vẫn còn nhắm nghiền hai mắt và lắc lư cái đầu như người mộng du - cũng lật người lại, đứng dậy và bắt đầu loạng choạng chạy trên vỉa hè, tên Hy Lạp đuổi theo.

Mọi người ai cũng thất vọng.

Sự việc đã gay cấn trở lại thế mà hai nhân vật chính lại biến mất. Mọi người bị hụt mất một vụ bắt bớ, một trận tra hỏi, bởi vì nói cho cùng, họ đã tham gia trận đấu đả thì phải có quyền biết kết cục câu chuyện ra sao chứ, không phải thế ư? Chỉ có cảnh sát là không thất vọng, họ giơ tay không có vũ khí lên, cam phận, muốn ra sao thì ra, hy vọng rằng hai người đó tiếp tục đuổi nhau lâu lâu, bởi vì ngay sau phố Pasquier là hết khu vực của họ.

Vả lại, cuộc rượt đuổi nhanh chóng bất thành. Albert đưa ống tay quệt ngang mặt để nhìn cho rõ, anh chạy bán sống bán chết, nhanh hơn rất nhiều so với tên Hy Lạp quá nặng nề, khoảng cách giữa hai người chẳng mấy đã là hai, ba rồi bốn phố, Albert rẽ phải rồi rẽ trái, và trừ phi chạy vòng quanh để rồi lại đâm đầu vào Antonapoulos, anh chỉ phải một phen sợ hãi, nếu không kể hai cái răng bị gãy, một bên lông mày toác ra, những chỗ máu tụ, nổi kinh hoàng và những cơn đau hai bên sườn, v.v...

Người đàn ông bị chảy máu và đi loạng choạng đó chẳng mấy chốc đã lại thu hút sự chú ý của cảnh sát. Người đi đường giãn ra, vẻ lo lắng. Albert nghĩ là mình đã bỏ xa được kẻ tấn công, và nhận ra rằng việc mình làm thật là tai hại, anh liền dừng chân trước vòi nước ở phố Scribe rồi vã nước lên mặt. Đến lúc đó anh mới bắt đầu thấy đau vì những cú đánh lúc nãy. Nhất là chỗ xương bị toác. Anh không có cách gì để cầm máu, cho dù đã quấn ống tay áo lên trán, khắp người anh đều có máu.

Một phụ nữ trẻ đội mũ và ăn mặc chải chuốt đang ngồi một mình, tay ôm khư khư chiếc túi. Cô quay mặt đi ngay khi Albert bước vào phòng chờ và không để để anh không nhìn thấy cử chỉ đó, vì trong phòng chỉ có hai người mà hai chiếc ghế dựa thì được kê đối diện nhau. Cô ngồi vắn vẹo,

nhìn qua cửa sổ, mà ngoài cửa sổ có gì đâu, cô ho để có cớ lấy tay che mặt, lo bị người ta để ý hơn là phải nhìn người đàn ông đang không ngừng chảy máu - anh đã dây máu từ đầu đến chân - nhìn mặt là biết anh vừa gặp chuyện lồi thối. Anh đang phải chịu đựng chuyện rắc rối thứ hai trước khi từ đầu kia căn hộ người ta nghe tiếng bước chân, tiếng nói và cuối cùng bác sĩ Martineau xuất hiện.

Người phụ nữ trẻ đứng dậy, rồi khựng lại ngay. Thấy tình trạng của Albert, ông ra hiệu cho anh. Albert tiến tới, người phụ nữ trẻ quay lại ghế của mình, không nói lời nào, và ngồi xuống như thể cô bị phạt.

Ông bác sĩ không hỏi gì, sờ nắn chỗ này chỗ kia rồi dè dặt đưa ra chẩn đoán: “Anh đã bị đập vỡ mặt...”, lấy gạc chấm chấm vào những chỗ bị thủng trên hàm răng, khuyên anh nên đến phòng khám nha khoa rồi khâu lại vết thương trên cung lông mày.

— Mời quan.

Albert lộn hết túi quần túi áo, bò xuống để nhặt lại mấy đồng xu vừa lăn vào gầm ghế, ông bác sĩ vợ hết, làm gì đủ mười quan, còn lâu, ông ta nhún vai, đành chịu thiệt, đưa Albert ra cửa mà không nói lời nào.

Ngay sau đó, Albert phát hoảng. Anh vịn vào tay nắm trên cánh cổng xe, trời đất bắt đầu quay mòng xung quanh, anh đánh trống ngực, buồn nôn, có cảm giác anh đang tan ra tại chỗ hoặc thụt sâu xuống đất như trên cát lún. Chóng mặt kinh khủng. Mắt trợn lên, anh lấy tay ôm ngực, giống một người đang quy xuống vì cơn đau tim. Người gác cổng đến ngay.

— Anh không định nôn ra via hè đấy chứ?

Anh không trả lời được. Người gác cổng nhìn cung lông mày đã được khâu lại, lắc đầu rồi ngược mắt lên trời vẻ ngao ngán, chẳng có loài nào hơi động tí đã kêu đau như loài người.

Cơn chóng mặt không kéo dài. Dữ dội nhưng chóng vánh. Anh đã từng bị như vậy vào tháng Mười một, tháng Mười hai năm 1918, trong những tuần lễ tiếp sau hôm anh bị chôn sống. Kể cả ban đêm, anh thường tỉnh giấc và thấy mình đang nằm trong lòng đất, đã chết, đã ngạt thở.

Phố xá nhảy múa xung quanh khi anh bước đi, thực tại dường như mới mẻ với anh, mơ nhiều hơn thực, mập mờ hơn, nhảy nhót, chập chờn. Anh lao đảo đi về bến tàu điện ngầm, một tiếng động nhỏ, một tiếng lạch cạch thô cũng khiến anh giật mình, anh ngoái nhìn đến hai chục lần, lúc nào cũng chực thấy tên Poulos không lồ xuất hiện. Thật là đen đui. Trong một thành phố lớn thế này, người ta có thể sống đến hai chục năm mà chẳng gặp lại một người bạn cũ, thế mà anh lại gặp ngay phải tên Hy Lạp.

Albert bắt đầu đau răng khủng khiếp.

Anh dừng chân, ghé quán cà phê định uống một ly rượu mạnh, những khi gọi đồ, anh sực nhớ là đã đưa hết tiền cho bác sĩ Martineau. Anh trở ra, định đi tàu điện ngầm, bầu không khí tù hãm khiến anh tức thở, cơn khiếp hãi bóp nghẹt anh, anh lại quay lên, đi bộ về nhà, mệt rũ, và suốt thời gian còn lại của ngày hôm đó, anh run rẩy nghiền ngẫm lại từng chi tiết những gì vừa xảy ra.

Đôi khi, anh điên tiết lên. Lẽ ra anh nên giết chết hẳn ngay lần gặp đầu tiên, tên khốn Hy Lạp đó. Nhưng phần lớn thời gian, anh ngẫm nghĩ về cuộc đời mình như một thảm họa không tên, sự hèn mọn của nó khiến lòng anh trĩu nặng, cảm thấy mình khó mà thoát ra được, một cái gì đó trong ý chí chiến đấu của anh đã vỡ tan.

Anh nhìn mình trong gương, mặt anh đã biến dạng một cách kỳ dị, những chỗ tụ máu đã chuyển sang màu xanh, mặt anh chẳng khác gì mặt của một người tù khổ sai. Đồng đội của anh mới đây cũng đã soi mình trong gương để rồi nhìn nhận sự tàn tạ của bản thân. Albert hất tấm gương xuống đất, chẳng hề tỏ ra giận dữ, anh nhặt những mảnh vỡ và vứt đi.

Ngày hôm sau, anh chẳng ăn uống gì. Cả buổi chiều, anh đi lòng vòng trong phòng khách như con ngựa gỗ trong vòng quay. Mỗi khi nghĩ đến những gì đã xảy ra, nỗi sợ lại xâm chiếm anh. Và toàn những suy nghĩ ngớ ngẩn: tên Hy Lạp đã tìm ra anh, hẳn có thể điều tra, đến gặp ông chủ của anh, đến đây tìm anh, đòi nợ, giết anh. Albert chạy ra cửa sổ, nhưng từ đó anh không thấy đường phố nơi Poulos có thể xuất hiện, chỉ thấy ngôi nhà

của chị chủ nhà và vẫn như mọi khi, thấy chị Belmont đứng sau cửa sổ, ánh mắt trống vắng, gương mặt chìm đắm trong hoài niệm.

Tương lai nhuộm màu đen. Mất việc, bị tên Hy Lạp truy đuổi, anh phải chuyển nhà, phải tìm một công việc khác. Cứ làm như để lảm ấy.

Rồi anh tự trấn an. Tên Hy Lạp mà đến tìm anh thì hoàn toàn lỗ bịch, chỉ là một ảo ảnh. Mà hắn sẽ làm thế nào mới được chứ? Hắn sẽ huy động cả gia đình, tất cả bè lũ của hắn để tìm lại một cái hộp đựng những ống moóc phin hắn đã được sử dụng hết? Thế thì thật nực cười!

Nhưng những gì đầu óc Albert nghĩ ra thì thế xác anh lại không chia sẻ. Anh tiếp tục run, nỗi sợ của anh thật phi lý, không thể tiếp thu bất cứ lẽ phải nào. Giờ phút trôi qua, đêm đến, và cùng với đêm là những bóng ma, là nỗi lo sợ. Sự phóng đại do bóng tối đã phá hủy chút sáng suốt mà anh từng có, sự hoảng hốt lẫn át tất cả.

Albert, thân cô thế cô, bật khóc. Người ta có thể viết hẳn một câu chuyện về những giọt nước mắt trong cuộc đời Albert. Những giọt nước mắt tuyệt vọng đó đi từ sâu muện đến khiếp sợ, tùy vào việc anh ngẫm nghĩ về cuộc đời hay suy đoán tương lai. Hết toát mồ hôi lạnh lại đến u buồn, hồi hộp, bi quan, những ý nghĩ đen tối, cảm giác ngạt thở và những cơn chóng mặt xen kẽ nhau; anh tự nhủ, không bao giờ anh có thể ra khỏi căn hộ này nữa, nhưng cũng chẳng bao giờ anh có thể ở lại đây. Nước mắt thêm giàn giụa. Bỏ trốn. Hai từ đó bỗng vang lên trong tâm trí anh. Bỏ trốn. Do bóng đêm, ý nghĩ đó dần dần phình ra, đè nát tất cả những viễn cảnh khác. Anh không còn tưởng tượng nổi tương lai của mình ở nơi đây, không chỉ trong gian phòng này mà trong cả thành phố này, cả đất nước này.

Anh chạy đến ngăn kéo, moi ra những bức ảnh chụp ở các thuộc địa, những tấm bưu thiếp. Bắt đầu lại từ số không. Tia chớp tiếp theo làm xuất hiện hình ảnh của Édouard. Albert lao đến bên cái tủ, lấy chiếc mặt nạ đầu ngựa ra. Anh thận trọng đeo vào, giống như người ta nâng niu một cổ vật quý hiếm. Và anh lập tức cảm thấy yên ổn, được bảo vệ. Anh muốn xem mặt mình ra sao, liền lục tìm trong sọt rác một mảnh gương đủ lớn nhưng không thấy. Anh bèn tìm bóng mình được phản chiếu trên kính cửa sổ, anh

thấy mình là ngựa và nổi khiếp sợ bỗng lảng lại, hơi ấm thân tình lan tỏa khắp người anh, cơ bắp anh chùng xuống. Vừa chỉnh lại mặt nạ, anh vừa nhìn xuống cửa sổ nhà chị Belmont, phía bên kia sân. Chị không còn ở đó nữa. Chỉ có ánh sáng từ căn phòng khác cách đó khá xa hắt lên song cửa.

Và tất cả bỗng sáng sủa, rõ ràng.

Albert phải hít thật sâu trước khi gỡ chiếc mặt nạ ra. Anh có cảm giác lạnh lẽo khó chịu. Như những chiếc chảo tích giữ nhiệt và vẫn còn ấm sau khi lửa đã tắt từ lâu, Albert vẫn còn giữ được một ít sức lực, đủ để mở cửa ra vào, tay cặp chiếc mặt nạ, chậm chạp đi xuống cầu thang, nhấc tấm vải bạt lên và nhận ra hộp đựng ống thuốc đã biến mất.

Anh băng qua sân, đi vài mét trên vỉa hè, lúc này trời đã tối hẳn, anh ôm chặt chiếc mặt nạ và bấm chuông.

Một lúc lâu sau chị Belmont mới ra. Chẳng nói lời nào khi nhận ra Albert, chị mở cửa. Albert vào nhà, đi theo chị, một hành lang, một gian phòng với những ô cửa trập đã được kéo ra. Trên một cái giường nhỏ dành cho trẻ em, vừa vặn, Louise đang ngủ rất say, hai chân co lại. Albert cúi xuống, khi ngủ đứa bé này có một vẻ đẹp lạ lùng. Dưới đất, Édouard đang nằm, mình đắp một tấm ga màu trắng mà bóng tối làm cho ngả sang màu ngà, mắt cậu ta mở to, nhìn Albert chăm chăm. Bên cạnh là hộp đựng moócphin. Albert rất tinh, anh nhận ra số lượng moócphin đã không giảm quá nhiều.

Anh mỉm cười, để tự giải phóng mình, anh đeo chiếc mặt nạ ngựa rồi chìa tay cho Édouard.

Khoảng nửa đêm, Édouard ngồi dưới cửa sổ, Albert ở bên cạnh, anh miệt mài với những bản vẽ tượng đài kê trên đầu gối. Anh đã thấy bộ dạng của bạn mình. Một trận đòn khủng khiếp.

Albert nói:

— Được, cậu giải thích cho mình rõ hơn xem nào. Cái vụ tượng đài của cậu ấy... cậu định thế nào?

Trong khi Édouard viết vào quyển sổ trò chuyện mới, Albert lật giở những bức vẽ. Hai người đang nghiên ngẫm vấn đề. Trong vụ này, việc gì cũng có thể giải quyết. Họ không thành lập công ty ma, chỉ mở một tài khoản ở ngân hàng. Không văn phòng, chỉ một hòm thư. Ý tưởng là đưa ra mức khuyến mại thật hấp dẫn trong một thời gian khá hạn chế, thu tối đa tiền trả trước cho các đơn đặt hàng... và ôm két tiền đi ngay sau đó.

Chỉ còn lại một vấn đề đáng kể: để thực hiện phi vụ đó thì phải có tiền.

Édouard không hiểu rõ tại sao vấn đề liên quan đến những khoản tiền cần thiết mới hôm qua còn ngăn cản Albert đến mức khiến cậu ta điên tiết, dường như lúc này chỉ còn là một chướng ngại nhỏ. Điều này dĩ nhiên có liên quan đến tình trạng của cậu ta, những chỗ tụ máu, cung lông mày vẫn chưa khép hẳn, những vết bầm trên mặt...

Édouard lại nghĩ đến hôm Albert đi chơi vài ngày trước đó và thái độ thất vọng của cậu ta lúc trở về; anh hình dung một câu chuyện về đàn bà, một mối sầu tình. Anh tự hỏi, phải chăng Albert đưa ra quyết định này chỉ vì một cơn thịnh nộ nhất thời? Liệu ngày mai, hoặc ngày kia, cậu ta có tuyên bố bỏ cuộc không? Nhưng Édouard gần như không có quyền lựa chọn, nếu anh muốn lao vào cuộc phiêu lưu đó (và trời biết là anh rất thiết tha với vụ này!) anh phải làm như quyết định của bạn mình đã được cân nhắc rất kỹ. Rồi sau đó cầu nguyện.

Trong cuộc nói chuyện đó, Albert tỏ ra bình thường, biết điều, những gì anh nói hoàn toàn hợp lẽ, chỉ có điều đang nói nửa chừng anh bỗng run bần từ đầu đến chân, và cho dù nhiệt độ bình thường, anh vẫn vã mồ hôi, nhất là mồ hôi tay. Vào lúc đó, anh đồng thời là hai con người, một người thì run như thỏ đế, là gã cựu chiến binh đã từng bị chôn sống và một người biết tư duy, biết tính toán, một cựu nhân viên kế toán.

Như vậy kiếm đâu ra tiền để làm vụ này?

Albert nhìn cái đầu ngựa hồi lâu, mặt ngựa bình thản nhìn anh chăm chăm. Ánh mắt điềm tĩnh, khoan dung đó là một nguồn khích lệ rất lớn.

Anh đứng dậy.

— Mình nghĩ mình có thể kiếm ra... - anh nói.

Anh bước đến bên bàn và chậm rãi thu dọn.

Anh ngồi xuống, trước mặt là một tờ giấy, lọ mực, cái bút, anh suy nghĩ hồi lâu, rồi sau khi đã đề tên và địa chỉ ở phía trên cùng bên trái, anh viết:

Thưa ông,

Hôm mời tôi ăn tối, ông đã có thiện ý mời tôi về làm kế toán cho một trong những công ty của ông. Nếu ông vẫn giữ nguyên ý định đó, tôi xin...

THÁNG BA NĂM 1920

Henri d’Aulnay-Pradelle, đầu óc giản đơn, chẳng có gì độc đáo, dễ dàng có lý bởi sự quē kệt của y thường làm cho những người đối thoại dù thông minh mấy cũng phải nản. Chẳng hạn, y không thể không xem Léon Jardin-Beaulieu là kém thông minh hơn, vì không cao lớn bằng y. Dĩ nhiên như vậy là sai, nhưng vì Léon luôn mặc cảm về chủ đề này và do vậy không thể hiện được năng lực của mình, Pradelle luôn luôn thắng. Trong ưu thế này, có vấn đề liên quan đến vóc dáng, nhưng còn có hai lý do khác mang tên Yolande và Denise, một người là em gái, một người là vợ của Léon, và cả hai đều là người tình của Henri. Cô đầu tiên từ hơn một năm, cô thứ hai từ hôm trước ngày cưới của y. Chắc hẳn Henri đã thấy hôm trước lễ cưới thì thú vị hơn, thậm chí ngay sáng hôm đó thì càng tốt nhưng các sự kiện diễn ra không được thuận lợi và ngày hôm trước đã là một kết quả mỹ mãn rồi. Từ hôm đó, y vui vẻ nói với những người thân tín: “Trong gia đình Jardin-Beaulieu, mình chỉ thiếu mỗi bà mẹ.” Câu bông đùa đó rất được tán thưởng bởi vì bà Jardin-Beaulieu, mẹ Léon, là một người không mấy gợi cảm và rất tiết hạnh. Vẫn đều cang như thường lệ, Henri không quên nói thêm: “Điều này cắt nghĩa cho điều kia.”

Tóm lại, giữa Ferdinand Morieux, một kẻ dốt nát hoàn hảo, và Léon Jardin-Beaulieu, bị những ức chế làm cho tê liệt, Henri đã chọn hai cổ đông mà y khinh bỉ. Cho đến khi đó, y đã tự do muốn làm gì thì làm, y tổ chức mọi thứ theo cách của mình, vừa nhanh nhẹn vừa chóng vánh, như mọi người đều biết, và “các cộng sự” của y bằng lòng với việc nhận phần cổ tức của họ. Henri không cho họ biết bất cứ điều gì, đó là công ty “của y”. Nhiều trở ngại đã được lách qua một cách trót lọt mà chẳng phải báo cáo ai nên bây giờ y sẽ chẳng kể ra làm gì.

— Chỉ có điều, - Léon Jardin-Beaulieu nói, - lần này thì rắc rối hơn đây.

Henri khinh bỉ nhìn anh ta bằng cả chiều cao của mình. Khi nói chuyện, y luôn lựa tư thế đứng để buộc Léon phải ngẩng đầu lên, như để nhìn trần nhà.

Léon chớp mắt rất nhanh. Anh ta có những việc quan trọng phải nói, nhưng con người này làm anh ta sợ. Và anh ta ghét y. Anh ta đã rất đau khổ khi biết em gái mình ngủ với y, thế mà vẫn cười như thể mình là đồng phạm, thậm chí là kẻ xúi giục. Khi dấy lên những lời đồn đại đầu tiên liên quan đến Denise, vợ anh ta, thì lại là chuyện khác. Nhục nhã quá, anh ta chỉ muốn chết quách cho rồi. Anh ta đã lấy được vợ đẹp nhờ giàu có, anh ta chưa bao giờ ảo tưởng về sự chung thủy của cô ta ở hiện tại hoặc trong tương lai, nhưng việc Aulnay-Pradelle lại chính là người mang đến tin xấu có vẻ như cay đắng hơn cả. Denise luôn xem thường Léon. Cô ta hận anh ta đã đạt được mục đích bởi vì có điều kiện tài chính. Ngay từ khi mới lấy nhau, cô ta đã tỏ ra hạ cố với Léon còn Léon thì không có cách gì để chống lại quyết định ngủ riêng và tối nào cũng đóng cửa của vợ. Anh ta đâu có lấy mình, cô ta nghĩ bụng, anh ta đã mua mình. Bản chất cô ta không tàn nhẫn, nhưng phải hiểu rằng đó là thời phụ nữ bị khinh rẻ vô cùng.

Còn Léon, buộc phải nằng đi lại, cận kề với Henri vì công chuyện làm ăn, thấy danh dự của mình bị tổn thương rất nhiều. Như thế cuộc sống vợ chồng đầy tai ương của anh ta còn chưa đủ! Anh ta hận Pradelle đến mức giả dụ như những hợp đồng khủng của họ với Nhà nước mà bị thất bại, anh ta cũng không động tay động chân làm gì - nếu mất anh ta cũng chẳng vì thế mà thân bại danh liệt - thậm chí anh ta sẽ vui thích để mặc cộng sự của mình chết đuối. Nhưng vấn đề không chỉ là tiền. Còn có thanh danh của anh ta nữa. Mà những lời đồn đại đây đó ngày càng đáng lo ngại. Bỏ rơi Aulnay-Pradelle tức là có thể cùng y thất bại, mà như vậy thì không đời nào! Người ta úp úp mở mở nhắc đến chuyên đó, chẳng ai biết cụ thể ra sao, nhưng nếu người ta nói đến luật pháp tức là nói đến tội phạm... về tội phạm! Léon có một người bạn đồng môn, anh này, vì buộc phải làm việc, đang giữ một chức vụ trên tỉnh.

— Ông bạn thân mến, - anh ta nói với Léon bằng giọng lo lắng, - mọi việc không được thơm tho lắm nhỉ...

Cụ thể đó là gì? Léon không tài nào hiểu được; ngay cả anh bạn trên tình đó cũng mù tịt. Hay tệ hơn là không muốn nói về chuyên đó. Léon hình dung cảnh mình bị đưa ra tòa. Một người nhà Jardin-Beaulieu mà phải đối mặt với thẩm phán! Điều đó khiến anh ta đổi ý. Và lại anh ta đã làm gì đâu! Nhưng đi mà chứng minh...

— Rắc rối, - Henri điềm tĩnh nhắc lại. - Chuyện gì rắc rối thế?

— Thì em có biết đâu... Anh phải nói cho em biết mới đúng!

Henri bĩu môi, tôi chẳng biết chuyện gì.

— Người ta có nhắc đến một bản báo cáo... - Léon nói tiếp.

— A, - Henri thốt lên, - cậu muốn nói đến chuyện đó à? Không, không sao đâu, đã được dàn xếp rồi! Hiểu nhầm thôi mà.

Léon chưa chịu bằng lòng. Anh ta cố nài:

— Theo những gì em biết...

— Cái gì? - Pradelle hét lên. - Cậu biết gì? Hả? Cậu biết gì?

Y bất ngờ chuyển từ vẻ hiền từ giả tạo sang cay nghiệt. Mấy tuần vừa rồi, Léon đã quan sát y, đó là cả một câu chuyện dài bởi anh ta thấy Pradelle cực kỳ mệt mỏi và anh ta không thể không nghĩ rằng một phần nào đó là vì Denise. Nhưng Henri đang có chuyện, bởi vì một người tình mệt mỏi vẫn là một người tình hạnh phúc, trong khi y luôn căng thẳng, còn nóng tính hơn trước đây nhiều, cương quyết hơn nhiều. Thế nên, y đột ngột nổi trận lôi đình như thế này...

— Nếu vấn đề đã ổn thỏa, - Léon đánh liều hỏi, - tại sao anh lại nổi giận?

— Bởi vì tôi chán lắm rồi, Léon còi ọ, chán cảnh phải luôn báo cáo trong khi việc gì tôi cũng phải làm! Bởi vì cậu và Ferdinand, các cậu nhận cổ tức, nhưng ai là người đứng ra tổ chức, giám sát, tính toán? Cậu à? Ha, ha, ha!

Điệu cười đó khiến người khác méch lòng lắm. Nhưng nghĩ đến hậu quả về sau, Léon vờ như không nghe thấy và nói tiếp:

— Em có đòi hỏi gì hơn ngoài việc được giúp anh đâu, chính anh không chịu đấy chứ! Lúc nào anh cũng trả lời là anh chẳng cần ai hết.

Henri hít một hơi thật sâu. Trả lời thế nào đây? Ferdinand Morieux là một kẻ đần độn còn Léon là một kẻ bất lực, không thể hy vọng điều gì ở họ. Thực ra, nếu không phải là tên của anh ta, là các mối quan hệ của anh ta, là tiền của anh ta, toàn những thứ hoàn toàn độc lập với con người anh ta, thì Léon là cái thá gì? Một kẻ bị cấm sừng, chấm hết. Henri mới rời vợ Léon chưa đầy hai tiếng đồng hồ... Vả lại, việc đó cũng cực lắm, lúc nào cũng phải gỡ hai tay của cô ta ra vào lúc chia tay, lúc nào cũng là trò nhõng nha nhõng nhẽo... Y bắt đầu chán cái gia đình này lắm rồi, thực sự là như vậy.

— Những việc đó quá phức tạp với cậu, Léon ạ. Phức tạp, nhưng chẳng có gì nghiêm trọng cả, cậu yên tâm.

Y muốn làm người ta yên tâm nhưng thái độ của y lại gào thét điều ngược lại.

— Nhưng mà, - Léon lại nói, - trên tình, người ta bảo rằng...

— Lại gì nữa đây? Người ta nói gì trên tình?

— Rằng đang có những chuyện đáng lo ngại!

Léon đã quyết tâm đấu tranh để biết, để hiểu, bởi vì lần này, vấn đề không còn là người vợ thay lòng đổi dạ hay khả năng cổ phiếu của anh ta trong công ty Pradelle tụt giá. Anh ta sợ bất đắc dĩ bị cuốn theo một vòng xoáy ngặt nghèo hơn, bởi vì vấn đề chính trị đã xen vào chuyện làm ăn.

Anh ta nói thêm:

— Nghĩa trang là một lĩnh vực rất nhạy cảm...

— Thế hả? Hóa ra là “rất nhạy cảm” cơ đấy!

— Đúng như vậy, - Léon nói tiếp, - thậm chí còn đau đầu là đằng khác! Bây giờ, chỉ sơ hở tí thôi cũng đủ gây tai tiếng! Với Phòng...

À, cái Phòng mới thành lập này! Vào cuộc bầu cử tháng Mười một vừa rồi, cuộc bầu cử đầu tiên sau đình chiến, Khối dân tộc đã thắng tuyệt đối, bởi vì gần như một nửa khối này là cựu chiến binh. Yêu nước, dân tộc chủ

nghĩa đến mức người ta gọi phòng này là “Phòng xanh chân trời”, màu của quân phục Pháp.

Mặc dù, như Henri thường nói, Léon chỉ “đánh hơi vớ vẩn”, nhưng anh đã nói trúng phóc.

Phe đa số này đã tạo điều kiện cho Henri giành phần lớn thị trường của chính phủ và làm giàu với tốc độ ánh sáng, cơ ngơi Sallevière đã được xây dựng lại hơn một phần ba trong vòng bốn tháng, có ngày có đến hơn bốn mươi thợ làm... Nhưng các đại biểu này cũng là mối nguy lớn nhất. Một tập hợp những người anh hùng như thế chắc chắn sẽ hết sức tỉ mỉ về mọi vấn đề liên quan đến những “tử sĩ thân yêu” của họ. Chắc là họ sẽ tuyên bố những điều đao to búa lớn! Chà! Người ta không thể trả phụ cấp cho những người lính giải ngũ một cách đàng hoàng, không thể tìm cho họ công ăn việc làm, thế mà giờ đây lại đắm chìm trong đạo đức với chả luân lý!

Đó là điều anh ta nghe được ở Bộ Trợ cấp, nơi Henri được hỏi chuyện. Không phải bị triệu tập, chỉ “hỏi chuyện” thôi.

— Ông bạn thân mến, mọi việc diễn ra đúng ý anh chứ?

Y là con rể của Marcel Péricourt, nên nói gì làm gì cũng phải dè chừng. Lại là bạn làm ăn với con trai tướng tá và con trai của đại biểu quốc hội, nên lại càng phải thận trọng.

— Bản báo cáo của ông tỉnh trưởng, xem nào...

Người ta vờ như lục tìm trong trí nhớ, rồi đột nhiên, như một tiếng cười:

— Ở phải rồi, tỉnh trưởng Plerzec! Không, chẳng sao đâu, việc nhỏ mà! Biết làm sao được, trong hệ thống của Nhà nước, luôn có những thầy ký nhỏ nhen tỉ mỉ, đó là một tai họa muốn tránh cũng không được. Không, mà bản báo cáo này đã được xếp xó rồi! Anh hình dung được không, ông tỉnh trưởng gần như đã xin lỗi, đúng thế, đúng thế ông bạn ạ. Chuyện xưa rồi, thực sự là như vậy.

Rồi người ta lại chuyển sang giọng tâm tình. Thậm chí còn là giọng chia sẻ bí mật với nhau:

— Nhưng dù gì cũng phải thận trọng một tí bởi vì một viên chức quèn của Bộ đang thanh tra. Một kẻ soi mói, gàn dở.

Không thể biết gì hơn. “Cẩn thận hơn tí nhé.”

Dupré đã mô tả cái gã Merlin đó cho y: một gã móc phân. Một tên cổ lỗ sĩ. Có vẻ như bản bựa, đa nghi Tào Tháo. Pradelle không thể hình dung được hẳn giống ai, nhưng dù thế nào, hẳn cũng chẳng giống với những gì y biết. Một viên chức quèn thấp cổ bé họng, không sự nghiệp, không tương lai, tệ hơn thế, lúc nào cũng tìm cách trả thù. Thường thì bọn họ không có quyền tham gia ý kiến gì hết, mà nói cũng chẳng ai nghe, luôn bị người ta khinh bỉ, kể cả trong cơ quan mình.

— Đúng vậy, - ở Bộ người ta nói tiếp. - Nhưng, không vì thế mà... Đôi khi bọn họ cũng có khả năng gây hại...

Im lặng kéo dài, như dây cao su già néo sắp sửa đứt.

— Bây giờ, ông bạn thân mến ạ, tốt hơn hết là làm nhanh, làm cho tốt. “Nhanh” là vì đất nước cần chuyển sang chuyện khác và “tốt” là bởi cái Phòng này rất tỉ mỉ về tất cả những gì liên quan đến những người Anh hùng của chúng ta, cũng dễ hiểu thôi mà.

Cảnh báo vô hại.

Henri chỉ mỉm cười, vẻ đồng tình, nhưng ngay sau đó đã triệu tập tất cả các trưởng kíp của y lên Paris, đi đầu là Dupré trong vai trò quản lý, rồi y dọa dẫm từng người, đưa ra những chỉ thị rất nghiêm, cảnh báo họ, hứa thưởng cho họ, trong trường hợp cần thiết. Nhưng đi mà kiểm tra một công việc như thế, có trên mười lăm nghĩa trang ở vùng nông thôn do công ty của y quản lý, trên thượng nguồn! Còn ở hạ nguồn, bảy nghĩa trang lớn, và sắp tới đây là tám!

Pradelle quan sát Léon. Từ trên nhìn xuống anh ta, bỗng y lại nhớ đến anh lính Maillard, y cũng đã nhìn anh ta như thế khi anh ta ở dưới hố pháo, và y cũng đã gặp lại trong tư thế đó, vài tháng sau, dưới huyết của một người lính vô danh bị đào lên để làm đẹp lòng Madeleine.

Thời ấy giờ đã xa rồi, nhưng với y đó vẫn là giai đoạn đáng nhớ vì một cơ may từ trên trời rơi xuống: tướng Morieux đã đưa Madeleine Péricourt đến cho y! Một phép màu thực sự. Cuộc gặp đó là cơ hội chưa bao giờ có,

khởi đầu cho mọi thành công của y; biết nắm bắt vận may của mình, tất cả là ở chỗ đó.

Henri nhìn Léon như muốn nghiền nát anh ta. Anh ta giống hệt gã lính Maillard đang khụy xuống; anh ta cũng là dạng người đáng bị chôn sống trước khi có thời gian nói câu “may quá mình đã thoát”.

Lúc này, anh ta vẫn có thể có ích. Henri đặt tay lên vai anh ta.

— Léon, không có vấn đề gì đâu. Mà nếu có thì bố cậu chỉ cần can thiệp với Bộ...

— Nhưng... - anh ta nói, giọng khản đặc, - không được! Anh thừa biết bố em là đại biểu của Hành động Tự do còn Bộ trưởng thì theo phe Liên minh Cộng hòa!

Dĩ nhiên rồi, Henri nghĩ bụng, ngoài việc cho mình mượn vợ ra, thằng ngốc này chẳng được tích sự gì.

Anh đã chờ suốt bốn ngày trong lo lắng và hồi hộp thế mà ông de Housseray, khách hàng của anh, vừa mới đến!

Khi chưa bao giờ ăn cắp quá vài quan chỗ này chỗ khác, tự dừng lên đến hàng trăm, rồi hàng nghìn chỉ trong hai tuần thì ai mà không choáng. Và đây là lần thứ ba trong vòng một tháng, Albert sắp bịp người quản lý và khách hàng của mình, một tháng nay anh không thể chớp mắt, anh đã sụt năm cân. Ông Péricourt, người gặp anh hai ngày trước đó trong sảnh ngân hàng, đã hỏi có phải anh bị ốm không và bảo anh nên nghỉ phép trong khi anh mới vào làm. Đối với cấp trên và đồng nghiệp, để người ta nảy sinh ác cảm với mình thì không có món quà nào hiệu nghiệm hơn. Được tuyển vào làm theo tiến cử của ông Péricourt đã là... Dù sao đi nữa, không có chuyện xin nghỉ, Albert ở đây để làm việc, tức là để lấy tiền. Và anh không còn thời gian để mà lãng phí.

Ở Ngân hàng chiết khấu và Tín dụng Công nghiệp, để biết nên vật tiền của ai, Albert có nhiều lựa chọn. Anh đã áp dụng nghiệp vụ ngân hàng xưa cũ nhất, chắc ăn nhất: bản mặt của khách hàng.

Ông de Housseray có một bản mặt khách hàng rất đẹp. Với chiếc mũ cao thành, những tấm danh thiếp in nổi và cây gậy có núm hình quả táo bằng vàng, ông ta phả ra cho bạn một mùi thơm phức của kẻ trục lợi chiến tranh. Albert, trong nỗi lo sợ như ta có thể đoán được, đã ngây thơ nghĩ rằng có thể làm mọi việc dễ dàng hơn bằng cách chọn ai đó mà mình thấy ghét. Đúng kiểu suy nghĩ của những kẻ nghiệp dư. Của đáng tội, anh có nhiều lý do tuyệt vời để mà lo lắng. Anh biến thủ tiền ngân hàng để đầu tư cho trò lừa đảo tiền quyên góp; anh ăn cắp tiền để có điều kiện ăn cắp nhiều hơn nữa, chừng ấy là đủ để khiến bất cứ kẻ mới tập tọng vào nghề nào cũng phải choáng váng.

Lần ăn cắp đầu tiên, năm ngày sau khi được tuyển vào làm, bảy nghìn quan.

Một trò chơi viết lách.

Người ta thu của khách hàng bốn mươi nghìn quan rồi ghi có vào tài khoản của khách hàng đó. Trong cột thu, người ta chỉ khai ba mươi ba nghìn và buổi tối, người ta bắt xe điện với cái cặp da đầy tiền. Lợi thế của việc làm trong một ngân hàng lớn, đó là không ai có thể nhận ra điều gì trước ngày đối chiếu hằng tuần, mà việc đối chiếu giữa các bản tổng kết lượng kỳ phiếu đến bản tính lãi, bản tính tiền thanh toán, tiền cho vay, tiền trả nợ, bản tính giá bù trừ, tiền gửi không kỳ hạn... phải mất gần ba ngày. Tất cả đều nằm ở thời hạn này. Chỉ cần chờ đến cuối ngày kiểm tra đầu tiên để ghi nợ hạn mức của tài khoản vừa mới được kiểm tra để ghi có cho một tài khoản được trích tiền, tài khoản này chỉ được kiểm tra vào ngày hôm sau. Trong mắt những người làm công tác kiểm tra, hai tài khoản đó không có dấu vết gì, và người ta tiếp tục làm như thế vào tuần tiếp theo bằng cách sử dụng những hạn mức mới, khi thì hạn mức vận hành, hạn mức tín dụng, khi thì hạn mức đầu tư, chiết khấu, hạn mức cổ phần, v.v. Một chiêu lừa bịp rất cổ điển gọi là “Cầu Than thử”, vô cùng hao tổn thần kinh, dễ thực hiện, đòi hỏi nhiều kỹ năng nhưng ít mưu mô, rất lý tưởng cho một người như Albert. Trái lại, chiêu này có bất lợi rất lớn, đó là bắt bạn phải liên tục leo thang, và buộc bạn từ tuần này sang tuần khác phải chơi trò đuổi bắt với các kiểm soát viên. Chưa có tiền lệ về phi vụ nào kéo dài quá vài tháng trước khi tác giả của nó buộc phải trốn ra nước ngoài hoặc vào tù, trường hợp thường xảy ra nhất.

Như nhiều kẻ ăn cắp ngẫu nhiên khác, Albert đã quyết định đây chỉ là vay mượn: với khoản tiền đầu tiên kiếm được từ các công trình tưởng niệm, anh sẽ trả nợ ngân hàng trước khi bỏ trốn. Sự ngây thơ này tạo điều kiện cho anh chuyển sang hành động, nhưng lại bay biến rất nhanh, bị thế chỗ bởi những việc gấp gáp khác.

Ngay lần biến thủ đầu tiên, cảm giác tội lỗi đã khoét sâu thêm lỗ hổng vốn được đào lên bởi sự lo âu và chứng đa xúc cảm mãn tính của anh.

Chúng cuồng ám đã chuyển sang chứng sợ hãi mọi thứ.

Giai đoạn này, Albert gần như khi nào cũng sốt và lên cơn co giật, chỉ nghe hỏi đến đã run bắn lên, phải tựa vào tường và ra mồ hôi tay nhiều đến mức anh phải lau thường xuyên, cho nên công việc bàn giấy của anh rất khó khăn; mắt anh luôn cảnh giác, nhìn ngược nhìn xuôi về phía cửa, ngay cả tư thế đặt chân dưới gầm bàn cũng để lộ một kẻ đang chực chạy trốn.

Các đồng nghiệp thấy anh rất lạ; ai cũng nghĩ anh là người vô hại, anh có vẻ bệnh tật hơn là nguy hiểm. Những người lính được tuyển dụng lại luôn có những dấu hiệu bệnh lý khác nhau, họ quen rồi. Hơn nữa, vì Albert có người nâng đỡ nên tốt hơn hết là nên vui vẻ với anh ta.

Ngay từ đầu, Albert đã bảo Édouard rằng bảy nghìn quan dự kiến sẽ không bao giờ đủ. Phải in catalogue, phải mua phong bì và tem, phải trả tiền công viết địa chỉ, còn phải mua một máy chữ để trả lời những thư từ hỏi thêm thông tin, phải mở hộp thư; bảy nghìn quan thì thật là nực cười, Albert khẳng định, mình đang nói với cậu với tư cách một kế toán đấy. Édouard ra một cử chỉ thoái thác, ừ, hẳn thế rồi. Albert lại tính toán. Tối thiểu là hai mươi nghìn quan, anh tin chắc thế. Édouard trả lời, triết gia ạ, đồng ý hai mươi nghìn quan. Rõ ràng cậu ta đâu phải là người sẽ ăn cắp số tiền đó, Albert tự nhủ.

Vì chưa bao giờ thú nhận có hôm mình đã đi ăn tối ở nhà bố Édouard và giúp mặt chị gái cậu ta, cũng chưa bao giờ thổ lộ là Madeleine tội nghiệp đó đã lấy thẳng Pradelle khốn nạn, cội nguồn mọi tai ương của họ, nên anh không thể cho cậu ta biết mình đã nhận lời ông Péricourt làm kế toán cho một ngân hàng mà ông là người sáng lập đồng thời là cổ đông chính. Dù không còn làm công việc đeo biển quảng cáo, Albert vẫn cảm thấy bị o ép thậm tệ giữa Péricourt bố, ân nhân mà anh sắp lừa bịp và Péricourt con, người sẽ cùng anh chia sẻ thành quả của vụ thụt két đó. Với Édouard, anh chỉ lấy cớ là mình gặp may một cách kỳ lạ, một anh bạn đồng nghiệp cũ tình cờ gặp lại, chỗ làm còn trống trong một ngân hàng, một cuộc phỏng vấn đã diễn ra tốt đẹp... Về phần mình, Édouard chấp nhận điều kỳ diệu cực kỳ đúng lúc đó không chút nghi ngờ. Cậu ta sinh ra đã giàu rồi mà.

Thực ra, chỗ làm ở ngân hàng đó, Albert sẵn sàng giữ lấy. Đến làm, ngồi vào bàn của mình, những lọ mực đã được đổ đầy, những cây bút chì đã được gọt, những trang tài khoản mới tinh, cái giá treo quần áo bằng gỗ nơi anh treo áo khoác và mũ mà bây giờ anh có thể xem như của mình, những ống tay áo bằng vải láng mới tinh, tất cả những thứ đó làm nảy sinh trong anh nỗi khao khát được yên tĩnh, được bình tâm. Suy cho cùng, đó hẳn là một cuộc sống dễ chịu. Hoàn toàn đúng với suy nghĩ của anh về cuộc sống ở hậu phương. Nếu anh giữ được công việc có mức lương rất hậu hĩnh này, thậm chí anh còn có thể thử vận may với cô hầu xinh đẹp ở nhà Péricourt... Đúng thế, một cuộc sống mộc mạc nhưng tươi đẹp. Thay vì vậy, tối hôm đó, Albert, bồn chồn đến nôn nao, đã đi tàu điện ngầm, đem theo một túi xách trong đó có năm nghìn quan tiền chẵn. Thời tiết lúc ấy còn mát mẻ, anh là hành khách duy nhất đỗ mồ hôi.

Albert có lý do khác để nôn nóng ra về: anh bạn kéo xe ba gác bằng một tay chắc đã ghé qua nhà in chờ catalogue về.

Vừa vào đến sân, anh thấy những cái gói buộc dây... Chúng đây rồi! Thật là ấn tượng. Thế là họ đã làm được. Cho đến khi đó, họ vẫn đang ở khâu chuẩn bị; giờ thì tiến hành thôi.

Albert nhắm mắt lại, cảm thấy chóng mặt, lại mở mắt ra, đặt túi xách xuống đất, cầm một gói lên, tháo dây buộc.

Catalogue Ký ức Tổ quốc.

Y như thật.

Mà đúng là thật, in ở Rondot Frères, phố Abbesses, tất cả những gì nghiêm túc nhất mà người ta có thể hình dung. Mười nghìn bản đã được giao. Tám nghìn hai trăm quan tiền in. Anh đang sắp rút tập catalogue trên cùng ra xem thì một tiếng kêu như ngựa hí khiến anh dừng lại. Tiếng cười của Édouard mà người ta nghe thấy từ chân cầu thang. Tiếng cười the thé, nổ giòn, thứ tiếng cười vẫn văng vẳng trong không trung sau khi đã tắt. Có cảm giác đó là tiếng cười vui lạ lùng, như thể tiếng cười của một người đàn bà đã phát điên. Albert cầm túi xách và đi lên. Khi mở cửa, anh được chào

đón bằng một tiếng reo vang như sấm, một tiếng “rrâhhr” (rất khó phiên âm), thể hiện sự nhẹ nhõm và nôn nóng khi thấy anh về.

Mặt khác, tiếng kêu này không kém kỳ lạ bằng tình cảnh lúc ấy. Tối hôm đó, Édouard đeo một chiếc mặt nạ đầu chim, có một chiếc mỏ dài ngoẵng cong xuống phía dưới, nhưng có điều rất lạ là cái mỏ hé mở, để lộ hai hàm răng rất trắng, tạo cảm giác đó là một con chim ăn thịt đang vui cười. Được vẽ bằng gam màu đỏ càng nhấn mạnh vẻ hoang dã và hung dữ, chiếc mặt nạ ôm trọn gương mặt của Édouard cho đến trán, ngoại trừ hai cái lỗ dành cho đôi mắt, tươi vui và linh hoạt.

Albert tự tạo cho mình niềm vui, một niềm vui khá lẫn lộn, được khoe những cục tiền mới của mình nhưng lại để tuột mất cơ hội trở thành ngôi sao vào tay Édouard và Louise. Sàn nhà phủ kín những quyển catalogue. Édouard nằm dài trên chiếc đôn với vẻ lả lơi. Đôi chân trần to bè của cậu ta gác lên một thùng catalogue vẫn buộc dây, còn Louise đang quỳ ở títt đằng đó và khéo léo sơn các móng chân bằng sơn màu đỏ son vô cùng rực rỡ. Rất chăm chú, con bé chỉ hơi ngược mắt lên để chào Albert. Còn Édouard lại vui vẻ cười to (“rrâhhr”), chỉ xuống sàn nhà vẻ rất thỏa mãn, giống một nhà ảo thuật vừa kết thúc một tiết mục rất thành công.

Albert không thể nhịn được cười; anh đặt túi xách xuống, cởi áo khoác, bỏ mũ. Chẳng ở nơi nào ngoài căn hộ này, anh mới cảm thấy yên ổn, tìm lại được chút thanh thản... Trừ ban đêm. Đêm nào anh cũng bứt rứt, và cảnh đó sẽ còn kéo dài; khi ngủ, anh phải để cái đầu ngựa bên cạnh, phòng khi hốt hoảng.

Édouard nhìn Albert, một tay để ngựa trên một thùng catalogue nhỏ bên cạnh, tay kia nắm lại thành biểu tượng chiến thắng. Louise vẫn im lặng, con bé giờ đang đánh bóng sơn trên những ngón chân to cộ bằng một miếng da sơn dương nhỏ, rất tập trung, như thể cả cuộc đời nó phụ thuộc vào đó.

Albert lại ngồi cạnh Édouard và cầm một bản catalogue lên.

Đó là một quyển catalogue mỏng, mười sáu trang, in giấy màu ngà rất đẹp, chiều cao gần gấp đôi chiều rộng, với những dòng in bằng kiểu chữ didone rất xinh, nhiều kích cỡ, những nét chữ rất nhã.

Bìa chỉ ghi một cách đơn giản:

CATALOGUE

các cơ sở luyện kim

—*—

KÝ ỨC TỔ QUỐC

Bia mộ, công trình và tượng đài

nhằm tôn vinh những người Anh hùng của chúng ta

và tôn vinh nước Pháp Thắng lợi

Anh mở ra một trang nắn nét tuyệt đẹp, ở góc trên cùng phía bên trái có những dòng chữ:

JULES D'ÉPREMONT

NHÀ ĐIÊU KHẮC

THÀNH VIÊN VIỆN HÀN LÂM

—★—

52, PHỐ LOUVRE

HÒM THU' 52

PARIS (SEINE)

— Ông Jules d'Épremont này là ai vậy? - Albert đã hỏi khi thiết kế catalogue.

Édouard ngược mắt lên trời, không có ý kiến. Dù sao, cậu ta làm ra vẻ nghiêm túc: huân chương chiến tranh, huy hiệu hàn lâm, nhà ở phố Louvre.

— Dù gì... - Albert biện bạch, nhân vật này vẫn khiến anh rất lo lắng. - Người ta sẽ nhận ra ngay là ông ta không tồn tại. “Thành viên Viện Hàn lâm” thì dễ kiểm tra lắm!

— Chính vì thế mà sẽ chẳng có ai kiểm tra! - Édouard viết. - Thành viên Viện Hàn lâm thì chẳng có gì phải bàn cãi!

Albert hoài nghi nhưng cũng phải công nhận rằng quả thật, khi thấy cái tên được in ra như thế, chẳng ai muốn nghi ngờ nữa.

Dưới cùng, có một tiêu chú giới thiệu ngắn gọn sự nghiệp của ông ta, kiểu điêu khắc gia Hàn lâm mà các thành tựu khiến những người hay sợ

phải sống gần văn nghệ sĩ trở nên yên tâm hơn.

Địa chỉ, 52 phố Louvre, không là gì khác ngoài địa chỉ văn phòng nơi hòm thư được mở; sự tình cờ đã xen vào, gán cho họ con số 52, con số hoàn thiện việc mang lại cho tổng thể một khía cạnh chín chắn, có thể chế đường hoàng, không có gì gọi là ngẫu nhiên.

Dưới chân tờ bì có một dòng chữ nhỏ, chỉ ghi:

**GIÁ BAO GỒM PHÍ GIAO HÀNG TẬN GA
TRONG LÃNH THỔ NƯỚC PHÁP CHÍNH QUỐC
CHƯA BAO GỒM CÂU KHẮC ĐỂ TRONG BỨC VẼ**

Trang đầu tiên trình bày chiêu lừa đảo đúng nghĩa:

Thưa ông Thị trưởng,

Đại chiến thế giới đã kết thúc hơn một năm nay và ngày nay nhiều công xã ở nước Pháp và các thuộc địa đang nghĩ tới việc vinh danh và tưởng niệm những người con đã ngã xuống trên chiến trường một cách xứng đáng.

Sở dĩ phần lớn các công xã chưa làm gì là vì thiếu điều kiện chứ không phải thiếu tình yêu Tổ quốc. Chính vì thế, với tư cách một Nghệ sĩ, đồng thời là Cựu chiến binh, tôi thấy có nghĩa vụ tình nguyện đứng ra phụng sự mục đích cao cả này. Và tôi đã quyết định dành kinh nghiệm cũng như khả năng của mình để phục vụ các công xã có nguyện vọng xây dựng một công trình tưởng niệm và đúc ra Ký ức Tổ quốc.

Tôi xin gửi kèm theo đây quyển catalogue trình bày các chủ đề và các bức họa phúng dụ để đời đời tưởng niệm những người lính thân yêu đã hy sinh.

Tại Paris, vào ngày 11 tháng Mười một tới, mộ “người lính vô danh” sẽ được khánh thành, ngôi mộ này biểu tượng cho đức hy sinh của tất cả mọi người. Sự kiện đặc biệt, phải có giải pháp đặc biệt: để giúp cho ông đóng góp phần mình vào buổi lễ trọng đại tầm cỡ quốc gia này, tôi sẽ giảm giá 32% cho tất cả các công trình được thiết kế nhân dịp đó đồng thời miễn cho ông chi phí vận chuyển đến nhà ga địa phương gần nhất.

Để đảm bảo thời hạn sản xuất và vận chuyển, để có một công trình chất lượng hoàn hảo, tôi chỉ có thể chấp nhận những đơn đặt hàng gửi trước ngày 14 tháng Bảy tới, để giao hàng chậm nhất vào ngày 27 tháng Mười năm 1920, tạo điều kiện cho ông có thời gian dựng tượng trên bệ đã được xây trước. Trong trường hợp rất tiếc có thể xảy ra là vào ngày 14 tháng Bảy, khối lượng đơn đặt hàng vượt quá khả năng thực hiện của chúng tôi, thì chỉ có những đơn đặt hàng đầu tiên được chấp nhận theo thứ tự gửi đến.

Tôi tin chắc qua lời đề nghị này, không có đề nghị lần hai, tình yêu Tổ quốc của ông sẽ có dịp bày tỏ với những người lính thân yêu đã hy sinh rằng sự anh dũng của họ sẽ còn lưu mãi trong mắt lớp con cháu như hình mẫu của mọi sự hy sinh.

Xin gửi tới ông Thị trưởng lời chào trân trọng.

JULES D'EPREMONT

Nhà điêu khắc

Thành viên Viện Hàn lâm

Cựu sinh viên Trường Mỹ thuật Quốc gia

— Nhưng khoản khuyến mại đó... Tại sao lại là 32%? - Albert hỏi. Đúng là câu hỏi của kế toán.

— Để tạo cảm giác là giá cả đã được cân nhắc kỹ lưỡng! - Édouard viết.
- Rất kích thích! Và theo cách đó, mọi khoản tiền sẽ được chuyển đến trước ngày 14 tháng Bảy. Ngày hôm sau, chúng ta sẽ chuẩn!

Trang tiếp theo, trong một bảng đóng khung bằng hiệu ứng rất đẹp, có một ghi chú ngắn ghi rõ:

Tất cả các tác phẩm của chúng tôi có thể được cung cấp hoặc bằng đồng nghệ thuật được chạm trổ và mạ đồng, hoặc bằng gang sắt chạm trổ và làm giả nước đồng thanh.

Những nguyên liệu này rất sang trọng, đem lại cho các tượng đài một dấu ấn đặc biệt, thời thượng, tượng trưng hoàn hảo cho người lính Pháp vô

song, hoặc tất cả các biểu tượng khác đề cao sự anh dũng kiên cường ở những người lính thân yêu đã hy sinh của chúng ta.

Công trình nghệ thuật này chắc chắn sẽ hoàn hảo và thời hạn sử dụng vĩnh viễn với điều kiện được bảo trì năm hay sáu năm một lần.

Chỉ có bộ tượng, rất dễ xây nếu có thợ nề giỏi, là do người mua tự làm.

Tiếp theo là catalogue các tượng đài, nhìn thẳng, nhìn nghiêng hoặc được phối cảnh, với những kích thước cụ thể, chiều cao, chiều rộng và tất cả các khả năng phối hợp: *Lên đường chiến đấu, Tấn công, Đứng lên hỡi các tử sĩ!, Người lính hy sinh bảo vệ cờ Tổ quốc, Bạn chiến đấu, Nước Pháp khóc thương những người Anh hùng, Chú gà trống giẫm mũ lính Đức, chiến thắng! v.v...*

Ngoài ba mẫu hạ đẳng dành cho những khoản kinh phí cực thấp (Huân chương chiến tranh, 930 quan, Đuốc tang, 840 quan, Tượng lính bán thân, 1.500 quan), tất cả tượng đài khác có khung giá từ 6.000 đến 33.000 quan.

Cuối catalogue có ghi rõ:

Ký ức Tổ quốc sẽ không có khả năng trả lời qua điện thoại cho tất cả các yêu cầu, nhưng toàn bộ câu hỏi được chuyển đến qua thư sẽ nhận được hồi âm trong thời gian sớm nhất.

Vì khoản khuyến mại lớn, nên các đơn đặt hàng sẽ phải thanh toán trước 50% số tiền cần trả cho Ký ức Tổ quốc.

Về lý thuyết, mỗi đơn đặt hàng sẽ mang về khoảng từ ba nghìn đến mười một nghìn quan. Về lý thuyết thôi. Khác với Albert, Édouard không nghi ngờ điều gì, cậu ta vỗ đùi. Niềm vui sướng của người này tỷ lệ thuận với nỗi lo âu của kẻ khác.

Vì một bên chân tập tễnh nên Édouard không thể đưa các thùng catalogue lên tầng. Kể cả cậu ta có nảy ra ý tưởng đó đi chăng nữa... Đây là vấn đề giáo dục, lúc nào cậu ta cũng có người sẵn sàng giúp đỡ; về mặt này, chiến tranh chỉ là một dấu ngoặc đơn. Cậu ta khẽ ra hiệu, về tiệc nuôi, mắt tinh nghịch, như thể không thể giúp đỡ vì móng chân... Cậu ta phẩy tay, ý muốn nói: lớp sơn móng... Chưa khô...

— Được thôi, - Albert nói, - để mình lo.

Anh không giận gì đâu, những công việc chân tay hoặc nội trợ cho phép anh suy nghĩ. Anh bắt đầu lên rồi xuống, xuống rồi lên, cẩn thận chồng các thùng catalogue vào góc phòng.

Hai tuần trước, anh đã cho đăng tin rao vặt tìm người làm. Cần phải viết mười nghìn địa chỉ, theo cùng một mẫu:

Tòa thị chính

Thành phố...

Tên tỉnh

Người ta viết địa chỉ theo Từ điển các xã, trừ Paris và vùng lân cận ra vì quá gần so với cái trụ sở mạo xưng của công ty. Tốt hơn hết là gửi cho các tỉnh ở xa và các thành phố bậc trung. Mỗi địa chỉ họ trả mười lăm xu. Với nạn thất nghiệp cao như vậy, không khó để tuyển năm người có chữ đẹp. Năm phụ nữ. Albert thích phụ nữ hơn. Phụ nữ ít hỏi han, anh nghĩ vậy. Cũng có thể anh chỉ tìm cách gặp gỡ phụ nữ. Họ nghĩ đang làm việc cho một thợ in. Tất cả có lẽ sẽ hoàn tất trong khoảng mười ngày. Tuần trước, Albert đi giao cho họ phong bì, bút, mực. Ngay ngày hôm sau, khi ra khỏi ngân hàng, anh bắt đầu gom lại; nhân dịp ấy, anh lấy ba lô thời chiến ra, ba lô này hẳn đã chứng kiến bao nhiêu điều ngớ ngẩn.

Và họ dành các buổi tối để bỏ thư vào phong bì, Louise sẽ giúp một tay. Dĩ nhiên, con bé chẳng hiểu chuyện gì đang xảy ra, nhưng nó tỏ ra rất nhiệt tình. Công việc này làm nó rất hồ hởi bởi anh bạn của nó là Édouard trở nên vui vẻ hẳn, điều này có thể nhận thấy qua những chiếc mặt nạ, càng ngày càng nhiều màu sắc, càng ngày càng điên rồ, thêm một hai tháng nữa, họ sẽ ngụp lặn trong điên loạn, cô bé thích lắm.

Albert để ý thấy càng ngày cô bé càng ít giống mẹ, không phải về hình thức, anh không phải là người giỏi nhớ mặt, anh không bao giờ nhận ra người ta giống nhau ở điểm nào, nhưng nỗi buồn thường trực trên gương mặt chị Belmont, phía sau cửa sổ, không còn tái hiện trên gương mặt Louise. Dường như đó là một con côn trùng bé xíu từ kén nhộng chui ra, càng ngày càng xinh. Đôi khi, Albert nhìn trộm cô bé và thấy ở nó có nét

đẹp cảm động khiến anh muốn khóc. Bà Maillard thường nói: “Nếu cứ để mặc nó, Albert sẽ khóc suốt; tôi mà có con gái thì cũng sẽ như thế.”

Albert sẽ gửi tất cả qua bưu điện ở Louvre để dấu khớp với địa chỉ. Trong nhiều ngày liền, anh sẽ phải đi lại rất nhiều.

Sau đó họ bắt đầu chờ.

Albert nôn nóng chờ những khoản thanh toán đầu tiên tới nơi. Anh sẽ làm theo ý mình, sẽ cuỗm vài trăm quan đầu tiên rồi bỏ trốn. Édouard, không chịu. Với cậu ta, không có chuyện đi nếu chưa có một triệu.

— Một triệu ư? - Albert hét lên. - Cậu điên thật rồi!

Họ bắt đầu cãi nhau về con số cao nhất có thể chấp nhận, như thể họ không mấy may nghi ngờ về thành công của công ty, trên thực tế, còn lâu mới đạt được thành công đó. Đối với Édouard, thành công là điều chắc chắn. *Tất yếu*, cậu ta thậm chí còn viết bằng chữ to. Còn Albert, sau khi đón về một kẻ tàn tật đã cắt đứt mọi mối ràng buộc, sau khi đã ăn cắp mười hai nghìn quan của ông chủ và dựng lên cái trò bịp bợm mà nếu bị bắt anh có thể bị kết án tử hình hoặc tù chung thân, anh không còn giải pháp nào khác là làm như thế đang tin vào sự thành công. Anh chuẩn bị lên đường, dành ra nhiều buổi tối để xem giờ tàu đi Le Havre, Bordeaux, Nantes hay Marseille, tùy theo dự định đáp tàu thủy đi Tunis, Alger, Sài Gòn hay Casablanca.

Édouard làm việc.

Sau khi hoàn thiện quyển catalogue Ký ức Tổ quốc, anh tự hỏi Jules d'Epremont mà có thật thì ông ta sẽ phản ứng thế nào, khi buộc phải chờ kết quả thăm dò công việc kinh doanh của mình.

Câu trả lời nảy ra trong đầu anh: anh sẽ trả lời các thông báo mời thầu.

Một số thành phố lớn có đủ điều kiện kinh tế để tránh các sản phẩm công nghiệp bắt đầu tổ chức các cuộc thi thiết kế công trình tưởng niệm độc đáo dành cho các nghệ sĩ. Báo chí đăng tải nhiều thông báo liên quan tới các tác phẩm được định giá đến tám mươi, một trăm và thậm chí một trăm năm mươi nghìn quan; gói thầu béo bở nhất, và đối với Édouard, cơ hội hấp dẫn

nhất vẫn là gói thầu của quận nơi anh đã sinh ra, quận này sẽ trả cho nghệ sĩ được chọn một khoản kinh phí khoảng hai trăm nghìn quan. Thế là anh quyết định giết thời gian bằng cách phác thảo đề án mà Jules d'Epremont sẽ đề xuất cho hội đồng giám khảo, một bức tranh bộ ba cỡ lớn có tên gọi *Lòng biết ơn*, bao gồm một bên là “Nước Pháp đưa những đoàn quân ra trận”, một bên là “Những người lính dũng cảm đang tấn công kẻ thù”, hai cảnh đó hướng về trung tâm nơi sẽ được triển khai một “Nữ thần chiến thắng vinh danh những người con hy sinh vì Tổ quốc”, một bức phúng dụ lớn trong đó có một người phụ nữ mặc bộ trang phục xếp nếp, tay phải đang đặt vòng hoa lên đầu một người lính thắng trận và nhìn một người lính Pháp đã hy sinh bằng ánh mắt bi thương và không thể nguôi ngoai của Mater dolorosa - Đức Mẹ Sầu bi.

Vừa lấy miếng da sơn dương lau cảnh chính mà anh đặc biệt chú trọng phối cảnh, cũng là cảnh sẽ mở màn cho hồ sơ ứng tuyển của anh, Édouard vừa cười rúc rích.

— Gà tây! - Albert vừa nói vừa cười khi thấy Édouard làm việc. - Mình thề đấy, cậu cười như gà tây ấy.

Édouard lại cười to hơn rồi hăm hờ cúi xuống bức vẽ của mình.

Tướng Morieux có vẻ như ít nhất đã già thêm hai trăm tuổi.

Một quân nhân, khi bạn tước đi chiến tranh vốn là lẽ sống của họ, sức sống tuổi thanh xuân của họ, thì thứ còn lại chính là một kẻ hủ lậu không tuổi tác. Bề ngoài, ông chỉ còn là một cái bụng phía trên có ria mép, một khối thịt nhão nhoẹt và đờ đẫn ngủ gà ngủ gật hai phần ba thời gian. Khó chịu nhất là ông ta lại ngáy. Cứ vớ được cái ghế bành nào là ông ta gieo mình xuống rồi thở dài, tiếng thở dài rất giống tiếng khò khè khi hấp hối, và vài phút sau, cái bụng phệ của ông ta bắt đầu nhô lên như tàu bay Zeppelin, bộ ria mép rung rung theo tiếng hít vào, đôi má đập dừ theo tiếng thở ra, cứ thế kéo dài đến hàng giờ. Khối thịt nhão nhoẹt ì ra một cách kỳ dị ấy có nét gì đó thuộc thời kỳ đồ đá cũ, rất ấn tượng, vả lại, chẳng ai dám đánh thức ông ta. Một số người thậm chí còn ngần ngại không dám lại gần.

Từ ngày giải ngũ, ông ta được bổ nhiệm vào không biết bao nhiêu ban, tiểu ban, ủy ban. Khi nào ông ta cũng đến đầu tiên, mờ hôi đầm đìa, thở đứt cả hơi khi cuộc họp được tổ chức ở trên tầng, ông ta gieo mình xuống ghế, đáp lại lời người ta chào bằng một tiếng làu nhàu hay bằng cách gật đầu một cách vô duyên, và sau đó thiu thiu ngủ rồi bắt đầu kéo bễ khò khò. Người ta kín đáo lay ông ta để đánh thức ông ta dậy bỏ phiếu, thưa đại tướng, đại tướng nghĩ thế nào ạ, ừ ừ, tất nhiên, dĩ nhiên, tôi đồng ý, cái nhìn đắm nước mắt kèm nhèm, tất nhiên, tất nhiên, mặt đỏ gay, miệng run rẩy, mắt tròn nhón nhác, ngay việc ký tá cũng là cả một vấn đề. Người ta định bỏ qua nhưng ông Bộ trưởng vẫn còn gắn bó với đại tướng Morieux. Đôi khi, con người nệ cổ phiến hà và vô dụng này tình cờ thế nào lại tìm lại được tí chút gọi là sáng suốt. Chẳng hạn, ông ta vẫn nghe được - khi ấy là vào đầu tháng Tư, và viên tướng này bị viêm mũi dị ứng nên hắt hơi ầm cả

lên, thậm chí ông ta có thể vừa ngủ vừa hắt hơi, như núi lửa đang dở giấc - ông ta vẫn nghe được, giữa hai giấc ngủ, cháu trai mình là Ferdinand Morieux đang cảnh báo những vấn đề đáng lo ngại. Dưới ông, tướng Morieux chẳng coi ai ra gì. Trong mắt ông, thằng cháu này, vì không chọn con đường binh nghiệp vinh quang, nên chỉ là một kẻ yếu thế và suy đồi, cứ cho là thế, nhưng nó mang dòng họ Morieux và đó là điều mà viên tướng này rất quan tâm, ông ta rất lo cho hậu thế. Ước mơ tột đỉnh của ông ư? Được đăng ảnh trong từ điển *Petit Larousse* minh họa, một hy vọng không bao giờ dung thứ cho vết nhơ nào dù nhỏ nhất trên cái tên của dòng họ.

— Cái gì? Cái gì? Cái gì? - ông ta giật mình tỉnh giấc và hỏi.

Phải nhắc lại để ông nghe, phải nói thật to. Đó là vấn đề liên quan đến Công ty Pradelle & Cie mà Ferdinand là cổ đông. Người ta cố giải thích cho ông ta hiểu, có chứ, ông nhớ chứ, cái công ty mà Nhà nước đã giao cho việc tập hợp liệt sĩ về các nghĩa trang ấy.

— Thế là thế nào, hài cốt... liệt sĩ ư...?

Ông tập trung nghe thông tin đó cũng chỉ vì Ferdinand; bộ não của ông khó nhọc lắm mới thiết lập được bản đồ tư duy về vấn đề trong đó ông đã đưa ra một cách lộn xộn những từ như “Ferdinand”, “liệt sĩ”, “hài cốt”, “mộ”, “bất thường”, “vụ việc”, đối với ông, thế đã là nhiều. Vào thời bình, ông khó mà hiểu được. Sĩ quan tùy tùng của ông, một thiếu úy đóm dáng như một con ngựa thuần chủng, nhìn ông và thở dài, như một hộ lý bực dọc và nôn nóng. Rồi, ghé vào tai ông, anh ta nói lại cặn kẽ. Cháu trai ông, Ferdinand, là cổ đông của Công ty Pradelle & Cie. Đúng là cậu ta chỉ lĩnh cổ tức, nhưng nếu công ty này dính vào vụ tai tiếng nào đó, cái họ của ông sẽ bị xướng lên, cháu trai ông sẽ bị liên lụy, thanh danh ông sẽ bị vấy bẩn. Ông mở một con mắt chim ra, ngạc nhiên, mẹ kiếp, viễn cảnh từ điển *Petit Larousse* có nguy cơ hồng bét, như thế thì không được! Viên tướng điên tiết lên, ông ta thậm chí còn muốn đứng dậy.

Ông ta búa vào hai tay ghế bành rồi nhồm dậm, miệng càu nhàu, bực tức. Sau cuộc chiến mà ông ta đã thắng, chết tiệt thật, dù gì người ta cũng phải để ông yên chứ, không phải sao?

Ông Péricourt thức dậy mệt mỏi, đi ngủ cũng mệt mỏi, mình lừ đừ quá, ông nghĩ bụng. Mặc dầu thế, ông không ngừng làm việc, đảm bảo các cuộc hẹn, đưa ra các mệnh lệnh, nhưng ông làm tất cả những điều đó một cách máy móc. Trước khi đi gặp con gái, ông lôi từ trong túi ra quyển sổ vẽ của Édouard rồi cất vào ngăn kéo. Ông thường xuyên mang quyển sổ theo, cho dù không bao giờ mở ra trước mặt người ngoài. Trong quyển sổ có gì ông đã thuộc lòng. Cứ mang đi mang về như thế, quyển sổ rồi cũng sẽ hỏng mất thôi, phải giữ gìn, có thể phải mang đi đóng lại; vốn là người chưa bao giờ phải đụng tay đụng chân làm gì, giờ ông thấy mình thiếu thốn kinh khủng. Đúng là có Madeleine, nhưng con bé còn phải lo việc khác... Ông Péricourt cảm thấy rất cô đơn. Ông đóng ngăn kéo lại và ra khỏi phòng đi gặp con gái. Làm sao ông lại đưa đẩy cuộc đời mình đến nông nỗi này? Đó là một người chỉ khiến người ta sợ, vì thế ông không có bạn, chỉ có những mối quan hệ. Và có Madeleine. Nhưng không phải như vậy, có những điều người ta không nói với con gái. Với lại, bây giờ, con bé đang... ở trong tình cảnh ấy. Nhiều lần, ông đã cố nhớ lại thời bản thân mình sắp làm bố mà không nhớ nổi. Ông ngạc nhiên vì mình có ít kỷ niệm đến thế. Trong công việc, người ta ca ngợi ông có một trí nhớ siêu phàm với khả năng đọc vanh vách toàn bộ thành viên hội đồng quản trị của một công ty đã sụp cách đó mười lăm năm, nhưng về gia đình, ông chẳng nhớ gì, hoặc gần thế. Nhưng, có Chúa biết là gia đình quan trọng với ông đến thế nào. Và không chỉ bây giờ, khi con trai ông đã chết. Thậm chí, chỉ vì thế nên ông làm việc nhiều như vậy, vất vả cực nhọc như vậy: vì người thân của ông. Để chờ che họ. Tạo điều kiện cho họ... tóm lại, tất cả những thứ đó. Vì thế, một cách lạ lùng, những cảnh sinh hoạt gia đình rất khó ăn sâu vào trí não ông, thành thử cảnh nào cũng giống cảnh nào. Những bữa ăn Giáng sinh, những ngày lễ Phục sinh, những ngày lễ sinh nhật có vẻ như một tình huống duy nhất được lặp lại nhiều lần, chỉ có vài chỗ ngắt, những ngày lễ Giáng sinh cùng vợ và những ngày lễ Giáng sinh sau khi bà qua đời, hay những ngày Chủ nhật trước chiến tranh và những ngày Chủ nhật bây giờ. Tóm lại, sự khác

nhau rất mong manh. Thế nên, ông không hề nhớ những lần vợ mang thai. Bốn lần, ông tin là mình còn nhớ, và ở đây cũng vậy, tất cả hòa lẫn vào làm một, ông không biết lần mang thai nào, đó là lần mang thai thành công hay là lần sẩy thai, không thể nói chắc. Chỉ có vài hình ảnh tình cờ tái hiện, kết quả của việc liên hệ các tình huống với nhau. Đúng là như thế khi ông bắt gặp Madeleine đang ngồi, hai bàn tay chắp lại trên cái bụng đã tròn. Ông nhớ vợ mình trong tư thế đó. Ông rất vui, gần như hãnh diện, ông không may may nghĩ rằng phụ nữ mang thai thì khá giống nhau và ông quyết định xem sự giống nhau đó như một thắng lợi, bằng chứng cho thấy ông có tâm và gắn bó với gia đình. Và vì có tâm nên ông chán ghét việc khiến cho con gái thêm phiền muộn. Trong tình cảnh của nó. Ông những muốn làm như thường lệ, gánh chịu tất cả, nhưng không còn được như vậy nữa, có thể ông đã trông mong quá nhiều.

— Bố có làm phiền con không? - ông hỏi.

Hai bố con nhìn nhau. Tình thế lúc đó khiến cả hai người họ đều không cảm thấy thoải mái. Đối với Madeleine là bởi vì, từ ngày đau buồn vì cái chết của Édouard, ông Péricourt đã già rất nhiều, gần như đột ngột. Đối với ông là bởi đứa con gái bụng mang dạ chứa của mình đúng là không duyên dáng chút nào: Madeleine không có vẻ viên mãn tròn đầy của quả chín trắng tròn, vẻ rạn rỡ như ông Péricourt thường thấy ở một số phụ nữ, chỉ có nét mặt hân hoan bình thản, tự tin thường thấy ở gà mái. Madeleine chỉ béo lên. Mọi thứ phồng lên rất nhanh, cả người lẫn mặt, và ông Péricourt thêm buồn khi thấy cô càng giống mẹ cô, mẹ cô cũng thế, bà chưa bao giờ đẹp, ngay cả khi mang thai. Ông không tin con gái mình hạnh phúc, ông chỉ cảm thấy cô thỏa mãn.

Không (Madeleine mỉm cười với ông), ông không làm phiền cô, con đang mơ mộng vợ vẫn ấy mà, cô bảo, nhưng đâu phải thế, ông đang làm phiền cô và cô không hề mơ mộng vợ vẫn gì hết. Nếu như ông dè dặt đến thế, đó là bởi ông có chuyện muốn nói với cô, và vì cô biết đó là gì, cô ngờ là thế, nên cô cười gượng gạo rồi mời bố mình lại gần, tay chỉ vào chỗ ngồi bên cạnh. Bố cô ngồi xuống, và lần này nữa, vì mối quan hệ hai bố con, họ

đã có thể dừng lại ở đó. Nếu việc chỉ liên quan đến hai người thì có lẽ việc họ sẽ làm là nói với nhau vài câu tầm phào, sau những câu đó, mỗi người hiểu những gì nên hiểu, rồi ông Péricourt sẽ đứng dậy, hôn lên trán con và rút lui với niềm tin chắc không phải không có cơ sở là đã được lắng nghe và thấu hiểu, chỉ có điều hôm nay, phải nói cho rõ ngọn ngành vì việc không chỉ liên quan đến hai người. Và họ cảm thấy khó chịu vì trong sự thân tình giữa họ, họ lại phải phụ thuộc vào một tình huống chỉ thuộc về họ.

Thường thì đôi khi Madeleine sẽ đặt tay lên tay bố, nhưng thay vì thế, cô chỉ im lặng thờ dài; sắp phải đụng độ với nhau, có thể cãi nhau, mà cô không hề muốn.

— Tướng Morieux đã gọi điện thoại cho bố, - ông Péricourt mở lời.

— Thế ạ... - Madeleine vừa cười vừa trả lời.

Ông Péricourt do dự, không biết nên cư xử ra sao, rồi ông chọn thái độ hợp với ông nhất, sự cương quyết của bậc làm cha làm mẹ, uy quyền.

— Chồng con...

— Bố muốn nói con rể bố...

— Quả thật, bố muốn...

Thời mà ông muốn có con trai, ông mơ ước một thằng con giống mình; ở một đứa con gái, sự giống nhau đó khiến ông bị tổn thương bởi vì đàn bà con gái luôn hành động khác với đàn ông con trai, khi nào cũng vòng vo. Chẳng hạn, cái cách ăn nói mờ ám đó, ngụ ý rằng không phải họ đang nói đến những việc làm ngu ngốc của chồng cô, mà là những việc làm ngu ngốc của con rể ông. Ông mím môi. Cũng phải cân nhắc xem “tình trạng” của cô như thế nào, phải cẩn thận.

— Dù gì thì như vậy là không ổn... - ông nói tiếp.

— Gì thế ạ?

— Cái cách mà hắn đang quản lý công việc làm ăn.

Khi nói ra câu này, ông Péricourt không còn là người bố nữa. Ngay tức thì, ông thấy vấn đề có thể giải quyết bởi trong lĩnh vực kinh doanh, vì đã

biết hết tất cả các tình huống, nên hầu như rắc rối nào cuối cùng cũng được ông giải quyết thấu đáo. Ông luôn xem người chủ gia đình như biến thể của một người quản lý công ty.

Trước người phụ nữ này, người phụ nữ không giống con gái ông là mấy, quá trưởng thành, gần như xa lạ, ông cảm thấy ngờ vực.

Ông lắc đầu, vẻ phật ý, và dưới tác động của cơn thịnh nộ câm lặng đó, những gì ông muốn nói với cô trước đây nhưng cô đã không để cho ông nói bỗng tái hiện trong đầu, những gì ông nghĩ về cuộc hôn nhân của cô, về gã đó.

Madeleine có cảm giác bố mình sẽ rất cay nghiệt, cô công khai chấp tay trên bụng, các ngón tay lồng vào nhau. Ông Péricourt nhìn thấy hành động đó và im lặng.

— Con đã nói với Henri, bố ạ, - cuối cùng cô nói. - Anh ấy đang gặp khó khăn nhất thời. Anh ấy nói đúng như thế, “nhất thời” thôi, chẳng có gì nghiêm trọng cả. Anh ấy bảo đảm với con là...

— Hẳn bảo đảm với con điều gì không quan trọng, không có giá trị, Madeleine ạ. Hẳn chỉ nói với con những điều tiện cho hẳn bởi vì hẳn muốn khuyến khích con.

— Bình thường thôi mà, anh ấy là chồng con...

— Đúng thế! Hẳn là chồng con, và thay vì che chở cho con, hẳn lại đẩy con vào chỗ nguy hiểm!

— Vào chỗ nguy hiểm! - Madeleine vừa kêu lên vừa phá lên cười, - lạ Chúa, hóa ra là con đang gặp nguy!

Cô cười rất to. Ông chưa phải là bố đến mức không phật ý.

— Bố sẽ không giúp đỡ hẳn, Madeleine ạ, - ông buông thõng.

— Nhưng thưa bố, ai bảo bố giúp đỡ anh ấy? Mà tại sao chứ? Và... và chống lại ai?

Hai bố con đều nguy tín như nhau.

Cho dù cô cố làm bố mình tin điều ngược lại, Madeleine đã biết chuyện. Cái vụ nghĩa trang liệt sĩ đó không đơn giản như cô nghĩ, Henri càng ngày

càng khó chịu, lơ đãng, hay nổi khùng, căng thẳng; như thế thật đúng lúc bởi vì cô không cần đến cái nghĩa vụ vợ chồng của y nữa; hơn nữa, vào lúc này, ngay cả những cô bồ nhí của y cũng có vẻ đang phàn nàn về y. Này thì Yvonne, bữa nọ: “Mình mới gặp chồng cậu, bạn thân ạ, giờ sao mà anh ấy khó gần thế! Suy cho cùng, có thể anh ấy sinh ra không phải để giàu có...”

Trong công việc làm cho chính phủ, y đang gặp phải những khó khăn, bất trắc, dù chưa đến nổi nghiêm trọng, nhưng cô đã loáng thoáng nghe thấy y nói chuyện điện thoại, Bộ gọi cho y. Henri nói với giọng rất oai vệ, không, ông bạn thân mến ạ, hà hà hà! Giải quyết từ lâu rồi, ông bạn đừng lo, rồi y gác điện thoại, một nếp nhăn hằn sâu trên trán. Chỉ một cơn giông, không hơn, Madeleine quen rồi, suốt một cuộc đời, cô đã chứng kiến bố cô vượt qua đủ thứ giông bão, cộng thêm một cuộc chiến tranh thế giới; cho nên, hai cú điện thoại của tỉnh hay Bộ sẽ chẳng làm cô hoảng hốt được. Bố cô không ưa Henri, thế thôi. Việc gì y làm cũng khiến ông ngứa mắt. Ganh đua giữa đàn ông với nhau mà. Ganh đua giữa hai con gà trống. Cô siết tay lại trên bụng. Thông điệp đã được tiếp nhận. Ông Péricourt miễn cưỡng đứng dậy, đi ra xa, rồi ông quay lại, không kiểm chế được nữa.

— Bố chẳng ưa chồng con.

Vậy là đã nói ra. Rốt cuộc cũng không đến nỗi khó.

— Con biết, bố ạ, - cô vừa mỉm cười vừa trả lời, - không quan trọng gì đâu. Đó là chồng con.

Cô âu yếm vỗ lên bụng.

— Và đây là cháu trai của bố. Con chắc chắn như vậy.

Ông Péricourt mở miệng, nhưng thà rời khỏi phòng còn hơn. Cháu trai...

Ông lẩn trốn ý nghĩ đó ngay từ đầu vì nó đến không đúng lúc: ông không thể liên hệ cái chết của đứa con trai với sự ra đời của thằng cháu đó. Ông gần như hy vọng đó là con gái, để vấn đề khỏi đặt ra nữa. Và từ giờ cho đến khi xuất hiện một đứa trẻ khác, thời gian sẽ trôi đi, tượng đài đã được xây xong. Ông bầu vùi vào ý nghĩ rằng công trình đó được xây sẽ chấm dứt mọi lo âu và hối hận trong ông. Nhiều tuần nay ông không thể nào ngủ được một cách bình thường. Theo thời gian, việc Édouard không còn nữa càng

ngày càng trở nên hệ trọng, thậm chí ảnh hưởng nhiều đến công việc của ông. Thì mới đây thôi, hôm họp hội đồng quản trị công ty Française des Colonies, một trong những công ty của ông, mắt ông bị hút theo một tia nắng chiếu xuyên qua gian phòng và làm sáng cả bàn họp. Một tia nắng thì có gì to tát đâu, nhưng nó lại cuốn hút tâm trí ông theo cách gần như thôi miên. Người ta ai chẳng có lúc rời xa thực tế, nhưng về mặt ông Péricourt không phải lơ đãng: đó là về mặt bị thôi miên. Ai cũng thấy điều đó. Mọi người tiếp tục công việc, nhưng không có ánh mắt quyền lực của ông chủ tịch, không có sự quan tâm sâu sát, tường tận của ông, cuộc thảo luận dần dần chậm lại như một chiếc xe hơi đột nhiên hết xăng, xóc lên, giật nảy, rồi cơn hấp hối chậm rãi kết thúc trong trống rỗng. Thực ra, ánh mắt ông Péricourt không nhìn xoáy vào tia nắng đó, mà vào hạt bụi đang lơ lửng trong không khí, tinh vân của những phân tử đang nhảy múa, và ông trở lại, bao nhiêu, mười năm, mười lăm năm trước đó, ôi, thật bực mình khi trí nhớ không còn! Édouard đã vẽ một bức tranh, hồi đó có lẽ anh mười sáu tuổi, không, ít hơn, mười lăm, bức tranh chỉ có những chấm màu nhỏ li ti lúc nhúc, không có nét vẽ nào, chỉ những dấu chấm, kỹ thuật vẽ này có tên gọi, ông Péricourt ngỡ sắp nhớ ra mà cuối cùng lại không thể. Bức tranh vẽ những cô gái trẻ trong một cánh đồng, ông nghĩ mình nhớ như thế. Ông đã thấy cách vẽ này quá kỳ cục, thành thử ông chẳng thèm nhìn đến mẫu hình. Ông thật là ngốc. Thăng bé Édouard của ông lúc ấy đang đứng, thái độ có vẻ lưỡng lự, còn bố nó thì hai tay cầm bức tranh vừa chộp được, một thứ kỳ dị, hoàn toàn vô bổ...

Lúc đó ông đã nói gì nhỉ? Ông Péricourt lắc đầu, ngao ngán chính mình, trong phòng họp hội đồng quản trị nơi mọi người đang im lặng. Ông đứng dậy và đi ra, không nói một lời nào, chẳng nhìn ai, rồi ông về nhà.

Ông cũng lắc đầu khi từ biệt Madeleine. Chủ đích không giống nhau, thậm chí trái ngược nhau, ông cảm thấy giận dữ: giúp con gái cũng chính là giúp chồng nó. Những thứ đó rồi cũng khiến bạn phát ốm. Đúng là Morieux đã trở thành một lão già ngu độn (nếu không phải lão vẫn luôn

như thế), nhưng những lời đồn đại liên quan đến công chuyện làm ăn của thằng con rể được lão ta truyền đạt lại thật đáng lo ngại.

Cái tên Péricourt sẽ được xướng lên. Người ta đang nói về một bản báo cáo. Đáng báo động, người ta xì xào. Mà cái văn bản đó đang ở đâu? Ai đã đọc? Ai đã viết?

Mình quan tâm quá nhiều đến chuyện này, ông tự nhủ. Bởi vì, suy cho cùng, đây đâu phải là việc của mình, hẳn thậm chí không mang họ mình, thằng rể này. Còn con gái mình, may mà nó có hợp đồng hôn thú bảo vệ. Dù sao, điều gì cũng có thể xảy đến với thằng Aulnay-Pradelle này (ngay cả khi nhầm tên y, ông cũng dẫn bốn âm tiết đó với giọng cường điệu để nhấn mạnh ý đồ xấu), giữa hẳn và gia đình mình có cả một thế giới. Nếu Madeleine có con (lần này hoặc lần khác, với phụ nữ chẳng ai biết chuyện sinh nở rồi sẽ kết thúc ra sao), ông Péricourt có còn cảm thấy đủ khả năng bảo đảm cho tất cả một tương lai tốt đẹp không? Không ư?

Ý nghĩ khách quan, hợp lý đó khích lệ ông đi đến quyết định. Thằng con rể của ông có thể chìm ngìm, còn ông, Marcel Péricourt, vẫn ở trên bờ, mắt sáng rực, với đủ phao cứu sinh cần thiết để cứu con gái và những đứa cháu của mình.

Nhưng còn hẳn, ông sẽ nhìn hẳn giãy giụa mà chẳng hề động tay động chân.

Và nếu phải nhấn đầu hẳn xuống thì không gì là không thể.

Ông Péricourt đã giết nhiều người trong sự nghiệp lâu dài của mình, nhưng chưa bao giờ ông thấy viễn cảnh khiến ông vững lòng như bây giờ.

Ông mỉm cười và nhận ra mối rung cảm vô cùng đặc biệt mà ông thường cảm thấy khi, trong nhiều giải pháp, ông đã chọn giải pháp hữu hiệu nhất.

Joseph Merlin chưa bao giờ ngủ ngon giấc. Trái ngược với một số người mất ngủ mà cả đời chẳng hiểu vì sao mình lại khốn khổ như vậy, ông biết rất rõ nguyên do: cuộc đời ông là cơn mưa thất vọng triền miên mà ông không bao giờ thích ứng được. Hằng đêm, ông hồi tưởng lại những cuộc tranh luận mà ông đã không thắng nổi, và để thay đổi kết cục theo hướng có lợi cho riêng mình, ông nhớ lại những lần bị đồng nghiệp xúc phạm, gặm nhấm những nỗi đắng cay và những lần thất bại, và thao thức rất lâu. Ở ông, có gì đó cực kỳ kỳ lạ: ngoại tâm của cuộc đời Joseph Merlin chính là Joseph Merlin, chẳng có gì mà cũng chẳng có ai, kể cả một con mèo, tất cả gói gọn trong ông, cuộc đời ông xoay tròn như một chiếc lá khô quanh một hạt nhân trống rỗng. Chẳng hạn, trong những đêm dài liên miên không ngủ, chưa bao giờ ông nghĩ đến chiến tranh. Trong bốn năm, ông chỉ xem chiến tranh như một điều bất trắc đáng ghét, chỉ cộng thêm những điều phiền muộn liên quan đến hạn chế thực phẩm, những biện pháp khiến tính tình hay cáu bẳn của ông càng trở nên nghiêm trọng. Ở Bộ, đồng nghiệp của ông, nhất là những người có người thân ở chiến trường, đã choáng váng khi thấy kẻ hay cau có đó chỉ lo lắng về giá cả đi lại và tình trạng thiếu hụt thịt gà.

— Nhưng mà này, anh bạn ạ, - người ta nói với ông, về phần nộ, - dù sao đó vẫn là chiến tranh!

— Chiến tranh! chiến tranh nào? - Merlin tức tối trả lời. - Khi nào chả có chiến tranh, tại sao các anh lại muốn quan tâm đến cuộc chiến này thay vì quan tâm đến cuộc chiến trước đây? Hay cuộc chiến sau này?

Ông bị xem như một tín đồ của chủ nghĩa thất bại, chẳng cách sự phản trắc là mấy. Ông mà là lính kiểu gì cũng sớm bị đem ra xử bắn; ở hậu phương thì ít tác hại hơn, nhưng thái độ dửng dưng với những sự kiện đang

diễn ra khiến ông phải chịu nhiều sỉ nhục, người ta gọi ông là Phổ, biệt danh này vẫn còn.

Chiến tranh kết thúc, khi được giao nhiệm vụ thanh tra các nghĩa trang liệt sĩ, Phổ trở thành Kền Kền, Mỏ Quạ hay Chim Săn Mồi, tùy tình huống. Ông lại có nhiều đêm trắng trọc.

Chazieres-Malmont là nơi lần đầu tiên ông thanh tra một nghĩa trang liệt sĩ được giao cho Công ty Pradelle Cie.

Khi đọc bản báo cáo của ông, nhà chức trách thấy tình hình rất đáng quan ngại. Không ai muốn chịu trách nhiệm, văn bản đó nhanh chóng leo lên cao, cho đến khi hạ cánh trên bàn làm việc của chánh văn phòng chính phủ, chuyên gia im hồ sơ, giống như tất cả những người đồng cấp ở các Bộ khác.

Trong thời gian đó, từng đêm, nằm trên giường, Merlin trau chuốt những câu mình sẽ nói trước cấp trên vào ngày được triệu tập, tất cả những câu nói đó đều trở lại với một nhận định đơn giản, tàn nhẫn, gây hậu quả nặng nề: người ta chôn cất hàng nghìn lính Pháp trong những quan tài quá nhỏ. Dù vóc người của họ thế nào, từ một mét sáu mươi đến hơn một mét tám mươi (nhờ vào những quyển sổ quân nhân có được, Merlin đã lập ra một bảng phân loại rất cụ thể, có chứng cứ về tầm vóc của những người lính liên quan), tất cả đều bị cho vào những quan tài dài một mét ba mươi. Để đưa họ vào, phải bẻ cổ, cưa chân, đập vỡ mắt cá; tóm lại, người ta xem thi thể người lính như một món hàng muốn chặt nhỏ ra sao thì chặt. Bản báo cáo đưa ra những đánh giá về kỹ thuật cực kỳ bệnh hoạn, giải thích rằng: Vì không có kiến thức về giải phẫu học, cũng không có thiết bị phù hợp, nhân viên đã phải đập gãy xương bằng lưỡi xẻng hoặc giẫm gót lên một phiến đá phẳng, đôi khi còn dùng cả cuốc; rằng, ngay cả khi làm thế, không hiếm trường hợp họ không thể cho hết hài cốt của những người quá cao to vào trong những quan tài quá bé, nên họ nhét được gì thì nhét, phần thừa ra thì đổ vào một chiếc quan tài được dùng làm thùng rác, khi quan tài này đầy họ sẽ đóng nắp lại và để ở ngoài: “Chiến sĩ không nhận dạng được”; rằng, như thế, không thể đảm bảo với các gia đình rằng hài cốt của những

tử sĩ mà họ đến viếng là hoàn toàn nguyên vẹn; vả lại, tiến độ mà công ty trúng thầu áp cho công nhân buộc họ chỉ cho vào quan tài phần hài cốt để lấy nhất, vì thế họ không chịu tìm dưới mộ những mảnh xương, giấy tờ hay đồ vật cho phép xác minh hoặc phát hiện danh tính của tử sĩ theo như quy định, và người ta thường xuyên tìm được đây đó những mảnh xương mà không ai có thể biết là của người nào; rằng ngoài ra còn có việc vi phạm nghiêm trọng và có hệ thống các quy định liên quan đến việc khai quật mộ và việc giao nhận quan tài không hề tương ứng với thị trường đã được phân bổ, công ty, v.v... Như người ta thấy, những câu mà Merlin định nói có thể được hợp thành từ hơn hai trăm từ; về khoản này, ở Bộ, ông được xem như một nghệ sĩ.

Đánh giá đó có sức công phá bằng một quả bom.

Như thế là đáng báo động cho Pradelle & Cie, nhưng cũng cho gia đình Péricourt, vốn rất được dư luận để ý, và cho cả các tổ chức hành chính công vốn chỉ bằng lòng với công tác hậu kiểm, tức là kiểm tra quá muộn. Nếu sự việc lộ ra thì sẽ khó tránh khỏi tai tiếng. Như vậy, từ giờ trở đi, những thông tin liên quan đến vụ việc này sẽ phải được báo cáo trực tiếp lên chánh văn phòng chính phủ mà không cần thông qua các cấp trung gian. Và, để trấn an thanh tra Merlin, thông qua cấp lãnh đạo trực tiếp, người ta bảo đảm với ông là bản báo cáo đã được đọc rất cẩn thận và được đánh giá rất cao, người ta sẽ giải quyết trong thời gian sớm nhất. Merlin, với gần bốn mươi năm kinh nghiệm, hiểu ngay rằng bản báo cáo của ông vừa bị chôn vùi và ông cũng chẳng lấy thế làm ngạc nhiên cho lắm. Cái thị trường chính phủ đó chắc chắn chứa chất nhiều vùng tối, chủ đề này lại nhạy cảm; tất cả những gì khiến chính quyền thấy phiền hà sẽ bị gạt bỏ. Merlin biết mình chẳng nên quấy rầy người ta làm gì, nếu không, một lần nữa, ông sẽ bị chuyển chuyển như một kẻ đóng vai phụ, cảm ơn nhé. Là con người của nghĩa vụ, ông đã thực hiện nghĩa vụ của mình. Ông cảm thấy mình chẳng có gì để mà chê trách.

Và dù sao đi nữa, cuối sự nghiệp, ông chẳng còn gì để mà chờ đợi, ngoài việc được hưởng thời gian hưu trí đã mong chờ từ lâu. Người ta giao cho

ông thanh tra cho có lệ, ký số, đóng dấu, ông sẽ ký, sẽ đóng dấu và sẽ kiên nhẫn chờ cho đến khi hết cảnh lương thực thiếu thốn, cho đến khi cuối cùng người ta lại thấy có thịt gà bán ngoài chợ và trong thực đơn ở các nhà hàng.

Nghĩ thế, ông về nhà, đi ngủ và ngon giấc một đêm trọn vẹn lần đầu tiên trong đời, như thể tâm trí ông cần một khoảng thời gian đặc biệt để gạn đục khơi trong. Ông có những giấc mơ buồn thảm, những người lính đang phân hủy rất nhanh ngòi dưới mộ và khóc; họ kêu cứu, nhưng không một tiếng nào thoát ra từ cổ họng; niềm an ủi duy nhất của họ đến từ những người Senegal khổng lồ, trần như nhộng, rét cóng, đang đổ xuống họ những xẻng đất như thể người ta ném chiếc áo choàng xuống để phủ lên người kẻ chết đuối mà người ta mới vớt lên.

Merlin tỉnh giấc, bị giày vò bởi một cơn xúc động sâu sắc, và điều này đối với ông hết sức mới mẻ, chẳng mấy liên quan đến ông. Chiến tranh, dù đã kết thúc từ lâu, cuối cùng cũng vừa ập vào đời ông.

Phần tiếp theo là kết quả của một thuật luyện đan kỳ lạ trong đó có không khí thể lương của những nghĩa trang đã đẩy Merlin vào thảm họa đời ông, có sự phiền hà của bộ máy chính quyền ách tắc mà ông phải đối mặt và tính cứng nhắc như thường lệ của ông: một công chức trung thực như ông thì không thể chịu nhắm mắt làm ngơ. Những thanh niên đã chết đó, ông chẳng có điểm gì chung với họ, là nạn nhân của sự bất công và không có ai khác ngoài ông để sửa lại nỗi bất công đó. Trong vài ngày, điều đó đã trở thành định kiến. Những người lính trẻ đã hy sinh đó đến ám ảnh ông, như tình cảm yêu đương, như sự ghen tuông hay căn bệnh ung thư. Từ buồn, ông chuyển sang phẫn nộ. Ông nổi giận.

Vì không nhận được bất cứ mệnh lệnh nào của cấp trên bắt ông phải tạm dừng nhiệm vụ, ông thông báo với cấp trên là mình đi thanh tra ở Dargonne-le-Grand rồi đi tàu theo hướng ngược lại, đi Pontaville-sur-Meuse.

Từ nhà ga, dưới trời mưa xối xả, ông cuốc bộ sáu cây số đến địa điểm đặt nghĩa trang liệt sĩ. Ông đi giữa đường, đôi giày to tướng diên tiết giảm

vào những vũng nước và không chịu tránh đường cho các ô tô đang bóp còi inh ỏi, như thể ông không hề nghe thấy. Để vượt ông, mấy chiếc xe ô tô đó phải tránh sang vệ đường.

Quả là một hình ảnh lạ lùng khi ông đứng sừng sững trước chấn song với vẻ hăm dọa, thân hình to lớn, hai tay siết lại thành nắm đấm trong túi áo choàng sũng nước mặc dù lúc đó mưa đã ngớt. Nhưng chẳng có ai ở đó để mà trông thấy ông, chuông mười hai giờ vừa điểm và công trường đã đóng cửa. Trên chấn song, có một tấm biển dán thông báo của Ban lễ tang, liệt kê cho gia đình và thân nhân các đồ vật tìm thấy trên những thi thể chưa được nhận dạng, và người ta có thể đến tòa thị chính để xem: bức ảnh một phụ nữ trẻ, một tẩu thuốc, một cuốn lưu ngân phiếu, những chữ viết tắt trên quần áo lót, một túi đựng thuốc lá bằng da, một cái bật lửa, một cặp kính tròn, một bức thư bắt đầu bằng “em yêu” nhưng không ký tên, một bản kiểm kê sơ sài và thảm hại... Merlin choáng váng trước tất cả những di vật khiêm tốn đó. Toàn những người lính nghèo khổ! Chuyện này không đáng tin chút nào.

Ông cúi xuống nhìn dây xích cổng, giơ chân đạp một cú rất mạnh đủ giết chết một con bò tót lên ổ khóa nhỏ, rồi đi vào công trường, lại đạp một cú nữa tung cánh cửa lán quản trị. Dưới một tấm bạt phồng lên trước gió, khoảng mười hai người Ả Rập đang ăn trưa tại chỗ. Từ xa, họ thấy Merlin phá cổng rồi cửa văn phòng nhưng họ chẳng thèm đứng dậy can thiệp, hình dáng bề ngoài của con người này, sự tự tin của ông ta chẳng nói lên điều gì đáng giá; họ tiếp tục nhai bánh mì.

Cái mà ở đây người ta gọi là “vuông đất Pontaville” là một cánh đồng chẳng có gì vuông vắn cả, nó nằm ở bìa rừng nơi người ta ước tính có khoảng sáu trăm lính được chôn.

Merlin lục tủ tìm những quyển sổ trong đó mỗi hoạt động phải được ghi lại. Vừa tra cứu những bản báo cáo thường nhật, ông vừa đảo mắt liếc nhanh về phía cửa sổ. Việc đào mộ được bắt đầu từ hai tháng trước; những gì ông thấy là một cánh đồng đầy hố và gò đất, bạt, ván gỗ, xe cút kít, những nhà chái tạm bợ làm kho chứa thiết bị.

Về mặt quản lý, tất cả có vẻ hợp lệ. Ở đây, không như ở Chazieres-Malmont, ông không thấy sự bỏ bê đáng ghê tởm, không thấy những quan tài rác giống như những thùng rác của đám đồ tể mà ông đã lục ra, giấu trong một lô quan tài mới và đã sẵn sàng mang ra sử dụng.

Thông thường, sau khi kiểm tra xem có sổ theo dõi hay không, Merlin bắt đầu thanh tra bằng việc đi loăng quăng; ông tin vào trực giác của mình, nhắc một tấm bạt ở chỗ này, kiểm tra một thẻ nhận dạng ở chỗ khác. Sau đó, ông mới thực sự bắt tay vào việc. Theo nhiệm vụ, ông buộc phải đi đi lại liên tục từ những quyển sổ theo dõi đến những lối đi trong nghĩa trang, nhưng nhờ đầu tư nhiều công sức cho công việc này, ông đã nhanh chóng có được giác quan thứ sáu giúp ông dễ dàng lật tẩy dấu hiệu nhỏ nhất che đậy một sự gian lận, một sự phi pháp, một chi tiết dẫn đến sự bất thường.

Đó chắc chắn là nhiệm vụ cấp Bộ duy nhất buộc một công chức phải đi đào quan tài lên, thậm chí quật cả hài cốt lên, nhưng, để kiểm tra thì không có cách nào khác. Và lại, thể trạng to lớn của Merlin có vẻ hợp với công việc đó; đôi giày đế gỗ to tướng nhấn một phát là lưỡi xẻng lún sâu xuống đất ba mươi phân, đôi tay hộ pháp dùng cuốc như cầm nĩa vậy.

Sau lần đầu tiên tiếp cận với khu vực, Merlin bắt đầu kiểm tra chi tiết. Lúc ấy là mười hai giờ rưỡi trưa.

Đến mười bốn giờ, ông đã ở tận phía Bắc nghĩa trang, đứng trước một dãy quan tài đầy nắp và xếp chồng lên nhau, trong khi chỉ huy trưởng công trình, một gã tên là Sauveur Bénichou, trạc tuổi ngũ tuần, da tím tái vì rượu và quắt queo như một cành nho, tiến lại gần ông, hai công nhân theo sau, có lẽ là đốc công. Cả thế giới nhỏ bé đó trông có vẻ hung dữ, động tác hất cằm, giọng nói vang rền, hống hách, công trường này cấm người ngoài, không được để mọi người vào như thế, phải rời khỏi đây ngay lập tức. Và vì Merlin thậm chí không thèm nhìn họ, họ chuyển sang giọng điệu trích thượng: nếu cứ cố tình tiếp tục, chúng tôi sẽ báo hiến binh bởi vì, ông biết đấy, nơi này được đặt dưới sự bảo trợ của chính phủ...

— Là tôi đây, - Merlin ngắt lời đồng thời quay sang ba người đàn ông đó.

Và trong sự im lặng tiếp theo, ông nói thêm:

— Ở đây, chính phủ là tôi.

Ông thọc tay vào túi quần và lấy ra một tờ giấy nhàu nát, không có vẻ gì là một giấy chứng nhận, nhưng vì chính bản thân ông cũng không có vẻ là người được Bộ phái đến, người ta chẳng biết nghĩ sao. Thân hình to lớn, quần áo cũ rích, nhăn nheo và vấy bẩn, đôi giày to tướng của ông, tất cả đều gây ấn tượng: họ thấy tình hình có vẻ đáng nghi nhưng chẳng ai dám chống đối.

Merlin chỉ nhìn chăm chăm ba người đàn ông đó, cái tay Sauveur nồng nặc mùi rượu mận và hai thuộc hạ của anh ta. Gã đầu tiên, có khuôn mặt lưỡi cày bị bộ ria mép quá khổ và vàng khè thuốc lá che lấp, đang vỗ vỗ vào túi áo ngực để ra vẻ tự tin; gã thứ hai, một tay Ả Rập vẫn còn mang giày, mặc quần và đội mũ ca lô hạ sĩ bộ binh, đang đờ người ra như tạo dáng chụp ảnh cho một tạp chí nào đó, trong tư thế của người muốn thuyết phục những người xung quanh về chức vụ quan trọng của mình.

— Chộp, chộp, - Merlin vừa rít qua hàm răng giả vừa dứt tờ giấy vào túi.

Rồi ông chỉ đồng quan tài.

— Các anh thử hình dung mà xem, - ông nói tiếp, - chính phủ đang thắc mắc đấy.

Tay đốc công Ả Rập càng đờ người hơn chút nữa, gã bạn đồng hành có ria mép lấy ra một điếu thuốc (anh ta không lấy ra cả bao, chỉ một điếu, như không muốn chia sẻ, vì đã chán những kẻ hay xin xỏ). Mọi thứ trên con người anh ta đều toát lên sự hèn hạ và ti tiện.

— Chẳng hạn, - Merlin vừa nói vừa bất ngờ chìa ba phiếu nhận dạng ra, - chính phủ đang thắc mắc là những anh chàng này thì nằm trong những quan tài nào.

Phiếu nhận dạng, trên đôi tay to tướng của Merlin, trông không lớn hơn con tem bưu điện. Câu hỏi đó khiến cả nhóm bối rối vô cùng.

Sau khi khai quật một dãy mộ lính, người ta có được một bên là dãy quan tài, một bên là tập phiếu nhận dạng.

Về mặt lý thuyết là theo cùng một thứ tự.

Nhưng chỉ cần một trong những tờ phiếu này bị xếp sai hoặc thiếu là cả dãy sẽ bị lệch và mỗi quan tài sẽ có một phiếu không liên quan gì đến người nằm trong.

Và nếu như Merlin có trong tay ba phiếu chẳng tương ứng với quan tài nào... thì đúng là tất cả đã bị lệch.

Ông lắc đầu và nhìn phần nghĩa trang đã được đào lên. Hai trăm ba mươi bảy hài cốt được đào lên và chuyển đi cách đó tám mươi cây số.

Paul nằm trong quan tài của Jules, Felicien trong quan tài của Isidore và cứ như thế.

Cho đến hai trăm ba mươi bảy.

Và bây giờ thì không thể biết ai là ai.

— Những cái phiếu này là của ai ư? - Sauveur Bénichou vừa ấp úng vừa nhìn quanh nhìn quất như bất ngờ bị mất phương hướng. - Để xem nào...

Anh ta nảy ra một ý.

— À, - anh ta cam đoan, - chúng tôi đang định lo việc ấy!

Anh ta quay về phía nhóm người có vẻ như bỗng dừng nhỏ lại.

— Phải không, bọn mày?

Không ai hiểu ý anh ta là gì nhưng cũng không ai hơi đâu mà suy nghĩ về điều đó.

— Ha ha! - Merlin gào lên. - Các anh xem người ta là đồ ngu à?

— Ai vậy? - Bénichou hỏi.

— Chính phủ ấy!

Ông có vẻ là một người thiếu năng trí tuệ và Bénichou lưỡng lự không biết có nên đòi xem lại giấy chứng nhận của ông không.

— Thế nào, ba thằng lỏi của chúng ta đang ở đâu? Còn ba thằng sẽ ở lại trên tay các anh khi đã xong việc, các anh định gọi tên thế nào?

Bénichou liền lao vào giải thích một cách khó nhọc về vấn đề kỹ thuật, họ đã nghĩ rằng, “an toàn hơn” là tập hợp phiếu sau khi đã xếp đủ một hàng quan tài để ghi chép vào sổ, bởi vì, nếu viết phiếu...

— Vớ vẩn! - Merlin ngắt lời.

Bénichou, chính anh ta cũng không tin vào điều đó, chỉ im lặng cúi đầu. Tay phụ tá của anh ta vổ vổ vào túi áo.

Trong khoảng im lặng tiếp theo, rất lạ, Merlin tưởng tượng một dải mênh mông đầy mộ liệt sĩ: đây đó, có những gia đình đang đứng viếng, hai cánh tay buông thõng, hai bàn tay chắp lại, và chỉ có Merlin mới thấy, như qua một lớp trong suốt, những bộ hài cốt phập phồng dưới đất. Và nghe những người lính gào tên mình, giọng xé ruột xé gan...

Vì những thiệt hại đã phạm phải, những thiệt hại không thể khắc phục, những người lính đó vĩnh viễn lạc lối: dưới những cây thánh giá nhận dạng, những xác chết vô danh đang ngủ yên.

Điều duy nhất phải làm bây giờ là làm lại từ đầu.

Merlin tổ chức lại công việc, viết những chỉ dẫn bằng chữ to, lên giọng kẻ cả, khiến người ta phát mệt: anh kia, lại đây, nghe cho rõ, ông dọa truy tố nếu làm không được việc, dọa lập biên bản, cách chức, ông làm cho họ khiếp sợ; khi ông đã rời xa, người ta vẫn nghe rõ: Lũ ngu.

Ngay khi Merlin quay lưng, tất cả lại đầu vào đấy, không biết khi nào xong. Nhận định đó không hề làm ông thất vọng, mà chỉ khiến ông cầu nhàu gặp bội.

— Các anh đến đây! Nhanh lên!

Ông đang nói với bộ ria mép vàng khè thuốc lá, một gã trạc tuổi ngũ tuần, mặt nhỏ đến mức hai con mắt dường như nằm trên hai bên má, giống như loài cá. Gã đứng đực ra cách Merlin một mét, định vổ vổ túi áo nhưng kiềm chế được, đành rút ra một điếu thuốc nữa.

Merlin định nói nhưng lại im lặng hồi lâu. Ông như đang tìm lời và sắp sửa tìm ra, một lời lẽ rất khó chịu.

Tay đốc công có ria mép mở miệng nhưng không kịp nói lời nào. Merlin vừa tát cho anh ta một cái như trời giáng. Trên cái má phẳng phiu đó, cái tát rung như chuông. Tay đốc công lùi lại một bước. Tất cả mọi người đều đổ dồn mắt về phía họ. Bénichou đi ra từ túp lều nơi anh ta giấu rượu bố, một chai bã nho vùng Bourgogne, anh ta gào rít cả cổ họng, nhưng tất cả công

nhân trên công trường đã nhốn nháo cả lên. Tay có ria mép sững sờ lấy tay ôm má. Rất nhanh, Merlin bị vây bọc giữa một bầy chó săn thực sự, và nếu không vì tuổi tác, vóc dáng lạ lùng, vẻ uy nghiêm từ đầu cuộc thanh tra, đôi bàn tay hộ pháp và đôi giày khủng khiếp, hẳn ông đã phải lo cho số phận của mình; thay vì thế, ông tự tin xua mọi người ra, tiến lên một bước, sẵn tới nạn nhân của mình, lục túi áo anh ta và kêu lên: “Ha, ha!” rồi rút ra một bàn tay nắm chặt lại. Tay kia, ông chộp lấy cổ anh ta, rõ ràng muốn bóp cổ.

— Ôi này! - Bénichou hét lên, gã vừa loạng choạng chạy tới.

Vẫn không buông tay khỏi cổ gã đốc công đã bắt đầu biến sắc, Merlin giờ nắm đấm về phía chỉ huy trưởng công trình rồi xòe tay ra.

Một dây xích vàng xuất hiện với một huy hiệu nhỏ, lật úp.

Merlin thả con mồi ra, anh ta họ sặc sụa, rồi quay về phía Bénichou.

— Người này tên là gì? - Merlin hỏi. - Tên ấy?

Sauveur Bénichou, chịu thua và đuối lý, nhìn tay đốc công vẻ ngao ngán.

— Alcide, - anh ta miễn cưỡng thì thầm.

Hầu như không thể nghe được, nhưng điều đó không hề quan trọng.

Merlin lật ngược sợi dây, như lật đồng xu khi người ta chơi trò sấp ngửa.

Trên huy hiệu, một cái tên được khắc: Roger.

Chúa ơi, một buổi sáng thật tuyệt! Giá như sáng nào cũng thế này! Mọi việc đều có vẻ tốt đẹp!

Đầu tiên là các tác phẩm. Có năm tác phẩm được ủy ban lựa chọn. Tất cả đều tuyệt đẹp như nhau. Tất cả đều là kiệt tác. Cô đặc tình yêu Tổ quốc. Khiến ai cũng phải rơi lệ. Và vậy là Labourdin chuẩn bị tòa sáng: trình bày các dự án với chủ tịch Péricourt. Anh ta đã đặt hàng riêng với phòng kỹ thuật của tòa thị chính một xà móc bằng sắt rèn vừa vặn kích thước phòng làm việc rộng rãi của mình để treo những bức tranh và tôn lên giá trị của chúng, như anh ta đã nhìn thấy trong một lần đến dự triển lãm ở Cung điện lớn. Péricourt sẽ có thể thoải mái đi lại giữa các bản mẫu, bước chân chậm rãi, tay chấp sau lưng, ngất ngây trước bức này (Nước Pháp khóc thương những chiến thắng) - bức Labourdin thích nhất - chăm chú ngắm bức khác (Những tử sĩ chiến thắng), dừng lại, lưỡng lự. Labourdin đã tưởng tượng ông chủ tịch quay về phía mình, vẽ khâm phục và bối rối, không biết nên chọn bức nào... Và khi đó anh ta sẽ nói câu CỬA MÌNH, câu nói đã được cân nhắc, suy tính, định lượng, có nhịp điệu hoàn hảo, cốt nhấn mạnh cả thị hiếu thẩm mỹ lẫn tinh thần trách nhiệm của mình:

— Thưa chủ tịch, cho phép em...

Nói xong, anh ta sẽ lại gần bức *Nước Pháp khóc thương* như muốn choàng tay ôm vai bức tranh đó.

—... em thấy tác phẩm bậc thầy này thể hiện một cách hoàn hảo những gì Đồng bào ta muốn bày tỏ về Nỗi Đau và Lòng Tự hào của họ.

Những chữ viết hoa là một phần mật thiết của câu nói. Tuyệt hảo. Trước hết, “tác phẩm bậc thầy” này, một phát hiện mới, và rồi hai chữ “Đồng bào” kêu hơn hai chữ cử tri, rồi còn “Nỗi Đau”. Labourdin sững sốt trước tài năng của mình.

Khoảng mười giờ, thanh xà móc đã được gắn trong phòng, các tác phẩm đã được treo lên. Phải trèo lên để cố định các bức vẽ vào thanh ngang và chỉnh cho cân: cô Raymond được gọi đến.

Ngay khi bước vào phòng, cô ta đã hiểu người ta trông đợi gì ở mình. Theo bản năng, cô khép hai đầu gối lại. Labourdin, đứng dưới chân cái thang nhỏ, mỉm cười, xoa hai tay như một gã lái ngựa.

Cô Raymond vừa thở dài vừa leo bốn bậc thang rồi bắt đầu uốn éo. Đúng vậy, thật là một buổi sáng tuyệt vời! Khi tác phẩm được treo lên, cô thư ký lanh lẹ bước xuống, tay giữ lấy váy. Labourdin lùi lại để chiêm ngưỡng kết quả, anh ta thấy hình như góc phải hơi thấp so với góc trái, cô không thấy sao? Cô Raymond nhắm mắt lại, leo lên lần nữa, Labourdin lao tới cái thang; anh ta chưa bao giờ ở dưới váy cô ta lâu hơn. Khi tất cả đã đúng chỗ, tay quận trưởng ở trong trạng thái cương đầu gần như bị trúng phong.

Nhưng ầm một cái, trong khi mọi thứ đã hoàn toàn sẵn sàng, chủ tịch Péricourt báo là mình không đến và sai một nhân viên chạy vặt đến đưa các tác phẩm về nhà mình. Đúng là công cốc! Labourdin tự nhủ. Anh ta đi xe ngựa theo, nhưng trái với mong đợi, anh ta không được tham gia thảo luận. Marcel Péricourt muốn ở một mình. Đã gần mười hai giờ trưa.

— Cho người mang bữa ăn nhẹ mời quận trưởng, - ông Péricourt ra lệnh.

Labourdin chạy theo cô hầu trẻ, một con bé tóc nâu xinh xắn, chưa gì đã thẹn thùng, đôi mắt đẹp tuyệt vời và bộ ngực săn chắc xinh xẻo, anh ta hỏi cô bé rằng mình muốn uống rượu porto có được không, vừa hỏi vừa xoa xoa lên vú trái của cô. Cô gái trẻ chỉ đỏ mặt lên bởi vì chỗ làm này được trả lương rất hậu và cô vừa mới được nhận vào. Khi rượu porto đến, Labourdin lại tấn công sang vú phải.

Chúa ơi, một buổi sáng thật tuyệt vời!

Madeleine nhìn thấy tay quận trưởng đang ngáy như sấm. Cơ thể to tướng của anh ta chèn ềnh ra đó, bên cạnh, trên một cái bàn thấp, xương của con gà đông mà anh ta đã chén sạch và chai rượu vang đã nốc hết đem lại cho bức tranh vẽ cầu thả tục tĩu và thảm hại.

Cô gõ nhẹ cửa phòng làm việc của bố mình.

— Vào đi con, - ông trả lời không lưỡng lự, bởi vì ông luôn nhận ra cách gõ cửa của con mình.

Ông Péricourt đã dựa các bức vẽ vào tủ sách và thu xếp đồ đạc trong phòng để từ ghế bành của mình, ông có thể thấy hết tất cả. Đã hơn một tiếng đồng hồ, ông ngồi bất động, nhìn hết bức này đến bức khác, chìm trong suy tưởng. Thình thoảng, ông đứng dậy, lại gần, quan sát một chi tiết nào đó rồi trở về chỗ ngồi.

Lúc đầu, ông đã thất vọng, chỉ có thể thôi sao? Những bức vẽ đó giống với tất cả những gì ông biết, nhưng kích thước lớn hơn. Ông không thể không tham khảo giá, đầu óc tính toán của ông so sánh khối lượng và giá cả. Nào, phải tập trung đi chứ. Lựa chọn. Nhưng mà đúng là đáng thất vọng. Ông đã mừng tượng đầy đủ về dự án này. Giờ ông đang xem các tác phẩm được gửi đến... Vậy ông còn chờ gì? Rốt cuộc thì đó cũng sẽ chỉ là một tượng đài như bao tượng đài khác, không gì có thể làm nguôi dịu những cảm xúc mới mẻ đang không ngừng xâm chiếm ông.

Madeleine không lấy thế làm ngạc nhiên, cô cũng có cùng cảm giác ấy. Tất cả các cuộc chiến đều giống nhau, tất cả các tượng đài cũng vậy.

— Con thấy thế nào? - ông hỏi.

— Hơi... khoa trương phải không bố?

— Trông trữ tình.

Rồi hai bố con im lặng.

Ông Péricourt vẫn ngồi trên ghế bành, như một ông vua chễm chệ trước những thị thần đã chết. Madeleine chăm chú nhìn những bản thiết kế. Họ đồng tình với nhau rằng bản thiết kế tốt nhất là của Adrien Malendrey, *Thắng lợi của những người tử vì đạo*, mà tính độc đáo của nó là đồng nhất những người phụ nữ góa bụa (người phụ nữ này đeo khăn tang), những đứa trẻ mồ côi (một cậu bé đang chấp tay vừa nhìn người lính vừa cầu nguyện) với chính những người lính, coi tất cả đều là nạn nhân. Dưới chiếc đục của người nghệ sĩ, cả đất nước đang trở thành một dân tộc tử vì đạo.

— Một trăm ba mươi nghìn quan, - ông Péricourt nói.

Ông không kiểm chế nổi.

Nhưng con gái ông không nghe thấy, cô đang mãi ngẫm một chi tiết trên một tác phẩm khác. Cô cầm bản vẽ trên tay, giơ về phía bóng đèn; bố cô lại gần, ông không thích bản này, *Lòng biết ơn*; cô cũng không, cô thấy phóng đại quá; không, đó là những gì rất ngớ ngẩn, vụn vặt, nhưng mà... gì cơ? Ở đó, trong bức tranh bộ ba mang tên: “Những người lính dũng cảm đang tấn công kẻ thù”, ở lớp cảnh thứ hai, người lính trẻ sắp chết đó có gương mặt rất thánh thiện, môi mọng, mũi hơi nhô cao...

— Khoan đã, - ông Péricourt nói, - để xem đã. (Ông cũng cúi xuống và nhìn gần hơn.) Đúng vậy, con có lý.

Người lính này hao hao giống những thanh niên mà thỉnh thoảng họ thấy trong các bức vẽ của Édouard. Không hoàn toàn giống, trong tranh Édouard, mắt nhân vật thường hơi lác chứ không nhìn thẳng và nghiêm trang như thế. Còn nữa, cằm anh ta lẹm, nhưng dấu sao cũng có nét giống nhau nào đó.

Ông Péricourt đứng dậy và gập kính lại.

— Trong nghệ thuật, thường người ta vẫn thấy cùng những người làm mẫu...

Ông nói như thế am tường lắm. Madeleine, có vốn văn hóa trội hơn, không muốn nói trái lại làm gì. Tóm lại, đó chỉ là một chi tiết, không có gì quan trọng. Điều bố cô cần, đó là dựng lên một tượng đài rồi quan tâm đến việc khác. Việc con gái mình có thai chẳng hạn.

— Labourdin ngu ngốc của bố đang ngủ ngoài phòng sảnh, - cô vừa cười vừa nói.

Ông đã quên khuấy anh ta.

— Để hẳn ngủ, - ông trả lời, - đó là việc đúng sở trường của hẳn nhất.

Ông hôn lên trán con gái. Cô đi về phía cửa. Từ xa, các bản thiết kế được xếp thẳng hàng trông rất ấn tượng, người ta đoán được thể tích thật của những đề án đó, cô đã thoáng thấy kích thước: mười hai mét, mười sáu mét, và còn chiều cao nữa...!

Dấu sao, gương mặt ấy...

Khi chỉ còn một mình, ông Péricourt quay lại. Ông cố tìm lại gương mặt đó trong quyển sổ ký họa của Édouard, nhưng những người mà con trai ông phác họa không phải là mẫu vẽ, đó là những con người thật gặp trong các chiến hào, trong khi người lính trẻ môi mọng là một nhân vật được lý tưởng hóa. Ông Péricourt vẫn không cho phép mình nhìn một cách chi tiết những gì liên quan đến cái mà ông gọi là “gu cảm xúc” của con trai. Dù tận đáy lòng, ông không bao giờ suy nghĩ về “khuynh hướng tình dục” hoặc gì đó đại loại thế, quá cụ thể đối với ông, quá sốc. Nhưng, vì đối với những suy nghĩ có vẻ khiến bạn ngạc nhiên đó, những suy nghĩ mà tuy thế, các bạn vẫn hiểu rằng, thực ra, chúng đã ngầm làm cho bạn phải bận tâm, dần vật một lúc lâu rồi mới xuất hiện, ông tự hỏi phải chăng, anh thanh niên mắt lác và có lúm đồng tiền vốn là một “người bạn” của Édouard. Ông thầm nói rõ: một mối tình của Édouard. Và sự việc đó với ông cũng chẳng quá đáng hơn trước đây, chỉ có điều nó khiến ông bối rối; ông không muốn tưởng tượng... Điều đó không nên quá hiện thực... Con trai ông không “như những người khác”, thế thôi. Những người giống với người khác, ông gặp rất nhiều xung quanh ông, nhân viên, cộng tác viên, khách hàng, con cái, anh em của người này hoặc người kia, và ông không còn đổ kỵ với họ như trước đây nữa. Thậm chí ông không thể nhớ những lợi thế mà ông thấy ở họ vào thời kỳ mà trong mắt ông, họ vượt trội so với Édouard. Sau này nghĩ lại, ông tự ghét mình vì sự ngờ ngẩn đó.

Ông Péricourt lại đứng trước chỗ trưng bày các bức vẽ. Trong tâm trí ông, cảnh tượng dần dần thay đổi. Không phải ông tìm thấy ở những bản thiết kế đó những đặc tính mới, ông vẫn luôn thấy chúng quá phô trương. Chính cách nhìn của ông thay đổi, như chúng ta vẫn thấy một gương mặt biến đổi khi chúng ta nhìn kỹ, người phụ nữ mới lúc trước ta thấy xinh đẹp giờ lại trở nên bình thường, người đàn ông khá xấu xí nhưng ta lại phát hiện có nét hấp dẫn và ta tự hỏi làm sao lúc trước mình không thấy. Giờ đây, khi đã quen, những tượng đài này khiến ông bình tĩnh lại. Đó là vì nguyên liệu được sử dụng: một số bằng đá, số khác bằng đồng, những nguyên liệu nặng tưởng chừng không bao giờ có thể hư hỏng. Đây chính là

thứ còn thiếu trên lăng mộ gia đình nơi tên của Édouard không được đề: ảo tưởng về sự vĩnh cửu. Với Péricourt, việc ông đang làm, là đặt mua tượng đài đó, phải vượt qua chính ông, vượt qua cuộc sống hiện tại của ông, về độ bền, trọng lượng, khối lượng, thể tích, việc ông đang làm phải mạnh mẽ hơn bản thân ông, phải kéo nỗi buồn của ông về với chiều kích tự nhiên của nó.

Các tác phẩm gửi đến có kèm theo hồ sơ dự thi gồm lý lịch trích ngang của các nghệ sĩ, giá cả, lịch trình thực hiện. Ông Péricourt đọc thư giới thiệu đề án của Jules d'Epremont mà chẳng biết thêm điều gì, nhưng ông lần giở tất cả các bức vẽ khác trong đó người ta thấy tượng đài nhìn nghiêng, nhìn từ sau lưng, nhìn phối cảnh, trong môi trường đô thị... Người lính trẻ ở lớp cảnh thứ hai luôn hiện diện, với gương mặt nghiêm nghị... Như thế là đủ. Ông mở cửa, gọi, cũng bằng thừa:

— Labourdin, Chúa ơi! - ông tức tối hét lên, vừa hét vừa lắc vai tay quận trưởng.

— Hờ, gì thế, ai vậy?

Mắt đầy nướ, vẻ như không còn nhớ anh ta đang ở đâu và đang làm gì.

— Lại đây! - ông Péricourt nói.

— Em ấy à? Ở đâu ạ?

Labourdin lão đảo đi đến phòng làm việc, vừa đi vừa xoa mặt để định thần lại, ấp úng xin lỗi nhưng ông Péricourt không nghe.

— Bức này.

Labourdin bắt đầu định thần lại. Khi đó anh ta mới hiểu ra dự án được chọn không phải là dự án mình định giới thiệu, nhưng tự nhủ rằng, suy cho cùng, câu nói của anh ta có thể hoàn toàn phù hợp với mọi tượng đài. Anh ta hăng giọng:

— Thưa chủ tịch, - anh ta nói, - cho phép em...

— Cái gì? - Péricourt hỏi mà không thèm nhìn anh ta.

Ông đã lại đeo kính và đang đứng viết bên một góc bàn, rất thỏa mãn với quyết định của mình, cảm thấy ông đang hoàn thành một việc gì đó mà ông

có thể tự hào, một việc gì đó tốt cho chính ông.

Labourdin hít một hơi căng lồng ngực.

— Tác phẩm này, thưa chủ tịch, em thấy tác phẩm bậc thầy này...

— Này, - Péricourt ngắt lời, - đây là tờ séc để ấn định dự án và những công việc đầu tiên. Hãy thực hiện tất cả các bảo đảm liên quan đến nghệ sĩ đó, tất nhiên! Và cả công ty sắp đúc tượng đài nữa. Rồi trình hồ sơ cho tỉnh trưởng. Nếu có bất cứ vấn đề gì thì cứ gọi tôi, tôi sẽ can thiệp. Còn gì nữa không?

Labourdin cầm tờ séc. Không, chẳng còn việc gì khác.

— À, - ông Péricourt lại nói, - tôi muốn gặp nghệ sĩ đó. Cái anh... (ông tìm tên) Jules d'Epremont. Mời anh ta đến đây.

Không khí trong nhà không được thoải mái cho lắm. Ngoại trừ đối với Édouard, nhưng cậu ta không bao giờ cư xử như những người khác; từ nhiều tháng nay, lúc nào cậu ta cũng cười đùa, không có cách gì để làm cho cậu ta phục thiện. Như thế cậu ta không hiểu tính nghiêm trọng của những gì đang diễn ra. Albert không muốn nghĩ quá nhiều đến việc cậu ta dùng moóc phin với liều lượng lớn chưa từng thấy, làm sao có thể để mắt được mọi nơi, và chính anh cũng đã có cả đồng vấn đề nan giải. Ngay khi đến ngân hàng nơi làm việc, anh đã mở một tài khoản mang tên Ký ức Tổ quốc để nhận các khoản tiền chuyển đến...

Sáu mươi tám nghìn hai trăm hai mươi quan. Thế đó. Một kết quả tốt đẹp...

Ba mươi tư nghìn cho mỗi người.

Albert chưa bao giờ có ngần ấy tiền, nhưng phải so sánh lợi ích với rủi ro. Anh có khả năng phải ngồi tù ba mươi năm vì biến thủ gần năm năm lương của một công nhân. Thật là kỳ cục. Hôm đó là ngày 15 tháng Sáu. Phiên chợ trời chuyên mặt hàng nghĩa trang liệt sĩ một tháng nữa sẽ kết thúc, rồi sau đó không còn gì. Hoặc gần như thế.

— Sao lại không còn gì? - Édouard viết.

Hôm đó, dù nắng nóng, anh vẫn mang mặt nạ của người da đen, rất cao, phủ hết đầu. Phía trên đỉnh đầu có hai cái sừng cuộn lại như sừng cừu đực, và, từ điểm lệ đạo, hai dòng chấm xanh lơ gần như phát lân quang chạy xuống tận bộ râu được tô sặc sỡ xòe ra hình quạt, như những giọt nước mắt sung sướng. Tất cả được vẽ bằng màu đất son, màu vàng, màu đỏ sáng; thậm chí ở lẫn ranh giữa trán và mũi, còn có hình dáng cuộn tròn mượt như nhung, màu lục đậm của một con rắn tròng thực đến mức tưởng chừng nó đang chậm rãi trườn liên tục quanh đầu Édouard và tự cắn đuôi mình vậy.

Cái mặt nạ màu sắc sắc sỡ, vui vẻ, sống động ấy tương phản với tinh thần của Albert lúc này, anh đang ở trong hai tông màu khác nhau, khi thì đen, khi thì trắng, và thường là màu đen.

— Thì là không còn gì! - anh vừa gào lên vừa cho bạn mình xem sổ tính toán.

— Khoan đã! - Édouard trả lời, như mọi khi.

Louise chỉ hơi cúi đầu. Tay cô bé đang sục trong bột giấy, nhẹ nhàng nhào trộn, đây là nguyên liệu để làm những cái mặt nạ mới. Cô bé nhìn cái chậu men vẽ mơ màng, hờ hững với những tiếng nói xung quanh; nó đã nghe quá nhiều, với hai người đàn ông này...

Bản tính toán của Albert hoàn toàn chính xác: mười bảy cây thánh giá, hai mươi bốn cuộn dây, mười bốn tượng bán thân, những thứ chẳng mang lại lợi lộc gì; còn về tượng đài, chỉ có chín! Và hơn thế nữa kia! Hai trong số đó, các tòa thị chính chỉ mới thanh toán một phần tư số tiền thay vì một nửa và đã thế lại còn xin gia hạn thanh toán số dư còn lại. Họ đã cho in ba nghìn phiếu biên nhận đơn đặt hàng, và mới chỉ soạn thảo sáu mươi...

Édouard không chịu rời khỏi đất nước trước khi nhận được một triệu, thế nhưng họ chưa lĩnh được một phần mười.

Và, mỗi ngày trôi qua, thời điểm mà chiêu lừa đảo bị phát hiện lại đến gần hơn. Thậm chí có lẽ cảnh sát đã bắt đầu điều tra cũng nên. Đi lấy thư ở bưu điện Louvre, Albert sợ lạnh sống lưng; dễ có đến hai chục bận, trước hòm thư đã mở, anh tưởng mình đá ra quần khi thấy ai đó đi về phía mình.

— Dù sao, - anh nói với Édouard, - chừng nào cậu chưa ưng ý, chừng đó cậu chẳng tin vào điều gì!

Anh ném quyển sổ tính toán xuống đất và khoác áo choàng vào.

Louise tiếp tục nhào bột, Édouard cúi đầu. Albert thường nổi điên lên như thế, và bởi không thể nói ra những cảm giác đang khiến anh ngạt thở, anh rời căn hộ đến khuya mới quay về.

Những tháng vừa rồi anh vô cùng khổ sở. Ở ngân hàng, ai cũng nghĩ anh bị ốm. Chẳng ai lấy làm ngạc nhiên, cựu chiến binh ai cũng có triệu chứng của riêng mình, nhưng anh chàng Albert này có vẻ bị sốc hơn những người

khác: lúc nào cũng căng thẳng, lúc nào cũng phản ứng như người bị cuồng ám... Vì dù sao anh cũng là một đồng nghiệp hiền lành, tử tế, ai cũng khuyên anh theo cách của mình: đi mát xa chân đi, ăn thịt đỏ đi, thử thuốc sắc cây đoạn chưa? Albert chỉ nhìn mình trong gương vào buổi sáng, vừa cạo râu vừa nhận thấy mình có bộ dạng của một xác chết.

Vào giờ đó, Édouard đã đánh máy chữ lạch cạch rồi, vừa đánh vừa khùng khục cười khoan khoái.

Hai người không trải qua những sự việc như nhau. Thời điểm rất được ngóng chờ, thời điểm dự định kỳ cục của họ thành công, nhẽ ra phải là lúc họ hòa hợp với nhau, say sưa với nhau trong niềm vui chiến thắng, giờ lại ngăn cách họ.

Édouard, vẫn luôn sống trên mây, hoàn toàn thờ ơ với hậu họa, không bao giờ nghi ngờ về thành công, hờn hờ trả lời thư người ta gửi đến. Anh khoái chí bắt chước văn phong nửa hành chính nửa nghệ thuật mà anh tưởng tượng là văn phong của Jules d'Epremont, trong khi đó, bị lo âu, hồi hận và cả hiểm thù giày vò, Albert đang gầy đi trông thấy, trở thành cái bóng của chính mình.

Hơn bao giờ hết, anh cư xử kín đáo, ngủ kém, một tay đặt trên cái đầu ngựa mà anh mang theo từ đầu nhà đến cuối nhà; nếu được, có lẽ anh đã mang theo nó đi làm bởi vì chỉ nghĩ đến việc sáng sớm đến ngân hàng cũng khiến dạ dày anh quặn lên và con ngựa đó là sự che chở duy nhất và cuối cùng của anh, là thần hộ mệnh của anh. Anh đã ăn cắp khoảng hai mươi lăm nghìn quan, và nhờ những khoản trả góp đầu tiên của các tòa thị chính, như anh tự hứa với mình, và mặc Édouard trách móc, anh đã trả lại toàn bộ tiền lấy cắp cho ông chủ. Dù sao, anh cũng phải chạy đôn chạy đáo trước các thanh tra và kiểm soát viên, bởi vì những giấy tờ giả chữ viết vẫn còn đó, vẫn chứng minh rằng đang có người tiêu lạm công quỹ. Anh buộc phải bịa ra những giấy tờ giả mạo chữ viết mới để che đậy những giấy tờ cũ... Phải đi thôi. Với những gì còn lại sau khi hoàn tiền cho ngân hàng: mỗi người hai mươi nghìn quan! Albert rất bối rối, giờ anh nhận ra mình rất dễ hoảng hốt, sau lần gặp bất ngờ và đau đớn với tên Hy Lạp đó. “Thật đúng

là Albert! Nếu biết được hẳn bà Maillard sẽ nói vậy. Vì bản chất khi nào cũng sợ sệt, nó luôn chọn giải pháp ít mạo hiểm nhất. Các anh xem, nhất định là vì thế mà kết thúc chiến tranh nó trở về lành lặn, nhưng vào thời bình thì đúng là đến khổ. Nếu một ngày nào đó nó kiếm được bạn gái thì con bé đáng thương ấy chắc phải có thần kinh rất vững...”

“Nếu một ngày nào đó nó kiếm được bạn gái...” Khi nghĩ đến Pauline, bỗng anh muốn một mình trốn đi, không gặp ai nữa, không bao giờ. Khi anh hình dung tương lai của mình nếu anh và Édouard bị bắt, anh cảm thấy nhớ nhà một cách lạ kỳ, khá nguy hại. Với độ lùi thời gian, với hòa bình và nhiều phiền muộn kéo theo, anh thấy một số khoảnh khắc trên chiến trường giống như một giai đoạn cơ hồ vui vẻ, mộc mạc, và khi nhìn cái đầu ngựa của mình, hố pháo của anh gần như trở thành một nơi ẩn náu đáng ao ước.

Vụ này thật rồi ren...

Mặc dầu vậy, mọi chuyện đã khởi đầu rất thuận lợi. Ngay khi quyển catalogue đến với các tòa thị chính, thư hỏi thêm thông tin tới dồn dập. Một số ngày có đến mười hai, hai mươi, hai mươi lăm bức thư. Édouard dành toàn bộ thời gian cho việc đó, không biết mệt.

Có thư, anh liền hét lên sung sướng, bỏ một tờ giấy viết thư có in tiêu đề Ký ức Tổ quốc vào máy chữ, cho đĩa *Trompet Aida* vào đĩa hát, tăng âm lượng, giơ ngón tay lên như đang tìm hiểu xem gió từ hướng nào tới rồi nhấn xuống bàn phím một cách hoan hỉ, không khác gì một nghệ sĩ dương cầm. Cậu ta đã nghĩ ra phi vụ này đâu phải vì tiền, mà để sống trong sự sáng khoái, để trải nghiệm một sự khiêu khích đầy khoái lạc chưa từng có. Người đàn ông không có mặt đó có hành động chế nhạo cả thế giới; điều đó khiến cậu ta hết sức sung sướng, giúp cậu ta kết giao lại với con người trước đây mà cậu ta đã suýt đánh mất.

Gần như tất cả các thư yêu cầu của khách hàng đều liên quan đến những khía cạnh thực tiễn: cách cố định tượng đài, điều kiện bảo đảm, hệ thống đóng kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật phải áp dụng cho bộ tượng... Dưới ngòi bút của Édouard, Jules d'Epremont có câu trả lời cho mọi vấn đề. Anh thảo những bức thư cực kỳ đầy đủ thông tin làm người ta hoàn toàn yên tâm và

được cá thể hóa. Những bức thư mang lại niềm tin. Các ủy viên hội đồng thành phố hoặc thư ký tòa thị chính thường giải thích đề án của họ, vô tình để lộ khía cạnh phi đạo đức của trò lừa đảo đó bởi vì Nhà nước chỉ góp kinh phí mua tượng đài một cách tượng trưng và “tùy theo nỗ lực và sự hy sinh của các thành phố nhằm mục đích tôn vinh v.v...” Các hội đồng thị chính huy động được chừng nào hay chừng ấy, thường thì chẳng được bao nhiêu, như vậy, phần kinh phí cơ bản dựa vào... tiền quyên góp của dân. Các cá nhân, trường học, xứ đạo, các hộ gia đình đều đóng góp phần mình để tên tuổi của một người anh, người em, người con, người cha, anh em chú bác mãi mãi được khắc ghi vào đài tưởng niệm được dựng lên ngay giữa làng hoặc bên cạnh nhà thờ, vĩnh viễn, họ tin thế. Trước khó khăn trong việc huy động kịp thời các khoản đóng góp để tận dụng chương trình khuyến mại đặc biệt của Ký ức Tổ quốc, nhiều bức thư gửi đến xin được dàn xếp, điều chỉnh quy định. Có thể “đặt trước một tượng đài bằng đồng mà chỉ ứng trước sáu trăm sáu mươi quan” không? Dù sao thì đó cũng là bốn mươi bốn phần trăm tiền trả trước thay vì năm mươi theo yêu cầu, họ biện luận. “Nhưng, các anh thấy đấy, vốn thu về hơi chậm. Chắc chắn chúng tôi sẽ có thể đối phó với kỳ hạn, chúng tôi xin cam kết.” “Các em học sinh đã được huy động đi quyên tiền nhân dân”, trong thư khác người ta phân bua. Hoặc thế này nữa: “Bà de Marsantes định để lại một phần tài sản của mình cho thành phố. Lạy Chúa, hãy phù hộ cho bà ấy đừng qua đời, nhưng đó chẳng phải là sự bảo đảm chấp nhận được để mua một tượng đài thật đẹp cho Chaville-sur-Saône, thành phố đã mất gần năm mươi thanh niên và đang phải trợ cấp cho tám mươi đứa trẻ mồ côi?”

Hạn cuối cùng là ngày 14 tháng Bảy quá gần khiến nhiều người lo sợ. Chỉ vừa kịp xin ý kiến của hội đồng thành phố. Nhưng lời đề nghị quá hấp dẫn!

Édouard-Jules d'Epremont là một người hào phóng, ai muốn gì anh cho nấy, giảm giá đặc biệt, gia hạn, chẳng bao giờ có vấn đề.

Thường thì anh bắt đầu bằng việc nồng nhiệt khen ngợi người viết thư cho mình vì đã có một lựa chọn tuyệt vời. Dù anh ta có muốn mua tượng

đài *Tấn công!*, một tượng đài đuốc tang đơn giản hay *Chú gà trống giẫm mũ lính Đức*, Édouard đều kín đáo công nhận rằng bản thân mình cũng ưng bản này hơn hết thảy. Édouard rất thích khoảnh khắc thú nhận một cách kiêu kỳ đó, anh đưa vào đó toàn bộ thái độ lỗ bịch anh từng thấy ở những ông thầy điêu đà và tự mãn của trường Mỹ thuật.

Liên quan đến các đồ án phối hợp (chẳng hạn như khi người ta định ghép tượng *Chiến thắng* với *Người lính hy sinh bảo vệ cờ Tổ quốc*), Jules d'Epremont luôn nói rằng mình rất hứng khởi, không ngần ngại khen người viết thư về cách tiếp cận nghệ thuật tinh tế của anh ta, thậm chí anh còn thú nhận mình rất ngạc nhiên trước tính sáng tạo và trang nhã của sự kết hợp này. Anh lần lượt tỏ ra thông cảm về mặt tài chính, hào hiệp về kiến thức, là một kỹ thuật viên giỏi, nắm được đầy đủ thông tin và làm chủ được tác phẩm của mình. Không, anh đảm bảo, trát xi măng thì không có vấn đề gì, được, bệ có thể xây bằng gạch theo kiểu Pháp, quá được, cả bằng granit nữa, hoàn toàn được, và dĩ nhiên tất cả các bản thiết kế của Ký ức Tổ quốc đều được chấp nhận, và lại, giấy chứng nhận có đóng dấu của Bộ Nội vụ sẽ được gửi kèm theo tượng đài. Không có trường hợp nào mà một khó khăn, dưới ngòi bút của Édouard, lại không tìm được một phương án đơn giản, thực tế và nhẹ nhàng. Anh ân cần nhắc cho mọi người danh mục những giấy tờ cần thiết để nhận được phần hỗ trợ ít ỏi từ phía Nhà nước (biên bản họp hội đồng thành phố, bản vẽ tượng đài, ý kiến của ủy ban đặc trách nghệ thuật, bản báo giá ước tính kinh phí, bản đồ và phương tiện đi lại), anh khuyên họ một số điều rồi thảo một biên lai đặt hàng cực kỳ hay ho tương ứng với khoản tiền đặt cọc.

Chỉ riêng tứ văn cuối cùng có lẽ đã xứng đáng được ghi vào biên niên sử những chiêu lừa hoàn hảo. Cuối chương: “Tôi rất khâm phục gu thẩm mỹ tuyệt vời của ông và sự kết hợp tài tình mà ông đã lựa chọn”, với những câu nói quanh co thể hiện sự lưỡng lự, ngần ngại của mình, Édouard thường viết, bằng cách làm cho đoạn này thích hợp với tất cả các ý tưởng kết hợp khác được đưa ra: “Đề án của ông là một sự kết hợp hài hòa trong đó thị hiếu nghệ thuật tinh tế nhất phối hợp một cách tuyệt vời với tinh thần

yêu nước lớn nhất, ngoài khoản khuyến mại cho năm nay như đã định, tôi đồng ý giảm thêm 15%. Đây là nỗ lực hoàn toàn ngoại lệ từ phía chúng tôi (tôi xin ông đừng tiết lộ cho ai khác!), nên tôi đề nghị ông thanh toán toàn bộ số tiền đặt hàng ban đầu.”

Thình thoảng, Édouard giơ trang viết của mình ra chiêm ngưỡng đồng thời lục khục những âm thanh tỏ vẻ khoái chí. Theo anh, bức thư dài dòng mất nhiều thời gian đó dự báo rằng kế hoạch sẽ thành công. Họ tiếp tục nhận được thư, hòm thư không khi nào vơi.

Albert thì vô cùng bức bối.

— Cậu có làm quá không đấy? - anh hỏi.

Anh hình dung không mấy khó khăn rằng những bức thư đầy khoan dung đó sẽ làm tăng hình phạt dành cho họ nếu họ bị bắt.

Édouard, với một động tác thường thấy ở bậc vua chúa, tỏ ra mình là một người rất hào hiệp.

— Chúng ta phải thương người chứ, bạn thân mến, - cậu ta nguệch ngoạc viết để trả lời Albert. - Chẳng mất gì cả và người ta đang cần được động viên, khích lệ. Họ đang góp phần làm nên một tuyệt phẩm! Đó đúng là những người hùng, không phải thế ư?

Albert hơi bị sốc: giễu cợt xem những người góp tiền xây tượng đài là những người anh hùng...

Thế là đùng một cái, Édouard lật mặt nạ và chưng ra bộ mặt của mình, cái lỗ thủng hở hoác và kinh dị, bên trên nó, chỉ có ánh mắt, vết tích duy nhất sinh động và có tính người, đang nhìn bạn chăm chăm.

Albert không còn thấy phần còn lại của khuôn mặt, sự kinh dị đó, thường xuyên như trước đây, bởi vì Édouard hết đeo mặt nạ này lại đeo mặt nạ khác. Có lúc anh còn ngủ trong bộ dạng một chiến binh da đỏ, một con chim thần thoại, một dã thú vui tươi. Albert thức dậy mỗi tiếng một lần, lại gần anh và với sự ân cần của một người cha, anh cời mặt nạ ra. Trong gian phòng tranh tối tranh sáng, anh nhìn bạn mình ngủ mà hoảng hốt, nếu không phải vì cái màu đỏ ám ảnh đó, thì là bởi sự giống nhau kinh khủng

giữa những gì còn lại của khuôn mặt ấy với một số loài động vật thân mềm thuộc lớp chân đầu.

Trong khi chờ đợi, và cho dù Édouard nỗ lực trả lời nhiều thư từ gửi đến, vẫn chưa có đơn đặt hàng nào chắc chắn.

— Tại sao? - Albert hỏi, giọng không ngữ điệu. - Đang xảy ra chuyện gì? Có vẻ như thư trả lời không thuyết phục được họ...

Édouard bắt chước điệu nhảy của người da đỏ, Louise phì cười. Albert chực nôn ọe, anh tiếp tục tính toán, kiểm tra.

Anh không còn nhớ tâm trạng của mình lúc đó, vì lo âu đã nhấn chìm tất cả, nhưng những khoản thanh toán đầu tiên vào cuối tháng Năm đã tạo ra một sự khoan khoái nhất định. Albert yêu cầu trước hết phải trả lại tiền cho ngân hàng nhưng, dĩ nhiên, Édouard không chịu.

— Trả lại tiền cho ngân hàng để làm gì? - cậu ta viết vào quyển vở lớn. - Dù sao ta cũng sẽ bỏ trốn với các khoản tiền lừa được! Ăn cắp tiền của ngân hàng dù sao cũng ít vô đạo đức nhất!

Albert không chịu nhượng bộ. Một lần, khi đang nói về Ngân hàng Chiết khấu và Tín dụng Công nghiệp, anh đã lỡ miệng, nhưng rõ ràng Édouard không biết gì về công việc kinh doanh của bố mình, nên cũng chẳng biết cái tên đó. Để phân bua với bạn, Albert không thể lịch sự nói thêm rằng ông Péricourt đã thật tốt bụng khi mời anh làm công việc đó và anh chán ngấy việc phải lừa bịp ông nhiều hơn. Đó đương nhiên là một thứ đạo đức mềm dẻo, bởi vì, ở chỗ khác, anh đang cố lừa bịp những kẻ xa lạ, trong đó không ít người đang phải sống từng tiem, họ quyên góp để xây dựng tượng đài cho con em liệt sĩ, nhưng ông Péricourt thì không như thế, cá nhân anh lại biết ông ta, và thêm nữa, từ ngày có Pauline... Tóm lại, anh không thể không xem ông ta phần nào như ân nhân của mình.

Không mấy bị thuyết phục trước những lý lẽ lạ lùng của Albert nhưng Édouard cũng đã nhượng bộ và những khoản đầu tiên đã được hoàn trả cho ngân hàng.

Sau đó, mỗi người một cách, họ đã tiêu một khoản tượng trưng, tự tạo cho mình một niềm vui nho nhỏ, hứa hẹn một tương lai rạng rỡ có thể đang

chờ họ.

Édouard mua một máy hát loại cực xịn và khá nhiều đĩa nhạc, trong đó có một vài bản hành khúc quân đội. Cho dù một chân bị cứng đờ, anh vẫn thích điểu hành trong căn hộ với bước đi rất nhịp nhàng, cùng với Louise và đeo mặt nạ người lính được vẽ theo lối biếm họa rất kỳ cục. Còn có cả nhạc kịch mà Albert chả hiểu gì hết, và bản “Concerto dành cho clarinet” của Mozart mà một số ngày được mở đi mở lại không ngừng như thể đĩa nhạc bị xước. Édouard vẫn mặc những bộ quần áo cũ, luân phiên hai quần dài, hai áo đan, hai áo chui đầu mà Albert mang đi giặt hai tuần một lần.

Còn Albert thì đã mua giày. Và một bộ com lê. Và hai chiếc áo sơ mi. Lần này thì chỉ có loại tốt, loại xịn. Anh rất hứng thú bởi vì vào thời điểm đó anh đã gặp Pauline. Kể từ đó, mọi việc trở nên phức tạp hơn rất nhiều. Với người phụ nữ này, cũng như với ngân hàng, anh chỉ cần một lời nói dối ở điểm xuất phát là buộc phải lao vào một cuộc chạy đua kinh khủng về phía trước. Cũng như với các tượng đài. Nhưng anh đã làm gì nên tội mà lúc nào cũng buộc phải chạy trốn trước một con ác thú chực ngấu nghiến anh? Chính vì thế nên anh nói với Édouard rằng chiếc mặt nạ sư tử (đúng ra là một con vật thần thoại nhưng Édouard không chú ý đến những chi tiết đó) đúng là rất đẹp, thậm chí tuyệt đẹp, nhưng lại khiến anh bị ác mộng, và anh mong thấy nó được cất đi một lần cho xong. Édouard làm ngay.

Và như vậy là Pauline.

Câu chuyện về quyết định của hội đồng quản trị ngân hàng.

Người ta kháo với nhau rằng, thời gian gần đây, ông Péricourt không quan tâm nhiều đến công việc nữa. Người ta ít thấy ông hơn và những người bắt gặp ông thì nói rằng ông đã già đi rất nhiều. Có phải đó là hậu quả cuộc hôn nhân của cô con gái? Hay do lo âu, công việc? Dường như chẳng ai nghĩ đến cái chết của con trai ông: sau ngày được tin con trai hy sinh, ông đã tham gia một cuộc họp đại hội cổ đông rất quan trọng với vẻ tự tin thường thấy, ai cũng thấy ông giàu nghị lực khi vẫn tiếp tục công việc dù trong lòng có đau khổ đến mấy.

Nhưng thời gian đã trôi đi. Ông Péricourt không còn là con người của trước đây nữa. Tuần trước, đúng thế, bỗng dưng ông xin lỗi, tiếp tục họp đi, tôi không dự đâu; không còn phải đưa ra quyết định gì quan trọng nhưng dẫu sao, ông chủ tịch cũng không có thói quen bỏ họp, thường thì ông muốn một mình đưa ra quyết định, chỉ chấp nhận thảo luận về những vấn đề còn con, mà dẫu sao, ông cũng đã quyết định dứt khoát về những vấn đề này rồi. Và như vậy, vào khoảng ba giờ chiều, ông bỏ đi. Một lúc sau thì người ta biết là ông đã không về nhà, một số người thì bảo ông đi khám bác sĩ, một số người khác thì nói có người phụ nữ nào đó. Dường như chỉ có ông bảo vệ nghĩa trang, người không được mời tham gia vào những cuộc trò chuyện này, là có thể nói thực sự ông đang ở đâu.

Khoảng bốn giờ chiều, vì ông Péricourt bắt buộc phải ký biên bản cuộc họp để những chỉ thị của ông được phê chuẩn và được tiến hành càng nhanh càng tốt (ông không muốn công việc chậm trễ), người ta quyết định gửi biên bản về nhà ông. Và người ta nhớ đến Albert Maillard. Ở ngân hàng, không ai biết quan hệ hiện có giữa ông chủ và nhân viên này, người ta chỉ chắc chắn một điều rằng Albert có vị trí bây giờ là nhờ ông Péricourt. Về chuyện này nữa, đã có những lời đồn đoán điên rồ nhất, nhưng Albert, với nét mặt đỏ lên không đúng lúc, với cái tính gì cũng sợ, hờ tít đã bị kích động, nghe tiếng động nhỏ đã giật mình, anh đã làm cho mọi giả thiết đều sai bét. Ông tổng giám đốc có lẽ sẽ sẵn sàng đích thân đến nhà chủ tịch Péricourt, nhưng nhận thấy rằng công việc thấp hèn của một nhân viên chạy việc không hợp với cương vị hiện tại của mình, ông sai Albert đi.

Nhận được lệnh, Albert run bắn lên. Anh chàng này thật khó hiểu. Người ta phải giục giã anh, đưa áo khoác cho anh, đẩy anh ra cửa; anh tỏ ra bối rối đến mức người ta phải tự hỏi liệu anh có đánh mất tờ biên bản đâu đó dọc đường không. Người ta gọi taxi đến, trả tiền chiều đi và chiều về, người ta kín đáo dặn tay tài xế phải để mắt đến anh.

— Cho tôi xuống! - Albert kêu lên khi họ đến công viên Monceau.

— Nhưng chưa đến nơi... - tay tài xế đánh bạo nói.

Người ta giao cho anh ta một nhiệm vụ tế nhị và mọi phiền phức đã bắt đầu.

— Mặc kệ, - Albert kêu lên, - dừng lại ngay!

Khi khách hàng trở nên điên tiết, tốt nhất là cho anh ta xuống, Albert xuống xe; chờ cho anh rời xa vài bước; tay tài xế thấy Albert bước đi lảo đảo theo chiều ngược lại địa chỉ mà đáng ra anh phải đến; và khi người ta đã trả tiền trước thì các bạn cứ nổ máy càng nhanh càng tốt, tự vệ hợp pháp mà.

Albert không nhận ra điều đó, vì từ khi rời khỏi ngân hàng, anh bị ám ảnh bởi ý nghĩ phải đối mặt với Pradelle. Anh đã mường tượng ra cái cảnh viên đại úy nắm chặt vai anh, cúi xuống rồi hỏi:

— Quân nhân Maillard đó hả, anh đến thăm đại úy Aulnay-Pradelle tốt bụng của anh đấy à? Thật là tử tế... Anh qua đây tí...

Nói xong, y kéo anh vào hành lang giờ đã trở thành một cái hầm, phải nói rõ phải trái chứ; Pradelle tát vào mặt anh, rồi trói anh lại, tra tấn anh, và khi Albert buộc phải thú nhận với y rằng anh đang sống cùng Édouard Péricourt, anh đã ăn cắp tiền của ngân hàng và hai người đã lao vào một vụ lừa bịp chưa bao giờ có, Pradelle cười phá lên, ngược mắt nhìn trời, cầu trời nổi giận, và ông trời ngay lập tức đổ xuống người Albert một lượng đất bằng số đất mà quả pháo chín mươi lăm đổ xuống khi bạn đã ở dưới hố sâu và bạn đang ôm chặt cái mặt nạ đầu ngựa, với cái mặt nạ đó, bạn sẵn sàng có mặt ở thiên đường của những kẻ bất lực.

Như lần đầu tiên, Albert đi lòng vòng, lưỡng lự, quay lại, cứng người vì sợ gặp đại úy Pradelle, sợ phải nói chuyện với ông Péricourt người đang bị anh ăn cắp tiền, sợ phải đối diện với chị gái của Édouard và có thể tiết lộ với cô rằng em trai cô còn sống. Anh tìm cách nhờ người đưa cho ông Péricourt văn bản mà anh đang ôm khư khư trong lòng mà không phải vào trong nhà.

Tìm người thay mình, đó là việc nên làm.

Anh tiếc là tay tài xế đã đi rồi, anh ta có thể đậu xe cách chỗ này hai phố, làm công việc được giao rồi quay trở lại, còn Albert thì trông taxi cho anh

ta...

Đúng lúc đó Pauline xuất hiện.

Albert đang đứng trên vỉa hè đối diện, vai tựa vào tường. Anh nhìn thấy cô, và trước khi hiểu rằng cô gái này là giải pháp cho vấn đề của anh, cô trở thành hiện thân của một nỗi lo khác. Anh đã thường nghĩ đến cô, cô hầu nhỏ nhắn xinh xắn đã cười rất nhiều khi thấy anh đi đôi giày dị hợm.

Ngay lập tức, anh lao vào miệng sỏi.

Lúc đó, cô đang vội, có thể đang muộn làm. Vừa bước đi, cô vừa hơi phanh áo khoác ra, để lộ một chiếc váy màu xanh nhạt dài ngang bắp chân có đai thụng kiểu hạ eo. Cô quàng một chiếc khăn rất hợp. Cô leo nhanh lên bậc thềm rồi mất dạng.

Vài phút sau, Albert bấm chuông, cô mở cửa, nhận ra anh, anh ưỡn ngực hãnh diện bởi vì kể từ lần đầu tiên hai người gặp nhau, anh đã mua giày mới, và, vốn là một cô gái sáng suốt, cô nhận ra ngay là anh có áo khoác mới, có áo sơ mi rất đẹp, có cà vạt xịn và gương mặt anh vẫn luôn buồn cười đến mức người ta cứ nghĩ anh vừa ị bậy xong.

Chẳng biết trong đầu cô nghĩ gì, chỉ thấy cô cười phá lên. Sau sáu tháng, cảnh tượng đó lại tái diễn, gần như giống hệt. Nhưng mọi việc không hoàn toàn như vậy, họ vẫn đứng đối diện nhau, như thể chính cô là người anh đến tìm gặp, điều này đúng một phần nào đó.

Im lặng hình thành. Lạy chúa, cô bé Pauline này xinh thật, còn có vẻ tình tứ nữa. Hai mươi hai, hai mươi ba tuổi gì đó, nụ cười khiến bạn dựng tóc gáy, đôi môi bóng mịn để lộ hàm răng đều tăm tắp, đẹp tuyệt vời, và đôi mắt đó, kiểu tóc cắt ngắn đúng một bây giờ, tôn lên vẻ đẹp của gáy và cổ, này, nói đến cổ, cô đang đeo tạp dề trắng và mặc áo sơ mi trắng, không khó để hình dung ra bầu vú của cô. Một cô gái tóc nâu. Từ Cécile đến giờ, anh chưa bao giờ nghĩ đến một cô gái tóc nâu, thậm chí anh chưa bao giờ nghĩ đến gì hết.

Pauline nhìn tập hồ sơ mà Albert đang vò trong tay. Anh sức nhớ lý do vì sao anh đến đây và cả nỗi sợ hãi về những cuộc gặp xúi quẩy. Anh đã bước vào, việc gấp nhất bây giờ là bước ra cho nhanh.

— Tôi từ ngân hàng đến, - anh ngớ ngẩn nói.

Cô tròn xoe miệng. Dù không muốn, anh cũng đã tạo ra một hiệu ứng nhỏ: ngân hàng cơ đấy.

— Cái này là đưa cho chủ tịch Péricourt, - anh nói thêm.

Và vì anh nhận thấy mình đang ra vẻ quan trọng, anh không thể không nói rõ:

— Tôi phải đưa tận tay...

Chủ tịch Péricourt không ở nhà; cô gái đề nghị anh chờ ông ta về, cô mở cửa phòng khách, Albert trở về với thực tại: có diên mới ở lại, vào đây đã là...

— Không, không, cảm ơn.

Anh chìa tài liệu ra. Cả hai nhận ra là tập giấy ướt mồ hôi, Albert định lau vào ống tay áo cho khô, hồ sơ rơi xuống đất, tất cả các tờ giấy vương vãi tứ tung, ngay lập tức, cả hai bò lồm cồm, các bạn có thể hình dung cảnh tượng đó...

Anh đã đi vào cuộc đời Pauline như vậy. Hai mươi lăm tuổi ư? Chắc chưa đến thế. Không còn trinh tiết nhưng đoan trang. Cô đã mất người chồng chưa cưới năm 1917, và từ đó, không có ai, cô khẳng định. Pauline nói dối hay lắm. Với Albert, họ nhanh chóng động chạm nhau, nhưng cô không muốn đi xa hơn, bởi với cô, đây là chuyện nghiêm túc. Cô thích Albert vì anh có gương mặt ngây thơ, dễ khiến người khác mềm lòng. Anh gợi lên nơi cô những khát khao mẫu tử, ngoài ra anh còn có một công việc rất tốt, kế toán ngân hàng. Và vì anh quen biết các ông chủ, hẳn là một sự nghiệp tươi đẹp đang chờ anh.

Cô không biết anh kiếm được bao nhiêu tiền, nhưng hẳn là dư dật bởi ngay sau đó, anh mời cô đi ăn trong các nhà hàng rất ổn, không phải hạng sang, nhưng ở đó món ăn rất ngon và khách toàn tầng lớp tư sản. Anh đi taxi, ít nhất là khi đưa cô về. Anh cũng đưa cô đi xem kịch mà không cho cô hay đây là lần đầu tiên anh đặt chân đến đó, mời cô đến Nhà hát kịch sau khi nhờ Édouard tư vấn nhưng Pauline thích nhà hát ca nhạc hơn.

Tiền của Albert bắt đầu vơi dần, lương thì còn lâu mới đủ, và anh cũng đã tiêu lạm khá nhiều phần ít ỏi mà anh đã lừa được.

Như thế, bây giờ, khi mà số tiền gửi đến gần như không có, anh tự hỏi: làm thế nào để thoát ra khỏi cái bẫy mà anh đã một mình lao vào, chẳng có ai giúp?

Để tiếp tục tán tỉnh Pauline, anh tự hỏi có nên “vay” tiền ngân hàng của ông Péricourt thêm lần nữa?

Henri sinh ra trong một gia đình sa sút, suốt tuổi thanh xuân, y đã chứng kiến sự suy sụp càng ngày càng nghiêm trọng, y đã trải qua hết sự phá sản này đến sự vỡ nợ khác. Giờ đây, khi chuẩn bị chiến thắng số phận một cách dứt điểm, không đời nào y chịu thua trước một viên chức bất đắc chí. Bởi vì đúng như vậy thật. Y sẽ tống cổ lão! Mà lão ta tự cho mình là ai chứ?

Đằng sau vẻ tự tin bề ngoài ấy có chứa đựng một phần khá lớn của thói tự kỷ ám thị. Henri cần tin vào thành công của mình và, trong giai đoạn khủng hoảng này, theo định nghĩa là thuận lợi cho việc làm giàu, không một giây nào y nghĩ rằng mình không thể thoát khỏi vụ này một cách có lợi. Cả cuộc chiến đã chứng minh với y điều đó: y không sợ nghịch cảnh.

Tuy rằng lần này không khí hơi khác... điều khiến y lo lắng không phải bản chất của các trở ngại mà là việc chúng xảy ra liên tiếp.

Về thanh danh của Péricourt và Aulnay-Pradelle, cho đến lúc này, chính quyền chưa tỏ ra quá so đo. Nhưng lão thanh tra Bộ chết tiệt đó đã để ra một bản báo cáo nữa sau khi bắt ngở đi kiểm tra Pontaville-sur-Meuse, nơi xảy ra những vụ trộm cắp di vật và buôn lậu...

Mà kể ra, hẳn có quyền đi thanh tra mà không báo cáo?

Dù sao đi nữa, lần này, chính quyền tỏ ra ít khoan hòa hơn. Henri đã ngay lập tức xin diện kiến. Nhưng không được.

— Không phải cái gì chúng tôi cũng... bao quát được, anh thấy đấy, - người ta giải thích với y qua điện thoại. - Cho đến bây giờ, chỉ là những vấn đề kỹ thuật nhỏ. Cho dù, dẫu sao...

Phía bên kia đường dây, giọng nói đã trở nên bối rối hơn, nhẹ nhàng hơn, như đang nói về một điều bí mật, sợ người ta nghe thấy.

— ... những quan tài đó không đáp ứng tiêu chuẩn được dự kiến trên thị trường...

— Nhưng tôi đã giải thích cho các anh rồi! - Henri to tiếng.

— Vâng, tôi biết! Một sự nhầm lẫn ở khâu sản xuất, tất nhiên rồi... Nhưng lần này, ở Pontaville-sur-Meuse không còn như vậy nữa, anh hiểu đấy. Hàng chục người lính được chôn cất dưới một cái tên khác với tên thật của họ, như thế đã rắc rối lắm rồi, còn việc của nả của họ bị mất thì...

— Ui dào! - Henri cười phá lên. - Giờ các anh lại lên án tôi ăn cắp đồ của những xác chết sao?

Sự im lặng tiếp theo làm y rất ấn tượng.

Sự vụ đã trở nên trầm trọng bởi vì nó không liên quan đến một, thậm chí là hai đồ vật...

— Người ta bảo đây là vấn đề của cả hệ thống... của cách tổ chức trên phạm vi nghĩa trang. Bản báo cáo rất nghiêm khắc. Tất cả những việc đó đều được làm sau lưng anh, dĩ nhiên rồi, về phương diện cá nhân, anh không có tội!

— Ha ha ha! Còn may chán!

Nhưng đâu còn lòng dạ nào nữa. Cá nhân hay không, sự phê phán đó rất nặng nề. Y có thể cho gọi Dupré, mắng anh ta một bài; những việc còn lại, y sẽ chẳng mất gì để chờ đợi.

Đúng lúc đó, Henri chợt nhớ là việc thay đổi chiến thuật đã giúp Napoléon giành chiến thắng.

— Anh có thực sự nghĩ rằng, - y hỏi, - những khoản tiền mà chính phủ đã bỏ ra cho phép chọn được các nhân viên cực kỳ có năng lực, miễn chê? Rằng với cái giá đó, ta có đủ điều kiện tuyển chọn cẩn thận, và chỉ tuyển các công nhân được lựa chọn kỹ lưỡng?

Tự đáy lòng, Henri biết mình đã tỏ ra hơi vội vàng trong việc tuyển dụng, lúc nào cũng chọn nhân công rẻ nhất, nhưng rốt cuộc, Dupré đã đảm bảo với y rằng các đốc công thực sự nghiêm túc, mẹ kiếp! Và rằng nhân công sẽ được giám sát một cách hợp lý nữa chứ!

Cái gã ở Bộ bỗng làm ra vẻ có việc gấp và cuộc nói chuyện kết thúc bằng một thông tin tối đen như bầu trời trong cơn bão:

— Các cơ quan trực thuộc Bộ không thể tự giải quyết hồ sơ này nữa, anh Aulnay-Pradelle ạ. Giờ phải chuyển hồ sơ cho văn phòng Bộ trưởng.

Một sự bỏ rơi đúng thủ tục!

Henri hung dữ đập máy rồi nổi trận lôi đình. Y cầm một chiếc bình sứ Trung Quốc rồi đập vào cái bàn nhỏ bằng gỗ dát làm nó vỡ tan. Cái gì? Y lót tay bọn đó chưa đủ hay sao mà chúng không chịu xòe ô ra? Y khoát tay gạt mạnh cái lọ pha lê vào tường, cái lọ cũng tan nốt. Thế nếu y giải thích cho Bộ trưởng biết các quan chức cấp cao của ông ta đã lợi dụng sự hào phóng của y như thế nào thì sao hả?

Henri hít thở cho bình tĩnh lại. Cơn thịnh nộ của y tỷ lệ thuận với sự nghiêm trọng của tình hình bởi vì bản thân y cũng chẳng tin vào những lập luận đó. Đã có một vài món quà, đúng thế, những phòng khách sạn hạng sang, vài em út được dâng, những bữa ăn thịnh soạn, những hộp xì gà, những hóa đơn được thanh toán chỗ này chỗ khác, nhưng tố cáo người ta làm không đúng chức trách tức là tự thú nhận mình là kẻ hối lộ, khác gì tự bắn vào chân mình.

Nghe tiếng động, Madeleine hoảng hốt đi vào mà không gõ cửa.

— Anh làm sao vậy?

Henri quay lại và thấy Madeleine đang ở ngưỡng cửa. Rất đồ sộ. Mang thai sáu tháng mà tưởng như gần sinh. Y thấy cô xấu xí; không phải bây giờ y mới thấy thế, đã từ lâu, cô không còn gợi lên nơi y bất cứ ham muốn nào. Và lại, mệnh đề này đảo ngược lại cũng vẫn đúng, những cơn ham muốn của Madeleine đã thuộc về một thời kỳ quên lãng, khi cô ứng xử như một người tình hơn là một người vợ, lúc nào cũng đòi hỏi, lúc nào cũng ham muốn! Tất cả đã xa, thế nhưng Henri gắn bó với cô hơn trước đây. Nói đúng ra thì không phải là gắn bó với bản thân cô, mà là với người mẹ tương lai của đứa con trai mà y hy vọng. Một Aulnay-Pradelle con sẽ tự hào về dòng họ, về tài sản, về cơ ngơi gia đình, và nó sẽ không phải chiến đấu để

mưu sinh như y, mà sẽ biết cách làm sinh sôi khối tài sản thừa kế mà cha nó mơ ước là rất lớn.

Madeleine cúi xuống, nhú mào.

Đó là một phẩm chất trong con người Henri, khi gặp tình thế khó khăn, y có thể đưa ra quyết định trong tích tắc. Trong giây lát, y kiểm lại những giải pháp đang có trong đầu và hiểu rằng vợ y là giải pháp duy nhất. Y chứng ra vẻ mặt mà y ghét nhất, ít hợp với y nhất, vẻ mặt của một kẻ bị chới với trước những sự kiện đang xảy ra, y thở dài chán nản rồi gieo mình xuống ghế bành, hai tay đu đưa.

Ngay lập tức, Madeleine cảm thấy mình được chia sẻ. Cô hiểu chồng mình hơn ai hết và màn hài kịch vờ hỗn loạn không mấy tác động đến cô. Nhưng y là bố của con cô, họ gắn kết với nhau. Còn ít lâu nữa là sinh, cô không muốn phải đối diện với những khó khăn mới, cô muốn được yên thân. Cô không cần Henri, nhưng vào lúc này, một người chồng với cô là hữu ích.

Cô hỏi chuyện gì đang xảy ra.

— Công việc làm ăn ấy mà, - y trả lời, vẻ thoái thác.

Đó cũng là câu mà ông Péricourt hay dùng. Khi không muốn giải thích, ông nói: “Công việc làm ăn ấy mà”, điều đó nói lên tất cả, đó là câu nói của cánh đàn ông. Không có gì tiện lợi hơn.

Henri ngẩng đầu lên, bặm môi. Madeleine vẫn luôn thấy y rất đẹp. Đúng như y hy vọng, cô cố nài.

— Thế nào? - cô vừa nói vừa lại gần. - Lại có chuyện sao?

Y quyết định đưa ra một lời thú nhận mà hậu quả sẽ rất tai hại, nhưng như thường lệ, mục đích biện minh cho phương tiện.

— Có lẽ anh cần bố em giúp...

— Giúp gì? - cô hỏi.

Henri khoát tay:

— Phức tạp lắm...

— Em biết, - cô vừa nói vừa cười. - Quá phức tạp nên không thể giải thích với em, nhưng quá đơn giản để nhờ em can thiệp...

Henri, trong vai một người chồng chất khó khăn, trả lời bằng ánh mắt mà y biết sẽ khiến người khác mỉm lòng, ánh mắt mà y thường dùng để quyến rũ. Nụ cười đó đã mang lại cho y rất nhiều, mang lại cho y cái số đào hoa...

Nếu Madeleine cố nài, Henri lại sẽ nói dối cô bởi y nói dối thường xuyên, ngay cả khi việc đó là vô ích, thói quen này nằm trong bản chất của y. Cô đặt một tay lên má y. Ngay cả khi gian lận, y vẫn đẹp, sự giả bộ hỗn loạn tinh thần khiến y trẻ ra, làm nổi bật những nét thanh tú trên mặt y.

Madeleine ra chiều nghĩ ngợi trong chốc lát. Cô chưa bao giờ nghe chồng mình nhiều, kể cả buổi ban đầu, cô đã không chọn y làm người trò chuyện với mình. Nhưng từ ngày cô mang thai, những lời y nói bỗng bình trong không khí như khói mây nhẹ bỗng. Thế nên, khi y giả bộ rối loạn, chán ngán như thế - cô hy vọng là y khéo léo hơn với các ả tình nhân - cô nhìn y với một sự dịu dàng mơ hồ, sự dịu dàng mà người ta thường thể hiện với con của những người khác. Y đẹp trai. Cô mong muốn có một đứa con trai như y. Ít dối trá hơn, nhưng đẹp như thế.

Rồi cô rời khỏi phòng mà không nói gì, chỉ khẽ mỉm cười như mỗi lần đứa bé thúc vào bụng. Cô đi ngay lên căn hộ của bố mình.

Lúc đó là mười giờ sáng.

Ngay khi nhận ra cách gõ cửa của con gái, ông Péricourt đứng dậy, ra đón cô, hôn lên trán cô, vừa mỉm cười vừa chỉ vào bụng cô, mọi việc vẫn ổn chứ? Madeleine tỏ vẻ như muốn nói: tạm tạm...

— Con muốn bố gặp anh Henri, bố ạ, - cô nói. - Anh ấy đang gặp khó khăn.

Chỉ nghe đến tên con rể, ông Péricourt đã vô thức đứng thẳng người.

— Nó không tự giải quyết vấn đề được à? Mà khó khăn gì?

Madeleine biết nhiều chuyện hơn Henri tưởng, nhưng chưa đủ để nói rõ với bố.

— Bản hợp đồng với chính phủ ấy...

— Lại thế nữa?

Ông Péricourt trả lời bằng giọng đanh thép, giọng mà ông thường nói mỗi khi cố thủ với lập trường nguyên tắc của mình; trong trường hợp đó, khó mà lay chuyển nổi ông. Cứng nhắc.

— Con biết bố không ưa anh ấy, bố ạ, bố đã nói cho con biết.

Cô nói mà không hề nổi giận, thậm chí còn phác một nụ cười rất hiền, và vì không bao giờ xin gì cả, cô bình thản hạ quân át chủ bài lợi hại nhất của mình:

— Con xin bố tiếp chuyện anh ấy, bố ạ.

Không như những lần khác, cô không phải chấp tay trên bụng. Bố cô đã ra hiệu, đồng ý, bảo hẳn lên.

Ông Péricourt thậm chí không giả vờ làm việc khi thằng con rể gõ cửa. Henri thấy, ở đầu kia gian phòng, ông bố vợ đang chễm chệ phía sau bàn làm việc, như Đức Chúa Cha vậy. Khoảng cách giữa ông và ghế của khách là vô tận. Trong lúc khó khăn, Henri căng sức ra, lấy đà. Trở ngại càng lớn, y càng tỏ ra hung dữ, y có thể giết chết bất kỳ ai. Nhưng hôm đó, người y những muốn hành quyết lại là người mà y đang cần và y rất ghét tình thế phụ thuộc này.

Từ khi quen biết, hai người đã giao đấu với nhau trong cuộc chiến của sự khinh bỉ. Ông Péricourt chỉ gật đầu chào thằng con rể, Henri cũng đáp lại tương tự. Từ giây phút gặp nhau đầu tiên, mỗi người luôn chờ ngày mình sẽ thắng thế, quả bóng chuyển từ phe này sang phe kia, lần này Henri quyến rũ con gái ông, lần tiếp theo ông Péricourt áp đặt một hợp đồng hôn thú... Khi Madeleine báo cho bố biết là cô có thai, hai cha con nói chuyện riêng, Henri không được chứng kiến cảnh đó, nhưng y đã ghi được một điểm quyết định. Tình thế có vẻ như đang đảo ngược: những khó khăn của Henri rồi sẽ qua đi, trong khi đứa con của Madeleine thì sẽ còn đó. Và sự ra đời đó buộc ông Péricourt phải giúp y.

Ông Péricourt thoáng mỉm cười, như thể ông hiểu được những suy nghĩ của thằng con rể.

— Thế nào...? - ông nhã nhặn hỏi.

— Bố có thể tác động đến Bộ trưởng Bộ Trợ cấp không? - Henri hỏi, giọng rành mạch.

— Hoàn toàn được, ông ấy là một người bạn rất thân.

Ông Péricourt suy ngẫm một lúc.

— Ông ta nợ tôi rất nhiều. Một món nợ riêng, có thể nói như vậy. Chuyện cũng khá lâu rồi, nhưng dầu sao đó cũng là kiểu lên voi xuống chó ấy mà. Tóm lại, tay Bộ trưởng này, có thể nói tôi phần nào nắm trong tay.

Henri không nghĩ là thắng lợi dễ dàng đến thế. Dự đoán của y đã được kiểm chứng, vượt qua cả những gì y kỳ vọng. Ông Péricourt vô tình khẳng định điều đó bằng cách cúi xuống nhìn vào tấm lót tay.

— Vấn đề là gì?

— Chuyện nhỏ thôi mà... Đó là...

— Nếu là chuyện nhỏ, - ông Péricourt ngẩng mặt lên, ngắt lời, - sao lại làm phiền Bộ trưởng? Hay làm phiền tôi?

Henri thích khoảnh khắc này. Đối thủ sẽ vùng vẫy, cố đẩy y vào thế khó nhưng rốt cuộc sẽ buộc phải nhượng bộ. Nếu có thời gian, có lẽ y sẽ kéo dài cuộc nói chuyện thú vị này, nhưng việc đã gấp quá rồi.

— Có bản báo cáo cần phải im đi. Nó liên quan đến công việc làm ăn của con, nó sai bét và...

— Nếu nó sai bét thì anh còn sợ gì?

Henri không khỏi mỉm cười, cảm giác đó mạnh hơn y. Lão già này còn đấu tranh lâu không? Lão có cần một cú đánh thật mạnh vào đầu để câm miệng lại và chuyển sang hành động không?

— Chuyện phức tạp lắm, - y nói.

— Thế thì sao?

— Thế thì con mới xin bố can thiệp với Bộ trưởng để ém vụ này đi. Về phần mình, con xin cam kết là những sự việc đó sẽ không tái diễn. Đó chẳng qua là do có chút cấu thả chứ không phải vì lý do nào khác.

Ông Péricourt chờ một lúc lâu, nhìn vào mắt thẳng con rể, vẻ như muốn nói, thế thôi à?

— Chẳng có gì khác, - Henri khẳng định. - Con hứa với bố.

— Lời hứa của anh...

Henri có cảm giác nụ cười của mình đang tắt, lão già này bắt đầu làm y khó chịu với những nhận xét của lão! Mà rốt cuộc lão có quyền lựa chọn không chứ? Với đứa con gái bụng chưa vượt mặt? Đánh liều làm hại đến cháu trai của mình ư? Đùa! Pradelle nhượng bộ lần cuối cùng:

— Xin bố giúp con, cả con và con gái bố nữa...

— Đừng lôi con gái tôi vào việc này, tôi xin anh!

Lần này, Henri đã quá nản.

— Nhưng mà đúng như thế thật! Liên quan đến thanh danh của con, đến việc làm ăn của con, tức là liên quan đến con gái bố và tương lai của đứa cháu...

Ông Péricourt cũng đã có thể lên giọng. Nhưng ông chỉ nhẹ nhàng gõ gõ tấm lót tay bằng móng ngón trỏ. Cử chỉ đó tạo nên một tiếng động nhỏ, giống như thầy giáo nhắc nhở một học sinh nghịch ngợm. Ông Péricourt tỏ ra rất điềm tĩnh, giọng nói của ông chứng tỏ ông rất bình tâm, ông không hề cười.

— Chỉ liên quan đến anh thôi, và chẳng liên quan đến gì khác, - ông nói.

Henri cảm thấy có chút lo lắng xâm chiếm nhưng dù đã ra sức nghĩ ngợi, y vẫn không biết làm thế nào ông bố vợ có thể tránh khỏi việc phải can thiệp. Lão có khả năng bỏ rơi đứa con gái ruột của mình không?

— Tôi đã được báo về những khó khăn mà anh gặp phải. Thậm chí có thể trước anh nữa kia.

Henri thấy khởi đầu này dường như thuận lợi. Sở dĩ Péricourt muốn làm nhục y, là bởi lão sẵn sàng nhượng bộ.

— Tôi còn lạ gì nữa, tôi luôn biết anh là một kẻ đầu trộm đuôi cướp. Họ tên có tiểu từ nhưng chẳng thay đổi được gì. Anh là một thằng trơ trẽn, tham lam vô độ, tôi báo cho anh biết rồi anh sẽ phải gánh chịu một kết cục tệ hại nhất.

Henri phác một cử chỉ để đứng dậy ra về.

— Không, không, anh ạ, anh nghe tôi nói. Tôi đã lường trước sự việc, tôi đã suy nghĩ và tôi sẽ nói cho anh biết tôi nhìn nhận mọi việc thế nào. Vài ngày nữa, Bộ trưởng sẽ xử lý hồ sơ của anh, ông ta sẽ biết về tất cả các bản báo cáo liên quan đến hoạt động của anh và sẽ tiến hành hủy hết các hợp đồng mà anh đã ký với Nhà nước.

Henri, có vẻ ít hoan hỉ hơn lúc bắt đầu trò chuyện, hốt hoảng nhìn ra phía trước, như người ta nhìn một ngôi nhà bị lũ lụt làm cho xói lở và đổ sụp xuống. Ngôi nhà đó chính là ngôi nhà của y, là cuộc đời y.

— Anh đã gian lận những hợp đồng mà người dân quan tâm, một cuộc điều tra sẽ sớm được tiến hành, sẽ cho người ta biết thiệt hại về vật chất cho Nhà nước lên đến bao nhiêu, và anh sẽ phải bồi thường bằng tài sản của riêng anh. Nếu anh không đủ số tiền cần thiết, theo tôi tính toán, anh sẽ buộc phải cầu xin vợ giúp, nhưng tôi sẽ phản đối vì theo luật thì tôi có quyền. Khi đó, anh sẽ buộc phải chia tay với cơ ngơi của anh. Và lại, anh cũng sẽ chẳng cần cơ ngơi đó nữa bởi chính phủ sẽ đưa anh ra tòa, và, để tự bảo vệ mình, chính phủ sẽ dự với tư cách là bên nguyên trong vụ kiện mà các hội cựu chiến binh và các gia đình sắp đâm đơn kiện anh. Và anh sẽ kết thúc trong tù.

Sở dĩ Henri quyết định nhờ vả ông già, chính là vì y biết mình đang ở trong tình thế tể nhị, nhưng những gì y nghe được có vẻ quá đổi tệ hại. Phiền toái nhanh chóng dồn lại, y không kịp phản ứng. Và nỗi ngờ vực dâng lên trong y:

— Bố chính là người...?

Nếu có vũ khí trong tay, có lẽ y chẳng cần chờ câu trả lời.

— Không, sao anh lại nói thế? Anh chẳng cần ai để chui vào thế mắc kẹt. Madeleine đã xin tôi tiếp chuyện anh, tôi tiếp chuyện anh và để nói với anh điều này: cả tôi lẫn nó sẽ không bao giờ liên quan đến công việc làm ăn của anh. Nó đã muốn lấy anh, được, nhưng anh sẽ không lôi được nó theo đâu, tôi sẽ tiếp tục để mắt. Còn tôi, anh có khuyh gia bại sản, thân tàn ma dại thì tôi cũng không bao giờ động tay động chân.

— Ông muốn chiến tranh sao? - Henri hét lên.

— Đừng bao giờ hét lên trước mặt tôi, anh ạ.

Henri không chờ ông bố vợ nói xong, y ra khỏi phòng, đóng sập cửa rất mạnh. Tiếng động này sẽ làm rung chuyển cả ngôi nhà từ trên xuống dưới. Nhưng tiếc thay, tác động chẳng khác gì đá ném ao bèo. Cánh cửa có trang bị cơ chế đệm hơi đó từ từ đóng lại với những tiếng ụp... ụp... ụp... nhỏ ngắt quãng.

Khi cánh cửa đóng lại hoàn toàn với một âm thanh ghenghenghệt thì Henri đã ở dưới tầng trệt.

Ở bàn làm việc, ông Péricourt vẫn không thay đổi tư thế.

"Ở đây dễ thương quá... - Pauline vừa nhìn quanh vừa nói.

Albert muốn trả lời lắm, nhưng ngôn từ ngắc ngứ trong cổ họng. Anh chỉ dang tay ra, chẳng biết phải tỏ thái độ thế nào.

Từ khi quen biết, họ luôn gặp nhau bên ngoài. Pauline ở dinh thự Péricourt, ở nhà chủ, một phòng áp mái, và văn phòng giới thiệu việc làm đã nói rõ: "Tuyệt đối cấm tiếp khách, thưa cô!" câu này dùng để nói rõ với người làm rằng nếu muốn làm tình, họ đi chỗ khác mà làm, không được làm ở nhà chúng tôi, đây là chỗ nghiêm túc, đàng hoàng, v.v...

Còn Albert, anh không thể đưa Pauline về nhà, Édouard có bao giờ ra ngoài đâu, mà đi đâu mới được chứ? Và rồi, cho dù cậu ta có chấp nhận nhường lại căn hộ cho anh một buổi tối đi chẳng nữa, thì Albert cũng đã trót nói dối Pauline ngay từ đầu rồi, giờ phải làm thế nào? Anh thuê nhà trọ gia đình, anh nói, chủ nhà là một bà rất khó tính, đa nghi, không được tiếp khách, cấm tiệt, như ở chỗ em ấy, nhưng anh sẽ đổi, anh đang tìm chỗ khác.

Pauline không sốc, cũng chẳng tỏ ra nôn nóng. Thậm chí yên tâm hơn. Cô bảo rằng, dù gì đi nữa, cô không phải "hạng con gái như thế", hiểu ra là: em không ăn nằm với anh đâu. Cô muốn có một mối "quan hệ nghiêm túc", hiểu ra là: hôn nhân. Albert không biết phải phân biệt đúng sai thế nào trong toàn bộ chuyện này. Vậy là cô không muốn, đồng ý thôi, chỉ có điều bây giờ, mỗi lần anh đưa cô về, vào lúc chia tay, hai người trao cho nhau những nụ hôn nồng cháy; trốn sau cổng xe, họ điên cuồng riết lấy nhau, chân của họ ngoắc vào nhau, Pauline giữ tay Albert, càng ngày càng lâu, và thậm chí, tối nọ, cô đã tựa hẳn vào người anh, thốt ra một tiếng dài khản đặc và cắn vào vai anh. Anh lên taxi như một người mang đầy chất nổ.

Họ đang như thế thì khoảng ngày 22 tháng Sáu, vụ Ký ức Tổ quốc cuối cùng đã lên như điều gặp gió.

Bỗng đâu tiền ào ào đổ xuống.

Từng đợt.

Nguồn lợi của họ tăng gấp bốn trong một tuần. Hơn ba trăm nghìn quan. Năm ngày sau, họ có trong két năm trăm bảy mươi nghìn quan; ngày 30 tháng Sáu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn quan... Không ngừng. Họ đã có những đơn đặt hàng lên đến hơn một trăm cây thánh giá, một trăm hai mươi đốc tang, một trăm tám mươi hai tượng bán thân người lính chiến đấu, một trăm mười một tượng đài phối hợp; thậm chí, Jules d'Epremont đã trúng thầu xây dựng tượng đài cho quận nơi mình sinh ra, một trăm nghìn quan kinh phí đặt cọc đã được tòa thị chính rút đủ...

Và ngày nào cũng có thêm những đơn đặt hàng khác, kèm theo đó là những khoản thanh toán mới. Édouard dành trọn các buổi sáng để viết phiếu thu.

Món hời bất ngờ này tác động lên họ một cách kỳ lạ, như thể bây giờ họ mới nhận ra tầm quan trọng của những việc họ làm. Họ đã rất giàu và giả thiết về một triệu quan mà Édouard định ra không còn hoang đường nữa bởi vì còn lâu mới đến hạn chót ngày 14 tháng Bảy và tài khoản ngân hàng của Ký Ức Tổ quốc đang tiếp tục phình to... Ngày nào cũng vậy, mười, năm mươi, tám mươi nghìn quan, không thể tin nổi. Và thậm chí, có một buổi sáng, khoản tiền đã lên đến một trăm mười bảy nghìn chỉ trong một lần gửi.

Lúc đầu, Édouard gào lên sung sướng. Khi Albert về, buổi tối đầu tiên, với một cái rương đầy tiền, anh vốc đầy tay rồi tung lên cao như một cơn mưa từ thiên. Anh hỏi luôn có thể lấy một ít cho mình ngay được không; Albert cười vui vẻ, đã nói với anh là tất nhiên rồi, không vấn đề. Ngày hôm sau, Édouard làm một chiếc mặt nạ tuyệt đẹp, hoàn toàn bằng những tờ tiền hai trăm quan dán thành hình xoắn ốc. Hiệu ứng tuyệt vời, như những cuộn tiền vậy, như thể tiền đang bốc cháy và tạo một vòng hào quang khói quanh mặt anh. Albert thích thú nhưng cũng thấy choáng, ai lại làm thế với tiền. Anh đã bịp hàng trăm người nhưng vẫn chưa trút bỏ hết những quy tắc đạo đức.

Còn Édouard thì giậm chân vui sướng. Anh không bao giờ đếm tiền nhưng lại giữ cẩn thận những lá thư đặt hàng như những chiến lợi phẩm, buổi tối anh lôi ra đọc lại, vừa đọc vừa nhấm nháp rượu trắng bằng một ống cao su nhỏ; tập hồ sơ này là sách kinh của anh.

Albert, sau khi hết thán phục vì giàu có với tốc độ nhanh như vậy, nhận thức được mức độ rủi ro. Tiền càng được gửi đến nhiều, anh càng cảm thấy sợi dây thừng thắt chặt quanh cổ. Khi mới có ba trăm nghìn quan trong két, trong đầu anh chỉ còn duy nhất một điều: chạy trốn. Édouard không chịu, nguyên tắc một triệu quan của cậu ta là không thể thương lượng.

Và rồi, còn có Pauline nữa. Làm sao đây?

Albert si tình khao khát Pauline với độ mãnh liệt nhân lên gấp bội bởi sự kiêng nịnh mà cô bắt anh phải chấp nhận. Anh chưa sẵn sàng từ bỏ. Trừ việc anh đã bắt đầu với cô từ một cơ sở tồi tệ: một lần nói dối kéo theo một lần khác. Bây giờ, liệu anh có thể nói với cô thế này mà không có nguy cơ mất cô hay không: “Pauline ạ, anh làm kế toán trong một ngân hàng với mục đích duy nhất là trục lợi, bởi vì, anh cùng một người bạn (mặt bị biến dạng vô cùng khó coi và hơi điên điên khùng khùng), bọn anh đang bịp một nửa nước Pháp một cách hoàn toàn phi đạo đức, và nếu mọi việc tốt đẹp, mười lăm ngày nữa, ngày 14 tháng Bảy, bọn anh sẽ chuồn sang phía bên kia địa cầu, em có muốn đi cùng anh không?”

Anh có yêu cô không? Yêu điên cuồng. Nhưng không thể biết trong anh tình cảm nào thẳng thắn, tình yêu mãnh liệt của anh dành cho cô hay nỗi khiếp sợ bị bắt, bị đưa ra tòa, bị xử án. Từ năm 1918, những ngày sau cuộc nói chuyện với tướng Morieux, trong ánh mắt cố chấp của đại úy Pradelle, anh không còn mơ về án tử hình. Từ nay trở đi, gần như đêm nào những giấc mơ đó cũng trở lại. Nếu không phải là đang vui vầy cùng với Pauline, thì anh bị xử bắn bởi một phân đội gồm mười hai bản sao giống hệt Pradelle. Dù anh sung sướng hay là chết, kết quả cũng như nhau: giật mình tỉnh giấc, mồ hôi đầm đìa, kiệt sức và thét gào. Anh mò mẫm tìm cái đầu ngựa, chỉ có nó mới xoa dịu được nỗi lo sợ trong anh.

Những gì từng là niềm vui sướng vô bờ bến nhờ vào thắng lợi của công ty, vì những lý do khác nhau, trong lòng hai người đàn ông, đã sớm trở thành một sự điềm tĩnh lạ lùng mà người ta thường cảm thấy khi hoàn thành một công việc quan trọng đòi hỏi nhiều thời gian, và khi nhìn lại, ta thấy thực ra nó có vẻ không thiết yếu như ta từng hy vọng.

Dù có Pauline hay không, Albert cũng chỉ nói đến việc ra đi. Giờ đây, khi tiền đồn dập đến, Édouard không đủ lý lẽ để chống lại. Anh miễn cưỡng nhượng bộ.

Họ thỏa thuận với nhau là chương trình khuyến mại của Ký ức Tổ quốc sẽ kết thúc ngày 14 tháng Bảy. Ngày 15 họ sẽ chuẩn.

— Tại sao phải chờ đến ngày hôm sau? - Albert hốt hoảng hỏi.

— Đồng ý, - Édouard viết. - Ngày 14.

Albert lao đến những quyển catalogue của các công ty hàng hải. Ngón tay anh dò tuyến đường khởi hành từ Paris, một chuyến tàu đêm đến Marseille vào tảng sáng, rồi hành trình của chiếc tàu thủy đầu tiên đi Tripoli. Anh tự khen ngợi mình vì đã giữ quyển sổ quân nhân của Louis Évrard đáng thương mà anh đã ăn cắp vài ngày sau hiệp định đình chiến. Ngay ngày hôm sau, anh mua vé.

Ba vé.

Vé thứ nhất dành cho ông Eugène Larivière, vé thứ hai cho ông bà Louis Évrard.

Anh chưa hề biết nên làm thế nào với Pauline. Trong mười lăm ngày, liệu ta có thể thuyết phục một cô gái từ bỏ tất cả và chạy trốn với mình ba nghìn câs số được không? Càng ngày anh càng thấy nghi ngờ.

Tháng Sáu này đúng là dành cho những đôi lứa yêu nhau, thời tiết ấm áp như trên thiên đường, và, khi Pauline không bận việc, những buổi tối tưởng không bao giờ kết thúc, những giờ phút ngồi trên ghế đá công viên âu yếm nhau, nói chuyện với nhau. Pauline thả hồn mình trôi theo những giấc mơ thiếu nữ, miêu tả căn hộ mà cô ước ao, những đứa con mà cô muốn có, người chồng mà cô khao khát, người chồng có chân dung ngày càng giống

Albert đúng như cô biết, vì thế lại ngày càng xa rời Albert bằng xương bằng thịt vốn chỉ là một kẻ lừa đảo hèn mọn sắp chuồn ra nước ngoài.

Trong khi chờ đợi, thì còn có tiền. Albert bắt đầu tìm nhà cho thuê nơi anh có thể đưa Pauline về nếu cô chấp nhận tới đó. Anh loại trừ khách sạn, trong hoàn cảnh hiện tại, anh thấy khách sạn thật là vô vị.

Hai ngày sau, anh tìm được một nhà trọ sạch sẽ, dễ thương, khu phố Saint-Lazare, chủ nhà là hai chị em gái, hai người đàn bà góa bụa dễ tính, họ cho các viên chức rất đàng hoàng thuê hai căn hộ, nhưng luôn dành căn phòng nhỏ ở tầng một cho những cặp tình nhân bất hợp pháp mà họ đón tiếp với những nụ cười đồng lõa, ban đêm cũng như ban ngày, bởi vì hai chị em đã khoét hai cái lỗ ở vách ngăn, ngang giường, mỗi người một lỗ.

Pauline lưỡng lự. Vẫn điệp khúc “em không phải hạng con gái như thế”, sau đó cô đã nhận lời. Họ lên một chiếc taxi. Albert mở cửa vào gian phòng có sẵn đồ đạc, đúng như Pauline mơ ước, những tấm ri đô trĩu nặng có vẻ rất sang trọng, tường được dán giấy màu. Một cái bàn tròn nhỏ và một chiếc ghế bành thấp dẫu sao cũng tạo cảm giác rằng gian phòng không quá giống một phòng ngủ.

— Dễ thương... - Pauline nói.

— Ừ, không đến nỗi, - Albert phát biểu liều.

Anh có thực sự ngỡ ngẩn? Dẫu sao, anh cũng chẳng thấy có gì xảy ra. Hãy tính ba phút cho thời gian đi vào, nhìn, cởi áo khoác, thêm một phút tháo giày cao cổ vì còn có dây buộc, thế là bạn có một Pauline khóa thân hoàn toàn, đứng ngay giữa phòng, tươi vui và tin tưởng hiến dâng, cặp vú trắng muốt khiến ta phải rơi lệ, đôi hông tròn trĩnh ngọt ngào, một vùng tam giác được thuần hóa hoàn hảo... Tất cả những thứ đó để nói rằng đây không phải lần đầu của cô bé, và rằng, sau khi đã giải thích trong nhiều tuần cô không phải là hạng người nợ người kia, sau khi đã hy sinh theo phong tục, cô thực sự nôn nóng được nhìn mọi thứ tường tận hơn. Albert hoàn toàn bị choáng ngợp. Thêm bốn phút nữa và bạn sẽ có một Albert gào lên vì sung sướng. Pauline ngẩng đầu lên, lo lắng và dò hỏi, nhưng ngay sau đó nhắm mắt lại, yên tâm hơn, bởi vì Albert vẫn còn giữ ý. Anh chưa

kinh qua cảnh tương tự kể từ hôm trước ngày nhập ngũ, với Cécile, vài thế kỷ trước, anh đã chậm trễ đến mức Pauline cuối cùng phải nói, lúc đó là hai giờ sáng, anh yêu, có lẽ chúng mình nên ngủ một chút nhỉ? Họ quần lấy nhau, trong tư thế úp thìa. Pauline đã ngủ khi Albert bật khóc rất nhỏ, để khỏi đánh thức cô.

Buổi tối, sau khi từ biệt Pauline, Albert về nhà rất muộn. Từ ngày cô ngủ trên người anh trong căn nhà thuê có sẵn đồ đạc ấy, Édouard còn ít thấy anh hơn. Trước khi đi gặp lại Pauline, những buổi tối cô không phải trực, Albert lại ghé qua căn hộ cùng với rương tiền. Hàng chục, hàng trăm nghìn quan chất đống trong chiếc va li được tuồn vào gầm giường, anh không ngủ trên chiếc giường đó nữa. Anh kiểm tra xem Édouard có gì để ăn không và trước khi đi, anh ôm hôn Louise, con bé vẫn cúi xuống cái mặt nạ của ngày hôm sau, đáp lại anh một cách lơ đãng, có chút gì đó hờn giận trong ánh mắt, như trách cứ anh đang bỏ rơi họ.

Một buổi tối, hôm đó là ngày 2 tháng Bảy, ngày thứ Sáu, khi Albert về nhà, mang theo cái rương đựng bảy mươi ba nghìn quan, anh thấy căn hộ vắng tanh.

Với rất nhiều mặt nạ đủ mọi hình dáng và màu sắc được treo trên tường, căn phòng lớn không người ở tựa như kho chứa các tác phẩm nghệ thuật trong viện bảo tàng. Một con tuần lộc bằng vảy gỗ nhỏ xíu với cặp sừng quá khổ đang nhìn anh chăm chăm. Dù Albert có quay về hướng nào, phía người da đỏ được tô điểm bằng cái miệng trễ xuống giống miệng rắn, bằng ngọc trai và bằng thủy tinh giả ngọc, hay phía con người kỳ dị bị nổi hổ thẹn giày vò, có cái mũi dài thượt như mũi của một kẻ nói dối được mô phỏng theo tự nhiên, khiến bạn muốn được miễn cho anh ta hết mọi tội lỗi, những nhân vật đó đều nhìn anh một cách thương xót, bấy giờ anh đang xách túi đứng như trời trồng ở ngưỡng cửa.

Ta có thể hình dung nỗi hoảng hốt của Albert: từ khi họ chuyển đến ở tại đây, Édouard chưa bao giờ ra ngoài. Louise cũng không ở đó. Không có lời nhắn nào để lại trên bàn, cũng chẳng có gì cho thấy một sự ra đi vội vã. Albert cúi xuống gầm giường, chiếc va li vẫn nằm đó và nếu có thiếu tiền

thì cũng không nhận ra vì có quá nhiều, bạn mà lấy năm mươi nghìn quan thì cũng không thấy. Lúc đó là bảy giờ tối. Albert để lại va li vào chỗ cũ rồi lao đến nhà chị Belmont.

— Cậu ta xin đưa con bé đi chơi ngày cuối tuần. Tôi đã đồng ý...

Đó là một câu nói theo thói quen, không ngữ điệu, kiểu thông tin và xa cách như một tin vắn trên mặt báo, người đàn bà ấy đã hoàn toàn thoát xác.

Albert rất lo bởi vì việc gì Édouard cũng có thể làm. Khi bạn hình dung cậu ta tự do trong thành phố, bạn không khỏi hoảng lên... Đã nghìn lần Albert giải thích cho cậu ta hiểu rằng tình thế rất hiếm nghèo, họ phải chạy trốn càng sớm càng tốt! Và rằng, nếu như phải chờ (Édouard muốn kiếm được bạc triệu, không có chuyện bỏ đi trước!) họ phải đề phòng mọi thứ, và nhất là không được để người ta chú ý.

— Khi họ hiểu ra những gì ta đã làm, - anh giải thích, - điều tra chẳng mất mấy thời gian đâu, cậu biết đó! Ở ngân hàng thì có dấu vết của mình, ngày nào người ta cũng thấy mình ở bưu điện Louvre, người đưa thư mang đến đây hàng xe ba gác thư, ta đã dính dáng đến thợ in, hẳn sẽ tố cáo ta nếu hiểu rằng ta đã lôi kéo hẳn vào việc gì, trong khi hẳn không hề hay biết. Để tìm ra chúng ta, với cảnh sát thì chỉ mất vài ngày. Vài giờ, thậm chí vài...

Édouard đồng ý. Vài ngày sau, đồng ý. Cẩn thận. Thế mà hai tuần trước ngày chạy trốn, cậu ta lại bỏ nhà đi chơi với một bé gái ở Paris, hoặc ở nơi khác, như thể cái mặt toang hoác ấy, khi đem so với tất cả cái mặt mà người ta thấy chỗ này chỗ khác, thì không gớm ghiếc hơn và dễ nhận biết hơn...

Cậu ta có thể đi đâu cơ chứ?

"Người ta viết thư cho em, bảo nghệ sĩ đó đang ở các châu Mỹ...

Labourdin luôn dùng số nhiều để chỉ nước Mỹ, cứ nghĩ rằng cách nói bao quát toàn bộ châu lục biến anh ta thành người quan trọng hơn. Ông Péricourt phật ý.

— Anh ta sẽ về vào giữa tháng Bảy! - tay quận trưởng khẳng định.

— Thế thì muộn quá...

Labourdin đã lường trước phản ứng này, anh ta mỉm cười.

— Không phải thế đâu, chủ tịch ạ! Chủ tịch thấy đấy, anh ta hào hứng với đơn đặt hàng này đến mức bắt tay vào việc ngay! Và anh ta làm nhanh kinh khủng! Ông cứ nghĩ mà xem! Tượng đài của chúng ta sẽ được thiết kế tại New York (Labourdin phát âm: "Nơi- Oóc") và được dựng ở Paris, một biểu tượng tuyệt vời...!

Với vẻ mặt tham lam thường dành cho những món ăn chấm xốt và bộ móng của cô thư ký, anh ta rút từ túi trong áo khoác ra một phong bì lớn.

— Đây là một vài bản phác họa bổ sung mà nghệ sĩ đó đã gửi cho chúng ta.

Khi ông Péricourt chìa tay ra, Labourdin không thể không giữ phong bì lại một lát.

— Trên cả tuyệt vời, thưa chủ tịch: mẫu mực!

Nói quá lên như thế có nghĩa là gì? Không tài nào biết được. Labourdin chuẩn bị công phu những câu nói đó với những âm tiết chữ hiếm khi với những suy nghĩ. Và lại, ông Péricourt chẳng hơi đâu mà để ý. Labourdin là một kẻ ngu dốt theo dạng hình cầu: có xoay anh ta theo hướng nào thì anh ta vẫn ngu dốt như thế, chẳng có gì để hiểu, chẳng có gì để chờ đợi.

Ông Péricourt cho anh ta về trước khi mở phong bì, ông muốn ở lại một mình.

Jules d'Epremont đã vẽ tám bức tranh. Hai bức toàn cảnh dưới một góc độ hiếm thấy, như thể anh tiến sát quá nên hầu như chỉ nhìn tượng đài từ dưới lên, rất bất ngờ. Bức đầu tiên vẽ mặt phải của bộ ba mang tên *Nước Pháp đưa những đoàn quân ra trận*, bức thứ hai, phía bên trái, *Những người lính dũng cảm đang tấn công kẻ thù*.

Ông Péricourt sửng sờ. Cho đến lúc đó, tượng đài đang ở trạng thái tĩnh bỗng trở thành một thứ hoàn toàn khác. Có phải do những phối cảnh khác thường? Hay do nó ngự trị bạn, thu nhỏ bạn, nên dường như nó nghiền nát bạn...?

Ông tìm từ để nói rõ cảm giác của mình. Từ đó xuất hiện, đơn giản, gần như ngớ ngẩn, nhưng nói lên tất cả: “sống động”. Thế đó, đó là một tính từ kỳ cục, có lẽ Labourdin là người đã nói ra, nhưng hai cảnh đó thể hiện tính hiện thực tuyệt đối, còn thực hơn cả một số bức ảnh chiến sự chụp những người lính trên chiến trường đăng trên báo.

Sáu bức vẽ khác cho thấy cận cảnh một số chi tiết, gương mặt của người phụ nữ mặc bộ trang phục xếp nếp, gương mặt nhìn nghiêng của một người lính; gương mặt đã khiến ông Péricourt đi đến quyết định chọn đề án này không có trong đó... Bực mình thật.

Ông lần giở các bức tranh, đưa lại gần những bức vẽ ông đang có, dành nhiều thời gian để cố tưởng tượng mình đang đi vòng quanh tượng đài thật, và thậm chí chui vào bên trong. Không thể nói khác, ông Péricourt bắt đầu sống trong tượng đài của mình, như thể ông có một cuộc sống kép, như thể ông đã giấu một người tình vào đồ đạc của mình và trốn trong đó hàng giờ mà không ai biết. Sau vài ngày, ông hiểu rõ tượng đài đến mức có thể hình dung ra nó dưới những góc độ chưa được phác thảo.

Ông không giấu được Madeleine, việc đó chỉ vô ích. Nếu có một người đàn bà nào đó trong đời ông, cô chỉ cần nhìn qua cũng đoán được. Khi Madeleine vào, bố cô đang đứng ngay giữa phòng, dưới đất là tất cả các bức vẽ bày ra thành hình tròn xung quanh, hoặc cô thấy ông đang ngồi trên

ghế, tay cầm kính lúp, mắt chăm chú nhìn một bản vẽ. Ông thao tác quá nhiều với các bức vẽ, đến mức sợ chúng hỏng mất.

Thợ lắp khung đến đo đạc (ông Péricourt không muốn rời xa những bức vẽ), rồi hai ngày sau mang kính và khung đến; buổi tối, tất cả đã xong xuôi. Trong lúc đó, có hai người thợ đến thành vài đợt để tháo tủ sách lấy chỗ treo tranh. Từ một xưởng đóng khung, phòng làm việc đã trở thành phòng trưng bày một tác phẩm duy nhất, tượng đài của ông.

Ông Péricourt tiếp tục làm việc, họp hành, chủ trì các hội đồng quản trị, tiếp đón các giám đốc chi nhánh, các nhân viên môi giới chứng khoán trong chuỗi văn phòng của mình trong thành phố, nhưng khác với trước đây, ông muốn về nhà và tự giam mình hơn. Thường thì ông ăn tối một mình, có người đưa bữa ăn lên cho ông.

Trong ông đang diễn ra một sự chín muồi rất chậm. Cuối cùng ông cũng hiểu một số vấn đề, tìm lại được những cảm xúc xưa cũ, những nỗi buồn giống như khi vợ ông mất, cái cảm giác trống vắng và phó mặc số mệnh mà ông đã phải chịu đựng vào thời kỳ đó. Ông cũng bớt tự trách mình về Édouard. Bằng cách làm hòa với con trai, ông làm hòa với chính mình, với con người trước đây của mình.

Thêm vào sự xoa dịu đó là một phát hiện. Giữa quyển sổ vẽ của Édouard khi anh đang ở chiến trường và những bản vẽ tượng đài, ông Péricourt có thể cảm nhận được gần như thực tế điều mà ông chưa từng biết tới: chiến tranh. Ông, người vốn chưa bao giờ có trí tưởng tượng, đang trải qua những cảm xúc bắt nguồn từ gương mặt một người lính, trong sự sinh động uyển chuyển của bức tranh... Có gì đó như một sự giao hòa. Giờ đây, khi ông không còn trách mình nhiều như trước vì đã là một người cha mù quáng, vô cảm, khi ông chấp nhận đứa con trai của mình, cuộc sống của mình, ông càng đau khổ về cái chết của nó. Chỉ vài hôm trước ngày đình chiến. Như thế thế là chưa đủ bất công vì Édouard thì hy sinh trong khi những kẻ khác lại sống sót trở về. Có đúng là nó chết ngay như cậu Maillard đã khẳng định? Đôi khi, ông Péricourt phải kiềm chế để không mời đến nhà lần nữa anh chàng cựu chiến binh đang làm ở bộ phận nào đó trong ngân hàng của

ông, để ép cậu ta phải nói ra sự thật. Nhưng, suy cho cùng, người bạn chiến đấu này đã thực sự biết gì về cảm giác của Édouard vào khoảnh khắc hy sinh?

Càng ngắm nghía tác phẩm sắp ra đời, tượng đài của ông, ông Péricourt càng gẫn bó, không phải với gương mặt thân quen một cách lạ lùng mà Madeleine đã chỉ cho ông và ông hãy còn nhớ, mà với người lính hy sinh đang nằm bên phải bức tranh và với ánh mắt không thể nguôi ngoai của thần chiến thắng đang nhìn anh. Nghệ sĩ đã nắm bắt được điều gì đó giản dị và sâu sắc. Còn ông Péricourt thì cảm thấy nước mắt dâng lên khi hiểu ra rằng nỗi xúc động của ông xuất phát từ sự tráo đổi ngôi thứ: ngày hôm nay, người chết chính là ông. Và nữ thần Chiến thắng chính là con trai ông, đang nhìn ông với ánh mắt đau đớn, tiếc nuối, khiến người ta phải tan nát cõi lòng.

Đã hơn năm giờ rưỡi chiều mà nhiệt độ vẫn chưa hạ. Trong chiếc xe cho thuê đó, không khí rất nóng, cửa phía bên phố để mở mà chẳng có tí mát nào, chẳng gì khác ngoài một làn gió hầm hập, khó chịu. Henri bực dọc vỗ vỗ đầu gối. Việc lão Péricourt nói bóng nói gió về chuyện bán cơ ngơi Sallevière chiếm hết tâm trí y. Nếu phải như thế thật, tự tay y sẽ bóp cổ lão, lão già đếu cáng! Lão đã góp sức ra sao để khiến y chông chất khó khăn như thế? Phải chăng lão đã cố vũ cho mấy vụ làm khó đó? Tại sao tay chuyên viên nhỏ thó đó bỗng đâu lại xuất hiện cứng đầu cứng cổ và hăng máu như thế? Có đúng là bố vợ y thực sự không có vai trò gì? Henri bối rối đoán già đoán non.

Mặc dù có những suy nghĩ đen tối, mặc dù giận sôi người nhưng phải cố nén, y vẫn để ý đến Dupré, đằng kia, anh ta đang kín đáo rải bước dọc vỉa hè, như một người cố giấu nỗi do dự của mình.

Henri lại nâng cửa kính xe ô tô lên để không ai nhìn thấy, đã mất công thuê xe ô tô mà lại để bị tóm ngay ở góc phố đầu tiên thì thật là... Y thấy nghẹn tắc ở cổ họng. Trong chiến tranh, ít nhất người ta biết mình đang dính tới ai! Bất giác, khi cố tập trung vào những thử thách sắp tới, y lại

luôn nghĩ đến Sallevière. Từ bỏ cơ ngơi đó ư? Không bao giờ. Tuần trước, y mới về đó; cơ ngơi của y đã được trùng tu tuyệt đẹp, tổng thể các tòa nhà có một vẻ bề ngoài miễn chê. Nhìn là người ta có thể tưởng tượng được ngay, trước mặt tiền rộng lớn, một chuyến đi săn có quy mô sắp bắt đầu, hoặc đoàn người dự lễ cưới con trai y trở về... Không thể từ bỏ những niềm hy vọng đó, không ai có thể tước bỏ hy vọng của y, không bao giờ.

Sau cuộc nói chuyện với ông Péricourt, y chỉ còn lại một viên đạn, một viên duy nhất.

Mình là một tay súng giỏi, y tự nhắc nhủ để trấn an bản thân.

Y chỉ có vòn vện ba tiếng đồng hồ để tổ chức phản công với một đội quân ít ỏi, chỉ mỗi Dupré. Mặc kệ, y sẽ chiến đấu tới cùng. Lần này mà thắng - khó đấy, nhưng y có khả năng - mục tiêu duy nhất của y sẽ là lão Péricourt đều cáng. Sẽ mất thời gian cần thiết, y tự nhủ, nhưng mình sẽ lấy mạng lão. Đúng kiểu thề thốt giúp y hoàn hồn.

Dupré bỗng ngừng đầu lên, vội vàng băng qua phố và rảo bước đi theo chiều ngược lại, vượt quá cổng Bộ Trợ cấp, chộp lấy tay một người đàn ông, người này ngạc nhiên quay lại. Từ xa, Henri quan sát cảnh tượng và đánh giá người đó. Nếu người này biết tự lo lấy thân thì mọi việc hoàn toàn có thể, nhưng trông ông ta chẳng khác gì một gã ăn mày. Sẽ phức tạp lắm đây.

Đứng ngay giữa vỉa hè, vẻ ngậy dại, ông ta cao vượt Dupré hai vai và một cái đầu. Vẻ lưỡng lự, ông ta quay lại nhìn chiếc ô tô mà Dupré đã kín đáo chỉ cho ông ta, Henri đang ngồi chờ trong đó. Henri để ý thấy đôi giày to tướng, bản thiu, mòn vẹt của ông ta; đó là lần đầu tiên y thấy một gã giống đôi giày xăng đá của chính gã. Cuối cùng, hai người chậm rãi đi ngược trở lại. Đối với Henri, ván đầu đã thắng, nhưng còn lâu mới là khoản đặt cược cho chiến thắng toàn cục.

Y càng thêm chắc chắn như vậy ngay khi Merlin lên xe. Người ông ta rất hôi, vẻ mặt quàu quạu. Ông ta đã phải cúi gập người xuống để vào xe rồi sau đó rụt cổ lại giữa hai vai như để tránh mưa đạn. Ông ta đặt xuống sàn, giữa hai chân, một túi xách to sù sụ bằng da thuộc đã qua những ngày tháng

tốt đẹp nhất. Ông ta đã già, về hưu đến nơi. Ở con người có đôi mắt dữ tợn, hiểu chiến, cầu thả đó, cái gì cũng già và xấu, chẳng hiểu vì sao người ta giữ ông lại.

Henri chìa tay nhưng Merlin không bắt, chỉ nhìn y chăm chăm. Tốt hơn hết là đi thẳng vào trọng tâm vấn đề.

Henri nói chuyện với ông theo cách giả bộ thân mật, như thể họ đã quen nhau từ lâu lắm rồi và đang chuẩn bị nói chuyện tầm phào với nhau:

— Ông đã viết hai bản báo cáo... về nghĩa trang Chazieres-Malmont và nghĩa trang Pontaville phải không?

Merlin chỉ làu nhàu. Ông không thích cái gã ra vẻ ta đây giàu có này, hẳn ta hội tụ đủ mọi yếu tố của một kẻ gian xảo. Vả lại, để đến tìm ông, gặp ông trong một chiếc xe, vội vàng như thế này...

— Ba, - ông nói.

— Cái gì?

— Không phải hai báo cáo. Ba. Tôi sắp nộp thêm một bản nữa. Về nghĩa trang Dargonne-Le-Grand.

Nghe cách ông nói, Pradelle hiểu rằng công chuyện làm ăn của y vừa bị giáng thêm một đòn nữa.

— Nhưng... ông đến đó khi nào?

— Tuần trước. Ở đó trông chẳng hay ho gì lắm.

— Sao thế?

Pradelle, vốn đã chuẩn bị tinh thần biện hộ hai vụ việc, giờ sắp phải chạy theo vụ thứ ba.

— Ừ thì thế... - Merlin nói.

Hơi thở ông hôi như cóc chết, lại còn nói giọng mũi nghe rất khó chịu. Thông thường, lẽ ra Henri vẫn phải mỉm cười, dễ chịu, tỏ vẻ ta đây là một người đáng tin cậy, nhưng giờ lại thêm Dargonne, vượt quá sức chịu đựng của y... Nghĩa trang này khiêm tốn, hai đến ba trăm ngôi mộ, chẳng nhiều hơn là mấy, với những thi thể phải đưa về Verdun. Bọn chúng lại làm bậy làm bạ gì ở đó nữa, y đã nghe nói gì đâu! Y nhìn ra ngoài một cách máy

móc: Dupré đã trở về chỗ cũ, ở vỉa hè bên kia, tay thọc túi quần, vừa hút thuốc vừa nhìn các quầy kính, anh ta cũng rất căng thẳng, chỉ có Merlin là bình tĩnh.

— Lẽ ra anh phải giám sát người của anh..., - ông buông thông.

— Dĩ nhiên rồi! Vấn đề nằm ở chỗ đó, thưa ông ạ! Nhưng nhiều công trình như thế thì biết làm sao được?

Merlin chẳng hề có ý định thông cảm. Ông im lặng. Với Henri, làm cho ông nói là tối quan trọng, chẳng thể thu được điều gì từ một kẻ im thin thít. Y chứng ra thái độ của một người bị lôi cuốn bởi một vụ việc chẳng liên quan đến mình, mang màu sắc giai thoại nhưng lại rất hấp dẫn:

— Bởi vì... ở Dargonne... mà thật ra ở đó có chuyện gì vậy?

Merlin im lặng một lúc lâu không trả lời, Henri tự hỏi không biết ông ta có nghe thấy câu hỏi không. Khi Merlin mở miệng, không có nét nào trên mặt ông động đậy, chỉ có đôi môi; rất khó đoán ý đồ của ông:

— Anh được trả theo đơn vị nhỉ?

Henri dang rộng hai bàn tay để ngửa.

— Dĩ nhiên. Bình thường thôi, chúng tôi được trả lương theo công việc!

— Người của anh cũng được trả theo sản phẩm...

Henri nhăn mặt, ừ, tất nhiên rồi, thế thì sao nào...? Thăng cha này định nói điều gì thế?

— Chính vì thế mà có đất trong quan tài, - Merlin nói.

Henri trợn tròn mắt, cái quái quỷ gì đây?

— Có những quan tài không có người nằm bên trong, - Merlin nói tiếp. - Để kiếm được nhiều tiền hơn, nhân viên của anh vận chuyển và chôn những quan tài chẳng có ai bên trong. Chỉ có đất cho đủ trọng lượng.

Phản xạ của Pradelle là bất ngờ. Y nghĩ: đúng là bọn chó chết, mình chịu hết nỗi rồi! Kể cả Dupré và tất cả những thằng ngu trên công trường, lúc nào cũng muốn kiếm thêm tí chút mà làm bậy làm bạ. Trong vài tích tắc, vụ việc không còn liên quan đến y nữa, bọn chúng đi mà lo liệu, y chán ngấy cả rồi!

Giọng nói của Merlin kéo y về với thực tại, về với thực tế rằng y, với tư cách người đứng đầu công ty, giờ đang ngộp tới cổ; mấy thằng nhân viên quèn đó để sau.

— Và rồi... còn có lính Đức, - Merlin nói.

Ông vẫn chỉ cử động đôi môi.

— Lính Đức?

Henri bật dậy trên ghế. Tia hy vọng đầu tiên. Bởi vì, nếu đó là vấn đề thì y đang ở trên sân nhà. Về vấn đề lính Đức, không ai có thể ganh đua với y. Đầu Merlin vừa cử động, không phải, nhưng cử động đó quá nhẹ nên lúc đầu Henri không nhận ra. Rồi nghi ngờ xuất hiện, lính Đức, đúng thế, nhưng mà lính Đức nào? Bọn chúng đến đây làm quái gì? Hẳn là mặt y đã phản ánh đúng tâm trạng y bởi vì Merlin trả lời như thể ông đã hiểu nỗi nghi hoặc của y.

— Nếu anh đến Dargonne... - ông bắt đầu nói.

Rồi ông dừng lại. Henri hất hàm, này, nói đi, chuyện này là thế nào?

— Có những ngôi mộ của lính Pháp, - Merlin nói tiếp, - nhưng bên trong lại là lính Đức.

Henri há hốc miệng như cá, rụng rời trước thông tin này. Thảm họa. Xác chết cũng chỉ là xác chết, được. Với Pradelle, khi đã chết rồi, dù có là người Pháp, người Đức hay người Senegal thì y cũng cóc cần. Trong những nghĩa trang này, không hiếm khi phát hiện thi thể của một người lính ngoại quốc, một gã nào đó bị lạc, có khi nhiều nữa là đằng khác, những người lính thuộc những đơn vị tấn công, những người lính trinh sát, các đợt chuyển quân đi đi về về không ngừng nghỉ của các đơn vị chiến đấu... Những chỉ thị nghiêm ngặt đã được đưa ra về vấn đề này: phải tuyệt đối phân tách xác lính Đức với thi thể của những người anh hùng thẳng trận, có những khu đất riêng được dành cho việc chôn lính Đức trong các nghĩa trang do Nhà nước xây. Nếu chính phủ Đức, cũng như Volksbund Deutsche Kriegsgraberfursorge, Cơ quan Bảo trì Mộ phần Quân đội Đức, thảo luận với các nhà chức trách Pháp về số phận cuối cùng của hàng chục nghìn “hài

cốt lạt”, thì trong khi chờ đợi, nhằm lẫn lính Pháp với lính Đức sẽ là một tội ác.

Chôn lính Đức trong mộ phần của lính Pháp, hình dung những gia đình đến viếng trước những ngôi mộ trong đó chôn quân thù, thi hài của những kẻ đã giết chết con cái họ là một điều hoàn toàn không thể chấp nhận được, gần như là hành động làm ướm tạc mộ phần người khác.

Một vụ bê bối chắc chắn.

— Tôi sẽ lo... - Pradelle thì thầm, y chưa biết gì về tầm quan trọng của thảm họa này, cũng chẳng biết gì về những phương cách khắc phục.

Có tất cả bao nhiêu? Từ khi nào họ lại cho lính Đức vào trong quan tài của lính Pháp? Làm thế nào để tìm lại?

Hơn bao giờ hết, bản báo cáo này phải biến mất.

Nhất thiết phải như vậy.

Henri nhìn Merlin kỹ hơn và nhận ra ông ta còn già hơn y nghĩ lúc đầu, với những nếp nhăn sâu và ánh mắt lơ lơ dự báo bệnh đục thủy tinh thể. Và một cái đầu thật là nhỏ, như một số loài côn trùng.

— Ông làm viên chức lâu chưa?

Câu hỏi được đặt ra với giọng đanh thép, trịch thượng, rất quân sự. Với Merlin, câu hỏi đó có vẻ như một lời kết tội. Ông không thích thằng cha Aulnay-Pradelle này, hằn đúng như ông hình dung, to mồm, tinh quái, giàu có, bỉ ổi, hai chữ “con buôn” xuất hiện trong đầu ông, rất thời thượng. Merlin đã nhận lời lên chiếc xe này vì ông thấy quan tâm, nhưng ông cảm thấy rất khó chịu, chẳng khác gì ở trong quan tài.

— Viên chức à? - ông trả lời. - Cả đời.

Câu nói không hãnh diện, cũng không chua chát, chỉ là nhận định của một người chưa bao giờ tưởng tượng một vị trí khác với vị trí đó.

— Giờ ông bậc mấy, ông Merlin?

Rõ rồi, nhưng xúc phạm lắm, và chẳng tốn nhiều công sức bởi vì, với Merlin, chỉ vài tháng nữa là nghỉ hưu, giẫm chân tại chỗ ở bậc thấp nhất trong khung lương hành chính là một vết thương hở hoác, một sự sỉ nhục.

Sự tiến thân của ông đã nhọc nhằn đi theo những bước hoàn toàn dựa vào thâm niên và ông đang ở trong tình cảnh của một người lính đến khi kết thúc sự nghiệp vẫn mặc quân phục binh nhì...

— Ông đã hoàn thành xuất sắc công việc thanh tra! - Pradelle lại nói.

Y tỏ ra khâm phục. Merlin mà là phụ nữ thì y đã cầm tay ông rồi.

— Nhờ vào những cố gắng của ông, sự cảnh giác của ông, chúng tôi có thể lập lại trật tự trong toàn bộ chuyện này. Những nhân viên khiếm nhã đó... chúng tôi sẽ tống cổ. Những bản báo cáo của ông đối với chúng tôi là vô cùng bổ ích, sẽ giúp chúng tôi tiếp tục quản lý công việc một cách chặt chẽ.

Merlin tự hỏi “chúng tôi” trong miệng Pradelle là ai. Câu trả lời đến ngay, đó là quyền lực của Pradelle, là hãnh, bạn bè hãnh, gia đình hãnh, những mối quan hệ của hãnh...

— Bộ trưởng cũng sẽ rất quan tâm, - Henri tiếp tục, - và thậm chí tôi có thể nói: rất biết ơn! Đúng thế, biết ơn năng lực của ông, sự kín đáo của ông! Bởi vì tất nhiên, với chúng tôi, những bản báo cáo của ông là rất cần thiết, nhưng nếu thông tin bị tiết lộ thì chẳng tốt cho ai cả, phải không nào...

Hai chữ “chúng tôi” tập hợp một thế giới có quyền, có thế, những mối quan hệ bằng hữu ở cấp cao nhất, những người có quyền quyết định, những bậc tinh hoa nhất, gần như tất cả những gì Merlin căm thù.

— Tôi sẽ đích thân nói chuyện này với Bộ trưởng, ông Merlin ạ.

Đã đành thế, đã đành thế... Đó chắc chắn là nỗi buồn lớn nhất: Merlin cảm giác có gì đó dâng lên trong lòng, bất đắc dĩ, giống như sự cương cứng không thể kiểm soát. Sau bao năm thánng nhục nhã, cuối cùng cũng được thăng chức ngon lành, làm cam họng tất cả những kẻ độc mồm độc miệng, và thậm chí quản lý những kẻ đã làm nhục mình... Ông trải qua những giây lát thật cuồng điên.

Pradelle thấy rõ, qua gương mặt của kẻ bất đắc chí đó, rằng bất cứ sự bổ nhiệm nào cũng là đủ, bất cứ món trang sức dỏm nào, như đối với bọn mọi đen trong các nước thuộc địa.

— Và tôi sẽ lưu ý, - Pradelle tiếp tục nói, - sao cho công trạng của ông, sự hiệu quả của ông không bị lãng quên, ngược lại, ông sẽ được khen thưởng xứng đáng!

Merlin gật đầu ra vẻ tán thành.

— Nay, khi mà anh còn đang ở đây... - ông nói, giọng khản đặc.

Ông cúi xuống cái túi xách lớn bằng da và lục lọi một lúc lâu. Henri bắt đầu thở phào, y đã tìm ra chìa khóa. Bây giờ phải làm sao đó để ông ta rút lại những bản báo cáo của mình, hủy tất cả, thậm chí viết lại những bản báo cáo khác theo hướng khen ngợi, đổi lại, ông ta sẽ được bổ nhiệm, được thăng bậc, trao thưởng: với những kẻ tầm thường thì bất cứ thứ gì cũng trở nên quan trọng.

Merlin lục lọi thêm một lúc lâu nữa rồi đứng dậy, tay cầm một tờ giấy nhàu nát.

— Khi mà anh còn đang ở đây, - ông nhắc lại, - cũng nên lập lại kỷ cương cả trong chuyện này nữa.

Henri cầm tờ giấy và đọc, đó là một tờ quảng cáo. Y tái xanh mặt. Công ty Frepaz muốn mua lại “giá tốt, tất cả các hàm răng giả đã qua sử dụng, kể cả răng giả bị vỡ hoặc không còn sử dụng được nữa”.

Bản báo cáo thanh tra đã trở thành một khối thuốc nổ.

— Không đến nỗi tồi đâu, - Merlin nói tiếp. - Đó chỉ là phần lợi nhuận khiêm tốn đối với nhân viên địa phương, mỗi bộ răng giả chỉ vài xu chứ mấy, nhưng thế cũng được, tích tiểu thành đại.

Ông chỉ tờ giấy mà Pradelle đang cầm.

— Anh có thể giữ lấy, tôi đã gửi kèm một bản khác trong báo cáo của tôi.

Ông đã nhặt túi lên và nói với Pradelle bằng giọng điệu của một người không còn quan tâm đến cuộc trò chuyện nữa. Và đúng thế thật bởi những gì ông vừa thoáng thấy lại đến quá muộn. Giây lát đam mê, viễn cảnh được thăng chức, được nâng bậc đã tiêu tan. Ông sắp phải từ bỏ nghề công chức và đã từ bỏ mọi hy vọng thành công. Chẳng gì có thể xóa nhòa bốn mươi

năm như bốn mươi năm ông đã sống qua. Và lại, ông sẽ làm gì khi ngồi vào ghế trưởng phòng, quản lý những người mà lâu nay ông vẫn khinh bỉ? Ông vỗ túi xách một cái, được, không phải vì mình chán đâu nhé.

Bổng Pradelle chộp lấy cánh tay Merlin.

Dưới lớp áo khoác, y cảm nhận được sự gầy gò, sờ vào là đụng ngay phải xương, điều này khiến ta có cảm giác rất khó chịu, người đàn ông này là một bộ xương to lớn khoác giẻ rách.

— Ông phải trả tiền thuê nhà bao nhiêu? Ông kiếm được bao nhiêu?

Những câu hỏi phụt ra như những lời đe dọa, đã hết những kiểu vờn vờn từ xa, giờ họ sẽ làm rõ ngọn ngành. Merlin không phải là người mẫn cảm nhưng vẫn có động tác lùi bước. Cả con người Pradelle rỉ ra sự hung bạo, y siết cánh tay ông thật chặt.

— Ông kiếm được bao nhiêu? - y nhắc lại.

Merlin cố định thần. Tất nhiên, ông thuộc lòng con số đó, một nghìn lẻ bốn mươi bốn quan mỗi tháng, mười hai nghìn mỗi năm, với số tiền đó ông đã sống lay lắt cả đời. Ông chẳng có gì, sẽ chết trong vô danh và nghèo khổ, chẳng để lại cho ai cái gì, và nói cho cùng, ông chẳng có ai cả. Trong phạm vi Bộ, vấn đề lương bổng còn khiến người ta nhục nhã hơn cả vấn đề cấp bậc. Sự túng thiếu lại là chuyện khác, bạn đem theo nó khắp nơi, nó dẹt nên cuộc sống của bạn, nó quyết định toàn bộ cuộc sống của bạn, mỗi phút nó lại thâm thì vào tai bạn, nó lộ ra qua tất cả những gì bạn làm. Sự cùng quẫn còn tệ hơn nghèo khổ bởi trong sa sút bạn vẫn còn có thể cao thượng, còn sự thiếu thốn đẩy bạn đến chỗ ti tiện, hèn hạ, bạn trở nên thấp hèn, keo bẩn; sự cùng quẫn khiến bạn đáng khinh bởi vì, đối diện với tình cảnh đó, bạn không thể nguyên vẹn, không thể giữ nguyên sự hãnh diện, danh dự của mình.

Merlin đã đến mức đó rồi, mắt ông mờ đi; khi định thần lại, ông lóa cả mắt.

Pradelle cầm một phong bì to nhồi chặt ních những tờ tiền to như lá tiêu huyền. Người ta không hành xử lỗ mãng nữa. Cựu đại úy quân đội chẳng cần đọc Kant cũng biết chắc rằng ai cũng có giá trị của riêng mình.

— Chẳng cần vòng vo làm gì, - y quả quyết nói với Merlin. - Trong phong bì này có năm mươi nghìn quan...

Lần này, Merlin bị hụt chân. Năm năm lương cho một kẻ bất đắc chí sắp về vườn. Trước khoản tiền đó, không ai có thể dừng dừng, không ai có thể kiềm chế nổi, trong đầu bạn lập tức xuất hiện những hình ảnh, nào bạn bắt đầu tính toán, tìm những giá trị tương đương, một căn hộ thì giá bao nhiêu, một chiếc xe hơi...?

— Và trong phong bì này (Pradelle rút ra từ túi trong áo khoác ra phong bì thứ hai) cũng có từng ấy tiền.

Một trăm nghìn quan! Mười năm lương! Lời đề nghị có tác dụng ngay, Merlin như trẻ lại hai mươi tuổi.

Không một giây ngần ngại, ông giật hai phong bì từ tay Pradelle, như sét đánh.

Ông cúi xuống đất, dường như ông đã bật khóc, ông sụt sịt, cúi xuống chiếc túi, nhét hai phong bì vào đó, như thể nó bị thủng và phải phủ một lớp dưới đáy để hạn chế thiệt hại.

Kể cả Pradelle cũng bị chóng mặt, nhưng một trăm nghìn quan là khoản tiền rất lớn, y muốn đạt được những gì tương ứng với số tiền mình bỏ ra. Y lại chộp lấy cánh tay Merlin, siết mạnh chỉ thiếu điều gãy xương mà thôi.

— Ông vứt mẹ những bản báo cáo đó vào nhà xí đi, - y nói, răng nghiến lại. - Ông viết thư cho cấp trên, bảo là mình nhầm, ông muốn nói gì thì nói tôi cóc cần, nhưng ông phải gánh hết trách nhiệm. Hiểu chưa?

Rõ rồi, hiểu rồi. Merlin lúng ba lúng búng vâng, vâng, vâng, sụt sịt, nước mắt tuôn rơi; ông chui ra khỏi xe. Dupré thấy bộ xương to tướng của Merlin xuất hiện trên vỉa hè, như một nút chai sâm banh vậy.

Henri cười thỏa mãn.

Y nghĩ ngay đến ông bố vợ. Giờ đây, khi chân trời đã quang tạnh, y sẽ nghiên cứu vấn đề cốt yếu: làm sao lấy mạng cái đồ rác rưởi già đời đó?

Dupré cúi xuống tìm ánh mắt ông chủ qua cửa kính ô tô vẻ như muốn hỏi gì đó.

Còn hẵn nữa, Pradelle nghĩ bụng, mình sẽ lo liệu hẵn.

Bà hầu phòng có cảm giác khó chịu bởi vì mình còn quá non nớt trong nghệ thuật làm xiếc. Quả chanh to, vàng óng ả cứ lăn trên chiếc khay bạc, chỉ chực rơi xuống đất rồi lăn xuống cầu thang; rồi thế nào nó cũng sẽ lăn tròn như thế cho đến tận bàn làm việc của ông giám đốc. Để bị ăn mắng, chẳng có cách nào tốt hơn, bà tự nhủ. Chẳng ai nhìn thấy, bà liền bỏ tọt quả chanh vào túi, kẹp cái khay vào nách và tiếp tục leo cầu thang (ở Lutetia, nhân viên không được đi thang máy, không biết sẽ còn gì nữa đây!).

Thông thường, với những khách hàng xin chanh, bắt bà phải đi bộ lên tầng bảy, bà tỏ ra khá khó chịu. Nhưng dĩ nhiên với anh Eugène thì không. Anh Eugène lại khác. Một người không bao giờ nói. Khi cần gì đó, anh đặt trên tấm lót chân của căn phòng hạng nhất nơi anh thuê trọ một tờ giấy viết chữ nét rất to cho cậu nhân viên phụ trách tầng. Lại còn lúc nào cũng rất lịch sự, rất đàng hoàng.

Nhưng là một người điên thực sự.

Trong nhà (các bạn hãy hiểu là ở “Lutetia”), chỉ cần hai hay ba ngày gì đó, Eugène đã nổi như cồn. Anh trả tiền thuê căn phòng hạng nhất đó trước nhiều ngày, mà lại trả bằng tiền mặt, người ta không trả lại phiếu thu khoản tiền anh đã trả. Một người kỳ cục, không ai thấy mặt anh bao giờ, còn giọng nói thì chỉ là những tiếng làu nhàu hay những tiếng cười chói tai khiến bạn phải bật cười hoặc sợ khiếp vía. Chẳng ai biết anh làm gì, anh đeo những chiếc mặt nạ quá khổ không bao giờ trùng lặp, và làm đủ trò ngông cuồng: nhảy vũ điệu của người da đỏ trong hành lang khiến mấy chị hầu phòng phải phì cười, đặt mua vô kể là hoa... Anh sai mấy cậu bồi bàn đi mua đủ thứ kỳ cục ở cửa hàng Bon Marché nằm ngay đối diện, những thứ vớ vẩn để làm mặt nạ, chổi lông, giấy mạ vàng, dạ phớt, màu... Và không chỉ có thế. Tuần trước, anh đã đặt hàng một ban nhạc thính phòng

gồm tám nhạc công. Được thông báo ngay khi ban nhạc đến, anh đi xuống, đứng trên bậc thang đầu tiên, trước bàn lễ tân và đánh nhịp, ban nhạc chơi xong bản “Hành khúc nghi lễ Thổ Nhĩ Kỳ” của Lully thì anh bỏ đi. Anh Eugène phát những tờ tiền năm mươi quan cho toàn bộ nhân viên, vì đã làm phiền họ. Đích thân giám đốc cũng đến thăm anh, để giải thích rằng ông đánh giá cao sự hào hiệp của anh, nhưng những hành động ngông cuồng ấy thì... Anh đang ở trong một khách sạn lớn, anh Eugène ạ, phải nghĩ đến các khách hàng khác, và nghĩ đến danh tiếng của chúng tôi nữa. Anh Eugène đồng ý, anh không phải là hạng người hay cãi lại người khác.

Nhất là cái vụ mặt nạ khiến người ta tò mò. Lúc đến đây, anh mang một chiếc mặt nạ hầu như bình thường, thể hiện một khuôn mặt đẹp đến mức người ta cứ nghĩ chắc đó là khuôn mặt của một người bị bệnh bại liệt. Các đường nét im lìm nhưng rất sinh động... Thậm chí còn hơn những chiếc mặt nạ gắn ở Bảo tàng Grévin. Đó là chiếc mặt nạ anh thường đeo khi đi ra ngoài, mà cũng chẳng mấy khi. Người ta chỉ thấy anh thò mặt ra ngoài hai ba lần gì đó, khi nào cũng đến khuya mới đi; rõ ràng, anh chẳng muốn gặp ai. Một số người bảo anh hay lai vãng những nơi như nhớp, bởi vào giờ ấy ai mà tin nổi anh đi lễ nhà thờ!

Tiếng đồn lan ra rất nhanh. Ngay khi một nhân viên quay xuống từ phòng hạng nhất của anh, mọi người liền ùa tới hỏi han - lần này người đó đã thấy được những gì? Khi biết anh xin một quả chanh, ai là người sẽ đưa chanh lên. Khi xuống đến nơi, cô hầu phòng bị hỏi dồn dập bởi vì những cô hầu phòng khác đã chứng kiến những cảnh tượng rất lạ, khi thì đối diện với một chiếc mặt nạ hình con chim châu Phi đang phát ra những tiếng gào thét chói tai và nhảy nhót trước cửa sổ đang mở, khi thì gặp đúng một buổi diễn kịch cho khoảng hai mươi chiếc ghế dựa được mặc quần áo để làm khán giả, nhưng vở kịch thì chỉ có duy nhất một diễn viên dường như đang đi cà kheo và tuôn ra những lời mà chẳng ai hiểu nổi... Và thế là xuất hiện câu hỏi: anh Eugène là một kẻ bất thường, chẳng ai nghi ngờ điều đó, nhưng anh ta thật ra là ai mới được chứ?

Một số người cho rằng anh bị câm bởi anh chỉ phát ra những tiếng sôi bụng và viết yêu cầu của mình lên những tờ giấy rời; những người khác thì khẳng định anh bị dị dạng, nhưng chẳng hiểu tại sao, tất cả những người dị dạng mà họ biết đều là những người bình thường, chưa bao giờ có ai giàu có như anh, đúng thế, thật lạ, họ bảo, cậu có lý, mình chưa bao giờ để ý... Không phải đâu, bà tổ trưởng tổ giặt là vặn lại, với ba mươi năm kinh nghiệm làm việc trong các khách sạn hạng sang, tôi thì tôi thấy sặc mùi lừa đảo, bà khẳng định đây là một kẻ cướp đang chạy trốn, một tên tù khổ sai đã trở nên giàu có.

Các chị hầu phòng cười trộm, chắc hẳn rằng anh Eugène thực ra là một nghệ sĩ lớn, rất nổi tiếng ở Mỹ và đang bí mật lưu lại Paris.

Anh đã trình số quân nhân ở quày lễ tân, việc khai báo danh tính là bắt buộc cho dù cảnh sát hiếm khi đến kiểm tra những khách sạn sang cỡ ấy. Eugène Larivière. Cái tên chẳng gợi cho ai điều gì. Thậm chí nghe còn hơi lạ tai... Chẳng ai muốn tin. Không có gì dễ hơn là làm giả số quân nhân, bà tổ trưởng tổ giặt là chua vào.

Ngoài những chuyến đi đêm họa hoằn khiến người ta tò mò, anh Eugène luôn ở trong phòng hạng nhất ở tầng bảy, khách đến thăm chỉ là một cô bé lạ lùng và lặng lẽ có vẻ bề ngoài nghiêm túc của một quản gia, anh đã đến khách sạn cùng nó. Lẽ ra anh có thể nhờ cô bé nói giúp mình, nhưng không, cô bé cũng bị câm. Chắc khoảng mười hai tuổi. Nó thường xuất hiện vào cuối buổi chiều, luôn đi rất nhanh qua quày lễ tân, chẳng chào hỏi ai, nhưng người ta vẫn đủ thời gian để nhận ra cô bé xinh đến nhường nào, một khuôn mặt trái xoan, lông mày cao, mắt đen láy rất lạnh lợi. Ăn mặc giản dị, rất sạch sẽ, họ thấy cô bé cũng được giáo dục chút ít. Con gái của anh ta, một số người nói thế. Đúng hơn là con nuôi, số khác gợi ý, cả về chuyện này cũng chẳng ai hay biết gì. Buổi tối, anh gọi đủ món ăn ngoại lai, nhưng luôn có món canh thịt và nước hoa quả, mút quả, nước quả có đá, những món ăn lỏng. Rồi khoảng hai mươi hai giờ, người ta thấy con bé đi xuống, điềm tĩnh và nghiêm trang; nó bắt một chiếc taxi ở góc đại lộ Raspail và luôn hỏi giá trước khi lên. Khi thấy giá quá cao, nó mặc cả,

nhưng khi đến nơi, tài xế taxi nhận ra là với số tiền mà nó có trong túi, nó có thể trả cuộc taxi đó gấp ba mươi lần...

Đến trước cửa phòng hạng nhất nơi anh Eugène ở, bà hầu phòng lấy quả chanh từ túi tạp dề ra và đặt cân bằng trên cái khay bạc rồi nhấn chuông, tay vỗ vỗ vào quần áo để chắc chắn là mình đang tạo được ấn tượng tốt rồi chờ. Không động tĩnh gì. Bà gõ cửa lần nữa, gõ nhẹ hơn, bà muốn phục vụ nhưng không muốn làm phiền. Vẫn không động tĩnh gì. Rồi có. Một tờ giấy được luồn dưới cửa: “Hãy để chanh ở đây, cảm ơn!” Bà thất vọng lắm, nhưng không lâu bởi vì vào lúc cúi xuống đặt cái khay có quả chanh, bà thấy một tờ tiền năm mươi quan được luồn về phía mình. Bà bỏ vào túi rồi chuồn ngay như một con mèo sợ người ta lấy lại chiếc xương cá.

Édouard hé mở cánh cửa, thò tay ra, kéo cái khay, đóng cửa lại, đi đến bên bàn, đặt quả chanh xuống, chop một con dao rồi cắt quả chanh làm đôi.

Căn phòng này lớn nhất khách sạn; những cửa sổ rộng nhìn ra Bon Marché, bao quát toàn bộ Paris, phải có rất nhiều tiền mới có quyền ở đó. Ánh đèn hắt xuống từng chùm, rơi vào chỗ nước chanh mà Édouard cẩn thận vắt vào một thìa xúp, trong thìa anh đã bỏ một lượng heroin đủ dùng, trông rất đẹp, cái màu ấy, cái màu vàng lấp lánh ngũ sắc, gần như phơn phớt xanh. Ra ngoài hai đêm mới tìm được thứ này. Với một cái giá... Édouard mà còn để tâm đến giá thì phải thực sự là đắt. Và lại, giá cả cũng không quan trọng. Trong gầm giường, chiếc ba lô của người lính phục viên đựng tiền lấy ra từ va li của Albert, con kiến đó ki cóp từng đồng để phòng khi họ chạy trốn. Nếu nhân viên khách sạn lợi dụng lấy trộm tiền thì có lẽ Édouard cũng không nhận ra, và chẳng, phải để người ta sống với chứ.

Bốn ngày nữa là đi rồi.

Édouard cẩn thận quấy thứ bột nâu với nước chanh, kiểm tra để chắc chắn rằng không còn tinh thể nào chưa tan.

Bốn ngày.

Tận đáy lòng, anh có thể tự thú nhận với mình điều này, anh chưa bao giờ tin vào chuyến đi đó, thực sự chưa bao giờ. Toàn bộ câu chuyện tượng đài kỳ diệu đó, kiệt tác của sự khôi hài đó, vụ lừa phỉnh dù có mơ cũng

không thể sinh động hơn, vui vẻ hơn đó, đã giúp anh giết thời gian, chuẩn bị cho cái chết, nhưng không hơn. Anh không tự trách mình đã kéo Albert vào câu chuyện điên rồ này, chắc mẫm rằng, sớm hay muộn, mỗi người sẽ tìm ra cái lợi cho riêng mình.

Sau khi cẩn thận quấy bột, dù run tay, anh vẫn cố đặt cho thìa thẳng bằng trên bàn mà không làm đổ. Anh lấy bột lửa, kéo bắc lên và bắt đầu bột cho xoay bánh xe, tạo ra những tia lửa rất cuộc rồi sẽ bén vào sợi bắc. Trong khi chờ đợi, bởi vì phải kiên nhẫn mới được, tay vẫn bột xoay bánh xe bột lửa, anh nhìn căn phòng hạng nhất rộng thênh thang. Anh cảm thấy đang thực sự ở nhà mình. Anh vẫn luôn ở trong những gian phòng rộng lớn; ở đây, thế giới đúng tầm cỡ của anh. Tiếc là bố anh không thể thấy anh trong cảnh xa hoa đó bởi vì, suy cho cùng, Édouard đã làm giàu nhanh hơn ông nhiều và bằng những phương cách chưa chắc đã bền thiu hơn. Anh không biết chính xác bố anh làm giàu bằng cách nào, nhưng anh tin chắc đằng sau mọi sự giàu có luôn ẩn náu một vài tội ác, không thể tránh khỏi. Ít nhất là anh chưa bao giờ giết ai, chỉ là tạo điều kiện cho một số ảo tưởng tiêu tan, tăng tốc tác động tất yếu của thời gian, chẳng gì khác.

Rốt cuộc bắc cũng bắt đầu cháy, mùi khét bốc lên, Édouard đặt thìa xuống, và hỗn hợp bắt đầu reo lách tách; phải rất cẩn thận, ăn thua là ở chỗ ấy. Khi chất hỗn hợp đó đã chuẩn bị xong, Édouard phải chờ cho nó nguội. Anh đứng dậy, lại gần cửa sổ. Paris lung linh ánh sáng. Khi ở một mình, anh không đeo mặt nạ và bắt gặp hình ảnh của mình trên cửa kính, giống hình ảnh mà anh đã phát hiện vào năm 1918, khi anh đang phải nằm viện và Albert cứ nghĩ là anh chỉ muốn hít thở không khí. Thật là sốc.

Édouard tự ngẫm mình. Anh không còn cảm thấy hỗn loạn, gì thì ta cũng quen thôi, nhưng nỗi buồn của anh vẫn còn đó, nguyên vẹn, vết thương hở hoác trong anh theo thời gian chỉ há to thêm, mỗi ngày mỗi to thêm, to mãi. Anh đã từng quá yêu cuộc sống, vấn đề là ở chỗ đó. Với những người không đến nỗi thiết tha như thế thì mọi việc hẳn sẽ đơn giản hơn, trong khi với anh...

Hỗn hợp giờ đã vừa ảm. Tại sao hình ảnh của bố anh lại tiếp tục ám ảnh anh như thế?

Bởi vì chuyện của họ vẫn chưa kết thúc.

Suy nghĩ này khiến Édouard dừng tay lại. Như một phát hiện mới.

Mọi câu chuyện rồi cũng phải đến hồi kết thúc, đó là quy luật của cuộc sống. Cho dù bi kịch, cho dù không thể chịu đựng nổi, cho dù vô nghĩa lý, cái gì cũng phải có kết cục của nó, và với bố anh, đã không có kết cục gì cả, cả hai đã chia tay nhau với tư cách kẻ thù công khai của nhau, chưa bao giờ gặp lại nhau, một người đã chết, người kia thì chưa, nhưng chưa ai nói ra lời kết thúc.

Édouard siết chặt ga rô quanh cánh tay. Trong khi đẩy chất lỏng vào mạch máu, anh không thể không chiêm ngưỡng thành phố này, chiêm ngưỡng ánh sáng này. Một chớp sáng lóe lên, ụp xuống anh, khiến anh nghẹt thở, ánh sáng lóe ra trên vông mạc, anh chưa bao giờ hy vọng điều gì tuyệt diệu hơn.

Lucien Dupré ló mặt tới ngay trước bữa ăn tối, Madeleine đã xuống, vừa ngồi vào bàn. Henri đi vắng, cô sẽ ăn một mình, bố cô đã sai người đưa đồ ăn lên phòng.

— Anh Dupré...

Madeleine là một người cực kỳ lịch sự, ai cũng nghĩ chắc cô thực lòng vui vẻ khi thấy anh ta. Họ đứng đối diện nhau trong tiền sảnh rộng lớn, Dupré đứng đờ ra, áo khoác vắt trên lưng, tay cầm mũ, vì đang đứng trên nền nhà lát gạch đen trắng hình bàn cờ dam, anh ta chẳng khác gì một con tốt trên bàn cờ, và có vẻ đúng như thế thật.

Anh ta chưa bao giờ biết nên nghĩ sao về người phụ nữ điềm tĩnh và quyết đoán này, trừ việc cô luôn làm anh ta sợ.

— Xin lỗi vì làm phiền chị, - anh ta nói, - em muốn gặp Ông.

Madeleine mỉm cười, không phải vì lời thỉnh cầu mà là vì cách nói của anh ta. Người này là cộng sự đắc lực của chồng cô, nhưng anh ta luôn xưng hô như một người hầu. Cô chỉ mỉm cười, vẻ bất lực, muốn trả lời lắm, nhưng đúng lúc đó đứa bé đá vào bụng làm cô đứt cả hơi, hai đầu gối cô khụy xuống. Dupré lao tới và giữ lấy cô, quá bối rối, anh ta không biết đặt tay vào đâu. Trong vòng tay của người đàn ông chân ngắn nhưng rất khỏe mạnh ấy, cô cảm thấy yên tâm.

— Chị có muốn em gọi không ạ? - anh ta vừa hỏi vừa dìu cô đến một chiếc ghế dựa kê dọc tiền sảnh.

Cô cười thật thà.

— Anh Dupré đáng thương của tôi ơi, gì mà cứ hờ tít là gọi người giúp đỡ thế! Đứa bé này đúng là một con quỷ thực sự, nó thích tập thể dục, nhất là vào ban đêm.

Khi đã ngồi xuống, cô hít thở lại đều đặn, hai tay ôm lấy bụng. Dupré vẫn đang cúi xuống bên cô.

— Cảm ơn anh Dupré...

Cô biết về anh ta rất ít, chỉ chào hỏi, anh có khỏe không nhưng không bao giờ nghe câu trả lời. Bỗng cô nhận ra một điều: mặc dù rất kín đáo vì rất phục tùng, hẳn là anh ta biết nhiều về cuộc sống của Henri, nghĩa là về gia đình cô. Ý nghĩ đó làm cô phật lòng. Nhục nhã, không phải vì con người, mà vì hoàn cảnh, cô mím môi:

— Anh tìm chồng tôi... - cô bắt đầu nói.

Dupré đứng thẳng người, bản năng mách bảo anh ta đừng cố nài, nên về càng nhanh càng tốt, nhưng đã quá muộn, như thể anh ta đã châm ngòi nổ và thấy lối thoát hiểm bị khóa hai vòng.

— Thật ra, - Madeleine nói tiếp, - cả tôi, tôi cũng chẳng biết anh ấy ở đâu nữa. Anh đã dạo một lượt qua nhà các tình nhân của anh ấy xem thử chưa?

Câu hỏi được đặt ra bằng giọng đồng cảm của một người thành thực muốn giúp đỡ. Dupré cài cúc áo khoác cuối cùng.

— Tôi có thể lập danh sách cho anh, nếu anh muốn, nhưng sẽ cần một ít thời gian. Nếu không tìm ra anh ấy ở nhà một trong số các cô đó, tôi khuyên anh nên đi một vòng các nhà thổ mà anh ấy thường lui tới. Bắt đầu bằng cái nhà thổ ở đường Notre-Dame-de-Torette, anh Henri thích chỗ ấy lắm. Nếu anh ấy không có đó, anh đến phố Saint-Placide, rồi khu Ursulines, tôi chẳng khi nào nhớ tên phố cả.

Cô im lặng một lúc rồi nói tiếp:

— Tôi chẳng hiểu tại sao nhà thổ lại thường nằm ở những đường phố có những cái tên mang tính toàn cầu như vậy... Cái xấu tôn vinh cái đức hạnh, hẳn thế.

Hai chữ “nhà thổ” từ miệng của người phụ nữ đoan trang, mang bầu, cô độc trong căn nhà rộng lớn này không gây sốc nhưng buồn thê thiết. Nó gợi lên một cái gì đó thật đau khổ... Về điều này thì Dupré nhăm. Madeleine

không hề đau khổ, không phải tình yêu của cô đang bị tổn thương (nó tắt ngúm từ lâu rồi), chỉ có lòng tự trọng mà thôi.

Bản chất là lính, chưa bao giờ bị đánh bại, Dupré vẫn mặt lạnh như tiền. Madeleine khó chịu khi phải đóng cái vai ấy, buồn cười chết, cô ra hiệu để ngăn Dupré lại, xin anh, đừng xin lỗi làm gì. Còn gì tệ hại hơn thế, anh ta hiểu cô. Cô rời tiền sảnh, mấp máy môi chào tạm biệt, hầu như không ai nghe thấy.

Henri hạ tứ quý năm, vẻ như muốn nói, thế đấy, biết làm sao được các bạn, có những ngày mà động chuyện gì các bạn cũng thắng. Xung quanh bàn, mọi người cười ha hả, nhất là Léon Jardin-Beaulieu, người bị thua nhiều nhất, anh ta cười như muốn thể hiện mình là người chơi đẹp, thể hiện thái độ dửng dưng, gì cơ, năm mươi nghìn quan nội trong một buổi tối, đã nhằm nhò gì... Mà đúng thế thật. Anh ta khổ sở vì khoản tiền bị thua thì ít mà vì việc Henri thắng bài một cách ngạo mạn thì nhiều. Y lấy của anh ta mọi thứ. Cả hai đều nghĩ đến cùng một chuyện. Năm mươi nghìn quan, Henri vừa tính toán vừa gom bài, thêm một giờ như thế này nữa, mình sẽ gỡ lại toàn bộ số tiền đã đưa cho gã bất đắc chí ở Bộ Trọ cấp; cái lão già đi đôi giày đế gỗ to tướng ấy, lão sắp có thể mua giày mới rồi...

— Henri...!

Y ngẩng đầu lên. Người ta ra hiệu cho y, đến lượt y nói. Bỏ qua. Y hơi giận mình trong vụ này, sao lại đưa cho hắn đến một trăm nghìn quan! Y đã có thể đạt được cùng mục đích đó với một nửa số tiền, có thể ít hơn. Nhưng y căng thẳng quá, đã lao vội đến, thật thiếu bình tĩnh! Có khi chỉ với ba mươi nghìn quan... May mắn thay, Léon kẻ bị cầm sừng đã xuất hiện. Henri mỉm cười với anh ta qua những lá bài. Léon sắp sửa trả lại cho y số tiền, không phải tất cả, nhưng ít ra là phần lớn, nhưng nếu tính thêm cô vợ và những điều xì gà Cu Ba tuyệt hảo thì tương đương là cái chắc. Ý tưởng quả phong phú khi mời anh ta cùng góp vốn làm ăn, không phải một chú gia cầm béo múp cần vật lông, nhưng ta vẫn cảm nhận niềm khoái cảm hiếm có.

Thêm vài ván bài nữa, bốn mươi nghìn quan, số tiền y thắng được đã hơi giảm. Trục quan mách bảo cho y biết tốt hơn hết là dừng tại đó, y công khai vờn vai, mọi người đều hiểu ý, ai đó lấy cố mệt, có người đã hỏi lấy áo khoác. Henri và Léon ra ngoài khi đã một giờ sáng, họ đi về phía ô tô riêng.

— Nói thực, - Henri nói, - mình mệt quá rồi!

— Cũng muộn rồi.

— Đúng hơn là, ông bạn ạ, giờ mình đang có con bồ rất xinh (có chồng rồi, bí mật nhé), còn trẻ và cực dâm, cậu không tưởng tượng nổi đâu! Không biết mệt là gì!

Léon bước chậm lại, anh ta sửng sốt.

— Nếu có thể, - Henri nói tiếp, - mình sẽ trao huy chương cho những người chồng bị mọc sừng, họ rất xứng đáng, cậu không thấy thế sao?

— Nhưng... vợ anh... - anh ta ấp úng, giọng không âm sắc.

—Ồ, Madeleine lại khác, cô ấy đã làm mẹ rồi. Khi nào đến lượt thì cậu sẽ nhận ra, không còn gì giống một người phụ nữ nữa.

Y châm điếu thuốc cuối cùng.

— Còn cậu thì sao, ông bạn, gia đình hạnh phúc chứ?

Vào lúc đó, Henri nghĩ, để hạnh phúc của y thực sự trọn vẹn, lẽ ra Denise phải lấy cố đến nhà bạn gái chơi rồi đến một khách sạn nào đó nơi lát nữa y có thể gặp cô ta. Nếu không, y tính vòng qua Notre-Dame-de-Lorette chắc sẽ không mất nhiều thời gian đến thế.

Dẫu sao y cũng mất một tiếng rưỡi... Khi nào cũng thế, cứ nghĩ ào cái là xong, có sẵn hai cô gái, tùy bạn chọn, bạn lại lấy cả hai và cứ thế từ từ lần lượt...

Khi đến đại lộ Courcelles, y vẫn còn mỉm cười, nhưng rồi nụ cười sững lại khi y thấy Dupré. Vào giờ khuya khoắt này mà anh ta còn xuất hiện thì chẳng hay ho gì; mà anh ta chờ y từ khi nào nhỉ?

— Dargonne đóng cửa rồi, - Dupré thông báo mà chẳng chào hỏi gì, như thể chỉ riêng câu nói đó cũng đủ giải thích hết tình hình.

— Cái gì? Đóng cửa ư?

— Và Dampierre nữa. Và cả Pontaville-sur-Meuse. Em đã gọi khắp nơi, không gặp hết mọi người nhưng em nghĩ tất cả các công trường của chúng ta đã bị phong tỏa...

— Nhưng mà... ai phong tỏa?

— Tỉnh phong tỏa, nhưng người ta bảo là do trên lệnh xuống. Trước mỗi nghĩa trang đều có một cảnh sát canh...

Henri cứng họng.

— Hiến binh ư? Thế này là thế quái nào!

— Đúng vậy, và có vẻ như thanh tra sắp đến. Trong khi chờ đợi, mọi hoạt động phải ngừng lại.

Chuyện gì xảy ra vậy? Cái gã bất đắc chí ở Bộ chưa rút lại bản báo cáo ư?

— Cậu bảo tất cả các công trình sao?

Thực ra, nhắc lại cũng vô ích, ông chủ của anh ta đã hiểu quá rõ. Nhưng điều y chưa nắm được, đó là tầm quan trọng của vấn đề. Dupré liền hăng giọng:

— Em cũng muốn nói với anh, thưa đại úy... Em sẽ vắng mặt vài ngày.

— Vào lúc này thì không được, ông bạn ạ. Tôi đang cần cậu.

Henri đã đưa ra câu trả lời phù hợp với những tình huống bình thường, nhưng sự im lặng của Dupré không giống với thói câm lặng nhu mì thường lệ. Bằng giọng rất quả quyết, cái giọng anh ta thường nói để ra lệnh cho các đốc công, rõ ràng hơn, ít tôn kính hơn thường lệ, anh ta nói tiếp:

— Em phải về với gia đình. Em không biết sẽ ở lại bao lâu, anh biết đấy...

Henri nhìn anh ta bằng ánh mắt nghiêm khắc của một nhà công nghiệp: phản ứng của Dupré làm y sợ. Y hiểu rằng lần này tình thế nghiêm trọng hơn y nghĩ, bởi vì Dupré không chờ y trả lời, chỉ gật đầu một cái rồi quay ngoắt bỏ đi. Anh ta đã mang thông tin đến, nhiệm vụ đã xong. Dứt điểm. Nếu là người khác chắc đã chửi anh ta một trận, nhưng Pradelle chỉ nghĩ rằng. Y tự nhắc lại điều y tự nhủ nhiều lần trước đó: Y đã phạm phải sai

lầm khi trả công cho anh ta quá thấp. Lòng trung thành của anh ta đáng lẽ phải được khích lệ. Quá muộn rồi.

Henri nhìn đồng hồ, hai giờ rưỡi.

Khi bước lên bậc thang, y để ý thấy đèn vẫn còn sáng ở tầng trệt. Y định đẩy cửa ra vào thì cánh cửa tự mở, trước mắt y là cô hầu nhỏ nhắn tóc nâu, tên gì nhỉ? Pauline, đúng rồi, rất xinh, sao y lại chưa chơi nó nhỉ, nhưng không có thời gian nghĩ đến chuyện đó.

— Ông Jardin-Beaulieu đã gọi nhiều lần... - cô bé nói.

Henri tạo ấn tượng cho cô bé, ngực nó nhô lên rất nhanh.

— ... nhưng chuông điện thoại làm phu nhân dậy, thế là phu nhân ngắt điện thoại và bảo em chờ ông ở đây để báo cho ông biết: ngay khi ông về, ông phải gọi lại ngay cho ông Jardin-Beaulieu.

Sau Dupré, là Léon, người mà y mới từ biệt chưa đầy hai giờ trước. Henri máy móc nhìn chăm chăm vào ngực của cô hầu nhỏ bé nhưng y bắt đầu mất phương hướng. Liệu có mối liên hệ nào giữa cuộc gọi của Léon và thông báo đóng cửa tất cả các công trường không?

— Tốt, - y nói, - tốt.

Giọng nói của chính y làm y yên tâm hơn. Y đã hoảng hốt một cách ngớ ngẩn. Mà phải kiểm tra đã chứ, có thể người ta chỉ tạm thời đóng cửa một vài nghĩa trang, làm gì có chuyện đóng cả, như thế khác gì gán cho một khó khăn thứ yếu tầm vóc của một vụ bê bối thực sự.

Có lẽ Pauline đã ngủ chút ít trên chiếc ghế trong tiền sảnh, nét mặt con bé trông hum húp. Henri tiếp tục nhìn nó chăm chăm, vừa nhìn vừa nghĩ đến chuyện khác, nhưng ánh mắt đó giống ánh mắt mà y nhìn đám đàn bà con gái, khiến người khác cảm thấy không chịu nổi. Pauline lùi lại một bước.

— Ông có cần em nữa không ạ?

Y lắc đầu, cô biến mất ngay lập tức.

Y cởi áo vest ra. Gọi lại cho Léon! Vào giờ này! Y chưa đủ việc hay sao mà còn phải lo cái thằng lùn tịt đó nữa!

Y vào phòng làm việc của mình, cắm lại dây điện thoại, hỏi người trực tổng đài số điện thoại, và cuộc đàm thoại vừa mới bắt đầu, y đã hét lên:

— Cái gì? Vấn vụ báo cáo đó sao?

— Không, - Léon nói, - một bản báo cáo khác...

Giọng Léon không lộ vẻ hốt hoảng; anh ta có vẻ làm chủ được mình thì đúng hơn, trong tình thế này thì quả là hơi lạ.

— Về, ờ... về Gardonne.

— Không! - Henri nói tiếp, vẻ tức tối. - Không phải Gardonne, Dargonne! Và...

Henri, vừa mới hiểu ra vấn đề, bỗng im lặng, cái tin đó như sét đánh ngang tai.

Chính là bản báo cáo mà y đã trả một trăm nghìn quan.

— Bề dày tám xăng ti mét, - Léon bình phẩm.

Henri nhú mày. Thăng cha chuyên viên đều cáng, kẻ đã nâng của y một trăm nghìn quan, đã viết gì mà vụ việc lại trở nên to tát như thế?

— Ở Bộ, - Léon nói tiếp, - người ta chưa bao giờ chứng kiến một việc như vậy: trong bản báo cáo này có một trăm nghìn quan tiền chẵn. Tất cả những tờ tiền được dán chặt lên các trang báo cáo. Thậm chí có cả một phụ lục để tổng hợp các số xê ri.

Lão đã trả lại tiền. Lạ quá!

Henri, quá bối rối trước thông tin đó, không thể nào tập hợp được các mảnh ghép trong trò xếp hình: bản báo cáo, Bộ, tiền, những công trường bị đóng cửa...

Léon đảm nhận việc nhấn mạnh các mối liên kết:

— Thanh tra viên miêu tả những sự việc rất nghiêm trọng ở nghĩa trang Dargonne và tố cáo ý đồ hối lộ một thanh tra có tuyên thệ, một trăm nghìn quan này là bằng chứng. Đó coi như là lời thú tội. Điều này có nghĩa rằng tất cả những lời buộc tội trong bản báo cáo là có cơ sở bởi vì không có lý do gì người ta lại đi mua chuộc một thanh tra. Nhất là với số tiền đó.

Thảm họa.

Léon im lặng một lúc, để Pradelle nhận ra tầm quan trọng của những thông tin đó. Giọng anh ta điềm tĩnh đến mức trong chốc lát Henri có cảm giác đang nói chuyện với một người mà y không quen biết.

— Bố em đã được người ta báo vào tối qua, - Léon nói tiếp. - Ông Bộ trưởng không ngần ngại chút nào, anh thấy đó, ông ta cũng phải lo thân, nên đã lập tức ra lệnh đóng cửa tất cả các công trường. Về logic mà nói, ông ta cần thời gian để tập hợp tất cả các yếu tố cần thiết để làm căn cứ cho việc khởi kiện, tiến hành kiểm tra một số nghĩa trang, sau đó, trong khoảng mười ngày, ông ta sẽ đưa công ty của anh ra tòa.

— Ý cậu là công ty “của chúng ta”!

Léon không trả lời ngay. Rõ ràng, tối hôm đó, điều cốt yếu lại xảy ra trong im lặng. Sau sự im lặng của Dupré là sự im lặng này... Léon tiếp tục nói, giọng rất nhỏ nhẹ, rất kiềm chế, như để giải bày tâm sự:

— Không, anh Henri ạ, em quên nói với anh, đây là lỗi của em... Tháng trước em đã bán hết cổ phần của em. Bán cho những người buôn chứng khoán nhỏ lẻ, mà họ tin tưởng vào sự thành công của anh lắm đấy, hy vọng anh không làm họ thất vọng. Vụ việc này không còn liên quan đến cá nhân em. Sở dĩ em gọi để báo cho anh biết, là bởi em xem anh như bạn...

Lại im lặng, rất biểu cảm.

Henri sẽ giết ngay thẳng lùn ấy, tự tay mình moi ruột hẳn ra.

— Ferdinand Morieux cũng đã bán cổ phần của mình, - Léon nói thêm.

Henri không có phản ứng gì, từ từ đặt ống nghe xuống, cái tin đó làm y hoàn toàn kiệt sức. Nếu phải giết Jardin-Beaulieu thì có lẽ y cũng không còn đủ sức để cầm dao.

Ông Bộ trưởng, các công trường bị đóng cửa, khởi kiện về tội đưa hối lộ, mọi thứ rối tung cả lên.

Tình hình đã hoàn toàn vượt khỏi tầm kiểm soát của y.

Y chẳng kịp suy nghĩ, chẳng kịp nhìn đồng hồ. Y vào phòng Madeleine khi đã gần ba giờ sáng. Cô đang ngồi trên giường, không ngủ, đêm nay trong nhà náo động quá, không thể nào chợp mắt! Còn Léon cứ năm phút

lại gọi một lần, có khi chị phải bảo anh ấy... Cô đã cho người ngắt dây điện thoại, anh gọi lại cho cậu ta chưa? Rồi Madeleine dừng lại, kinh ngạc khi thấy Henri hoảng hốt như thế. Cô đã từng chứng kiến y lo lắng, đứng thế, nổi giận, xấu hổ, bặt lòng, thậm chí dẫn vật, chẳng hạn như tháng trước, khi y cho cô thưởng thức điệp khúc của một người trong tình thế tuyệt vọng, thế mà ngày hôm sau, y không còn tỏ ra như thế nữa, y đã giải quyết xong vấn đề. Thế mà đêm hôm đó, trông y vô cùng nhợt nhạt, bực bõ, chưa bao giờ giọng y run như thế, và đáng lo ngại nhất: y không nói dối, hoặc ít nói dối, nét mặt y không hề biểu lộ sự khôn khéo, gian xảo thường lệ; thông thường, cách hai mươi bước đã người thấy mùi giả tạo, thế mà giờ đây, y có vẻ quá chân thành...

Đơn giản thôi, Madeleine chưa bao giờ thấy y trong tình trạng đó.

Chồng cô không xin lỗi vì đêm hôm khuya khoắt lại đường đột vào phòng cô, y ngồi trên mép giường và nói.

Y chỉ kể những chuyện không có khả năng hủy hoại hoàn toàn hình ảnh của bản thân y. Nhưng dù chỉ giới hạn ở những gì tối thiểu nhất, những điều y nói ra cũng thực sự khó chịu với chính bản thân y. Những quan tài quá nhỏ, nhân viên quá yếu kém, tham lam, tất cả những người nước ngoài nửa chữ tiếng Pháp cũng không biết... Và cả cái khó của công việc ấy nữa! Không thể hình dung nổi! Nhưng phải công nhận một điều: lính Đức trong quan tài Pháp, những quan tài chứa đầy đất, những trò gian lận vặt vãnh tại chỗ, đã có những bản báo cáo về những việc ấy, y cứ nghĩ mình làm đúng khi đưa ít tiền cho tay chuyên viên đó, một hành động vụng về, dĩ nhiên rồi, nhưng mà rất cuộc...

Madeleine gật đầu, rất tập trung. Theo cô, tất cả không thể chỉ do lỗi của y.

— Nhưng mà anh Henri này, tại sao anh lại phải một mình chịu trách nhiệm? Thế thì quá dễ...

Henri rất ngạc nhiên, trước tiên là ngạc nhiên về chính y, vì y lại có thể nói ra tất cả những điều đó, công nhận là y đã lầm đường lạc lối; sau đó ngạc nhiên về Madeleine, cô nghe y rất chăm chú, nếu không bảo vệ y thì ít

nhất cũng đang thông cảm với y; cuối cùng là ngạc nhiên trước cuộc sống vợ chồng của họ, bởi vì đó là lần đầu tiên từ khi quen biết nhau, họ cư xử với nhau như người lớn. Họ nói mà không hề giận dữ, không hề nóng nảy, như thể đang trao đổi với nhau về những công việc cần làm trong nhà, như thể đang trò chuyện về một chuyến đi xa hay một chuyện trong nhà, tóm lại đó là lần đầu tiên họ hiểu nhau.

Henri nhìn vợ khác với mọi ngày. Ấn tượng nhất tất nhiên là bộ ngực đồ sộ đến kinh ngạc của cô. Cô mặc một chiếc áo ngủ mỏng, có thể thấy rõ quần vú, sẫm, to, nở nang, đôi vai tròn lẳn... Henri dừng lại trong chốc lát để ngắm Madeleine. Cô mỉm cười, đó là phút giây cháy bỏng, phút giây hòa hợp, y thèm muốn cô khùng khiếp, sự thèm khát đó khiến y sung sướng vô biên. Nhu cầu tình dục bất ngờ đó cũng do thái độ của Madeleine, thái độ ân cần, chở che của một người mẹ khiến y khao khát được nép vào cô, được tiếp nhận, được tan chảy trong cô. Câu chuyện vừa hệ trọng vừa nghiêm túc, nhưng cách cô lắng nghe có gì đó nhẹ nhàng, giản dị, khiến người ta thấy yên lòng. Henri dần bớt căng thẳng, giọng nói trở nên bình tĩnh hơn, cách nói bớt gấp gáp hơn. Nhìn vợ, y thầm nghĩ: người đàn bà này là của mình. Và y cảm thấy hãnh diện vì điều đó, một niềm kiêu hãnh mới mẻ, bất ngờ. Y chìa tay ra, đặt lên vú Madeleine, cô cười hiền, bàn tay lướt dài trên bụng cô, cô bắt đầu thở mạnh, có thể nói cô thở một cách đau đớn. Có chút toan tính trong hành động của Henri bởi y luôn biết nên làm thế nào với Madeleine, nhưng không chỉ có thế. Như thế đó là cuộc hội ngộ với một người mà y chưa bao giờ gặp thực sự. Madeleine giạng hai chân ra, nhưng lại nắm cổ tay chồng cản lại.

— Giờ không phải lúc, - cô thầm thì, nhưng giọng cô thì gào hét điều ngược lại.

Henri chậm rãi đồng tình, y cảm thấy mình mạnh mẽ, y lấy lại niềm tin.

Madeleine vừa luồn gối dưới lưng vừa điều hòa lại nhịp thở, và khi đã tìm được cho mình tư thế thích hợp, cô thở dài nuối tiếc và vẻ ngẫm nghĩ, cô vừa nghe chồng nói vừa vuốt ve đường gân xanh trời lên nơi bàn tay Henri, y có đôi bàn tay thật đẹp.

Henri tập trung, phải trở lại vấn đề.

— Léon đã bỏ anh. Anh không thể hy vọng bất cứ sự giúp đỡ nào từ bố cậu ta.

Madeleine tự ái, choáng váng vì Léon không giúp chồng cô, cậu ta cùng hội cùng thuyền mà, không phải thế ư?

— Không, đúng vậy đấy, - y nói, - cậu ta không còn dính líu gì. Cả Ferdinand nữa.

Môi Madeleine tròn lại thành một chữ ô lặng lẽ.

— Chuyện dài dòng lắm, - y quả quyết.

Cô mỉm cười. Chồng cô đã quay lại. Nguyên vẹn. Cô vuốt má y.

— Anh yêu tội nghiệp của em...

Cô nói với chồng một cách nhẹ nhàng, thân mật.

— Vậy là chuyện lần này nghiêm trọng đấy nhỉ?

Y nhắm mắt lại, tỏ ý đồng tình, rồi mở mắt ra và nói:

— Bố em vẫn không chịu giúp anh, nhưng mà...

— Đúng vậy, và nếu em có nhờ bố lần nữa thì bố cũng sẽ từ chối.

Henri giữ bàn tay Madeleine trong bàn tay mình, nhưng cánh tay họ giờ đã thông xuống đầu gối. Y phải thuyết phục vợ. Cô ta nhất định không thể từ chối, đó là điều không thể hình dung nổi. Lão Péricourt muốn làm nhục y, giờ lão đã đạt được mục đích, lão có (Henri tìm từ) nghĩa vụ, đúng thế! Nghĩa vụ tỏ ra thực dụng! Bởi vì cuối cùng, lão sẽ được gì nếu đứng nhìn tên tuổi lão bị ném xuống sông xuống biển khi vụ bê bối nổ ra? Không, không hẳn là một vụ bê bối, chẳng có gì gọi là bê bối cả, gọi là một sự cố chẳng? Có thể hiểu được chuyện lão không muốn giúp con rể, nhưng để làm vui lòng con gái mình thì lão cũng chẳng mất mát gì nhiều, không phải thế ư? Lão thì lúc nào chả can thiệp vào chuyện của người này người khác, những việc chẳng liên quan đến lão là mấy!

Madeleine đồng tình:

— Đúng vậy.

Nhưng Henri nhận ra bản chất kháng cự trong lòng cô. Y cúi xuống.

— Em không muốn tác động đến bố em... vì em sợ bố em từ chối, phải thế không?

—Ồ không phải! - Madeleine vội vàng trả lời, - hoàn toàn không phải thế, anh yêu ạ!

Cô gỡ tay ra rồi đặt lên bụng mình, các ngón hơi xò ra. Rồi cô mỉm cười với y.

— Em sẽ không nhờ bởi vì em không muốn nhờ. Thực ra, anh Henri ạ, em nghe anh nhưng tuyệt đối không quan tâm đến toàn bộ chuyện này.

— Anh hiểu, - Henri đồng tình. - Mà anh cũng không yêu cầu em quan tâm, anh...

— Không, anh Henri ạ, anh không hiểu. Không phải em không quan tâm đến công việc của anh, em không quan tâm đến anh.

Cô nói điều đó mà không hề thay đổi thái độ, vẫn giản dị, tươi cười, thân mật, cực kỳ gần gũi. Gáo nước gội xuống lạnh đến mức Henri không nghĩ mình đã nghe rõ.

— Anh không hiểu...

— Có chứ, anh yêu, em chắc chắn là anh đã hoàn toàn hiểu rõ. Không phải em không bận lòng đến những việc anh làm, em không bận lòng đến con người của anh.

Lẽ ra, y nên đứng dậy ngay và bỏ đi, nhưng ánh mắt Madeleine giữ y lại. Y không muốn nghe tiếp, nhưng y bị cầm tù trong tình cảnh đó, như một bị can bị thẩm phán buộc phải nghe lời kết án mình.

— Em chưa bao giờ ảo tưởng nhiều về bản chất của anh, - Madeleine giải thích. - Cũng không ảo tưởng về tương lai của chúng ta. Em đã yêu một thời gian, em công nhận, nhưng rất nhanh sau đó, em đã hiểu rồi mọi chuyện sẽ kết thúc như thế nào. Em chỉ kéo dài là vì em cần anh. Em lấy anh vì khi đó em đã có tuổi, vì anh đã hỏi em làm vợ và vì cái họ Aulnay-Pradelle nghe thật là kêu. Nếu như làm vợ anh không đến nỗi nực cười đến mức này, không thường xuyên bị thói trăng hoa của anh làm nhục thì có lẽ em đã muốn mình mang cái họ đó. Thôi kệ.

Henri đứng dậy. Lần này, y không khoe mẽ như mọi khi, không tìm cách cãi lý, không tìm cách đối trá thêm: Madeleine nói giọng quá nhã nhặn, những gì cô nói có vẻ rất dứt khoát.

— Cho đến giờ phút này, anh đã được cứu là bởi vì anh rất đẹp trai, anh yêu ạ.

Ngồi đầu giường, tay đặt trên bụng, Madeleine ngắm chòng mình, y sắp sửa ra khỏi phòng và cô nói với y như thể hai người chia tay đêm đó, sau một cuộc nói chuyện thân mật và nhẹ nhàng.

— Em chắc chắn là anh đã cho em một đứa bé rất xinh. Em chưa bao giờ hy vọng nhiều hơn ở anh. Giờ đây, khi nó đã ở đây (cô vỗ nhẹ lên bụng, bụng đáp lại bằng một âm thanh ùng ùng), anh muốn ra sao tùy anh, thậm chí chẳng ra sao cũng được, em hoàn toàn không quan tâm. Em thất vọng lắm, nhưng em đã gắng gượng được vì em có niềm an ủi cho riêng mình. Với anh, căn cứ vào những gì ít ỏi mà em biết, em nghĩ đã đến lúc tai họa ập đến và anh sẽ không thể ngóc đầu lên được. Nhưng điều đó không còn liên quan đến em.

Đã hai mươi lần Henri đập vỡ cái gì đó trong những tình huống tương tự, một cái lọ, một món đồ gỗ, một ô cửa kính, một món đồ mỹ nghệ. Thay vì thế, vào tối hôm đó, y chỉ đứng dậy, ra ngoài và từ từ khép cửa phòng vợ mình.

Trong hành lang, y thấy xuất hiện những hình ảnh về Sallevière đúng như y đã nhìn thấy cách đó vài ngày, với mặt tiền rộng lớn được tôn tạo lại cực đẹp, những người làm vườn đã bắt đầu thiết kế lại khu vườn rộng lớn theo kiểu Pháp, những thợ sơn đã sẵn sàng sơn trần cho các phòng ốc, họ sắp trùng tu tượng những thiên thần nhỏ và những thanh gỗ lát tường.

Chỉ trong vài giờ, Henri liên tiếp bị bỏ rơi, y nỗ lực đến tuyệt vọng để hình dung tai họa đó thật cụ thể mà không được, chỉ là những ngôn từ, những hình ảnh, chẳng có gì thực.

Y không thể hình dung nổi là mình lại mất tất cả, được nhanh bao nhiêu thì mất cũng nhanh bấy nhiêu.

Cuối cùng y cũng hình dung ra được điều đó, nhờ một câu nói to khi chỉ còn lại một mình trong hành lang:

— Mình tiêu đời rồi.

Với những khoản vừa chuyển đến, tài khoản Ký ức Tổ quốc đã có số dư lên đến một trăm bảy mươi sáu nghìn quan. Albert làm một phép tính nhanh, phải thực sự khôn khéo, không được chi quá nhiều, nhưng ở ngân hàng khối lượng giao dịch quá lớn, thành thử không hiếm khi người ta giao dịch bảy hay tám triệu mỗi ngày và tiền mặt thu vào từ rất nhiều hiệu buôn và cửa hàng lớn tại Paris mỗi ngày dao động từ bốn trăm đến năm trăm nghìn quan, có khi hơn.

Từ cuối tháng Sáu, Albert không còn sống với con người thật của mình.

Buổi sáng, giữa hai lần nôn, và cũng kiệt sức như sau đợt tấn công một căn cứ Đức, anh đi làm trong tình trạng gần như suy sụp; hẳn anh sẽ không ngạc nhiên nếu như tòa án cho dựng một máy chém trong đêm, trước trụ sở cơ quan, để hành quyết anh mà không hề xét xử trước toàn thể nhân viên ngân hàng, đứng đầu là ông Péricourt.

Suốt ngày, anh ở trong tình trạng đờ đẫn, mông lung, những giọng nói đến với anh cực kỳ chậm; khi nói với anh, người ta phải vượt qua bức tường lo sợ. Albert nhìn bạn như thể bạn đã lấy vòi phun cứu hỏa xối nước vào người anh vậy. “Hả, gì cơ?” luôn là những từ đầu tiên anh nói, người ta cũng chẳng quan tâm đến điều đó nữa, người ta đã quá hiểu anh.

Buổi sáng hôm ấy, anh chuyển vào tài khoản Ký ức Tổ quốc những khoản thanh toán đến từ hôm trước, và từ đầu óc tù mù của mình, anh cố rút ra khoản tiền mà anh sẽ rút bằng tiền mặt. Rồi, khi nhân viên bắt đầu thay phiên nghỉ trưa, anh lợi dụng mỗi lần đứng quầy để ghi nợ và tay run run ký tên Jules d'Epremont, làm như thể khách hàng đã đến giao dịch ở ngân hàng vào giờ ăn trưa. Cứ mỗi lần rút tiền, anh lại cho vào túi, chiếc túi cứ căng phồng lên, đầu buổi chiều đã phình lên gấp bốn lần buổi sáng.

Đã hai lần, vào buổi tối, khi đang tiến về phía cánh cửa xoay và khi nghe một đồng nghiệp nào đó gọi, hoặc vì anh ngỡ như trong ánh mắt của khách hàng nào đó có sự nghi ngờ, anh bắt đầu đái cả ra quần và phải gọi taxi về nhà.

Những lần khác, anh thò đầu ra vỉa hè trước khi bước ra, để kiểm tra xem máy chém trước bến tàu điện ngầm lúc sáng không có giờ đã được dựng lên hay chưa, ai mà biết được.

Trong chiếc cặp mà phần lớn nhân viên chỉ dùng để mang bữa ăn trưa, tối hôm đó, Albert mang về chín mươi chín nghìn quan tiền chẵn. Sao lại không phải một trăm nghìn, bạn có thể nghĩ là do mê tín, thật ra không phải thế: đó là con số rất đẹp. Đây là vấn đề thẩm mỹ - dĩ nhiên là thẩm mỹ kế toán, cần phải tương đối hóa như vậy - nhưng dấu sao cũng là thẩm mỹ, bởi vì, với số tiền này, Ký ức Tổ quốc có thể hãnh diện vì đã lừa đảo được một triệu một trăm mười một nghìn quan. Albert thấy dãy số 1 đó rất đẹp. Số tiền tối thiểu mà Édouard đề ra giờ đã vượt xa, và riêng với cá nhân Albert, đó là một ngày thắng lợi. Hôm đó là thứ Bảy ngày 10 tháng Bảy, anh đã xin lãnh đạo nghỉ bốn ngày nhân lễ Quốc khánh, và vì đến giờ ngân hàng mở cửa lại vào ngày 15 tháng Bảy, nếu không có gì thay đổi, anh đã lên tàu đi Tripoli, nên hôm đó là ngày cuối cùng anh làm việc tại ngân hàng. Như vào ngày đình chiến năm 1918, thoát khỏi cuộc phiêu lưu đó mà còn sống sót khiến anh rất kinh ngạc. Người khác có lẽ đã tưởng mình là kẻ bất tử. Nhưng Albert không thể tưởng tượng anh lại có thể thoát chết thêm một lần nữa; thời điểm lên tàu đi các nước thuộc địa đến gần cũng vô ích, anh thực sự không hoàn toàn tin tưởng.

— Hẹn gặp lại tuần tới, anh Maillard nhé!

— Há? Cái gì cơ? Ờ... Vâng, tạm biệt...

Vì anh còn sống và con số một triệu mang tính biểu tượng đã đạt tới, thậm chí còn vượt quá, Albert tự hỏi đổi vé tàu hỏa và vé tàu thủy để khởi hành sớm hơn thì có sáng suốt hơn chẳng. Nhưng vấn đề này lại khiến anh đau lòng hơn những gì còn lại.

Bỏ đi, đúng, thật nhanh, thậm chí ngay lập tức nếu có thể... Nhưng còn Pauline?

Anh đã định nói với cô cả trăm lần, rồi đành bỏ cuộc cũng từng ấy lần. Pauline thật tuyệt vời, ngoài xa tanh trong nhung lụa, và lại khéo léo cực kỳ nữa! Nhưng cô là một trong những cô gái bình dân mà người ta thường biến thành những cô gái tư sản. Đám cưới giữa hai con người trong trắng, căn hộ, con cái, ba đứa, có thể bốn, toàn bộ viễn cảnh chỉ có thế. Nếu điều này chỉ phụ thuộc vào anh, Albert hẳn sẽ bằng lòng với một gia đình yên ấm cùng Pauline và những đứa con, bốn đứa, sao lại không chứ, thậm chí anh còn muốn giữ được chỗ làm ở ngân hàng. Nhưng giờ đây, khi anh đã là một kẻ lừa đảo có môn bài, và sắp tới đây là tầm cỡ quốc tế, tùy ý Chúa, viễn cảnh này tiêu tan và cùng với nó là Pauline, hôn nhân, con cái, căn hộ và sự nghiệp ngân hàng. Chỉ còn cách duy nhất: thú nhận với cô tất cả, thuyết phục cô bỏ trốn cùng anh, ba ngày nữa, với một triệu quan tiền chẵn bỏ trong một va li, một người bạn mặt toác đôi như một quả dưa hấu và một nửa quân số cảnh sát quốc gia đang truy đuổi.

Nói thế tức là không thể được.

Hoặc bỏ trốn một mình.

Còn hỏi ý kiến Édouard thì khác nào nói chuyện với một bức tường. Cuối cùng, dù có thương cậu ta vô cùng, và vì đủ loại lý do rất mâu thuẫn, Albert thấy Édouard khá ích kỷ.

Cứ hai ngày anh lại ghé thăm cậu ta, tranh thủ giữa lúc cất tiền và những lần hẹn hò với Pauline. Căn hộ ở hẻm Pers giờ đã vắng tanh, Albert không nghĩ để tài sản ở đó là thận trọng, tương lai của họ phụ thuộc vào đó. Anh đã tìm cách, anh có thể thuê két sắt ở ngân hàng, nhưng anh không tin tưởng, anh đã chọn gửi ở bộ phận giữ hành lý ở ga Saint-Lazare.

Mỗi tối, anh lấy va li ra, vào trong nhà vệ sinh ở quầy ăn để cất khoản thu trong ngày rồi giao lại cho nhân viên. Anh tự giới thiệu là chân chào hàng. Đồ lót và áo nịt, anh bảo thế, anh chẳng nghĩ ra thứ gì khác. Đám nhân viên nháy mắt với anh về đồng lõa, anh đáp lại bằng một cử chỉ khiêm tốn, dĩ nhiên, cử chỉ đó càng làm cho tiếng tăm của anh thêm lừng lẫy.

Phòng khi phải ba chân bốn cẳng chạy trốn, Albert cũng gửi một hộp các tông đựng mũ rất lớn trong đó có bức tranh đầu ngựa đóng khung mà Édouard đã vẽ, mà anh chưa bao giờ sửa lại tấm kính, và bên trên bức tranh là chiếc mặt nạ ngựa được bọc trong giấy lụa. Nếu buộc phải chạy trốn gấp, anh biết mình sẽ để lại va li tiền và mang theo thùng các tông này.

Sau khi gửi hành lý ở nhà ga, và trước khi gặp lại Pauline, Albert đến Lutetia, cái ý tưởng này khiến anh hồi hộp. Một khách sạn hạng sang ngay giữa Paris, để không bị ai để ý...

— Đừng lo! - Édouard viết. - Càng lộ liễu người ta càng khó phát hiện. Hãy nhìn Jules d'Epremont mà xem. Chưa ai từng thấy mặt mũi ông ta, thế mà ai cũng tin tưởng.

Anh cười phá lên, một điệu cười như ngựa hí làm bạn dựng tóc gáy.

Lúc đầu Albert tính từng tuần, rồi sau đó tính từng ngày. Nhưng bây giờ, từ khi Édouard, dưới cái tên giả mà như thật là Eugène Larivière, đã xuống làm những trò kỳ quặc trong một khách sạn lớn, anh tính từng giờ, và thậm chí từng phút cho đến ngày khởi hành, được xác định là ngày 14 tháng Bảy, họ định rời Paris đi Marseille bằng tàu hỏa lúc 13 giờ để ngày hôm sau có thể bắt chuyến tàu SS D'Artagnan của Công ty Vận tải đường biển đi Tripoli.

Ba vé.

Tối hôm đó, những phút giây cuối cùng trong bụng ngân hàng cũng cơ cực như cơn đau đẻ vậy, mỗi bước đi là một nỗ lực, và rồi, anh đã ra ngoài. Anh có nên tin vào điều đó không? Thời tiết đẹp, túi của anh trĩu nặng. Bên phải không có máy chém, bên trái không có cảnh sát...

Chẳng có gì ngoài bóng dáng nhỏ nhắn thanh mảnh của Louise ở vỉa hè bên kia.

Anh bị sốc khi nhìn thấy cô bé, gần giống như khi bạn gặp trên phố một chủ cửa hàng mà bạn chỉ mới thấy sau sạp hàng, bạn nhận ra anh ta nhưng lại thấy như thể là không bình thường. Louise chưa bao giờ đi tìm gặp anh. Vừa vội vàng băng qua đường, anh vừa tự hỏi làm cách nào cô bé tìm ra

địa chỉ ngân hàng, nhưng cô bé này thường ngồi nghe, thậm chí hẳn là nó biết nhiều về công chuyện của họ.

— Anh Édouard... - cô bé nói. - Phải đến ngay lập tức.

— Cái gì, Édouard, có chuyện gì vậy?

Nhưng Louise không đáp lại, cô bé giơ tay vẫy taxi.

— Khách sạn Lutetia.

Trên xe, Albert để túi xách giữa hai chân. Louise nhìn thẳng phía trước, như thể nó đang lái taxi vậy. May cho Albert, tối hôm đó, Pauline trực và sẽ nghỉ muộn, và vì ngày hôm sau cô làm việc từ sáng sớm nên cô sẽ ngủ “ở nhà mình”. Đối với một con ở, điều này có nghĩa là ở nhà người ta.

— Nhưng mà...! - Một lúc sau Albert hỏi. - Đã xảy ra chuyện gì với...

Anh bắt gặp ánh mắt tay tài xế trong gương chiếu hậu nên vội vàng hỏi lại:

— Đã xảy ra chuyện gì với Eugène vậy?

Gương mặt Louise mờ mịt như gương mặt của những người mẹ, người vợ lo âu.

Cô bé quay sang anh, xòe hai tay ra. Mắt nó nhòa lệ.

— Hình như anh ấy đã chết.

Albert và Louise băng qua sảnh khách sạn Lutetia, với bước đi mà họ hy vọng là bình thường, chẳng có gì lộ liễu hơn. Người trông coi thang máy làm ra vẻ không nhận ra thái độ căng thẳng của họ, anh ta còn trẻ, nhưng đã rất chuyên nghiệp.

Họ thấy Édouard đang nằm dưới đất, lưng tựa vào giường, hai chân duỗi dài. Rất nguy kịch, nhưng chưa chết. Louise vẫn phản ứng với sự điềm tĩnh quen thuộc. Gian phòng sặc mùi nôn mửa, cô bé lần lượt mở hết các cửa sổ rồi vào phòng tắm lấy hết khăn tắm ra lau nhà.

Albert quỳ gối và cúi xuống bạn mình.

— Thế nào ông bạn? Không ổn à?

Édouard lúc lắc cái đầu, mắt mở ra rồi khép lại như co giật. Anh không đeo mặt nạ, hố sâu trên mặt phả ra mùi hôi thối nồng nặc đến mức Albert

buộc phải lùi lại. Anh hít một hơi dài rồi xốc nách bạn mình dìu lên giường. Một kẻ không có miệng, không có hàm, chỉ có một lỗ thủng và hàm trên thì làm sao vỡ vào má được. Albert bắt Édouard mở mắt ra.

— Cậu nghe mình nói không? - anh hỏi lại. - Nói đi, cậu nghe mình nói không?

Và vì Édouard không có phản ứng nào, anh chuyển luôn sang biện pháp mạnh. Anh đứng dậy, chạy nhanh vào phòng tắm và rót một cốc nước lớn.

Khi quay người để trở về phòng, anh ngạc nhiên đến mức buông rơi cái cốc, và, cảm thấy khó ở, anh ngồi thụp xuống đất.

Treo sau cánh cửa như bộ váy ngủ treo trên mắc áo là một chiếc mặt nạ.

Một gương mặt người. Gương mặt của Édouard Péricourt. Édouard thật sự. Gương mặt trước đây, được tái tạo một cách hoàn hảo! Chỉ thiếu đôi mắt.

Albert không còn nhận thức được mình đang ở đâu, anh đang ở trong đường hào, cách những bậc thang bằng gỗ vài bước, sẵn sàng chiến đấu, tất cả những người lính khác vẫn đang ở đó, trước và sau anh, căng như dây cung, sẵn sàng xông tới cứ điểm 113. Đằng kia, trung úy Pradelle đang theo dõi sát sao phòng tuyến địch. Trước mặt anh, có Berry, và trước Berry là gã mà anh rất hiếm khi tiếp xúc, cậu ta quay lại, Péricourt mỉm cười với anh, một nụ cười rạng rỡ. Albert thấy cậu ta có vẻ mặt của một chú bé sắp làm việc gì đó bậy bạ, anh thậm chí không kịp đáp lại, Péricourt đã quay đi.

Đó đúng là gương mặt mà tối hôm đó anh thấy ngay trước mắt mình, trừ nụ cười ra. Albert sững sờ, anh chưa bao giờ gặp lại cậu ta, chắc chắn thế, chỉ trừ trong mơ, giờ gương mặt ấy đang ở đó, lộ ra sau cánh cửa, như thể Édouard sắp sửa xuất hiện nguyên hình nguyên dạng, như một con ma. Tất cả các hình ảnh bắt đầu xâu chuỗi lại với nhau, hai người lính bị giết bằng một phát súng sau lưng, cuộc tấn công cứ điểm 113, trung úy Pradelle thúc mạnh vào vai anh, hố pháo, lớp đất phủ lên người anh.

Albert hét lên.

Louise hoảng hốt xuất hiện ở cửa.

Anh thở phì phò, vắn vỏi nước, xoa lên mặt, lại đổ đầy cốc nước, rồi không nhìn chiếc mặt nạ của Édouard nữa, anh vào phòng và đổ ụp cốc nước vào họng anh bạn, ngay lập tức, Édouard chống khuỷu tay bật dậy, bắt đầu ho sặc sụa, như bản thân anh trước đây cũng đã phải ho khi chết đi sống lại.

Albert để Édouard cúi người ra phía trước phòng khi còn nôn nữa, nhưng không, cơn ho kéo dài một lúc lâu rồi tắt hẳn. Édouard đã hoàn hồn, cậu ta mệt lử, có thể thấy điều đó qua đôi mắt thâm quầng, qua sự rã rời của toàn bộ cơ thể đang một lần nữa chìm vào vô thức. Albert nghe hơi thở của cậu ta, anh thấy bình thường. Chẳng hề để ý đến sự hiện diện của Louise, anh cởi quần áo của bạn và cho cậu ta nằm trên ga trải giường. Giường rộng nên anh có thể ngồi bên cậu ta, trên một chiếc gối. Louise ngồi phía bên kia.

Cả hai cứ giữ nguyên tư thế đó, kẹp hai bên như hai chiếc cọc giữ sách. Mỗi người giữ một tay của Édouard, cậu ta ngủ, từ cổ họng phát ra tiếng khò khè rất đáng ngại.

Từ chỗ đang ngồi, họ có thể thấy, trên cái bàn lớn hình tròn đặt ngay giữa phòng, một bươm tiêm dài và mảnh, một quả chanh bổ đôi, và trên một tờ giấy là thứ cặn bột màu hạt dẻ, như màu đất và một chiếc bật lửa có mùi nhùi, cái bắc cong thắt như một dấu phẩy sau một từ nào đó.

Dưới chân bàn, chiếc ga rô bằng cao su.

Họ im lặng không nói gì, đắm chìm trong suy tưởng. Albert không thạo việc này lắm, nhưng chất này rất giống với thứ mà mới đây người ta gợi ý cho anh, khi anh đang tìm móc phin. Đó là giai đoạn tiếp sau: heroin. Để mua được thứ này, Édouard thậm chí chẳng cần môi giới...

Thật lạ lùng, Albert tự hỏi thế mình có tác dụng gì? Như thế anh tiếc vì, ngoài tất cả những gì đã làm, anh đã không được lo việc này.

Édouard dùng heroin từ khi nào? Albert ở trong tình thế của những ông bố bà mẹ ngán ngấm vì đã chẳng thấy gì và bất ngờ đứng trước một sự đã rồi, nhưng đã quá muộn.

Bốn hôm nữa là đến ngày khởi hành...

Mà điều này sẽ thay đổi gì cơ chứ, ba ngày trước hay ba ngày sau?

— Các anh sắp đi đúng không?

Đầu óc nhỏ bé của Louise cũng đang theo cùng hướng đó, cô bé đặt câu hỏi bằng giọng đầy suy tư và xa vắng.

Albert trả lời bằng một sự im lặng. Có nghĩa là “đúng”.

— Khi nào? - cô bé hỏi, vẫn không nhìn anh.

Albert không trả lời. Điều này có nghĩa: “sắp”.

Louise liền quay sang Édouard, và giơ ngón tay trở ra, cô bé lặp lại việc đã làm ngày đầu tiên: mơ màng vẽ theo vết thương hở hoác, những nhúm thịt sưng phồng và đỏ đỏ như một màng nhầy lộ thiên... Rồi cô bé đứng dậy, đi lấy áo khoác và mặc vào, quay lại giường, lần này là phía Albert, cúi xuống và hôn lên má anh, hôn rất lâu.

— Anh sẽ đến chào tạm biệt em chứ?

Albert gật đầu trả lời: “Ừ, tất nhiên rồi.”

Điều này có nghĩa: không.

Louise ra hiệu là đã hiểu.

Cô bé lại ôm hôn anh lần nữa rồi rời khỏi phòng.

Sự vắng mặt của cô bé tạo ra một vực không khí lớn, như người ta thường biết tới trong ngành hàng không, có vẻ thế.

Quá ngoại lệ, ngoại lệ đến mức cô Raymond phải sửng sốt. Tóm lại là từ ngày cô làm việc cho quận trưởng đến giờ, việc này chưa bao giờ xảy ra. Đã ba lần cô đi qua phòng mà anh ta chẳng nhòm ngó gì đến cô, thôi thế còn được... nhưng ba lần cô đi vòng quanh bàn làm việc mà anh ta không lùa tay vào dưới váy cô, ngón tay trở dựng lên...

Từ vài ngày nay, Labourdin không còn là mình nữa, mắt thì lờ đờ, miệng thì trể xuống, cô Raymond có nhảy điệu bảy lớp áo thì có lẽ anh ta cũng không nhận ra. Nước da anh ta trắng bệch, đi đứng nặng nề như một người đang chờ cơn đau tim chẳng biết lúc nào sẽ ập đến. Càng tốt, cô Raymond nghĩ bụng. Chết đi, đồ chó chết. Sự suy sụp bất ngờ của thủ trưởng là niềm an ủi đầu tiên của cô kể từ ngày được nhận vào làm. Đúng là một phép lành.

Labourdin đứng dậy, từ từ khoác áo vest vào, cầm mũ và ra khỏi phòng mà không nói lời nào. Một vạt áo sơ mi lòi ra khỏi quần, cái chi tiết biến bất cứ người nào thành một kẻ cùng khổ. Trong dáng đi nặng nề của anh ta, có nét gì đó giống một con bò đang đi tới lò mổ.

Ở dinh thự Péricourt, người ta báo là ông không ở nhà.

— Tôi sẽ chờ... - anh ta nói.

Rồi anh ta đẩy cửa phòng khách, gieo mình xuống chiếc trường kỷ đầu tiên, mắt đờ đẫn, ba giờ sau, ông Péricourt bắt gặp anh ta, vẫn trong tư thế đó.

— Anh đang làm gì đây vậy? - ông hỏi.

Ông Péricourt bước vào khiến anh ta vô cùng bối rối.

— A? Chủ tịch... thưa chủ tịch... - Labourdin vừa nói vừa cố nhòm dậy.

Đó là tất cả những gì anh ta tìm được, tin chắc rằng với hai từ “chủ tịch”, anh ta đã nói hết, giải thích hết tất cả.

Dù bực mình, ông Péricourt vẫn dành cho Labourdin lòng nhân từ của một nhà nông. “Giải thích cho tôi nghe xem nào”, thỉnh thoảng ông nói với anh ta với sự kiên nhẫn mà người ta chỉ dành cho loài bò và những kẻ ngu xuẩn.

Nhưng hôm đó, ông lạnh băng, buộc Labourdin phải nỗ lực gấp đôi để nhắc người khỏi tràng kỷ rồi phân bua, thưa chủ tịch, chủ tịch hiểu cho, chẳng có gì cho phép đưa ra giả thiết đó, kể cả chủ tịch, em chắc chắn như vậy, và ai ai cũng thế, làm sao có thể tưởng tượng ra một chuyện như vậy, v.v.

Người đang nói chuyện với ông tuôn ra những từ ngữ vô bổ. Mà ông cũng chẳng nghe. Chẳng cần đi xa hơn làm gì. Labourdin vẫn tiếp tục than vãn:

— Cái gã Jules d’Epremont này, thưa chủ tịch, chủ tịch có tưởng tượng được không, gã không tồn tại!

Anh ta gần như khâm phục.

— Mà sao chứ hả! Một thành viên của Viện mà lại đang làm việc ở Mỹ nữa thì sao lại không tồn tại cho được! Dù sao, những bản phác thảo ấy, những bức vẽ tuyệt vời ấy, cái đề án tuyệt diệu ấy chắc chắn phải do ai đó làm!

Đến đoạn này, Labourdin thấy nhất thiết phải tiếp tục tấn công, nếu không đầu óc anh ta sẽ xoay mòng mòng, câu chuyện có thể kéo dài hàng giờ.

— Vậy là anh ta không tồn tại, - ông Péricourt kết luận.

— Đúng thế! - Labourdin kêu lên, thực lòng vui sướng vì có người hiểu anh ta đến thế. - Địa chỉ, 52 phố Louvre cũng không tồn tại luôn! Và chủ tịch biết đó là gì không?

Im lặng. Dù trong tình huống nào thì Labourdin vẫn mê mẩn trò ra câu đố, những kẻ ngu si thường thích gây ấn tượng.

— Bưu điện! - anh ta gào lên. - Trụ sở bưu điện! Chẳng có địa chỉ gì đâu, chỉ là một hòm thư!

Anh ta choáng ngợp trước mưu mẹo tài tình đó.

— Thế mà bây giờ cậu mới phát hiện ra...

Labourdin hiểu lời trách móc ấy như một sự khích lệ.

— Đúng thế, thưa chủ tịch! Chủ tịch thấy đấy (anh ta giơ ngón tay trở lên để nhấn mạnh cách tiếp cận tinh tế của mình), em đã nghi nghi. Quả là chúng ta đã nhận được giấy biên nhận, một bức thư đánh máy nói rõ là họa sĩ đó đang ở Mỹ, và tất cả những bức vẽ mà chủ tịch đã biết, nhưng nói cho cùng, em...

Anh ta liền bĩu môi vẻ nghi ngờ, rồi lắc đầu như muốn thể hiện điều mà ngôn từ không thể diễn đạt nổi: sự sáng suốt sâu sắc của mình.

— Và cậu đã trả tiền? - ông Péricourt lạnh lùng ngắt lời.

— Nhưng, nhưng, nhưng... Biết làm thế nào được, thưa chủ tịch? Tất nhiên là chúng ta đã trả tiền!

Anh ta chắc như đinh đóng cột.

— Không thanh toán thì không đặt hàng! Mà không đặt hàng thì không có tượng đài! Không thể làm khác được! Chúng ta đã thanh toán khoản đặt cọc cho Ký ức Tổ quốc, buộc phải như vậy mà!

Kết hợp lời nói với cử chỉ, anh ta lôi từ trong túi ra một tờ báo. Ông Péricourt giật phắt lấy. Ông giở báo ra, vẻ bực dọc. Labourdin thậm chí không để ông kịp đặt câu hỏi đang chực vọt ra khỏi miệng.

— Công ty đó cũng không tồn tại! - anh ta gào lên. - Đó là một công ty...

Anh ta đột ngột ngừng lại. Anh ta vừa quên bém mắt cái từ đã tập đi dượt lại từ hai ngày nay.

— Đó là một công ty... - anh ta tiếp tục, vì nhận ra đầu óc của mình đang vận hành gần giống như một động cơ ô tô, cứ ra sức quay tay đi và đôi khi nó khởi động lại. - Tưởng tượng! Đúng thế, tưởng tượng!

Anh ta nhăn răng cười, khá tự hào vì đã vượt qua trục trặc ngôn ngữ đó.

Ông Péricourt tiếp tục giở quyển catalogue mỏng mảnh.

— Nhưng, - ông nói, - đây là những bản thiết kế công nghiệp cơ mà.

— Ờ... đúng vậy, - Labourdin nói liêu, chẳng biết ý ông chủ tịch là gì.

— Labourdin này, chúng ta đã đặt hàng một công trình độc đáo, phải thế không?

— A...! - Labourdin kêu lên, anh ta quên câu hỏi này, nhưng lại nhớ là đã chuẩn bị câu trả lời. - Đúng, thưa chủ tịch, rất độc đáo nữa là khác! Là bởi, chủ tịch thấy đấy, Jules d'Epremont là thành viên của Viện Mỹ thuật, đồng thời là tác giả của các bản thiết kế công nghiệp và các tượng đài có thể nói là “đo ni đóng giày với từng đối tượng”! Gã này cái gì cũng biết làm!

Anh ta chợt nhớ là mình đang nói về một con người hoàn toàn tưởng tượng.

— Tóm lại... Người này đã từng cái gì cũng biết làm, - anh ta hạ giọng nói thêm, giống như đang nói về một nghệ sĩ quá cố, - và do vậy, không thể thực hiện đơn hàng.

Vừa giở quyển catalogue và xem các bản thiết kế có trong đó, ông Péricourt vừa đánh giá quy mô của vụ lừa đảo: trên toàn quốc.

Vụ bê bối này sắp trở nên khủng khiếp.

Chẳng hề quan tâm đến Labourdin, anh ta đang kéo xéch quần lên bằng cả hai tay, ông quay gót, trở về phòng và đối mặt với thất bại to lớn của mình.

Xung quanh ông, những bức vẽ đóng khung, những bản phác thảo, những hình ảnh về tượng đài của ông đang gào thét nỗi nhục nhã của chính ông.

Không phải vì số tiền đã bỏ ra, cũng không phải vì một người như ông mà lại bị lừa, không phải, điều khiến ông dẫn vật là người ta đã giễu cợt nỗi đau khổ của ông. Tiền bạc, thanh danh thì còn được, ông có thừa, và thế giới làm ăn đã dạy ông rằng thù oán vốn chẳng hay ho gì. Nhưng đem nỗi đau khổ của ông ra làm trò cười thì chẳng khác nào khinh bỉ cái chết của

con trai ông. Cũng như khinh bỉ chính con người nó trước đây. Đòi tưởng niệm đó, thay vì bù đắp toàn bộ nỗi đau mà ông đã bắt con trai mình phải chịu đựng, lại làm cho nỗi đau tăng lên gấp bội. Sự chuộc lỗi mà ông mong đợi đã biến thành lỗ bịch.

Quyển catalogue Ký ức Tổ quốc giới thiệu một loạt các sản phẩm công nghiệp với chương trình khuyến mại hấp dẫn. Họ đã bán được bao nhiêu công trình tưởng tượng? Bao nhiêu gia đình đã bỏ tiền ra để mua những ảo tưởng này? Bao nhiêu làng xã đã bị ăn cướp như ở một góc rừng, trở thành nạn nhân của sự ngây thơ của chính mình? Người nào dám cả gan, thậm chí nảy ra ý tưởng ăn cướp của chùng ấy con người bất hạnh thì quả là đáng kinh ngạc.

Ông Péricourt không phải là một người có đủ sự độ lượng để cảm thấy gần gũi với những nạn nhân mà ông nghĩ là rất đông, cũng không muốn ra tay giúp đỡ họ. Ông chỉ nghĩ đến mình, đến nỗi đau của mình, đến đứa con trai, đến câu chuyện đời mình. Điều khiến ông đau khổ, trước hết là vì ông sẽ không bao giờ có thể trở thành người cha khả dĩ bù đắp cho quá khứ. Nhưng, một cách ích kỷ hơn nữa, ông phật ý như thể người ta cố tình nhắm đến chính ông: những người đã trả tiền cho những bản thiết kế công nghiệp đó là những kẻ khờ nạn nhân của một trò lừa bịp tập thể, trong khi ông, với đơn đặt hàng một tượng đài tùy sở thích, ông cảm thấy mình là đối tượng của một sự cưỡng đoạt cá nhân.

Thất bại này làm cho lòng kiêu hãnh của ông bị tổn thương ghê gớm.

Mệt lử, chán chường, ông ngồi vào bàn rồi lại mở quyển catalogue mà ông đã vô tình vò nát. Ông cẩn thận đọc bức thư dài mà kẻ lừa đảo đã gửi cho các thị trường hay xã trưởng. Lời lẽ khôn khéo, khiến người ta yên tâm, có vẻ rất hành chính! Ông Péricourt dừng một lát trước lý lẽ hãn đã bảo đảm cho sự thành công của việc lạm dụng lòng tin người khác, chương trình khuyến mại đặc biệt đó, chắc chắn là rất hấp dẫn đối với những ngân sách khiêm tốn, hiệu ứng món hời từ trên trời rơi xuống... Và thậm chí, ngày 14 tháng Bảy rất có ý nghĩa tượng trưng đó nữa...

Ông ngẩng đầu lên, với tay xem lịch.

Những kẻ lừa đảo chưa rất ít thời gian cho khách hàng kịp phản ứng hay xác minh xem họ đang dính dáng tới ai. Miễn là họ nhận được giấy biên nhận hợp lệ cho đơn đặt hàng của mình, họ chẳng có lý do gì để mà lo lắng trước ngày 14 tháng Bảy, ngày hết hạn cái được gọi là chương trình khuyến mại đó. Hôm nay là ngày 12. Chỉ còn tính từng ngày nữa thôi. Vì chẳng ai nhắc đến chúng, những kẻ lừa đảo chắc hẳn sẽ chờ cho đến khi vơ vét được những khoản đặt cọc cuối cùng rồi mới chạy trốn. Còn về khách hàng, những người khôn ngoan nhất hoặc đa nghi nhất sẽ sớm tìm cách kiểm chứng xem liệu lòng tin của họ có được đặt đúng chỗ hay không.

Khi đó chuyện gì sẽ xảy ra?

Bê bối sẽ nổ ra. Trong một, hai hoặc ba ngày nữa. Thậm chí có thể chỉ tính bằng giờ nữa thôi.

Rồi sau đó?

Báo chí sẽ thi nhau bộc lộ cảm xúc, cảnh sát sẽ trở nên cảnh giác; các vị dân biểu, nhân danh cả dân tộc sẽ cảm thấy bị lăng nhục và sẽ phô phang lòng ái quốc...

— Tầm phào, - ông Péricourt lẩm bẩm.

Và cho dù có tìm ra bọn khốn này, dù có bắt được chúng, rồi thì sao, ba, bốn năm thẩm cứu, một vụ kiện, đến khi đó thì mọi người đã bình tĩnh trở lại cả rồi.

Kể cả mình nữa, ông nghĩ bụng.

Suy nghĩ đó chẳng làm ông nguôi ngoai: ngày mai không quan trọng, bây giờ ông đang đau khổ.

Ông gấp quyển catalogue, đưa bàn tay vuốt lại.

Jules d'Epremont và các đồng phạm, khi bị bắt (nếu một ngày nào đó bị bắt), chúng sẽ không còn là những cá nhân đơn lẻ. Chúng sẽ trở thành những hiện tượng thời sự, đích ngắm của những kẻ hiếu kỳ, như Raoul Villain*—trước đây, như Landru hiện nay.

Bị phó mặc cho cơn thịnh nộ chung, những kẻ phạm tội sẽ không thuộc về nạn nhân của chúng nữa. Còn Péricourt, ông sẽ căm ghét ai đây khi mà

bọn tội phạm này là tài sản chung của tất cả mọi người?

Tệ hơn nữa, tên ông sẽ nằm ngay trung tâm vụ án! Và nếu như không may ông là người duy nhất đặt hàng một tượng đài theo sở thích, liệu ông có là đối tượng duy nhất bị người ta mang ra bàn tán: nhìn ông ta kia, ông ta đã chi hẳn một trăm nghìn quan cho vụ này, đúng là mất tiền oan, mèo lại hoàn mèo thôi! Ông uất ức khi nghĩ đến điều đó, bởi vì, trong mắt tất cả mọi người, ông sẽ bị xem là một kẻ khờ khạo, ngờ nghệch. Ông, một nhà công nghiệp thành công rực rỡ, một chủ ngân hàng đáng gờm, lại bị những kẻ bịp bợm hạ đẳng lừa một cách ngoạn mục.

Ông không đủ ngôn từ...

Lòng tự trọng bị tổn thương khiến cho ông mù quáng.

Trong ông có điều gì đó bí ẩn và mang tính quyết định đang diễn ra: những kẻ đã phạm phải tội ác đó, ông muốn tóm được chúng, như họa hoằn lắm ông mới mong muốn điều gì đó, với một sự khát khao điên cuồng. Ông không biết sẽ làm gì, nhưng ông muốn tóm được bọn chúng, thế thôi.

Những tên đại bịp. Một băng nhóm có tổ chức. Chúng đã trốn khỏi đất nước chưa? Chắc là chưa.

Có cách nào tìm ra bọn chúng trước cảnh sát?

Lúc đó là mười hai giờ trưa.

Ông rung chuông và ra lệnh người hầu gọi con rể đến.

Mọi việc khác đình lại hết.

Henri d’Aulnay-Pradelle bước vào bưu điện rộng lớn ở phố Louvre vào khoảng giữa chiều rồi chọn một ghế ngồi từ đó có thể quan sát được những dãy hòm thư che kín cả bức tường, không xa cầu thang đồ sộ dẫn lên tầng trên.

Hòm thư số 52 nằm cách y chừng mười lăm mét. Y giả vờ chăm chú đọc báo nhưng hiểu ngay là mình không thể ngồi ở chỗ này lâu được. Trước khi động đến hòm thư, bọn gác đó chắc phải quan sát hồi lâu để xem thử có gì bất thường không và hẳn chúng sẽ không ghé vào ban trưa mà ghé vào buổi sáng. Tóm lại, bây giờ, khi đã đến tận nơi, y thấy mình đang kẹt cứng trong nỗi sợ hãi tồi tệ nhất: đối với bọn lừa đảo, nếu hôm nay chúng đến lấy những khoản thanh toán cuối cùng thì sẽ gặp nhiều rủi ro hơn là bắt tàu hỏa chạy sang tận đầu kia châu Âu hay đáp tàu thủy sang châu Phi.

Chúng sẽ không đến.

Mà với y, thời gian đã bắt đầu được tính.

Ý nghĩ đó làm y suy sụp tinh thần.

Bị nhân viên phản bội, bị các cộng sự bỏ rơi, bị bố vợ ruồng rẫy, bị vợ ruồng rẫy, chẳng còn viễn cảnh nào trước thảm họa sắp tới... Y đã trải qua ba ngày tệ hại nhất cuộc đời cho đến khi có cuộc gọi vào phút chót ấy, gã nhân viên chạy vật đó đến tìm y gấp, dòng chữ viết vội trên tấm danh thiếp của Marcel Péricourt: “Đến gặp tôi ngay.”

Thời gian để bắt taxi, đến đại lộ Courcelles, gặp Madeleine trên tầng... Vẫn nụ cười thiên thần, một con ngỗng đang đẻ trứng. Thậm chí còn có vẻ như không nhớ gì về chuyện hai ngày trước đó cô đã lạnh lùng kết án y.

— À, họ đã tìm được anh sao, anh yêu?

Như thế cô ta nhẹ nhõm cả người. Đồ dĩ khốn kiếp. Cô ta đã sai nhân viên đến tận giường của Mathilde de Beausergent để mà tìm y, chẳng hiểu làm thế nào cô ta lại biết.

— Em hy vọng họ không cắt ngang khi anh chưa đạt cực khoái! - Madeleine nói.

Và vì Henri đi ngang trước mặt cô mà không trả lời, cô nói thêm:

— À phải rồi, anh lên gặp bố... Lại là chuyện của đàn ông, các người thật là khó chịu...

Rồi cô chấp hai tay trên bụng và trở lại với công việc yêu thích nhất, đó là đoán xem chân, gót chân hay khuỷu tay đang gõ lên, con vật nhỏ bé đó tựa quạ như một con cá; cô rất thích trò chuyện với nó.

Thời gian trôi đi, rất đông khách đang chen nhau ở các quầy, tất cả các hòm thư đã được mở ngoại trừ hòm thư mà y đang theo dõi, Henri đối tư thế, đối ghế ngồi, lên tầng trên, chỗ người ta có thể vừa hút thuốc vừa quan sát được tầng trệt. Sự ăn không ngồi rồi đó đang khiến cho y chết dần chết mòn, nhưng biết làm gì khác? Y lại bắt đầu nguyên rửa lão Péricourt, tại lão mà giờ y phải đợi chờ lâu lắc ở đây một cách bất lực. Y thấy lão bị tác động rất mạnh. Lão ta rồi sẽ chết đứng, nhưng vẻ mệt mỏi thể hiện trên cả con người lão, đôi vai co rúm, đôi mắt thâm quầng... Thời gian gần đây lão có dấu hiệu yếu đi, nhưng tình trạng hiện giờ của lão có vẻ còn xuống cấp hơn nữa. Ở Jockey, người ta kháo với nhau rằng, từ cơn khó ở hồi tháng Mười một vừa rồi, lão thực sự không còn được như trước nữa. Bác sĩ Blanche, một nhân sư thực sự đấy nhé, cũng phải cụp mắt khi người ta nhắc đến Marcel Péricourt, thế là đủ biết. Triệu chứng không hề đánh lừa, trên thị trường chứng khoán, một số cổ phiếu của tập đoàn lão đã bị xuống giá. Từ đó đến giờ, giá đã tăng trở lại, nhưng dấu sao...

Henri mà bị phá sản đúng lúc lão già cứng đầu cứng cổ đó sắp nghèo, nghĩa là khi đã quá muộn, thì thật là một chuyện không thể chịu đựng nổi. Ước sao lão ta toi mạng ngay lúc này, còn hơn là sáu tháng, một năm nữa... Quả vậy, di chúc được khóa sổ, cũng như bản hợp đồng hôn nhân, nhưng Henri có một niềm tin chắc chắn vào khả năng của mình, là đạt được những

gì y muốn từ phụ nữ, phẩm chất chỉ bị phủ nhận với người phụ nữ của riêng y (thật là quá lắm). Nhưng nếu cần thiết, y sẽ huy động mọi nguồn lực, còn Madeleine thì y sẽ dễ dàng đánh bại; tài sản của lão già, y sẽ có phần, lời hứa của một quân nhân đầy. Thật là uổng phí. Y đã quá tham lam, hoặc quá vội vàng... Tìm về quá khứ cũng vô ích, đã vậy rồi, Henri là người thiên về hành động, không phải loại thích than vãn.

— Anh đang đối mặt với những phiền toái lớn, - lão Péricourt nói khi Henri ngồi trước mặt, tay vẫn cầm tấm danh thiếp truyền đạt lệnh đến gặp lão.

Henri không trả lời bởi vì đúng như vậy thật. Điều còn có thể vót vát - những vấn đề vụn vặt ở các nghĩa trang - với lời buộc tội hối lộ công chức, đã biến thành một trở ngại gần như không thể vượt qua.

Gần như. Có nghĩa là không phải hoàn toàn không thể vượt qua.

Thế mà đúng như vậy thật, nếu ông Péricourt đòi gặp y, nếu lão ta hạ mình bảo y đến, nếu như ngay cả việc cho người đến tìm y tận nơi giường ngủ của một trong những tình nhân của y mà lão cũng làm, thì có nghĩa là lão cần y kinh khủng.

Việc gì mà lão lại hạ cố gọi y đến, y, Henri d'Aulnay-Pradelle, người mà lão chỉ gọi tên một cách khinh khi? Henri chẳng hay biết gì, trừ việc y đang ở đây, trong phòng làm việc của lão già, ngồi chứ không đứng nữa, chưa xin xỏ điều gì. Một tia sáng bắt đầu lộ ra, một tia hy vọng. Y chẳng hỏi gì.

— Không có tôi, những phiền toái của anh chẳng có cách gì giải quyết.

Henri phạm phải sai lầm đầu tiên do lòng tự ái, y hơi nhăn mặt, vẻ nghi ngờ. Ông Péricourt phản ứng dữ dội, chưa bao giờ con rể ông thấy thế.

— Anh tiêu rồi! - ông gào lên. - Anh nghe không? Tiêu rồi! Với tất cả những gì mà anh đang phải gánh chịu, Nhà nước sẽ tước hết, tài sản của anh, thanh danh của anh, tất cả, anh sẽ không thể ngóc đầu lên được! Và anh sẽ chết rũ trong tù.

Henri thuộc hạng người sau một sai lầm chiến thuật quan trọng, thường có khả năng bộc lộ một linh cảm tuyệt vời. Y đứng dậy và đi ra.

— Đứng lại! - ông Péricourt kêu lên.

Chẳng chút phân vân, Henri quay lại, đi qua phòng bằng bước chân quyết đoán, chống hai tay lên bàn làm việc của bố vợ, cúi xuống và nói:

— Thôi nào, đừng làm phiền con nữa. Bố đang cần con. Con không biết là vì cái gì, nhưng mọi việc phải rõ ràng, bố có yêu cầu con việc gì đi chẳng nữa thì điều kiện con đưa ra vẫn thế. Bộ trưởng trong tay bố phải không? Tốt, thế thì bố phải đích thân đến xin ông ta, bố làm thế nào đó để quẳng vào sọt rác tất cả những gì đang buộc tội con, con không muốn có bất cứ lời buộc tội nào chống lại mình nữa.

Nói xong, y trở lại ngồi trên ghế bành, bắt chân chữ ngũ, ai cũng nghĩ là y đang ở Jockey và chờ bếp trưởng mang tới ly rượu thượng hạng. Bất cứ ai trong tình huống này cũng sẽ run rẩy, sẽ tự hỏi đối lại người ta sẽ đòi gì ở mình đây, nhưng Henri không phải vậy. Từ ba ngày nay, y lật đi lật lại thất bại đang được hứa hẹn, y cảm thấy sẵn sàng làm bất cứ việc gì. Nói tôi biết cần phải giết ai.

Ông Péricourt phải giải thích mọi thứ: việc ông đặt hàng một công trình tưởng niệm, trò lừa đảo quy mô toàn quốc mà có thể ông là nạn nhân lớn nhất, dễ thấy nhất. Henri rất lịch sự, không hề cười. Và y bắt đầu hiểu lão bố vợ sắp yêu cầu gì ở mình.

— Vụ bê bối sắp nổ ra rồi, - Marcel Péricourt giải thích. - Nếu cảnh sát tóm được bọn chúng trước khi bọn chúng chạy trốn, mọi người sẽ xâu xé bọn chúng, chính phủ, tòa án, báo chí, các hiệp hội, nạn nhân, cựu chiến binh... Tôi không muốn thế. Tìm chúng cho tôi.

— Bố muốn làm gì chúng?

— Điều này không liên quan đến anh.

Henri chắc chắn là chính Péricourt cũng chưa biết nhưng đó không phải việc của y.

— Sao lại là con? - Y hỏi.

Y vội dừng ngay lại nhưng đã quá muộn.

— Để tìm ra những kẻ bất lương thì phải có một kẻ bất lương cùng một giuộc.

Henri chịu đựng cái tát. Ông Péricourt hối hận vì đã chửi Henri, không phải bởi ông đã đi quá xa mà bởi làm vậy có thể phản tác dụng.

— Hơn nữa, gấp lắm rồi, - ông nói thêm bằng giọng hòa giải hơn. - Chỉ còn tính bằng giờ. Tôi chỉ còn trông cậy vào anh.

Khoảng sáu giờ tối, sau khoảng mười hai lần thay đổi vị trí, y phải chấp nhận sự thật hiển nhiên: chiến thuật chờ ở bưu điện Louvre không hiệu quả. Ít nhất là hôm đó. Và không ai có thể nói có ngày hôm sau hay không.

Henri có cách nào khác ngoài việc chờ những chủ nhân của hòm thư số 52 thuộc bưu điện Louvre đến như giả thiết? Xưởng in quyển catalogue đó thì sao?

— Đừng đến đó, - Péricourt đã dặn. - Anh sẽ phải hỏi han, và nếu tin tức lan ra là có người lo lắng về xưởng in đó, họ sẽ lần ngược đến các khách hàng, đến công ty rồi đến trò lừa đảo đó, và như vậy bê bối sẽ nổ ra.

Và nếu không phải xưởng in thì chỉ còn ngân hàng nữa thôi.

Ký ức Tổ quốc đã nhận các khoản thanh toán của khách hàng, nhưng để biết số tiền huy động được rót vào ngân hàng nào thì phải có thời gian, phải được phép, tất cả những thứ mà Henri không có.

Y vẫn trở lại chỗ đó: bưu điện hoặc không gì hết.

Y nghe theo tính khí của mình và lựa chọn giải pháp không tuân thủ. Dù ông Péricourt cấm, y vẫn bảo đưa đến xưởng in Rondot, phố Abbesses.

Trên taxi, y giở một lần nữa quyển catalogue Ký ức Tổ quốc mà bố vợ đã đưa cho... Phản ứng của ông Péricourt vượt quá phản ứng của một doanh nhân lợc lõi bị trở thành nạn nhân của một vụ lừa đảo, ông biến nó thành vụ việc riêng tư. Thế thì đó là gì?

Chiếc taxi bị mắc kẹt một lúc lâu ở phố Clignancourt, Henri gấp quyển catalogue lại, thoáng thán phục. Y đang truy lùng những kẻ lừa đảo lành nghề, một băng nhóm có tổ chức, có kinh nghiệm, y có ít cơ hội bởi có ít yếu tố và lại càng ít thời gian. Y không khỏi cảm thấy đôi chút thán phục trò lừa bịp tinh vi đó.

Quyển catalogue này gần như là một tuyệt tác. Nếu không phải căng mình ra để đạt được kết quả sẽ chi phối cuộc sống của y, chắc hẳn y đã mỉm cười. Thay vào đó, y tự thề với mình rằng nếu phải dùng mạng mình đổi mạng bọn chúng, y sẽ xử bằng nhóm con con đó bằng lựu đạn tấn công, bằng hơi ngạt iperit, bằng cả súng máy, nếu cần thiết, chỉ cần người ta cho y một lỗ chuột chạy để chui qua, y sẽ tàn sát bọn chúng. Y cảm thấy cơ bụng và cơ ngực căng lên, môi mím lại...

Đúng thế, y nghĩ bụng. Hãy cho tao một phần mười nghìn cơ hội, chúng mày sẽ tiêu đời.

“Cậu ấy hơi mệt”, Albert trả lời tất cả những ai ở Lutetia đang tỏ ra lo lắng vì không có tin tức gì về anh Eugène. Từ hai ngày nay, không ai nhìn thấy anh, anh không gọi ai; người ta đã quen với những món tiền hoa hồng đặc biệt, cho nên, việc dùng một cái không được nhận đồng nào nữa khiến ai cũng thất vọng.

Albert không cho người ta gọi bác sĩ đến khách sạn. Thế mà bác sĩ cũng đến, Albert hé cửa, cậu ấy khá hơn rồi, cảm ơn, cậu ấy đang nghỉ ngơi, rồi đóng cửa lại.

Édouard không khá hơn, anh chẳng hề nghỉ ngơi, ăn gì cũng nôn hết, từ cổ họng anh phát ra âm thanh của ống bể lò rền và anh vẫn chưa hạ sốt. Phải mất nhiều thời gian nữa anh mới xuống lại được. Cậu ta có đi xa được không? Albert tự hỏi. Làm thế quái nào mà cậu ta kiếm được heroin? Albert không biết chỗ heroin đó có nhiều hay không, anh chẳng biết gì hết. Và nếu lượng heroin không đủ, nếu Édouard cần những liều heroin khác trong hành trình vượt biển dài ngày, họ sẽ ra sao? Vì chưa bao giờ đi tàu thủy nên Albert rất sợ say sóng. Nếu anh không thể lo cho bạn được thì ai sẽ lo?

Khi không ngủ hoặc không nôn ọe chút ít thức ăn mà Albert cố lắm mới cho anh uống được, Édouard nhìn chăm chăm lên trần nhà, bất động; anh chỉ dậy để đi vệ sinh, Albert đứng rình. “Đừng khóa cửa đấy, anh bảo, nếu có chuyện gì mình còn ứng cứu được.” Kể cả trong nhà vệ sinh...

Anh chẳng biết nên làm thế nào.

Anh dành cả ngày Chủ nhật để chăm sóc bạn. Phần lớn thời gian, Édouard chỉ nằm dài, người nhể nhại mồ hôi, bị lên cơn co giật dữ dội và sau đó phát ra những tiếng khò khè. Albert chạy đi chạy lại giữa phòng ngủ và phòng tắm, tay luôn cầm những tấm vải ướt, gọi mang lên hàng cốc lòng

đỏ trứng đánh kem sữa, nước hầm thịt, nước ép quả. Cuối ngày, Édouard xin một liều heroin.

— Để giúp mình, - anh viết cuống quýt.

Vì yếu đuối, vì hoảng hốt trước tình trạng của bạn và lo lắng khi đã gần đến ngày đi, Albert nhận lời nhưng sau đó hối hận ngay: anh không biết xoay xử thế nào, và một lần nữa, anh nhúng tay vào một mớ bòng bong...

Cho dù cử chỉ của anh trở nên rù rờ do kích động và vô cùng mệt mỏi, có thể thấy Édouard cũng đã qua; Albert phát hiện mình bị phản bội lần nữa, anh cảm thấy bị tổn thương. Tuy nhiên, anh vẫn sắm vai phụ tá, cầm lấy bơm tiêm, quay cho bánh xe mài vào bắc bụi nhùi...

Việc này rất giống với thời kỳ họ bắt đầu ở cùng nhau. Phòng khách sạn xa hoa ở Lutetia chẳng có gì giống với bệnh viện quân y nơi hai năm trước Édouard suýt chết vì nhiễm khuẩn huyết trong khi chờ chuyển đến một bệnh viện khác ở Paris, nhưng sự gần gũi giữa hai người, sự ân cần chăm sóc mà người này dành cho người kia, cơn nghiện của Édouard, nỗi bất hạnh sâu sắc của anh, nỗi đau đớn mà Albert, với lòng độ lượng, bi quan, vụng về đang cố chặn lại, tất cả đang gọi lại cho cả hai người những kỷ niệm khó mà nói được là làm vững lòng hay gây lo ngại, chẳng khác nào một vòng tròn đang khép lại, quay về điểm xuất phát ban đầu.

Ngay sau khi tiêm xong, Édouard lên cơn co giật, như ai đó vừa đập mạnh vào lưng vừa túm tóc kéo đầu anh ra sau... Cơn co giật chỉ kéo dài một lúc; anh nằm nghiêng, có thể nhận ra qua nét mặt là anh đã thoải mái trở lại, rồi anh chìm vào trạng thái đờ đẫn khoan khoái. Hai tay buông thõng, Albert nhìn Édouard ngủ. Anh cảm thấy sự bi quan đang thẳng thế. Ngoài việc chưa bao giờ tin rằng họ sẽ thực hiện được một vụ lừa đảo kép, vừa lấy tiền ngân hàng vừa cướp quỹ quyên góp, cũng chẳng tin nếu thành công họ sẽ rời được nước Pháp, anh không biết làm thế nào có thể đáp tàu hỏa đến Marseille rồi đi tàu thủy nhiều ngày trời mà không bị ai phát hiện trong khi phải chăm sóc một người bạn đồng hành ốm yếu như thế. Đó là chưa kể Pauline, người luôn gây cho anh những vấn đề đáng e ngại: Thú nhận? Chạy trốn? Mất cô? Chiến tranh đã từng là một thử thách khủng

khiếp cho nổi cô đơn, nhưng chẳng nhằm nhò gì với thời kỳ phục viên luôn mang dáng dấp của sự rơi xuống địa ngục này; đôi khi, anh cảm thấy mình sẵn sàng ra đầu thú để kết thúc luôn cho rồi.

Tuy nhiên, và vì cần phải hành động, lợi dụng lúc Édouard đang ngủ, vào cuối buổi chiều, Albert xuống quày lễ tân và xác nhận là ông Larivière sẽ rời khách sạn vào ngày 14, lúc mười hai giờ trưa.

— Sao lại thế, anh “xác nhận”...? - Người gác cổng hỏi.

Người đàn ông đó, cao lớn, vẻ mặt nghiêm nghị, đã từng chiến đấu và đã thấy pháo nổ gần đến mức mất hẳn một cái tai. Chỉ vài xăng ti mét nữa thì có lẽ đầu anh ta cũng như đầu của Édouard, nhưng anh ta may mắn hơn: anh ta có thể giữ gọng kính bên phải bằng một mẫu băng dính có màu sắc rất hợp với đôi ngù vai giúp che khuất lỗ sọ nơi mảnh pháo găm vào sọ. Albert nghĩ đến lời đồn đại rằng có những người lính vẫn tiếp tục sống với một mảnh pháo trong đầu, mảnh pháo mà người ta không thể lấy ra, nhưng chưa ai từng gặp tận mắt những thương binh như thế. Có lẽ anh gác cổng này là một trong những kẻ chết đứng đó cũng nên. Nếu đúng như vậy thì chuyện này cũng không khiến anh ta bị giảm sút quá nhiều; anh ta vẫn còn nguyên khả năng phân biệt thế giới cao sang với thế giới thấp hèn. Anh ta nhìn mặt nhưng ít ai nhận ra. Albert thì dù có nói gì, mặc dù quần áo sạch sẽ, đôi giày bóng loáng, vẫn có cung cách dân dã, điều này có thể thấy rõ qua cử chỉ của anh, và có lẽ phần nào giọng nói của anh, hoặc sự cung kính mà anh không thể không bộc lộ trước tất cả những người mặc đồng phục, cho dù là người gác cổng đi chăng nữa.

— Như vậy là anh Eugène sẽ từ biệt chúng tôi?

Albert xác nhận. Vậy là Édouard đã không báo trước rằng mình sẽ đi. Mà cậu ta có ý định đi hay không nhỉ?

— Có chứ! - Édouard viết khi được hỏi lúc tỉnh dậy.

Anh vẽ những con chữ run run, nhưng có thể đọc được.

— Tất nhiên rồi, ta đi vào ngày 14!

— Nhưng cậu đã sẵn sàng gì đâu... - Albert nhấn mạnh. - Mình muốn nói, chẳng va li, chẳng quần áo gì cả...

Édouard lấy tay vỗ trán, mình thật là ngốc...

Với Albert, anh hầu như không bao giờ đeo mặt nạ, cái mùi hôi thối từ cổ họng và từ dạ dày lộn ngược đó đôi khi thật khủng khiếp.

Từng giờ trôi qua, Édouard dần đỡ hơn. Anh ăn trở lại, và mặc dù anh vẫn chưa đứng vững được lâu, thì vào hôm thứ Hai, tình trạng có vẻ cải thiện thực sự, nói chung là yên tâm. Albert, khi ra ngoài, bán khoản không biết có nên tạm giữ heroin và những ống moócphin còn lại, nhưng anh thấy việc này rất khó; trước hết, Édouard sẽ không để cho anh làm thế, hơn nữa, anh thiếu dũng khí, chút ít sức lực còn lại, anh dành trọn cho việc chờ đến lúc khởi hành, mong đợi từng giờ từng phút.

Bởi vì Édouard chẳng chuẩn bị gì cả, anh đi mua quần áo cho cậu ta ở Bon Marché. Để chắc chắn không mắc lỗi thẩm mỹ, anh hỏi một người bán hàng, một người chừng ba mươi tuổi, anh ta nhìn anh từ đầu đến chân. Albert muốn cái gì đó “thật lịch sự”.

— Ta tìm kiểu “lịch sự” nào đây?

Người bán hàng, rõ ràng rất quan tâm đến câu trả lời, cúi xuống Albert và nhìn chăm chăm vào mắt anh.

— Ờ, - Albert ấp úng, - lịch sự, nghĩa là...

— Vâng...?

Albert tìm... Anh chưa bao giờ nghĩ rằng “lịch sự” có thể được hiểu theo một cách khác với “lịch sự”. Anh chỉ về phía bên phải, một ma nơ canh vận đồ từ đầu đến chân, từ mũ đến giày, kể cả áo khoác.

— Tôi thấy bộ này lịch sự đấy...

— Giờ tôi hiểu hơn rồi, - người bán hàng nói.

Anh ta thận trọng lấy xuống hết, trải ra trên quầy rồi vừa lùi lại chừng một mét vừa ngắm, như để chiêm ngưỡng bức tranh của một họa sĩ bậc thầy.

— Anh rất có khiếu thẩm mỹ.

Anh ta giới thiệu thêm cà vạt và áo sơ mi, Albert giả vờ lưỡng lự, đồng ý mua tất cả rồi nhìn người bán hàng gói ghém trọn bộ quần áo, nhẹ cả

người.

— Phải thêm... một bộ nữa, - khi đó anh nói. - Để dùng tại chỗ...

— Tại chỗ à, rất tốt, - người bán hàng vừa nhắc lại vừa buộc nốt gói hàng. - Nhưng tại chỗ là ở đâu?

Albert không muốn lộ nơi đến, không đời nào, trái lại, phải nói mẹo mới được.

— Thuộc địa, - anh tuyên bố.

— Tốt...

Bỗng dưng người bán hàng tỏ ra rất quan tâm. Có thể, mới đây thôi, anh ta cũng đã có những khát khao, dự định.

— Và bộ quần áo kiểu nào nhỉ?

Những gì Albert biết về các nước thuộc địa chỉ là tạp nham với những tấm bưu thiếp, những điều người ta nói, những tranh ảnh trong các tờ tạp chí.

— Bộ nào đấy hợp với nơi đó...

Người bán hàng mím môi vẻ đã hiểu, tôi tin là chúng tôi có những gì anh cần, nhưng lần này chẳng có ma nơ canh nào mặc trọn bộ để xem trông thế nào, áo vest đây, anh thử sờ vải mà xem, kia là quần, chẳng có quần nào vừa đẹp lại vừa tiện dụng hơn, và tất nhiên, còn có mũ nữa.

— Anh chắc chắn chứ? - Albert đánh bạo hỏi.

Người bán hàng chắc chắn: chiếc mũ làm nên con người. Albert, vốn nghề chính giày mới làm nên con người, liền mua luôn theo gợi ý của anh ta. Người bán hàng cười ngoác miệng, phải chăng là do họ đang nhắc đến thuộc địa, hay do bán được hai bộ quần áo, nhưng anh ta có nét gì đó giống động vật ăn thịt đến kinh ngạc - Albert đã từng thấy nét đó ở một số tay quản lý ngân hàng, anh chẳng thích tẹo nào, suýt nói ra nhận xét đó, nhưng ở đây không nên cãi cọ làm gì, ở đây cách khách sạn có một đoạn, chưa đầy hai ngày nữa là họ đi, không nên phạm phải sai lầm để khiến mọi nỗ lực tan thành mây khói.

Albert cũng mua thêm một cái rương bằng da màu vàng hung, hai va li mới tinh đồng bộ trong đó một cái sẽ dùng để đựng tiền, một hộp các tông mũ để đựng cái đầu ngựa, rồi anh bảo người ta giao hết đến Lutetia.

Cuối cùng, anh chọn một cái hộp rất đẹp, rất nữ tính và bỏ vào đó bốn mươi nghìn quan. Trước khi quay lại chăm sóc bạn mình, anh qua bưu điện ở phố Sèvres để gửi hết cho chị Belmont, kèm theo vài dòng nói rõ là số tiền này được gửi cho Louise, “để sau này con bé lớn”, rằng anh và Édouard tin tưởng ở chị “để cất giữ số tiền cẩn thận trong khi chờ cô bé đến tuổi sử dụng”.

Khi hàng được giao đến, Édouard nhìn quần áo, gật gù thỏa mãn, thậm chí còn giơ ngón cái lên, hoan hô, hoàn hảo. Thế đấy, Albert nghĩ bụng, anh hoàn toàn không quan tâm. Rồi anh đi gặp Pauline.

Trên taxi, anh nhấm lại bài nói ngắn gọn của mình và khi đến nơi, lòng anh tràn đầy quyết tâm là sẽ nói cho Pauline biết sự thật, bởi vì lần này không còn lối thoát nữa, đã là ngày 12 tháng Bảy, anh sẽ đi vào ngày 14 nếu còn sống, và phải nói bây giờ hoặc không bao giờ. Quyết định của anh phụ thuộc vào một câu thần chú bởi vì, tự đáy lòng, anh biết mình không thể thú nhận một điều như thế.

Anh đã suy nghĩ về những lý do cho tới tận lúc này vẫn ngăn cản anh không đi đến quyết định dứt khoát. Tất cả đều xuất phát từ vấn đề đạo đức mà anh đồ rằng anh sẽ không thể vượt qua.

Pauline là cô gái có thân phận khiêm tốn, thâm nhuần giáo lý Cơ Đốc, bố là thợ, mẹ là công nhân, không ai chi li về vấn đề đạo đức và sự thành thật hơn những con người nghèo khổ này.

Albert thấy Pauline rạng rỡ hơn bao giờ hết. Anh đã mua cho cô một chiếc mũ tôn lên toàn bộ vẻ quyến rũ của khuôn mặt trái xoan hoàn hảo, của nụ cười rạng rỡ và quyến rũ.

Cảm thấy tối đó Albert bối rối, lặng lẽ hơn thường lệ, lúc nào cũng định nói gì đó nhưng lại thôi, Pauline trải qua những giây phút ngọt ngào nhất trong mối quan hệ giữa cô và anh. Cô không nghi ngờ gì nữa, anh muốn hỏi

cười cô mà chưa nói nên lời. Albert không chỉ là một con người nhút nhát, cô nghĩ bụng, anh còn có phần hay sợ sệt nữa. Đáng yêu, rất hiền lành, nhưng nếu không nói khéo để anh ấy nói ra những gì trong lòng, chắc phải chờ đến mồng thất.

Bây giờ, cô thường thức cái cách lẩn tránh của anh, cảm thấy mình được khao khát, không hối hận vì đã nhượng bộ trước sự chủ động của anh cũng như trước những khát khao của bản thân. Cô giả vờ lơ đãng nhưng tin chắc rằng đó là việc nghiêm túc. Từ nhiều ngày nay, thấy Albert vặn vẹo tay chân, cô cảm thấy rất thích thú nhưng giả vờ như không biết.

Cũng tối hôm đó (họ dùng bữa tối trong một quán ăn nhỏ ở phố Thương Mại), cái cách mà Albert nói:

— Thực ra, Pauline ạ, em biết không, anh không thích ngân hàng lắm, - anh tự hỏi không biết có nên thử việc khác hay không...

Đúng rồi, Pauline nghĩ bụng, khi có ba hay bốn đứa con thì ai lại làm việc đó, đàn ông lúc còn trẻ thì phải làm ăn.

— Thế à? - Cô hồ hững trả lời, mắt nhìn cậu bồi bàn đang mang các món khai vị đến, - việc gì vậy?

— Ở... anh chưa biết...

Có vẻ như anh đã nghĩ nhiều về câu hỏi nhưng chưa bao giờ nghĩ đến câu trả lời.

— Một kiểu kinh doanh, có thể như vậy, - Albert đánh bạo nói.

Pauline đỏ mặt lên. Kinh doanh... Đỉnh cao của sự thành công. Xem nào... “Pauline Maillard. Hàng thời trang và mỹ phẩm Paris”.

— Hừ... - Pauline trả lời. - Kinh doanh gì mới được chứ?

Hoặc thậm chí, chẳng cần đi quá xa: “Cửa hàng Maillard. Thực phẩm, hàng xén, rượu vang và rượu mạnh”.

— Thì...

Thường là thế, Pauline nghĩ thầm, Albert theo đuổi suy nghĩ của cô nhưng cô lại không theo đuổi suy nghĩ của anh...

— Có thể không hẳn là công việc kinh doanh... Đúng hơn là một công ty.

Với Pauline, người vẫn chỉ hiểu những gì mình thấy, khái niệm công ty ít rõ ràng hơn nhiều.

— Công ty gì?

— Anh đã nghĩ đến gỗ ngoại.

Pauline dừng tay, nĩa tời tây kèm xốt dầu giấm đu đưa cách miệng cô vài xăng ti mét.

— Thứ đó dùng làm gì?

Albert chuyển ngay sang thế đạp xe ngược:

— Hoặc có thể là vani, cà phê, ca cao, những thứ như vậy...

Pauline nghiêm túc đồng ý, cô thường làm thế khi không hiểu mô tê gì, nhưng “Pauline Maillard, vani và ca cao” thì thực sự không được, cô thấy chẳng ra sao cả. Cũng chẳng thấy ai có thể quan tâm.

Albert hiểu mình đã đi không đúng hướng.

— Anh chỉ nghĩ thế thôi...

Cứ thế, chuyện nọ xọ sang chuyện kia, mắc chân trong chính lập luận của mình, anh tách dần khỏi những gì mình vừa nói, anh từ bỏ ý định; Pauline tuột khỏi tay anh, anh giận mình ghê gớm, muốn đứng dậy, ra về và tự chôn mình.

Trời ơi, tự chôn mình...

Lúc nào cũng trở về với chuyện đó.

Những gì xảy ra từ ngày 13 tháng Bảy có thể được đưa vào chương trình của các trường đào tạo quân nhân chuyên chế tạo và tháo gỡ bom mìn như một ví dụ tuyệt vời về tình huống thuốc nổ dùng dây cháy chậm.

Khi tờ *Petit Journal* ra vào buổi sáng, khoảng sáu giờ rưỡi, đó mới chỉ là một mục nhỏ thận trọng, mặc dù được đăng trên trang nhất. Tên bài báo chỉ gợi lên một giả thiết, nhưng đầy hứa hẹn:

Những công trình tưởng niệm giả...

Phải chăng chúng ta sắp có một vụ bê bối tầm cỡ quốc gia?

Chỉ vồn vẹn ba mươi dòng, nhưng giữa “Hội nghị Spa kéo dài mà không đạt kết quả”, bản tổng kết cuộc chiến: “Châu Âu đã mất ba mươi lăm triệu người” và “Chương trình lễ hội ngày 14 tháng Bảy” sơ sài mà người ta đã chán ngấy khi nghe nhai đi nhai lại rằng nó chẳng nhằm nhò gì với ngày 14 tháng Bảy năm trước vốn là một dịp vô tiền khoáng hậu, thông tin khiến nhiều người quan tâm.

Bài báo nói gì? Chẳng gì cả. Đó là sức mạnh của nó, trí tưởng tượng tập thể tha hồ mà đắm chìm vào. Người ta chẳng biết mô tê gì, nhưng hóng hớt được là “có thể” các làng xã, thành phố “hình như đã” đặt hàng các công trình tưởng niệm tại một công ty mà “người ta e rằng” chỉ là một “công ty giả danh”. Không thể tỏ ra thận trọng hơn.

Henri d’Aulnay-Pradelle là một trong những người đầu tiên đọc bài báo đó. Y xuống taxi, và trong khi chờ xưởng in mở cửa (lúc đó chưa đến bảy giờ sáng), y mua tờ *Petit Journal*, nhìn thấy ngay mục nhỏ đó, điên tiết suýt ném tờ báo vào rãnh bên đường nhưng định thần lại. Y đọc đi đọc lại, cân nhắc từng từ. Y vẫn còn chút thời gian, điều đó làm y yên tâm hơn. Nhưng không nhiều, vì thế mà y càng điên tiết gấp bội.

Tay thợ mặc áo bảo hộ mở cửa xưởng in, Henri theo sát gót, xin chào, y chìa catalogue Ký ức Tổ quốc ra, các anh đã in quyển này, ai là khách hàng của các anh, nhưng người đó không phải là ông chủ.

— Kia kìa, anh ấy đến đấy.

Một người trạc tuổi ba mươi, tay mang một cái cà mèn, kiểu người trước đây làm đốc công giờ đã lấy bà chủ, anh ta đang cầm tờ *Petit Journal* cuộn lại trong tay, nhưng còn may là chưa mở. Henri khiến những người này e ngại vì mọi thứ ở y đều toát lên vẻ “ông chủ”, kiểu khách hàng chẳng quan tâm gì đến giá cả, luôn đòi hỏi cao và giàu có. Thế nên, khi Henri hỏi xem mình có thể nói chuyện với anh ta không, nhưng mà thế nào, gã cứ công nhân đáp lại, và trong khi các thợ in tipô, thợ in, thợ sắp chữ bắt đầu ngày làm việc của mình, anh ta chỉ cánh cửa kính của văn phòng nơi anh ta thường tiếp khách.

Mấy tay thợ kín đáo nhòm ngó, Henri quay người để khỏi bị nhìn thấy, rút ngay hai trăm quan và đặt lên bàn.

Mấy tay thợ chỉ nhìn thấy lưng của vị khách, y có những cử chỉ rất điềm tĩnh, mà y cũng ra về ngay, cuộc trò chuyện không kéo dài, đó là dấu hiệu xấu, y đã không đặt hàng. Thế nhưng chủ xưởng in quay lại, vẻ thỏa mãn trên mặt anh ta càng khiến họ ngạc nhiên hơn, bởi vì thông thường, anh ta không thích bỏ lỡ một vụ làm ăn. Nhận được bốn trăm quan, anh ta hết sức ngạc nhiên, chỉ để giải thích là mình không biết tên của khách hàng đó, một người vóc dáng trung bình, lúc nào trông cũng bồn chồn, lo lắng, trả một nửa giá trị đơn đặt hàng bằng tiền mặt hẳn hoi, số tiền còn lại được thanh toán hôm trước ngày giao hàng, nhưng họ không biết hàng đã được đưa đi đâu bởi có người được giao đến chở hàng; anh ta kéo xe ba gác chỉ bằng một tay, một gã cực kỳ khỏe mạnh.

— Anh ta ở quanh đây thôi.

Đó là tất cả những gì Henri khai thác được. Họ không biết đích danh người nhận chở hàng bằng xe ba gác là ai, nhưng họ đã từng gặp anh ta; người bị cụt tay bây giờ chẳng có gì đặc biệt nhưng làm nghề xe ba gác thì hiếm hơn.

— Có thể anh ta không thực sự là người ở đây, - chủ xưởng in nói, - ý em là anh ta không ở ngay trong khu phố này, nhưng có lẽ cũng ở quanh đây thôi...

Lúc đó là bảy giờ mười lăm.

Trong đại sảnh, Labourdin đứng trước ông Péricourt, mặt đỏ bừng, mắt tái mét, gần như lên cơn nhồi máu.

— Thưa chủ tịch, thưa chủ tịch (thậm chí chẳng chào hỏi gì), chủ tịch hiểu cho là chuyện này tuyệt đối không liên quan đến em!

Anh ta chìa ra tờ *Petit Journal* như thể nó đang bốc cháy.

— Nguy to rồi, thưa chủ tịch! Nhưng em xin hứa danh dự với chủ tịch...

Như thế lời hứa danh dự của anh ta có giá trị lắm.

Anh ta sắp khóc đến nơi.

Ông Péricourt cầm lấy tờ báo rồi vào giam mình trong phòng làm việc. Labourdin ở lại sảnh, không biết nên làm gì, nên về hay còn việc gì đó phải làm? Nhưng anh ta nhớ câu mà chủ tịch thường nói với mình: “Đừng bao giờ tự ý làm việc gì, Labourdin à, phải luôn chờ ý kiến của người khác...”

Anh ta quyết định chờ lệnh, ngồi vào ghế xa lông, cô người hầu xuất hiện, cô bé mà không lâu trước đó anh ta đã vâng vâng nún nún ấy, cô bé tóc nâu nhỏ bé, rất gợi tình. Cô bé đứng từ xa để hỏi xem anh ta muốn dùng gì.

— Cà phê, - anh ta nói, uể oải.

Labourdin chẳng còn thiết tha gì nữa.

Ông Péricourt đọc lại bài báo, tối nay, ngày mai, vụ bê bối sẽ bùng ra. Ông buông tờ báo lên bàn, không giận dữ, đã quá muộn rồi. Có thể nói cứ nhận thêm một tin xấu là ông lùn đi một xăng ti mét, vai trĩu xuống, lưng uốn cong, người ông thu nhỏ lại.

Khi ngồi vào bàn, ông nhìn tờ báo để ngược. Tia lửa gây ra bởi bài báo này sẽ đủ để châm ngòi nổ, ông nghĩ bụng.

Mà ông nghĩ đúng: ngay khi nắm được mẩu tin do đồng nghiệp tờ *Petit Journal* viết, các phóng viên tờ *Gaulois*, tờ *Intransigeant*, tờ *Temps*, tờ *Âm*

vang Paris đã lao đến, họ gọi taxi, liên hệ với người này người kia. Khi được hỏi, giới chức trách im lặng, dấu hiệu cho biết vụ việc có gì đó khuất tất. Ai cũng sẵn sàng vào cuộc, chắc mẩm khi mà đám cháy bùng lên, phần thường sẽ thuộc về những ai ở vị trí tiền đồn.

Hôm trước, khi mở chiếc hộp tuyệt đẹp mua ở Bon Marché về, gỡ tấm giấy lụa ra và nhìn thấy toàn bộ chỗ quần áo đáng kinh ngạc mà Albert đã mua cho mình, Édouard kêu lên một tiếng vui mừng. Mới thoạt nhìn, anh đã thích rồi. Có một chiếc quần kaki lửng ngang đầu gối, một chiếc áo sơ mi màu be, một chiếc thắt lưng có tua viền như người ta thường thấy ở những chiếc áo vest cao bồi trong các bức tranh minh họa, những đôi tất dài màu ngà, một chiếc áo vest màu hạt dẻ sáng, một đôi giày leo núi và một chiếc mũ rộng vành để chống nắng, sợ rồi nắng sẽ to đấy. Món đồ nào cũng có túi khắp nơi, nhìn phát hoảng. Một bộ đồ đi sẵn cho vũ hội hóa trang! Chỉ còn thiếu mỗi thắt lưng bao đạn và khẩu súng trường một mét bốn mươi để biến anh thành một chàng Tartarin thật hơn cả thật. Édouard khoác vào ngay và đỏ mặt lên vì sung sướng khi ngắm mình trong gương.

Nhân viên khách sạn Lutetia nhìn thấy Édouard chính trong trang phục kỳ cục đó khi đưa đồ lên theo yêu cầu của anh: một quả chanh, rượu sâm banh và xúp rau.

Anh vẫn còn mặc bộ đó khi tiêm moóc phin. Anh không biết tác hại của việc sử dụng liên tiếp moóc phin, heroin rồi lại moóc phin, có thể rất nguy hại, để rồi xem, nhưng trước mắt, anh cảm thấy thoải mái hơn, một cảm giác thư thái, yên bình.

Édouard quay về phía chiếc rương du lịch, phiên bản nhà du hành khắp thế gian, rồi bước đến mở toang cửa sổ. Anh có niềm đam mê đặc biệt với bầu trời Île-de-France, theo anh, ít nơi có được bầu trời như thế. Anh luôn yêu Paris, anh chỉ rời Paris để lên đường chiến đấu và chưa bao giờ có ý định sống ở nơi khác. Ngay cả hôm nay, quả là lạ. Hẳn là do tác dụng của thuốc phiện: chẳng có gì hoàn toàn thực cũng chẳng có gì hoàn toàn chắc chắn. Những gì bạn thấy không chính xác là thực tế, suy nghĩ của bạn bốc

hơi, những dự định của bạn chẳng khác nào ảo ảnh, bạn sống trong một cơn mơ, trong một câu chuyện không hoàn toàn thuộc về mình.

Và ngày mai không tồn tại.

Mặc dù những ngày này, đầu óc Albert đã không mấy để tâm vào việc ấy, nhưng anh vẫn cảm thấy ngỡ ngàng. Hãy tưởng tượng xem: Pauline ngồi trên giường, cái bụng thon nhỏ dẫn tới một cái rốn có viền đẹp tuyệt diệu, bầu vú tròn trĩnh trắng như tuyết, quần vú có màu hồng tinh tế đến phát khóc, và cây thánh giá mạ vàng lạc lõng đang tìm chỗ của mình... Cảnh tượng càng dễ khiến người ta cúi lòng hơn khi cô lơ đãng, chẳng hề để ý tới, tóc hãy còn rối tung bởi vì ban nãy lúc trên giường cô đã nhảy lên người Albert. “Chiến tranh đây!” cô vừa nói vừa cười to, cô tấn công anh trực diện, dũng cảm như ai, cô dễ dàng thắng thế và chẳng phải mất nhiều thời gian để anh buông vũ khí, thua cuộc, sung sướng vì sự thất bại của mình.

Họ chưa bao giờ có nhiều ngày như hôm đó để lè mề trên giường. Chỉ được vài ba lần gì đó. Pauline, ở nhà Péricourt, thường làm vào những giờ trái khoáy, nhưng lần này thì không. Còn Albert thì đã chính thức “nghỉ phép”. Ngày 14 tháng Bảy, anh phân trần, ngân hàng cho nhân viên nghỉ một ngày xả hơi. Nếu như cả đời Pauline không được thuê mượn như một người hầu việc gì cũng đến tay, hẳn cô đã ngạc nhiên khi thấy một ngân hàng mà động cái gì cũng cho, cô thấy nghĩa cử của người sử dụng lao động thật là hào hiệp.

Albert đã xuống lấy bánh mì sữa và báo; chủ khách sạn cho phép dùng bếp “chỉ để hâm nóng đồ uống”, họ được phép đun cà phê.

Pauline, trần như nhộng, lấp loáng mồ hôi vì những nỗ lực chiến đấu mà cô đã bỏ ra, uống cà phê và xem chi tiết những hoạt động lễ hội được tổ chức ngày hôm sau. Cô làm nhàu tờ báo để đọc chương trình.

— “Lễ thượng cờ và trưng đèn cho các công trình trọng điểm và các trụ sở cơ quan hành chính.” Chắc là đẹp lắm đây...

Albert cạo râu đã gần xong; Pauline thích đàn ông có ria mép - thời đó chỉ có thế - nhưng lại ghét đàn ông có má thô ráp. Nhám lăm, cô bảo.

— Ta sẽ phải đi sớm, - Pauline nói, chúm mũi vào tờ báo. - Lễ duyệt binh bắt đầu lúc 8 giờ, mà Vincennes thì nào có gần cho cam...

Trong gương, Albert nhìn Pauline, xinh đẹp vô ngần và trẻ trung một cách trơ trẽn. Bọn mình sẽ đi xem duyệt binh, anh nghĩ bụng, Pauline sẽ đi làm và sau đó mình sẽ rời xa cô ấy mãi mãi.

— Người ta sẽ bắn pháo ở Invalides và đòi Valérien! - Pauline vừa nói thêm vừa uống một ngụm cà phê.

Cô sẽ đến tìm Albert, sẽ đến đây, sẽ hỏi người ta, không, chẳng ai thấy anh Maillard cả; cô sẽ không bao giờ hiểu được, cô sẽ rất đau khổ, sẽ nghĩ ra đủ lý do để giải thích sự biến mất đột ngột đó, sẽ không chịu nghĩ rằng có thể Albert đã nói dối cô, không, không thể được, kết cục phải lãng mạn hơn thế, có lẽ anh ấy là nạn nhân của một vụ bắt cóc hay bị thủ tiêu ở đâu đó, thi thể của anh, không bao giờ tìm được, chắc là đã bị ném xuống sông Seine: Pauline sẽ không thể nguôi ngoai.

— Ôi, - cô nói, - em mới may mắn làm sao... “Xem kịch miễn phí lúc mười ba giờ tại các nhà hát sau đây: Nhà hát Nhạc kịch, Nhà hát Kịch Quốc gia, Nhà hát Hài Kịch, Odéon, Nhà hát Porte-Saint- Martin...” Mười ba giờ, đúng giờ em phải đi làm lại.

Albert thích câu chuyện anh biến mất một cách bí ẩn, trong đó anh sắm vai câm và lãng mạn thay cho thực tế quá phũ phàng.

— “Và khiêu vũ, quảng trường Nation”! Em làm xong lúc hai mươi hai giờ ba mươi, anh nói xem, đợi chúng ta đến được đó thì cũng gần xong rồi...

Những lời ấy được nói ra mà không hối tiếc. Nhìn cô ngồi trên giường ngấu nghiến những chiếc bánh mì nhỏ, Albert tự hỏi: cô có là kiểu phụ nữ không thể nguôi ngoai? Không, chỉ cần nhìn cặp vú tuyệt đẹp của cô, đôi môi tham lam của cô, lời hứa tượng trưng đó... Anh yên tâm khi nghĩ rằng mình sẽ làm cho Pauline đau khổ, nhưng không lâu, rồi anh đắm chìm

thoáng chốc trong ý nghĩ này: anh là dạng đàn ông có mắt cũng không tiếc lắm.

— Chúa ơi, - Pauline bỗng nói, - thật là độc ác...! Thật là tồi tệ...!

Albert quay đầu lại và bị cửa vào cắm.

— Gì thế? - Anh hỏi.

Anh tìm khăn, bị cửa ở chỗ đó máu chảy nhiều kinh khủng. Ít nhất thì anh có đá phèn chứ?

— Anh biết không? - Pauline nói tiếp. - Người ta đã bán các công trình tưởng niệm... (cô ngẩng đầu lên, không tin được), những công trình “giả”!

— Cái gì? Cái gì? - Albert vừa hỏi vừa quay về phía giường.

— Đúng vậy, những công trình không có thật! - Pauline nói tiếp, mặt vẫn chúm vào tờ báo. - Nhưng cẩn thận chứ, anh yêu, anh đang chảy máu, anh để máu dấy ra khắp nơi rồi này!

— Cho anh xem, cho anh xem! - Albert kêu lên.

— Nhưng anh yêu...

Cô nhường tờ báo cho anh, rất xúc động trước phản ứng của Albert. Cô hiểu. Anh đã từng chiến đấu, anh đã mất nhiều đồng đội, cho nên, khi phát hiện có những người đang tâm lừa đảo như thế, anh phần nộ là phải rồi, nhưng mà phần nộ đến mức ấy! Cô lau máu trên cằm anh trong khi anh đọc đi đọc lại bài báo ngắn.

— Bình tĩnh đi anh yêu, bình tĩnh nào! Ta có định cuồng lên thế này đâu!

Cả ngày, Henri đi ngang dọc khắp quận. Người ta đã chỉ cho y một người làm nghề vận chuyển ở phố Lamarck, số 16 hay 13 gì đó không biết, nhưng cả số 13 và số 16 đều chẳng có ai. Henri đi taxi. Một người khác nghĩ rằng có thể có một gã chuyên chở hàng thuê bằng xe ba gác trên mạn phố Caulaincourt, nhưng đó là một tòa nhà cũ kỹ, giờ đã đóng cửa.

Henri vào quán cà phê ở góc phố. Lúc đó là mười giờ sáng. Một gã kéo xe ba gác bằng một tay? Anh bảo là một người giao hàng ấy hả? Không, chẳng ai biết cả. Y tiếp tục đi dọc phố ở bên chẵn, y sẽ đi ngược lại ở bên

số lẻ nếu cần thiết, rồi sẽ đi khắp các phố trong quận, nhưng y sẽ tìm ra hẳn.

— Chỉ một tay à, chắc chẳng dễ đâu, anh chắc chắn chứ?

Vào khoảng mười một giờ, Henri đi đến phố Damrémont nơi người ta bảo đảm với y rằng người bán than, ở góc phố Ordener, có một chiếc xe ba gác. Còn việc anh ta có một tay hay không thì chẳng ai khẳng định được. Y đã mất hơn một giờ để đi dọc khắp phố khi ở góc nghĩa trang phía Bắc, một công nhân tuyên bố, vẻ tự tin:

— Nhưng tất nhiên là bọn tôi biết! Người này lập dị lắm! Anh ta ở phố Duhesme, số 44. Tôi biết, anh ta là láng giềng của em họ tôi.

Nhưng phố Duhesme làm gì có số 44, đó là một công trường xây dựng và chẳng có ai ở đó để nói cho y biết người đó hiện giờ đang ở đâu, mà người này vẫn còn đủ hai tay chứ không phải một.

Albert lao vào phòng hạng nhất của Édouard như một luồng gió.

— Xem này, xem này, đọc đi! - Anh vừa hét lên vừa giơ cao tờ báo nhàu nát ra trước mặt Édouard đang cố tỉnh ngủ.

Vào lúc mười một giờ sáng! Anh nghĩ bụng. Anh hiểu ra rằng giờ giấc chẳng liên quan gì đến sự ngái ngủ khi phát hiện ra kim tiêm và ống thuốc đã dùng lẫn lóc trên bàn đầu giường. Gần hai năm nay ở với bạn chiến đấu của mình, Albert có đủ kinh nghiệm để nhìn một cái là phân biệt được liều nhẹ và liều sẽ gây nguy hiểm. Nhìn cái cách mà Édouard thờ phì phò như ngựa, anh nhận ra lần này chỉ là một liều hỗ trợ, cho phép vô hiệu hóa những tác hại nguy hiểm nhất của cơn nghiện. Tuy nhiên, đã có bao nhiêu liều, bao nhiêu mũi tiêm sau lần dùng liều cao khiến anh và Louise sợ thót tim?

— Ổn chứ? - Anh lo lắng hỏi.

Tại sao cậu ta lại mặc bộ đồ mua ở Bon Marché, bộ đồ chỉ dùng để mặc ở các nước thuộc địa? Bộ này đâu có hợp ở Paris, thậm chí còn lỗ bịch nữa.

Albert không hỏi. Vấn đề thời sự, cấp bách lúc này là tờ báo.

— Đọc đi!

Édouard ngồi dậy, đọc, tình hân rồi ném tờ báo lên không trung và gào lên “Rrâââhhh!”, ở anh, đó là dấu hiệu vui mừng.

— Nhưng, - Albert ấp úng, - cậu chả hiểu gì cả! Họ biết cả rồi, họ sắp tìm ra ta bây giờ!

Édouard nhảy khỏi giường, lấy từ trên cái bàn lớn một chai rượu sâm banh ngâm trong xô đá rồi dốc một lượng lớn vào cổ họng mình, âm thanh đó nghe đến khiếp! Anh bật ho dữ dội và phải lấy tay ôm bụng, nhưng vẫn tiếp tục nhảy và gào lên, “rrâââhhh!”

Như trong một số cặp đôi, thi thoảng họ đổi vai cho nhau. Édouard, khi thấy vẻ hỗn loạn của bạn mình bèn vớ lấy quyển sổ giao tiếp khổ lớn rồi viết:

— Đừng lo! CHÚNG TA ĐI!

Cậu ta chả có tinh thần trách nhiệm gì cả, Albert nghĩ bụng. Anh giơ tờ báo lên.

— Nhưng mà cậu đọc đi, Chúa ơi!

Nghe thấy vậy, Édouard say sưa làm dấu nhiều lần, anh thích trò đùa đó. Rồi anh lại cầm bút viết:

— Họ không biết GÌ HẾT!

Albert lưỡng lự nhưng buộc phải công nhận: bài báo rất mơ hồ.

— Có thể lắm, - anh công nhận, - nhưng thời gian đang chống lại chúng ta đấy!

Trước chiến tranh, anh đã từng chứng kiến điều đó ở Cipale: những tay đua xe đạp đuổi theo nhau, chẳng biết ai chạy xe sau ai, khán giả rất phấn khích. Giờ đây, anh và Édouard phải chạy càng nhanh càng tốt trước khi bị chó sói ngoạm vào lưng.

— Phải đi, còn chờ gì nữa?

Anh nói thế từ nhiều tuần nay rồi. Sao lại chờ? Édouard đã kiếm được bạc triệu, thế còn chờ gì?

— Ta chờ tàu, - Édouard viết.

Rõ ràng rồi, thế mà Albert lại không nghĩ đến điều đó: cho dù họ đi Marseille ngay thì tàu cũng không vì thế mà nhổ neo sớm hơn hai ngày.

— Ta đổi vé thôi, - Albert kêu lên, - chúng ta đi chỗ khác!

— Để người ta chú ý hay sao... - Édouard viết.

Ngắn gọn nhưng rõ ràng. Khi mà cảnh sát đang truy tìm họ và vụ này đang nhan nhản trên mặt báo, liệu Albert có thể nói với nhân viên công ty hàng hải mà không gặp rủi ro gì: “Tôi phải đi Tripoli, nhưng nếu có chuyến nào đi Conakry sớm hơn một tí thì cũng đúng ý tôi, này, tôi trả khoản trội thêm bằng tiền mặt nhé”?

Đó là chưa kể Pauline...

Bỗng anh tái mặt.

Và nếu anh thú nhận với Pauline sự thật, và nếu cô vì phần nộ mà tố cáo anh? “Thật là xấu xa!” chẳng phải cô đã nói vậy sao. “Thật là độc ác!”

Căn phòng hạng sang ở Lutetia bỗng trở nên yên tĩnh. Albert cảm thấy mình bị giăng bẫy khắp nơi.

Édouard trù mẫn nắm lấy vai anh, ôm siết lấy anh.

Albert đáng thương, có vẻ như anh muốn nói thế.

Chủ xưởng in phố Abbesses đã tận dụng giờ nghỉ trưa để mở tờ báo ra. Khi đang hút điếu thuốc đầu tiên và bữa ăn đang được hâm lại, anh ta đọc bản tin ngắn. Và phát hoảng.

Anh kia sáng tinh mơ đã đến và giờ là bài báo, mẹ kiếp, uy tín xưởng in của anh ta không khéo rồi mất hết trong vụ này, bởi vì chính anh ta là người in quyển catalogue đó... Người ta sẽ đánh đồng anh ta với những kẻ bất lương đó, người ta sẽ cho anh ta là đồng phạm. Anh ta dụi tắt điếu thuốc lá, tắt bếp, khoác áo vest vào, gọi ngay một nhân viên văn phòng, anh ta phải đi vắng và vì ngày hôm sau là ngày lễ, hẹn thứ Năm gặp lại.

Henri thì nhảy từ chiếc taxi này sang chiếc taxi khác, không biết mệt mỏi, luôn nóng nảy, ngờ vực, những câu hỏi y đặt ra mỗi lúc một thêm cụt

ngủ, và càng lúc càng ít người trả lời y. Vì thế y tỏ ra nhẹ nhàng hơn, một nỗ lực rất lớn. Y đi khắp phố Poteau vào khoảng hai giờ chiều, rồi quay lại phố Lamarck, sau đó đến phố Orsel và Letort, y phân phát tiền thù lao, mười quan, hai mươi quan, phố Mont-Cenis, ba mươi quan cho người phụ nữ quả quyết với y rằng người mà y tìm tên là Parol, ngụ tại phố Coysevox. Henri mất công toi, đã ba giờ rưỡi chiều rồi.

Trong lúc đó, bài báo trên *Petit Journal* đã bắt đầu ngấm ngấm phá hoại. Người ta gọi điện thoại khắp nơi, cậu có tờ báo đó không? Đầu giờ chiều, một vài độc giả tỉnh lẻ bắt đầu gọi cho ban biên tập, giải thích là họ đã quên góp xây một tượng đài, không biết có phải người ta đang nói về họ không, bởi vì vấn đề ở đây là nạn nhân.

Ở trụ sở *Petit Journal*, người ta treo bản đồ nước Pháp, đính ghim màu lên những thành phố và làng xã có người gọi đến, từ Alsace, Bourgogne, Bretagne, France-Comté, Saint-Vizier-de-Pierlat, Villefranche, Pontiers-sur-Garonne, thậm chí từ một trường trung học ở Orleans...

Năm giờ chiều, cuối cùng, người ta được một tòa thị chính cho biết tên và địa chỉ của Ký ức Tổ quốc cũng như địa chỉ của xưởng in (cho đến lúc đó không tòa thị chính nào muốn trả lời; noi gương Labourdin, các ủy viên hội đồng thành phố đều run cầm cập).

Người ta vô cùng kinh ngạc khi đứng trước số 52 phố Louvre, chẳng có công ty nào hết; người ta chạy khắp phố Abbesses. Sáu giờ rưỡi tối, phóng viên đầu tiên đến nơi thấy cửa đóng then cài.

Khi những tờ nhật báo ra vào cuối ngày hôm đó, người ta cũng chẳng có nhiều thông tin hơn, nhưng những gì người ta biết có vẻ như đã đủ để tỏ ra chắc chắn hơn buổi sáng.

Người ta phô trương niềm tin chắc của mình:

BỌN CON BUÔN ĐÃ BÁN NHỮNG ĐÀI TƯỢNG NIỆM GIÁ

Chưa ai biết được quy mô của vụ lừa đảo.

Thêm vài giờ làm việc, gọi, trả lời, hỏi han, và các tờ báo ra buổi chiều đã có thể tỏ ra dứt khoát:

TƯỢNG ĐÀI: KÝ ỨC VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG CỦA CHÚNG TA BỊ NHAO BẮNG!

Hàng nghìn người quyên góp vô danh bị những kẻ trục lợi vô liêm sỉ lừa đảo.

VỤ BÊ BỐI BÁN CÔNG TRÌNH TƯỞNG NIỆM GIÁ

Bao nhiêu nạn nhân?

NHỜ NHUỐC THAY NHỮNG KẼ ĂN CẤP KÝ ỨC!

Bọn lừa đảo có tổ chức đã bán hàng trăm công trình tưởng niệm hoàn toàn tưởng tượng.

BÊ BỐI LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG TRÌNH TƯỞNG NIỆM: NGƯỜI TA ĐANG CHỜ CHÍNH PHỦ GIẢI THÍCH!

Nhân viên phục vụ tầng lên đưa báo mà anh Eugène đã đặt mua thấy anh đang mặc bộ quần áo thuộc địa rất rộng. Và có lông vũ.

— Sao? Có lông vũ ư? - Người ta hỏi ngay khi anh ta ra khỏi thang máy.

— Ờ đúng vậy, - anh thanh niên nói chậm rãi để kéo dài cảnh gay cấn. - Có lông vũ!

Anh ta cầm trong tay tờ năm mươi quan nhờ công đưa báo, mọi người chỉ để mắt đến tờ tiền đó, nhưng dù sao họ cũng muốn biết vụ lông vũ.

— Như bộ cánh thiên thần vậy, sau lưng. Hai cọng lông lớn, màu xanh lá cây. Rất lớn.

Người ta có tưởng tượng cũng chẳng ích gì, khó quá.

— Theo tôi, - anh ta nói thêm, - hai cọng lông này làm từ những chổi lông được tháo rời, rồi người ta dán chúng lại với nhau.

Họ đổ kị với anh này không chỉ vì cái vụ lông vũ mà còn vì anh ta đã kiếm được năm mươi quan khi mà tiếng đồn về việc anh Eugène đi vào trưa hôm sau đã lan truyền nhanh chóng; ai cũng tưởng tượng mất mát của mình, một khách hàng như thế, người ta chỉ gặp được một người trong cả đời làm việc, còn hơn thế! Mỗi anh mỗi chị tính nhăm đồng nghiệp của mình đã kiếm được bao nhiêu, lẽ ra phải đưa vào quỹ chung, họ càu nhàu. Người ta đọc được sự tiếc nuối trong ánh mắt họ, những mối hiềm thù...

Anh Eugène sẽ nhờ mua đồ bao nhiêu lần nữa trước khi biến mất đi đâu không biết? Và ai sẽ được phục vụ?

Édouard say sưa ngẫu nhiên mấy tờ báo. Chúng ta lại là những người hùng! Anh lặp đi lặp lại.

Albert chắc cũng đang làm thế nhưng lại nghĩ hoàn toàn khác.

Giờ báo chí đã biết Ký ức Tổ quốc. Mặc dù rất tức giận, họ vẫn suy tôn sự khôn khéo, sự cả gan (“của những tên lừa đảo độc nhất vô nhị”), cho dù họ thể hiện điều đó với thái độ vô cùng công phần. Chỉ còn mỗi việc lập bản kiểm kê thiệt hại trong vụ lừa đảo đó. Để làm được, nhẽ ra phải truy về ngân hàng, nhưng người ta sẽ gặp ai vào ngày 14 tháng Bảy để cho mở các ủy quan và kiểm tra sổ sách? Chẳng ai cả. Đến ngày 15 cảnh sát sẽ sẵn sàng vào cuộc, ngay từ sáng sớm. Khi đó Albert và anh đã đi xa.

Xa, Édouard nhắc lại. Và trước khi báo chí và cảnh sát truy ra Eugène Larivière và Louis Évrard, hai người lính mất tích vào năm 1918... họ đã có thời gian thăm hết vùng Trung Đông.

Những tờ nhật báo phủ kín sàn nhà, giống như những trang quyển catalogue Ký ức Tổ quốc mới in khi xưa.

Bỗng dưng, Édouard cảm thấy mệt mỏi. Anh thấy nóng. Anh thường bị bốc hỏa sau mũi tiêm, lúc trở lại với thực tế.

Anh cởi áo vest thuộc địa. Hai cánh thiên thần lỏng ra và rơi xuống đất.

Người chở hàng thuê tự xưng là Coco. Để che đậy cánh tay bị cụt trong trận Verdun, anh ta đã tự làm cho mình một bộ khung đặc biệt, bộ khung này vòng qua ngực và ôm lấy vai, nối với một thanh gỗ được chêm vào phần trước của xe ba gác. Nhiều người cụt tay, nhất là những người chỉ trông chờ vào các khoản trợ cấp của Nhà nước, đã trở thành những thiên tài sáng tạo: người ta thấy những chiếc xe nhỏ dành cho những người bị cụt chân được chế tạo hết sức tài tình, những thiết bị trong nhà làm bằng gỗ, bằng sắt, bằng da để thay thế cho tay, chân, đất nước có những người lính phục viên rất sáng tạo, rất tiếc là phần lớn không có việc làm.

Vậy là tay Coco này, với bộ yên cương buộc anh ta phải kéo xe ba gác trong tư thế đầu cúi xuống còn người thì hơi nghiêng một bên, càng khiến anh ta giống ngựa kéo hay bò cày, Henri tìm thấy anh ta ở nơi giao cắt giữa phố Carpeaux và phố Marcadet. Một lữ sau một ngày chạy khắp các phố, lục tung cả quận, Pradelle đã tiêu rất nhiều tiền cho những tin vịt. Ngay khi tìm thấy Coco, y hiểu rằng mình trúng số độc đắc; ít khi y thấy mình bất khả chiến bại như thế.

Bây chớ sẵn (Henri đã đọc báo buổi chiều) sẽ vây lấy vụ công trình tưởng niệm có liên quan nhiều tới lão Péricourt, nhưng y đi trước một bước, đủ để thắng tất cả mọi người và mang về cho lão già gàn dở đủ thông tin để lão quyết định gọi cho Bộ trưởng như đã hứa, và trong vài phút, ông ta sẽ xóa hết khoản nợ của y.

Henri sẽ lại trắng như tuyết, sẽ lại trinh nguyên, sẽ làm lại từ đầu, chưa kể những gì y đã kiếm được, cơ ngơi Sallevière đang trong quá trình tu bổ toàn bộ và một tài khoản ngân hàng vẫn đang tiếp tục hút ngân quỹ quốc gia. Y đã lao vào vụ này không chút ngại ngần; cho nên, giờ đây, khi mà y đã thuận buồm xuôi gió, rồi người ta sẽ biết Henri d'Aulnay-Pradelle thực sự là ai.

Henri bỏ tay vào túi quần trong đó y đang cầm chặt những tờ tiền năm mươi quan, nhưng khi thấy Coco ngẩng mặt lên, y chuyển sang túi kia, túi có những tờ hai mươi quan và tiền lẻ, bởi vì, với vài đồng tiền xu y cũng sẽ đạt kết quả như thế. Y thọc tay phải vào túi quần và khiến cho những đồng xu kêu leng keng. Y hỏi, cái lô hàng catalogue mà anh đã chở ở phố Abbesses ấy, à vâng, Coco nói, anh đã giao ở đâu? Bốn quan. Henri đặt bốn quan vào tay gã chở hàng thuê, anh ta cảm ơn rồi rít.

Không có gì, Henri nghĩ bụng, y đã ở trong xe taxi đi về ngõ Pers.

Ngôi nhà lớn, với một bên là barie bằng gỗ mà Coco đã miêu tả, hiện ra. Phải đẩy xe ba gác cho đến tận chân cầu thang, anh bảo làm sao tôi lại không nhớ cơ chứ, có lần, tôi đã chở đến một chiếc ghế dài, họ gọi là gì nhỉ... Tóm lại là một chiếc ghế dài, chứ còn gì nữa, lâu rồi, cách đây nhiều tháng, nhưng mà hôm đó, có người giúp tôi, trong khi với những thùng

catalogue về... tôi chả biết nữa. Coco hầu như mù chữ, chính vì thế anh ta mới phải làm nghề kéo xe ba gác.

Henri bảo tài xế taxi, chờ tôi ở kia, đưa cho anh ta một tờ mười quan, tay tài xế hài lòng, ông muốn tôi chờ bao lâu cũng được, thừa công tử.

Y mở barie, đi qua sân; giờ y đang đứng dưới bậc thang, y nhìn lên phía trên cầu thang, chẳng thấy ai; y đánh liều đi lên, về ngờ vực, sẵn sàng đối phó mọi tình huống. Ôi! Giá lúc này y có một quả lựu đạn, mà cũng chẳng cần; y đẩy cửa, căn hộ không có người ở. Đúng hơn là người đã bỏ đi. Có thể thấy điều đó qua bụi bặm, bát đĩa, không hề bữa bãi, nhưng có vẻ trống rỗng đặc biệt của những đồ đạc không người sử dụng.

Bỗng có tiếng động sau lưng y, y quay lại, chạy ra cửa. Những tiếng lạch cạch khô khan, một bé gái đang chạy xuống cầu thang, mất dạng, y chỉ thấy lưng con bé, nó mấy tuổi nhỉ, Henri không biết đoán tuổi trẻ em...

Y lục tung căn hộ, vứt hết đồ đạc xuống đất, chẳng có giấy tờ gì, chỉ có một bản catalogue Ký ức Tổ quốc dùng để kê tử!

Henri mỉm cười. Ngày y được ân xá đang đến nhanh.

Y chạy xuống bốn bậc thang một, đi vòng qua barie rồi ngược lên đầu phố, đến một ngôi nhà và bấm chuông, một lần, hai lần, vò nhàu quyển catalogue trong tay, tỏ ra bức dọc, rất bức dọc, nhưng cuối cùng cánh cửa mở ra, một người đàn bà không tuổi xuất hiện, mặt buồn rười rượi, tâm lạnh. Henri chỉ quyển catalogue, trở ngôi nhà cuối sân, tôi đang tìm những người ở trong ngôi nhà này, y nói. Y rút tiền ra. Trước mặt y không phải Coco, lần này, theo trực giác, y cầm một tờ năm mươi quan. Người đàn bà nhìn y chăm chăm, thậm chí không chìa tay ra; không biết cô ta có hiểu không, nhưng Henri tin chắc, cô ta biết. Y nhắc lại câu hỏi.

Và một lần nữa, lại vang lên những tiếng lạch cạch khe khẽ, kín đáo. Đằng kia, phía bên phải, cô bé chạy nhanh về phía cuối đường.

Henri mỉm cười với người đàn bà không tuổi, không giọng nói, không ánh mắt, một âm binh, cảm ơn, sẽ ổn cả thôi, bỏ lại tờ tiền vào túi, hôm nay tiêu tiền như thế là đủ rồi, y lại lên taxi, và bây giờ, thừa công tử, ta đi đâu?

Cách đó một trăm mét, trong phố Ramey, có xe ngựa, có taxi. Người ta thấy là con bé đã quen, nói câu gì đó với tài xế, chìa tiền ra, một đứa trẻ như thế mà lại gọi taxi, rõ ràng, kiểu gì bạn cũng thắc mắc, nhưng không lâu, con bé có tiền, một cuộc là một cuộc, nào lên xe cô bé, con bé trèo lên, taxi nổ máy.

Phố Caulaincourt, quảng trường Clichy, Saint-Lazare, họ đi vòng qua nhà thờ Madeleine. Tất cả đều được trang trí cho ngày 14 tháng Bảy. Với tư cách một người anh hùng quốc gia, Henri đánh giá rất cao. Trên cầu Concorde, y nghĩ đến điện Invalides ngay gần đó, nơi ngày mai, người ta sẽ bắn đại bác. Dù vậy, vẫn không rời mắt khỏi taxi của con bé đang đến đại lộ Saint-Germain rồi đi ngược lên phố Saints-Pères. Henri thầm khen mình, con bé mất hút, đồ bạn đoán được đấy, trong khách sạn Lutetia.

Cảm ơn công tử, Henri đưa cho tài xế gấp đôi số tiền mà y đã cho Coco, khi vui người ta đâu có tính đếm làm gì.

Ở đây, cô bé đã quen thuộc, chẳng hề lưỡng lự, trả tiền taxi xong, nó nhảy xuống vỉa hè, người phục vụ gật đầu chào, Henri còn một giây để suy nghĩ.

Hai giải pháp.

Chờ con bé, tóm cổ nó ở cửa ra vào, gập nó làm bốn bỏ vào túi, moi ruột nó ở cổng xe đầu tiên, biết được những gì muốn biết rồi ném xác nó xuống sông Seine. Thịt tươi, cá sẽ thích lắm.

Lựa chọn khác: vào khách sạn, dò la tin tức.

Y bước vào.

— Anh là...? - Người gác cổng hỏi.

— Aulnay-Pradelle (y chìa danh thiếp ra), tôi chưa đặt phòng...

Người gác cổng cầm danh thiếp. Henri xòe tay ra vẻ bất lực và tiếc nuối, nhưng cũng đồng lõa, vẻ mặt của một kẻ sắp được người ta kéo ra khỏi cơn bão rồi, một người biết tỏ lòng biết ơn, và làm cho người khác biết trước thái độ đó. Với người gác cổng, chỉ có khách tốt mới có thái độ tinh tế đến thế... Nghe này, những khách hàng giàu có. Anh đang ở Lutetia mà.

— Tôi không thấy có gì trở ngại, anh... (anh ta nhìn danh thiếp) Aulnay-Pradelle ạ. Xem nào... Phòng thường hay phòng hạng nhất?

Giữa quý tộc và đầy tớ, luôn có cơ sở để thương lượng với nhau.

— Phòng hạng nhất, - Henri nói.

Quá hiển nhiên. Người gác cổng tỉ tê, nhưng lặng lẽ, anh ta vốn thạo nghề, bỏ năm mươi quan vào túi áo.

Sáng hôm sau, ngay từ bảy giờ, đông nghịt người tập trung ở bến tàu điện ngầm, trong các tàu điện và xe buýt đi về hướng Vincennes. Dọc đại lộ Daunesnil, những dòng xe cộ dài ngoẵng vội vã, taxi, xe ngựa đủ loại, những người đi xe đạp đang chạy ngoằn ngoèo, những người đi bộ đang rảo bước. Albert và Pauline đang tạo ra một cảnh tượng lạ lùng mà không hề hay biết. Anh bước đi, mặt cúi gằm xuống đất, có cảm tưởng anh là một kẻ bướng bỉnh, một người đang phật ý hay lo âu, trong khi Pauline, mắt ngược lên trời, không ngừng vừa đi vừa nhìn quả khí cầu có dây giữ đang từ từ đung đưa trên bãi tập.

— Nhanh lên anh yêu! - Cô càu nhàu một cách dễ thương. - Ta lỡ mất phần đầu bây giờ!

Nhưng cô nói mà chẳng có ý gì cả, nói để mà nói vậy thôi. Dù sao thì khán đài cũng đã bị chiếm hết.

— Bọn súc sinh đó đến lúc mấy giờ vậy? - Pauline kêu lên, thán phục.

Người ta đã thấy những đội quân đặc nhiệm và đội quân đến từ các học viện, các đội quân thuộc địa và sau đó là pháo binh và kỵ binh xếp hàng ngay ngắn, đứng yên và run rẩy như đang có vẻ nôn nóng. Vì chẳng còn chỗ ngoài những chỗ ở khá xa, những người bán hàng rong khéo tính toán bèn nhường hòm gỗ cho những người đến chậm để họ có chỗ cao hơn, giá từ một đến hai quan; Pauline trả giá một quan rưỡi lấy hai chỗ.

Ánh mặt trời đã chiếu xuống Vincennes. Màu sắc trang phục phụ nữ và quân phục nổi bật trên những chiếc áo rơđanhgô đen và mũ cao thành của sĩ quan. Dĩ nhiên là do hiệu ứng quen thuộc từ trí tưởng tượng của dân chúng, nhưng người ta thấy những người có vị thế đang tỏ ra rất lo lắng. Có thể họ lo lắng, ít ra là một số người, vì ai cũng đã đọc tờ *Gaulois* và tờ *Petit Journal* từ sáng sớm; vụ các công trình tưởng niệm đó khuấy động tất cả

mọi người. Vụ này vỡ lở đúng vào lễ Quốc khánh dường như không phải là kết quả của sự tình cờ, đó là một dấu hiệu, như một sự thách thức. “Nước Pháp bị lăng nhục!” những báo này giật tím. “Những Người lính Hy sinh về vang của chúng ta đã bị xúc phạm”, những báo khác bồi thêm với rất nhiều chữ viết hoa. Bởi vì giờ thì chắc chắn rồi: một công ty, nhục nhã thay lại mang tên Ký ức Tổ quốc, đã bán hàng trăm công trình tưởng niệm trước khi ôm tiền biến mất; người ta nói đến một triệu quan, thậm chí hai triệu, chẳng ai có khả năng đánh giá thiệt hại. Người ta xì xào về vụ bê bối đó, vừa chờ đoàn duyệt binh vừa trao đổi với nhau những thông tin chẳng biết từ đâu mà có: không nghi ngờ gì nữa, đây “lại là một vố của bọn Đức!” Không phải, những kẻ khác chẳng biết gì hơn cũng khẳng định, nhưng bọn lừa đảo đó đã chạy trốn với hơn mười triệu, chắc chắn thế.

— Mười triệu, anh thấy không? - Pauline hỏi Albert.

— Theo anh, như thế là phóng đại quá, - anh trả lời nhỏ đến nỗi Pauline hầu như không nghe thấy.

Có người đã đòi xử tội những kẻ bịp bợm đó, thói quen ở Pháp mà, nhưng cũng bởi chính phủ “yếu mềm” quá. Tờ *Nhân đạo* trình bày rất rõ: “Việc xây dựng các công trình tưởng niệm hầu như bao giờ cũng có sự tham gia của Nhà nước dưới hình thức hỗ trợ tài chính, mà khoản hỗ trợ đó cũng khiên tốn tệ hại, ai mà tin được rằng không có quan chức nào biết vụ này?”

— Dù sao thì, một người đàn ông đứng sau, - Pauline khẳng định, - phải là những tay cực kỳ chuyên nghiệp thì mới làm được vụ đó.

Với tất cả mọi người, việc chiếm đoạt tài sản tất nhiên là xấu xa lắm, nhưng ai nấy đều không khỏi cảm thấy phần nào thán phục, thật là táo tợn!

— Đúng vậy, - Pauline nói, - bọn chúng giỏi thật, dù sao cũng phải công nhận thế.

Albert thấy khó chịu trong người.

— Chuyện gì vậy, anh yêu? - Pauline vừa hỏi vừa đặt tay lên má anh. - Anh thấy chán à? Thấy lính tráng, quân đội, anh lại nhớ chứ gì?

— Ừ, - Albert trả lời, - đúng vậy.

Rồi anh tự nhủ, trong khi những giai điệu đầu tiên của hành khúc “Sambre-et-Meuse” do đội vệ binh cộng hòa chơi vang lên và trong khi tướng Berdoulat, người chỉ huy cuộc diễu binh, giờ kiếm chào thống chế Pétain, đứng quanh là bộ tham mưu gồm các tướng tá cao cấp: mười triệu quan, ông nói thế nào, chỉ một phần mười số tiền này người ta rồi cũng sẽ lấy đầu tôi.

Lúc đó là tám giờ, anh có hẹn với Édouard ở ga Lyon lúc mười hai giờ rưỡi (“Đừng đến muộn hơn, anh đã khẩn khoản, cậu biết là mình sẽ rất lo...”), tàu đi Marseille khởi hành lúc một giờ chiều. Và Pauline sẽ ở lại một mình. Và Albert, không Pauline. Phải chăng đó là toàn bộ lời lẽ thu được?

Khi đó, trong tiếng vỗ tay, là đoàn diễu hành của sinh viên Trường Đại học Bách khoa, học viên Trường Quân sự Saint-Cyr đội mũ có gắn chùm lông tam tài, vệ binh cộng hòa và lính cứu hỏa, sau đó là những người lính tham gia Đại chiến vừa qua trong bộ quân phục màu xanh da trời, được đám đông hoan hô nhiệt liệt. Người ta hò reo: “Nước Pháp muôn năm!”

Édouard đứng trước gương khi những tiếng đại bác vinh quang vang lên từ điện Invalides. Thời gian gần đây, anh lo lắng khi nhận ra màng nhầy trong cuống họng đã chuyển sang màu đỏ son. Anh cảm thấy mệt. Đọc báo buổi sáng cũng chẳng làm cho anh vui vẻ như hôm trước. Cảm xúc già đi thật nhanh, và bởi cổ họng của anh, riêng nó thì lại già đi theo hướng tệ hại!

Khi anh có tuổi thì người ta sẽ thấy anh như thế nào nhỉ? Lỗ thủng sẽ chiếm gần hết không gian dành cho các nếp nhăn, chỉ còn mỗi cái trán. Édouard thích thú với ý nghĩ những nếp nhăn khi không tìm thấy chỗ của mình trên đôi má bị thiếu, xung quanh cặp môi bị hụt, sẽ di cư hết lên trán như những dòng sông quanh co uốn khúc đang tìm một lối ra và đổ vào dòng chảy đầu tiên mà chúng bắt gặp. Về già, trán anh sẽ bị cày xới như một thao trường bên trên một hố sâu màu son.

Anh nhìn đồng hồ. Chín giờ. Và cảm giác mệt mỏi này. Trên giường, cô hầu phòng đã trải rộng bộ trang phục thuộc địa của anh. Bộ quần áo nằm

dài ra đó, như một người chết rỗng xác.

— Anh muốn thế này đúng không? - Cô hầu phòng phân vân hỏi.

Với anh, người ta chẳng còn ngạc nhiên vì chuyện gì, nhưng dấu sao, bộ áo vest kiểu thuộc địa với những cọng lông vũ lớn màu xanh lục được may sau lưng...

— Để ra... ngoài ư? - Cô ta ngạc nhiên.

Anh trả lời bằng việc nhét vào tay cô ta một tờ tiền nhàu nát.

— Thế, - cô ta nói tiếp, - em bảo cậu phục vụ tăng đến lấy rương cho anh nhé?

Hành lý của anh sẽ được đưa đi trước, vào khoảng mười một giờ, để đưa lên tàu. Anh chỉ giữ mỗi cái túi xách cũ kỹ bên trong anh đã nhét phần tiền ít ỏi thuộc về mình. Albert vẫn luôn là người mang đi những thứ quan trọng nhất, mình sợ cậu làm mất, cậu ta nói.

Khi nghĩ đến bạn anh cảm thấy thoải mái trong lòng, thậm chí anh còn cảm thấy một niềm tự hào khó hiểu, như thế, lần đầu tiên kể từ khi họ gặp nhau, anh đã trở thành cha còn Albert thành con. Bởi vì, suy cho cùng, với những nỗi khiếp sợ, những cơn ác mộng của mình, Albert chẳng khác gì một thằng nhóc. Cũng giống như Louise, hôm qua bỗng nhiên lại đến, gặp cô bé thật là vui!

Cô bé thở không ra hơi. Một người đã đến ngõ.

Édouard cúi xuống, kể cho anh nghe nào.

Người đó tìm anh, đã lục lọi, hỏi han, chẳng ai nói gì, tất nhiên rồi. Chỉ một người. Vâng, đi taxi. Édouard vuốt má Louise và dùng ngón trỏ vẽ theo viền môi cô bé, nào, em tốt quá, em đã làm đúng, giờ thì em trốn đi, muộn rồi. Anh những muốn hôn lên trán cô bé. Nó cũng thế. Nó nhún vai, phân vân, rồi quyết định ra về.

Một người mà đi taxi thì không phải cảnh sát rồi. Một phóng viên hoạt bát hơn những đồng nghiệp khác. Anh ta đã tìm ra ngõ, thế thì sao? Không biết tên thì anh ta có thể làm được gì? Và thậm chí có biết tên thì sao? Làm

thế nào mà anh ta lần ra được Albert trong nhà trọ và anh ở đây? Hơn nữa, chỉ còn vài giờ là lên tàu rồi?

Chỉ một ít thôi, anh tự nhủ. Sáng nay không heroin, chỉ một tí moócphin. Anh phải tỉnh táo, phải cảm ơn nhân viên khách sạn, chào ông gác cổng, lên taxi, đến nhà ga, tìm được tàu, gặp lại Albert. Và khi đó... điều bất ngờ khiến anh thích thú sẽ đến. Albert chỉ cho anh thấy vé của anh, nhưng Édouard đã lục và tìm thấy vé kia, mua với tên ông và bà Louis Évrard.

Vậy là có thêm một người phụ nữ. Édouard nghi từ lâu rồi, thế quái nào Albert lại làm ra vẻ bí mật về điều này nhỉ? Thằng ranh con.

Édouard bắt đầu tiêm. Cảm giác khoan khoái đến ngay tức thì, thật nhẹ nhàng, thanh thản, anh đã chú ý đến liều lượng. Anh lại nằm trên giường và từ từ lấy ngón trỏ vẽ quanh hố sâu trên mặt. Mình và bộ quần áo của mình như hai xác chết bên nhau, anh tự nhủ, một trống không một rỗng toác.

Ngoài tỷ giá chứng khoán là thứ mà ông đọc tỉ mỉ nhất cả sáng lẫn chiều, và vài bài xã luận kinh tế chỗ này chỗ khác, ông Péricourt chẳng bao giờ đọc báo. Người ta đọc cho ông, người ta viết tóm tắt cho ông, người ta đánh dấu cho ông những thông tin quan trọng nhất. Ông không muốn bỏ cái quy tắc ấy.

Ông đã bắt gặp, trong đại sảnh, trên tủ bát đĩa, tựa đề bài báo trên tờ *Gaulois*. Tầm phào. Ông đã dự đoán là vụ bê bối đó sắp nổ ra, chẳng cần đọc báo cũng đoán được họ viết gì.

Con rể ông có sẵn lòng cũng vô ích, và đã quá muộn.

Thế mà chưa, bởi vì, vào lúc này, họ đang mặt đối mặt.

Ông Péricourt chẳng hỏi han gì, chỉ chấp tay trước mặt. Ông sẽ chờ thời gian cần thiết, nhưng sẽ không hỏi gì. Ngược lại, ông có thể đưa ra một thông tin mang tính kích động:

— Tôi đã nói chuyện với Bộ trưởng Bộ Trợ cấp qua điện thoại, về vụ của anh.

Henri chưa hình dung ra cuộc nói chuyện theo cách ấy, nhưng sao lại không chứ. Điều cốt yếu là xóa được món nợ.

— Ông ta đã xác nhận với tôi, - ông Péricourt nói tiếp, - rằng vụ việc rất nghiêm trọng, tôi đã biết thêm một số chi tiết... Thậm chí rất nghiêm trọng.

Henri thắc mắc. Lão già này phải chăng đang cố làm tăng giá đầu, đang cố thương lượng thứ mà y, Henri, đã mang về?

— Con đã tìm ra người mà bố kiếm, - y buột miệng.

— Ai thế?

Câu trả lời bật ra. Dấu hiệu tốt.

— Thế ông bạn Bộ trưởng của bố nói gì về vụ việc “nghiêm trọng” của con?

Hai người để một khoảng im lặng trôi qua.

— Nói rằng khó giải quyết lắm. Anh muốn sao bây giờ... các bản báo cáo đã được gửi đi, vụ này chẳng còn gì bí mật nữa...

Với Henri, không thể có chuyện từ bỏ, không phải lúc này; y sẽ bán cái mạng của mình với giá xứng đáng.

— Khó giải quyết không có nghĩa là “không thể giải quyết”.

— Người kia ở đâu? - Ông Péricourt hỏi.

— Ở Paris. Ngay lúc này.

Rồi y im lặng, ngẫm móng tay.

— Và anh chắc chắn đúng là anh ta?

— Chắc trăm phần trăm.

Henri đã qua đêm ở quầy rượu khách sạn Lutetia, phân vân không biết có nên báo cho Madeleine hay không, nhưng vô ích, cô ta chẳng bao giờ đi tìm y.

Những thông tin đầu tiên do nhân viên quầy rượu cung cấp, người ta chỉ nói về anh ta, cái anh Eugène ấy đến đây mười lăm ngày trước đó. Sự hiện diện của anh ta xóa mờ tất cả, những tin tức thường ngày, những lễ hội nhân ngày 14 tháng Bảy, anh ta độc chiếm mọi sự chú ý. Và khiến cho ông chủ quầy rượu phải oán hận: “Anh hình dung xem, vị khách này chỉ boa

cho những người anh ta gặp, cho nên, khi anh ta gọi rượu sâm banh, anh ta đưa tiền bo cho người đưa rượu lên, còn người chuẩn bị thì chẳng được cái đếch gì, một kẻ vô tích sự, nếu anh muốn biết suy nghĩ của tôi. Ít nhất anh không phải bạn bè gì với anh ta chứ? À! Con bé đó cũng thế, ở khách sạn người ta bàn tán về nó suốt, nhưng nó không đến đây, quầy rượu không phải chỗ dành cho trẻ con.”

Ngay từ sáng, bảy giờ đã dậy, Henri hỏi nhân viên khách sạn, hỏi cậu phụ trách tầng đưa bữa ăn sáng lên cho y, hỏi cô hầu phòng, y cũng đặt mua báo, dịp để y gặp thêm ai đó, và tất cả đều khớp. Quả đúng là vị khách này không kín đáo. Tin chắc vào khả năng thoát đẹp của mình.

Con bé tối hôm qua đã ghé giống với con bé mà y theo dõi đến từng đường nét, vậy mà nó chỉ đến gặp duy nhất một vị khách, luôn là vị khách ấy.

— Hẳn đang rời khỏi Paris, - Henri nói.

— Đi đâu? - Ông Péricourt hỏi.

— Theo con, hẳn trốn khỏi Pháp. Hẳn đi lúc mười hai giờ trưa.

Y để cho thông tin đó tiếp tục hành trình của mình, và rồi:

— Ý con thế này nhá, quá thời điểm này, sẽ rất khó tìm ra hẳn.

“Ý con thế này nhá”. Chỉ có hạng người như anh ta mới dùng những cách nói tương tự. Lạ thay, mặc dù không chăm chăm vào cách dùng từ, ông Péricourt vẫn sốc với cách nói tầm thường đó từ miệng của người mà ông đã gả con gái cho.

Tiếng nhạc quân hành vang qua cửa sổ, buộc hai người phải chờ đợi. Hẳn là có rất đông người đi theo đoàn diễu binh, họ nghe tiếng trẻ em riu rít, tiếng pháo nổ.

Yên tĩnh trở lại, ông Péricourt quyết định cắt ngang:

— Tôi sẽ nói với Bộ trưởng hộ anh và...

— Khi nào?

— Ngay khi anh nói cho tôi biết thứ tôi muốn có.

— Anh ta tên là, hoặc tự xưng là Eugène Larivière. Anh ta đã ở khách sạn Lutetia...

Nên làm cho thông tin mình cung cấp có vẻ chắc chắn, y làm được bao nhiêu thì lão già này sẽ bù lại cho y bấy nhiêu. Henri kể chi tiết: những hành động kỳ quặc của kẻ ham chơi đó, những dàn nhạc thính phòng, những chiếc mặt nạ kỳ cục để không bao giờ bị lộ mặt thật, những món tiền boa kỉnh xù, có người bảo anh ta nghiện thuốc phiện. Cô hầu phòng đã thấy bộ quần áo thuộc địa tối hôm trước, mà đặc biệt là cái rương...

— Thế nào? - Ông Péricourt ngắt lời, - lòng vũ ư?

— Vâng. Xanh lá cây. Như đôi cánh vậy.

Ông Péricourt đã hình dung ra kẻ lừa đảo từ tất cả những gì ông biết về loại người bất lương này, và nó chẳng có nét gì giống với chân dung mà thằng con rể vẽ ra. Henri hiểu rằng ông Péricourt không hề tin.

— Anh ta sống rất xa hoa, tiêu tiền như nước, tỏ ra hào hiệp hiếm thấy.

Làm rất tốt. Nói chuyện tiền nong sẽ đưa lão già quay về đúng hướng, hãy bỏ qua những dàn nhạc hay đôi cánh thiên thần, hãy nói về tiền. Một thằng ăn cắp và tiêu tiền là thứ dễ hiểu đối với một người như bố vợ y.

— Anh đã gặp hắn chưa?

À, tiếc là ở chỗ ấy. Phải trả lời thế nào đây? Henri đã đến chỗ đó, đã biết được số phòng, số 40, lúc đầu, y rất muốn gặp hắn, thậm chí có thể bắt lấy hắn, chẳng có gì khó khăn vì hắn ở một mình: y gõ cửa, hắn mở cửa, ngã sóng soài dưới đất, sau đó, một chiếc thắt lưng để trói tay lại... nhưng rồi sao?

Chính xác ông Péricourt muốn gì? Muốn giao tên ấy cho cảnh sát ư? Lão già chưa bao giờ tiết lộ ý định của mình, Henri trở lại đại lộ Courcelles.

— Hắn rời Lutetia lúc mười hai giờ trưa, - y nói. - Bố có thời gian để gọi người bắt hắn đấy.

Ông Péricourt chưa bao giờ nghĩ đến điều đó. Ông muốn tìm người đó là vì chính ông. Thậm chí, ông muốn bảo vệ cho anh ta chạy trốn còn hơn là

chia chác anh ta với những kẻ khác; ông hình dung ra một vụ bắt giữ thật ấn tượng, quá trình thẩm cứu liên miên, một phiên tòa...

— Tốt.

Trong mắt ông, cuộc nói chuyện đã kết thúc nhưng Henri vẫn đứng đó. Trái lại, y hết bỏ chân xuống rồi lại bắt tréo chân, để tỏ ra mình có thể ngồi lâu ở đây, y muốn có những gì mình xứng đáng, và sẽ chưa đi chừng nào chưa nhận được.

Ông Péricourt cầm lấy điện thoại, bảo cô trực tổng đài nối máy với Bộ trưởng Bộ Trợ cấp, theo điện thoại nhà, theo điện thoại Bộ, bất kể nơi nào, rất gấp, ông muốn nói chuyện với ông ta ngay lập tức.

Phải chờ trong bầu không khí im lặng nặng nề.

— Tốt, - ông Péricourt chậm rãi nói. - Bảo ông ta gọi điện cho tôi ngay sau đó nhé. Ừ. Cực kỳ khẩn cấp.

Rồi với Henri:

— Bộ trưởng đang dự lễ diễu binh ở Vincennes, một tiếng nữa ông ta sẽ về nhà.

Henri không thể chịu đựng được ý nghĩ là ở đó chờ một tiếng đồng hồ, hoặc hơn. Chưa bao giờ bắt tay nhau, hai người nhìn nhau, đánh giá nhau lần cuối rồi từ biệt nhau.

Ông Péricourt nghe tiếng bước chân thẳng con rẽ xa dần rồi ngồi xuống, quay lại và nhìn ra cửa sổ: một bầu trời xanh biếc.

Henri thì tự hỏi mình có nên ghé qua chỗ Madeleine.

Nào, một lần chẳng chết ai.

Trong tiếng kèn trompet, kỵ binh đi qua, hàng tấn bụi tung mù, rồi sau đó là đội trọng pháo, những cỗ máy kéo kéo theo những khẩu pháo khổng lồ, rồi đến các pháo đài nhỏ di động của các loại pháo tự động, xe bọc thép và cuối cùng là xe tăng chiến đấu, và đến mười giờ là hết. Cuộc diễu binh để lại một ấn tượng lạ lùng, vừa trọn vẹn vừa trống rỗng, ấn tượng mà

người ta cảm thấy sau vài quả pháo hoa. Đám đông từ từ quay lưng, gần như lặng lẽ, chỉ trừ bọn trẻ, sung sướng vì cuối cùng cũng được chạy nhảy.

Pauline vừa đi vừa nắm chặt tay Albert.

— Ta bắt taxi ở đâu đây? - Anh hỏi, giọng không ngữ điệu.

Họ phải ghé qua nhà trọ, Pauline sẽ thay đồ rồi đi làm.

— Thôi, - cô nói, - ta tiêu tiền thế là đủ rồi. Ta đi tàu điện ngầm đi, vẫn còn nhiều thời gian, phải không nào?

Ông Péricourt chờ cuộc gọi của Bộ trưởng. Gần mười một giờ, chuông điện thoại reo.

— À! Anh bạn thân mến, xin lỗi nhé...

Nhưng giọng của ông bạn Bộ trưởng không phải giọng của người xin lỗi. Ông ngại cuộc gọi này từ nhiều ngày nay rồi, ngạc nhiên vì chuyện này chưa xảy ra: sớm hay muộn, ông Péricourt sẽ can thiệp vì thằng con rể, hẳn nhiên rồi.

Và sẽ vô cùng phiền toái: ông Bộ trưởng mang ơn ông Péricourt rất nhiều nhưng lần này, ông không thể làm gì được, vụ nghĩa trang đã vượt qua cửa của ông, chính chủ tịch Hội đồng cũng đã tỏ ra xúc động, anh muốn làm gì bây giờ...

— Về thằng con rể của tôi ấy mà, - ông Péricourt bắt đầu nói.

— À, ông bạn ạ, thật đáng tiếc...

— Nghiêm trọng lắm à?

— Cực kỳ nghiêm trọng. Bị... quy tội rồi.

— Thế sao? Đến mức ấy à?

— Ừ đúng thế. Gian lận trong các gói thầu của Nhà nước, che giấu các công trình kém chất lượng, ăn cắp, buôn lậu, âm mưu hối lộ, không còn gì nghiêm trọng hơn.

— Được lắm.

— Sao lại được lắm?

Ông Bộ trưởng không hiểu nổi.

— Tôi muốn biết thảm họa đó quy mô đến mức nào.

— Đại họa, ông bạn Péricourt thân mến ạ, bê bối là cái chắc. Chưa kể vào lúc này, nó lan khắp nơi rồi! Với cái vụ đài tưởng niệm nữa, ông phải thừa nhận rằng bọn tôi đang trải qua một giai đoạn tệ hại... Cho nên, ông hiểu đấy, tôi đã nghĩ đến việc can thiệp cho con rể ông, nhưng mà...

— Đừng làm gì hết!

Ông Bộ trưởng không tin vào tai mình... Không làm gì ư?

— Tôi chỉ muốn biết tin, thế thôi, - ông Péricourt nói tiếp. - Tôi lo cho đứa con gái. Nhưng về Aulnay-Pradelle, cứ để cho pháp luật làm công việc của mình. Như thế là tốt nhất.

Và ông nói thêm mấy từ đầy ý nghĩa:

— Tốt cho tất cả mọi người.

Với ông Bộ trưởng, thoát khỏi vụ này mà ít thiệt hại đến mức ấy là một điều kỳ diệu.

Ông Péricourt gác máy. Lời kết án thẳng con rể mà ông vừa nói ra không chút lưỡng lự chỉ khiến ông nảy ra một ý nghĩ: mình có nên báo cho Madeleine bây giờ không?

Ông nhìn đồng hồ. Ông sẽ báo sau.

Ông gọi xe.

— Không cần tài xế, tôi sẽ tự lái.

Mười một giờ rưỡi, Pauline còn đắm chìm trong sự sáng khoái sau cuộc điểu binh, âm nhạc, những tiếng nổ và đủ loại âm thanh của động cơ. Họ vừa về đến nhà trọ.

— Dù sao, - cô vừa nói vừa cất mũ, - có một thùng gỗ tồi tàn mà cũng đòi một quan!

Albert đứng bất động giữa phòng.

— Này anh yêu, anh ốm rồi, mặt anh trắng bệch ra thế?

— Là anh đấy, - Albert nói.

Rồi anh ngồi xuống giường, cứng đờ đờ đại, nhìn Pauline chăm chăm, được rồi, anh đã thú nhận, anh không biết phải nghĩ sao về quyết định đột ngột này, cũng không biết nên nói thêm điều gì. Anh buột miệng nói ra thế, không chủ ý. Như thế đó là lời nói của kẻ khác.

Pauline nhìn anh, chiếc mũ vẫn còn cầm trên tay.

— Thế là thế nào, là anh đấy?

Albert có vẻ mệt lả, Pauline đi treo mũ rồi quay lại chỗ anh. Trắng như tuyết. Anh bị ốm, hẳn là thế rồi. Cô đặt tay lên trán anh, đúng thế thật, Albert bị sốt.

— Anh đã bị nhiễm lạnh à? - Cô hỏi.

— Anh đi đây, Pauline ạ, anh đi.

Anh nói với giọng hốt hoảng. Sự hiểu nhầm về sức khỏe của anh chẳng kéo dài thêm một giây.

— Anh đi... - cô nhắc lại, sắp òa khóc. - Anh đi? Sao lại thế? Anh bỏ rơi em ư?

Albert nhặt ở chân giường lên tờ báo vẫn còn gấp lại ở bài viết liên quan đến vụ bê bối về các công trình tưởng niệm rồi đưa cho Pauline.

— Là anh đấy, - anh nhắc lại.

Cô cần thêm vài giây nữa rồi mới hiểu. Cô liền cắn nắm tay.

— Lạy Chúa tôi...

Albert đứng lên, mở ngăn kéo tủ com mốt, cầm những chiếc vé của công ty hàng hải rồi đưa vé của mình cho Pauline xem.

— Em muốn đi với anh không?

Mắt Pauline bất động như những hòn bi ve gắn trên ma nơ canh bằng sáp, miệng cô há hốc. Cô nhìn những tấm vé rồi nhìn tờ báo nhưng vẫn không thoát khỏi nỗi kinh ngạc.

— Lạy Chúa tôi... - cô nhắc lại.

Albert liền làm việc duy nhất anh có thể làm. Anh đứng dậy, cúi xuống, kéo chiếc va li trong gầm giường, đặt nó lên tấm chăn lông rồi mở ra, rất nhiều cục tiền mệnh giá cao được xếp chặt cứng trong đó.

Pauline kêu lên một tiếng.

— Một tiếng nữa, tàu đi Marseille khởi hành, - Albert nói.

Pauline có ba giây để quyết định trở nên giàu có hay tiếp tục làm cô hầu việc gì cũng đến tay.

Cô chỉ dùng mắt có một giây.

Tất nhiên có một va li chất đầy tiền nhưng, lạ thay, điều khiến cô đi đến quyết định của mình, đó là những tấm vé bên trên có đề bằng mực xanh: “Buồng hạng nhất”. Toàn bộ ý nghĩa biểu thị của dòng chữ đó...

Bằng một cử chỉ, cô đóng sập nắp va li rồi chạy đi khoác áo vào.

Với ông Péricourt, cuộc phiêu lưu tượng đài đã kết thúc. Ông không biết tại sao mình lại đến Lutetia, ông không có ý định vào trong, cũng không có ý định gặp hoặc nói chuyện với con người đó. Cũng không có ý định tố cáo hay ngăn cản cuộc chạy trốn của anh ta. Không. Lần đầu tiên trong đời, ông chấp nhận sự thất bại của chính mình.

Ông đã thua, rõ ràng ông đã thua.

Thật là lạ, ông cảm thấy gần như nhẹ nhõm.

Thua mới đúng là con người.

Và rồi, đó là một kết cục, và ông cần một kết cục.

Ông đến Lutetia như thể ông đã ký vào giấy ghi nợ, bởi vì đó là sự dũng cảm cần thiết, bởi vì không thể làm khác được.

Đó không phải là hàng rào danh dự - trong một khách sạn lớn chẳng ai làm thế - nhưng giống lắm: tất cả những ai đã phục vụ Eugène đang chờ anh ở tầng trệt. Anh vừa ra khỏi thang máy vừa gào lên như một thằng điên, anh mặc bộ vest thuộc địa trông rất khó coi, sau lưng là đôi cánh thiên thần làm bằng lông vũ, bây giờ, người ta thấy anh rõ ràng.

Anh đang đeo không phải một trong những chiếc mặt nạ kỳ quặc cho đến lúc đó đã cùng anh đãi đằng nhân viên khách sạn, mà là chiếc mặt nạ “người thường”, đường nét cứng đờ mặc dù rất thực. Chiếc mặt nạ anh đã đeo khi đến khách sạn.

Chắc chắn đó là thứ mà người ta không bao giờ thấy lại nữa. Nhẽ ra ta phải mời thợ ảnh đến, người gác cổng tiếc nuối.

Anh Eugène, hào hiệp như lâu nay vẫn thế, phát tiền cho nhân viên, họ nói: “Cảm ơn anh Eugène”, “Tạm biệt”, những tờ tiền mệnh giá lớn, cho tất cả mọi người, như một vị thánh, hẳn vì thế mà anh có đôi cánh thiên thần. Nhưng tại sao lại xanh lá cây? Họ thắc mắc.

Mà thật là một suy nghĩ rồ dại, chuyện đôi cánh ấy, ông Péricourt nghĩ đi nghĩ lại về cuộc nói chuyện của ông với con rể. Ông chạy xe theo đại lộ Saint-Germain ít bị tắc đường, chỉ có vài chiếc xe ô tô, vài chiếc xe ngựa, trời thật đẹp. Con rể ông đã nói đến “những trò ngẫu hứng”, hẳn đã nhắc đến đôi cánh đó, tất nhiên rồi, nhưng có cả những ban nhạc nữa, không phải sao? Sự nhẹ nhõm của ông Péricourt, cuối cùng ông cũng hiểu, bắt nguồn từ việc ông đã thua một cuộc chiến mà ông không thể thắng, bởi vì thế giới này, đối thủ này không phải của ông. Người ta không thể thắng thứ gì đó mà mình không hiểu.

Thứ mà mình không hiểu, chỉ cần đơn giản chấp nhận nó, nhân viên khách sạn Lutetia đã có thể lý luận như thế khi bỏ vào túi những phúc lành mà anh Eugène ban cho, anh này vẫn luôn miệng thét gào, sỏi những bước chân dài, đầu gối giơ cao, về phía những cánh cửa rộng mở ra đại lộ, lưng đeo một cái ba lô.

Ngay cả chuyến đi này, ông Péricourt nhẽ ra có thể tránh. Sao ông lại tự tạo cho mình công việc nặng nhọc kỳ quặc như vậy? Nào, ông quyết định, tốt nhất là quay lại. Vì đã đang chạy xe trên đại lộ Raspail, ông sẽ đi qua Lutetia, sẽ rẽ phải ngay sau đó và về nhà. Kết thúc cho xong. Quyết định đó khiến ông nhẹ nhõm cả người.

Người gác cổng ở khách sạn Lutetia cũng mong muốn tấn hài kịch này kết thúc cho xong. Những vị khách khác thấy vụ hóa trang trong đại sảnh rất “tầm thường”. Và cả cơn mưa tiền biến nhân viên thành ăn mày thật là bất lịch sự, anh ta đi cho rồi!

Anh Eugène hẳn là cảm nhận được điều đó, vì anh đột ngột dừng lại, như một con thú bất ngờ được báo trước có sự xuất hiện của động vật săn mồi.

Tư thế bị tháo khớp của anh phủ nhận tính trở ngại của chiếc mặt nạ anh đeo với những đường nét cố định như bị liệt.

Bỗng anh giơ cánh tay ra phía trước, kèm theo đó là một tiếng gào rõ ràng và thẳng thắn: “Rrââhrrrr!” Rồi chỉ tay về phía một góc sảnh nơi một cô phục vụ đang quét bụi những cái bàn thấp. Anh lao về phía cô ta; cô ta kinh hãi khi nhìn thấy người đàn ông có gương mặt lạnh lùng, mặc đồ thuộc địa và đeo đôi cánh màu xanh rộng lớn đang lao về phía mình. “Lạy Chúa, tôi sợ quá, nhưng sau đó người ta cười khiếp thế. Thứ anh ta muốn đó là... cái chổi của tôi. - Chổi ư? - Đúng như tôi nói với anh.” Quả như thế, anh Eugène chớp lấy cái chổi, kê cán lên vai như thể đang vác một khẩu cạc bin dài rồi bước đi, thượng võ và khập khiễng, vẫn thét lớn theo nhịp bản nhạc vô thanh mà ai cũng có cảm giác nghe thấy.

Cứ như thế, theo bước hành quân, đôi cánh lớn huơ huơ trong không khí, Édouard đi qua cửa khách sạn Lutetia rồi xuất hiện trên vỉa hè ngập nắng.

Khi quay đầu sang trái, anh thấy một xe ô tô chạy nhanh về góc đại lộ. Anh liền ném cái chổi lên không trung rồi lao tới.

Ông Péricourt vừa tăng tốc thì nhận ra đám người tụ tập trước khách sạn và ông đi ngang qua cổng khi Édouard lao tới. Thứ duy nhất ông thấy được không phải là một thiên thần đang bay trước mắt mình như người ta có thể tưởng tượng, bởi vì, với một chân thòng lòng quét đất, Édouard không thể thực sự bay khỏi mặt đất. Anh đứng sững giữa đường, dang rộng hai tay khi xe ô tô lao tới, mắt ngược nhìn trời, cố bay lên nhưng chỉ có thế.

Hoặc gần như thế.

Ông Péricourt không thể dừng xe. Nhưng lẽ ra ông có thể phanh lại. Tê liệt trước sự đột hiện bất thần đó, - không phải một thiên thần bằng quần áo thuộc địa mà là gương mặt của Édouard, con trai ông, nguyên vẹn, bất động, giống như pho tượng, giống như một mặt nạ người chết với đôi mắt nheo lại biểu lộ sự bất ngờ rất lớn - ông không phản ứng.

Chiếc xe húc thẳng vào người thanh niên đó.

Một tiếng động ùng đục, bi thảm vang lên.

Và thiên thần bay lên thực sự.

Édouard bị hất mạnh lên không trung. Dù đó là một chuyến bay khá vô duyên, như một chiếc máy bay bị mất lái, trong tích tắc, mọi người thấy rõ cơ thể cong lại của chàng trai, ánh mắt ngược lên trời, hai tay dang rộng, như một linh hồn bay lên với Chúa. Rồi anh rơi xuống, bẹp gí trên mặt đường, đầu va mạnh vào mép vỉa hè, và thế là hết.

Albert và Pauline lên tàu ngay trước mười hai giờ trưa. Họ là những hành khách đầu tiên ổn định chỗ ngồi, cô hỏi anh tới tấp nhưng anh chỉ trả lời đơn giản.

Nghe Albert nói, thực tế có vẻ rất đáng thương.

Pauline thỉnh thoảng liếc nhìn chiếc va li mà cô để trước mặt, trên giá để hành lý.

Còn Albert thì ôm khư khư trên đầu gối cái thùng đựng mũ có chứa cái đầu ngựa của mình.

— Nhưng đó là ai, người bạn của anh ấy? - Pauline nôn nóng thăm thì.

— Một người bạn... - anh lơ đãng trả lời.

Anh không đủ nghị lực để miêu tả bạn mình, rồi Pauline sẽ thấy; anh không muốn cô sợ, không muốn cô chạy trốn, không muốn cô bỏ anh bây giờ, bởi vì tất cả sức lực của anh đã tiêu tan. Anh mệt nhoài. Sau khi anh thú nhận xong, Pauline lo mọi thứ, taxi, ga tàu, vé, những người bốc vác, nhân viên soát vé. Nếu được, Albert sẽ ngủ ngay tại đó, ngay lập tức.

Và thời gian trôi qua.

Đến lượt những hành khách khác lên, tàu đông dần, va li, rương hòm được chuyền qua cửa sổ, tiếng trẻ con khóc, sự náo nhiệt của cuộc ra đi, bạn bè, vợ chồng, bố mẹ đứng trên bến, những lời khuyên bảo, mỗi người tìm chỗ của mình, này, đây này, xin phép anh nhé?

Albert ngồi bên cửa sổ, cúi gập người, đầu cúi xuống bến, quay lại nhìn phía sau tàu, anh như một con chó đang chờ chủ.

Người ta chen anh để vào hành lang, lách qua vì anh đang chắn lối; toa đã đầy người, chỉ còn một chỗ trống, đó là chỗ của người bạn không đến.

Trước giờ khởi hành rất lâu, Albert hiểu rằng Édouard sẽ không đến. Một nỗi buồn vô bờ bến đè nặng hồn anh.

Pauline hiểu, cô nép người vào anh, hai tay nắm lấy tay anh.

Khi các nhân viên soát vé bắt đầu đi dọc bến tàu và hét lên là tàu sắp khởi hành, mọi người hãy tránh ra, Albert cúi gằm mặt và bật khóc, không tài nào dừng lại được.

Lòng anh tan nát.

Sau này, có lẽ bà Maillard sẽ kể lại: “Albert muốn đi các nước thuộc địa, được thôi, tôi cũng muốn thế. Nhưng nếu nó mà cứ như ở đây, nếu nó cứ khóc nhè trước mặt những người bản xứ thì nó sẽ chẳng làm được gì nên hồn, tôi dám nói với các anh thế đấy! Nhưng mà thôi, Albert là vậy. Biết làm sao được, nó luôn như thế.”

ĐOẠN KẾT

Ngày hôm sau, 16 tháng Bảy năm 1920, lúc tám giờ sáng, Henri d'Aulnay-Pradelle hiểu rằng ông bố vợ của y đã chơi nước bài cuối cùng: chiếu tướng, hết cờ. Nếu có thể, y đã giết lão ta.

Y bị cảnh sát thẩm vấn tại nhà riêng. Y bị buộc tội rất nặng và bị bắt tạm giam ngay lập tức. Y chỉ được ra khỏi phòng tạm giam để dự phiên tòa bắt đầu vào tháng Ba năm 1923. Y bị tuyên án năm năm tù, bao gồm ba năm tù giam, rồi sau đó tự do rời tòa nhưng sạt nghiệp.

Trong thời gian đó, Madeleine được tòa cho ly hôn chồng, nhờ các mối quan hệ của ông bố nên mọi việc đều được đẩy nhanh.

Cơ ngơi ở Sallevière bị tịch biên, tất cả các tài sản riêng của Henri bị tạm giữ. Sau khi tòa tuyên án, sau khi đã trừ hết nợ nần, nộp phạt, thanh toán phí tòa án, y không còn gì đáng kể, nhưng dù sao cũng còn một ít. Thế mà Nhà nước lại giả điếc trước mọi lá đơn xin hoàn lại tài sản của y. Chán chường, năm 1926, Henri lao vào một vụ kiện trong đó y phung phí số tài sản ít ỏi còn lại mà không bao giờ thắng.

Y buộc phải sống một cuộc sống cực kỳ khiêm tốn và chết cô độc vào năm 1961, thọ bảy mươi một tuổi.

Cơ ngơi Sallevière được giao cho một hiệp hội nằm dưới sự bảo trợ của ủy ban Cứu tế Xã hội và được chuyển thành cô nhi viện cho đến năm 1973, thời điểm xảy ra một vụ bê bối khá nhớp nhúa làm chấn động cả trại trẻ mồ côi này, quả thật khó mà gợn lại. Cơ sở bị đóng cửa. Sau đó, nó buộc phải sửa sang lại rất nhiều để có thể tiếp tục khai thác. Thế là người ta bán cho một công ty chuyên tổ chức hội nghị và hội thảo. Chính tại nơi này, vào năm 1987, đã diễn ra một cuộc hội thảo lịch sử rất hấp dẫn có chủ đề “1914-1918 – những hình thức buôn bán trong chiến tranh”.

Madeleine sinh con trai vào ngày 1 tháng Mười năm 1920. Trái với thông lệ thời đó là lấy tên của những người nhà hy sinh trong chiến tranh

để đặt cho con, cô không đặt tên con trai mình là Édouard. “Nó đã có một người cha có vấn đề, đừng thêm cho nó một người cha khác,” cô bình luận.

Ông Péricourt không nói gì, giờ đây, ông đã hiểu khá nhiều chuyện.

Con trai Madeleine không bao giờ có quan hệ thân tình với bố, không hỗ trợ phí kiện tụng, chỉ cấp cho y một khoản trợ cấp khiêm tốn và chỉ thăm y mỗi năm một lần. Chính vào dịp gặp gỡ thường niên đó mà năm 1961, anh phát hiện xác bố mình. Lúc đó bố anh đã chết được hai tuần.

Trách nhiệm của ông Péricourt trong cái chết của Édouard được loại bỏ rất nhanh. Tất cả các nhân chứng đều xác nhận rằng chàng thanh niên đã lao vào bánh xe ô tô, điều này càng khiến tầm quan trọng của sự tình cờ kỳ lạ đó trở nên khó hiểu, thật khó tin.

Ông Péricourt không ngừng lật đi lật lại những tình tiết trong kết cục bi đát đó. Ông hoàn toàn tuyệt vọng khi hiểu ra rằng con trai ông vẫn còn sống trong những tháng ngày qua, khi ông những muốn ôm chặt nó vào lòng lần đầu tiên trong đời.

Ông cũng choáng váng bởi những sự tình cờ đan xen lẫn nhau khiến cho Édouard chết dưới bánh xe của chiếc ô tô do ông lái, mà mỗi năm ông lái xe không nổi bốn lần. Ông đành chấp nhận một sự thật hiển nhiên: mặc dù không thể giải thích nhưng chẳng có sự tình cờ nào hết, đó là một tấn bi kịch. Kết cục đó, dù là thế này hay thế khác, rồi cũng phải đến bởi vì nó đã được ông trời định sẵn từ lâu.

Ông Péricourt nhật xác con trai, đưa anh về chôn trong lăng mộ gia đình. Họ khắc lên bia đá: “Édouard Péricourt 1895-1920”.

Ông trả tiền cho tất cả những người quyền góp bị cưỡng đoạt. Thật lạ, trong khi chỉ có một triệu hai trăm nghìn quan bị gian lận, thế mà chứng từ gửi đến cho ông có tổng số tiền lên đến một triệu bốn trăm ba mươi nghìn quan, đâu đâu cũng có những kẻ khôn vặt. Ông Péricourt nhắm mắt và trả tiền.

Ông dần dần từ bỏ công việc làm ăn, tránh xa giới kinh doanh, bán đi rất nhiều thứ, góp các khoản vốn đầu tư mang tên con gái và cháu trai.

Suốt quãng đời còn lại, ông mừng tượng lại ánh mắt của Édouard đối diện với mình, vào khoảnh khắc mà chiếc xe hất tung anh lên trời. Ông mất nhiều thời gian để gọi tên ánh mắt đó. Trong ánh mắt đó có thể đọc thấy niềm vui, đúng, sự khuây khỏa, đúng thế, nhưng còn thứ khác nữa.

Và một hôm, cuối cùng từ đó cũng hiện ra trong ông: Lòng biết ơn.

Đó thuần túy chỉ là tưởng tượng, dĩ nhiên rồi, nhưng khi trong đầu bạn có một ý nghĩ như thế, để rũ bỏ mọi chuyện...

Ông tìm ra từ đó vào một ngày tháng Hai năm 1927. Trong bữa ăn. Khi rời bàn ăn, ông hôn lên trán Madeleine như thường lệ, lên phòng, đi nằm, rồi chết.

Albert và Pauline đến Tripoli, rồi đến sinh sống tại Beyrouth, nơi trung tâm Liban đầy triển vọng. Người ta phát lệnh truy nã quốc tế đối với Albert Maillard.

Louis Évrard thì kiếm được giấy tờ tùy thân khá dễ dàng, chỉ mất ba mươi nghìn quan, Pauline thì thấy quá đắt.

Cô mặc cả xuống hai mươi tư nghìn.

Khi chết, bà Belmont để lại ngôi nhà ở ngõ Pers cho con gái, do không được sửa sang nên ngôi nhà đã xuống cấp rất nhiều. Ngoài ra, Louise nhận được từ công chứng viên một khoản tiền lớn và một quyển sổ trong đó mẹ cô đã cẩn thận ghi chép các nghiệp vụ, các khoản đầu tư mang tên cô, chính xác đến từng xu. Khi đó Louise mới phát hiện ra là vốn ban đầu do Albert và Édouard mỗi người để lại cho cô một khoản (Albert bốn mươi nghìn quan, Édouard sáu mươi nghìn quan).

Số phận của Louise chẳng có gì đáng chú ý cho lắm, ít ra là cho đến khi người ta gặp lại cô vào đầu những năm 1940.

Còn Joseph Merlin, người chẳng ai còn nghĩ đến nữa.

Kể cả bạn, tất nhiên rồi.

Bạn đừng lo: cuộc đời của Joseph Merlin vốn như vậy rồi, người ta ghét ông, và khi ông biến mất, người ta quên ngay ông; khi có chuyện gì đó gợi nhắc về ông thì chỉ toàn là những kỷ niệm xấu xa mà thôi.

Ông đã dành trọn một đêm để dán những tờ tiền mà Henri d'Aulnay-Pradelle đưa cho lên những tờ giấy khổ lớn bằng giấy hồ gôm. Mỗi tờ tiền là một mảnh ghép trong câu chuyện của ông, trong sự thất bại của ông, nhưng mà điều này các bạn biết hết cả rồi.

Sau khi nộp bản báo cáo chứa đầy chất nổ, bản báo cáo góp phần rất lớn vào việc kết án Henri đó, Merlin bước vào thời kỳ ngủ đông, sự nghiệp của ông đã kết thúc, cả cuộc đời ông nữa, ông nghĩ thế. Thực ra, ông nhầm.

Ông nghỉ hưu vào ngày 29 tháng Một năm 1921. Cho đến khi đó, ông bị chuyển hết từ phòng này lại sang bộ phận khác, nhưng ông đã chơi chính phủ một vở bằng bản báo cáo cũng như bằng những cuộc thanh tra ở các nghĩa trang, có đúng thì cũng vô ích, người ta chẳng bao giờ tha thứ cho những hành động đó. Thật là tai tiếng! Thời Cổ đại, khi trừng phạt những người mang tin xấu, người ta ném đá hấn đến chết. Thay vào đó, mỗi sáng, ông đến Bộ đúng giờ. Tất cả các đồng nghiệp đều tự hỏi mình có thể làm gì với khoản tiền tương đương mười năm lương: họ lại càng ghét Merlin bởi ông chẳng giữ cho mình dù chỉ hai mươi quan để đánh đôi giày to tướng, giặt bộ vest vấy đầy mực hay mua cho mình một bộ răng giả mới.

Vậy là ngày 29 tháng Một năm 1921, ông bị đẩy ra đường. Về hưu. Với khoản lương hưu theo bậc gần bằng với tiền công mà Pauline kiếm được ở nhà Péricourt.

Trong một thời gian dài, Merlin đào đi xới lại ký ức về cái đêm mà ông đã không chịu nhận khoản tiền lớn vì lợi ích của một cái gì đó ít giá trị hơn, nhưng là giá trị đạo đức, cho dù ông vốn chẳng thích đào to búa lớn. Vụ xác lính bị đào lên vẫn tiếp tục làm ông xúc động khi đã về hưu. Phải đến khi đã sống ổn định, ông mới quan tâm tới người khác và bắt đầu đọc báo. Chính qua báo chí mà ông được tham dự vào cuộc bắt giữ Henri d'Aulnay-Pradelle và vụ xử án nổi tiếng liên quan đến những kẻ mà người ta gọi là “những con buôn cái chết”. Ông khoái chí đọc bản tường thuật lời khai

nhân chứng của chính mình trước tòa, mà tòa cũng chẳng tỏ lòng khâm phục ông là mấy, cánh nhà báo chưa bao giờ ưa vị nhân chứng quái gở này, trông bề ngoài ông thật tệ hại, lại còn xô đẩy họ trên bậc thang tòa án khi họ cố phỏng vấn ông.

Sau đó, thời sự cũng qua đi, người ta không quan tâm đến vụ này nữa.

Còn lại những nghi thức tưởng niệm, những người chết và vinh quang. Tổ quốc. Merlin tiếp tục đọc báo, không biết theo tiếng gọi của nghĩa vụ nào. Ông không có điều kiện mua nhiều báo vào mỗi buổi sáng, vì thế ông đến nhiều chỗ khác nhau, thư viện, quán cà phê, sảnh khách sạn, nơi ông có thể đọc miễn phí. Chính nhờ thế mà vào tháng Chín năm 1925, ông đọc được một thông báo ngắn và ông đã trả lời. Người ta tuyển một người bảo vệ nghĩa trang liệt sĩ Saint-Sauveur. Ông được tiếp, xuất trình lý lịch công tác và được tuyển vào làm.

Trong nhiều năm liền, nếu bạn có đi qua Saint-Sauveur, dù tiết trời đẹp hay xấu, chắc chắn bạn sẽ thấy ông Merlin đang dùng bàn chân đi đôi giày đế gỗ đập lười xéng lún sâu xuống lớp đất trấu nặng nước mưa, để bảo dưỡng những bồn hoa và những lối đi.

HẾT

• Chú thích •

[1] Các chính khách Pháp thuộc đủ mọi khuynh hướng, từ xã hội cho đến bảo hoàng, phát xít. [2] Một nhân vật hài kịch Ý. [3] Tác giả chơi chữ: “balle” trong tiếng Pháp vừa chỉ những quả bóng dùng khi quay xổ số vừa có nghĩa là viên đạn. [4] Nguyên bản là “légion d’horreur”, tác giả nói trại từ “légion d’honneur” là Bắc đẩu bội tinh, một huân chương cao quý của Chính phủ Pháp. “Horreur” có nghĩa là “nỗi kinh sợ”. [5] Tức Jacopo Robusti (1518-1594), họa sĩ người Ý, thời Phục hưng. [6] Sandro Botticelli (1445-1510), họa sĩ người Ý, một trong những họa sĩ nổi tiếng nhất thời Phục hưng. [7] Michelangelo Merisi da Caravaggio (1571-1610), họa sĩ nổi tiếng người Ý. Ông theo chủ nghĩa tự nhiên và chủ nghĩa hiện thực. [8] Jerome Bosch (1450-1516), họa sĩ nổi tiếng người Hà Lan. [9] Bức tranh khỏa thân nữ nổi tiếng của Gustave Courbet, được vẽ năm 1866. [10] Joseph Joffre (1852-1931), thống chế Pháp gốc Catalan, tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp từ 1914 đến 1916 trong Thế chiến thứ nhất, người đã lập công lớn trong chiến thắng của Liên minh trận Marne, được phong thống chế Pháp vào năm 1916. [11] Philippe Pétain (1856-1951), nhà quân sự, nhà ngoại giao và chính trị gia người Pháp, thường được gọi là thống chế Pétain, là thủ tướng trong chính phủ Vichy từ năm 1940 đến năm 1944. [12] Robert Georges Nivelle (1856-1924), sĩ quan pháo binh người Pháp và trở thành tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp trong Thế chiến thứ nhất từ năm 1916 đến năm 1917. [13] Joseph Simon Gallieni (1849-1916), nhà quân sự người Pháp, được phong thống chế năm 1921, sau khi mất. [14] Erich Ludendorff (1865-1937), một tướng lĩnh và chiến lược gia quân sự quan trọng của Đế quốc Đức. Ông được xem là nhà lãnh đạo tiêu biểu nhất của Đức trong Thế chiến thứ nhất, trở thành vị anh hùng chiến tranh của nước Đức thời đó. [15] Mikhail Koutouzov (1745-1813), vị tướng quân đội người Nga, thời Sa hoàng Alexandre đệ nhất. [16] Nhân vật thanh tra trong tác phẩm *Những người khốn khổ* của Victor

Hugo. ^[17] Nhân vật trong *Chiến tranh và hòa bình* của Léon Tolstoi, con gái công tước Nicolas Bolkonsky. ^[18] Một trong những nhân vật chính trong *Chiến tranh và hòa bình* của Léon Tolstoi, một nhân vật độc đoán và cố chấp. ^[19] Quái vật trong thần thoại Do Thái. ^[20] Nhân vật thường xuất hiện trong các vở kịch của Molière. ^[21] Vở nhạc kịch của Ruggero Leoncavallo, Ý. ^[22] Hãng xe ô tô và thiết bị hàng không Tây Ban Nha. ^[23] Georges Guynemer (1894-1917), phi công nổi tiếng người Pháp trong *Chiến tranh thế giới thứ nhất*. ^[24] Ferdinand Foch (1851-1929), Thống chế Pháp, Anh và Ba Lan. ^[25] Tượng nữ thần chiến thắng Niké, Hy Lạp, được đúc vào khoảng năm 190 trước Công nguyên. Sau khi phục chế, tượng chỉ còn một cánh, không đầu. Hiện được trưng bày ở Bảo tàng Louvre. ^[26] Henri Désiré Landru (1869-1922), kẻ giết người hàng loạt người Pháp, được mệnh danh là Yêu râu xanh Gambais. ^[27] Một địa danh nằm ngay trong thành phố Paris. ^[28] Raoul Villain (1885-1936) bị kết tội sát hại Jean Jaures, thủ lĩnh phe xã hội tại Pháp từ năm 1898 đến năm 1914.

Table of Contents

THÁNG MƯỜI MỘT NĂM 1918

1
2
3
4
5
6
7
8
9

THÁNG MƯỜI MỘT NĂM 1919

10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25

THÁNG BA NĂM 1920

26

27

28

29

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

40

41

42

ĐOẠN KẾT

• Chú thích •